CÁC THÔNG ĐIỆP CỦA ĐỨC CỐ GIÁO HOÀNG PHANXICÔ

VŨ VĂN AN
THU THẬP VÀ CHUYỂN NGỮ

1.Thông Điệp Ánh Sáng Đức Tin (Lumen Fidei) của Đức Giáo Hoàng Phanxicô

1. Ánh sáng đức tin: đó là cách truyền thống Giáo Hội nói về hồng phúc do Chúa Giêsu mang tới. Trong Tin Mừng Gioan, Chúa Kitô tự nói về Người: "Ta đến như ánh sáng bước vào trần gian, để bất cứ ai tin vào Ta sẽ không còn ở trong bóng tối nữa" (Ga 12:46). Thánh Phaolô sử dụng cùng một hình ảnh: "Thiên Chúa, Đấng từng phán 'ánh sáng hãy chiếu soi từ trong bóng tối' đã chiếu soi tâm hồn chúng tôi" (2Cor 4:6). Thế giới ngoại giáo, một thế giới khao khát ánh sáng, đã nhìn thấy sự phát triển của việc tôn thờ thần mặt trời, *Sol Invictus*, mà họ kêu cầu mỗi ngày vào lúc bình minh. Ấy thế nhưng dù mặt trời mỗi sáng mỗi mới, rõ ràng nó vẫn không có khả năng chiếu sáng toàn bộ cuộc nhân sinh. Mặt trời không chiếu soi mọi thực tại; các tia sáng của nó không thể vào sâu trong bóng sự chết, nơi mà mắt con người không thấy ánh sáng của nó. Thánh Giustinô Tử Đạo viết rằng "Không ai sẵn sàng chết vì niềm tin của mình vào mặt trời" (1). Ý thức được chân trời mênh mông mà đức tin mở ra trước mắt họ, các Kitô hữu đã kêu cầu Chúa Giêsu như là mặt trời đích thực "với tia sáng ban sự sống" (2). Với Mácta, đang khóc thương cái chết của em trai mình là Ladarô, Chúa Giêsu bảo: "Tôi đã chẳng nói với chị rằng nếu chị tin, chị sẽ thấy vinh quang Thiên Chúa đó sao?" (Ga 11:40). Ai tin, sẽ thấy; họ thấy bằng thứ ánh sáng đang soi sáng trọn cuộc hành trình của họ, vì ánh sáng này phát xuất từ Chúa Kitô phục sinh, sao mai không bao giờ lặn.

Một ánh sáng ảo?

2. Ấy thế nhưng, khi nói tới ánh sáng đức tin, ta gần như nghe được phản bác của nhiều người cùng thời với ta. Thời hiện đại, ánh sáng này bị coi chỉ đủ cho các xã hội thời xưa, nhưng vô dụng đối với thời mới, đối với một nhân loại đang thành hình, một nhân loại tự hào về tính hữu lý của mình và luôn muốn khám phá tương lai một cách mới mẻ. Do đó, đối với một số người, đức tin mang dáng dấp của một ánh sáng ảo, ngăn không cho nhân loại mạnh dạn lên đường tìm kiếm nhận thức. Nietzsche lúc còn trẻ từng khuyến khích chị mình là Elisabeth mạo hiểm, dám dẫm chân lên "những nẻo đường mới… với tất cả những điều không chắc chắn của một người phải tìm ra con đường riêng cho mình". Ông nói thêm: "đây là nơi con đường của nhân loại bắt đầu: nếu chị muốn có bình an cho linh hồn và hạnh phúc, thì chị tin đi, nhưng nếu chị muốn theo đuổi chân lý, chị phải tìm kiếm" (3). Hình như tín ngưỡng không đi đôi với việc tìm kiếm. Từ khởi điểm này, Nietzsche sẽ khai triển việc ông phê phán Kitô Giáo đã làm giảm ý nghĩa trọn vẹn của nhân sinh và tước bỏ khỏi đời người những mới lạ và mạo hiểm của nó. Hiểu như thế, đức tin là ảo tưởng của ánh sáng, một ảo tưởng chặn lối tiến lên tương lai của một nhân loại giải thoát.

3. Trong diễn trình ấy, đức tin bị liên kết với bóng tối. Có những người cố gắng cứu vớt đức tin bằng cách dành chỗ cho nó song song với ánh sáng lý trí. Chỗ này sẽ được mở ra bất cứ nơi nào ánh sáng lý trí không chiếu thấu, bất cứ nơi nào sự chắc chắn không thể nào có được nữa. Như thế, đức tin được hiểu như một cú nhảy vào trong bóng tối, cần tiếp nhận lúc không có ánh sáng, bị thúc đẩy bởi xúc cảm mù quáng, hay như một ánh sáng chủ quan, có lẽ có khả năng hâm nóng tâm hồn và đem lại nguồn an ủi cho bản thân, nhưng không phải là điều có thể đề xuất cho người khác làm ánh sáng khách quan chung với khả năng dẫn đường. Tuy nhiên, từ từ nhưng chắc chắn, người ta sẽ hiểu ra rằng ánh sáng của lý trí tự lập hiển nhiên không đủ để soi sáng tương lai; cuối cùng, tương lai vẫn mãi là chiếc bóng và đầy sợ sệt vô minh. Thành thử, nhân loại từ bỏ cuộc đi tìm thứ ánh sáng vĩ đại, là chính Chân Lý, ngõ hầu tự bằng lòng với

những ánh sáng nhỏ hơn vốn chỉ soi sáng những khoảnh khắc mau qua chứ không chứng tỏ được khả năng chỉ đường. Ấy thế nhưng, vì thiếu ánh sáng, mọi sự trở nên mù mờ; người ta không thể phân biệt thiện ra khỏi ác, hay con đường dẫn tới đích điểm của ta khỏi những con đường khác vốn làm ta lẩn quẩn trong những đường vòng bất tận, không đi tới đâu.

Một ánh sáng cần được tìm ra

4. Do đó, điều hết sức khẩn thiết là một lần nữa phải thấy rằng đức tin là ánh sáng, bởi vì một khi ngọn lửa đức tin tắt đi, mọi ánh sáng khác đều bắt đầu tàn lụi. Ánh sáng đức tin là ánh sáng độc đáo, vì nó có khả năng chiếu soi mọi khía cạnh của nhân sinh. Một ánh sáng mạnh như thế không thể phát xuất từ ta mà từ một nguồn nguyên thủy hơn: nói cho gọn, nó phải phát xuất từ Thiên Chúa. Đức tin phát xuất từ cuộc gặp gỡ với Thiên Chúa hằng sống, Đấng mời gọi ta và mặc khải tình yêu của Người cho ta, một tình yêu đi trước ta và ta có thể dựa vào để được an toàn và xây dựng được đời ta. Khi đã được tình yêu này biến đổi, ta sẽ có được viễn kiến tươi mới, những con mắt mới để nhìn; ta sẽ hiểu ra rằng nó chứa đựng lời hứa thành tựu vĩ đại, và cả một tương lai mở ra trước mắt ta. Tiếp nhận từ Thiên Chúa như một hồng ân siêu nhiên, đức tin trở thành ánh sáng dẫn đường ta đi, hướng dẫn cuộc hành trình của ta qua thời gian. Một đàng, nó là ánh sáng phát xuất từ quá khứ, ánh sáng ký ức nền tảng về cuộc đời Chúa Giêsu, thứ ký ức mạc khải tình yêu hoàn toàn đáng tin cậy của Người, một tình yêu có khả năng chiến thắng sự chết. Ấy thế nhưng, vì Chúa Kitô đã sống lại và kéo ta ra khỏi sự chết, đức tin cũng là ánh sáng phát sinh từ tương lai và mở ra trước mắt ta những chân trời bao la dẫn ta ra khỏi những bản ngã cô lập của ta mà hướng tới cái rộng dài của hiệp thông. Ta sẽ tiến tới chỗ thấy rằng đức tin không nằm trong bóng râm và ảm đạm; nó là ánh sáng cho tối tăm của ta. Trong Thần Kịch, sau khi bày tỏ niềm tin của mình vào Thánh Phêrô, Dante mô tả ánh sáng này như "một đốm sáng sau đó trở nên ngọn lửa bừng bừng và như sao trời rạng sáng trong tôi" (4). Đây là thứ ánh sáng mà giờ đây tôi muốn xem sét để nó lớn lên và soi sáng hiện tại, trở thành ngôi sao rạng chiếu chân trời hành trình của ta vào một thời điểm nhân loại rất cần ánh sáng.

5. Trước ngày chịu khổ nạn, Chúa Kitô bảo đảm với Thánh Phêrô rằng: "Thầy đã cầu nguyện cho con để đức tin của con đứng vững" (Lc 22:32). Rồi Người bảo ngài phải củng cố anh chị em mình trong cùng một đức tin ấy. Ý thức được nhiệm vụ trao phó cho Người Kế Nhiệm Thánh Phêrô, Đức Bênêđíctô XVI đã công bố Năm Đức Tin hiện nay, một thời gian ơn phúc giúp ta cảm nhận được niềm vui lớn của việc tin và để làm tươi mới sự bở ngỡ thán phục của ta trước các chân trời bao la được đức tin rộng mở, để rồi tuyên xưng đức tin này trong tính hợp nhất và toàn vẹn của nó, trung thành với ký ức của Chúa và được nâng đỡ nhờ sự hiện diện của Người và hành động của Chúa Thánh Thần. Niềm xác tín phát sinh từ một đức tin vốn đem theo nét cao cả và thành tựu cho đời, một đức tin đặt trọng tâm vào Chúa Kitô và vào quyền năng ơn thánh của Người, vốn gợi hứng cho sứ mệnh của các Kitô hữu đầu tiên. Trong hạnh các tử đạo, ta đọc được cuộc đối thoại sau đây giữa quan tòa Rôma Rusticus và một Kitô hữu có tên Hierax: "'cha mẹ em đâu?', quan tòa hỏi vị tử đạo. Ngài trả lời: 'cha thật của chúng tôi là Chúa Kitô, và mẹ của chúng tôi là đức tin vào Người'" (5). Đối với các Kitô hữu tiên khởi này, đức tin, hiểu như cuộc gặp gỡ với Thiên Chúa hằng sống nơi Chúa Kitô, quả là "một người mẹ", vì nó đem họ ra ánh sáng và sinh hạ họ vào sự sống thần linh, một kinh nghiệm mới và một viễn kiến chói lòa về hiện sinh mà họ sẵn sàng làm chứng công khai cho tới cùng.

6. Năm Đức Tin được khai mở vào dịp kỷ niệm lần thứ 50 ngày khai mạc Công Đồng Vatican II. Tự nó đây là dấu chỉ rõ ràng: Vatican II là Công Đồng về đức tin (6), vì nó yêu cầu ta tái lập

quyền tối thượng của Thiên Chúa nơi Chúa Kitô làm trung tâm đời ta, cả như một Giáo Hội lẫn như những cá nhân. Giáo Hội không bao giờ coi đức tin là chuyện đương nhiên, nhưng biết rằng hồng ân này của Thiên Chúa cần được nuôi dưỡng và tăng cường để nó có khả năng tiếp tục soi dẫn con đường lữ hành của ta. Công Đồng Vatican II giúp cho ánh sáng đức tin có khả năng chiếu soi kinh nghiệm nhân bản của ta từ bên trong, đồng hành với mọi người nam nữ của thời ta trong cuộc hành trình của họ. Công Đồng cho thấy rõ đức tin đã phong phú hóa đời sống ra sao trong mọi chiều kích của nó.

7. Trong liên tục tính với mọi điều Huấn Quyền của Giáo Hội vốn tuyên bố xưa nay về nhân đức đối thần này, các xem sét về đức tin ở đây nhằm bổ túc những điều Đức Bênêđictô XVI từng viết trong các thông điệp của ngài về đức ái và đức cậy. Chính ngài đã gần như hoàn tất dự thảo đầu tiên của thông điệp về đức tin. Vì thế, tôi hết sức biết ơn ngài, và trong tư cách anh em của ngài trong Chúa Kitô, tôi đã tiếp nối công trình tốt đẹp của ngài và thêm một ít đóng góp của riêng tôi. Người Kế Nhiệm Thánh Phêrô, hôm qua, hôm nay và ngày mai, luôn được mời gọi củng cố anh chị em mình trong kho tàng vô giá đức tin mà Thiên Chúa đã ban cho ta làm ánh sáng dẫn đường cho nhân loại.

Trong hồng ân đức tin của Thiên Chúa, một nhân đức đầy tràn siêu nhiên, ta hiểu ra rằng một tình yêu vĩ đại đã được hiến tặng cho ta, một lời tốt đẹp đã được ngỏ với ta và khi ta chào đón lời ấy, tức Chúa Giêsu Kitô, Ngôi Lời thành xác phàm, Chúa Thánh Thần sẽ biến đổi ta, rọi sáng con đường tương lai của ta và giúp ta hân hoan tiến bước trên đường ấy bằng đôi cánh hy vọng. Được đan kết một cách diệu kỳ như thế, đức tin, đức cậy và đức mến là lực đẩy của đời sống Kitô hữu khi nó tiến bước hướng về việc hiệp thông trọn vẹn với Thiên Chúa. Nhưng con đường mở rộng đức tin trước mắt ta này là con đường nào? Nguồn gốc ánh sáng mạnh mẽ vốn chiếu soi cuộc hành trình của một đời thành công và nhiều hiệu quả này là đâu?

Chương Một: Chúng ta đã tin vào tình yêu (xem 1Ga 4:16)

Ápraham, cha chúng ta trong đức tin

8. Đức tin mở đường trước mắt ta và đồng hành với ta qua thời gian. Bởi đó, muốn hiểu đức tin là gì, ta cần theo dõi đường đi của nó, con đường được các tín hữu bước đi, như đã được chứng minh đầu tiên trong Cựu Ước. Ở đây, địa vị độc đáo phải dành cho Ápraham, cha chúng ta trong đức tin. Trong đời ông, một điều gây bối rối từng đã diễn ra: Thiên Chúa lên tiếng với ông; Người tự mặc khải là Thiên Chúa, Đấng đang nói và gọi tên ông. Đức tin được nối kết với việc nghe. Ápraham không nhìn thấy Thiên Chúa, nhưng nghe thấy tiếng Người. Như thế, đức tin tiếp nhận khía cạnh bản vị của nó. Thiên Chúa không phải là vị thần của một nơi chốn đặc thù, hay một vị thần nối kết với một thời thánh thiêng đặc biệt nào đó, nhưng là Thiên Chúa của một con người, Thiên Chúa của Ápraham, của Ixaác và của Giacóp, có khả năng hành động qua lại với con người và thiết lập một giao ước với họ. Đức tin là lời đáp trả của ta đối với một lời đã đích thân nói với ta, lời đáp trả một "Ngài" (*Thou*) từng gọi ta đích danh.

9. Lời nói với Ápraham chứa đựng cả kêu gọi lẫn hứa hẹn. Trước nhất, đó là lời kêu gọi lìa bỏ quê hương, lời mời gọi đi tới một cuộc sống mới, khởi đầu cho một xuất hành sẽ hướng ông tới một tương lai không dự đoán được. Cái nhìn mà đức tin sẽ đem lại cho Ápraham luôn luôn được liên kết với nhu cầu phải bước cái bước đầu tiến tới này: đức tin "thấy" bao lâu nó tiến bước, bao lâu nó quyết định bước vào các chân trời do lời Thiên Chúa mở ra. Lời này cũng chứa một hứa hẹn: dòng dõi ngươi sẽ lớn lao về con số, ngươi sẽ là cha một dân tộc vĩ đại (xem

St 13:16; 15:5; 22:17). Muốn đáp trả lời đã đi trước nó, đức tin của Ápraham phải luôn là một hành vi tưởng nhớ. Ấy thế nhưng việc tưởng nhớ này không cột chặt vào các biến cố quá khứ mà, vì là tưởng nhớ một lời hứa, nó phải có khả năng mở cửa tương lai, dõi ánh sáng lên con đường phải đi. Ta thấy đức tin, hiểu như việc tưởng nhớ tương lai, *memoria futuri*, do đó liên kết chặt chẽ với đức cậy.

10. Ápraham được yêu cầu phó thác vào lời này. Đức tin hiểu rằng điều bề ngoài xem ra phù phiếm và thoáng qua là lời nói, nhưng khi được nói ra bởi vị Thiên Chúa vốn chính là tín trung, nó trở thành tuyệt đối chắc chắn và không thể lay chuyển được, đủ bảo đảm cho tính liên tục của cuộc hành trình qua thời gian của ta. Đức tin chấp nhận lời này như tảng đá vững chắc, trên đó, ta có thể xây dựng, một đại lộ thẳng tắp trên đó ta có thể du hành. Trong Thánh Kinh, đức tin được diễn tả bằng từ Hípri *'emûnāh*, do động từ *'amān* có nghĩa là "duy trì" (to uphold). Hạn từ *'emûnāh* chỉ cả lòng tín trung của Thiên Chúa lẫn đức tin của con người. Người có đức tin nhận được sức mạnh nhờ đặt mình vào bàn tay Thiên Chúa, Đấng tín trung. Vui đùa với nghĩa kép của hạn từ này, một nghĩa kép cũng tìm thấy trong hạn từ Hy Lạp *pistos* và hạn từ La Tinh *fidelis*, Thánh Cyril Thành Giêrusalem ca ngợi phẩm giá Kitô hữu, người đã nhận tên của chính Thiên Chúa: vì cả hai đều được gọi là "tín hữu" (*faithful*) (8). Như Thánh Augustinô từng giải thích: "con người tín trung khi họ tin vào Thiên Chúa và các lời Người hứa; Thiên Chúa tín trung khi Người ban cho con người điều Người đã hứa" (9).

11. Có một yếu tố cuối cùng trong câu truyện của Ápraham rất quan trọng để ta hiểu đức tin của ông. Dù đem lại sự mới mẻ và ngạc nhiên, lời Thiên Chúa không hề xa lạ đối với kinh nghiệm của Ápraham. Trong tiếng nói đang nói với ông, Ápraham nhận ra lời kêu gọi sâu sắc vốn luôn hiện diện tại cốt lõi hữu thể ông. Thiên Chúa cột chặt lời hứa của Người vào khía cạnh đời người luôn tỏ ra "đầy hứa hẹn" nhất, tức chức phận làm cha, sinh ra sự sống mới.: "Xara vợ ngươi sẽ mang thai cho ngươi một con trai, và ngươi sẽ đặt tên cho nó là Ixaác" (St 17:19). Thiên Chúa, Đấng yêu cầu Ápraham hoàn toàn tín thác, tự mặc khải mình là nguồn mọi sự sống. Như thế, đức tin liên kết với tình phụ tử của Thiên Chúa, một tình phụ tử phát sinh ra muôn loài; Thiên Chúa, Đấng kêu gọi Ápraham là Tạo Hóa, Đấng "kêu gọi mọi sự chưa hiện hữu bước vào hiện hữu" (Rm 4:17), Đấng "chọn ta trước khi đặt nền cho thế giới… và định cho ta được nhận làm con cái Người" (Eph. 1:4-5). Đối với Ápraham, đức tin vào Thiên Chúa dõi sáng vào nội thẳm hữu thể ông, giúp ông nhìn nhận suối nguồn sự thiện ở ngay gốc rễ mọi sự và hiểu ra rằng đời ông không phải là sản phẩm của một hư thể (*non-being*) hay một rủi may, mà là kết quả một lời kêu gọi có tính bản vị và một tình yêu cũng có tính bản vị. Thiên Chúa nhiệm mầu, Đấng kêu gọi ông, không phải là vị thần xa lạ, mà là Thiên Chúa, nguồn gốc và điểm tựa chính của mọi sự hiện hữu. Thử thách vĩ đại đối với đức tin của Ápraham, tức việc sát tế con trai Ixaác, cho thấy phạm vi trong đó tình yêu nguyên thủy này có khả năng đảm bảo sự sống quá bên kia sự chết. Lời từng có khả năng dựng lên một con trai cho kẻ "tệ như đã chết", trong cảnh "cằn cỗi" của lòng dạ Xara (xem Rm 4:19), cũng có thể giữ lời hứa tương lai bất chấp mọi thử thách và nguy hiểm (xem Dt 11:19; Rm 4:21).

Đức tin của Israel

12. Lịch sử dân Israel trong Sách Xuất Hành diễn tiến theo con đường đức tin của Ápraham. Một lần nữa, đức tin phát sinh từ một ơn phúc nguyên thủy: Israel tin tưởng vào Thiên Chúa, Đấng hứa sẽ giải phóng dân Người khỏi cảnh khốn cùng. Đức tin trở thành lời mời gọi thực hiện cuộc hành trình lâu dài dẫn tới việc thờ phượng Chúa trên Núi Sinai và thừa hưởng đất

hứa. Tình yêu Thiên Chúa được coi như tình yêu của một người cha cõng con dọc đường (xem Đnl 1:31). Việc Isarel tuyên xưng đức tin mang dáng dấp một trình thuật về những kỳ công của Thiên Chúa trong việc giải phóng dân Người và hành động như người hướng dẫn họ (xem Đnl 26:5-11), một trình thuật được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ nọ. Ánh sáng của Thiên Chúa chiếu rọi Israel qua việc tưởng nhớ các kỳ công đầy quyền năng của Chúa, được nhắc lại và cử hành trong thờ phượng, và được truyền tụng từ cha tới con. Ở đây, ta thấy ánh sáng đức tin đã được liên kết ra sao với những truyện sống cụ thể, với việc tưởng niệm đầy biết ơn các kỳ công đầy quyền năng của Thiên Chúa và việc từ từ nên trọn lời hứa của Người. Kiến trúc Gôtích đã nói lên điều này cách rõ ràng: tại các nhà thờ chính tòa, ánh sáng tuôn đổ từ trời xuống bằng cách xuyên qua các cửa sổ mô tả lịch sử cứu rỗi. Ánh sáng của Thiên Chúa đến với ta qua trình thuật tự tỏ mình ra của Người, và do đó trở nên có khả năng rọi sáng cho cuộc vượt qua thời gian của ta bằng việc nhắc nhớ các hồng ân của Người và việc chứng minh Người đã làm trọn các lời hứa ra sao.

13. Lịch sử Israel cũng cho ta thấy cơn cám dỗ vô tín mà dân tộc này hơn một lần sa vào. Ở đây, điều ngược với đức tin được mô tả là thờ ngẫu thần. Trong khi Môsê đang thưa chuyện cùng Thiên Chúa trên Núi Sinai, thì dân không chịu được mầu nhiệm dấu ẩn của Thiên Chúa, không chịu được thời gian chờ đợi để thấy nhan Người. Từ chính bản chất của nó, đức tin đòi người ta phải từ bỏ việc chiếm hữu tức khắc điều mà thị giác như muốn hiến dâng; nó là lời mời hướng về nguồn ánh sáng, trong khi tôn kính mầu nhiệm của một thánh nhan chỉ chịu đích thân tự tỏ lộ vào lúc thuận tiện. Martin Buber có lần đã trích dẫn câu định nghĩa do giáo sĩ Koch đề xuất về việc thờ ngẫu thần: thờ ngẫu thần là "khi một khuôn mặt ngỏ với một khuôn mặt vốn không phải là một khuôn mặt" (10). Thay vì tin vào Thiên Chúa, xem ra tốt hơn nên thờ một ngẫu thần, mà ta có thể nhìn thẳng vào mặt và biết rõ gốc gác, vì nó là sản phẩm của bàn tay ta. Đứng trước một ngẫu thần, ta không hề có nguy cơ bị kêu gọi phải từ bỏ sự an toàn của mình, vì ngẫu thần "có miệng nhưng không thể nói" (Tv 115:5). Ta bắt đầu nhận ra, ngẫu thần có đó như một cái cớ để ta tự đặt ta vào tâm điểm thực tại và thờ phượng sản phẩm của chính bàn tay ta. Một khi con người đánh mất xu hướng nền tảng vốn **thống nhất hóa hiện sinh** của họ, họ tự **đập tan họ thành nhiều mảnh** cho các thèm muốn của mình; khi từ khước không chịu chờ đợi giờ hứa hẹn, truyện đời họ đổ bể thành muôn vàn những khoảnh khắc rời rạc khác nhau. Như thế, thờ ngẫu thần luôn luôn là đa thần, vô định bước từ ông chúa này qua ông chúa nọ. Thờ ngẫu thần không đưa ra một hành trình nào mà là dư thừa những nẻo đường chẳng dẫn tới đâu và chỉ tạo nên một mê trận đồ. Những ai quyết định không đặt niềm tin nơi Thiên Chúa hằn nghe thấy đinh tai đủ mọi thứ ngẫu thần hô hoán: "Hãy đặt tin tưởng nơi ta!". Vốn liên kết với hồi tâm, đức tin quả đối nghịch với việc thờ ngẫu thần; nó xa lìa các ngẫu thần để hướng về Thiên Chúa hằng sống trong một gặp gỡ bản vị. Tin có nghĩa là phó thác cho một tình yêu nhân hậu luôn luôn chấp nhận và tha thứ, luôn nâng đỡ và hướng dẫn đời ta, và luôn tỏ quyền năng của mình qua khả năng làm thẳng băng mọi đường nét khúc khuỷu của lịch sử. Đức tin hệ ở việc quyết tâm để mình không ngừng được lời mời gọi của Thiên Chúa biến đổi và canh tân. Chính vì thế có sự nghịch lý này: nhờ không ngừng hướng về Thiên Chúa, ta khám phá ra con đường chắc chắn giải phóng ta khỏi cảnh tan rã mà các ngẫu thần vốn áp đặt trên ta.

14. Trong đức tin của Israel, ta cũng gặp khuôn mặt Môsê, người trung gian. Dân có thể không thấy mặt Thiên Chúa; nhưng Môsê là người nói chuyện với Giavê trên núi cao rồi nói lại cho dân biết thánh ý Chuá. Có sự hiện diện của một trung gian giữa mình, Israel học được cách cùng hành trình với nhau trong hợp nhất. Hành vi đức tin của cá nhân tìm được chỗ đứng trong cộng đoàn, trong cái "chúng tôi" chung của toàn dân, một dân mà trong đức tin giống như một

con người duy nhất, "con trai đầu lòng của Ta" như Thiên Chúa từng mô tả về dân Israel (xem Xh 4:22). Ở đây, trung gian không hề là một trở ngại, nhưng là một mở đường: nhờ gặp gỡ với người khác, tầm nhìn của ta vươn tới một chân lý lớn hơn chính ta. Rousseau có lần than vãn rằng ông ta không nhìn thấy Thiên Chúa: vì "Có quá nhiều người đứng giữa Thiên Chúa và tôi" (11)… Há không đơn giản và tự nhiên hay sao nếu Thiên Chúa chịu kiếm Môsê đi nói chuyện với Jean Jacques Rousseau?"(12). Theo quan niệm cá nhân chủ nghĩa và chật hẹp về lương tâm, người ta không thể đánh giá được ý nghĩa của trung gian, đánh giá được khả năng tham dự vào viễn kiến của người khác này, cái nhận thức chung vốn là nhận thức riêng của tình yêu này. Đức tin là ơn phúc nhưng không của Thiên Chúa, một ơn đòi hỏi sự khiêm nhường và lòng can đảm để tín thác và phó thác; nó giúp ta khả năng nhìn ra con đường sáng láng dẫn tới cuộc gặp gỡ Thiên Chúa và nhân loại: tức lịch sử cứu rỗi.

Sự viên mãn của Đức Tin Kitô Giáo

15. "Ápraham hân hoan được thấy ngày của Ta; ông đã thấy và đã hân hoan" (Ga 8:56). Theo những lời này của Chúa Giêsu, đức tin của Ápraham hướng về Người; theo một nghĩa nào đó, nó tiên báo mầu nhiệm của Người. Thánh Augustinô hiểu như thế khi ngài quả quyết rằng các tổ phụ đã nhờ đức tin mà được cứu rỗi, không phải đức tin vào Chúa Kitô đã đến mà vào Chúa Kitô sắp đến, một đức tin thúc đẩy hướng tới tương lai Chúa Giêsu (13). Đức tin Kitô Giáo đặt trọng tâm nơi Chúa Kitô; nó là lời tuyên xưng rằng Đức Giêsu là Chúa và Thiên Chúa làm người sống lại từ cõi chết (xem Rm 10:9). Mọi sợi chỉ của Cựu Ước đều giao thoa nơi Chúa Kitô; Người trở nên lời "có" (*yes*) dứt khoát đối với mọi lời hứa, là căn bản tối hậu cuả lời "Amen" ta thưa với Thiên Chúa (xem 2Cor 1:20). Lịch sử của Chúa Giêsu là biểu hiện trọn vẹn của tính đáng tin nơi Thiên Chúa. Nếu Israel tiếp tục nhắc ta nhớ các hành vi yêu thương vĩ đại của Thiên Chúa, những hành vi vốn tạo nên cốt lõi cho việc tuyên xưng đức tin của họ và mở rộng cái nhìn bằng đức tin của họ, thì nay, cuộc đời Chúa Giêsu là căn cứ để Thiên Chúa can thiệp dứt khoát, là biểu hiện tối cao của tình yêu Người dành cho ta. Lời mà Thiên Chúa nói với ta trong Chúa Giêsu không phải là lời trong muôn một, mà là lời trường cửu của Người (xem Dt 1:1-2). Như Thánh Phaolô đã nhắc nhở ta, Thiên Chúa không thể nào ban cho ta một bảo đảm lớn hơn thế về tình yêu của Người (xem Rm 8:31-39). Như thế, đức tin Kitô Giáo là đức tin vào tình yêu hoàn hảo, vào sức mạnh có tính quyết định của tình yêu này, vào khả năng biến đổi thế giới của nó và khả năng diễn biến lịch sử của nó. "Chúng ta biết và tin tình yêu mà Thiên Chúa vốn dành cho chúng ta" (1Ga 4:16). Trong tình yêu của Thiên Chúa, như được mạc khải nơi Giêsu, đức tin nhận ra nền tảng của mọi thực tại và số phận sau cùng của chúng.

16. Chứng cớ rõ ràng nhất cho thấy sự đáng tin của tình Chúa Kitô yêu ta tìm thấy trong việc Người **chết cho ta**. Nếu hy sinh mạng sống mình vì bằng hữu là chứng cớ cao cả nhất của tình yêu (xem Ga 15:13), thì Chúa Giêsu đã hiến chính mạng sống mình vì mọi người, thậm chí vì cả các kẻ thù của Người nữa, để biến đổi tâm hồn họ. Điều này giải thích tại sao các phúc âm gia coi giờ Chúa Giêsu chịu đóng đinh là đỉnh cao mà mọi con mắt đức tin đều hướng lên; trong giờ ấy, chiều sâu và chiều rộng của tình yêu Thiên Chúa đã sáng lên. Chính lúc đó, Thánh Gioan đã đưa ra lời chứng long trọng của ngài, khi cùng với Mẹ Chúa Giêsu, ngài ngước nhìn lên Đấng bị đâm thâu (xem Ga 19:37): "Người thấy điều này đã làm chứng, để cả anh em nữa cũng tin. Lời chứng của người ấy chân thực, và người ấy biết mình nói sự thật" (Ga 19:35). Trong Kẻ Ngu Ngốc của Dostoevsky, ông hoàng Myskin thấy bức tranh do Hans Holbein Trẻ vẽ, diễn tả Chúa Giêsu chết trong mồ bèn nói: "Nhìn bức tranh này có thể khiến người ta mất đức tin" (14). Bức tranh này mô tả một cách khủng khiếp các hiệu quả tàn phá của cái chết trên

thân xác Chúa Giêsu. Ấy thế nhưng chính nhờ chiêm ngắm cái chết của Người mà đức tin trở nên vững mạnh hơn và nhận được ánh sáng rực rỡ; rồi nó được mạc khải như là đức tin vào tình yêu bền vững của Chúa Kitô dành cho ta, một tình yêu có khả năng chấp nhận sự chết để đem cứu rỗi đến cho ta. Tình yêu này, một tình yêu không lùi bước trước sự chết ngõ hầu chứng tỏ sự sâu sắc của nó, là một điều tôi có thể tin vào; việc hoàn toàn tự hiến của Chúa Kitô vượt thắng mọi nghi ngờ và giúp tôi phó thác vào Người một cách trọn vẹn.

17. Sở dĩ cái chết của Chúa Kitô cho ta thấy tính đáng tin cậy hoàn toàn của tình yêu Thiên Chúa, trước hết, là nhờ sự phục sinh của Người. Nhờ Sống Lại, Chúa Kitô là nhân chứng đáng tin cậy, đáng được tin (xem Kh 1:5; Dt 2:17), và là sự hỗ trợ vững chắc cho đức tin của ta. "Nếu Chúa Kitô không sống lại, thì đức tin của anh em là vô ích" Thánh Phaolô nói như thế (1Cor 15:17). Nếu tình yêu của Chúa Cha không làm cho Chúa Giêsu sống lại từ cõi chết, nếu nó không có khả năng phục sinh thân xác của Người, thì nó không phải là tình yêu hoàn toàn đáng tin cậy, có **khả năng chiếu soi cả sự u ám của cái chết**. Khi Thánh Phaolô mô tả sự sống mới của ngài trong Chúa Kitô, ngài nói về "đức tin vào Con Thiên Chúa, Đấng yêu tôi và hiến mình vì tôi" (Gl 2:20). Rõ ràng, "Đức tin vào Con Thiên Chúa" này chỉ đức tin của Thánh Phaolô vào Chúa Giêsu, nhưng nó cũng giả thiết rằng chính Chúa Giêsu là Đấng đáng tin, dựa không những vào việc Người yêu ta cho đến chết mà còn vào tư cách Con Thiên Chúa của Người nữa. Chính vì Chúa Giêsu là Chúa Con, vì Người tuyệt đối đặt cơ sở trên Chúa Cha, nên Người có khả năng chiến thắng sự chết và làm cho tính viên mãn của sự sống sáng lên. Văn hóa của ta đã đánh mất cảm thức của nó về sự hiện diện và hoạt động có thể rờ mó được của Thiên Chúa trong thế gian. Ta nghĩ rằng phải tìm Thiên Chúa ở cõi bên kia, trên một bình diện khác của thực tại, xa rời khỏi các liên hệ hàng ngày của ta. Nhưng nếu đúng thế, nếu Thiên Chúa không hành động trong thế gian, thì tình yêu của Người không thực sự mạnh mẽ, không thực sự có thực và thậm chí không thực nữa, một tình yêu có khả năng đem lại phước hạnh như lời đã hứa. Nó sẽ không tạo được bất cứ khác biệt nào dù ta tin Người hay không. Trái lại, Kitô hữu tuyên xưng đức tin của họ vào tình yêu có thể rờ mó được và rất mạnh mẽ của Thiên Chúa, một tình yêu hành động thực sự trong lịch sử và xác định ra số phận sau cùng của lịch sử này: một tình yêu có thể được gặp gỡ, một tình yêu hoàn toàn được mặc khải trong cuộc khổ nạn, trong cái chết và sự phục sinh của Chúa Kitô.

18. Sự viên mãn mà Chúa Giêsu đem đến cho đức tin có một khía cạnh có tính quyết định nữa. Trong đức tin, Chúa Kitô không những chỉ là Đấng ta tin, là biểu hiện tối cao của tình yêu Thiên Chúa; Người còn là Đấng ta kết hợp với, chính là để tin. Đức tin không chỉ chăm chăm nhìn ngắm Chúa Giêsu, mà còn thấy sự việc như chính người thấy nữa, bằng con mắt của Người: nó là sự tham dự vào cách Người nhìn. Trong nhiều lãnh vực đời ta, ta vốn tin tưởng những người hiểu biết hơn ta. Ta tin tưởng kiến trúc sư, người xây nhà cho ta, tin tưởng dược sĩ, người cung cấp thuốc chữa bệnh cho ta, tin tưởng luật sư, người bênh vực ta trước tòa. Ta cũng cần một ai đó đáng tin cậy và nhiều hiểu biết khi liên quan tới Thiên Chúa. Chúa Giêsu, Con Thiên Chúa, là Đấng làm Thiên Chúa được ta biết đến (xem Ga 1:18). Đời sống Chúa Kitô, cách Người biết Chúa Cha và sống trong mối liên hệ hoàn toàn và thường hằng với Chúa Cha, mở ra những viễn cảnh mới và đầy mời gọi đối với kinh nghiệm nhân bản.

Đối với đức tin của ta, Thánh Gioan làm nổi bật sự quan trọng của liên hệ bản thân với Chúa Giêsu khi sử dụng nhiều hình thức khác nhau của động từ "tin". Ngoài việc "tin rằng" điều Chúa Giêsu nói với ta là thật, Thánh Gioan còn nói tới việc "tin" Chúa Giêsu và "tin vào" Chúa Giêsu. Ta "tin" Chúa Giêsu khi ta chấp nhận lời của Người, chứng từ của Người, vì Người

chân thật. Ta "tin vào" Chúa Giêsu khi ta đích thân chào đón Người vào đời ta và lên đường hướng về Người, bám lấy Người trong yêu thương và bước theo gót chân Người suốt đường dài.

Để ta có thể biết, chấp nhận và bước theo Người, Con Thiên Chúa đã mang lấy xác phàm của ta. Bằng cách này, Người cũng thấy Chúa Cha theo cách nhân bản, bên trong bối cảnh một cuộc hành trình diễn tiến trong thời gian. Đức tin Kitô Giáo là đức tin vào sự nhập thể của Ngôi Lời và vào sự phục sinh thân xác của Người; nó là đức tin vào một Thiên Chúa gần gũi ta đến nỗi đã bước hẳn vào lịch sử nhân loại. Không hề ly dị ta khỏi thực tại, đức tin của ta vào Con Thiên Chúa làm người trong Chúa Giêsu Nadarét giúp ta nắm được ý nghĩa sâu xa nhất của thực tại và thấy được Thiên Chúa đã yêu thương thế gian này và hằng không ngừng hướng dẫn nó về với Người xiết bao. Điều này dẫn ta, trong tư cách Kitô hữu, sống cuộc sống của ta trong thế gian này với một dấn thân và nồng nhiệt mỗi ngày một lớn hơn.

Cứu rỗi nhờ đức tin

19. Dựa trên việc tham dự vào cách Chúa Giêsu nhìn sự việc này, Thánh Phaolô để lại cho ta một mô tả về đời sống đức tin. Khi tiếp nhận hồng ân đức tin, các tín hữu trở nên tạo vật mới; họ tiếp nhận hữu thể mới; trong tư cách con cái Thiên Chúa, nay họ là "những người con trong Chúa Con". Kiểu nói "Abba, Cha ơi" hết sức đặc thù trong kinh nghiệm của Chúa Giêsu, nay trở thành cốt lõi cho kinh nghiệm Kitô hữu (xem Rm 8:15). Đời sống đức tin, hiểu như hiện sinh con thảo, là sự thừa nhận hồng ân nguyên khởi và triệt để vốn nâng đỡ đời ta. Ta thấy rõ điều này trong câu hỏi Thánh Phaolô đặt ra cho tín hữu Côrintô: "Có điều gì anh em có mà anh em đã không nhận được không?" (1Cor 4:7). Đây là điều nằm ở tâm điểm cuộc tranh luận của Thánh Phaolô với người Biệt Phái: vấn đề ta đạt được ơn cứu rỗi là nhờ đức tin hay nhờ việc làm theo luật. Thánh Phaolô bác bỏ thái độ của những người cho rằng mình nên công chính trước mặt Thiên Chúa nhờ việc mình làm. Những người này, cho dù vâng theo các giới răn và làm nhiều việc tốt lành, chỉ đặt trọng tâm vào chính mình; họ không hiểu rằng sự thiện phát xuất từ Thiên Chúa. Những ai sống theo lối này, những ai muốn là nguồn gốc cho sự công chính của mình, sẽ thấy rằng sự công chính này chẳng bao lâu sẽ tan biến và đến cả việc tuân theo lề luật họ cũng sẽ không làm được. Họ trở nên tự đóng kín trong chính họ và tự cô lập khỏi Thiên Chúa và người khác; đời họ trở nên vô ích và việc làm của họ trở nên khô cằn, như cây xa nguồn nước. Thánh Augustinô nói với ta một cách súc tích và mạnh mẽ theo thông lệ như sau: "*Ab eo qui fecit te, noli deficere nec ad te*" (Đừng quay mặt khỏi Đấng tạo nên anh em, cũng như quay vào chính anh em) (15). Một khi nghĩ rằng quay mặt khỏi Thiên Chúa, tôi sẽ tìm thấy tôi, là đời tôi bắt đầu tan vỡ (xem Lc 15:11-24). Khởi đầu ơn cứu rỗi là mở lòng mình ra chào đón một điều đã có trước ta, chào đón hồng ân nguyên thủy vốn khẳng định sự sống và nâng đỡ hiện hữu của nó. Chỉ nhờ biết mở cửa chào đón và nhìn nhận hồng ân này, ta mới được biến đổi, cảm nghiệm được ơn cứu rỗi và mang lại hoa trái tốt đẹp. **Cứu rỗi nhờ đức tin có nghĩa là nhìn nhận quyền tối thượng của hồng ân Thiên Chúa**. Như Thánh Phaolô từng nói "Bởi ơn thánh, anh em đã được cứu rỗi nhờ đức tin, chứ điều này không do việc làm của anh em; nó là hồng ân của Thiên Chúa" (Eph. 2:8).

20. Cách nhìn sự vật mới mẻ của đức tin đặt trọng tâm nơi Chúa Kitô. Đức tin vào Chúa Kitô đem lại ơn cứu rỗi vì ở trong Người, đời ta hoàn toàn mở cửa đón chào một tình yêu vốn có trước ta, một tình yêu vốn biến đổi ta từ bên trong, vì nó hành động trong ta và qua ta. Điều này thấy rõ trong lối Thánh Phaolô chú giải đoạn văn của Đệ Nhị Luật, lối chú giải rất phù hợp với tâm điểm sứ điệp Cựu Ước. Môsê nói với dân rằng "Ai sẽ lên trời thay ta và mang nó về cho

ta?" hay "Ai sẽ vượt biển thay ta và mang nó về cho ta?" (Đnl 30:11-14). Thánh Phaolô giải thích sự gần gũi của lời Chúa này như là sự hiện diện của Chúa Kitô trong các Kitô hữu. "Anh em đừng tự hỏi rằng 'ai sẽ lên trời?' ngụ ý là để đem Chúa Kitô xuống; hay 'ai sẽ xuống vực sâu?', ngụ ý là để đem Chúa Kitô lên từ cõi chết" (Rm 10:6-7). Chúa Kitô xuống thế và sống lại từ cõi chết; qua việc nhập thể và sống lại, Con Thiên Chúa đã ôm lấy trọn sự sống và lịch sử nhân loại, và nay đang cư ngụ trong trái tim ta qua Chúa Thánh Thần. Đức tin biết rằng Thiên Chúa tới gần ta, Chúa Kitô được ban tặng cho ta làm hồng ân biến đổi ta từ bên trong, cư ngụ trong ta và ban cho ta ánh sáng rạng soi cả nguồn gốc lẫn tận cùng đời ta.

21. Như thế, ta thấy được sự khác nhau do đức tin đem lại cho ta. Ai tin đều được biến đổi bởi tình yêu mà trái tim họ đã rộng mở chào đón bằng đức tin. Nhờ sự rộng mở chào đón tặng phẩm yêu thương nguyên thủy này, đời họ được mở rộng và được mở dài. "Không còn là tôi sống nữa, nhưng là Chúa Kitô sống trong tôi" (Gl 2:20). "Ước chi Chúa Kitô cư ngụ trong trái tim anh em qua đức tin" (Eph.3:17). Việc ý thức về mình của Kitô hữu nay được nới rộng nhờ sự hiện diện của một người khác; nay sống trong người khác này và do đó, đời sống tiếp nhận được cả một chiều rộng mới mẻ, trong tình yêu. Ở đây, ta thấy Chúa Thánh Thần hành động. Kitô hữu có thể **thấy bằng con mắt của Chúa Giêsu** và chia sẻ tâm trí Người, chia sẻ thiên hướng con thảo của Người, vì họ chia sẻ tình yêu của Người là Chúa Thánh Thần. Trong tình yêu của Chúa Giêsu, ta nhận được viễn kiến của Người cách nào đó. Không sống theo Người trong tình yêu, không có sự hiện diện của Chúa Thánh Thần, ta không thể tuyên xưng Người là Chúa được (xem 1Cor 12:3).

Hình thức Giáo Hội của Đức Tin

22. Theo cách trên, đời sống tín hữu trở thành đời sống có tính Giáo Hội, một đời sống sống trong Giáo Hội. Khi Thánh Phaolô nói với tín hữu Rôma rằng mọi người tin vào Chúa Kitô làm nên một thân thể, ngài thúc giục họ đừng đánh giá quá mức việc này; đúng hơn, mọi người phải nghĩ về mình "theo mức đức tin mà Thiên Chúa đã ban cho" (Rm 12:3). Người tin sẽ tiến tới chỗ nhìn mình dưới ánh sáng đức tin mà mình tuyên xưng: Chúa Kitô là tấm gương để họ thấy hình ảnh riêng của họ được thể hiện hoàn toàn. Và như Chúa Kitô đã tụ tập mọi người tin và làm họ trở nên thân thể Người thế nào, thì Kitô hữu cũng sẽ tiến tới chỗ coi mình như chi thể của thân thể này như thế, trong một mối liên hệ yếu tính với mọi tín hữu khác. Hình ảnh thân thể không hàm nghĩa rằng tín hữu chỉ là một phần của một toàn thể vô danh, chỉ là một cái răng **cưa** (cog) trong cỗ máy lớn; đúng hơn, nó làm nổi sự kết hợp có tính sinh tử của Chúa Kitô với các tín hữu, và của các tín hữu với nhau (xem Rm 12:4-5). Các Kitô hữu chỉ là "một" (xem Gl 3:28), nhưng theo cách không khiến họ mất đi cá tính của họ; khi phục vụ người khác, họ đi vào mình một cách cao độ nhất. Điều này giải thích tại sao, ngoài thân thể này, ngoài sự hợp nhất của Giáo Hội trong Chúa Kitô này, ngoài Giáo Hội mà theo lời Romano Guardini "vốn mang theo cái nhìn của Chúa Kitô về thế giới trong lòng lịch sử" (16) này, đức tin sẽ mất "mức đo" của nó; nó không còn tìm thấy thế quân bình nữa, không tìm thấy không gian cần để nâng đỡ nó nữa. Đức tin nhất thiết có tính Giáo Hội; nó **được tuyên xưng trong thân thể Chúa Kitô**, vốn là hiệp thông cụ thể của các tín hữu. Chính trên tấm phông Giáo Hội này, Đức Tin mở lòng từng Kitô hữu cá nhân hướng về mọi người khác. Lời Chúa Kitô, một khi đã nghe thấy, do chính sức mạnh nội tại hoạt động trong trái tim Kitô hữu của nó, sẽ trở nên lời đáp trả, một lời được nói lên, một tuyên xưng đức tin. Như chính Thánh Phaolô từng viết: "người ta tin thật trong lòng... và tuyên xưng ra ngoài miệng" (Rm 10:10). Đức tin không phải là chuyện riêng tư, một ý niệm hoàn toàn cá nhân chủ nghĩa hay một ý kiến bản thân: nó phát sinh từ việc

nghe, và nó nhằm được phát biểu thành lời và được tuyên xưng. Vì "Làm sao họ tin được Đấng mà họ chưa bao giờ nghe nói tới? Và làm sao họ nghe nói nếu không có người thuyết giảng?" (Rm 10:14). Đức tin trở nên hoạt động nơi Kitô hữu là nhờ hồng ân nhận được, nhờ tình yêu lôi cuốn ta tới Chúa Kitô (xem Gl 5:6), và giúp ta tham dự vào cuộc lữ hành vĩ đại của Giáo Hội qua dòng lịch sử cho tới ngày tận thế. Đối với những ai đã được biến đổi cách này, một cách nhìn mới sẽ được mở ra, đức tin trở nên ánh sáng cho con mắt họ.

Chương Hai: Các ngươi sẽ không hiểu nếu không tin (xem Is 7:9)
Đức Tin và sự thật

23. Không tin, các ngươi sẽ không hiểu (xem Is 7:9). Bản Hy Lạp của Thánh Kinh Do Thái, tức bản dịch Bảy Mươi, xuất bản tại Alexandria, cho rằng những lời trên được tiên tri Isaia nói với Vua Akhát. Theo cách này, vấn đề nhận thức chân lý trở nên cốt yếu đối với đức tin. Bản Hípri có hơi khác một chút; tiên tri nói với nhà vua: "không tin, ngài sẽ không **đứng vững** được". Ở đây, ta thấy có việc chơi chữ, dựa vào hai hình thức của động từ *'amān*: "ngài sẽ tin" (*ta'amînû*) và " ngài sẽ **đứng vững** " (*tē'āmēnû*).

Khiếp đảm trước sức mạnh của kẻ thù, vị vua này tìm sự an toàn mà chỉ có việc liên minh với Đế Quốc hùng mạnh Assyria mới cung cấp được. Thay vào đó, tiên tri bảo ông hãy tin tưởng hoàn toàn vào tảng đá chắc chắn và bền vững là Thiên Chúa của Israel. Vì Thiên Chúa là Đấng đáng tin cậy, nên điều hữu lý là tin vào Người, bám chặt vào lời Người. Người là một với vị Thiên Chúa mà sau này Tiên Tri Isaia, hai lần trong cùng một câu, gọi là Thiên Chúa Amen, "Thiên Chúa của sự thật" (xem Is 65:16), nền tảng bền vững của lòng trung trinh giao ước. Xem ra bản Hy Lạp của Thánh Kinh, khi dịch "**đứng vững**" thành "hiểu", đã thay đổi một cách sâu xa ý nghĩa của bản văn bằng cách rời bỏ ý niệm của Thánh Kinh về sự tín thác vào Chúa để tiếp nhận ý niệm của người Hy Lạp về cái hiểu tri thức. Ấy thế nhưng, lối dịch này, tuy chắc chắn có phản ảnh cuộc đối thoại với nền văn hóa Hy Lạp, nhưng vẫn không xa lạ đối với tính tiềm ẩn trong bản văn Hípri. Vì nền tảng vững chắc mà Isaia hứa với nhà vua quả đã đặt cơ sở trên cái hiểu về hoạt động của Thiên Chúa và sự hợp nhất mà Người vốn ban cho sự sống nhân bản và lịch sử dân Người. Tiên tri thách thức nhà vua, và cả chúng ta nữa, phải hiểu đường lối Thiên Chúa, nhìn thấy kế hoạch khôn ngoan điều hướng mọi thời đại trong lòng trung trinh của Thiên Chúa. Thánh Augustinô tiếp nối việc tổng hợp các ý niệm "hiểu" và "**đứng vững**" này trong cuốn Tự Thú khi ngài nói tới sự thật mà người ta có thể dựa vào để đứng vững: "Lúc đó, con sẽ được đúc và trở nên cứng cáp trong cái khuôn chân lý của Ngài" (17). Trong ngữ cảnh này, ta thấy Thánh Augustinô quan tâm tới việc chứng minh rằng sự thật đáng tin về Thiên Chúa, như Thánh Kinh chỉ rõ, chính là sự hiện diện đầy tín trung của Người qua suốt dòng lịch sử, là khả năng của Người kết hợp thời gian và mọi thời đại với nhau, và tập hợp mọi mạch tản mạn của đời ta thành một (18).

24. Đọc dưới ánh sáng này, bản văn của tiên tri dẫn ta tới một kết luận: ta cần nhận thức, ta cần sự thật, vì không có những giá trị này, ta không thể đứng vững, ta không thể tiến tới. Đức tin không có sự thật là đức tin không cứu rỗi, nó không cung cấp cho ta một thế đứng vững chắc. Nó mãi là câu truyện đẹp đẽ, một phóng chiếu các hoài mong hạnh phúc sâu xa của ta, một điều gì đó có khả năng thoả mãn ta bao lâu ta sẵn sàng tự lừa dối mình. Cả hai điều ấy, hay là bị giản lược thành một xúc cảm cao có thể đem tới ủi an và phấn khích, nhưng mãi mãi làm mồi cho những thất thường của tâm trí ta và thời tiết hay thay đổi, không hề có khả năng nâng đỡ để cuộc hành trình suốt đời bền vững. Nếu đức tin là như thế, thì Vua Akhát hẳn nhiên đúng

khi không đánh cuộc đời ông và nền an ninh của vương quốc ông trên một xúc cảm. Nhưng chính vì mối liên kết nội tại của nó với sự thật, đức tin quả có khả năng đem lại ánh sáng mới, cao hơn các tính toán của nhà vua, vì ánh sáng này nhìn sâu hơn vào đường xa và biết cậy trông vào bàn tay Thiên Chúa, Đấng luôn trung thành với giao ước và hứa hẹn của Người.

25. Ngày nay, hơn bao giờ hết, vì cuộc khủng hoảng sự thật trong thời đại ta, ta cần được nhắc nhớ mối liên kết giữa đức tin và sự thật. Trong **nền văn hóa đương thời**, ta thường có khuynh hướng chỉ coi chân lý kỹ thuật là chân lý có thực mà thôi: chân lý là điều ta thành công trong xây dựng và cân đo bằng kiến thức khoa học, chân lý là điều xuôi chẩy và làm cho cuộc sống dễ dàng và tiện nghi hơn. Ngày nay, điều này xem ra là chân lý duy nhất chắc chắn, chân lý duy nhất có thể chia sẻ, chân lý duy nhất có thể dùng làm căn bản để thảo luận hay theo đuổi các trách nhiệm chung. Ấy thế nhưng ở phía kia của cán cân, ta sẵn sàng cho phép các chân lý chủ quan của cá nhân, tức các chân lý hệ ở việc trung thành với các xác tín sâu xa nhất của họ, nhưng chỉ có giá trị cho cá nhân này mà thôi chứ không có khả năng đề xuất cho người khác, trong cố gắng phục vụ thiện ích chung. Còn chính Chân Lý, một chân lý có khả năng giải thích toàn bộ đời ta như những cá nhân hay trong xã hội, thì bị nhìn một cách ngờ vực. Đã đành, người ta bảo ta: chân lý này là thứ chân lý được các phong trào toàn trị vĩ đại của thế kỷ trước chủ trương, một chân lý chuyên áp đặt thế giới quan của nó ngõ hầu đập nát đời thực của các cá nhân. Cuối cùng, cái còn lại cho ta chỉ là chủ nghĩa duy tương đối, trong đó, vấn đề chân lý phổ quát, và tối hậu là vấn đề Thiên Chúa, sẽ chẳng còn ăn uống chi nữa. Theo quan điểm này, sẽ hợp luận lý khi ta cắt bỏ sợi dây liên kết giữa tôn giáo và chân lý, vì mối liên kết này bị nó coi là gốc rễ của chủ nghĩa cuồng tín, là chủ nghĩa tỏ ra áp chế đối với bất cứ ai không có cùng các niềm tin như mình. Tuy nhiên, về phương diện này, ta có thể nói tới một sự mất trí nhớ vĩ đại trong thế giới đương thời. Vấn đề chân lý thực sự là vấn đề trí nhớ, trí nhớ sâu sắc, vì nó bàn đến một điều gì đó có trước ta và có khả năng hợp nhất ta một cách vượt quá cả ý thức cá nhân nhỏ mọn và hữu hạn của ta. Nó là vấn đề liên quan đến nguồn gốc mọi hiện hữu mà nhờ ánh sáng của nó ta có thể hé nhìn thấy mục đích và do đó ý nghĩa con đường chung của ta.

Nhận thức chân lý và tình yêu

26. Nếu đúng như thế, thì đức tin Kitô Giáo có thể phục vụ thiện ích chung liên quan tới phương cách đúng để hiểu chân lý hay không? Để trả lời câu hỏi này, ta cần tìm hiểu: loại nhận thức nào bao hàm trong đức tin. Ở đây, câu nói của Thánh Phaolô có thể giúp ta: "ta tin bằng trái tim" (Rm 10:10). Trong Thánh Kinh, trái tim là cốt lõi của con người nhân bản, nơi mà mọi chiều kích khác nhau của họ giao thoa với nhau: thân xác và tinh thần, tính nội tâm và cởi mở với thế giới và người khác, trí hiểu, ý chí và cảm giới tính. Trái tim có khả năng giữ cho các chiều kích này hợp lại với nhau, vì nó là nơi ta mở cửa chào đón chân lý và tình yêu, nơi ta để chúng đụng đến ta và biến đổi ta cách sâu sắc. Đức tin biến đổi toàn bộ con người bao lâu họ biết mở cửa chào đón tình yêu. Nhờ sự hòa lẫn đức tin và tình yêu này, ta tiến tới chỗ nhìn ra loại nhận thức mà đức tin bao hàm, sức mạnh thuyết phục của nhận thức này và khả năng soi sáng đường ta đi của nó. Đức tin nhận thức vì nó nối kết với tình yêu, vì tình yêu đem đến soi sáng. Cái hiểu của đức tin phát sinh khi ta nhận được tình yêu bao la của Thiên Chúa, một tình yêu biến đổi ta từ bên trong và giúp ta nhìn thấy thực tại bằng con mắt mới.

27. Lối giải thích của triết gia Ludwig Wittenstein về sự nối kết giữa đức tin và sự chắc chắn đáng lưu ý. Đối với Wittgenstein, đức tin có thể so sánh với cảm nghiệm si tình: nó là một điều gì có tính chủ quan không thể đề xuất thành chân lý có giá trị cho mọi người (19). Quả tình,

phần lớn con người thời nay không coi tình yêu như có liên quan gì tới chân lý cả. Tình yêu bị họ coi như một kinh nghiệm có liên hệ tới thế giới cảm xúc mau qua, không còn liên hệ gì tới chân lý nữa.

Nhưng đấy có phải là mô tả thỏa đáng về tình yêu chăng? Tình yêu không thể bị giản lược thành một xúc cảm phù du. Đúng là nó mời gọi cảm xúc tính (affectivity), nhưng là để thổ lộ nó với người yêu và do đó làm sáng lên nẻo đường dẫn ta ra khỏi việc lấy mình làm trung tâm để hướng về một người khác, để xây dựng một liên hệ lâu dài; tình yêu nhằm kết hợp với người yêu. Ở đây, ta bắt đầu thấy tình yêu đòi hỏi chân lý ra sao. Chỉ bao lâu tình yêu được đặt cơ sở trên chân lý, nó mới bền vững với thời gian, nó mới vượt trên những khoảnh khắc mau qua và mới vững chắc đủ để nâng đỡ cuộc hành trình chung. Nếu tình yêu không nối kết với chân lý, nó sẽ thành mồi cho những xúc cảm phù phiếm và không thể chịu đựng được thử thách của thời gian. Một đàng, tình yêu chân thực thống nhất hóa mọi yếu tố của con người ta và trở nên ánh sáng mới chỉ đường cho ta tiến tới cuộc đời vĩ đại và thỏa đáng. Không có chân lý, tình yêu không thể thiết lập được một dây nối kết vững bền; nó không thể giải phóng cái tôi cô lập của ta hay cứu được nó khỏi những khoảnh khắc mau qua để tạo ra một sự sống và đem lại hoa trái.

Nếu tình yêu cần chân lý, thì chân lý cũng cần tình yêu. Tình yêu và chân lý không thể tách biệt nhau. Không có tình yêu, chân lý trở nên lạnh lùng, vô ngã và áp chế đối với cuộc sống hàng ngày của người ta. Chân lý được ta tìm kiếm, chân lý có thể đem lại ý nghĩa cho cuộc hành trình trong đời ta, soi sáng cho ta bất cứ khi nào tình yêu đụng đến ta. Người yêu là người biết rằng tình yêu là một cảm nghiệm chân lý, nó mở mắt để ta thấy thực tại một cách mới mẻ, trong hợp nhất với người ta yêu. Theo nghĩa này, Thánh Grêgôriô Cả viết rằng "*amor ipse notitia est*", tình yêu chính là loại nhận thức có được nhờ chính luận lý riêng của nó (20). Nó là đường hướng tương quan trong cách nhìn thế giới, một cách nhìn sẽ trở thành một hình thức của nhận thức chung, một cách nhìn xuyên qua mắt người khác và là cách nhìn chung về mọi sự vật đang hiện hữu. Thời Trung Cổ, William of Saint-Thierry đã theo truyền thống này khi ông chú giải câu trong Sách Diễm Ca của người yêu nói với người mình yêu "mắt em là những bồ câu" (Dc 1:15) (21). William cho rằng đôi mắt đây là lý trí và tình yêu đầy đức tin, là hai điều sẽ trở nên một khi vươn tới việc chiêm ngưỡng Thiên Chúa, khi cái hiểu của ta trở nên "cái hiểu của tình yêu đã thành thông sáng" (22).

28. Việc khám phá ra tình yêu như nguồn nhận thức này, vốn là thành phần của kinh nghiệm nguyên thủy nơi mọi người nam nữ, tìm được biểu thức có thế giá trong cái hiểu của Thánh Kinh về đức tin. Nhờ cảm nghiệm được tình yêu mà nhờ đó Thiên Chúa đã chọn họ và biến họ thành một dân tộc, Israel tiến tới chỗ hiểu được tính thống nhất toàn diện trong kế hoạch của Thiên Chúa. Nhận thức của đức tin, vì phát sinh từ tình yêu giao ước của Thiên Chúa, nên là nhận thức soi sáng cho con đường lịch sử. Đó là lý do tại sao, trong Thánh Kinh, chân lý và lòng trung thành luôn đi đôi với nhau: Thiên Chúa chân thật là Thiên Chúa trung thành, Đấng luôn giữ lời hứa và làm khả hữu, với thời gian, việc hiểu biết kế hoạch của Người. Qua kinh nghiệm của các tiên tri, trong cơn đau của lưu đày và trong hy vọng một dứt khoát trở về thành thánh, Israel đã tiến tới chỗ nhìn ra rằng "chân lý" thần linh này trải rộng quá cả giới hạn của lịch sử họ, để ôm lấy trọn lịch sử thế giới, bắt đầu với sáng tạo. Nhận thức đức tin dõi sáng không những cho số phận của một dân tộc đặc thù, mà còn cả trọn lịch sử của thế giới tạo dựng, từ khởi thủy cho tới tận cùng của nó.

Đức tin như nghe và nhìn

29. Chính vì nhận thức đức tin được nối vào giao ước với Thiên Chúa tín trung, Đấng đã bước vào liên hệ yêu thương với con người và nói cho họ biết lời của Người, nên Thánh Kinh đã trình bày nhận thức này như một hình thức nghe; nó được liên kết với thính giác. Thánh Phaolô sử dụng một công thức đã thành cổ điển: *fides ex auditu*, "đức tin phát xuất từ việc nghe" (Rm 10:17). Nhận thức liên kết với lời nói luôn luôn là nhận thức có bản vị; nó nhận ra tiếng của người nói, tự do mở lòng ra với người này và vâng theo họ. Thánh Phaolô đã có thể nói tới việc "vâng lời của đức tin" (xem Rm 1:5; 16:26) (23). Đức tin cũng là một nhận thức nối kết với dòng thời gian, vì lời nói cần có thì giờ để nói lên, và nó là nhận thức chỉ thẩm thấu được dọc đường làm môn đệ. Do đó, kinh nghiệm nghe có thể giúp làm nổi bật một cách rõ ràng hơn sợi dây liên kết giữa nhận thức và tình yêu.

Nói về nhận thức chân lý, có những lúc nghe trở thành đối nghịch với nhìn; người ta vẫn cho rằng nhấn mạnh tới nhìn vốn là đặc điểm của văn hóa Hy Lạp. Nếu ánh sáng làm khả hữu việc chiêm ngưỡng cái toàn bộ mà con người vốn khát mong, thì nó dường như cũng không chừa một chỗ nào cho tự do, vì nó phát xuất từ trời xuống thẳng mắt ta, không đòi một đáp trả. Xem ra, nó cũng đòi một loại chiêm ngưỡng tĩnh lặng (static), cách xa thế giới của lịch sử với mọi vui buồn của nó. Từ điểm nhìn này, cái hiểu của Thánh Kinh về nhận thức xem ra có tính phản đề đối với cái hiểu của Hy Lạp, vì cái hiểu sau liên kết nhận thức vào việc nhìn trong cố gắng của nó nhằm đạt được cái hiểu toàn bộ về thực tại.

Tuy nhiên, điều được coi là phản đề trên không tương ứng với dữ kiện Thánh Kinh. Cựu Ước phối hợp cả hai loại nhận thức, vì nghe lời Thiên Chúa đi song song với ước muốn được thấy mặt Người. Như thế, cơ sở đã được thiết lập cho cuộc đối thoại với văn hóa Hy Lạp, một cuộc đối thoại hiện diện ngay tại tâm điểm của Thánh Kinh. Nghe nhấn mạnh tới ơn gọi và sự vâng lời bản thân, và sự kiện này nữa: chân lý được mặc khải trong thời gian. Nhìn cho ta một viễn kiến về toàn bộ cuộc hành trình và cho phép nó được định vị trong kế hoạch toàn diện của Thiên Chúa; không có viễn kiến này, ta chỉ còn lại những phần rời rạc của một toàn bộ không ai biết đến.

30. Mối liên kết giữa nhìn và nghe trong nhận thức đức tin được trình bày hết sức rõ ràng trong Tin Mừng Gioan. Đối với Tin Mừng Thứ Tư này, tin là cả nghe lẫn nhìn. Cái nghe của đức tin xuất hiện như một hình thức biết riêng của tình yêu: nó là cái nghe bản vị, một cái nghe biết nhận ra tiếng của Người Chăn Chiên Nhân Lành (xem Ga 10:3-5); nó là cái nghe gọi ta làm môn đệ, như trường hợp các môn đệ đầu tiên: "Nghe Người nói những điều ấy, các ông đi theo Người" (Ga 1:37). Nhưng đức tin cũng được liên kết với việc nhìn. Thấy các dấu lạ Chúa Giêsu làm đôi lúc dẫn người ta tới đức tin, như trường hợp mấy người Do Thái, nhờ theo dõi việc phục sinh Ladarô, "thấy điều Người làm, đã tin vào Người" (Ga 11:45). Ở những lúc khác, đức tin dẫn người ta tới một viễn kiến sâu sắc hơn: "nếu chị tin, chị sẽ thấy vinh quang Thiên Chúa" (Ga 11:40). Cuối cùng, tin và nhìn giao thoa lẫn nhau: "Bất cứ ai tin tôi cũng tin vào Đấng đã sai tôi. Và bất cứ ai thấy tôi cũng sẽ thấy Đấng đã sai tôi" (Ga 12:44-45). Như thế, liên kết với nghe, nhìn trở thành một hình thức theo Chúa Kitô, và đức tin xuất hiện như một diễn trình chiêm ngắm, trong đó, mắt ta trở nên quen thuộc với việc nhìn vào nơi sâu thẳm. Buổi sáng Phục Sinh đã chuyển từ Gioan, người, nhờ đứng trong bóng tối ban mai trước ngôi mồ trống, "đã thấy và đã tin" (Ga 20:8) qua Maria Mađalêna, người, sau khi thấy Chúa Giêsu (xem Ga 20:14) và những muốn bám lấy Người, được yêu cầu phải chiêm ngưỡng Người vì Người lên với Chúa Cha, và cuối cùng qua việc tuyên xưng đầy đủ của bà trước các môn đệ: "tôi đã thấy Chúa!" (Ga 20:18).

Làm thế nào đạt được sự tổng hợp như trên giữa nghe và nhìn? Việc ấy trở nên khả hữu qua chính con người của Chúa Kitô, Đấng ta có thể nhìn và nghe. Người là Lời thành xác phàm, mà ta được thấy vinh quang (xem Ga 1:14). Ánh sáng đức tin là ánh sáng của một gương mặt trên đó Chúa Cha được nhìn ra. Trong Tin Mừng Thứ Tư, chân lý mà đức tin đạt tới là mạc khải về Chúa Cha trong Chúa Con, trong xác phàm của Người và trong việc làm trên trần thế của Người, một chân lý có thể định nghĩa là "ánh sáng đầy sự sống" của Chúa Giêsu (24). Điều này có nghĩa: nhận thức đức tin không hướng cái nhìn chăm chăm của ta vào một sự thật chỉ có tính hướng nội. Chân lý mà đức tin tỏ lộ cho ta là một chân lý đặt trọng tâm ở cuộc gặp gỡ với Chúa Kitô, ở việc chiêm ngắm cuộc đời của Người và ở việc ý thức được sự hiện diện của Người. Thánh Tôma Aquinô nói tới *oculata fides* (đức tin nhìn thấy) của các Tông Đồ khi đứng trước thân xác của Chúa Phục Sinh (25). Chính mắt các ngài nhìn thấy Chúa Giêsu phục sinh và các ngài đã tin; nói tóm lại, các ngài có khả năng dõi mắt vào những chỗ sâu thẳm của điều các ngài đang nhìn và tuyên xưng đức tin vào Con Thiên Chúa, đang ngự bên tay phải Thiên Chúa.

31. Chỉ bằng cách này, bằng cách mang xác phàm, chia sẻ nhân tính của ta, mà nhận thức riêng của tình yêu mới tiến tới chỗ đem lại hoa trái đầy đủ. Vì ánh sáng của tình yêu phát sinh khi trái tim ta được đánh động và ta mở lòng ra đón nhận sự hiện diện nội tại của người ta yêu mến, Đấng giúp ta có khả năng nhận ra sự mầu nhiệm của Người. Như thế, ta có thể hiểu lý do tại sao Thánh Gioan, ngoài việc nghe và nhìn, còn nói tới đức tin như là **rờ mó** nữa, như ngài từng viết trong Thư thứ nhất: "Điều chúng tôi từng nghe, điều chúng tôi từng nhìn tận mắt và rờ mó tận tay, đó là lời ban sự sống" (1Ga 1:1). Nhờ mang xác phàm và đến ở giữa ta, Chúa Giêsu đã đụng chạm tới ta, và nhờ các bí tích, Người tiếp tục đụng chạm tới ta cả bây giờ nữa; nhờ biến đổi tâm hồn ta, Người không ngừng giúp ta có khả năng nhìn nhận và tung hô Người là Con Thiên Chúa. Trong đức tin, ta có thể đụng chạm Người và nhận được sức mạnh ơn thánh của Người. Thánh Augustinô, khi chú giải trình thuật về người đàn bà hoại huyết đụng tới Chúa Giêsu và được khỏi bệnh (xem Lc 8:45-46), đã viết rằng: "Đụng đến Người bằng trái tim ta: đó chính là điều chỉ đức tin" (26). Đám đông chen lấn quanh Chúa Giêsu, nhưng họ không đụng đến Người bằng cái đụng bản vị của đức tin, một cái đụng khiến ta dự cảm được mầu nhiệm Người là Chúa Con mặc khải Chúa Cha. Chỉ khi nào ta đồng hình đồng dạng với Chúa Giêsu, ta mới nhận được đôi mắt cần có để nhìn thấy Người.

Đối thoại giữa đức tin và lý trí

32. Đức tin Kitô Giáo, nhờ công bố chân lý về tình yêu hoàn toàn của Thiên Chúa và mở lòng ta đón nhận sức mạnh của tình yêu này, là đức tin đi sâu vào cốt lõi kinh nghiệm nhân bản của ta. Mỗi người chúng ta, vì tình yêu, mà đến với ánh sáng, và mỗi người chúng ta được mời gọi yêu thương để tiếp tục ở trong ánh sáng. Vì muốn soi sáng mọi thực tại bằng tình yêu Thiên Chúa đã được tỏ hiện trong Chúa Giêsu, và tìm cách yêu thương người khác bằng cùng một tình yêu ấy, các Kitô hữu đầu tiên đã tìm thấy trong thế giới Hy Lạp, cùng với niềm khát mong chân lý của nó, còn là một đối tác lý tưởng để đối thoại nữa. Cuộc gặp gỡ của sứ điệp Tin Mừng với văn hóa triết lý của thế giới cổ thời đã chứng tỏ một bước quyết định trong việc phúc âm hóa mọi dân tộc, và kích thích cả một diễn trình hành động qua lại đầy hiệu quả giữa đức tin và lý trí, vẫn còn tiếp tục qua nhiều thế kỷ tới tận thời ta. Chân phúc Gioan Phaolô II, trong tông thư *Fides et Ratio* (Đức Tin và Lý Trí), đã cho thấy đức tin và lý trí đã củng cố lẫn nhau ra sao (27). Một khi đã khám phá được ánh sáng trọn vẹn của tình yêu Chúa Kitô, ta sẽ hiểu ra rằng mỗi mối tình trong đời ta đều luôn chứa một tia sáng, và ta hiểu được đích điểm cuối cùng

của nó. Sự kiện tình yêu nhân bản của ta chứa một tia sáng cũng giúp ta thấy: mọi tình yêu đều nhằm chia sẻ sự tự hiến hoàn toàn của Con Thiên Chúa vì ta ra sao. Trong chuyển động vòng cung này, ánh sáng đức tin soi chiếu mọi liên hệ nhân bản của ta, những liên hệ này sau đó được sống trong sự kết hợp mật thiết với tình yêu dịu dàng của Chúa Kitô.

33. Trong cuộc đời Thánh Augustinô, ta thấy một điển hình có ý nghĩa của diễn trình trên trong đó lý trí, với hoài mong chân lý và sự rõ ràng, đã được tích nhập vào chân trời đức tin và nhờ thế nhận được cái hiểu mới mẻ. Thánh Augustinô chấp nhận triết lý của Hy Lạp về ánh sáng, với nhấn mạnh của nó về sự quan trọng của việc nhìn. Việc ngài gặp gỡ chủ nghĩa tân Platông đã dẫn ngài vào mô hình của ánh sáng. Mô hình từ trên cao xuống để soi sáng mọi thực tại này tượng trưng cho chính Thiên Chúa. Nhờ thế, Thánh Augustinô tiến tới chỗ hiểu được tính siêu việt của Thiên Chúa và khám phá ra rằng mọi sự đều có một độ trong sáng nào đó nên chúng có thể phản ánh sự tốt lành của Thiên Chúa. Cái hiểu này đã giải thoát ngài khỏi thuyết Manikêan trước đó, tức thuyết khiến ngài nghĩ rằng thiện và ác luôn không ngừng tranh chấp, không ngừng lẫn lộn và đan kết với nhau. Việc hiểu Thiên Chúa là ánh sáng cung cấp cho Thánh Augustinô một định hướng mới trong đời và giúp ngài biết thừa nhận tội lệ của mình và quay về với điều thiện.

Dù sao, khoảnh khắc quyết định trên hành trình đức tin của Thánh Augustinô, như chính ngài kể trong Tự Thú, không phải là trong viễn kiến về một Thiên Chúa ở trên cao và vượt trên thế giới, mà là trong kinh nghiệm nghe. Trong một vườn kia, ngài nghe có tiếng nói với ngài: "Hãy cầm lên mà đọc". Ngài bèn cầm quyển sách chứa các thư của Thánh Phaolô lên và bắt đầu đọc chương 13 của Thư gửi tín hữu Rôma (28). Nhờ thế, Thiên Chúa bản vị của Thánh Kinh đã tỏ hiện với ngài: một Thiên Chúa có khả năng nói với ta, xuống cư ngụ giữa ta và cùng đi cuộc hành trình qua lịch sử với ta, làm cho mình được biết đến trong diễn trình nghe và đáp trả.

Ấy thế nhưng cuộc gặp gỡ Thiên Chúa biết nói không dẫn Thánh Augustinô đến chỗ từ khước ánh sáng và việc nhìn. Ngài tích nhập hai viễn tượng nghe và nhìn, không ngừng được hướng dẫn bởi mạc khải tình yêu Thiên Chúa trong Chúa Giêsu. Nhờ thế, Thánh Augustinô khai triển được nền triết lý về ánh sáng có khả năng bao trùm cả tính hỗ tương của riêng lời và sự tự do phát sinh từ việc nhìn vào ánh sáng. Như lời đòi một đáp trả tự do thế nào, ánh sáng cũng tìm một đáp trả nơi hình ảnh nó phản chiếu như vậy. Do đó, Thánh Augustinô có thể liên kết nghe với nhìn, và nói tới "lời sáng lên từ bên trong" (29). Có thể nói, ánh sáng trở thành ánh sáng của lời, vì nó là ánh sáng của một gương mặt bản vị, một ánh sáng, trong lúc soi sáng cho ta, luôn kêu gọi ta và tìm cách được phản chiếu lên khuôn mặt ta và chiếu soi từ bên trong ta. Ấy thế nhưng lòng hoài mong được thấy toàn bộ, chứ không phải chỉ là các mảnh vụn của lịch sử, vẫn còn đó và cuối cùng sẽ được nên trọn khi, theo lời Thánh Augustinô, ta sẽ thấy và sẽ yêu (30). Không phải vì ta có khả năng chiếm hữu trọn ánh sáng, là thứ luôn bất tận, mà là vì ta trọn vẹn bước vào ánh sáng này.

34. Ánh sáng tình yêu đặc trưng của đức tin có thể chiếu sáng các vấn nạn của thời ta về chân lý. Ngày nay, chân lý thường bị giản lược vào tính chân thực (authenticity) chủ quan của cá nhân, chỉ có giá trị cho đời sống cá nhân. Chân lý chung làm ta khiếp đảm, vì ta đồng nhất nó với các đòi hỏi không khoan nhượng của các hệ thống toàn trị. Nhưng nếu chân lý là chân lý của tình yêu, nếu nó là chân lý được tỏ lộ trong cuộc gặp gỡ bản vị với Đấng Khác và những người khác, thì nó có thể được giải phóng khỏi cảnh giam hãm trong các cá nhân và trở nên thành phần của thiện ích chung. Là chân lý của tình yêu, nó không phải là loại chân lý có thể áp

đặt bằng vũ lực; nó không phải là loại chân lý làm tê liệt cá nhân. Vì phát sinh từ tình yêu, nó có thể vào sâu trong trái tim, tới tận cốt lõi bản vị của mỗi người nam nữ. Như thế, rõ ràng, đức tin không bất khoan nhượng, mà lớn lên trong cuộc sống chung đầy kính trọng với người khác. Người tin không hợm hĩnh; trái lại, chân lý dẫn tới lòng khiêm nhường, vì tín hữu biết rằng chính chân lý bao trùm và chiếm hữu ta chứ ta không chiếm hữu chân lý. Không hề làm ta ra cứng ngắc, tính an toàn của đức tin đặt ta vào một cuộc hành trình; nó làm khả hữu việc làm chứng và đối thoại với mọi người. Khi đã nối kết với chân lý của tình yêu, ánh sáng đức tin cũng không phải là ngoại thể đối với thế giới vật chất, vì tình yêu luôn được sống trong thân xác và tinh thần; ánh sáng đức tin là ánh sáng nhập thể tỏa ra từ cuộc đời sáng lạn của Chúa Giêsu. **Ánh sáng này cũng chiếu soi thế giới vật chất, tin tưởng trật tự nội tại của nó và biết rằng nó mời gọi ta bước vào nẻo đường mỗi ngày mỗi mở rộng hơn của hòa hợp và hiểu biết**. Như thế, cái nhìn của khoa học được hưởng lợi từ đức tin: đức tin khuyến khích nhà khoa học luôn cởi mở với thực tại trong mọi nét phong phú bất tận của nó. Đức tin đánh thức cảm thức phê phán qua việc ngăn cản không cho cuộc tìm kiếm của nó tự hài lòng với các công thức của riêng nó và giúp nó hiểu ra rằng thiên nhiên luôn lớn lao hơn. Nhờ kích thích lòng bỡ ngỡ trước mầu nhiệm sâu thẳm của tạo dựng, đức tin mở rộng các chân trời của lý trí để rọi một ánh sáng lớn hơn trên thế giới vốn tự bộc lộ cho cuộc tìm tòi của khoa học.

Đức tin và việc tìm kiếm Thiên Chúa

35. Ánh sáng đức tin nơi Chúa Giêsu cũng soi sáng đường đi cho mọi người đang tìm kiếm Thiên Chúa, và thực hiện một đóng góp đặc trưng Kitô Giáo vào cuộc đối thoại với tín hữu của các tôn giáo khác. Thư Do Thái nói tới chứng tá của những người công chính, trước thời có giao ước với Ápraham, vốn đã đi tìm Thiên Chúa trong niềm tin. Về Ênốc "có lời chứng ông đã làm vui lòng Thiên Chúa" (Dt 11:5), một điều nếu không có đức tin không thể làm được, vì "bất cứ ai tới gần Thiên Chúa đều phải tin rằng Người hiện hữu và Người tưởng thưởng những ai tìm kiếm Người" (Dt 11:6). Từ điều này, ta có thể thấy: con đường của người tôn giáo đi qua việc nhìn nhận một Thiên Chúa biết quan tâm tới ta và không phải là không thể tìm ra. Đâu là phần thưởng khác mà Thiên Chúa có thể ban cho những người tìm kiếm Người nếu không phải là để Người được tìm ra? Ngay trước đó nữa, ta gặp Abel, mà đức tin được ca ngợi và cống phẩm, tức của lễ đầu mùa trong đoàn vật của ông (xem Dt 11:4), làm vui lòng Thiên Chúa. Người tôn giáo cố gắng nhìn ra các dấu chỉ của Thiên Chúa trong kinh nghiệm sống hàng ngày, trong chu kỳ bốn mùa, trong sự mầu mỡ của trái đất và trong chuyển vần của vũ trụ. Thiên Chúa là ánh sáng và những ai tìm kiếm Người bằng một tâm hồn thành thực đều có thể tìm thấy Người.

Ta có thể thấy một hình ảnh về việc tìm kiếm này nơi Ba Vua, những người đã được ngôi sao dẫn tới Bêlem (xem Mt 2:1-12). Đối với họ, ánh sáng của Thiên Chúa xuất hiện dưới dạng một **hành trình phải được thực hiện**, một ngôi sao dẫn họ lên đường khám phá. Ngôi sao là dấu chỉ lòng kiên nhẫn của Thiên Chúa đối với đôi mắt ta; chúng cần quen dần với sự sáng láng của Người. Người tôn giáo là người đi đường xa; họ phải sẵn sàng để được hướng dẫn, để ra khỏi mình và tìm thấy vị Thiên Chúa của những ngạc nhiên trường cửu. Khía cạnh mà Thiên Chúa đóng đối với đôi mắt phàm nhân của ta này cho thấy khi tới gần Thiên Chúa, ánh sáng phàm nhân của ta không bị triệt tiêu trước tính bao la của ánh sáng Người, như vì sao bị lu mờ trước bình minh, trái lại càng gần ngọn lửa nguyên thủy này, nó càng rạng sáng hơn nữa, như gương soi phản chiếu ánh sáng vậy. Đức tin của Kitô hữu vào Chúa Kitô, Đấng Cứu Thế duy nhất, tuyên xưng rằng trọn ánh sáng của Thiên Chúa đều tập trung vào Người, vào "cuộc đời sáng

lạn" của Người, một cuộc đời mạc khải cả nguồn cội lẫn cùng đích của lịch sử (31). Không một kinh nghiệm nhân bản nào, không một hành trình nào của con người hướng tới Thiên Chúa lại không thể khởi diễn, được soi sáng và thanh luyện bởi ánh sáng này. Càng dìm mình trong vòng ánh sáng của Chúa Kitô, Kitô hữu càng có khả năng hiểu biết và cùng dấn thân trên nẻo đường của mọi người nam nữ hướng về Thiên Chúa.

Vì đức tin là con đường, nó cũng liên hệ với cuộc đời mọi người nam nữ, dù chưa tin, vẫn muốn được tin và tiếp tục tìm kiếm. Bao lâu họ biết thành thật cởi mở với tình yêu và lên đường với bất cứ ánh sáng nào tìm được, họ thực sự đã ở trên con đường dẫn tới đức tin rồi, dù không biết như vậy. Họ cố gắng hành động như thể có Thiên Chúa, đôi khi vì họ hiểu tầm quan trọng của Người trong việc tìm ra chiếc la bàn chắc chắn cho cuộc sống chung hay vì họ cảm thấy một ước muốn được thấy ánh sáng trong đêm tối, nhưng cũng có thể vì nhờ nhìn thấy nét cao cả và đẹp đẽ của đời sống, họ trực giác thấy rằng sự hiện diện của Thiên Chúa đã làm mọi sự trở nên đẹp đẽ hơn. Thánh Irênê thành Lyons cho thấy Ápraham, trước khi nghe tiếng Thiên Chúa nói, đã tìm kiếm Người ra sao "bằng một ước mong bừng cháy trong lòng ông" và "đi khắp thế gian, tự hỏi mình phải tìm Thiên Chúa ở đâu", cho đến khi "Thiên Chúa tỏ lòng xót thương ông, người đã một mình, âm thầm đi tìm Người" (32). Bất cứ ai chịu khởi hành lên đường làm điều thiện cho người khác đều đã đến gần Thiên Chúa rồi, đều đã được sự trợ giúp của Người nâng đỡ rồi, vì ánh sáng thần linh có đặc điểm làm sáng đôi mắt ta bất cứ khi nào ta chịu bước về phía tình yêu viên mãn.

Đức tin và thần học

36. Vì là ánh sáng, đức tin lôi cuốn ta hòa nhập vào nó, bằng cách mời gọi ta khám phá trọn vẹn hơn nữa chân trời được nó chiếu soi, để biết rõ hơn đối tượng của tình yêu ta. Thần học Kitô giáo phát sinh từ ước muốn này. Rõ ràng, thần học không thể khả hữu nếu không có đức tin; nó là thành phần của mọi diễn trình đức tin, là những diễn trình tìm hiểu sâu xa hơn nữa việc Thiên Chúa từ từ tự tỏ mình ra, và cao điểm là nơi Chúa Kitô. Thành thử thần học không phải chỉ là một cố gắng phân tích và tìm hiểu của lý trí phàm nhân, theo các đường hướng của khoa học thực nghiệm. Thiên Chúa không thể bị giản lược vào một đối tượng. Người là chủ thể tự làm cho mình được biết đến và được nhận diện trong một liên hệ liên bản vị. Đức tin đúng là đức tin điều hướng lý trí để nó cởi mở đối với ánh sáng phát xuất từ Thiên Chúa, để lý trí, nhờ được tình yêu của chân lý hướng dẫn, có thể đạt tới một nhận thức sâu sắc hơn về Thiên Chúa. Các nhà thần học và bậc thầy vĩ đại thời Trung Cổ rất đúng khi chủ trương rằng thần học, hiểu như một khoa học về đức tin, là việc tham dự vào nhận thức Thiên Chúa về chính Người. Đây **không phải là diễn từ của ta về Thiên Chúa, mà trên hết và trước hết, là chấp nhận và theo đuổi một cái hiểu sâu sắc hơn về lời Thiên Chúa từng nói với ta, lời Thiên Chúa nói về chính Người**, vì Người là cuộc đối thoại trường cửu của hiệp thông, và Người cho phép ta tham dự vào cuộc đối thoại này (33). Như thế, thần học đòi phải có lòng khiêm nhường để được Thiên Chúa "đụng chạm", bằng cách nhìn nhận các giới hạn của nó trước mầu nhiệm, trong khi vẫn tìm tòi các kho tàng bất tận của mầu nhiệm này, với một kỷ cương riêng của lý trí.

Thần học cũng tham dự vào hình thức tin của Giáo Hội; ánh sáng của nó là ánh sáng của chủ thể tin, tức Giáo Hội. Điều này, một đàng, hàm nghĩa: thần học phải phục vụ đức tin của Kitô hữu, nó phải làm việc cách khiêm nhường để bảo vệ và sâu sắc hóa đức tin của mọi người, nhất là các tín hữu bình thường. Đàng khác, vì nhận được sinh khí từ đức tin, thần học không thể coi

huấn quyền của Đức Giáo Hoàng và của các giám mục hiệp thông với ngài như một điều ngoại tại, một giới hạn đối với tự do của nó, mà đúng hơn phải như một trong các chiều kích nội tại và cấu thành ra nó, vì huấn quyền đảm bảo việc ta tiếp xúc được với nguồn cội nguyên thủy và do đó, sự chắc chắn sẽ đạt được lời Chúa Kitô trong mọi nét nguyên tuyền của nó.

Chương Ba: Tôi trao cho anh em điều tôi đã nhận được (xem 1 Cor 15:3)

Giáo Hội, mẹ của đức tin ta

37. Ai đã mở lòng mình cho tình yêu Thiên Chúa, nghe tiếng Người và tiếp nhận áng sáng Người, đều không thể giữ hồng ân này cho riêng mình được. Vì là nghe và nhìn, đức tin cũng đã được chuyển giao như lời và ánh sáng. Nói với tín hữu Côrintô, Thánh Phaolô dùng hai hình ảnh sau đây. Một đàng, ngài nói "vì có được cùng một đức tin, như đã chép 'tôi đã tin nên tôi mới nói', thì chúng tôi cũng tin, nên chúng tôi mới nói" (2Cor 4:13). Khi đã được chấp nhận, lời trở nên câu đáp trả, câu tuyên xưng đức tin, được loan truyền tới người khác và mời gọi họ tin. Thánh Phaolô cũng dùng hình ảnh ánh sáng: "tất cả chúng ta, mặt không che màn, chúng ta phản chiếu vinh quang của Chúa như một bức gương; như vậy, chúng ta được biến đổi nên giống cũng một hình ảnh ấy" (2Cor 3:18). Đây là ánh sáng phản chiếu từ gương mặt này qua gương mặt khác, thậm chí như Môsê mang phản ảnh vinh quang Thiên Chúa sau khi được nói với Người: "Thiên Chúa cũng làm cho ánh sáng chiếu soi lòng trí chúng tôi, để tỏ bày cho thiên hạ được biết vinh quang của Thiên Chúa rạng ngời trên gương mặt Chúa Kitô" (2Cor 4:6). Ánh sáng Chúa Kitô chiếu sáng trên gương mặt Kitô hữu như trên một bức gương; vừa tỏa sáng, nó vừa chiếu xuống ta để cả ta nữa ta cũng tham dự vào ánh sáng này và phản chiếu nó trên gương mặt người khác, cùng một cách như trong phụng vụ Phục Sinh, ánh sáng ngọn nến phục sinh đốt sáng muôn vàn ngọn nến khác. Có thể nói: đức tin chuyền từ người này qua người nọ, y hệt ngọn nến này được thắp sáng từ ngọn nến kia. Kitô hữu trong cảnh nghèo khó của mình đã gieo được một hạt giống mầu mỡ đến nỗi lớn thành một cây vĩ đại, có khả năng làm cho thế giới đầy rẫy hoa trái của mình.

38. Việc truyền đạt đức tin không chỉ đem ánh sáng đến cho mọi người nam nữ khắp nơi; nó còn vượt qua thời gian, từ thế hệ này qua thế hệ nọ. Vì phát sinh từ cuộc gặp gỡ diễn ra trong lịch sử và soi dẫn hành trình qua thời gian của ta, đức tin ở mọi thời đại cần được chuyển giao. Chính nhờ dây chuyền bất tận các chứng tá này, ta thấy được khuôn mặt của Chúa Giêsu. Nhưng chuyện ấy có thể có được như thế nào? Làm thế nào ta biết chắc mình đã gặp được "Chúa Giêsu thực" sau hàng bao thế kỷ?Nếu ta chỉ là những cá nhân cô lập, nếu khởi điểm của ta chỉ là cái tôi cá nhân của ta tự tìm trong mình căn bản cho nhận thức tuyệt đối chắc chắn, thì sự chắc chắn loại này không thể nào có được. Tôi không thể nào chứng thực cho tôi một điều đã xảy ra rất lâu trước đây. Tuy nhiên, đây không phải là cách duy nhất để ta đạt được nhận thức. **Con người luôn sống trong liên hệ**. Ta phát sinh từ người khác, ta thuộc về người khác, và đời ta được mở rộng nhờ gặp gỡ với người khác. Thậm chí, nhận thức và việc tự ý thức của ta cũng có tính tương quan; chúng được liên kết với người khác vốn đã đi trước ta: trước nhất là cha mẹ ta, những người đã đem đến cho ta sự sống và tên tuổi. Chính ngôn ngữ, những ngôn từ nhờ đó ta làm cho đời ta và thế giới quanh ta có ý nghĩa, cũng đã đến với ta từ những người khác, được gìn giữ trong ký ức sống động của người khác. Việc biết mình cũng chỉ có thể có được khi ta tham dự vào một ký ức chung lớn hơn. Với đức tin cũng thế; nó đem cái hiểu nhân bản đến chỗ viên mãn. Quá khứ của đức tin, tức hành vi yêu thương của Chúa Giêsu từng đem sự sống mới cho thế gian, cũng đã đến với chúng ta qua ký ức của những người khác, các chứng nhân, và được giữ cho sống động trong chủ thể tưởng niệm duy nhất là Giáo Hội. Giáo

Hội là một Bà Mẹ dạy ta nói ngôn ngữ đức tin. Thánh Gioan làm nổi bật điều này trong Tin Mừng của ngài bằng cách kết hợp chặt chẽ đức tin và ký ức và liên kết chúng với hoạt động của Chúa Thánh Thần, Đấng, theo lời Chúa Giêsu, "sẽ nhắc các con nhớ lại mọi điều Thầy đã nói với các con" (Ga 14:26). Tình yêu, vốn là Chúa Thánh Thần và đang cư ngụ trong Giáo Hội, hợp nhất mọi thời và làm chúng ta trở nên người đồng thời với Chúa Giêsu, nhờ thế luôn hướng dẫn ta dọc dài qua cuộc hành trình đức tin của ta.

39. Ta không thể tự mình tin được. Đức tin không đơn giản là quyết định cá nhân diễn ra trong thẳm sâu tâm hồn tín hữu, cũng không phải là một liên hệ hoàn toàn tư riêng giữa cái "Tôi" của tín hữu và cái "Ngài" của Thiên Chúa, giữa chủ thể tự lập và Thiên Chúa. Từ chính bản chất của nó, đức tin mở ra trước cái "Chúng Tôi" của Giáo Hội; nó luôn diễn ra trong hiệp thông Giáo Hội. Thể thức đối thoại trong kinh tin kính dùng trong phụng vụ rửa tội nhắc nhớ điều này. **Niềm tin của ta được phát biểu thành câu đáp trả một lời mời**, **một lời cần được nghe và không phải của chính tôi; nó hiện hữu như một phần của cuộc đối thoại và không thể chỉ là lời tuyên xưng phát nguyên nơi một cá nhân**. Ta chỉ có thể đáp bằng chữ "tôi" số ít, "tôi tin", vì ta là thành phần của một hiệp thông lớn hơn, vì ta cũng nói "chúng tôi tin". Việc cởi mở đối với cái "chúng tôi" có tính Giáo Hội này phản ảnh sự cởi mở của chính tình yêu Thiên Chúa, một tình yêu không chỉ là liên hệ giữa Chúa Cha và Chúa Con, giữa một "Con" và một "Ngài", mà còn là trong Chúa Thánh Thần nữa, một cái "Chúng Ta", tức hiệp thông các ngôi vị. Ở đây, ta thấy tại sao những người tin không bao giờ đơn độc cả, và tại sao đức tin có khuynh hướng truyền lan, vì nó mời gọi người khác chia sẻ niềm vui của nó. Những ai tiếp nhận đức tin đều khám phá ra rằng các chân trời của họ mở rộng như mới và nhiều liên hệ làm người ta phong phú được phát sinh. Tertulianô nói về điều này rất hay khi ông miêu tả người dự tòng "sau việc tẩy sạch đem lại sự sống mới" được chào đón vào nhà của mẹ họ và như một phần của gia đình mới, cùng đọc kinh Lạy Cha với các anh chị em của mình (34).

Các bí tích và việc thông truyền đức tin

40. Giống mọi gia đình, Giáo Hội truyền lại cho con cái mình trọn kho tàng ký ức của mình. Nhưng việc chuyển giao này diễn ra thế nào khiến không những không mất đi điều gì mà mọi điều trong gia tài đức tin còn được hiểu biết sâu sắc hơn nữa? Chính là nhờ Tông Truyền được gìn giữ trong Giáo Hội với sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần, mà ta mới được diễm phúc tiếp xúc với ký ức nền tảng. Như Công Đồng Vatican II từng công bố, điều được các tông đồ truyền lại "bao gồm mọi sự nhằm giúp dân Chúa sống cuộc sống họ trong thánh thiện và gia tăng đức tin. Nhờ cách này, Giáo Hội, bằng tín lý, đời sống và thờ phượng của mình, lưu truyền mãi mãi cho mọi thế hệ tất cả những gì mình là, và tất cả những gì mình tin" (35).

Thực vậy, đức tin cần một khung cảnh để nó được làm chứng và thông truyền, một phương thế vừa thích đáng vừa cân xứng với điều được thông truyền. Vì để thông truyền một nội dung hoàn toàn có tính tín lý, một ý niệm có thể đã đủ, hay có lẽ một cuốn sách, hay lặp lại một sứ điệp đã nói. Nhưng điều được thông truyền trong Giáo Hội, điều được chuyển giao trong Truyền Thống sinh động của Giáo Hội, là ánh sáng mới phát sinh từ cuộc gặp gỡ với Thiên Chúa chân thật, một ánh sáng **chạm tới ta ở chính cốt lõi hữu thể ta và vận dụng được cả tâm trí, ý chí và mọi xúc cảm của ta, mở lòng ta ra đón nhận các liên hệ sống động trong hiệp thông**. Nên phải có một phương thế đặc biệt để chuyển giao sự viên mãn này, một phương thế có khả năng vận dụng được toàn bộ con người ta, cả thân xác lẫn tinh thần, cả cuộc sống nội tâm lẫn các liên hệ với người khác. **Phương thế ấy chính là các bí tích**, được cử

hành trong phụng vụ của Giáo Hội. Các bí tích thông truyền ký ức nhập thể, được nối kết với mọi thời điểm và mọi địa điểm của đời ta, với mọi giác quan của ta; trong các bí tích, trọn con người ta được vận dụng như là chi thể của một chủ thể sống động và là một phần trong hệ thống liên hệ cộng đoàn. Dù các bí tích vốn là bí tích của đức tin (36), nhưng ta cũng có thể nói rằng đức tin tự nó có một cấu trúc bí tích. Việc làm cho đức tin sống dậy được nối kết với sự xuất hiện của một cảm thức mới về bí tích trong đời ta, đời làm người và đời làm Kitô hữu, trong đó các thực tại hữu hình và vật chất được coi như vượt quá chúng để hướng về mầu nhiệm trường cửu.

41. Việc thông truyền đức tin, trước nhất và trên hết, diễn ra trong **Phép Rửa**. Một số người có thể nghĩ rằng Phép Rửa chỉ là một cách biểu tượng hóa việc tuyên xưng đức tin, một dụng cụ sư phạm đối với những ai cần có hình ảnh và dấu hiệu, mà tự nó, xét cho cùng, không cần thiết. Thánh Phaolô từng đưa ra một nhận xét về Phép Rửa để nhắc ta nhớ: không phải như thế. Ngài viết rằng: "Vì được dìm vào trong cái chết của Người, chúng ta đã được mai táng với Người. Bởi thế, cũng như Chúa Kitô đã trỗi dậy từ cõi chết nhờ vinh quang Chúa Cha thế nào, chúng ta cũng được sống đời sống mới như thế" (Rm 6:4). Trong Phép Rửa, ta trở nên tạo vật mới và là con nuôi của Thiên Chúa. Thánh Tông Đồ sau đó cho hay: Kitô hữu đã được phó thác cho **"việc giảng dạy tiêu chuẩn" (*týpos didachés*)** mà nay họ sẵn sàng vâng phục thật trong lòng (xem Rm 6:17). Trong Phép Rửa, ta tiếp nhận **cả lời giảng** cần được công bố **lẫn cách sống** đặc biệt đòi phải vận dụng toàn bộ con người và đặt ta vào nẻo đường sự thiện. Ai chịu Phép Rửa đều được đặt vào một bối cảnh mới, được trao phó cho một môi trường mới, một cách hành động mới, chung chia trong Giáo Hội. Như thế, Phép Rửa khiến ta thấy rằng đức tin không phải là thành tựu của các cá nhân cô lập; nó không phải là một hành vi mà ai đó có thể tự mình diễn xuất, mà đúng hơn, nó là một điều cần được tiếp nhận bằng cách đi vào hiệp thông Giáo Hội, một hiệp thông chuyển giao ơn phúc Thiên Chúa. Không ai tự rửa cho mình được, cũng như không ai tự bước vào đời được. Phép Rửa là điều ta tiếp nhận.

42. Các yếu tố trong Phép Rửa dẫn ta vào việc "giảng dạy tiêu chuẩn" mới này là những yếu tố nào? Thứ nhất, thánh danh Ba Ngôi, Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, được khẩn cầu trên người dự tòng. Bởi thế, ngay từ đầu, một tổng hợp của hành trình đức tin đã được cung cấp. Thiên Chúa, Đấng từng kêu gọi Ápraham và muốn được tuyên xưng là Chúa của ông, Đấng Thiên Chúa từng mạc khải tên mình cho Môsê, Đấng Thiên Chúa, khi ban Con của Người cho ta, đã mạc khải trọn vẹn mầu nhiệm của tên Người, nay đang ban cho người chịu Phép Rửa một căn tính mới có tính con thảo. Điều này thấy rõ trong chính hành vi của Phép Rửa: dìm trong nước. Nước vừa là biểu tượng của sự chết, mời gọi ta rời khỏi cảnh tự hướng vào mình mà bước vào một căn tính mới và lớn lao hơn, vừa là biểu tượng của sự sống, của lòng dạ trong đó ta được tái sinh bằng cách theo chân Chúa Kitô bước vào sự sống mới của Người. Bằng cách này, nghĩa là bằng cách dìm mình trong nước, Phép Rửa nói cho ta thấy cấu trúc nhập thể của đức tin. Công trình của Chúa Kitô vào sâu trong thẳm sâu hữu thể ta và biến đổi ta cách triệt để, bằng cách làm ta trở nên con nuôi của Thiên Chúa và tham dự vào bản chất thần linh. Nhờ thế, nó điều chỉnh mọi liên hệ của ta, chỗ đứng của ta trong thế giới này và trong cả vũ trụ, và mở cho chúng cuộc sống hiệp thông của chính Thiên Chúa. Sự thay đổi diễn ra trong Phép Rửa này giúp ta biết đánh giá tầm quan trọng hết sức đặc biệt của đoàn dự tòng đối với việc tân phúc âm hóa, qua đó, càng ngày càng đông các người trưởng thành, ngay trong các xã hội có gốc rễ Kitô Giáo xưa kia, chịu tiếp cận bí tích Rửa Tội. Nó là con đường chuẩn bị chịu Phép Rửa để biến đổi trọn cuộc đời trong Chúa Kitô.

Để đánh giá đúng sự nối kết giữa Phép Rửa và đức tin, ta có thể nhắc đến bản văn của Tiên Tri Isaia, thường được văn chương Kitô Giáo tiên khởi liên kết với Phép Rửa: "Nơi trú ẩn của họ sẽ là thành trì bằng đá... nguồn nước của họ được bảo đảm" (Is 33:16) (37). Người chịu Phép Rửa, nhờ được cứu khỏi nước sự chết, nay được đặt vào một "thành trì bằng đá" vì họ đã tìm được một nền tảng vững chắc và đáng tin cậy. Nước sự chết, do đó, đã được biến đổi thành nước sự sống. Bản Hy Lạp, khi nói tới nguồn nước "được bảo đảm" này, đã dùng chữ *pistós*, "trung tín". Nước của Phép Rửa quả là trung tín và đáng tin, vì tuôn chảy bằng sức mạnh của tình yêu Chúa Kitô, nguồn mọi bảo đảm cho cuộc hành trình trong đời.

43. Cấu trúc của Phép Rửa, hình thức tái sinh của nó, qua đó, ta nhận được một tên mới và một sự sống mới, giúp ta biết đánh giá ý nghĩa và tầm quan trọng của Phép Rửa trẻ sơ sinh. Trẻ em không có khả năng chấp nhận đức tin bằng hành vi tự do, cũng chưa có khả năng tự mình tuyên xưng đức tin ấy; cho nên đức tin đã được cha mẹ và người đỡ đầu tuyên xưng nhân danh các em. Vì đức tin là một thực tại được sống trong cộng đồng Giáo Hội, một phần của cái "chúng tôi" chung, nên trẻ em được nâng đỡ bởi nhiều người khác, bởi cha mẹ và người đỡ đầu, và được chào đón vào đức tin của họ, vốn là đức tin của Giáo Hội; điều này được tượng trưng bởi cây nến mà người cha em bé đốt lên từ cây nến phục sinh. Như thế, cấu trúc của Phép Rửa chứng minh tầm quan trọng rất chủ yếu của việc hợp tác giữa Giáo Hội và gia đình trong việc chuyển giao đức tin. Như Thánh Augustinô có lần nói, cha mẹ được kêu gọi không những đem con cái vào đời mà còn đem chúng tới Thiên Chúa, để qua Phép Rửa, chúng được tái sinh làm con cái Thiên Chúa và nhận được hồng ân đức tin (38). Như thế, cùng với sự sống, trẻ em được ban tặng một xu hướng nền tảng và được bảo đảm một tương lai tốt; xu hướng này sẽ được củng cố hơn nữa trong bí tích Thêm Sức với ấn tín Chúa Thánh Thần.

44. Đặc tính bí tích của đức tin tìm được biểu thức cao nhất trong Phép Thánh Thể. Thánh Thể là của nuôi quý giá của đức tin: một cuộc gặp gỡ với Chúa Kitô thực sự hiện diện trong hành vi yêu thương tối cao của Người, tức việc Người tự hiến chính Người. Trong Phép Thánh Thể, ta thấy sự giao thoa của hai chiều kích đức tin. Một đàng, là **chiều kích lịch sử**: Phép Thánh Thể là một hành vi tưởng niệm, biến thành hiện tại một mầu nhiệm trong đó quá khứ, tức biến cố chết và phục sinh, chứng tỏ mình có khả năng mở ra một tương lai, tiên báo một thành toàn tối hậu. Phụng vụ nhắc ta nhớ điều này bằng cách lặp lại chữ *hodie*, "hôm nay" của mầu nhiệm cứu rỗi. Đàng khác, ta cũng tìm thấy **chiều kích dẫn từ thế giới hữu hình qua thế giới vô hình**. Trong Phép Thánh Thể, ta học cách biết nhìn chiều cao và chiều sâu của thực tại. Bánh và rượu được biến đổi thành mình và máu Chúa Kitô, Đấng trở nên hiện diện trong cuộc vượt qua về với Chúa Cha: chuyển động này kéo ta, cả xác lẫn hồn, vào chuyển động của tòan sáng thế hướng về sự thành toàn của nó trong Thiên Chúa.

45. Trong việc cử hành các bí tích, Giáo Hội chuyển giao ký ức của mình một cách đặc biệt qua việc tuyên xưng đức tin. Kinh tin kính không chỉ bao gồm việc đồng thuận của ta đối với một bộ các chân lý trừu tượng; đúng hơn, khi nó được đọc lên, toàn bộ cuộc sống được lôi cuốn vào cuộc hành trình hướng tới việc hiệp thông hoàn toàn với Thiên Chúa hằng sống. Ta có thể nói rằng trong kinh tin kính, các tín hữu được mời gọi bước vào mầu nhiệm được chính họ tuyên xưng và để nó biến đổi mình. Muốn hiểu điều này có nghĩa gì, ta hãy trước nhất nhìn vào nội dung kinh tin kính. Nó có cấu trúc Ba Ngôi: Chúa Cha và Chúa Con hợp nhất trong Chúa Thánh Thần của tình yêu. Như thế, người tín hữu quả quyết rằng cốt lõi mọi hữu thể, bí mật thâm sâu nhất của mọi thực tại, là sự hiệp thông thần linh. Kinh tin kính cũng chứa lời tuyên xưng Kitô học: nó dẫn ta qua mọi mầu nhiệm của đời Chúa Kitô cho tới lúc Người chết, sống

lại và lên trời trước khi trở lại lần cuối trong vinh quang. Nó kể cho ta nghe vị Thiên Chúa của hiệp thông này, của tình yêu hỗ tương giữa Chúa Cha và Chúa Con trong Chúa Thánh Thần này, có khả năng ôm trùm trọn lịch sử con người và lôi cuốn nó vào sự hợp nhất đầy năng động của Thiên Tính, vốn có nguồn gốc và thành toàn nơi Chúa Cha. Người tín hữu tuyên xưng đức tin dường như được thấm nhập vào chính chân lý đang được tuyên xưng vậy. Họ thực sự không thể đọc được các lời của kinh tin kính nếu không được thay đổi, không trở thành một phần của lịch sử yêu thương vốn ôm trùm lấy ta và mở rộng hữu thể ta, biến nó thành một phần của một hiệp thông vĩ đại, chủ thể tối hậu đang đọc kinh tin kính, tức Giáo Hội.

Đức tin, cầu nguyện và Mười Điều Răn

46. Hai yếu tố khác cũng rất chủ yếu trong việc thông truyền ký ức của Giáo Hội một cách trung thành. Thứ nhất, Kinh của Chúa, tức Kinh Lạy Cha. Ở đây, các Kitô hữu học cách chia sẻ chính kinh nghiệm thiêng liêng của Chúa Kitô và nhìn mọi sự bằng con mắt của Người. Khởi đi từ Người, Đấng là sánh sáng bởi ánh sáng, là Con Một Đức Chúa Cha, ta tiến tới chỗ nhận biết Thiên Chúa và nhờ thế nhóm lên nơi người khác niềm ước ao được đến gần Người.

Cũng thế, điều quan trọng là mối liên kết giữa đức tin và Mười Điều Răn. Như đã nói, Đức tin mang hình thức một hành trình, một nẻo đường phải theo, bắt đầu bằng cuộc gặp gỡ với Thiên Chúa hằng sống. Chính trong ánh sáng đức tin, ánh sáng của niềm phó thác hoàn toàn trong tay Thiên Chúa cứu độ, mà Mười Điều Răn đã có được chân lý thẳm sâu nhất của chúng, như trong những lời dẫn khởi chúng đã chứng tỏ: "Ta là Chúa, Thiên Chúa các ngươi, Đấng đã đem các ngươi ra khỏi đất Ai Cập" (Xh 20:2). Mười Điều răn không phải là một bộ các lệnh truyền tiêu cực, mà là những chỉ dẫn cụ thể để **ra khỏi sa mạc của cái tôi vị kỷ** và quẩn quanh với chính mình mà **bước vào cuộc đối thoại với Thiên Chúa, được lòng nhân từ của Người ôm ấp và rồi đem lòng nhân từ ấy đến cho người khác**. Như thế, đức tin tuyên xưng tình yêu Thiên Chúa, nguồn gốc và là Đấng duy trì mọi loài. Nó để mình được tình yêu này hướng dẫn hầu có thể tiến bước hướng về sự hiệp thông viên mãn với Thiên Chúa. Mười Điều Răn xuất hiện như nẻo đường biết ơn, lời đáp trả tình yêu, được làm cho khả hữu vì trong đức tin, ta dễ tiếp thu cảm nghiệm của tình yêu biến đổi mà Thiên Chúa dành cho ta. Và nẻo đường này nhận được ánh sáng mới từ giáo huấn trong Bài Giảng Trên Núi của Chúa Giêsu (Xem Mt 5-7).

Như thế, **bốn yếu tố bao gồm trong kho ký ức được Giáo Hội chuyển giao là: tuyên xưng đức tin, cử hành các bí tích, Mười Điều Răn và cầu nguyện**. Việc giảng dạy giáo lý của Giáo Hội luôn được cấu trúc quanh bốn yếu tố này; kể cả Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo, vốn là trợ cụ căn bản cho hành vi thống nhất hóa được Giáo Hội sử dụng để thông truyền trọn vẹn nội dung đức tin của mình: "mọi điều Giáo Hội là, và mọi điều Giáo Hội tin" (39).

Tính hợp nhất và tính nguyên tuyền của đức tin

47. Sự hợp nhất của Giáo Hội trong thời gian và không gian được liên kết với sự hợp nhất của đức tin: "chỉ có một thân thể và một tinh thần... một đức tin duy nhất" (Eph. 4:4-5). Ngày nay ta dễ tưởng tượng một nhóm người đoàn kết với nhau vì một chính nghĩa chung, một tình âu yếm hỗ tương, cùng chia sẻ một định mệnh và một mục đích duy nhất. Nhưng ta khó mà tưởng nghĩ được một sự đoàn kết về chân lý. Ta có khuynh hướng nghĩ rằng sự đoàn kết loại này không tương hợp với tự do tư tưởng và quyền tự lập bản thân. Ấy thế nhưng kinh nghiệm yêu thương chứng minh cho ta thấy: một cách nhìn chung vẫn là điều có thể, vì nhờ tình yêu, ta học

được cách nhìn thực tại qua đôi mắt người khác, không phải như một điều làm nghèo đi mà làm giầu thêm cho cách nhìn của ta. Tình yêu chân thực, theo kiểu tình yêu Thiên Chúa, cuối cùng đòi phải có sự thật, và việc cùng nhau chiêm ngắm chân lý là chính Chúa Giêsu Kitô sẽ giúp tình yêu trở nên sâu sắc và bền lâu. Đây cũng là niềm vui lớn của **đức tin: sự hợp nhất của cách nhìn trong một thân thể và một tinh thần**. Thánh Lêô Cả từng viết rằng: "nếu đức tin không là một, thì đó không phải là đức tin" (40).

Bí quyết của sự hợp nhất là đâu? Đức tin là "một", trước nhất, vì có sự đơn nhất của Thiên Chúa, Đấng được biết đến và được tuyên xưng. Tất cả các điều khoản của đức tin đều nói về Thiên Chúa; chúng là những cách để biết Người và việc Người làm. Thành thử, sự hợp nhất của chúng cao hơn rất nhiều bất cứ công trình nào của lý trí con người. Chúng có được sự hợp nhất vốn làm ta ra phong phú vì sự hợp nhất này được ban cho để ta nên một.

Đức tin cũng là một vì nó được điều hướng về một Chúa duy nhất, về cuộc đời Chúa Giêsu, về lịch sử cụ thể mà Người vốn chia sẻ với ta. Thánh Irênê thành Lyons làm rõ điều này trong cuộc chiến đấu chống Phái Ngộ Đạo của ngài. Người ngộ đạo chủ trương rằng có hai loại đức tin: một loại đức tin thô kệch, bất toàn hợp với quần chúng, tức loại đức tin nằm ở bình diện thể xác Chúa Giêsu và việc chiêm ngắm các mầu nhiệm của Người; và loại đức tin sâu sắc hơn, hoàn hảo hơn dành cho một giới nhỏ những người ưu tuyển (initiates) có khả năng tri thức vươn quá bình diện thân xác Chúa Giêsu mà đạt tới các mầu nhiệm của thần tính không ai khác biết được. Ngược với chủ trương này, một chủ trương cho đến ngày nay vẫn còn một vài lôi cuốn và có nhiều người theo, Thánh Irênê nhấn mạnh rằng chỉ có một đức tin, vì nó đặt cơ sở trên biến cố nhập thể hết sức cụ thể và không bao giờ có thể vượt lên trên thân xác và lịch sử của Chúa Kitô, vì Thiên Chúa đã muốn tự mạc khải hoàn toàn trong thân xác ấy. Ngài nói, vì lý do này, không hề có sự khác biệt trong đức tin của "những người có khả năng nói về nó cách thao thao" và đức tin của "những người nói về nó chút chút", giữa người vĩ đại hơn và người nhỏ mọn hơn: loại trước không thể gia tăng đức tin, mà loại sau cũng không thể gia giảm được nó (41).

Cuối cùng, đức tin là một vì nó được toàn thể Giáo Hội chia sẻ, mà Giáo Hội thì vốn là một thân thể và là một tinh thần. Trong hiệp thông của chủ thể duy nhất là Giáo Hội, ta nhận được tầm nhìn chung. Nhờ cùng tuyên xưng một đức tin như nhau, ta đứng vững trên cùng một tảng đá, được biến đổi bởi cùng một Thần Trí yêu thương, cùng toả một ánh sáng và có cùng cái nhìn thông suốt vào thực tại.

48. Vì đức tin là một, nó phải được tuyên xưng trong mọi nét tinh tuyền và nguyên tuyền của nó. Chính vì mọi điều khoản của đức tin đều được đan kết chặt chẽ vào nhau, nên bác bỏ một điều, dù là điều xem ra ít quan trọng nhất, cũng là làm méo mó toàn bộ. Mỗi giai đoạn lịch sử đều có thể thấy điểm này hay điểm nọ của đức tin khó có thể chấp nhận; do đó cần phải tỉnh trí để bảo đảm rằng kho tàng đức tin được chuyển giao trong tính trọn vẹn của nó (xem Tm 6:20) và mọi khía cạnh trong việc tuyên xưng đức tin phải được nhấn mạnh cách thích đáng. Thực vậy, vì sự hợp nhất của đức tin là sự hợp nhất của Giáo Hội, nên loại bỏ điều gì khỏi đức tin là loại bỏ điều gì đó khỏi tính chân thực của hiệp thông. Các Giáo Phụ mô tả đức tin như một cơ thể, cơ thể chân lý gồm nhiều chi thể khác nhau, tương tự như nhiệm thể Chúa Kitô và sự trải dài của nó trong Giáo Hội (42). Sự nguyên tuyền của đức tin cũng được nối kết với hình ảnh trinh nữ của Giáo Hội và sự trung trinh trong tình yêu của Giáo Hội đối với phu quân mình là Chúa Kitô; xâm hại đức tin có nghĩa là xâm hại sự hiệp thông với Chúa (43). Như thế, sự hợp

nhất của đức tin là sự hợp nhất của một cơ thể sống động; điều này đã được Chân Phúc John Henry Newman làm rõ khi ngài liệt kê sức mạnh chuyển hóa mọi sự nó gặp ở các khung cảnh khác nhau nơi nó hiện diện và trong nhiều nền văn hóa đa dạng nó gặp gỡ (44), bằng cách thanh tẩy mọi sự và đem chúng tới những biểu thức tươi đẹp nhất của chúng, vào số những đặc điểm dùng để phân biệt tính liên tục của tín lý qua thời gian. Đức tin như thế được minh chứng là phổ quát, là Công Giáo, vì ánh sáng của nó mở rộng ra để chiếu soi toàn bộ vũ trụ và trọn bộ lịch sử.

49. Chúa ban cho Giáo Hội Người hồng ân **tông truyền** để phục vụ sự hợp nhất đức tin và việc thông truyền nó cách trọn vẹn. Nhờ phương thế này, tính liên tục trong ký ức Giáo Hội được bảo đảm và ta chắc chắn tới lui được nguồn suối phát sinh ra đức tin. Như thế, việc bảo đảm cho tính liên tục với nguồn suối này được những con người sống động đem lại, trong một cách thế phù hợp với đức tin sống động mà Giáo Hội có sứ mệnh thông truyền. Giáo Hội trông cậy vào lòng trung thành của các nhân chứng được Chúa chọn cho trách vụ này. Chính vì thế, huấn quyền luôn nói lời vâng phục đối với lời có trước mà đức tin vốn dựa vào; huấn quyền đáng tin cậy vì luôn tin tưởng vào lời nó nghe, duy trì và trình bày (45). Trong diễn từ Thánh Phaolô từ giã các trưởng lão Êphêsô tại Milêtô, được Thánh Luca thuật lại trong Tông Đồ Công Vụ, ngài chứng thực rằng ngài đã chu toàn trách vụ mà Chúa đã ủy thác cho ngài là "công bố toàn bộ ý định của Thiên Chúa" (Cv 20:27). Nhờ huấn quyền Giáo Hội, ý định này đã đến với chúng ta trong tính nguyên tuyền của nó, và với nó là niềm vui được theo nó cách trọn vẹn.

Chương Bốn: Thiên Chúa chuẩn bị cho các ngài một kinh thành (xem Dt 11:16)

Đức tin và thiện ích chung

50. Khi trình bày câu truyện về các tổ phụ và những người công chính nam nữ trong Cựu Ước, Thư Do Thái đã làm nổi bật khía cạnh chủ yếu trong đức tin của các ngài. Đức tin này đã được trình bày không những chỉ như một cuộc **lữ hành**, mà còn như một diễn trình **xây dựng**, diễn trình chuẩn bị một nơi chốn để những con người nhân bản có thể cùng cư ngụ với nhau. Nhà xây dựng đầu tiên chính là Nôê, người đã cứu gia đình mình bằng một chiếc tầu (Dt 11:7). Rồi đến Ápraham; về ông, có lời chép rằng nhờ đức tin, ông đã đến cư ngụ trong lều, trông chờ một thành với nền vững chắc (xem Dt 11:9-10). Với đức tin, người ta có sự tin cậy mới, sự vững chắc mới, mà chỉ Thiên Chúa mới ban được. Nếu người của đức tin tìm được nâng đỡ nơi Thiên Chúa tín trung, Đấng Thiên Chúa vốn là Amen (xem Is 65:16) và nhờ thế chính mình trở nên vững chắc, thì ta cũng có thể nói rằng sự vững chắc của đức tin chính là đặc điểm của kinh thành mà Thiên Chúa đang chuẩn bị cho loài người. Đức tin cho thấy các dây nối kết giữa con người với nhau vững chắc ra sao khi Thiên Chúa hiện diện giữa họ. Đức tin không chỉ ban phát sự vững chắc bên trong mà thôi, một xác tín không lay chuyển nơi tín hữu; nó còn rọi ánh sáng lên mọi liên hệ nhân bản vì nó vốn phát sinh từ tình yêu và phản ảnh chính tình yêu của Thiên Chúa. Thiên Chúa, Đấng đáng tin cậy, ban cho ta một thành đáng tin cậy.

51. Chính nhờ liên kết với tình yêu (xem Gl 5:6), ánh sáng đức tin đã được đặt một cách chính xác vào việc **phục vụ công lý, luật pháp và hòa bình**. Đức tin phát sinh từ cuộc gặp gỡ với tình yêu nguyên thủy của Thiên Chúa, nơi ý nghĩa và tính tốt lành của đời ta trở nên hiển nhiên; đời ta được soi sáng bao lâu chịu bước vào không gian do tình yêu kia mở ra, nói cách khác, bao lâu, nó trở thành con đường và lề thói hành động (praxis) dẫn tới sự viên mãn của tình yêu. Ánh sáng đức tin có khả năng tăng tiến sự phong phú của các liên hệ nhân bản, tăng tiến khả năng bền lâu, đáng tin, làm phong phú cuộc sống chung. Đức tin không kéo ta ra khỏi thế giới

hay tỏ ra bất liên hệ với các quan tâm cụ thể của mọi người nam nữ thời ta. Không có tình yêu đáng tin, sẽ không có gì có thể giữ cho mọi người nam nữ hợp nhất với nhau. Lúc ấy, có lẽ sự hợp nhất của con người chỉ có thể quan niệm được trên căn bản hữu dụng, trên tính toán lợi lộc kình chống nhau hay sợ hãi nhau mà thôi, chứ không trên sự tốt lành của việc chung sống với nhau, không trên niềm vui mà chỉ nguyên sự hiện diện của người khác cũng đủ mang tới. Đức tin khiến ta biết đánh giá cấu trúc của các liên hệ nhân bản vì nó nắm được nền tảng tối hậu và định mệnh dứt khoát của chúng nơi Thiên Chúa, nơi tình yêu của Người, và do đó rọi ánh sáng trên nghệ thuật xây dựng; hiểu như thế, nó trở thành việc phục vụ thiện ích chung. Đức tin quả là một thiện ích cho mọi người; một thiện ích chung. Ánh sáng của nó không chỉ chiếu sáng bên trong Giáo Hội, nó không chỉ nhằm xây dựng kinh thành muôn thuở của đời sau; nó giúp ta xây dựng các xã hội của ta theo hướng cùng đồng hành tiến về một tương lai hy vọng. Về phương diện này, thư Do Thái cho ta một thí dụ khi liệt kê Samuen và Đavít vào số những người nam nữ của đức tin; đức tin của các vị này giúp họ có khả năng "thực hành công lý" (Dt 11:33). Kiểu nói này chỉ lối cai trị hợp công lý của họ, chỉ sự khôn ngoan từng đem hoà bình lại cho dân (xem 1Sm 12:3-5; 2Sm 8:15). Bàn tay đức tin dơ cao lên trời, lúc chúng bắt đầu xây dựng trong yêu thương một kinh thành đặt nền tảng trên các liên hệ vốn lấy tình yêu Thiên Chúa làm nền tảng.

Đức tin và gia đình

52. Trong cuộc hành trình của Ápraham hướng về kinh thành tương lai, Thư Do Thái nhắc đến sự chúc phúc được truyền từ đời cha tới đời con (xem Dt 11:20-21). Khung cảnh đầu tiên trong đó đức tin soi sáng cho kinh thành con người là gia đình. Trước hết và trên hết, tôi nghĩ tới sự kết hợp ổn định giữa một người đàn ông và một người đàn bà trong hôn nhân. Sự kết hợp này phát sinh từ tình yêu của họ, như dấu chỉ và sự hiện diện của chính tình yêu Thiên Chúa, và từ việc nhìn nhận và chấp nhận sự tốt lành của dị biệt tính dục, nhờ đó, các người phối ngẫu trở nên một thân xác (xem St 2:24) và nhận được khả năng sinh sản sự sống mới, biểu hiện sự tốt lành, sự khôn ngoan và kế hoạch đầy yêu thương của Đấng Hóa Công. Đặt cơ sở trên tình yêu này, một người nam và một người nữ có thể đoan hứa cho nhau một tình yêu hỗ tương trong một cử chỉ vận dụng được trọn cuộc đời họ và phản ảnh được nhiều khía cạnh của đức tin. Hứa hẹn tình yêu vĩnh viễn chỉ có thể có được **khi ta nhận ra một kế hoạch lớn hơn các suy nghĩ và đảm nhiệm của ta, một kế hoạch nâng đỡ ta và giúp ta có khả năng trao phó trọn tương lai ta cho người ta yêu**. Đức tin cũng giúp ta hiểu rõ việc sinh sản con cái trong mọi nét sâu sắc và phong phú của nó, như là dấu chỉ tình yêu của Đấng Hóa Công muốn ủy thác cho ta mầu nhiệm một con người mới. Chính vì thế, Sara, nhờ đức tin, đã trở thành một người mẹ, vì bà tin tưởng vào tính tín trung trong lời hứa của Thiên Chúa (xem Dt 11:11).

53. Trong gia đình, đức tin đồng hành với mọi tuổi sống, bắt đầu với tuổi ấu thơ: con trẻ học biết tín thác vào tình yêu của cha mẹ. Đó là lý do tại sao điều quan trọng trong gia đình là cha mẹ phải khuyến khích việc cùng nhau phát biểu đức tin, một việc sẽ giúp con trẻ dần dần lớn lên trong chính đức tin của chúng. Kinh qua một thời kỳ phức tạp, phong phú và quan trọng trong đời đối với đức tin, người trẻ cần cảm nhận được sự gần gũi và sự nâng đỡ không ngừng của gia đình và của Giáo Hội trong hành trình đức tin của chúng. Trong Những Ngày Giới Trẻ Thế Giới, ta từng chứng kiến niềm vui được giới trẻ biểu lộ trong đức tin và cam kết của họ muốn sống một đời sống đức tin vững chắc và đại lượng mỗi ngày mỗi hơn. Giới trẻ muốn sống cuộc sống tới mức trọn vẹn nhất của nó. Gặp gỡ Chúa Kitô, tức việc để mình được tình yêu của Người chiếm hữu và hướng dẫn, sẽ mở rộng chân trời hiện sinh và đem lại cho cuộc

hiện sinh một hy vọng vững chắc không hề lừa dối. Đức tin không phải là nơi ẩn náu của những con người nhát gan, mà là một triển nở trọn cuộc sống. Nó giúp khám phá ra lời mời gọi vĩ đại, tức ơn gọi yêu thương, và bảo đảm rằng tình yêu này đáng tin cậy, đáng ta ôm lấy, vì nền tảng của nó chính là lòng tín trung của Thiên Chúa, mạnh hơn sự yếu đuối của ta.

Một ánh sáng cho cuộc sống trong xã hội

54. Được thấm nhập và thâm hậu hóa trong gia đình, đức tin trở thành một ánh sáng có khả năng chiếu soi mọi liên hệ của ta trong xã hội. Như một cảm nghiệm về lòng xót thương của Thiên Chúa Cha, nó đặt ta vào nẻo đường **huynh đệ**. Thời hiện đại vốn tìm cách xây dựng cho được một tình huynh đệ phổ quát đặt căn bản trên sự bình đẳng, ấy thế nhưng, ta dần dần hiểu ra rằng tình huynh đệ này, vì không qui chiếu về một vị Cha chung làm nền tảng tối hậu cho nó, nên không thể lâu bền được. Ta cần trở lại với nền tảng đích thực của tình huynh đệ. Lịch sử đức tin, ngay từ đầu, vốn là lịch sử của tình huynh đệ, dù không phải không có tranh chấp. Thiên Chúa kêu gọi Ápraham lên đường rời bỏ quê hương và hứa sẽ biến ông thành một quốc gia lớn, một dân tộc lớn được Người chúc phúc (xem St 12:1-3). Lịch sử cứu rỗi càng diễn tiến, ta càng thấy rõ Thiên Chúa muốn làm cho mọi người được chung chia sự chúc phúc này như anh chị em, một chúc phúc đạt tới viên mãn nơi Chúa Giêsu, để mọi người trở nên một. Tình yêu vô bờ của Chúa Cha cũng đến với ta, trong Chúa Giêsu, qua anh chị em ta. Đức tin dạy ta biết nhìn ra rằng mọi người nam nữ đều tượng trưng cho một chúc phúc đối với tôi, rằng ánh sáng gương mặt Chúa chiếu sáng lên tôi qua gương mặt của anh chị em tôi.

Cái nhìn của đức tin Kitô Giáo đã đem lại cho kinh thành con người biết bao phúc lợi cho cuộc sống chung của họ! Nhờ đức tin, ta tiến tới chỗ hiểu được phẩm giá độc đáo của mỗi con người, điều mà cổ thời đã nhìn không rõ. Thế kỷ thứ hai, người ngoại giao tên Celsus đã trách mắng các Kitô hữu vì một ý niệm bị họ coi là ngu ngốc và lừa đảo: tức ý niệm cho rằng Thiên Chúa tạo dựng thế giới cho con người, đặt con người lên chóp đỉnh toàn thể vũ trụ. "Tại sao chủ trương: cỏ mọc vì lợi ích của con người, hơn là vì lợi ích của những dã thú tàn bạo nhất?" (46). "Từ trời cao nhìn xuống Địa Cầu, nào có sự gì thực sự khác nhau giữa hoạt động của ta và hoạt động của loài kiến hay loài ong?" (47). Tại tâm điểm của đức tin Thánh Kinh, ta thấy quan tâm cụ thể của Người đối với mọi người, và kế hoạch cứu rỗi của Người dành cho toàn thể nhân loại và toàn thể tạo vật, mà cao điểm là việc nhập thể, cái chết và việc phục sinh của Chúa Giêsu Kitô. Không nhìn thấu suốt vào các thực tại này, sẽ không có tiêu chuẩn nào để biện phân được điều khiển cho **sự sống nhân bản thành quí giá và độc đáo**. Con người đánh mất vị trí của mình trong vũ trụ, họ vật vờ trong thiên nhiên, cả do việc khước từ trách nhiệm luân lý riêng lẫn do việc đóng vai trò gần như quan tòa tối cao, có quyền lực vô hạn, muốn thao túng thế giới quanh mình ra sao tùy ý.

55. Ngoài ra, đức tin, khi mạc khải tình yêu của Thiên Chúa Hóa Công, càng giúp ta biết **tôn trọng thiên nhiên** hơn nữa, và biện phân trong nó một thứ văn phạm do bàn tay Chúa viết ra và một nơi cư ngụ được trao cho ta để ta bảo vệ và chăm sóc. Đức tin cũng giúp ta nghĩ ra các mô thức **phát triển** không chỉ đặt căn bản trên hữu dụng và lợi nhuận, nhưng coi tạo vật như một hồng ân mà tất cả chúng ta đều mang ơn; nó dạy ta biết tạo ra các **hình thức cai trị** biết ý thức rằng quyền bính phát sinh từ Thiên Chúa và nhằm phục vụ thiện ích chung. Đức tin cũng đem lại khả thể **tha thứ**, là giá trị thường đòi phải có thời gian và cố gắng, kiên nhẫn và dấn thân. Tha thứ là điều có thể khi ta khám phá ra rằng thiện luôn có trước và mạnh mẽ hơn ác, và lời mà Thiên Chúa dùng để khẳng nhận sự sống của ta luôn sâu sắc hơn sự bác bỏ của ta. Đứng

trên quan điểm hoàn toàn nhân học, hợp nhất luôn cao hơn tranh chấp; nhưng thay vì tránh né tranh chấp, ta cần đối diện với nó trong cố gắng giải quyết nó và vượt quá nó, biến nó thành móc xích trong sợi dây chuyền, như một phần của cuộc tiến về hợp nhất.

Khi đức tin yếu đi, các nền tảng của nhân loại cũng có nguy cơ bị yếu dần, như Thi Sĩ T.S. Eliot từng cảnh giác: "Bạn có cần được nói cho biết: ngay những thành tựu khiêm nhường này, những thành tựu bạn thường tự hào theo lối xã hội lịch duyệt, sẽ khó có thể sống lâu hơn Đức Tin là điều chúng phải dựa vào mới có ý nghĩa?" (48). Nếu ta loại bỏ đức tin ra khỏi các thị thành của ta, việc tin tưởng lẫn nhau sẽ yếu đi, ta chỉ còn đoàn kết vì sợ sệt mà thôi và chính sự ổn định của ta cũng sẽ bị đe dọa. Trong Thư Do Thái, ta đọc những lời này "Thiên Chúa không xấu hổ vì được gọi là Thiên Chúa của các ngài; thực thế, Người đang chuẩn bị cho các ngài một kinh thành" (Dt 11:16). Ở đây, kiểu nói "không xấu hổ" được liên kết với một nhìn nhận công khai. Ý này muốn nói rằng qua các hành động cụ thể, Thiên Chúa tuyên hứa công khai rằng Người hiện diện giữa chúng ta và những muốn củng cố mọi liên hệ nhân bản của ta. Phải chăng chính ta, thay vào đó, là những kẻ xấu hổ gọi Thiên Chúa là Thiên Chúa của ta? Phải chăng chính ta là những kẻ không tuyên xưng Người như thế trong đời sống công cộng của ta, không trình bày sự cao cả của cuộc sống chung mà Người đã làm thành khả hữu? Đức tin chiếu soi cuộc đời và chiếu soi xã hội. Nếu nó có được ánh sáng sáng tạo cho mỗi khoảnh khắc mới của lịch sử, thì chính là vì nó biết đặt mọi biến cố vào mối liên hệ thủy chung của vạn vật với Chúa Cha.

An ủi và sức mạnh trong đau khổ

56. Viết cho các Kitô hữu Côrintô về những **đau khổ và thống cực của ngài**, Thánh Phaolô liên kết đức tin của ngài với việc rao giảng Tin Mừng. Trong chính mình, ngài nhìn thấy ứng nghiệm đoạn Sách Thánh sau đây: "tôi tin, nên tôi mới nói" (2Cor 4:13). Ngài nhắc tới câu Thánh Vịnh 116, trong đó thánh vịnh gia kêu lên: "Tôi giữ đức tin của tôi, cả khi tôi buột miệng nói 'tôi buồn khổ khôn cùng'" (câu 10). Nói về đức tin thường bao hàm việc nói về thử thách đớn đau, ấy thế nhưng chính trong thử thách này, Thánh Phaolô nhận ra sự công bố Tin Mừng đầy thuyết phục nhất, vì chính trong yếu đuối và đau khổ, ta khám phá ra sức mạnh của Thiên Chúa, một sức mạnh chiến thắng mọi yếu đuối và đau khổ của ta. Chính Thánh Tông Đồ đã cảm nghiệm được việc sự chết trở thành sự sống đối với Kitô hữu ra sao (xem 2Cor 4:7-12). Trong giờ phút thử thách, đức tin đem lại ánh sáng, vì đau khổ và yếu đuối làm sáng tỏ điều này "chúng tôi không tuyên xưng chúng tôi; chúng tôi tuyên xưng Đức Giêsu Kitô là Chúa" (2Cor 4:5). Chương thứ mười một của Thư Do Thái kết thúc với việc nhắc tới những ai chịu đau khổ vì đức tin của mình (xem Dt 11:35-38); nổi nhất trong số này là Môsê, người chịu nhục mạ vì Đấng Kitô (xem câu 26).

Các Kitô hữu biết rằng đau khổ không thể bị tiêu diệt, nhưng có thể có ý nghĩa và trở thành một hành vi yêu thương và phó thác trong tay Thiên Chúa, Đấng không từ bỏ ta; theo cách này, ta có thể dùng nó như những giây phút lớn lên trong đức tin và trong yêu thương. Nhờ chiêm ngắm sự kết hợp của Chúa Kitô với Chúa Cha ngay trong đỉnh cao đau khổ của Người trên Thánh Giá (xem Mc 15:34), Kitô hữu học được cách chia sẻ cái nhìn của Người. Ngay cái chết cũng được soi sáng và được cảm nghiệm như lời mời gọi tối hậu bước vào đức tin, tối hậu "tiến bước khỏi quê hương mình" (St 12:1), tối hậu "Hãy đến!" được Chúa Cha nói lên, Đấng ta phó mình trong tay, vì tin tưởng rằng Người sẽ làm ta mạnh mẽ ngay trong cuộc vượt qua dứt khoát của ta.

57. Ánh sáng đức tin cũng không làm ta quên **các đau khổ của thế gian này**. Biết bao con người nam nữ của đức tin đã tìm thấy môi giới ánh sáng nơi những người chịu đau khổ! Việc này đã xẩy ra với Thánh Phanxicô Assisi và người phong cùi, hay với Chân Phúc Mẹ Têrêxa Calcutta và người nghèo của Mẹ. Các ngài hiểu mầu nhiệm đang hành động trong những người này. Tuy gần đau khổ, nhưng chắc chắn các ngài **không tận diệt được** mọi cái đau của họ hay giải thích được mọi cái ác. Đức tin không phải là thứ ánh sáng phá tan mọi bóng tối của ta, mà là ngọn đèn hướng dẫn các bước đi của ta giữa đêm khuya và đủ cho cuộc hành trình. Với những ai đau khổ, Thiên Chúa **không cung cấp các luận điểm để giải thích mọi điều**; mà đúng hơn, đáp ứng của Người mang hình thức một **hiện diện đồng hành**, một câu truyện tốt lành liên kết với mọi câu truyện đau khổ và hé mở một tia sáng. Trong Chúa Kitô, Thiên Chúa muốn chia sẻ con đường đó với ta và dành cho ta một cái nhìn giúp ta nhìn ra ánh sáng ở trong đó. Chúa Kitô là Đấng vì đã từng chịu đau khổ nên là "người tiên phong và hoàn hảo hóa đức tin của ta" (Dt 12:2).

Đau khổ nhắc ta nhớ rằng phục vụ thiện ích chung của đức tin luôn là một phục vụ hy vọng, một hy vọng luôn nhìn lên phía trước vì biết rằng chỉ từ Thiên Chúa, chỉ từ một tương lai phát xuất từ Chúa Kitô, xã hội ta mới tìm được các nền tảng vững chắc và lâu bền của nó. Theo chiều hướng này, đức tin được liên kết với hy vọng, vì dù nơi ở của ta dưới thế này có tan mất đi, ta đã có nơi ở trường cửu mà Thiên Chúa đã chuẩn bị cho ta trong Chúa Kitô, trong thân xác Người (xem 2Cor 4:16-5:5). Như thế, động năng của tin, cậy, mến (xem 1Tx 1:3; 1Cor 13:13) sẽ dẫn ta tới chỗ biết ôm lấy quan tâm của mọi người nam nữ trên hành trình tiến về kinh thành "mà kiến trúc sư và người xây dựng là chính Thiên Chúa" (Dt 11:10), vì "đức cậy không làm ta thất vọng" (Rm 5:5).

Hợp nhất với tin và mến, đức cậy thúc đẩy ta hướng tới một tương lai chắc chắn, đối diện với một chân trời khác, ngược với các rù quyến đầy ảo tưởng của ngẫu thần thế gian và đem lại cho ta một cái đà và một sức mạnh mới cho cuộc sống hàng ngày của ta. Ta hãy khước từ, đừng để mình bị tước mất hy vọng, tước mất đức cậy, hay để cho lòng hy vọng của ta bị lu mờ bởi các giải đáp và các giải pháp dễ dãi chỉ ngăn cản các tiến bộ của ta, làm thời gian tan thành mảnh vụn và biến nó thành không gian. Thời gian luôn lớn hơn không gian. Không gian biến các diễn trình thành khô cứng, trong khi thời gian thúc đẩy ta hướng về tương lai và khuyến khích ta tiến bước trong hy vọng.

Phúc cho chị vì chị đã tin (Lc 1:45)

58. Trong dụ ngôn người gieo giống, Thánh Luca để lại cho ta các lời sau đây về "đất tốt": "Đó là những người khi nghe lời với tấm lòng cao thượng và quảng đại, rồi nắm giữ và nhờ kiên trì mà sinh hoa kết trái" (Lc 8:15). Trong ngữ cảnh của Tin Mừng Luca, nhắc tới tấm lòng cao thượng và quảng đại biết lắng nghe và nắm giữ lời là một cách mặc nhiên mô tả đức tin của Trinh Nữ Maria. Chính soạn giả Tin Mừng này từng nói về ký ức của Đức Maria, về cách ngài đã trân giữ trong lòng mọi điều đã nghe và đã nhìn ra sao, để những lời ấy sinh hoa trái trong đời ngài. Mẹ Chúa là mẫu mực hoàn hảo của đức tin; như chính Thánh Nữ Êlisabét đã nói: "phúc cho chị vì chị đã tin" (Lc 1:45).

Nơi Đức Maria, Nữ Tử Sion, lịch sử lâu dài của đức tin trong Cựu Ước đã ứng nghiệm, với câu truyện của rất nhiều phụ nữ tín trung, bắt đầu với Sara, những phụ nữ, song song với các tổ

phụ, đã là những người mà nơi họ lời hứa của Thiên Chúa đã nên trọn và sự sống mới đã đơm bông. Đến lúc thời gian viên mãn, lời Thiên Chúa đã được ngỏ với Đức Maria và ngài đã tiếp nhận lời ấy vào trong lòng, vào trọn con người ngài, đến nỗi trong dạ ngài lời ấy mang lấy xác phàm và sinh ra như ánh sáng cho nhân loại. Thánh Giustinô Tử Đạo, trong cuộc đối thoại với Trypho, đã sử dụng một biểu thức đáng lưu ý; ngài nói rằng Đức Maria, khi tiếp nhận sứ điệp của thiên thần, đã thụ thai "đức tin và niềm vui" (49). Nơi Mẹ Chúa Giêsu, đức tin đã minh chứng được tính mang hoa trái của nó; khi đời sống thiêng liêng của ta mang hoa trái, ta trở nên tràn ngập niềm vui, một dấu chỉ rõ ràng nhất cho thấy nét cao cả của đức tin. Trong cuộc sống của ngài, Đức Maria đã hoàn tất hành trình đức tin, bằng cách theo chân Con Trai ngài (50). Như thế, ở nơi ngài, cuộc hành trình đức tin của Cựu Ước đã được tháp nối vào việc theo chân Chúa Kitô, được Người biến đổi để bước vào tầm nhìn của Con Thiên Chúa nhập thể.

59. Ta có thể nói rằng nơi Trinh Nữ Diễm Phúc Maria, ta tìm được điều tôi đã nhắc trên đây, tức điều cho rằng tín hữu được hoàn toàn thấm nhập vào việc họ tuyên xưng đức tin. Vì sợi dây liên kết gần gũi của ngài với Chúa Giêsu, Đức Maria có liên hệ chặt chẽ với những điều ta tin. Là Trinh Nữ và là Mẹ, Đức Maria hiến cho ta một dấu chỉ rõ ràng về tư cách Con Thiên Chúa của Chúa Kitô. Nguồn gốc vĩnh cửu của Chúa Kitô là nơi Chúa Cha. Người là Chúa Con theo nghĩa hoàn toàn và độc đáo, và do đó, Người sinh vào thời gian mà không cần có sự can thiệp của một người đàn ông. Là Chúa Con, Chúa Giêsu mang đến cho thế gian một khởi đầu mới và một ánh sáng mới, sự viên mãn trong tình yêu tín trung của Thiên Chúa ban xuống cho nhân loại. Nhưng chức phận làm mẹ thực sự của Đức Maria cũng bảo đảm cho Con Thiên Chúa một lịch sử nhân bản chân chính, một thân xác thực trong đó Người sẽ chết trên thập giá và sống lại từ cõi chết. Đức Maria sẽ đồng hành với Chúa Giêsu tới tận thập giá (xem Ga 19:25), do đó, chức phận làm mẹ của ngài còn được nới rộng tới tận mỗi môn đệ của Người (xem Ga 19:26-27). Ngài cũng sẽ có mặt tại phòng trên lầu sau khi Chúa Giêsu sống lại và lên trời, tham gia với các tông đồ trong lời cầu khẩn ơn Chúa Thánh Thần (xem Cv 1:14). Chuyển động yêu thương giữa Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần diễn biến qua suốt lịch sử ta, và Chúa Kitô lôi kéo ta tới với Người hòng cứu vớt ta (xem Ga 12:32). Tại tâm điểm đức tin ta là lời tuyên xưng Chúa Giêsu, Con Thiên Chúa, sinh bởi một phụ nữ, Đấng, qua ơn Chúa Thánh Thần, đem ta tới việc được nhận làm con trai, con gái (Xem Gl 4:4).

60. Ta hãy hướng về Đức Maria, Mẹ Giáo Hội và là Mẹ đức tin ta, với lời cầu nguyện.

Lạy Mẹ, xin Mẹ giúp đỡ đức tin chúng con!
Xin Mẹ mở rộng tai chúng con để nghe lời Thiên Chúa và nhận ra tiếng và lời gọi của Người.
Xin Mẹ làm sống dậy trong chúng con ước muốn bước chân theo Người, lên đường rời bỏ quê hương và chấp nhận lời hứa của Người.
Xin Mẹ giúp chúng con được tình yêu Người chạm tới, được chạm đến Người bằng đức tin.
Xin Mẹ giúp chúng con tín thác trọn vẹn vào Người và tin vào tình yêu của Người, nhất là trong lúc bị thử thách, dưới bóng thập giá, khi đức tin của chúng con được mời gọi trưởng thành hơn.
Xin Mẹ gieo vào đức tin chúng con niềm vui của Đấng Phục Sinh.
Xin Mẹ nhắc nhở chúng con rằng người tin không bao giờ đơn độc.
Xin Mẹ dạy chúng con biết nhìn mọi sự bằng con mắt của Chúa Giêsu, để Người là ánh sáng soi đường chúng con đi. Và ánh sáng đức tin này luôn gia tăng nơi chúng con, cho tới hừng đông của ngày bất tận là chính Chúa Kitô, Con Mẹ, Chúa chúng con!

Ban hành tại Đền Thờ Thánh Phêrô ở Rôma, ngày 29 tháng Sáu, Ngày Kính Trọng Thể Hai Thánh Phêrô và Phaolô, trong năm 2013, năm thứ nhất triều giáo hoàng của tôi.

PHANXICÔ

---

(1) *Dialogus cum Tryphone Iudaeo*, 121, 2: PG 6, 758.
(2) Clement of Alexandria, *Protrepticus*, IX: PG 8, 195.
(3) Brief an Elisabeth Nietzsche (11 tháng Sáu,1865), trong: *Werke in drei Bänden*, München, 1954, 953ff.
(4) *Paradiso* XXIV, 145-147.
(5) *Acta Sanctorum*, Junii, I, 21.
(6) "Dù không minh nhiên bàn đến đức tin, Công Đồng vẫn nói về nó ở mỗi trang, nhìn nhận đặc tính sống động và siêu nhiên của nó, cho rằng nó đầy đủ và mạnh mẽ, và đặt nền tảng giáo huấn của mình trên nó. Chỉ cần nhắc lại các tuyên bố của Công Đồng... cũng đủ thấy tầm quan trọng chủ yếu mà Công Đồng, phù hợp với truyền thống tín lý của Giáo Hội, vốn gán cho đức tin, đức tin chân thật, đức tin bắt nguồn nơi Chúa Kitô, và huấn quyền Giáo Hội làm máng chuyên chở nó" (Phaolô VI, triều yết chung, 8 tháng 3, 1967: *Insegnamenti* V [1967], 705).
(7) Thí dụ, xem Công Đồng Vatican I, Hiến Chế Tín Lý về Đức Tin Công Giáo *Dei Filius*, Ch. 3: DS 3008-3020; Công Đồng Vatican II, Hiến Chế Tín Lý Về Mạc Khải Thiên Chúa *Dei Verbum*, 5; *Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo* các số 153-165.
(8) Xem *Catechesis* V, 1: PG 33, 505A.
(9) *In Psal*. 32, II, s. I, 9: PL 36, 284.
(10) M. Buber, *Die Erzählungen der Chassidim*, Zürich, 1949, 793.
(11) *Émile*, Paris, 1966, 387.
(12) *Lettre à Christophe de Beaumont*, Lausanne, 1993, 110.
(13) Xem *In Ioh. Evang*., 45, 9: PL 35, 1722-1723.
(14) *Phần II, IV*.
(15) *De Continentia*, 4, 11: PL 40, 356.
(16) "Vom Wesen katholischer Weltanschauung" (1923), trong *Unterscheidung des Christlichen*. Gesammelte Studien 1923-1963, Mainz, 1963, 24.
(17) *XI*, 30, 40: PL 32, 825.
(18) Xem *ibid*., 825-826.
(19) Xem *Vermischte Bemerkungen / Culture and Value*, ed. G.H. von Wright, Oxford, 1991, 32-33; 61-64.
(20) *Homiliae in Evangelia*, II, 27, 4: PL 76, 1207.
(21) Xem *Expositio super Cantica Canticorum*, XVIII, 88: CCL, *Continuatio Mediaevalis* 87, 67.
(22) *Ibid*., XIX, 90: CCL, *Continuatio Mediaevalis* 87, 69.
(23) "Vâng phục đức tin (Rm 16:26; so sánh với Rm 1:5, 2Cor 10:5-6) phải là đáp trả của ta với Đấng Thiên Chúa mạc khải. Qua đức tin, ta tự ý phó mình hoàn toàn cho Thiên Chúa, hoàn toàn thuần phục cả trong tri thức lẫn ý chí Đấng Thiên Chúa mạc khải, và sẵn sàng đồng thuận mạc khải của Người. Muốn được ban đức tin này, ta cần ơn thánh của Thiên Chúa để dự ứng và trợ giúp nó, cũng như sự trợ lực bên trong của Chúa Thánh Thần, Đấng đánh động trái tim ta và hồi hướng nó về Thiên Chúa, và mở con mắt tâm trí và giúp mọi người dễ dàng chấp nhận và tin chân lý. Cũng một Chúa Thánh Thần này không ngừng hoàn thiện đức tin bằng ơn của Người, để mạc khải mỗi ngày mỗi được hiểu biết hơn" (*Dei Verbum*, số 5)

(24) Xem H. Schlier, Meditationen über den Johanneischen Begriff der Wahrheit, trong *Besinnung auf das Neue Testament. Exegetische Aufsätze und Vorträge* 2, Freiburg, Basel, Wien, 1959, 272.
(25) Xem *S. Th. III*, q. 55, a. 2, ad 1.
(26) *Sermo* 229/L (Guelf. 14), 2 (Miscellanea Augustiniana 1, 487/488): "Tangere autem corde, hoc est credere".
(27) Xem *Tông Thư Fides et Ratio* (14 tháng 9, 1998), 73: AAS (1999), 61-62.
(28) Xem *Confessiones*, VIII, 12, 29: PL 32, 762.
(29) *De Trinitate*, XV, 11, 20: PL 42, 1071: "verbum quod intus lucet ".
(30) Xem *De Civitate Dei*, XXII, 30, 5: PL 41, 804.
(31) Xem Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin, Tuyên Bố *Dominus Iesus* (6 tháng Tám, 2000), 15: AAS 92 (2000), 756.
(32) *Demonstratio Apostolicae Predicationis*, 24: SC 406, 117.
(33) Xem Bonaventure, *Breviloquium, prol.*: Opera Omnia, V, Quaracchi 1891, 201; In I Sent., proem, q. 1, resp.: Opera Omnia, I, Quaracchi 1891, 7; Thomas Aquinas, *S. Th* I, q.1.
(34) Xem *De Baptismo*, 20, 5: CCL 1, 295.
(35) *Hiến Chế Tín Lý về Mạc Khải Thiên Chúa Dei Verbum*, 8.
(36) Xem *Công Đồng Vatican II, Hiến Chế về Phụng Vụ Thánh Sacrosanctum Concilium*, 59.
(37) Xem *Epistula Barnabae*, 11, 5: SC 172, 162.
(38) Xem *De Nuptiis et Concupiscentia* I, 4, 5: PL 44, 413: "Habent quippe intentionem generandi regenerandos, ut qui ex eis saeculi filii nascuntur in Dei filios renascantur".
(39) *Công Đồng Vatican II, Hiến Chế Tín Lý về Mạc Khải Thiên Dei Verbum*, 8.
(40) *In Nativitate Domini Sermo*, 4, 6: SC 22, 110.
(41) Xem Irenaeus, *Adversus Haereses*, I, 10, 2: SC 264, 160.
(42) Xem *ibid*., II, 27, 1: SC 294, 264.
(43) Xem Augustine, *De Sancta Virginitate*, 48, 48: PL 40, 424-425: "Servatur et in fide inviolata quaedam castitas virginalis, qua Ecclesia uni viro virgo casta coaptatur".
(44) Xem *An Essay on the Development of Christian Doctrine* (Uniform Edition: Longmans, Green and Company, London, 1868-1881), 185-189.
(45) Xem Công Đồng Vatican II, *Hiến Chế Tín Lý về Mạc Khải Thiên Dei Verbum*, 10.
(46) Origen, *Contra Celsum*, IV, 75: SC 136, 372.
(47) *Ibid*., 85: SC 136, 394.
(48) "Choruses from The Rock", trong *The Collected Poems and Plays* 1909-1950, New York, 1980, 106.
(49) Xem *Dialogus cum Tryphone Iudaeo*, 100, 5: PG 6, 710.
(50) Xem *Công Đồng Vatican II, Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội Lumen Gentium*, 58

Bản dịch của Vũ Văn An, Sydney

PHỤ CHƯƠNG

1.Tóm lược Thông Điệp Ánh Sáng Đức Tin

Theo lời Đức Phanxicô, đây là công trình của "bốn bàn tay" và công lớn nhất là của Đức Bênêđíctô XVI, người đã quyết định viết thông điệp này và đã gần hoàn tất nó khi tuyên bố từ nhiệm. Ngoài phần nhập đề và kết luận, Thông Điệp gồm 4 phần. Sau đây là bản tóm lược do Tòa Thánh công bố cùng ngày.

***Lumen fidei*,** Ánh Sáng Đức Tin (ASĐT), là thông điệp đầu tiên được Đức GH Phanxicô ký ban hành. Được chia thành bốn chương, cộng thêm phần nhập đề và phần kết luận, Đức Giáo Hoàng giải thích rằng Thông Điệp này bổ túc các thông điệp về đức ái và đức cậy của Đức Bênêđíctô XVI, và tiếp nối "công trình tốt đẹp" của Đức GH Hưu Trí, người đã "gần như hoàn tất" Thông Điệp về đức tin. Nay, Đức Thánh Cha góp "thêm phần đóng góp" của ngài vào "dự thảo đầu tiên" này.

Phần nhập đề của ASĐT (các số 1-7) minh họa các động lực nằm ở nền tảng của văn kiện: trước nhất, nó nhắc lại các đặc điểm nơi ánh sáng đặc trưng của đức tin, một ánh sáng có khả năng chiếu rọi toàn bộ cuộc hiện sinh của con người, giúp con người phân biệt được thiện ác, nhất là trong thời hiện đại này khi niềm tin chống lại việc tìm hiểu và đức tin bị coi là ảo tưởng, một bước nhảy vào khoảng không vốn cản trở tự do của con người. Thứ hai, nhân Năm Đức Tin này, năm kỷ niệm Công Đồng Vatican II được 50 năm, một "Công Đồng của đức tin", ASĐT tìm cách tăng cường việc nhận thức chiều rộng của chân trời được đức tin mở ra, ngõ hầu nó được tuyên xưng một cách hợp nhất và toàn vẹn. Thực vậy, đức tin không phải là một điều kiện được coi là đương nhiên, đúng hơn nó là một ơn phúc do Chúa ban, mà ta phải nuôi dưỡng và tăng cường. Đức Giáo Hoàng viết rằng "Ai tin, sẽ thấy" vì ánh sáng đức tin xuất phát từ Thiên Chúa và vì nó có khả năng chiếu rọi mọi khía cạnh trong cuộc hiện sinh của con người, nên nó diễn tiến không những từ quá khứ, từ ký ức về cuộc đời Chúa Giêsu, mà còn từ tương lai khi nó mở ra nhiều chân trời rộng lớn.

Chương Một (các số 8-22):Chúng ta đã tin vào tình yêu (1Ga 4:16).

Trong chương này, khi nhắc lại khuôn mạo Ápraham trong Thánh Kinh, đức tin được giải thích là việc "lắng nghe" lời Thiên Chúa, là "lời mời gọi" ra khỏi cái bản ngã cô lập để mở lòng mình ra đón nhận cuộc đời mới, và là "lời hứa hẹn" tương lai làm khả hữu tính liên tục trong cuộc hành trình qua thời gian, gắn liền với hy vọng của ta. Đức tin cũng có âm hưởng "tình phụ tử", vì Thiên Chúa, Đấng mời gọi ta, không phải là người xa lạ, nhưng là Thiên Chúa Cha, là nguồn suối sự tốt lành vốn nằm ở cội nguồn mọi sự và nâng đỡ mọi sự. Trong lịch sử Israel, đức tin chống việc thờ ngẫu thần, là việc thờ trong đó con người bị tan vỡ trong cái đa phức của thèm muốn và "lịch sử đời họ tan thành man vàn những khoảnh khắc không liên hệ gì với nhau", khiến họ không còn thì giờ để chờ mong việc nên trọn của lời hứa. Trái lại, đức tin là tín thác vào tình yêu thương xót của Thiên Chúa, là tình yêu luôn luôn chào đón và tha thứ, và là tình yêu làm thẳng "mọi con đường khúc khuỷu của lịch sử ta"; nó là quyết tâm để mình được biến đổi như mới nhờ "ơn phúc nhưng không của Thiên Chúa, một ơn phúc đòi ta phải khiêm nhường và can đảm để tín thác và tin tưởng; nó giúp ta khả năng nhìn ra con đường sáng dẫn tới việc gặp gỡ Thiên Chúa và nhân loại, cũng như lịch sử cứu rỗi" (số 14). Và ở đây, ta thấy "sự nghịch lý" của đức tin: luôn luôn hướng về Chúa sẽ đem lại cho nhân loại sự ổn định, giải thoát ta khỏi các ngẫu thần.

Sau đó, ASĐT hướng ta về khuôn mạo Chúa Giêsu, Đấng Trung Gian từng mở cho ta thấy sự thật lớn hơn chính ta, Đấng biểu lộ tình yêu Thiên Chúa vốn là nền tảng của đức tin: "nhờ chiêm niệm cái chết của Chúa Giêsu… đức tin sẽ lớn mạnh hơn" vì trong cái chết này, Người mạc khải tình yêu muôn đời bền vững của Người cho nhân loại. Sự sống lại của Người khiến Chúa Kitô trở thành "chứng nhân đáng tín thác", "đáng được tin", qua Người, Thiên Chúa thực sự hành động suốt dòng lịch sử, xác định ra số phận sau cùng của lịch sử này. Nhưng có một "khía cạnh quyết định" trong đức tin vào Chúa Giêsu: "sự tham dự vào cách nhìn của Người". Thực thế, đức tin không những nhìn vào Chúa Giêsu mà còn nhìn từ điểm nhìn (quan điểm) của Người nữa, nghĩa là bằng con mắt của Người. Đức GH dùng một loại suy để giải thích rằng, trong cuộc sống hàng ngày, ta đặt lòng tin vào "người khác biết nhiều hơn ta", như kiến trúc sư, dược sĩ, luật sư, thế nào, thì trong đức tin, ta cũng cần một ai đó đáng tin cậy

và hiểu thấu đáo "nơi Thiên Chúa quan tâm" như thế, và Chúa Giêsu chính là "người làm ta biết Thiên Chúa". Do đó, ta tin Chúa Giêsu khi ta chấp nhận lời Người, và ta tin vào Chúa Giêsu khi ta chào đón Người vào đời ta và phó thác bản thân ta cho Người. Thực vậy, việc nhập thể của Người bảo đảm rằng đức tin sẽ không tách ta khỏi thực tại, đúng hơn, nó giúp ta nắm được ý nghĩa sâu sắc nhất của thực tại này. Nhờ đức tin, con người tự cứu được mình, khi họ mở lòng mình ra đón nhận Tình Yêu vốn đi trước họ và biến đổi họ từ bên trong. Và đây là hành động đích thực của Chúa Thánh Thần: "Kitô hữu có thể nhìn bằng con mắt của Chúa Giêsu và chia sẻ tâm trí của Người, thiên hướng con thảo của Người, vì họ chia sẻ tình yêu của Người, vốn là Thần Khí của Người" (số 21). Không có sự hiện diện của Thần Khí, người ta không thể tuyên xưng được Chúa. Bởi thế, "đời sống tín hữu trở nên đời sống Giáo Hội" vì đức tin được tuyên xưng trong nhiệm thể Chúa Kitô, vốn là "sự hiệp thông cụ thể của các tín hữu". Các Kitô hữu là "một" nhưng không đánh mất cá tính riêng của họ và khi phục vụ người khác, họ bước vào sự phục vụ chính mình. Như thế, "đức tin không phải là việc tư riêng, một ý niệm hoàn toàn cá nhân chủ nghĩa hay một ý kiến bản thân", đúng hơn, "nó phát xuất từ việc nghe, và nhằm tìm cách phát biểu thành lời và được công bố".

Chương Hai (các số 23-36):Không tin, các ngươi sẽ không hiểu (Is 7:9).

Đức GH cho thấy mối liên kết chặt chẽ giữa đức tin và sự thật, sự thật đáng tin cậy của Thiên Chúa, sự hiện diện trung tín của Người suốt trong lịch sử. Đức GH viết rằng: "đức tin mà không có sự thật là đức tin không cứu vớt"; "nó vẫn chỉ là một câu truyện đẹp, một dự phóng cho lòng khát vọng hạnh phúc sâu xa". Và ngày nay, vì "cuộc khủng hoảng sự thật của thời ta", ta càng cần nhớ lại mối liên kết này hơn bao giờ hết, vì nền văn hóa hiện nay có khuynh hướng chỉ chịu chấp nhận sự thật của kỹ thuật mà thôi, chỉ chấp nhận điều con người có thể xây dựng và đo lường bằng khoa học, một sự thật "làm việc", hay đúng hơn, những sự thật riêng lẻ chỉ có giá trị đối với cá nhân, chứ không phục vụ ích lợi chung. Ngày nay, ta hoài nghi "chính Sự Thật, tức sự thật có thể giải thích trọn bộ cuộc sống ta như những cá thể và như trong xã hội" vì nó bị liên kết một cách lầm lẫn với những sự thật được các hình thức toàn trị của thế kỷ 20 chủ trương. Tuy nhiên, niềm hoài nghi ấy dẫn ta tới tình trạng "mất hết trí nhớ trong thế giới hiện nay", một mất mát làm ta quên cả vấn đề chân lý này, quên cả nguồn cội mọi sự, tức vấn đề về Thiên Chúa, chỉ có lợi cho chủ nghĩa duy tương đối và rất sợ chủ nghĩa cuồng tín. ASĐT, sau đó, nhấn mạnh tới mối liên kết giữa đức tin và tình yêu, được hiểu không phải là "một xúc cảm phù du", mà là tình yêu vĩ đại của Thiên Chúa có sức biến đổi ta từ bên trong và ban cho ta con mắt mới để ta nhìn thấy thực tại. Do đó, nếu đức tin được liên kết với chân lý và tình yêu, thì "tình yêu và chân lý không thể tách rời nhau", vì chỉ có tình yêu đích thực mới đứng vững với thử thách của thời gian và trở nên nguồn gốc của nhận thức. Và vì nhận thức của đức tin phát xuất từ tình yêu của Thiên Chúa, nên "chân lý và trung tín đi đôi với nhau". Chân lý biểu lộ đức tin là chân lý đặt tâm điểm nơi cuộc gặp gỡ với Chúa Kitô nhập thể, Đấng, khi đến với ta, đã đánh động ta và ban ơn thánh của Người cho ta, để biến đổi tâm hồn ta.

Đến đây, Đức GH bắt đầu suy niệm sâu rộng về "cuộc đối thoại giữa đức tin và lý trí", về chân lý trong thế giới ngày nay, nơi nó thường bị rút gọn thành "tính chân chính chủ quan", như thứ chân lý thông thường gây sợ hãi, và đôi lúc bị đồng hóa với các đòi hỏi không khoan nhượng của chủ nghĩa toàn trị. Thay vào đó, nếu chân lý là chân lý của tình yêu Thiên Chúa, thì nó không bị áp đặt một cách đầy bạo lực và không nghiền nát cá nhân. Bởi thế, đức tin không phải là không khoan nhượng và tín hữu không phải là người ngạo mạn. Trái lại, đức tin làm tín hữu ra khiêm nhường và dẫn tới việc chung sống với người khác và kính trọng họ. Bởi đó, đức tin dẫn tới đối thoại trong mọi lãnh vực: trong lãnh vực khoa học, vì nó làm sống lại ý thức phê phán và mở rộng các chân trời của lý trí, mời gọi ta chiêm ngắm Tạo Dựng một cách thán phục; trong lãnh vực liên tôn, trong đó, Kitô Giáo hiến phần đóng góp của mình; trong cuộc đối thoại với những người vô tín ngưỡng, là những người không ngừng tìm kiếm, luôn "cố

gắng hành động như thể Thiên Chúa có thực" vì "Thiên Chúa là ánh sáng và có thể tìm thấy bởi những ai tìm kiếm Người bằng một trái tim thành thực". Đức GH nhấn mạnh rằng "Bất cứ ai khởi đầu con đường làm điều thiện cho người khác thực sự đã tiến lại gần Thiên Chúa". Cuối cùng, ASĐT nói tới thần học và xác nhận rằng nó không thể có được nếu không có đức tin, vì Thiên Chúa không phải chỉ là "đối tượng" mà đúng hơn Người chính là Chủ Thể tự làm cho mình được biết đến. Thần học là tham dự vào sự hiểu biết mà Thiên Chúa vốn có về chính Người; thành thử, thần học phải nhằm phục vụ đức tin Kitô Giáo và Huấn Quyền Giáo Hội không phải là một giới hạn đối với nền tự do của thần học, nhưng đúng hơn là một trong các yếu tố tạo thành ra thần học vì nó bảo đảm cho cuộc tiếp xúc của ta với nguyên cội là Lời Chúa Kitô.

Chương Ba (các số 37- 49):Tôi trao cho anh chị em điều chính tôi đã tiếp nhận (1 Cor 15:3).

Chương này tập chú hoàn toàn vào sự quan trọng của phúc âm hóa: Đức GH viết rằng ai đã mở lòng mình ra đón nhận tình yêu của Thiên Chúa, thì không thể giữ hồng ân này cho riêng mình. Ánh sáng của Chúa Giêsu rạng chiếu trên khuôn mặt Kitô hữu và nhờ cách này, nhờ giao tiếp, được tràn qua, được chuyền đi như ngọn lửa đốt từ một người khác, chuyền từ thế hệ này qua thế hệ nó, trong một dây chuyền liên tục các chứng nhân của đức tin. Điều này dẫn tới mối liên kết giữa đức tin và ký ức, vì tình yêu Thiên Chúa hợp nhất mọi thời gian, biến chúng ta thành người đương thời của Chúa Kitô. Mặt khác, ta "không thể tự mình tin được" vì đức tin không phải là "một quyết định cá nhân", đúng hơn, nó mở "tôi" ra cái "chúng tôi" và luôn luôn diễn biến "bên trong một cộng đoàn Giáo Hội". Bởi thế, "người tin không bao giờ đơn độc cả", vì họ thấy rằng không gian bản ngã họ đã mở rộng và sản sinh ra nhiều liên hệ mới làm đời họ ra phong phú.

Tuy nhiên, có "những phương thế đặc biệt" nhờ thế đức tin được truyền đi: các Bí Tích, nhờ đó, "ký ức nhập thể" được thông truyền. Trước nhất, Đức GH nhắc đến phép rửa, của cả trẻ em lẫn của người lớn, dưới hình thức đoàn dự tòng. Điều này nhắc ta nhớ rằng đức tin không phải là việc của các cá nhân cô lập, một hành vi có thể thực hiện một cách đơn độc, thay vào đó, nó phải được tiếp nhận trong hiệp thông Giáo Hội. ASĐT giải thích rằng "Không ai tự rửa cho chính mình". Mặt khác, vì em bé được rửa tội không thể tự mình tuyên xưng đức tin nhưng phải nhờ sự trợ giúp của cha mẹ và người đỡ đầu, nên "sự hợp tác giữa Giáo Hội và gia đình" rất quan trọng. Thứ hai, Thông Điệp nhắc đến Phép Thánh Thể, "của nuôi quí giá cho đức tin", một "hành vi tưởng niệm, một việc làm cho mầu nhiệm hiện diện", một việc "dẫn từ thế giới hữu hình qua thế giới vô hình", dạy ta biết cảm nghiệm chiều sâu của thực tại. Sau đó, Đức GH đề cập tới việc tuyên xưng đức tin, tức Kinh Tin Kính, trong đó, tín hữu không những tuyên xưng đức tin mà còn can dự vào chân lý được mình tuyên xưng; tới việc cầu nguyện, tức Kinh Lạy Cha, nhờ đó, Kitô hữu học cách biết nhìn bằng con mắt Chúa Kitô; Mười Giới răn, được hiểu không phải là "một loạt các lệnh truyền tiêu cực", mà đúng hơn là "những hướng dẫn cụ thể" để ta bước vào cuộc đối thoại với Thiên Chúa, "để được lòng xót thương của Người bao bọc", là "đường biết ơn" dẫn tới sự hiệp thông viên mãn với Thiên Chúa. Cuối cùng, Đức GH nhấn mạnh tới việc chỉ có một đức tin vì "tính đơn nhất của Thiên Chúa, Đấng được ta biết và tuyên xưng", vì đức tin này dẫn ta tới một Chúa duy nhất, Đấng ban cho ta "một ngắm nhìn chung" và vì nó "được chia sẻ bởi toàn thể Giáo Hội, vốn là một thân thể và một Thần Khí". Cho nên, vì chỉ có một đức tin, ta phải tuyên xưng nó trong tính tinh ròng và toàn vẹn của nó: "tính đơn nhất của đức tin là tính đơn nhất của Giáo Hội"; trừ bớt điều gì đó khỏi đức tin là trừ bớt điều gì đó khỏi tính chân thực của hiệp thông. Mặt khác, vì tính đơn nhất của đức tin là tính đơn nhất của một cơ thể sống động, nó có khả năng thẩm thấu mọi điều nó gặp gỡ, tự chứng tỏ mình là phổ quát, Công Giáo, soi sáng và dẫn toàn bộ vũ trụ và toàn bộ lịch sử tới biểu thức tươi đẹp nhất của chúng. Tính đơn nhất này được sự kế tục tông truyền bảo đảm.

Chương Bốn (các số 50-60):Thiên Chúa chuẩn bị cho họ một kinh thành (Dt 11:16).

Chương này giải thích sự nối kết giữa đức tin và thiện ích chung, dẫn tới việc tạo ra môi trường để con người nam nữ sống với người khác. Đức tin, vì phát sinh từ tình yêu của Thiên Chúa, nên đã tăng cường các dây liên kết của nhân loại và đặt mình vào việc phục vụ công lý, nhân quyền và hòa bình. Đó là lý do tại sao nó không tách mình ra khỏi thế giới, trái lại đã cột mình vào các cam kết chân thực của con người hiện đại. Ngược lại, nếu không có tình yêu của Thiên Chúa, nơi ta có thể đặt niềm tín thác của ta trên đó, các dây liên kết giữa người với người sẽ chỉ dựa vào thực dụng, vào quyền lợi và sợ sệt. Thay vào đó, đức tin nắm được nền tảng sâu xa nhất của các liên hệ nhân bản, đích điểm dứt khoát của chúng trong Thiên Chúa, và đặt chúng phục vụ thiện ích chung. Đức tin "dành cho tất cả, nó là thiện ích chung"; mục đích của nó không phải chỉ là xây dựng đời sau mà còn giúp xây dựng các xã hội của ta ngõ hầu chúng cùng nhau hướng về một tương lai đầy hy vọng.

Sau đó, Thông Điệp xem sét các lãnh vực được đức tin soi sáng: trước nhất và trên hết, là gia đình xây dựng trên hôn nhân, hiểu như sự kết hợp bền vững giữa một người đàn ông và một người đàn bà. Việc kết hợp này phát sinh từ việc thừa nhận và chấp nhận thiện ích của việc dị biệt giới tính, và dựa vào tình yêu trong Chúa Kitô, hứa hẹn "một tình yêu mãi mãi" và thừa nhận tình yêu như người sáng tạo dẫn tới việc sinh sản con cái. Rồi tuổi trẻ; ở đây, Đức GH nhắc đến Ngày Giới Trẻ Thế Giới, trong đó, người trẻ biểu lộ "niềm vui đức tin" và cam kết sống đức tin một cách vững chãi và đại lượng của họ. Đức GH viết: "Người trẻ muốn sống cuộc sống đầy đủ nhất". "Gặp gỡ Chúa Kitô… mở rộng các chân trời hiện sinh, đem lại cho nó niềm hy vọng vững chắc không làm ta thất vọng. Đức tin không phải là chỗ trú chân của những tâm hồn nhút nhát, mà là một điều thăng tiến đời ta". Và rồi, trong mọi liên hệ xã hội, nhờ làm ta trở nên con cái Thiên Chúa, Đức Tin quả đem lại ý nghĩa mới mẻ cho tình anh em đại đồng, một tình anh em không hẳn chỉ là bình đẳng, mà đúng hơn còn là cảm nghiệm chung về tình phụ tử của Thiên Chúa, sự thấu hiểu phẩm giá độc đáo của mỗi con người. Một lãnh vực khác là lãnh vực thiên nhiên: đức tin giúp ta tôn trọng nó, "tìm ra các mô thức phát triển không chỉ dựa vào thực dụng và lợi nhuận, mà còn coi tạo dựng như một hồng ân". Nó dạy ta biết cách tìm ra các hình thức cai trị hợp công lý, trong đó, quyền bính phát sinh từ Thiên Chúa và nhằm phục vụ thiện ích chung; nó hiến cho ta khả thể tha thứ, dẫn ta tới việc vượt thắng mọi tranh chấp. Đức GH viết rằng "Khi đức tin yếu đi, các nền tảng của nhân loại cũng có nguy cơ bị yếu đi", và nếu ta loại bỏ đức tin vào Thiên Chúa khỏi các đô thị của ta, ta sẽ đánh mất niềm tin tưởng lẫn nhau và chỉ còn nhờ sợ sệt mới có thể cấu kết với nhau. Cho nên, ta không nên xấu hổ khi tuyên xưng Thiên Chúa một cách công khai, vì đức tin chiếu soi đời sống xã hội. Một lãnh vực khác nữa được đức tin soi sáng là lãnh vực chết và đau khổ: các Kitô hữu hiểu rõ đau khổ không thể bị trừ khử hoàn toàn nhưng ta có thể cho nó một ý nghĩa; nó có thể được phó dâng cho bàn tay Thiên Chúa, Đấng không bao giờ bỏ rơi ta, và do đó, trở thành "giây phút phát triển trong Đức Tin". Với những người đau khổ, Thiên Chúa không cho biết lý do để giải thích mọi sự, mà đúng hơn, Người tự ý hiện diện, một hiện diện luôn đồng hành với ta, luôn mở cho ta bậc cửa ánh sáng trong cảnh tối tăm. Theo nghĩa này, đức tin được nối kết với đức cậy, với niềm hy vọng. Ở đây, Đức GH kêu gọi ta: "Ta hãy từ khước đừng để mình bị cướp đi niềm hy vọng, hay để niềm hy vọng của ta lu mờ bởi những câu trả lời và giải pháp dễ dãi chỉ chặn đứng tiến bộ của ta".

Kết luận (các số 58-60):Phúc thay các con là những người tin (Lc 1:45).

Trong phần kết luận ASĐT, Đức GH mời gọi ta nhìn lên Đức Maria, "mẫu mực hoàn hảo" của Đức Tin, Đấng, vì là Mẹ Chúa Giêsu, đã tượng thai "đức tin và niềm vui". Đức GH dâng lời cầu nguyện lên Đức Mẹ để ngài trợ giúp con người trong đức tin của họ, nhắc ta, các tín hữu, nhớ rằng ta không bao giờ cô đơn và dạy ta biết nhìn bằng cặp mắt của Chúa Giêsu.

Vũ Văn An, Vietcatholic 6/7/2013

2. Một số nhận định chuyên môn về thông điệp Ánh Sáng Đức Tin

Nhân dịp Đức Phanxicô công bố thông điệp đầu tiên của ngài, tạp chí America có yêu cầu một số nhà thần học và lãnh đạo Giáo Hội tại Hoa Kỳ viết lời bình luận. Năm vị sau đây đã đáp lại lời yêu cầu này: Drew Christiansen SJ, Robert P. Imbelli, James Martin SJ, Peter Folan SJ và Christiana Z. Peppard

Biết Đấng chúng ta yêu mến,

Linh mục Drew Christiansen, S. J., cựu chủ bút của America, và hiện là học giả thỉnh giảng của Boston College, thì cho rằng thông điệp Ánh Sáng Đức Tin phần lớn phản ảnh tư duy của Đức Bênêđíctô XVI: nại nhiều tới các tiến sĩ của Giáo Hội, thánh thiêng hóa triết lý Hy Lạp và ưu tư nhiều đối với chủ nghĩa vô thần thế kỷ 19. Song song với những điều đó là việc quan tâm tới chân lý đơn nhất như là đối tượng của đức tin, tới việc bênh vực tính toàn vẹn của kho tàng đức tin, tới ngữ cảnh Giáo Hội của Đức Tin và tới trách nhiệm của huấn quyền trong việc gìn giữ tính toàn bộ của đức tin chống lại sự xâm thực của thời gian.

Dĩ nhiên, vì là bản văn phần lớn do Đức Bênêđíctô XVI soạn thảo, nên Thông Điệp nhiều lần nói tới sự kình chống hiện đại giữa đức tin và lý trí. Đồng thời, Thông Điệp cũng có những đoạn tích cực tuyệt vời nói tới việc con người đi tìm Thiên Chúa và việc ánh sáng đức tin soi sáng cho khoa học.

Nói tới những người không có đức tin nhưng đi tìm Thiên Chúa, Thông Điệp thừa nhận rằng "người có tinh thần tôn giáo cố gắng thấy các dấu hiệu của Thiên Chúa, trong kinh nghiệm của cuộc sống hàng ngày, trong chu kỳ các mùa, trong tính mầu mỡ của trái đất và trong chuyển động của vũ trụ" (số 35). Thông Điệp còn nói thêm: "Bao lâu họ thành thực mở lòng mình ra đón nhận tình yêu và lên đường với bất cứ thứ ánh sáng nào họ tìm thấy, thì người tìm kiếm đã đang ở trên đường dẫn tới đức tin, dù họ không biết như vậy".

Đàng khác, đức tin chiếu soi trọn sự sống, kể cả việc tìm kiếm của khoa học: "Đức tin khuyến khích nhà khoa học không ngừng cởi mở với thực tại trong mọi nét phong phú khôn lường của nó… Đức tin làm sống dậy ý thức phê phán bằng cách ngăn cản không cho nó tự hài lòng với các công thức của mình và giúp nó hiểu ra rằng thiên nhiên luôn lớn lao hơn. Bằng cách kích thích sự bỡ ngỡ trước mầu nhiệm sâu thẳm của sáng thế, đức tin mở rộng các chân trời của lý trí, dõi nhiều ánh sáng hơn cho một thế giới đang tự cởi mở đối với cuộc tìm hiểu của khoa học" (số 34). Dù trong thần học căn bản, những động lực thúc đẩy cho khoa học tiến bộ này có thể được giải thích như các biểu hiện của đức tin tiềm ẩn bên ngoài Chúa Kitô, nhưng khi nhìn bằng con mắt đức tin bởi những khoa học gia tín hữu như Teilhard de Chardin, chúng có cái chiều sâu Kitô (Christic depth). Chính cái chiều sâu lớn hơn của sự sống trong đức tin này là điều hai vị giáo hoàng tác giả muốn ta chú ý.

Cha Christiansen cho rằng khó nhận ra phần đóng góp riêng của Đức Phanxicô. Ngài nghĩ phần đóng góp này nằm ở chương 3 "tôi trao lại cho anh chị em điều chính tôi đã nhận được" đề cập tới việc thông truyền đức tin, và ở chương 4 "Thiên Chúa chuẩn bị cho họ một kinh thành", đề cập tới vai trò đem lại sự sống của Đức Tin trong gia đình và trong xã hội. Nhưng nếu thế thì ta phải ngạc nhiên vì Giáo Hội học ở đây xem ra không phải là Giáo Hội học phục vụ của Đức Phanxicô (Giáo Hội ở ngoài phố, nơi tai nạn có thể xẩy tới) mà là Giáo Hội học bảo vệ đức tin khỏi sai lầm của Đức Bênêđíctô. Đáng lẽ ở đây, tín hữu nên nhận được một vài tầm nhìn thông sáng của Đức Phanxicô liên quan tới việc dấn thân của Giáo Hội vào một thế giới có khả năng gây chấn thương.

Tuy nhiên, các số 37-39 đã đề cập tới việc chia sẻ Đức Tin và nhấn mạnh tới bản chất cộng đồng và bản chất Giáo Hội của Đức Tin. Phần lớn chương 3 dành để nói về việc thông truyền đức tin qua bí tích. Chương 4 cho thấy nhấn mạnh mục vụ của Đức Phanxicô, nhất là tiết kết thúc (các số 56-57) nói về vai trò ủi an của Đức Tin trước đau khổ và chết chóc.

Cha Christiansen lưu ý sợi chỉ xuyên suốt ba thông điệp *Deus caritas est*, *Caritas in veritate* và *Lumen fidei*. Hai thông điệp kia là của Đức Bênêđíctô. Thông điệp cuối là của chung Đức Bênêđíctô và Đức Phanxicô. Nhưng cả ba cùng đều nhấn mạnh tới tình yêu. Thật vậy, chính tình yêu Thiên Chúa giúp ta tin. Trích lời Thánh Phaolô "tin bằng tâm hồn" (Rm 10:10), thông điệp cho rằng "đức tin biết vì đức tin nối kết với tình yêu, vì tình yêu tự nó đem soi sáng tới". Chính đức tin mở mắt trí khôn. Thông điệp viết: "cái hiểu của đức tin được phát sinh khi ta nhận được tình yêu vô biên của Thiên Chúa, một tình yêu biến đổi ta từ bên trong và giúp ta nhìn sự vật bằng con mắt mới" (số 26). Điều thật đáng lưu ý là dù rất quan tâm tới nội dung chân lý của Đức Tin, Đức Bênêđíctô vẫn phải hướng tới tình yêu để đóng ấn cho luận điểm của ngài về đức tin, mang lại cho nó cái nét thuyết phục nhất. Vì nói cho cùng, Thiên Chúa "là chủ thể tự làm cho Người được biết đến và được nhận thức trong mối liên hệ liên bản vị" (số 36).

Không những thế, ngoài hình ảnh nhìn ra, một hình ảnh làm khởi điểm cho "Ánh Sáng Đức Tin", Đức GH còn nói tới chiều kích nghe, thậm chí cả chiều kích rờ mó nữa của đức tin. Tin Mừng làm chứng cả ba chiều kích ấy: "điều chúng tôi được nghe, điều chúng tôi được nhìn bằng con mắt và rờ mó bằng tay chân, chính là lời ban sự sống" (1Ga 1:1; LF số 31). Thông điệp cho ta hay: tình yêu đích thực "kết hợp mọi yếu tố trong con người của ta và trở nên ánh sáng mới chỉ đường ta tiến tới cuộc sống vĩ đại và thỏa đáng" (số 27). Tình yêu sản sinh ra hiểu biết vì chỉ có nó mới ôm lấy trọn bản thân ta. Tình yêu ở tâm điểm đức tin là tình yêu kết hợp ta với Chúa Kitô.

Một sự hợp tác phi thường

Linh mục Robert P. Imbelli, thuộc tổng giáo phận New York, hiện dạy thần học tại Boston College, nhấn mạnh tới đặc điểm "bốn bàn tay" hình thành ra *Lumen Fidei*. Thực vậy, trước ngày ban hành thông điệp này, chính Đức Phanxicô tiết lộ đặc điểm này cho báo giới. Và một lần nữa, ở phần nhập đề của thông điệp, ngài viết rõ: Đức Bênêđíctô "gần như đã hoàn tất dự thảo đầu tiên của thông điệp về đức tin. Vì vậy, tôi rất cảm ơn ngài, và vì là anh em của ngài trong Chúa Kitô, tôi đã tiếp nối công trình tốt đẹp của ngài và thêm một số đóng góp của riêng tôi" (số 7).

Đây quả là một hợp tác phi thường khiến ta có thể gọi **Lumen Fidei** là chúc thư của Đức Bênêđíctô và Diễn Văn Đăng Quang của Đức Phanxicô.

Cha Imbelli cũng nhấn mạnh tới tình yêu như là trọng tâm của *Lumen Fidei* khi trích dẫn "Trong tình yêu của Thiên Chúa được mặc khải nơi Chúa Giêsu, đức tin đã nhận thức được nền tảng mà mọi thực tại và cùng đích của chúng dựa vào" (số 15). Đức tin của Kitô Giáo phát sinh từ cuộc gặp gỡ đầy yêu thương với Chúa Giêsu Kitô, Đấng chịu đóng đinh và đã sống lại. Do đó, nó bao gồm trọn con người, cả hiểu biết, lẫn ý chí và xúc cảm.

Thành thử, trước khi được phát biểu thành lời, đức tin là một thực tại cảm nghiệm sâu sắc đặt con người vào con đường mới, giúp họ thấy thực tại dưới một ánh sáng mới, tức ánh sáng của Chúa Kitô, và mở cho họ nhiều chân trời và sứ mệnh mới. "Những ai tin đều được biến đổi bởi tình yêu mà họ vốn mở trái tim ra chào đón trong đức tin" (số 21). Họ được biến đổi qua việc Chúa Kitô cư ngụ trong họ.

Điểm cũng cần nhấn mạnh là khía cạnh cộng đồng của đức tin. Cái "tôi" của người tín hữu được lồng vào cơ thể Giáo Hội của Chúa Kitô: Câu "tôi tin" của cá nhân được định vị trong câu "chúng tôi tin" của cộng đồng. Thông điệp viết một cách súc tích như sau về khía cạnh này "Việc mở ra cái "chúng tôi' đầy tính Giáo Hội này phản ảnh sự cởi mở của chính tình yêu Thiên Chúa, một tình yêu không những chỉ là mối tương quan giữa Cha và Con, giữa "Con" và "Ngài", mà còn, trong Chúa Thánh Thần nữa, nghĩa là "Chúng ta", một hiệp thông các ngôi vị" (số 39).

Mặt khác, hiệp thông có tính Giáo Hội được cảm nghiệm và vui hưởng không có tính tự khép kín, mà đòi ta phải lãnh trách nhiệm đối với thiện ích chung. "Ánh sáng (đức tin) không chỉ soi sáng bên trong Giáo Hội, cũng không phải chỉ để xây dựng kinh thành vĩnh cửu đời sau; nó còn giúp ta xây dựng xã hội sao đó để xã hội cùng lên đường tiến tới một tương lai hy vọng" (số 51).

Bắt nguồn từ căn cội mầu nhiệm vượt qua của Chúa Kitô, đức tin không thể làm ngơ nỗi thống khổ của thế giới. Nó tìm cách đem đến cho ta một phục vụ đầy hy vọng và yêu thương, nhất là cho những người thiếu thốn và bị bỏ rơi hơn cả. "Đức tin không phải là ánh sáng làm tan bóng tối, mà là ngọn đèn dẫn lối ta đi trong đêm và đủ cho suốt hành trình" (số 57).

Lời mời thân ái đối với người tìm kiếm

Linh mục James Martin, S.J., chủ bút toàn quyền của America, thì cho rằng *Lumen Fidei* là lời mời tốt đẹp đối với cả người tin lẫn người không tin. Dù thông điệp này chính thức ngỏ lời với các giám mục, linh mục, tu sị và tín hữu giáo dân, nó cũng thực lòng muốn nói với bất cứ ai đang tìm kiếm Thiên Chúa.

Theo cha Martin, không có gì đáng gọi là "tin tức" trong *Lumen Fidei*, ngoại trừ sự liên kết chặt chẽ giữa đức tin và "công lý, luật pháp và hòa bình" là những điều vốn phản ảnh quan tâm sâu sắc của Đức Phanxicô đối với người nghèo. Thực vậy, có cả một đoạn minh nhiên nói tới các khuôn mặt vĩ đại như Thánh Phanxicô Assisi và Mẹ Têrêxa, những người được đức tin thúc đẩy để trực tiếp làm việc cho người nghèo.

Cha Martin cho rằng ta không nên đoán già đoán non phần nào của thông điệp do Đức Bênêđíctô viết phần nào do Đức Phanxicô viết. Đúng hơn phải đọc thông điệp trong tính toàn bộ của nó, coi nó như công trình của cả hai vị Giáo Hoàng.

Như trên đã nói, Cha Martin cho rằng có những đoạn dành cho các tín hữu Kitô suy niệm cách phong phú, nhưng không thiếu những đoạn có ích cho cả người đang tìm kiếm, người hoài nghi, người bất khả tri và thậm chí cả người vô thần nữa.

Thực vậy, thông điệp có chỗ viết "đức tin phát sinh từ một cuộc gặp gỡ với Thiên Chúa". Nghĩa là, đức tin không phải chỉ là một diễn trình tri thức, hay câu trả lời cho các vấn nạn triết học, mà chủ yếu là một mối liên hệ, với Thiên Chúa, với Chúa Giêsu, và với người khác. Thông điệp cho rằng ta có thể thấy được sự tiến bộ trong mối liên hệ này qua dòng lịch sử, trong câu truyện cứu độ, bắt đầu với Ápraham. Bởi thế, đối với những người tìm kiếm, tha thiết muốn biết đức tin là gì, thay vì một tranh luận triết học hay thần học, *Lumen Fidei* trình bày một con người: đó là Chúa Giêsu. Thông điệp bảo: đức tin là "tham dự vào cách nhìn của Người". Ta tìm cách đi vào mối liên hệ với Người.

Nhưng điều trên không có nghĩa: trí hiểu không quan trọng. Đối với những người sợ rằng trở thành Kitô hữu có nghĩa phải vứt bỏ đầu óc đi, *Lumen Fidei* nhấn mạnh tới giá trị của con đường tri thức, và

nhắc nhở ta nhớ tới kinh nghiệm của Thánh Augustinô. Gặp gỡ Thiên Chúa không khiến Thánh Augustinô phải "từ bỏ ánh sáng và việc nhìn" tức lý trí. Tuy nhiên, niềm khát khao chân lý của ta chỉ được thỏa mãn khi "ta thấy và yêu".

Vì "tình yêu là cảm nghiệm về chân lý". Do đó, đối với người vẫn đang tìm kiếm Thiên Chúa, thông điệp khuyến khích họ suy tư về chính cảm nghiệm yêu thương của họ, không phải như một xúc cảm phù du, mà như phương cách nếm thử đức tin và cảm nhận chân lý, cả hai sẽ dẫn tới đức tin. Nhờ suy tư về tình yêu mà Thiên Chúa tỏ cho ta thấy trong cuộc sống ta, như Dân Israel từng làm suốt trong lịch sử, dần dà ta sẽ nắm được đức tin. Dòng sau đây thiết nghĩ rất hay đối với nhiều người đang tìm kiếm: "Bao lâu họ chịu thành thực mở lòng mình ra đón chào tình yêu và lên đường với bất cứ ánh sáng nào họ tìm thấy, họ đã đang trên đường dẫn tới đức tin rồi, dù không biết".

Chính vì vậy, đức tin là một hành trình. *Lumen Fidei* quả có nói tới "nẻo đường" và "con đường mà Đức Tin mở ra trước ta". Nói cách khác, đừng sợ tiếp tục tìm kiếm. Thông điệp cho hay "Người tôn giáo là người đi đường, họ phải sẵn sàng để được hướng dẫn, để ra ngoài chính họ, và tìm thấy Thiên Chúa luôn gây ngạc nhiên".

Ánh sáng soi đường ta đi

Linh mục Peter Folan, S.J., cha phó Nhà Thờ Chúa Ba Ngôi ở Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn, đặc biệt lưu ý tới số 57 của *Lumen Fidei* là số cho rằng "đức tin không phải là ánh sáng xóa tan bóng tối mà là ngọn đèn dẫn lối ta đi trong đêm và đủ cho suốt hành trình". Ta cũng có thể nói như thế về chính thông điệp. Vì thông điệp này quả là ánh sáng cho Giáo Hội, và do đó, cho cả nhân loại, không phải vì nó xóa bỏ mọi thách đố đối với niềm tin, mà vì nó cho thấy đức tin của Giáo Hội sẵn sàng đối mặt với các thách đố đó. Cách riêng, *Lumen Fidei* sẵn sàng giáp mặt với 3 thách đố sau đây:

Thứ nhất, *đức tin là một kế hoạch chống đỡ*(backup). Những người đặt ra thách đố này coi đức tin như một chất trét (caulk) để trám các lỗ hổng giữa cảm nghiệm và giải thích khoa học. Họ cho rằng thời gian và nghiên cứu sâu sắc cuối cùng sẽ cho thấy đức tin là điều không cần thiết, nếu không muốn nói là nguy hiểm. Phần mình, *Lumen Fidei*, một mặt, nhấn mạnh tới tầm quan trọng của nhận thức và chân lý, vì "không có các giá trị này, ta không thể đứng vững, ta không thể tiến tới" (số 24) nhưng mặt khác nhận ra "một mất trí nhớ vĩ đại trong thế giới hiện đại" (số 25). Vì theo thông điệp này, các vấn đề về chân lý và nhận thức, xét trong nền tảng, chính là các vấn nạn về ký ức, vì "chúng liên hệ tới điều gì đó có trước chúng ta" (số 25). Mồi cho ngọn lửa âm ỉ của ký ức cá nhân và ký ức Giáo Hội cháy lên qua cầu nguyện và bí tích sẽ kết hợp chúng ta, trở nên không những một tế bào liên kết các giây phút rời rạc của thực tại, mà là chất cốt của chính thực tại, chỉ đường tiến tới tương lai bằng cách đặt cơ sở vững chắc trong quá khứ.

Cho dù đức tin không phải là một kế hoạch hỗ trợ đi, thì thách đố thứ hai cũng cho rằng *nó chỉ là một theo đuổi cá nhân*. Thách đố này, một thách đố phát sinh từ phong trào "tâm linh chứ không tôn giáo" và "đức tin đòi người ta vâng lời tối mặt", gặp được câu trả lời mạnh mẽ từ *Lumen Fidei*. Trong khi nhắc độc giả nhớ rằng "đức tin không phải là chuyện tư riêng, một ý niệm hoàn toàn cá nhân chủ nghĩa hay ý kiến bản thân", thông điệp nối kết đời sống đức tin với việc nhìn và nghe để kết luận rằng đức tin "nhằm tìm cách phát biểu thành lời và được công bố" (số 22). Đức tin nhận biết do việc nhìn và nghe này khiến mắt và tai ta tập chú "vào cuộc gặp gỡ với Chúa Kitô" (số 30), một cuộc gặp gỡ "được duy trì sống động trong chủ thể tưởng niệm duy nhất kia là Giáo Hội" (số 38). Như thế, Giáo Hội làm sắc cái nhìn, cái nghe và cái nhớ của cá nhân, tức đức tin của cá nhân, y hệt như cá nhân làm sắc những thứ ấy nơi Giáo Hội.

Cuối cùng, *Lumen Fidei* ngỏ lời với những ai cho rằng *đức tin chỉ là vấn đề nội bộ của Giáo Hội*. Ngược lại thì có, giống như Giáo Hội, đức tin "đặt chúng ta vào cuộc hành trình; nó làm khả hữu việc làm chứng và đối thoại với mọi người" (số 34). Mục đích của cuộc đối thoại này phải là sự nên một mà Chúa Giêsu từng cầu xin trong Tin Mừng Gioan 17, vì như lời Thánh Lêô Cả, "nếu đức tin không là một, thì nó không phải là đức tin" (số 47). Điều này kêu gọi nhiều hơn cả đại kết. Nó đòi sự hợp nhất của toàn thể nhân loại trong tình anh em, một tình anh em không dựa hoàn toàn vào bình đẳng, mà dựa vào "Cha chung làm nền tảng tối hậu" (số 54).

Ánh sáng đức tin, thứ ánh sáng làm tên và làm nội dung cho *Lumen Fidei*, không như "những tia sáng nhỏ nhoi chiếu sáng những khoảnh khắc mau qua chứ không có khả năng chiếu rọi đường đi" (số 3). Những tia sáng nhỏ nhoi này may ra chỉ giải quyết được một số thách đố trong nhất thời để rồi sau đó tàn lụi. Còn ánh sáng đức tin, như được trình bày trong *Lumen Fidei*, cho ta thấy cả con đường vượt qua các thách thức này và quá cả bên kia chúng nữa, một con đường mà Giáo Hội phải bước qua, không ngừng lữ thứ.

Sự hợp nhất của Đức Tin

Christiana Z. Peppard, một phụ tá giáo sư thần học, khoa học và đạo đức học tại Đại Học Fordham, New York, cho rằng dù những tham chiếu về Nietzche, Justin Tử Đạo, Dante và Dostoevsky có cho thấy văn phong của Đức Bênêđíctô XVI; và các chủ đề như tương quan, thiện ích chung, kinh tế và tạo dựng có sắc thái của Đức Phanxicô, nhưng ta không nên đọc *Lumen Fidei* trong não trạng đó. Vì thông điệp không phải là một văn kiện vụn vặt. Dù được viết bởi một ủy ban đi chăng nữa, nó vẫn có sự thống nhất của một tiếng nói có thẩm quyền.

Đồng nhất và đồng thanh (univocality) là các chủ đề quan trọng trong *Lumen Fidei*, một thông điệp cố gắng khẳng định rằng "ánh sáng đức tin là ánh sáng độc đáo, vì nó có khả năng chiếu soi mọi khía cạnh của đời người" (số 4). Hiểu rõ các thực tại hiện nay, thông điệp ưu tư đối với "cuộc khủng hoảng chân lý của thời ta" và "chủ nghĩa duy tương đối", một chủ nghĩa hiện đang hết sức thách thức "câu hỏi về Thiên Chúa" (số 25). Nó nhấn mạnh sự quan trọng của tân phúc âm hóa; nó đặc biệt cho thấy khoa học và đức tin bổ túc cho nhau: "bằng cách kích thích sự bỡ ngỡ trước mầu nhiệm sâu thẳm của tạo dựng, đức tin mở rộng các chân trời của lý trí để nó dõi một ánh sáng lớn hơn trên thế giới vốn tự bộc lộ mình cho các tìm hiểu của khoa học" (số 34).

Nhưng thông điệp cũng khiến người ta tự hỏi: đồng thanh và đồng nhất nói về đức tin có nghĩa gì trong một thời điểm Giáo Hội hoàn vũ càng ngày càng ý thức được tính đa dạng trong nội bộ chính mình? Hai vấn đề sau đây đáng được xem sét thêm.

Thứ nhất, thông điệp coi sự thật của Giáo Hội như một cố gắng thẳng thắn và đồng thanh. Trong cách nhìn này, chân lý có tính huấn quyền; qua truyền thừa tông đồ, "huấn quyền bảo đảm sự tiếp xúc của ta với nguồn nguyên khởi và nhờ thế cung cấp cho ta sự chắc chắn có thể vươn tới lời của Chúa Kitô trong sự toàn vẹn của nó" (số 36). Cái nhìn này không hề là cái nhìn mới lạ. Nhưng nó vẫn đáng lưu ý trong ngữ cảnh những cuộc tranh luận liên tục về vai trò và thế giá của các thần học gia so với huấn quyền phẩm trật.

Thứ hai, phải hiểu sự hợp nhất Công Giáo ra sao? Dĩ nhiên, *Lumen Fidei* cho rằng phụng vụ, các bí tích, chứng tá Thánh Kinh, các kinh nguyện và tuyên xưng đức tin là những phương thế Giáo Hội dùng để duy trì và truyền bá chủ trương nền tảng cho rằng "lịch sử của Chúa Giêsu hoàn toàn cho thấy sự

đáng tin của Thiên Chúa" (số 15). Những thứ ấy bền vững qua mọi không gian và thời gian và là những nguồn căn bản của việc hợp nhất trong Đạo Công Giáo.

Nhưng hình ảnh hợp nhất trong Giáo Hội hoàn vũ là hình ảnh nào? Đây là câu hỏi quan trọng và phức tạp. Giáo Hội có thể hợp nhất trong đức tin, nhưng nhất định Giáo Hội không độc dạng trong thực hành hay trong hiến pháp của mình. Như thế, làm thế nào lồng tính đa dạng trong cảm nghiệm nhân bản của Giáo Hội hoàn cầu và đa nguyên này vào các phát biểu đồng thanh của giáo huấn huấn quyền? Câu hỏi này xem ra không được *Lumen Fidei* bàn tới, nó thường chỉ nhấn mạnh tới tính hợp nhất của Giáo Hội mà làm ngơ tính đa phức. Điều này là một đáng tiếc, vì hợp nhất không thể giản lược thành độc dạng (uniformity).

Quen biết

Linh mục Drew Christiansen, ngày 8 tháng 7, còn nhận xét thêm về *Lumen Fidei* mà cho rằng đức tin nhiên hậu đặt cơ sở trên cái biết của tình yêu Thiên Chúa trong đức Kitô, một cái biết mà người Việt Nam chúng ta gọi là *quen biết* hay cái biết có tính bản vị. Quả vậy, đức tin thuộc lãnh vực nhận thức liên bản vị bởi vì Thiên Chúa là Đấng có bản vị.

Đối với thế hệ học hỏi thần học ở thập niên 1960-1970, chủ trương về cái biết này của đức tin là điều căn bản. Sau khi nắm vững nền nhận thức học về phổ quát thể (universals) tức vấn đề làm thế nào các ý niệm nhân bản nắm bắt được thực tại, các sinh viên thường đọc những cuốn sách như cuốn *Personal Faith* (Herder, 1965) của Carlos Cirne-Lima, một triết gia Ba Tây. Ông chủ trương rằng kinh nghiệm gần gũi nhất với nhận thức đức tin nơi con người là nhận thức liên bản vị của một người được yêu và nhận thức đức tin về Thiên Chúa là một nhận thức bản vị.

Cùng lúc đó, Công Đồng Vatican II cũng đưa ra một chủ trương tương tự trong Hiến Chế Tín Lý về Mặc Khải, *Dei Verbum*, mà cho rằng đức tin là đức tin vào con người Chúa Kitô, Đấng ta yêu mến. Công Đồng tuyên bố rằng "Bởi thế, Chúa Giêsu Kitô, Ngôi Lời thành xác phàm, đã được phái tới với 'con người như một con người'. Người 'nói lời Thiên Chúa' (Ga 3:34), và hoàn tất công trình cứu rỗi mà Cha Người đã trao cho Người thực hiện (xem Ga 5:36; 17:4). Thấy Chúa Giêsu là thấy Cha Người (Ga 14:9)" (DV số 4). Việc trình bày có tính qui Kitô về đức tin này của Vatican II đã được nhiều thần học gia phục vụ tại Công Đồng trong tư cách chuyên viên như Henri de Lubac chủ trương trước đó. Và đàng sau họ là công trình của nhà thần học Dòng Tên Pháp đầu thế kỷ 20 tức Pierre Rousselot (1878-1915).

Dù trong lúc "dầu sôi lửa bỏng" của cuộc khủng hoảng duy hiện đại (modernist), Rousselot cũng mạnh bạo trình bày cái nhìn thông sáng của ông về chiều kích tình yêu trong đức tin khiến ông được coi là lý thuyết gia về tình yêu.

Ta biết với triết học Kinh Viện, dù *Bonitas, veritas et pulchritudo convertuntur* (Thiện, chân, mỹ có thể trao hoán lẫn nhau), nhưng vì khuynh hướng nghiêng nhiều về tính hữu lý của Đức Tin và vì cơ cấu Đạo Công Giáo thời ấy vốn tự hào về tư cách tôn giáo tín điều của mình, nên phần đông truyền thống Công Giáo vẫn coi trọng chân lý hơn tình yêu. Khuynh hướng này kéo dài tới tận Vatican I. Rousselot trái lại cho rằng trong cái hiểu có chiều kích tình yêu, và trong tình yêu có chiều kích chân lý. Các ý niệm của ta sở dĩ truyền đạt được chân lý vì ta vốn tiếp xúc được với những điều có thật. Nói cách khác, tình yêu hướng dẫn trí hiểu, vì tình yêu vốn đã nắm được thực tại trước đó rồi.

Trong bài "Con Mắt Đức Tin" đăng trên Recherches des Sciences Religieuses (1910), Rousselot cho rằng các khẳng định cá thể của đức tin đều bắt nguồn từ sự hợp nhất chân thực của ta trước đó với Thiên Chúa trong Chúa Kitô. Ta khẳng định các mệnh đề tín lý là thật vì ta đã vốn có mối liên hệ với Thiên Chúa trong Chúa Kitô. Sự hợp nhất của các chân lý chính là Chúa Kitô.

Vũ Văn An, Vietcatholic, 11/7/2013

3. Ánh sáng đức tin sẽ chiếu soi thế giới

Chủ đề ánh sáng nổi bật trong thông điệp đầu tiên của Giáo Hội được viết bởi "bốn bàn tay". *Lumen Fidei*, hay Ánh Sáng Đức Tin, là thông điệp đầu tiên do Đức GH Phanxicô ban hành. Công bố ngày 5 tháng Bẩy, Thông Điệp dựa vào công trình soạn thảo của Đức GH Bênêđíctô XVI trước khi ngài từ nhiệm. Nó cho thấy tính liên tục sâu sắc giữa vị giáo hoàng tiền nhiệm và vị giáo hoàng đương nhiệm. Người ta tự hỏi, tại sao ánh sáng lại quan trọng đối với cả hai vị giáo hoàng đến thế?

Triều đại của Đức Bênêđíctô XVI hoàn toàn nhằm chứng minh rằng ta không thể bằng lòng với những tia sáng nhỏ hơn của lý trí, mà phải cố gắng vươn tới ánh sáng lớn hơn của đức tin. Triều đại của Đức Phanxicô nhằm đem ánh sáng đó tới những khu vực ngoại biên của thế giới.

Trong buổi triều yết chung ngày 12 tháng Sáu, Đức Phanxicô cho hay "vào một đêm tối trời, tại một vận động trường, thí dụ Vận Động Trường Thế Vận tại Rôma hay Vận Động Trường San Lorenzo tại Buenos Aires, nếu có ai đó bật cây đèn của họ lên, bạn cũng khó mà thấy nó, nhưng nếu 70,000 khán giả khác cùng bật ngọn đèn riêng của họ lên, thì cả vận động trường sẽ bừng sáng".

Bật đèn riêng của họ lên, trên thực tế, có nghĩa là quay trở về với Thiên Chúa. Đây chính là mục tiêu hàng đầu của triều giáo hoàng Bênêđíctô XVI. Một trong các gốc rễ của mục tiêu này xuất phát từ cuộc viếng thăm Specola Vaticana của Đức HY Joseph Ratzinger vào năm 1994. Specola, hay Đài Thiên Văn Vatican, là viện nghiên cứu và giáo dục thiên văn được Tòa Thánh tài trợ và do Dòng Tên điều khiển.

Trong nhiều thế kỷ, các Cha Dòng Tên từng thay phiên nhau leo lên kính hiển vi của Đài Thiên Văn đặt tại Castelgandolfo này, và từ vọng nhìn quan trọng ấy, các ngài đã nhìn vào bầu trời, cố gắng tìm hiểu ý nghĩa của các tầng trời bao la trước mặt.

Nay, Đài Thiên Văn Vatican tại Castelgandolfo chỉ còn là một viện bảo tàng. Dù các dụng cụ của nó vẫn còn dùng được, nhưng ánh sáng của Rôma và của cả Âu Châu chói lọi đến độ, trên thực tế, nó hết khả năng quan sát được các vì sao. Thành thử, một đài thiên văn khác đã được xây tại Mount Graham, Arizona.

Đức HY Joseph Ratzinger, người sau này lên ngôi giáo hoàng lấy hiệu là Bênêđíctô XVI, bị lôi cuốn bởi Specola Vaticana đến độ lên tiếng về nó trong một bài giảng lễ Vọng Giáng Sinh năm 1994 ở Berchtesgaden. Trong bài giảng này, ngài so sánh việc quan sát bầu trời với việc đi tìm Thiên Chúa, như một thứ ẩn dụ. Rồi ngài kết luận: "ánh sáng của con người, ánh sáng mà ta sản xuất ra, đang che khuất ánh sáng bầu trời. Ánh sáng của ta đang che khuất các vì sao của Thiên Chúa. Chuyện này gần như một ẩn dụ: bị vướng víu bởi quá nhiều việc do mình tạo ra, ta chỉ thoáng nhận ra các dấu vết công trình Sáng Tạo của Thiên Chúa, và chính công trình Sáng Tạo".

Và đó chính là chủ điểm trong thông điệp đầu tiên của Đức Phanxicô, do Đức Bênêđíctô XVI phác thảo. Trong văn kiện này, Đức Phanxicô viết rằng "Như thế, nhu cầu khẩn thiết là nhận ra một lần nữa rằng đức tin là ánh sáng, vì một khi ngọn lửa đức tin tàn lụi, mọi ánh sáng khác đều bắt đầu mờ đi. Ánh sáng đức tin là ánh sáng độc đáo, vì nó có khả năng chiếu sáng mọi khía cạnh của đời người. Thứ ánh sáng mạnh như thế không thể nào phát xuất từ chúng ta mà là từ một nguồn nguyên thủy hơn".

Nguồn đó chính là Chúa Giêsu Kitô, vì "từ khi Chúa Kitô sống lại và kéo ta vượt qua sự chết, đức tin cũng là thứ ánh sáng phát xuất từ tương lai và mở ra trước mắt ta những chân trời bao la để hướng dẫn ta vượt quá bản ngã cô lập của mình mà hướng tới cái bao la của hiệp thông".

Tiếp nối thông điệp và lời lẽ của vị tiền nhiệm, Đức Phanxicô đẩy mạnh hơn nữa chương trình đầy tham vọng của Đức Bênêđíctô XVI trong việc đưa Giáo Hội trở lại với Thiên Chúa. Làm thế nào thực hiện được chương trình này trong một Giáo Hội đang kinh qua cơn mất máu vì bệnh duy nghề nghiệp và có lẽ đang quá kính sợ truyền thông? Làm thế nào thực hiện được nó mà không tầm thường hóa phụng vụ và những dịp long trọng?

Theo gương Thánh Bênêđíctô trong tu viện kín, Đức Bênêđíctô XVI nhằm tạo ra một nền văn minh mới, sử dụng các bài nói của mình làm những viên đá xây ngôi nhà thờ chính tòa, bằng cách ít chú ý tới cử chỉ và hành động, nhưng tập chú vào thần học và các suy nghĩ sâu sắc hơn.

Nay, lúc ngôi nhà thờ chính tòa của học lý đã xây xong, Đức Phanxicô có thể từ ban công chính của nó chiếu ánh sáng đức tin ra khắp thế giới. Trong buổi triều yết chung ngày 12 tháng Sáu, ngài nói rằng "Hãy để đời sống ta cùng trở nên một ánh sáng của Chúa Kitô; ta hãy cùng nhau đem ánh sáng Tin Mừng đến cho toàn bộ thực tại".

Tóm lại, chương trình đầy tham vọng của Đức Phanxicô, một chương trình dựa trên chương trình của vị tiền nhiệm, là đây: công bố ánh sáng đức tin, và để ánh sáng ấy chiếu sáng thế gian.

Ánh sáng đức tin biến đổi đời ta

Muốn công bố ánh sáng đức tin, Đức Phanxicô dạy ta phải để tình yêu Chúa Kitô biến đổi và canh tân đời ta. Chỉ có thế, ta mới thông truyền đức tin của ta cho thế giới.

Ngài viết rằng "Đức tin phát sinh từ cuộc gặp gỡ với Thiên Chúa hằng sống, Đấng mời gọi ta và mạc khải tình yêu của Người cho ta, một tình yêu đi trước ta và ta có thể dựa vào đó một cách an tâm để xây dựng đời ta".

Ngài viết thêm: "khi để tình yêu này biến đổi, ta sẽ nhận được một tầm nhìn tươi mới, những con mắt mới ; ta sẽ hiểu ra rằng nó chứa đựng lời hứa vĩ đại về một thành tựu, và viễn ảnh tương lai sẽ mở rộng trước mắt ta".

Khuynh hướng hiện đại coi đức tin như một ảo tưởng lỗi thời, đi ngược lại sự thật của lý trí. Nhưng thực ra, đức tin không tách ta ra khỏi thực tại, trái lại nó giúp ta nắm được ý nghĩa sâu sắc nhất của thực tại, giúp ta thấy rằng Thiên Chúa hết sức yêu thương thế gian và không ngừng điều hướng nó về với Người.

Không như sự thật của khoa học và kỹ thuật, sự thật của đức tin luôn được nối kết với tình yêu. Đức Phanxicô viết: "Không có tình yêu, sự thật trở nên lạnh lùng, vô ngã và áp chế đối với cuộc sống hàng

ngày của người ta… Tình yêu và sự thật không thể tách rời nhau". Ngài cho rằng đức tin sẽ biến đổi trọn con người ta, nếu ta chịu cởi mở đón nhận tình yêu.

Thế giới hiện đại coi tình yêu không liên hệ gì tới sự thật. Nhưng thực ra, "tình yêu là một cảm nghiệm về sự thật", một cảm nghiệm giúp ta "thấy thực tại một cách mới mẻ, trong hợp nhất với người mình yêu".

Đối với Đức Phanxicô, bao lâu đặt cơ sở trên sự thật, tình yêu mới đứng vững với thời gian, mới vượt lên trên những thời khắc mau qua và cứng cáp đủ để chịu đựng cuộc hành trình chung. Không tự cột mình vào sự thật, tình yêu thành mồi cho những xúc cảm phù du và không chịu nổi thử thách của thời gian.

Ánh sáng tình yêu của riêng đức tin có thể soi sáng cho các vấn nạn của thời ta về sự thật, vì theo Đức Giáo Hoàng, thế giới hiện đại chỉ chuộng sự thật chủ quan, coi sự thật khách quan như một đe dọa. Ngài nhấn mạnh rằng sự thật khách quan thực ra là sự thật của tình yêu, một sự thật được biểu lộ qua cuộc gặp gỡ bản vị với Đấng Khác và với những người khác; nó được giải thoát khỏi giam cầm cá thể và trở thành thành phần của thiện ích chung. Và vì là sự thật của tình yêu, nó không bị cưỡng đặt bằng vũ lực, do đó, nó không làm tê liệt cá nhân.

Đức Phanxicô, vì thế, nhấn mạnh tới chiều kích cộng đồng của đức tin. Dù cho rằng bất cứ cá nhân nào bước vào hành trình làm việc thiện cho người khác đều đã tiến gần tới Thiên Chúa, ngài vẫn quả quyết: ta "không thể tự mình tin được. Đức tin không phải chỉ là quyết định cá thể diễn ra trong thẳm sâu trái tim tín hữu, mà cũng không phải là mối liên hệ tư riêng". Tự bản chất, đức tin "mở ra cái 'chúng tôi' của Giáo Hội; nó luôn luôn có chỗ đứng bên trong sự hiệp thông của Giáo Hội". Theo ngài, chúng ta chỉ có thể nói 'tôi tin' vì ta là thành phần của một hiệp thông lớn hơn, chỉ vì ta cũng nói 'chúng tôi tin'. Lý do đơn giản: nó là tặng phẩm của truyền thừa tông đồ vốn là truyền thừa bảo vệ và bản đảm sự hợp nhất của đức tin, một đức tin được chuyển giao từ thế hệ này qua thế hệ nọ, một truyền thừa được củng cố bằng cầu nguyện, tuyên xưng đức tin, thực hành Mười Giới Răn và các bí tích.

Trong chiều hướng ấy, ngài nhấn mạnh tới vai trò của gia đình như là khung cảnh chủ yếu để phát triển đức tin, dĩ nhiên phải là gia đình xây dựng trên hôn nhân hiểu như "sự kết hợp bền vững giữa một người đàn ông và một người đàn bà". Đức tin cũng là một thiện ích chung cho xã hội. Nó không chỉ chiếu sáng bên trong Giáo Hội, cũng không chỉ để xây dựng vương quốc đời sau, mà còn giúp ta xây dựng xã hội để xã hội cùng tiến về một tương lai hy vọng.

Vì đức tin có thể phục vụ công lý và hòa bình, nó hợp nhất mọi người nam nữ, giúp họ tôn trọng thiên nhiên, nơi họ nhìn ra bàn tay Thiên Chúa, đem lại cho họ ánh sáng và hy vọng cho các khổ đau của họ. Người không giúp ta giải thích mọi điều liên quan tới nỗi đau của ta, nhưng Người luôn đồng hành với ta để chia sẻ và soi sáng.

Cũng từ tầm nhìn cộng đồng này, Đức Phanxicô cho rằng đức tin không được luẩn quẩn ở bên trong, mà nhất thiết phải ra ngoài, dấn thân cho việc phúc âm hóa. Vì Đức Tin không phải là việc tư riêng, một ý niệm hoàn toàn cá nhân chủ nghĩa hay một ý kiến bản thân, nó phát sinh từ việc lắng nghe nhằm được nói lại bằng lời, bằng công bố. Càng công bố cho người khác, đức tin càng canh tân và biến đổi đời ta.

Vũ Văn An, Vietcatholic, 7/7/2013

2.THÔNG ĐIỆP FRATELLI TUTTI CỦA ĐỨC PHANXICÔ

Về Tình Huynh Đệ và Tình Hữu Nghị Xã hội

(Ngày 06/10/2020)

"FRATELLI TUTTI" (Tất cả là anh em)[1]. Với những lời này, Thánh Phanxicô Assisi đã ngỏ lời với anh chị em của ngài và đề nghị với họ một lối sống mang đậm hương vị Tin Mừng. Trong số những lời khuyên được Thánh Phanxicô đưa ra, tôi muốn chọn lời khuyên trong đó ngài kêu gọi phải có một tình yêu vượt qua các rào cản địa lý và khoảng cách, và tuyên bố là có phúc tất cả những ai yêu thương anh em mình "khi xa cách họ cũng nhiều như khi ở bên cạnh họ" [2]. Theo cách đơn giản và trực tiếp của ngài, Thánh Phanxicô đã diễn tả bản chất của tính cởi mở huynh đệ, một tính cởi mở giúp chúng ta nhìn nhận, đánh giá cao và yêu thương mỗi người, bất kể sự gần gũi thể lý, bất kể người đó sinh ra hay sống ở đâu.

2. Vị thánh của tình yêu huynh đệ, của sự giản dị và vui tươi này, người đã truyền cảm hứng cho tôi viết Thông điệp *Laudato Si'*, một lần nữa thúc giục tôi dành Thông điệp mới này cho tình huynh đệ và tình hữu nghị xã hội. Thánh Phanxicô cảm thấy mình là anh em với mặt trời, với biển cả và gió lộng, nhưng ngài biết ngài thậm chí còn gần gũi hơn với những người cùng xương cùng thịt với mình. Bất cứ đi đâu, ngài cũng gieo những hạt giống hòa bình và đi bên cạnh những người nghèo, những người bị bỏ rơi, những người ốm yếu và bị ruồng bỏ, những anh chị em nhỏ bé nhất của ngài.

KHÔNG BIÊN GIỚI

3. Có một tình tiết trong cuộc đời của Thánh Phanxicô cho thấy tính cởi mở trong tấm lòng của ngài, một tấm lòng không có biên giới và vượt quá những khác biệt về nguồn gốc, quốc tịch, màu da hay tôn giáo. Đó là chuyến ngài đến thăm Sultan Malik-el-Kamil, ở Ai Cập, một chuyến viếng thăm ngụ hàm nhiều gian khổ đáng kể, vì cảnh nghèo của Thánh Phanxicô, nguồn tài nguyên hiếm hoi của ngài, khoảng cách xa xôi phải đi và các khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa và tôn giáo. Cuộc hành trình này, được thực hiện vào thời điểm diễn ra các cuộc Thập tự chinh, càng cho thấy rõ hơn chiều rộng và sự vĩ đại của tình yêu nơi ngài, luôn tìm cách bao trùm mọi người. Lòng trung thành của Thánh Phanxicô đối với Chúa của ngài đồng cân lượng với tình yêu của ngài dành cho anh chị em của mình. Không quan ngại đối với những gian khổ và nguy hiểm liên hệ, Thánh Phanxicô đến gặp Sultan với cùng một thái độ mà ngài vốn truyền thụ cho các môn đệ của ngài: nếu họ thấy mình "giữa những người Saracens và những người không tin khác", thì, tuy không từ bỏ căn tính của mình nhưng họ không được "dấn thân vào những cuộc tranh luận hoặc tranh cãi, nhưng phải tùy theo mọi tạo vật nhân bản vì danh Chúa" [3]. Trong bối cảnh thời đại, đây quả là một khuyến cáo phi thường. Chúng ta rất có ấn tượng khi cách nay tám trăm năm, Thánh Phanxicô đã thúc giục phải tránh xa mọi hình thức thù địch hoặc xung đột và phải biểu lộ một "sự tuân phục" đầy khiêm tốn và huynh đệ với những người không cùng một đức tin với ngài.

4. Thánh Phanxicô không gây chiến bằng những lời lẽ nhằm áp đặt các học thuyết; ngài chỉ đơn giản truyền bá tình yêu của Thiên Chúa. Ngài hiểu rằng "Thiên Chúa là tình yêu và những ai ở trong tình yêu thì cũng ở trong Thiên Chúa" (1Ga 4:16). Bằng cách này, ngài đã trở thành một người cha của mọi người và truyền cảm hứng cho viễn kiến về một xã hội huynh đệ. Thật vậy, "chỉ người nào tiếp cận người khác, không vì mục đích lôi kéo họ vào cuộc sống của mình, nhưng để giúp họ trở nên hoàn toàn là chính họ hơn, mới thực sự được gọi là người cha" [4]. Trong thế giới thời đó, với đầy rẫy những tháp canh và tường phòng thủ, các thành phố là nơi diễn ra các cuộc chiến tàn khốc giữa các gia đình quyền thế, ngay khi nghèo đói đang lan tràn khắp vùng nông thôn. Tuy nhiên, lúc đó, Thánh Phanxicô đã có thể chào đón sự bình an đích thực trong lòng mình và tự giải phóng bản thân khỏi khao khát vận dụng quyền lực trên người khác. Ngài trở thành một trong những người nghèo và tìm cách sống hòa hợp với mọi người. Thánh Phanxicô đã truyền cảm hứng cho những trang của thông điệp này.

5. Các vấn đề về tình huynh đệ nhân bản và tình hữu nghị xã hội luôn là mối quan tâm của tôi. Trong những năm gần đây, tôi đã nói về chúng nhiều lần và trong các khung cảnh khác nhau. Trong Thông điệp này, tôi tìm cách tập hợp các tuyên bố đó lại với nhau và định vị chúng trong một bối cảnh suy tư rộng hơn. Trong quá trình chuẩn

bị *Laudato Si'*, tôi đã lấy nguồn cảm hứng từ người anh em của tôi, Bartholomew, Thượng phụ Chính thống giáo, người đã mạnh mẽ lên tiếng về sự cần thiết của chúng ta phải chăm sóc sáng thế. Dịp này đây, tôi cảm thấy được sự khích lệ đặc biệt của Đại Imam Ahmad Al-Tayyeb, người mà tôi đã gặp ở Abu Dhabi, nơi chúng tôi tuyên bố rằng "Thiên Chúa đã tạo dựng mọi hữu thể nhân bản bình đẳng nhau về quyền lợi, nghĩa vụ và phẩm giá, và đã kêu gọi họ sống với nhau như anh chị em một nhà" [5]. Đây không phải là một cử chỉ chỉ có tính ngoại giao đơn thuần, nhưng là một suy tư phát sinh từ đối thoại và cam kết chung. Thông điệp này tiếp thu và khai triển một số chủ đề lớn được nêu ra trong Văn kiện mà cả hai chúng tôi đã ký kết. Tôi cũng đã kết hợp, cùng với những suy nghĩ của riêng mình, một số thư từ, tài liệu và những xem xét mà tôi đã nhận được từ nhiều cá nhân và nhóm trên khắp thế giới.

6. Các trang sau đây không cho là đã đưa ra một giáo huấn hoàn chỉnh về tình yêu thương huynh đệ, nhưng đúng hơn, là xem xét phạm vi phổ quát của nó, sự cởi mở của nó đối với mọi người nam và nữ. Tôi cung hiến Thông điệp xã hội này như một đóng góp khiêm tốn để tiếp tục suy tư, với hy vọng rằng trước những nỗ lực ngày nay nhằm loại bỏ hoặc làm ngơ người khác, chúng ta có thể chứng tỏ mình có khả năng đáp ứng bằng một viễn kiến mới mẻ về tình huynh đệ và tình hữu nghị xã hội không nằm mãi ở bình diện ngôn từ mà thôi. Mặc dù tôi đã viết nó từ các xác tín Kitô giáo, là các xác tín đã truyền cảm hứng và nâng đỡ tôi, nhưng tôi vẫn tìm cách làm cho sự suy tư này trở thành một lời mời đối thoại giữa tất cả những người có thiện chí.

7. Khi tôi đang viết thông điệp này, đại dịch Covid-19 bất ngờ bùng phát, phơi trần các an toàn giả mạo của chúng ta. Bỏ qua các cách khác nhau được các quốc gia khác nhau dùng để đáp ứng cuộc khủng hoảng, việc họ không có khả năng làm việc với nhau đã trở nên khá hiển nhiên. Bất chấp sự kiện các quốc gia vốn nối kết chặt chẽ với nhau, chúng ta chứng kiến một sự phân mảnh khiến việc giải quyết các vấn đề đang ảnh hưởng đến tất cả chúng ta trở nên khó khăn hơn. Bất cứ ai nghĩ rằng bài học duy nhất cần phải học là việc cần phải cải thiện những gì chúng ta đã làm, hoặc tinh chỉnh các hệ thống và quy định hiện có, thì điều này đang phủ nhận thực tại.

8. Tôi mong muốn rằng, trong thời đại hiện nay của chúng ta, nhờ thừa nhận phẩm giá của mỗi con người nhân bản, chúng ta có thể góp phần vào việc tái sinh khát vọng phổ quát về tình huynh đệ. Tình huynh đệ giữa mọi người nam và người nữ. "Ở đây chúng ta có một bí quyết tuyệt vời; nó chỉ cho chúng ta cách ước mơ và biến cuộc sống ta thành một cuộc phiêu lưu kỳ thú. Không ai có thể đối đầu với cuộc sống trong cô lập… Chúng ta cần một cộng đồng hỗ trợ và giúp đỡ chúng ta, trong đó, chúng ta có thể giúp đỡ lẫn nhau để tiếp tục nhìn về phía trước. Ước mơ cùng với nhau quan trọng biết bao… Tự chúng ta, chúng ta có nguy cơ chỉ nhìn thấy các ảo ảnh, những sự vật không có ở đó. Trái lại, những giấc mơ được xây dựng với nhau" [6]. Vậy, chúng ta hãy mơ ước như một gia đình nhân loại đơn nhất, như những người bạn cùng du hành, cùng có chung một xương thịt, như những người con của cùng một trái đất, vốn là ngôi nhà chung của chúng ta, mỗi người chúng ta mang theo sự phong phú trong các niềm tin và xác tín của mình, mỗi chúng ta với tiếng nói riêng của mình, tất cả đều là anh chị em.

CHƯƠNG MỘT: ĐÁM MÂY ĐEN TRÊN MỘT THẾ GIỚI ĐÓNG KÍN

9. Không tự cho sẽ thực hiện một phân tích toàn diện hoặc nghiên cứu mọi khía cạnh của kinh nghiệm ngày nay của chúng ta, tôi chỉ muốn xem xét một số xu hướng trong thế giới của chúng ta đang cản trở sự phát triển của tình huynh đệ phổ quát.

NHỮNG GIẤC MƠ TAN VỠ

10. Trong nhiều thập niên, dường như thế giới đã học được bài học từ nhiều cuộc chiến tranh và thảm họa của nó, và đang dần tiến tới nhiều hình thức hòa nhập khác nhau. Thí dụ, đã có ước mơ về một châu Âu thống nhất, có khả năng thừa nhận nguồn gốc chung của nó và hân hoan trước sự đa dạng phong phú của nó. Chúng ta nghĩ đến "niềm xác tín chắc chắn của những người sáng lập ra Liên hiệp Châu Âu, những người đã hình dung ra một tương lai dựa trên khả năng làm việc với nhau trong việc bắc cầu qua các chia rẽ và trong việc cổ vũ hòa bình và hiệp thông giữa mọi dân tộc của lục địa này" [7]. Cũng đã có mong ước hòa nhập ngày một tăng ở Châu Mỹ Latinh và một số biện pháp đã được thực hiện theo hướng này. Ở một số quốc gia và khu vực, các nỗ lực hòa giải và xích lại gần nhau đã tỏ ra có kết quả, trong khi các nỗ lực khác cho thấy nhiều hứa hẹn.

11. Tuy nhiên, thời của chúng ta dường như đang cho thấy nhiều dấu hiệu của một sự thoái trào nào đó. Các cuộc xung đột xưa mà người ta cho là đã bị chôn vùi từ lâu đang bùng phát trở lại, trong khi các điển hình của chủ nghĩa dân tộc thiển cận, cực đoan, phẫn uất và hiếu chiến đang trên đà gia tăng. Ở một số quốc gia, khái niệm đoàn kết dân tộc và quốc gia bị ảnh hưởng bởi nhiều ý thức hệ khác nhau đang tạo ra những hình thức ích kỷ mới và đánh mất ý thức xã hội dưới chiêu bài bảo vệ lợi ích quốc gia. Một lần nữa, chúng ta được nhắc nhở rằng "mỗi thế hệ mới phải tiếp nhận những cuộc chiến đấu và thành tựu của các thế hệ trước, trong khi đặt tầm nhìn của mình lên cao hơn. Đó là đường đi. Lòng tốt, cùng với tình yêu, công lý và liên đới, không phải đạt được một lần là xong mãi mãi; chúng phải được thể hiện mỗi ngày. Không thể an phận với những gì đã đạt được trong quá khứ và tự mãn tận hưởng nó, như thể bằng cách nào đó, chúng ta có thể đã coi thường thực tại này: nhiều anh chị em của chúng ta vẫn còn đang phải chịu đựng những tình huống đòi chúng ta phải chú ý" [8].

12. "Mở ra với thế giới" là một kiểu nói đã được lãnh vực kinh tế và tài chính kết nạp và hiện được sử dụng độc quyền cho việc cởi mở đối với các lợi ích nước ngoài hoặc để các cường quốc kinh tế tự do đầu tư mà không gặp trở ngại hoặc biến chứng nào ở mọi quốc gia. Các xung đột địa phương và việc coi thường lợi ích chung bị nền kinh tế hoàn cầu lợi dụng để áp đặt một mô hình văn hóa đơn nhất. Nền văn hóa này thống nhất thế giới, nhưng chia rẽ các dân tộc và quốc gia, vì "khi xã hội ngày càng trở nên hoàn cầu hóa, nó khiến chúng ta trở thành láng giềng, nhưng không khiến chúng ta trở thành anh em" [9]. Chúng ta cô đơn hơn bao giờ hết trong một thế giới ngày càng đông đảo nhằm cổ vũ lợi ích cá nhân và làm suy yếu chiều kích cộng đồng của sự sống. Thật vậy, có những thị trường trong đó các cá nhân trở thành người tiêu dùng đơn thuần hoặc người bàng quan. Như một quy luật, sự tiến bộ của loại chủ nghĩa hoàn cầu này củng cố căn tính của những khu vực mạnh hơn, những người có thể tự bảo vệ mình, nhưng nó có xu hướng làm giảm căn tính của những khu vực yếu hơn và nghèo hơn, khiến họ dễ bị tổn thương và phụ thuộc hơn. Theo cách này, đời sống chính trị ngày càng trở nên mong manh trước các cường quốc kinh tế xuyên quốc gia hoạt động với nguyên tắc "chia để trị".

Sự kết liễu của ý thức lịch sử

13. Kết quả là ngày càng mất đi cảm thức về lịch sử, dẫn đến sự chia rẽ thậm chí còn sâu xa hơn. Một loại "chủ nghĩa gỡ bỏ cấu trúc", theo đó tự do của con người cho là mình có thể tạo ra mọi thứ từ con số không, đang tung hoành trong nền văn hóa ngày nay. Một điều được nó để lại phía sau là động lực tiêu dùng vô hạn và các biểu hiện của chủ nghĩa duy cá nhân trống rỗng. Quan tâm về điều này khiến tôi đưa ra một số lời khuyên cho người trẻ. "Nếu ai đó bảo những người trẻ làm ngơ lịch sử của họ, bác bỏ kinh nghiệm của những bậc cao niên của họ, coi thường quá khứ và hướng tới một tương lai mà chính họ đang nắm giữ, thì lúc đó há không dễ dàng lôi kéo họ theo để họ chỉ làm những gì người này nói với họ sao? Người này cần người trẻ nông nổi, mất gốc và thiếu tin cậy, để chỉ còn biết tin tưởng vào các hứa hẹn của người này và hành động theo kế hoạch của người này mà thôi. Đó là cách các ý thức hệ khác nhau đang vận hành: chúng phá hủy (hoặc tháo gỡ) mọi khác biệt để chúng có thể thống trị mà không bị phản đối. Tuy nhiên, để làm được như vậy, chúng cần những người trẻ tuổi không có ích lợi gì cho lịch sử, những người vứt bỏ kho tàng tinh thần và nhân bản thừa hưởng được từ các thế hệ đi trước, và không biết gì về mọi điều đã diễn ra trước họ" [10].

14. Đây là những hình thức thực dân hóa mới về văn hóa. Chúng ta đừng quên rằng "những dân tộc từ bỏ truyền thống của mình và, một là vì một sự cuồng nhiệt muốn bắt chước người khác hoặc xúi bẩy bạo lực, hai là vì sự lơ là hoặc thờ ơ không thể tha thứ, để người khác cướp đi chính linh hồn của họ, kết cục không những đánh mất bản sắc tinh thần của họ mà còn cả sự nhất quán về đạo đức của họ và, cuối cùng, là sự độc lập về trí tuệ, kinh tế và chính trị của họ " [11]. Một cách hữu hiệu trong việc làm suy yếu ý thức lịch sử, tư duy phê phán, cuộc đấu tranh cho công lý và các diễn trình hòa nhập là làm trống rỗng ý nghĩa các hạn từ tuyệt vời hoặc thao túng chúng. Ngày nay, những han từ nhất định như dân chủ, tự do, công lý hay thống nhất thực sự có nghĩa gì? Chúng đã bị bẻ cong và định hình để phục vụ như các công cụ thống trị, như những cụm từ vô nghĩa có thể được sử dụng để biện minh cho bất cứ hành động nào.

THIẾU KẾ HOẠCH CHO MỌI NGƯỜI

15. Cách tốt nhất để thống trị và giành quyền kiểm soát người ta là gieo rắc sự tuyệt vọng và chán nản, ngay cả

dưới chiêu bài bảo vệ những giá trị nào đó. Ngày nay, ở nhiều quốc gia, chủ nghĩa cường điệu, cực đoan và phân cực đã trở thành công cụ chính trị. Sử dụng chiến lược chế giễu, nghi ngờ và không ngừng chỉ trích, theo nhiều cách khác nhau, người ta phủ nhận quyền hiện hữu hoặc có ý kiến của người khác. Sự chia sẻ của họ về sự thật và các giá trị bị bác bỏ và kết quả là đời sống của xã hội bị làm nghèo đi và chịu sự giễu cợt của kẻ quyền thế. Đời sống chính trị không còn liên quan chi đến các cuộc tranh luận lành mạnh về các kế hoạch dài hạn nhằm cải thiện cuộc sống của người ta và thúc đẩy lợi ích chung, mà chỉ liên quan tới các kỹ thuật tiếp thị khéo léo chủ yếu nhằm làm mất uy tín của người khác. Trong việc trao đổi điên cuồng các cáo buộc và phản tố, cuộc tranh luận biến thành trạng thái bất đồng và đối đầu thường trực.

16. Giữa cuộc xung đột lợi ích mâu thuẫn này, trong đó chiến thắng bao gồm việc loại trừ đối thủ của mình, làm thế nào chúng ta có thể nâng tầm nhìn để nhận ra những người hàng xóm của chúng ta hoặc để giúp đỡ những người đã vấp ngã dọc đường? Một kế hoạch đặt ra những mục tiêu to lớn cho sự phát triển của cả gia đình nhân loại chúng ta ngày nay nghe có vẻ điên rồ. Chúng ta đang ngày càng xa nhau hơn, trong khi cuộc hành trình từ từ và nhiều đòi hỏi hướng tới một thế giới ngày càng thống nhất và công bằng hơn đang phải chịu một bước lùi mới và đầy bi đát.

17. Quan tâm đến thế giới chúng ta đang sống có nghĩa là quan tâm đến chính chúng ta. Tuy nhiên, chúng ta ngày càng cần nghĩ về bản thân mình như một gia đình đơn nhất sống trong một ngôi nhà chung. Sự quan tâm như vậy không gây hứng thú gì cho những cường quốc kinh tế đang đòi hỏi lợi nhuận nhanh chóng. Thông thường, những tiếng nói cất lên để bênh vực môi trường sẽ bị làm cho câm lặng hoặc bị chế giễu, sử dụng những lập luận bề ngoài hợp lý chỉ đơn thuần làm bình phong cho những tư lợi đặc biệt. Trong nền văn hóa nông cạn, thiển cận mà chúng ta đã tạo ra, thiếu hẳn viễn kiến chung này, "điều có thể thấy trước là, một khi một số nguồn lực nhất định đã cạn kiệt, khung cảnh sẽ được xếp sắp cho những cuộc chiến mới, mặc dù dưới chiêu bài các yêu sách cao thượng" [12].

Một thế giới "vứt bỏ"

18. Dường như một số thành phần trong gia đình nhân loại của chúng ta có thể sẵn sàng bị hy sinh cho lợi ích của những người khác được coi là đáng được hưởng một cuộc sống vô tư. Cuối cùng, "con người không còn được coi là có giá trị tối quan trọng cần được chăm sóc và tôn trọng nữa, đặc biệt là khi họ nghèo và tàn tật, 'chưa có ích'- như người chưa sinh, hoặc 'không còn cần thiết nữa'- như người già. Chúng ta đã trở nên thờ ơ với mọi loại lãng phí, bắt đầu với việc lãng phí thức ăn, một điều hết sức đáng trách " [13].

19. Sự suy giảm sinh suất, một sự suy giảm đang dẫn đến việc lão hóa dân số, cùng với việc bỏ xó người già phải sống một cuộc sống buồn bã và cô đơn, là một cách tinh tế để nói rằng tất cả là vì chúng ta, rằng mối quan tâm của cá nhân chúng ta là điều duy nhất quan trọng. Theo cách này, "những gì bị vứt bỏ không phải chỉ là thức ăn và đồ vật có thể vứt bỏ, mà đôi khi là chính con người" [14]. Chúng ta đã thấy những gì đã xảy ra cho người già ở một số nơi trong thế giới của chúng ta do kết quả của *coronavirus*. Họ không phải chết theo cách đó. Tuy nhiên, một điều tương tự đã xảy ra từ lâu trong các đợt nóng bức và trong các tình huống khác: những người lớn tuổi thấy mình bị bỏ rơi một cách tàn nhẫn. Chúng ta không nhận ra điều này, bằng cách cô lập người cao niên và để họ cho người khác chăm sóc mà không có sự gần gũi và quan tâm của các thành viên gia đình, chúng ta đã làm biến dạng và nghèo nàn chính gia đình. Kết cục, chúng ta cũng sẽ tước đoạt của người trẻ sự nối kết cần thiết với cội nguồn của họ và một sự khôn ngoan mà người trẻ không thể tự mình đạt được.

20. Cách loại bỏ người khác này có thể diễn ra dưới nhiều hình thức, chẳng hạn như nỗi ám ảnh về việc giảm chi phí lao động mà không quan tâm chi đến hậu quả nghiêm trọng của nó, vì nạn thất nghiệp mà nó trực tiếp tạo ra dẫn đến sự gia tăng nghèo đói [15]. Ngoài ra, sự sẵn sàng loại bỏ người khác tìm được biểu thức trong những thái độ xấu xa mà chúng ta tưởng là đã khuất dạng từ lâu, chẳng hạn như chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, nhưng thực ra chúng chỉ rút xuống hầm trú để tiếp tục tái xuất hiện. Các điển hình phân biệt chủng tộc tiếp tục khiến chúng ta xấu hổ, vì chúng cho thấy những điều được coi như tiến bộ xã hội của chúng ta không có thực chất hoặc dứt khoát như chúng ta nghĩ.

21. Một số quy định kinh tế đã tỏ ra hữu hiệu đối với việc tăng trưởng, nhưng không hữu hiệu đối với việc phát

triển toàn diện con người [16]. Sự giàu có gia tăng, nhưng cùng với nó là sự bất bình đẳng, với kết quả là "các hình thức nghèo đói mới đang xuất hiện" [17]. Chủ trương cho rằng thế giới hiện đại đã giảm được nghèo đói được đưa ra với cách đo lường sự nghèo đói bằng các tiêu chuẩn của quá khứ không còn tương ứng với các thực tại ngày nay. Thí dụ, vào những thời điểm khác, việc thiếu khả năng tiếp cận năng lượng điện không bị coi là dấu hiệu nghèo đói, cũng không phải là nguồn gây khổ cực. Nghèo đói phải luôn được hiểu và đánh giá trong bối cảnh các cơ hội hiện có sẵn trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể.

Các nhân quyền không đủ phổ quát

22. Trên thực tế, điều đôi khi trở nên rõ ràng là các nhân quyền không bình đẳng cho mọi người. Tôn trọng những quyền này "là điều kiện sơ bộ để một quốc gia phát triển xã hội và kinh tế. Khi phẩm giá một con người nhân bản được tôn trọng, và các quyền lợi của họ được công nhận và bảo đảm, thì tính sáng tạo và sự liên lập sẽ phát triển mạnh, và tính sáng tạo của nhân cách con người được giải thoát qua các hành động hướng tới ích chung" [18]. Tuy nhiên, "khi quan sát kỹ các xã hội đương thời, chúng ta thấy vô số mâu thuẫn khiến chúng ta tự hỏi liệu phẩm giá bình đẳng của mọi hữu thể nhân bản, vốn được công bố long trọng cách đây bảy mươi năm, có thực sự được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và cổ vũ trong mọi tình huống hay không. Trong thế giới ngày nay, nhiều hình thức bất công vẫn tồn tại, được nuôi dưỡng bởi những viễn kiến nhân học có tính giản lược và mô hình kinh tế dựa trên lợi nhuận không ngần ngại bóc lột, vứt bỏ và thậm chí giết chết con người. Trong khi một bộ phận nhân loại sống trong sự giầu sang, thì một bộ phận khác lại thấy phẩm giá của mình bị bác bỏ, bị khinh miệt hoặc bị chà đạp, và các quyền căn bản của họ bị loại bỏ hoặc vi phạm " [19]. Điều này cho chúng ta biết điều gì về quyền bình đẳng dựa trên phẩm giá bẩm sinh của con người?

23. Tương tự như vậy, việc tổ chức các xã hội trên toàn thế giới vẫn còn lâu mới phản ảnh rõ ràng điều này: phụ nữ có phẩm giá và các quyền giống hệt nam giới. Chúng ta nói một điều bằng lời nói, nhưng các quyết định và thực tại của chúng ta lại nói lên một câu chuyện khác. Thật vậy, "nghèo nàn gấp đôi là khi phụ nữ phải chịu đựng những hoàn cảnh bị loại trừ, bị ngược đãi và bạo lực, vì họ thường ít có khả năng bảo vệ các quyền lợi của mình" [20].

24. Chúng ta cũng nên công nhận rằng "mặc dù cộng đồng quốc tế đã tiếp nhận nhiều thỏa thuận nhằm kết liễu chế độ nô lệ dưới mọi hình thức và đã phát động nhiều chiến lược khác nhau để chống lại hiện tượng này, nhưng hàng triệu người ngày nay - trẻ em, phụ nữ và nam giới ở mọi lứa tuổi - bị tước đoạt tự do và bị buộc phải sống trong những điều kiện giống như chế độ nô lệ… Ngày nay, cũng như trong quá khứ, chế độ nô lệ bắt nguồn từ quan niệm về con người cho phép họ bị coi như một đồ vật… Bất kể do ép buộc, hay lừa dối, hoặc bằng sự cưỡng ép về thể lý hoặc tâm lý, các con người nhân bản, vốn được tạo dựng theo hình ảnh và họa ảnh Thiên Chúa, đang bị tước đoạt tự do, bị bán và biến thành tài sản của người khác. Họ bị coi như các phương tiện cho một mục đích… [Các mạng lưới tội ác] có kỹ năng sử dụng các phương tiện truyền thông hiện đại như một cách để rủ quyến nam nữ thanh niên ở nhiều nơi khác nhau trên thế giới " [21]. Một sự đồi bại vượt quá mọi giới hạn khi nó khuất phục phụ nữ và sau đó ép họ phá thai. Một sự ghê tởm quá sức đến độ bắt cóc người ta chỉ để bán nội tạng của họ. Việc buôn bán người và các hình thức nô dịch đương thời khác là một vấn đề hoàn cầu cần được toàn thể nhân loại xem xét một cách nghiêm túc: "vì các tổ chức tội ác sử dụng các mạng lưới hoàn cầu để đạt được mục tiêu của họ, nên những nỗ lực nhằm loại bỏ hiện tượng này cũng đòi một nỗ lực chung và thực sự có tính hoàn cầu từ các thành phần khác nhau của xã hội" [22].

Xung đột và sợ hãi

25. Chiến tranh, các cuộc tấn công khủng bố, bách hại chủng tộc hoặc tôn giáo, và nhiều lăng mạ khác liên quan đến phẩm giá con người được phán kết khác nhau, tùy thuộc vào mức độ thuận tiện của nó đối với các lợi ích nào đó, chủ yếu là kinh tế. Điều đúng miễn là nó thuận tiện cho người nắm quyền sẽ không còn đúng nữa một khi nó trở nên bất tiện. Điều buồn phải nói là những tình huống bạo lực này, "đã trở nên phổ biến đến mức tạo thành một 'cuộc thế chiến thứ ba' được đánh từng mảng" [23].

26. Điều trên không có gì đáng ngạc nhiên, nếu chúng ta nhận ra rằng chúng ta không còn những chân trời chung hợp nhất chúng ta nữa; thật vậy, nạn nhân đầu tiên của mọi cuộc chiến tranh là "ơn gọi bẩm sinh của gia đình

nhân loại bước vào tình huynh đệ". Kết quả là, "mọi tình huống đầy đe dọa đang nuôi dưỡng sự ngờ vực và dẫn người ta tới việc tự rút lui vào vùng an toàn của mình" [24]. Thế giới của chúng ta bị mắc kẹt trong một mâu thuẫn kỳ lạ: chúng ta tin rằng chúng ta có thể "bảo đảm sự ổn định và hòa bình qua cảm thức an toàn giả tạo được nâng đỡ bởi não trạng sợ hãi và ngờ vực" [25].

27. Nghịch lý thay, một số nỗi sợ hãi do tổ tiên để lại đã không vượt qua được bằng việc phát triển kỹ thuật; trái lại, chúng đã có thể ẩn nấp và củng cố phía sau các kỹ thuật mới. Ngày nay cũng thế, bên kia những bức tường thành cổ xưa là vực thẳm, lãnh thổ của những điều chưa biết, hoang địa. Bất cứ điều gì phát xuất từ đó đều không thể tin cậy, vì nó không được ai biết đến, không quen thuộc, không là một phần của thôn làng. Đó là lãnh thổ của "man rợ", mà chúng ta phải tự vệ chống lại bằng mọi giá. Kết quả là, những bức tường mới được dựng lên để tự bảo toàn, thế giới bên ngoài ngưng hiện hữu và chỉ để lại thế giới "của tôi", đến mức những người khác, không còn được coi là những hữu thể nhân bản có phẩm giá bất khả chuyển nhượng nữa, đã trở thành "bọn chúng" nguyên tuyền. Một lần nữa, chúng ta gặp phải "cơn cám dỗ muốn xây dựng một nền văn hóa của những bức tường, dựng lên những bức tường, những bức tường trong trái tim, những bức tường trong lãnh thổ, để ngăn cản cuộc gặp gỡ với các nền văn hóa khác, với những người khác. Và những người dựng các bức tường kết cục sẽ trở thành nô lệ trong chính các bức tường họ đã xây dựng. Họ bị bỏ rơi không còn chân trời nào, vì họ thiếu sự trao đổi qua lại kiểu này với những người khác" [26].

28. Sự cô đơn, sợ hãi và bất an của những người cảm thấy bị hệ thống bỏ rơi tạo ra một mảnh đất màu mỡ cho nhiều loại "mafias" khác nhau. Những loại *mafias* này phát triển mạnh mẽ bởi vì chúng tự cho mình là người bảo vệ những người bị lãng quên, thường bằng cách cung cấp cho họ một số hình thức trợ giúp khác nhau dù chúng theo đuổi các lợi ích tội ác của chúng. Cũng hiện hữu một phương pháp sư phạm có tính "mafia" một cách điển hình, bằng cách kêu gọi một nền huyền bí cộng đồng giả tạo, tạo ra những ràng buộc phụ thuộc và dạ trung thành rất khó mà thoát ra được.

HOÀN CẦU HÓA VÀ TIẾN BỘ MÀ KHÔNG CÓ BẢN ĐỒ CHỈ ĐƯỜNG CHUNG

29. Với Đại Imam Ahmad Al-Tayyeb, chúng ta không làm ngơ các tiến bộ tích cực đạt được trong các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, y học, kỹ nghệ và phúc lợi, nhất là ở các nước phát triển. Tuy nhiên, "chúng ta muốn nhấn mạnh rằng, cùng với các tiến bộ lịch sử này, các tiến bộ rất vĩ đại và có giá trị, đang có một sự suy thoái đạo đức ảnh hưởng đến hành động quốc tế và đang làm suy yếu các giá trị và trách nhiệm tinh thần. Điều này góp phần vào cảm giác thất vọng, cô lập và tuyệt vọng nói chung". Chúng ta thấy "căng thẳng bùng phát và tích lũy vũ khí và đạn dược trong bối cảnh hoàn cầu bị chi phối bởi sự bất trắc, vỡ mộng, lo sợ cho tương lai, và bị kiểm soát bởi các lợi ích kinh tế hạn hẹp". Chúng ta cũng có thể chỉ ra "những cuộc khủng hoảng chính trị lớn, những tình huống bất công và thiếu sự phân phối công bằng các nguồn tài nguyên thiên nhiên… Đứng trước những cuộc khủng hoảng như vậy, những cuộc khủng hoảng dẫn đến cái chết của hàng triệu trẻ em – hốc hác vì đói và nghèo – hiện có sự im lặng không thể nào chấp nhận được trên bình diện quốc tế " [27]. Bức tranh toàn cảnh này, dù với những tiến bộ không thể phủ nhận của nó, dường như không dẫn đến một tương lai nhân đạo nào hơn.

30. Trong thế giới ngày nay, cảm thức thuộc về một gia đình nhân loại đơn nhất đang mờ dần, và ước mơ làm việc với nhau vì công lý và hòa bình dường như là một điều không tưởng lỗi thời. Thay vào đó, điều đang thống trị là sự thờ ơ lạnh lùng, thoải mái và có tính hoàn cầu, phát sinh từ sự vỡ mộng sâu xa được che giấu phía sau một ảo tưởng lừa dối: nghĩ rằng chúng ta là toàn năng, trong khi không nhận ra rằng tất cả chúng ta đều ở trên cùng một con thuyền. Ảo tưởng này, không quan tâm đến những giá trị huynh đệ cao cả, dẫn đến "một kiểu hoài nghi. Vì đó là cơn cám dỗ chúng ta phải đối đầu nếu chúng ta đi vào con đường chán nản và thất vọng… Cô lập và tự thu mình vào lợi ích của chính mình không bao giờ là cách để khôi phục hy vọng và mang lại sự đổi mới. Đúng hơn, phải là sự gần gũi; phải là nền văn hóa của sự gặp gỡ. Cô lập, không; sự gần gũi, đúng. Xung đột văn hóa, không; văn hóa gặp gỡ, đúng" [28].

31. Trong thế giới chạy đua phía trước nhưng lại thiếu bản đồ chỉ đường chung này, chúng ta ngày càng cảm thấy rằng "hố phân cách giữa sự quan tâm đối với phúc lợi bản thân của người ta và sự thịnh vượng của gia đình nhân loại lớn hơn dường như đang trải dài đến mức gây chia rẽ hoàn toàn giữa các cá nhân và cộng đồng con người… Cảm thấy buộc phải sống chung là một điều, nhưng biết trân quí sự phong phú và vẻ đẹp của các hạt

giống sống chung đang cần được tìm kiếm và vun đắp lại là một điều hoàn toàn khác hẳn" [29]. Kỹ thuật không ngừng phát triển, tuy nhiên "sẽ tuyệt vời biết bao nếu sự phát triển của việc canh tân khoa học và kỹ thuật có thể xuất hiện cùng với việc có nhiều bình đẳng và hòa nhập xã hội hơn. Thật tuyệt vời biết bao, khi, cùng với việc khám phá ra những hành tinh xa xôi, chúng ta tái khám phá nhu cầu của những người anh chị em đang bao quanh chúng ta" [30].

CÁC ĐẠI DỊCH VÀ CÁC TAI HỌA KHÁC TRONG LỊCH SỬ

32. Quả thực, một thảm kịch toàn thế giới như đại dịch Covid-19 trong giây lát đã làm sống lại cảm thức chúng ta là một cộng đồng hoàn cầu, tất cả cùng chung một con thuyền, trong đó các vấn đề của một người là vấn đề của mọi người. Một lần nữa chúng ta hiểu ra rằng không ai một mình được cứu vớt; chúng ta chỉ có thể được cứu vớt cùng với nhau. Như tôi đã nói trong những ngày đó, "cơn bão đã bóc trần tính dễ bị tổn thương của chúng ta và để lộ ra những điều chắc chắn giả tạo và phù phiếm mà xung quanh chúng, chúng ta đang xây dựng lịch trình sinh hoạt hàng ngày, các dự án, các thói quen và ưu tiên của chúng ta… Giữa cơn bão táp này, mặt tiền của những khuôn mẫu mà chúng ta đã dùng để ngụy trang cho cái tôi của chúng ta, luôn lo lắng về vẻ bề ngoài, đã rớt xuống, để lộ một lần nữa ý thức không thể tránh được và đáng chúc phúc này: chúng ta là thành phần của nhau, chúng ta là anh chị em của nhau" [31].

33. Thế giới đang không ngừng tiến tới một nền kinh tế, nhờ tiến bộ kỹ thuật, tìm cách giảm "phí tổn nhân bản"; có những người làm chúng ta tin rằng tính tự do của thị trường đủ để giữ cho mọi sự được an toàn. Tuy nhiên, đòn tàn bạo và không lường trước được của cơn đại dịch không thể kiểm soát này đã buộc chúng ta hồi phục mối quan tâm của chúng ta đối với các hữu thể nhân bản, đối với mọi người, thay vì lợi ích của một số ít người. Ngày nay chúng ta có thể nhận ra rằng "chúng ta tự nuôi mình bằng những giấc mơ lộng lẫy và cao cả, và kết cục là việc mất tập trung, hẹp hòi đóng kín và cô độc đầy ám ảnh. Chúng ta ngấu nghiến liên mạng và đánh mất hương vị của tình huynh đệ. Chúng ta tìm kiếm các kết quả nhanh chóng và an toàn, chỉ để thấy mình bị áp đảo bởi sự thiếu kiên nhẫn và lo lắng. Trở thành tù nhân cho thực tại ảo, chúng ta đã đánh mất mùi và vị của điều thực sự có thực" [32]. Nỗi đau, sự không chắc chắn và nỗi sợ hãi, và việc nhận ra các giới hạn của bản thân, do đại dịch đem tới, chỉ khiến việc chúng ta phải suy nghĩ lại phong cách sống, các mối liên hệ của mình, cách tổ chức các xã hội và trên hết, ý nghĩa của việc chúng ta hiện hữu, càng trở nên cấp bách hơn.

34. Nếu mọi thứ được nối kết với nhau, thì thật khó mà tưởng tượng rằng thảm họa hoàn cầu này không liên quan gì đến cách tiếp cận thực tại của chúng ta, việc chúng ta cho rằng mình là người làm chủ tuyệt đối cuộc đời của chính mình và của tất cả những gì đang hiện hữu. Tôi không muốn nói đến việc thần thánh báo oán, cũng như không đủ lý lẽ để nói rằng tác hại chúng ta gây ra cho thiên nhiên chính là hình phạt cho các vi phạm của chúng ta. Thế giới đang kêu la nổi loạn. Chúng ta được nhắc nhớ câu thơ nổi tiếng của nhà thơ Virgil vốn gợi lên "những giọt nước mắt của sự vật", những bất hạnh của cuộc đời và của lịch sử [33].

35. Tuy nhiên, chúng ta quên mất những bài học của lịch sử, vốn là "người thầy của cuộc đời", một cách quá nhanh chóng [34]. Một khi cuộc khủng hoảng sức khỏe này qua đi, phản ứng tồi tệ nhất của chúng ta sẽ là lao đầu sâu hơn nữa vào chủ nghĩa tiêu dùng điên loạn và các hình thức bảo toàn bản thân vị kỷ mới. Nhờ ơn Chúa, sau tất cả những điều này, chúng ta sẽ không còn nghĩ theo chiều "bọn chúng" và "những người ấy", mà chỉ theo chiều "chúng ta". Ước chi điều này có thể chứng minh không những một bi kịch khác của lịch sử mà từ đó chúng ta không học được gì. Ước chi chúng ta luôn ghi nhớ tất cả những người cao niên đã chết vì thiếu mặt nạ phòng độc, một phần là do việc phá bỏ, năm này qua năm khác, các hệ thống chăm sóc sức khỏe. Ước chi nỗi buồn mênh mông này có thể không trở nên vô ích, nhưng giúp chúng ta tiến thêm một bước nữa hướng tới một phong cách sống mới. Ước chi chúng ta có thể dứt khoát khám phá lại việc chúng ta cần đến nhau, và bằng cách này, gia đình nhân loại của chúng ta có thể trải qua một sự tái sinh, với mọi khuôn mặt, mọi bàn tay và mọi giọng nói của nó, vượt trên các bức tường mà chúng ta đã dựng lên.

36. Trừ khi chúng ta khôi phục được niềm đam mê chung trong việc tạo ra một cộng đồng thống thuộc và liên đới xứng đáng với thời đại, với năng lực và các nguồn lực của chúng ta, ảo tưởng hoàn cầu từng lừa dối chúng ta sẽ sụp đổ và để nhiều người ở lại trong sức kìm kẹp của xao xuyến lo lắng và trống rỗng. Chúng ta cũng không nên ngây thơ bác bỏ việc thừa nhận rằng "nỗi ám ảnh về lối sống duy tiêu thụ, nhất là khi ít người có khả năng

duy trì nó, chỉ có thể dẫn đến bạo lực và hủy diệt lẫn nhau" [35]. Khái niệm "mỗi người vì chính mình" sẽ nhanh chóng biến chất thành một thứ tự do muốn làm gì thì làm, một điều còn tồi tệ hơn bất cứ đại dịch nào.

THIẾU NHÂN PHẨM TẠI CÁC BIÊN GIỚI

37. Một số chế độ chính trị theo chủ nghĩa dân túy, cũng như một số phương thức kinh tế tự do, chủ trương rằng phải ngăn chặn dòng người di cư bằng mọi giá. Các lập luận cũng được đưa ra bênh vực tính đứng đắn của việc hạn chế viện trợ cho các nước nghèo, để họ khánh kiệt và thấy mình buộc phải thực hiện các biện pháp thắt lưng buộc bụng. Người ta không nhận ra rằng đằng sau những tuyên bố như vậy, trừu tượng và khó hỗ trợ, rất nhiều mạng sống đang bị đe dọa. Nhiều di dân đã chạy trốn chiến tranh, bách hại và thảm họa thiên nhiên. Những người khác, rất đúng, "đang tìm kiếm cơ hội cho bản thân và gia đình họ. Họ mơ ước một tương lai tốt đẹp hơn và họ muốn tạo điều kiện để đạt được điều đó " [36].

38. Đáng buồn thay, một số người trên "bị thu hút bởi văn hóa phương Tây, đôi khi với những kỳ vọng không thực tế khiến họ thất vọng nặng nề. Những kẻ buôn người vô lương tâm, thường có liên hệ với các băng đảng ma túy hoặc vũ khí, đang khai thác điểm yếu của di dân, những người thường xuyên phải trải qua bạo lực, buôn người, lạm dụng tâm lý và thể lý và những đau khổ không kể xiết trên hành trình của họ" [37]. Những người lên đường di cư đều "kinh qua sự xa cách với nơi xuất xứ của họ, và thường mất cả gốc rễ văn hóa và tôn giáo. Sự phân mảnh cũng được cảm nhận bởi các cộng đồng họ để lại, nơi mất đi các phần tử mạnh mẽ và dám nghĩ dám làm nhất của họ, và bởi các gia đình, nhất là khi một hoặc cả hai cha mẹ phải di cư, để lại con cái ở quê hương" [38]. Vì lý do này, "cũng cần phải khẳng định lại quyền không di cư, nghĩa là, quyền ở lại quê hương của người ta" [39].

39. Cũng thế, "ở một số quốc gia chủ nhà, di dân gây ra nỗi sợ hãi và báo động, thường được thúc đẩy và khai thác cho các mục đích chính trị. Điều này có thể dẫn đến não trạng bài ngoại, khi người ta tự khép mình vào chính mình, và điều này cần được giải quyết một cách dứt khoát" [40]. Các di dân không được coi là có quyền, như những người khác, được tham gia vào đời sống của xã hội, và người ta quên rằng họ có phẩm giá nội tại như bất cứ người nào khác. Do đó, họ phải là "các tác nhân trong việc tự cứu chính họ" [41]. Không ai có thể công khai phủ nhận rằng họ là những hữu thể nhân bản, nhưng trên thực tế, bằng quyết định của chúng ta và cách chúng ta đối xử với họ, chúng ta có thể chứng tỏ rằng chúng ta xem họ ít xứng đáng hơn, kém quan trọng hơn, kém nhân bản hơn. Đối với các Kitô hữu, lối suy nghĩ và hành động này là điều không thể chấp nhận được, vì nó đặt một số sở thích chính trị nhất định lên trên các niềm xác tín sâu xa về đức tin của chúng ta: phẩm giá bất khả chuyển nhượng của mỗi con người bất kể nguồn gốc, chủng tộc hay tôn giáo, và luật tối cao của tình yêu thương huynh đệ.

40. "Những cuộc di dân, hơn bao giờ hết, sẽ đóng một vai trò chủ chốt trong tương lai của thế giới chúng ta" [42]. Tuy nhiên, hiện nay, việc di dân bị ảnh hưởng bởi "việc mất cảm thức trách nhiệm đối với các anh chị em của chúng ta mà mọi xã hội dân sự vốn dựa vào" [43]. Châu Âu, chẳng hạn, đang có nguy cơ nghiêm trọng đi theo con đường này. Tuy nhiên, "được hỗ trợ bởi di sản văn hóa và tôn giáo vĩ đại của nó, nó có các phương thế để bảo vệ tính trung tâm của con người và tìm được sự cân bằng đúng đắn giữa trách nhiệm đạo đức kép của mình là bảo vệ quyền của công dân và bảo đảm việc hỗ trợ và chấp nhận di dân" [44].

41. Tôi nhận ra rằng một số người còn do dự và sợ hãi đối với di dân. Tôi coi điều này như một phần trong bản năng tự vệ tự nhiên của chúng ta. Tuy nhiên, điều cũng đúng là một cá nhân và một dân tộc chỉ sinh hoa kết trái và có hiệu năng nếu họ có khả năng khai triển tính cởi mở sáng tạo với người khác. Tôi yêu cầu mọi người vượt ra khỏi những phản ứng ban sơ đó vì "có vấn đề khi những nghi ngờ và sợ hãi điều khiển cách suy nghĩ và hành động của chúng ta đến mức khiến chúng ta trở nên bất khoan dung, khép kín và thậm chí phân biệt chủng tộc mà mình không biết. Theo cách này, nỗi sợ hãi lấy mất nơi chúng ta ước nguyện và khả năng gặp gỡ người khác" [45].

ẢO TƯỞNG TRUYỀN THÔNG

42. Thật kỳ lạ, trong khi thái độ khép kín và bất khoan dung đối với người khác đang gia tăng, thì các khoảng

cách, đàng khác, lại đang thu hẹp hoặc biến mất đến mức quyền riêng tư ít còn hiện hữu. Mọi sự đã trở thành một loại cảnh tượng cần được khảo sát và thanh tra và cuộc sống của người ta hiện đang bị thám thính không ngừng. Truyền thông kỹ thuật số muốn đưa mọi sự ra thanh thiên bạch nhật; cuộc sống của người ta bị bới móc, lột trần và bàn tán, thường là nặc danh. Sự tôn trọng đối với người khác đang tan rã, và ngay cả khi chúng ta gạt bỏ, phớt lờ hoặc giữ khoảng cách với người khác, chúng ta vẫn có thể trân tráo soi mói từng chi tiết cuộc sống của họ.

42. Về phần mình, các chiến dịch kỹ thuật số nhằm thù hận và hủy diệt không phải - như một số người vẫn nghĩ - là một hình thức tích cực để hỗ trợ lẫn nhau, nhưng đơn giản chỉ là việc liên hiệp các cá nhân, hợp nhất nhau để chống lại những người bị tri nhận là kẻ thù chung. "Các phương tiện truyền thông kỹ thuật số cũng có thể khiến người ta gặp nguy cơ nghiện ngập, cô lập và dần dần mất liên lạc với thực tại cụ thể, ngăn cản sự phát triển các mối liên hệ liên ngã chân chính" [46]. Chúng thiếu các cử chỉ thể lý, nét mặt, khoảnh khắc im lặng, ngôn ngữ thân xác và thậm chí cả những điều như mùi vị, run run bàn tay, đỏ mặt và đổ mồ hôi vẫn ngỏ lời với chúng ta và là một phần của việc truyền thông nhân bản. Các mối liên hệ kỹ thuật số, vì không đòi việc vun xới chầm chậm và từ từ các tình hữu nghị, việc tương tác bền vững hoặc xây dựng một sự đồng thuận trưởng thành theo thời gian, nên bề ngoài có dáng thích thân thiện. Tuy nhiên, chúng không thực sự xây dựng cộng đồng; thay vào đó, chúng có xu hướng ngụy tạo và mở rộng chính chủ nghĩa duy cá nhân vốn tìm được biểu thức trong thái độ bài ngoại và khinh thường những người dễ bị tổn thương. Tính nối kết kỹ thuật số không đủ để xây dựng những cây cầu. Nó không có khả năng hợp nhất nhân loại.

Hung hăng vô liêm sỉ

44. Ngay cả khi các cá nhân duy trì sự cô lập duy tiêu thụ được cho là thoải mái, họ vẫn có thể chọn một hình thức liên kết thường xuyên và cuồng nhiệt nhằm khuyến khích sự thù nghịch cực độ, các lăng mạ, lạm dụng, phỉ báng và bạo lực ngôn từ đến mức tiêu diệt hình ảnh người khác, trong một diễn biến không thể có trong tiếp xúc thể lý mà kết cục lại không tiêu diệt chính mình hết thảy. Tính hung hăng xã hội đã tìm được chỗ đứng vô song để phát triển quá các máy tính và thiết bị di động.

45. Điều này hiện đang cho phép các ý thức hệ được hoàn toàn tự do hành động. Những điều mà cho đến vài năm trước đây không ai có thể nói ra nếu không liều mình đánh mất lòng tôn trọng phổ quát thì giờ đây có thể nói mà không sợ bị trừng phạt và nói một cách thô lỗ nhất, ngay cả bởi một số nhân vật chính trị. Chúng ta cũng không nên quên rằng "có những lợi ích kinh tế khổng lồ hoạt động trong thế giới kỹ thuật số, có khả năng thực hiện các hình thức kiểm soát vừa tinh vi vừa xâm lấn, tạo ra các cơ chế để thao túng lương tâm và diễn trình dân chủ. Cách thức hoạt động của nhiều nguyên lý làm cơ sở cho các hệ điều hành (platform) thường kết cục tạo điều kiện cho cuộc gặp gỡ giữa những người có suy nghĩ giống nhau, bảo vệ họ khỏi cuộc tranh luận. Các mạch khép kín này tạo điều kiện cho việc loan truyền tin tức giả và thông tin sai lệch, xúi giục thành kiến và thù ghét" [47].

46. Chúng ta cũng nên nhìn nhận rằng các hình thức cuồng tín có tính phá hoại đôi khi được tìm thấy trong các tín đồ tôn giáo, kể cả các Kitô hữu; họ cũng "có thể bị cuốn vào các mạng lưới bạo lực bằng ngôn từ qua *internet* và các diễn đàn khác nhau của truyền thông kỹ thuật số. Ngay cả trong các phương tiện truyền thông Công Giáo, các giới hạn cũng có thể bị vượt qua, việc phỉ báng và vu khống có thể trở thành chuyện thông thường, và tất cả các tiêu chuẩn đạo đức và tôn trọng đối với tiếng tăm của người khác có thể bị bỏ qua" [48]. Làm thế nào điều này có thể góp phần vào tình huynh đệ mà Cha chung của chúng ta yêu cầu nơi chúng ta được?

Thông tin thiếu khôn ngoan

47. Sự khôn ngoan đích thực đòi hỏi một cuộc gặp gỡ với thực tại. Tuy nhiên, ngày nay, mọi sự đều có thể được chế tạo, ngụy trang và sửa đổi. Do đó, một cuộc gặp gỡ trực tiếp dù ở ven rìa thực tại vẫn bị coi là không thể dung thứ. Lúc đó, một cơ chế lựa chọn bắt đầu hoạt động, theo đó tôi có thể lập tức tách biệt người thích khỏi người không thích, thứ tôi cho là hấp dẫn khỏi thứ tôi cho là khó chịu. Cùng một cách như thế, chúng ta có thể chọn những người mà chúng ta muốn chia sẻ thế giới của mình. Những người hoặc tình huống chúng ta thấy khó

chịu hoặc không đồng ý với chỉ đơn giản bị bôi xóa trong các mạng ảo ngày nay; một thế giới ảo sau đó được tạo ra, cô lập chúng ta với thế giới thực trong đó chúng ta đang sống.

48. Khả năng ngồi xuống và lắng nghe người khác, nét đặc trưng của những cuộc gặp gỡ liên ngã, là điển hình của thái độ chào đón được thể hiện bởi những người vượt qua lòng yêu mình thái quá và chấp nhận người khác, quan tâm đến họ và chào đón họ vào cuộc sống của mình. Tuy nhiên, "thế giới ngày nay phần lớn là một thế giới của người điếc… Đôi khi, nhịp độ điên cuồng của thế giới hiện đại ngăn cản chúng ta chăm chú lắng nghe điều người khác đang nói. Giữa chừng, chúng ta ngắt lời họ và muốn nói ngược lại điều họ còn chưa nói hết. Chúng ta không được đánh mất khả năng lắng nghe của mình". Thánh Phanxicô "đã nghe tiếng Thiên Chúa, ngài đã nghe tiếng người nghèo, ngài đã nghe tiếng người ốm yếu và ngài đã nghe tiếng thiên nhiên. Ngài đã biến chúng thành một lối sống. Mong muốn của tôi là hạt giống mà Thánh Phanxicô đã gieo trồng có thể lớn lên trong trái tim nhiều người " [49].

49. Khi sự im lặng và thận trọng lắng nghe khuất dạng, thay thế bằng sự điên cuồng nhắn tin, thì cấu trúc căn bản của việc truyền thông khôn ngoan nhân bản sẽ gặp nguy hiểm. Một lối sống mới đang xuất hiện, trong đó, chúng ta chỉ tạo ra những gì chúng ta muốn và loại bỏ tất cả những gì chúng ta không thể kiểm soát hoặc biết được ngay lập tức và hời hợt. Diễn trình này, theo luận lý học nội tại của nó, ngăn chặn kiểu suy tư thanh thản có thể dẫn chúng ta đến một sự ngôn khoan chung.

50. Cùng nhau, chúng ta có thể tìm kiếm sự thật trong đối thoại, trong cuộc trò chuyện thoải mái hoặc trong cuộc tranh luận sôi nổi. Làm như vậy đòi hỏi sự kiên trì; nó hàm nghĩa sẽ có những khoảnh khắc im lặng và đau khổ, nhưng nó có thể kiên nhẫn đón nhận kinh nghiệm rộng lớn hơn của các cá nhân và dân tộc. Việc tràn ngập thông tin trong tầm tay của chúng ta không tạo ra sự khôn ngoan nhiều hơn. Sự khôn ngoan không phát sinh từ những tìm kiếm nhanh chóng trên *internet* và cũng không phải là một khối dữ liệu chưa được kiểm chứng. Nó không chín mùi đủ để trở thành cuộc gặp gỡ với sự thật. Các cuộc trò chuyện chỉ xoay quanh các dữ kiện mới nhất, chỉ có tính ngang tầm và chồng đống đơn thuần. Chúng ta không dành sự tập trung chú ý vào đó, không đi sâu vào trọng tâm của vấn đề và nhận ra điều gì thiết yếu đem lại ý nghĩa cho cuộc sống của chúng ta. Do đó, tự do trở thành ảo tưởng người ta rao bán cho chúng ta, một ảo tưởng dễ bị nhầm lẫn với khả năng lục lọi trên màn ảnh. Diễn trình xây dựng tình huynh đệ, dù là địa phương hay phổ quát, chỉ có thể được thực hiện bởi những tinh thần tự do và cởi mở chào đón những cuộc gặp gỡ đích thực.

CÁC HÌNH THỨC LỆ THUỘC VÀ TỰ KHINH MÌNH

51. Một số quốc gia thịnh vượng về kinh tế có xu hướng tự đề cử mình làm mô hình văn hóa cho các quốc gia kém phát triển hơn; thay vào đó, mỗi quốc gia đó cần được giúp đỡ để phát triển theo cách riêng biệt của họ và phát triển các năng lực đổi mới trong khi vẫn tôn trọng các giá trị của nền văn hóa riêng của họ. Mong muốn bắt chước người khác một cách nông cạn và thảm bại dẫn đến việc sao chép và tiêu thụ thay vì sáng tạo, và cổ vũ một lòng tự trọng rất thấp đối với dân tộc. Trong các thành phần giàu có của nhiều nước nghèo, và đôi khi ở những nước mới thoát được cảnh nghèo, có sự phản kháng đối với cách suy nghĩ và hành động bản địa, và có xu hướng coi thường bản sắc văn hóa của mình, như thể nó là nguyên nhân duy nhất của mọi bệnh tật.

52. Tiêu diệt lòng tự trọng là một cách dễ dàng để thống trị người khác. Đằng sau những xu hướng có khuynh hướng san bằng thế giới của chúng ta này, ta thấy có những quyền lợi mạnh mẽ lợi dụng lòng tự trọng thấp như thế, trong khi, nhờ các phương tiện và mạng truyền thông, cố gắng tạo ra một nền văn hóa mới phục vụ giới thượng lưu. Điều này rập khuôn chủ nghĩa cơ hội của những kẻ đầu cơ và cướp bóc tài chính, và người nghèo luôn kết cục là những người thua cuộc. Rồi cũng thế, việc phớt lờ nền văn hóa của dân tộc mình đã dẫn nhiều nhà lãnh đạo chính trị đến chỗ hết khả năng sáng chế ra một kế hoạch phát triển hữu hiệu có thể được chấp nhận và duy trì một cách tự do theo thời gian.

53. Chúng ta quên rằng "không có hình thức tha hóa nào tồi tệ hơn là cảm thấy mình bị bứng rễ, không thuộc về ai cả. Một lãnh thổ sẽ đơm hoa kết trái, và người dân của nó cũng sẽ sinh hoa kết trái và đem lại tương lai, chỉ trong chừng mực họ có thể phát huy cảm thức thuộc về nơi các thành viên của họ, tạo ra các mối dây liên kết hòa nhập giữa các thế hệ và các cộng đồng khác nhau, và tránh tất cả những gì khiến chúng ta vô cảm đối với người

khác và dẫn tới việc tha hóa hơn nữa” [50].

HY VỌNG

54. Bất chấp những đám mây đen trên, những đám mây ta không nên làm ngơ, tôi muốn, trong những trang tiếp theo, tiếp nhận và thảo luận nhiều nẻo đường hy vọng mới. Vì Thiên Chúa tiếp tục gieo nhiều hạt giống tốt lành trong gia đình nhân loại chúng ta. Đại dịch gần đây cho phép chúng ta nhận ra và đánh giá cao, một lần nữa, tất cả những người ở quanh chúng ta, giữa cơn sợ hãi, vẫn đã phản ứng bằng cách đặt mạng sống của họ lên tuyến đầu. Chúng ta bắt đầu nhận ra rằng cuộc sống của chúng ta được đan xen với và duy trì bởi những người bình thường nhưng đã anh dũng lên khuôn nhiều biến cố có tính quyết định trong lịch sử chung của chúng ta: các bác sĩ, y tá, dược sĩ, thủ kho và công nhân siêu thị, nhân viên dọn dẹp, người chăm sóc, công nhân chuyên chở, nam giới và nữ giới làm việc để cung cấp các dịch vụ thiết yếu và an toàn công cộng, các tình nguyện viên, các linh mục và tu sĩ... Họ hiểu rằng không ai được cứu vớt một mình [51].

55. Tôi thân mời mọi người bước vào niềm hy vọng đổi mới, vì hy vọng “nói với chúng ta về một điều gì bén rễ sâu trong trái tim mỗi con người, không phụ thuộc vào hoàn cảnh và điều kiện lịch sử của chúng ta. Hy vọng nói với chúng ta về một cơn khát, một khát vọng, một mong mỏi có được một cuộc sống viên mãn, một khát vọng đạt được những điều to lớn, những điều lấp đầy trái tim và nâng cao tinh thần của chúng ta lên những thực tại cao cả như chân, thiện và mỹ, công bằng và yêu thương… Hy vọng luôn có tính mạnh bạo; nó có thể nhìn xa hơn thuận tiện bản thân, những an toàn và tưởng thưởng nhỏ mọn chuyên giới hạn chân trời của chúng ta, và nó có thể mở lòng chúng ta ra đón nhận các lý tưởng vĩ đại vốn làm cho cuộc sống trở nên tươi đẹp và đáng giá hơn ” [52]. Vậy chúng ta hãy tiếp tục tiến bước trên các nẻo đường hy vọng.

CHƯƠNG HAI: MỘT NGƯỜI XA LẠ DỌC ĐƯỜNG

56. Không nên đọc chương trước như một mô tả lạnh lùng và vô tư về các vấn đề ngày nay, vì “Vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo lắng của con người ngày nay, nhất là của người nghèo và những ai đau khổ, cũng là vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo lắng của các môn đệ Chúa Kitô, và không có gì thực sự là của con người mà lại không gieo âm hưởng trong lòng họ” [53]. Trong nỗ lực tìm kiếm một tia sáng giữa những gì chúng ta đang kinh qua, và trước khi đề nghị một vài hướng hành động, lúc này, tôi muốn dành một chương cho dụ ngôn được Chúa Giêsu Kitô kể lại cách nay hai nghìn năm. Mặc dù Thông điệp này được gửi đến tất cả những người có thiện chí, bất kể niềm tin tôn giáo của họ là gì, nhưng dụ ngôn này là một dụ ngôn mà bất cứ ai trong chúng ta cũng có thể liên hệ với và cảm thấy là thách thức.

“Và này có người thông luật kia đứng lên hỏi Chúa Giêsu để thử Người rằng: ‘Thưa Thầy, tôi phải làm gì để được sự sống đời đời làm gia nghiệp?’ Người đáp: ‘Trong Luật đã viết gì? Ông đọc thế nào?’ Ông ấy thưa: ‘Ngươi phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của ngươi, hết lòng, hết linh hồn, hết sức lực, và hết trí khôn ngươi, và yêu mến người thân cận như chính mình’. Đức Giêsu bảo ông ta: ‘Ông trả lời đúng lắm. Cứ làm như vậy là sẽ được sống’. Nhưng ông ấy muốn chứng tỏ là mình có lý, nên mới thưa cùng Đức Giêsu rằng: ‘Nhưng ai là người thân cận của tôi?’ Đức Giêsu đáp: ‘Một người kia từ Giêrusalem xuống Giêrikhô, dọc đường bị rơi vào tay kẻ cướp. Chúng lột sạch người ấy, đánh nhừ tử, rồi bỏ đi, để mặc người ấy nửa sống nửa chết. Tình cờ, có thầy tư tế cũng đi xuống trên con đường ấy. Trông thấy người này, ông tránh qua bên kia mà đi. Rồi cũng thế, một thầy Lêvi đi tới chỗ ấy, cũng thấy, cũng tránh qua bên kia mà đi. Nhưng một người Samari kia đi đường, tới ngang chỗ người ấy, cũng thấy, và chạnh lòng thương. Ông ta lại gần, lấy dầu lấy rượu đổ lên vết thương cho người ấy và băng bó lại, rồi đặt người ấy trên lưng lừa của mình, đưa về quán trọ mà săn sóc. Hôm sau, ông lấy ra hai quan tiền, trao cho chủ quán và nói: ‘Nhờ bác săn sóc cho người này, có tốn kém thêm bao nhiêu, thì khi trở về, chính tôi sẽ hoàn lại bác.’ Vậy theo ông nghĩ, trong ba người đó, ai đã tỏ ra là người thân cận với người đã bị rơi vào tay kẻ cướp?’ Người thông luật trả lời: ‘Chính là kẻ đã thực thi lòng thương xót đối với người ấy’. Đức Giêsu bảo ông ta: ‘Ông hãy đi, và cũng hãy làm như vậy’”. (Lc 10,25-37).

Bối cảnh

57. Dụ ngôn trên liên quan đến một vấn đề rất xưa. Ngay sau khi tường thuật về sự sáng tạo ra thế giới và con

người, Kinh Thánh đề cập đến vấn đề liên hệ giữa con người với nhau. Cain giết Abel em trai mình và sau đó nghe Thiên Chúa hỏi: "Abel, em trai của ngươi, đâu?" (St 4: 9). Câu trả lời của anh ta là câu trả lời mà chính chúng ta cũng thường đưa ra: “Tôi có phải là người canh giữ em trai tôi đâu?” (*đd*). Do chính câu hỏi Người đã đặt ra, Thiên Chúa không dành chỗ nào để nại tới thuyết tiền định hay thuyết định mệnh hòng biện minh cho sự thờ ơ của chúng ta. Thay vào đó, Người khuyến khích chúng ta tạo ra một nền văn hóa khác, trong đó chúng ta giải quyết các xung đột và việc quan tâm đến nhau của chúng ta.

58. Sách Gióp coi nguồn gốc của chúng ta từ một Đấng Tạo Hóa duy nhất là nền tảng của một số quyền lợi chung: “Chẳng phải Đấng đã tạo ra tôi trong lòng mẹ cũng đã tạo nên anh ta đó sao? Và không phải cùng một Đấng ấy đã tượng hình chúng ta trong bụng mẹ đó sao? " (*Gióp* 31:15). Nhiều thế kỷ sau, Thánh Irênê đã sử dụng hình ảnh giai điệu (melody) để đưa ra cùng một quan điểm: “Người tìm kiếm sự thật không nên tập trung vào các dị biệt giữa nốt này và nốt nọ, nghĩ như thể mỗi nốt nhạc được tạo ra tách biệt và cách biệt với các nốt nhạc khác; thay vào đó, họ nên nhận ra rằng cũng một người và cùng người đó đã sáng tác ra toàn bộ giai điệu” [54].

59. Trong các truyền thống Do Thái trước đây, mệnh lệnh yêu thương và chăm sóc người khác dường như chỉ giới hạn vào các mối liên hệ giữa các thành viên của cùng một quốc gia. Giới răn cổ xưa phải “yêu người lân cận như chính mình” (*Lev* 19:18) thường được hiểu như nói đến đồng bào của người ta, nhưng ranh giới dần dần được mở rộng, nhất là trong đạo Do Thái phát triển bên ngoài lãnh thổ Israel. Chúng ta gặp thấy mệnh lệnh đừng làm cho người khác điều bạn không muốn họ làm cho bạn (xem *Tb* 4:15). Vào thế kỷ thứ nhất trước Công nguyên, Giáo sĩ Hillel từng tuyên bố: “Đây là toàn bộ Kinh Torah. Mọi sự khác đều là bình luận” [55]. Mong muốn bắt chước cách hành động của Thiên Chúa dần dần thay thế xu hướng chỉ nghĩ đến những người ở gần chúng ta nhất: “Lòng cảm thương của con người dành cho người lân cận của họ, nhưng lòng cảm thương của Chúa dành cho mọi sinh vật” (*Hc* 18:13).

60. Trong Tân Ước, giới luật của Hillel đã được diễn tả bằng những từ ngữ tích cực: “Trong mọi việc, hãy làm cho người khác như bạn muốn họ làm cho bạn; vì đây là luật và các ngôn sứ” (*Mt* 7:12). Mệnh lệnh này có tính phổ quát về phạm vi, bao trùm mọi người trên cơ sở nhân tính chung của chúng ta, vì Cha trên trời “làm cho mặt trời của Người mọc trên người dữ và người lành” (*Mt* 5:45). Do đó, mà có lời kêu gọi “hãy thương xót như Cha anh em là Đấng thương xót” (*Lc* 6:36).

61. Trong các bản văn cổ nhất của Kinh Thánh, chúng ta tìm thấy lý do tại sao trái tim chúng ta nên mở rộng để đón nhận người xa lạ. Nó bắt nguồn từ ký ức bền bỉ của người Do Thái rằng chính họ đã từng sống như những người ngoại quốc ở Ai Cập:

“Người ngoại kiều, ngươi không được ngược đãi và áp bức, vì chính các ngươi đã là ngoại kiều ở đất Aicập” (*Xh* 22:20).

“Người ngoại kiều, các ngươi không được áp bức; chính các ngươi đã biết thân phận của người ngoại kiều, vì các ngươi đã là ngoại kiều ở đất Ai-cập”(*Xh* 23: 9).

“Khi có ngoại kiều cư ngụ với (các) ngươi trong xứ các ngươi, các ngươi đừng bức hiếp nó. (Các) ngươi phải đối xử với người ngoại kiều cư ngụ với các ngươi như với một người bản xứ, một người trong các ngươi; (các) ngươi phải yêu nó như chính mình, vì các ngươi đã từng là ngoại kiều tại đất Aicập. Ta là ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của các ngươi” (*Lv* 19: 33-34).

“Khi hái nho, thì anh (em) không được mót lại; những trái còn sót dành cho ngoại kiều và cô nhi quả phụ. Anh em hãy nhớ mình đã làm nô lệ bên đất Aicập” (*Đnl* 24: 21-22).

Lời kêu gọi bước vào tình yêu huynh đệ vang vọng suốt bộ Tân Ước:

“Vì tất cả Lề Luật được nên trọn trong điều răn duy nhất này là: Ngươi phải yêu người thân cận như chính mình ngươi”(*Gl* 5:14).

“Ai yêu thương anh em mình thì ở lại trong ánh sáng, và nơi người ấy không có gì nên cớ vấp phạm. Nhưng ai ghét anh em mình thì ở trong bóng tối và đi trong bóng tối mà chẳng biết mình đi đâu, vì bóng tối đã làm cho mắt người ấy ra mù quáng” (*1 Ga* 2,10-11).

“Chúng ta biết rằng: chúng ta đã từ cõi chết bước vào cõi sống, vì chúng ta yêu thương anh em. Kẻ không yêu thương, thì ở lại trong sự chết” (*1 Ga* 3:14).

“Ai không yêu anh hay chị em mà mình nhìn thấy, thì không thể yêu Thiên Chúa mà mình chưa thấy” (*1 Ga* 4:20).

62. Tuy nhiên, lời kêu gọi yêu thương này có thể bị hiểu lầm. Thánh Phaolô, nhận ra cơn cám dỗ của các cộng đồng Kitô hữu đầu tiên muốn thành lập các nhóm khép kín và cô lập, đã thúc giục các môn đệ của ngài trổi vượt về tình yêu thương “với nhau và với mọi người” (*1 Tx* 3:12). Trong cộng đồng Thánh Gioan, các Kitô hữu đồng đạo phải được chào đón, “dù họ là những người xa lạ đối với anh em” (*3 Ga* 5). Trong bối cảnh này, chúng ta có thể hiểu rõ hơn ý nghĩa của dụ ngôn Người Samaritanô nhân hậu: tình yêu thương không quan tâm đến việc anh chị em đang gặp khó khăn phát xuất từ nơi này hay nơi nọ. Vì “tình yêu phá tan xiềng xích vốn khiến chúng ta bị cô lập và cách biệt; ở nơi họ, nó xây dựng các cây cầu. Tình yêu giúp chúng ta tạo ra một gia đình lớn lao, trong đó, tất cả chúng ta có thể cảm thấy như ở nhà… Tình yêu tràn chảy lòng cảm thương và phẩm giá” [56].

Bị bỏ rơi bên vệ đường

63. Chúa Giêsu kể câu chuyện về một người đàn ông bị kẻ trộm hành hung và nằm bị thương bên vệ đường. Một số người đi ngang qua ông ta, nhưng không dừng lại. Đây là những người nắm giữ các vị trí quan trọng trong xã hội, nhưng thiếu quan tâm thực sự đến lợi ích chung. Họ sẽ không lãng phí một vài phút để chăm sóc người đàn ông bị thương, hoặc thậm chí kêu gọi sự giúp đỡ. Chỉ có một người dừng lại, tới gần người đàn ông và đích thân chăm sóc ông ta, thậm chí chi tiền riêng của mình để cung cấp những gì ông ta cần. Người này cũng cho ông ấy một thứ mà trong thế giới điên cuồng của mình, chúng ta thường bám lấy thật chặt: ông đã cho ông ấy thời gian của mình. Chắc chắn, ông đã có kế hoạch riêng cho ngày hôm đó, những nhu cầu, cam kết và mong muốn của riêng ông. Tuy nhiên, ông đã có thể đặt tất cả những điều đó sang một bên khi đối diện với một người đang cần đến mình. Dù thậm chí không hề biết đến người đàn ông bị thương, ông vẫn thấy ông ta xứng đáng được ông dành thì giờ và sự quan tâm của ông.

64. Các bạn đồng nhất hóa với người nào trong số những người này? Câu hỏi này, một câu hỏi hết sức thẳng thừng, quả có tính trực tiếp và thấm thía. Các bạn giống với nhân vật nào trong số những nhân vật này? Chúng ta cần thừa nhận rằng chúng ta thường xuyên bị cám dỗ muốn phớt lờ người khác, nhất là những người yếu thế. Chúng ta hãy thừa nhận rằng, đối với mọi tiến bộ chúng ta đã đạt được, chúng ta vẫn còn “mù chữ” khi đụng tới việc đồng hành, chăm sóc và hỗ trợ những thành viên yếu đuối và dễ bị tổn thương nhất trong các xã hội phát triển của chúng ta. Chúng ta đã trở nên quen thuộc với việc nhìn đi hướng khác, bước qua, phớt lờ các tình huống cho đến khi chúng ảnh hưởng trực tiếp đến chúng ta.

65. Có người bị tấn công trên đường phố của chúng ta, và nhiều người vội vàng chạy đi như thể họ không nhìn thấy. Người ta tông xe vào ai đó rồi bỏ chạy khỏi hiện trường. Mong muốn duy nhất của họ là tránh lôi thôi; Bất kể chuyện, vì lỗi của họ, mà một người khác có thể mất mạng. Tất cả những điều này là dấu hiệu của một cách tiếp cận cuộc sống đang lan tràn nhiều cách tinh tế khác nhau. Hơn thế nữa, bị mắc kẹt bởi các nhu cầu của chính mình, cảnh tượng một người đang đau khổ làm phiền chúng ta. Nó khiến chúng ta không thoải mái vì chúng ta không có thời gian để lãng phí cho các vấn đề của người khác. Đây là những triệu chứng của một xã hội không lành mạnh. Một xã hội tìm kiếm sự thịnh vượng nhưng quay lưng với đau khổ.

66. Cầu mong chúng ta đừng chìm xuống những vực sâu như vậy! Chúng ta hãy nhìn vào gương sáng của Người Samaritanô nhân hậu. Dụ ngôn của Chúa Giêsu kêu gọi chúng ta khám phá lại ơn gọi của chúng ta như những công dân của các quốc gia liên hệ và của toàn thế giới, những người xây dựng mối liên kết xã hội mới mẻ. Lời triệu tập này luôn mới mẻ, nhưng nó dựa trên một quy luật căn bản của hữu thể chúng ta: chúng ta được kêu gọi

hướng xã hội theo đuổi công ích và với mục đích này trong tâ trí, kiên trì củng cố trật tự chính trị và xã hội, kết cấu liên hệ của nó, các mục tiêu nhân bản của nó. Qua các hành động của mình, Người Samaritanô nhân hậu đã chứng tỏ rằng "Hiện hữu của mỗi cá nhân đều gắn chặt với hiện hữu của những người khác: cuộc sống không đơn giản chỉ là thời gian trôi qua; cuộc sống là thời gian cho những tương tác" [57].

67. Dụ ngôn trình bày một cách hùng hồn quyết định căn bản mà chúng ta cần thực hiện để xây dựng lại thế giới bị thương của chúng ta. Đối diện với quá nhiều đau đớn và khổ sở, đường đi duy nhất của chúng ta là noi gương Người Samaritanô nhân hậu. Bất cứ quyết định nào khác đều làm chúng ta trở thành một trong những tên cướp hoặc một trong những người đi ngang qua mà không biểu lộ lòng cảm tương trước những đau khổ của người đàn ông bên vệ đường. Câu chuyện ngụ ngôn cho chúng ta thấy một cộng đồng có thể được xây dựng lại ra sao bởi những người đàn ông và đàn bà biết đồng nhất hóa với tính dễ bị tổn thương của những người khác, biết bác bỏ việc tạo ra một xã hội loại trừ, và thay vào đó hành động như những người hàng xóm, nâng dậy và phục hồi những người vấp ngã vì lợi ích chung. Đồng thời, nó cảnh báo chúng ta về thái độ của những người chỉ nghĩ đến bản thân và không chung vai gánh vác những trách nhiệm không thể tránh khỏi trong cuộc sống như đang diễn ra.

68. Dụ ngôn rõ ràng không bằng lòng với việc giảng đạo đức trừu tượng, mà thông điệp của nó cũng không chỉ mang tính xã hội và đạo đức. Nó nói với chúng ta về một khía cạnh thiết yếu và thường bị lãng quên của nhân tính chung của chúng ta: chúng ta được tạo dựng để đạt được sự viên mãn mà chỉ có thể tìm thấy trong tình yêu. Chúng ta không thể thờ ơ với đau khổ; chúng ta không thể để bất cứ ai kinh qua cuộc sống như một kẻ bị ruồng bỏ. Thay vào đó, chúng ta nên cảm thấy phẫn nộ, bị thách thức thoát khỏi sự cô lập thoải mái của chúng ta và được thay đổi khi tiếp xúc với những đau khổ của con người. Đó là ý nghĩa của phẩm giá.

Một câu chuyện được kể lại không ngừng

69. Dụ ngôn trên rõ ràng và thẳng thắn, nhưng nó cũng gợi lên cuộc đấu tranh nội tâm mà mỗi người chúng ta đều cảm nghiệm khi chúng ta dần dần hiểu được chính bản thân mình qua các mối liên hệ với anh chị em của mình. Không sớm thì muộn, chúng ta đều sẽ gặp một người đau khổ. Ngày nay càng ngày càng có nhiều người như họ. Quyết định bao gồm hoặc loại trừ những người nằm bị thương bên vệ đường có thể được dùng làm tiêu chuẩn để đánh giá mọi dự án kinh tế, chính trị, xã hội và tôn giáo. Mỗi ngày, chúng ta phải quyết định trở thành Người Samaritanô nhân hậu hay thành những người bàng quan thờ ơ. Và nếu chúng ta chịu nhìn vào lịch sử cuộc sống của chính mình và của toàn thế giới, tất cả chúng ta đều giống, hay từng giống, mỗi nhân vật trong câu chuyện dụ ngôn. Tất cả chúng ta đều có trong mình một điều gì đó của người đàn ông bị thương, một điều gì đó của tên cướp, một điều gì đó của những người qua đường, và một điều gì đó của người Samaritanô nhân hậu.

70. Điều đáng chú ý là cách các nhân vật khác nhau trong câu chuyện thay đổi, khi phải đối diện với cảnh tượng đau đớn của người đàn ông khốn khổ bên vệ đường. Các phân biệt giữa người Giuđêa và người Samaria, giữa thầy tư tế và thương gia, mờ dần ý nghĩa. Bây giờ chỉ còn hai loại người: những người chăm sóc một ai đó đang bị thương tích và những người đi ngang qua; những người cúi xuống giúp đỡ và những người nhìn đi hướng khác và vội vàng bỏ đi. Ở đây, mọi phân biệt, mọi nhãn hiệu và mặt nạ của chúng ta đều rơi xuống: đây là khoảnh khắc của sự thật. Liệu chúng ta có cúi xuống để chạm vào và chữa lành vết thương của người khác không? Liệu chúng ta có cúi xuống và giúp người khác đứng lên không? Đây là thách thức hiện nay và chúng ta không nên sợ hãi khi đối đầu với nó. Trong thời điểm khủng hoảng, các quyết định trở nên cấp thiết. Có thể nói rằng, ở đây và bây giờ, bất cứ ai không phải là kẻ trộm cướp hay người qua đường, đều là người bị thương hoặc đang mang người bị thương trên vai.

71. Câu chuyện về Người Samaritanô nhân hậu không ngừng được nhắc đi nhắc lại. Chúng ta có thể thấy điều này rõ ràng vì sức trì trệ chính trị và xã hội đang biến nhiều nơi trên thế giới của chúng ta thành một đường phụ hoang vắng, ngay cả khi các tranh chấp quốc nội và quốc tế và việc cướp đi các cơ hội đang khiến một số lượng lớn người bị gạt ra bên lề đường. Trong dụ ngôn của Người, Chúa Giêsu không đưa ra những lựa chọn thay thế; Người không hỏi điều gì sẽ xảy ra nếu người đàn ông bị thương hoặc người đã giúp ông ta nghiêng về phía tức giận hoặc khao khát trả thù. Chúa Giêsu tin tưởng vào điều tốt nhất của tinh thần con người; Với dụ ngôn này, Người khuyến khích chúng ta kiên trì trong yêu thương, khôi phục phẩm giá cho những người đau khổ và xây

dựng một xã hội xứng đáng với tên gọi.

Các nhân vật của câu chuyện

72. Dụ ngôn bắt đầu với những tên cướp. Chúa Giêsu chọn bắt đầu câu chuyện khi vụ cướp đã xảy ra, kẻo chúng ta chăm chú vào chính tội ác hoặc những kẻ trộm đã phạm tội ác đó. Tuy nhiên, chúng ta biết rõ những người đó. Chúng ta đã thấy, đang tiến bước trong thế giới của chúng ta là những bóng đen của sự bỏ rơi và bạo lực nhằm phục vụ các quyền lợi nhỏ mọn của quyền lực, thu góp và chia rẽ. Câu hỏi thực sự là: chúng ta sẽ bỏ rơi người đàn ông bị thương để chạy tìm nơi trú ẩn khỏi bạo lực, hay chúng ta sẽ truy đuổi những tên cướp? Liệu người đàn ông bị thương có kết cục trở thành người biện minh cho các chia rẽ không thể hàn gắn, sự thờ ơ tàn nhẫn của chúng ta, các xung đột nội bộ của chúng ta hay không?

73. Sau đó, dụ ngôn yêu cầu chúng ta xem xét kỹ hơn những người qua đường. Sự thờ ơ lo lắng khiến họ bước qua phía bên kia đường – bất kể là vô tội hay không, bất kể là do khinh bỉ hay chỉ là do lơ đễnh - khiến thầy tư tế và thầy Lêvi trở thành một hình ảnh phản chiếu đáng buồn khoảng cách ngày càng lớn giữa chúng ta và thế giới xung quanh. Có nhiều cách để bước qua ở một khoảng cách an toàn: chúng ta có thể rút vào chính mình, phớt lờ người khác, hoặc thờ ơ với cảnh ngộ của họ. Hoặc chỉ đơn giản nhìn đi nơi khác, như ở một số quốc gia, hoặc một số khu vực của họ, có sự khinh miệt đối với người nghèo và văn hóa của họ, và người ta nhìn đi chỗ khác, như thể một kế hoạch phát triển được nhập từ bên ngoài sẽ đẩy lui họ. Đây là cách một số người biện minh cho sự thờ ơ của họ: người nghèo, những người mà những lời cầu xin giúp đỡ có thể chạm đến trái tim của họ, đơn giản không hiện hữu. Người nghèo nằm ngoài phạm vi quan tâm của họ.

74. Về những người qua đường, ta thấy một chi tiết nổi bật: họ là người tôn giáo, tận tâm thờ phượng Chúa: một tư tế và một thầy Lêvi. Không nên bỏ qua chi tiết này. Nó cho thấy niềm tin vào Thiên Chúa và sự thờ phượng Thiên Chúa không đủ để bảo đảm rằng chúng ta đang thực sự sống đẹp lòng Thiên Chúa. Một tín hữu có thể không chân thật đối với mọi điều được đức tin của họ đòi hỏi nơi họ, nhưng vẫn nghĩ rằng họ gần gũi với Thiên Chúa và tốt hơn những người khác. Mặt khác, có những cách sống đức tin tạo điều kiện cho việc cởi mở đối với người khác; và lối này mới bảo đảm việc cởi mở đích thực đối với Thiên Chúa. Thánh Gioan Chrysostom đã phát biểu điều này một cách sắc cạnh khi ngài thách thức các Kitô hữu nghe ngài rằng: "anh chị em có muốn tôn vinh thân thể của Đấng Cứu Thế không? Đừng khinh thường nó khi nó trần truồng. Đừng tôn vinh nó trong nhà thờ với lễ phục bằng lụa trong khi ở bên ngoài nó trần truồng và tê cóng vì lạnh" [58]. Nghịch lý thay, những người cho mình là người không tin đôi khi có thể thực hành ý muốn của Thiên Chúa tốt hơn các tín hữu.

75. "Kẻ cướp" thường tìm đồng minh bí mật ở những người "đi ngang qua và nhìn đi hướng khác". Có một sự tương tác nào đó giữa những kẻ thao túng và lừa đảo xã hội, và những người, trong khi tự cho mình là những người chỉ trích khách quan và vô tư, nhưng thực ra sống dựa nhờ hệ thống đó và các lợi ích của nó. Có một sự đạo đức giả đáng buồn khi quyền đặc miễn tội phạm, việc sử dụng các định chế để trục lợi cá nhân hoặc tập đoàn, và những tệ nạn khác dường như không thể diệt trừ được, thường đi kèm với việc chỉ trích không ngừng về đủ mọi chuyện, một việc không ngừng gieo rắc nghi ngờ dẫn đến việc mất lòng tin và nhầm lẫn. Khiếu nại cho rằng "mọi sự đều đã đổ vỡ" được trả lời bằng chủ trương cho là "nó không thể sửa được" hoặc "tôi làm gì được?" Điều này càng làm gia tăng sự vỡ mộng và tuyệt vọng, và khó mà khuyến khích tinh thần liên đới và quảng đại. Dấn sâu con người vào tuyệt vọng khép lại một vòng tròn hoàn toàn sai trái: đó là nghị trình của nền độc tài vô hình của các quyền lợi giấu mặt đã giành được quyền làm chủ cả các tài nguyên lẫn khả thể suy nghĩ và bày tỏ ý kiến.

76. Cuối cùng chúng ta hãy hướng về người đàn ông bị thương. Có những lúc chúng ta cảm thấy như ông ta, bị tổn thương nặng nề và bị bỏ lại ở vệ đường. Chúng ta cũng có thể cảm thấy bất lực vì các định chế của chúng ta bị bỏ bê và thiếu tài nguyên, hoặc chỉ đơn giản phục vụ lợi ích của một thiểu số, bên ngoài và bên trong. Thật vậy, "xã hội hoàn cầu hóa thường có một cách chuyển dịch cái nhìn một cách tao nhã. Dưới chiêu bài chính xác về chính trị hay hợp thời thượng ý thức hệ, chúng ta chỉ nhìn những người đau khổ chứ không chạm vào họ. Chúng ta truyền hình trực tiếp các hình ảnh về họ, thậm chí nói về họ bằng nhiều uyển ngữ và đầy khoan dung biểu kiến" [59].

Bắt đầu lại

77. Mỗi ngày đều mang đến cho chúng ta một cơ hội mới, một khả thể mới. Chúng ta không nên mong đợi mọi sự từ những người cai trị chúng ta, vì điều đó có tính con nít. Chúng ta có không gian cần thiết để cùng chịu trách nhiệm trong việc tạo ra và áp dụng các diễn trình và thay đổi mới. Chúng ta hãy tham gia tích cực vào việc đổi mới và hỗ trợ các xã hội đang gặp khó khăn của chúng ta. Hôm nay, chúng ta có cơ hội lớn để phát biểu tình huynh đệ bẩm sinh của mình, trở thành những Người Samaritanô nhân hậu, những người gánh nỗi đau rắc rối của người khác thay vì xúi giục lòng căm thù và oán giận lớn hơn. Giống như người du hành tình cờ trong dụ ngôn, chúng ta chỉ cần có lòng mong muốn thuần túy và đơn giản được là một dân tộc, một cộng đồng, không ngừng và không mệt mỏi cố gắng bao gồm, hòa nhập và nâng đỡ những người vấp ngã. Có thể chúng ta thường thấy mình rơi vào não trạng của những kẻ bạo lực, tham vọng một cách mù quáng, những kẻ gieo rắc ngờ vực và dối trá. Có thể những người khác cứ tiếp tục coi chính trị hoặc kinh tế như một đấu trường cho những cuộc chơi quyền lực của họ. Về phần mình, chúng ta hãy cổ vũ điều tốt và đặt mình phục vụ nó.

78. Chúng ta có thể bắt đầu từ bên dưới và tùy từng trường hợp, hành động ở các bình diện cụ thể nhất và có tính địa phương, và, sau đó mở rộng đến những vùng xa xôi nhất của đất nước và thế giới của chúng ta, với cùng sự quan tâm và chăm sóc mà người Samaritanô đã biểu lộ với từng vết thương của người đàn ông bị thương. Chúng ta hãy tìm kiếm người khác và đón nhận thế giới trong hiện trạng của có, mà không sợ đau đớn hay cảm thức bất cập, vì ở đó chúng ta sẽ khám phá ra tất cả những điều tốt lành mà Thiên Chúa đã gieo trồng vào lòng con người. Những khó khăn tưởng chừng như quá sức lại là cơ hội để phát triển, chứ không phải là lý do bào chữa cho một sự nhẫn nhục ủ rũ chỉ có thể dẫn đến sự phục tùng. Tuy nhiên, chúng ta đừng làm điều này một mình, với tư cách cá nhân. Người Samaritanô đã phát hiện được một người chủ quán vui lòng chăm sóc người đàn ông; chúng ta cũng được kêu gọi đoàn kết như một gia đình mạnh hơn tổng số các thành viên cá thể nhỏ mọn. Vì "toàn thể lớn hơn bộ phận, nhưng nó cũng lớn hơn tổng số các bộ phận của nó" [60]. Chúng ta hãy từ bỏ óc nhỏ nhen và oán giận của cuộc chiến nội bộ vô bổ và không ngừng đối kháng. Chúng ta hãy ngưng việc thương hại mình để thừa nhận tội ác, sự thờ ơ, các dối trá của mình. Sự đền bù và hòa giải sẽ mang lại cho chúng ta cuộc sống mới và giải thoát chúng ta khỏi sự sợ hãi.

79. Người Samaritanô, người đã dừng lại dọc đường, đã lên đường mà không hề mong đợi được công nhận hay biết ơn. Nỗ lực giúp đỡ một người khác của ông đã mang lại cho ông một sự hài lòng to lớn trong cuộc sống và trước mặt Thiên Chúa của ông, và do đó trở thành một nghĩa vụ. Tất cả chúng ta đều có trách nhiệm đối với những người bị thương, những người của dân tộc chúng ta và của mọi dân tộc trên trái đất. Chúng ta hãy quan tâm đến nhu cầu của mọi người nam và người nữ, người trẻ và người già, với cùng một tinh thần chăm sóc và gần gũi huynh đệ từng lên đặc điểm cho người Samaritanô nhân hậu.

80. Chúa Giêsu kể dụ ngôn Người Samaritanô nhân hậu để trả lời cho câu hỏi: Ai là người hàng xóm của tôi? Chữ "người hàng xóm", trong xã hội thời Chúa Giêsu, thường có nghĩa là những người gần chúng ta nhất. Người ta cảm thấy sự giúp đỡ chủ yếu nên được dành cho những người thuộc nhóm và chủng tộc riêng của mình. Đối với một số người Do Thái thời đó, người Samaritanô bị coi thường, bị coi là không trong sạch. Họ không nằm trong số những người phải giúp đỡ. Chúa Giêsu, bản thân là một người Do Thái, hoàn toàn biến đổi cách tiếp cận này. Người yêu cầu chúng ta không nên quyết định xem ai là người đủ gần gũi để trở thành người hàng xóm của chúng ta, mà đúng hơn chính chúng ta phải trở thành người hàng xóm cho mọi người.

81. Chúa Giêsu yêu cầu chúng ta hiện diện với những người cần giúp đỡ, bất kể họ có thuộc nhóm xã hội của chúng ta hay không. Trong trường hợp này, người Samaritanô trở thành hàng xóm của người Giuđêa bị thương. Bằng cách tiếp cận và làm cho mình hiện diện, ông đã vượt qua mọi rào cản về văn hóa và lịch sử. Chúa Giêsu kết thúc dụ ngôn bằng câu: "Hãy đi và làm như vậy" (*Lc* 10:37). Nói cách khác, Người thách thức chúng ta gạt bỏ mọi dị biệt và, đứng trước đau khổ, sẵn sàng đến gần người khác mà không cần thắc mắc. Tôi không nên nói tôi có người hàng xóm để giúp đỡ, mà bản thân tôi phải là người hàng xóm cho người khác.

82. Tuy nhiên, dụ ngôn này có làm ta bối rối, vì Chúa Giêsu nói rằng người bị thương là người Giuđêa, trong khi người dừng lại và giúp đỡ ông ta là người Samaria. Chi tiết này khá có ý nghĩa đối với sự suy gẫm của chúng ta về một tình yêu bao gồm mọi người. Người Samaria sống trong một khu vực thực hành các nghi lễ ngoại giáo.

Đối với người Do Thái, điều này khiến họ trở nên ô uế, đáng ghét và nguy hiểm. Thực thế, một bản văn cổ Do Thái đề cập đến các quốc gia bị ghét bỏ, nói về Samaria "thậm chí không phải là một dân tộc" (*Hc* 50:25); nó cũng nhắc đến "dân ngu xuẩn sống ở Shechem" (50:26).

83. Điều này giải thích tại sao một phụ nữ Samaria, khi được Chúa Giêsu xin uống nước, đã trả lời cộc lốc: "Làm sao mà ông, một người Do Thái, lại xin nước uống của tôi, một phụ nữ Samaria?" (*Ga* 4: 9). Lời buộc tội xúc phạm nhất mà những ai tìm cách làm mất uy tín của Chúa Giêsu có thể đưa ra là Người bị "quỉ ám" và là "người Samaritanô" (*Ga* 8:48). Vì vậy, cuộc gặp gỡ lòng thương xót này giữa một người Samaritanô và một người Do Thái có tính kích thích; nó không chừa chỗ cho sự thao túng ý thức hệ và thách thức chúng ta mở rộng biên giới của chúng ta. Nó mang lại một chiều kích phổ quát cho ơn gọi yêu thương của chúng ta, một chiều kích vượt quá mọi định kiến, mọi rào cản lịch sử và văn hóa, mọi quyền lợi nhỏ nhặt.

Lời nài xin của người khách lạ

84. Cuối cùng, tôi xin lưu ý rằng trong một đoạn Tin Mừng khác, Chúa Giêsu nói: "Ta là khách lạ và các con đã đón tiếp Ta" (*Mt* 25:35). Chúa Giêsu có thể nói những lời đó vì Người có tấm lòng rộng mở, nhạy cảm đối với các khó khăn của người khác. Thánh Phaolô thúc giục chúng ta hãy "vui với người vui, khóc với người khóc" (*Rm* 12:15). Khi trái tim chúng ta làm được điều này, chúng có khả năng đồng nhất với những người khác mà không cần lo lắng về việc họ sinh ra hoặc phát xuất từ đâu. Trong khi đó, chúng ta cảm nghiệm được người khác như là "thịt máu của chính mình" (*Is* 58: 7).

85. Đối với các Kitô hữu, lời lẽ của Chúa Giêsu còn có một ý nghĩa sâu xa hơn nữa. Chúng buộc chúng ta phải nhận ra chính Chúa Kitô trong mỗi người anh chị em bị bỏ rơi hoặc bị loại trừ (x. *Mt* 25: 40,45). Đức tin có năng lực vô hạn trong việc truyền cảm hứng và duy trì lòng tôn trọng của chúng ta đối với người khác, vì các tín hữu biết rằng Thiên Chúa yêu mọi người nam nữ bằng một tình yêu vô hạn và "do đó ban cho nhân loại phẩm giá vô hạn" [61]. Chúng ta cũng tin rằng Chúa Kitô đã đổ máu mình vì mỗi người chúng ta và không ai nằm ngoài phạm vi tình yêu phổ quát của Người. Nếu chúng ta đi đến nguồn gốc cuối cùng của tình yêu đó, một tình yêu vốn là chính sự sống của Thiên Chúa ba ngôi, chúng ta sẽ gặp trong cộng đồng Ba Ngôi Thiên Chúa nguồn gốc và hình mẫu hoàn hảo của mọi cuộc sống xã hội. Thần học tiếp tục được phong phú hóa bởi sự suy tư của nó về sự thật vĩ đại này.

86. Đôi khi tôi tự hỏi tại sao, dưới ánh sáng của điều này, phải mất quá nhiều thời gian để Giáo hội có thể dứt khoát lên án chế độ nô lệ và các hình thức bạo lực khác nhau. Ngày nay, với nền linh đạo và thần học phát triển của chúng ta, chúng ta không có lý do gì để bào chữa. Tuy nhiên, vẫn có những người dường như cảm thấy được khuyến khích hoặc ít nhất được đức tin cho phép ủng hộ hàng loạt các chủ nghĩa duy dân tộc đầy hẹp hòi và bạo lực, bài ngoại và khinh miệt, và thậm chí cả việc ngược đãi những người khác biệt. Đức tin, và chủ nghĩa nhân bản được đức tin truyền cảm hứng, phải duy trì một cảm thức có phê phán khi đứng trước những khuynh hướng này, và đưa ra phản ứng ngay lập tức bất cứ khi nào chúng xuất đầu lộ diện. Vì lý do này, điều quan trọng là việc dạy giáo lý và thuyết giảng phải nói một cách trực tiếp và rõ ràng hơn về ý nghĩa xã hội của hiện sinh, chiều kích huynh đệ của linh đạo, niềm xác tín của chúng ta về phẩm giá bất khả chuyển nhượng của mỗi con người, và các lý do khiến chúng ta yêu thương và chấp nhận mọi anh chị em của mình.

CHƯƠNG BA: DỰ KIẾN VÀ PHÁT SINH MỘT THẾ GIỚI CỞI MỞ

87. Con người được tạo ra theo cách họ không thể sống, phát triển và tìm thấy sự viên mãn ngoại trừ "trong việc tự hiến chân thành cho người khác" [62]. Họ cũng không thể nhận biết đầy đủ về bản thân ngoài cuộc gặp gỡ với người khác: "Tôi chỉ thông đạt hữu hiệu với chính tôi trong chừng mực tôi thông đạt với người khác" [63]. Không ai có thể cảm nghiệm được vẻ đẹp thực sự của đời sống mà không liên hệ với người khác, mà không có khuôn mặt thực sự để yêu thương. Đây là một phần trong mầu nhiệm của hiện sinh nhân bản đích thực. "Sự sống hiện hữu ở nơi có sự gắn bó, có hiệp thông, có tình huynh đệ; và sự sống thì mạnh mẽ hơn sự chết khi nó được xây dựng trên những mối liên hệ thực sự và dây nối kết thủy chung. Ngược lại, sẽ không có sự sống nào khi chúng ta tự cho mình là đủ và sống như những hòn đảo: trong những thái độ này, sự chết chiếm ưu thế" [64].

VƯỢT QUÁ CHÍNH CHÚNG TA

88. Trong thẳm sâu mỗi trái tim, tình yêu tạo ra mối liên kết và mở rộng hiện sinh, vì nó lôi kéo người ta ra khỏi chính mình và hướng tới người khác [65]. Vì chúng ta được tạo ra để yêu thương, nên trong mỗi chúng ta xem ra đều có "luật *ekstasis* [ra khỏi mình]" vận hành: "người yêu 'đi ra ngoài' bản thân để tìm một sự hiện hữu trọn vẹn hơn nơi một người khác" [66]. Vì lý do này, "con người luôn phải đón nhận thách đố vượt quá chính mình" [67].

89. Tôi cũng không thể giản lược cuộc sống tôi vào các mối liên hệ với một nhóm nhỏ, thậm chí với gia đình riêng của mình; tôi không thể biết mình ngoài một mạng lưới liên hệ rộng lớn hơn, bao gồm cả những mối liên hệ có trước và lên khuôn cho cả cuộc đời tôi. Mối liên hệ của tôi với những người tôi tôn trọng phải lưu ý đến sự kiện này là họ không sống chỉ vì tôi, cũng không phải tôi sống chỉ vì họ. Các mối liên hệ của chúng ta, muốn lành mạnh và chân thực, phải cởi mở chúng ta đón nhận những người khác, những người vốn làm chúng ta lớn thêm và làm giàu chúng ta. Ngày nay, cảm thức xã hội cao quý nhất của chúng ta dễ dàng bị giản lược thành số không nhường chỗ cho những dây liên kết vị kỷ chuyên chuộng vẻ bề ngoài của những liên hệ sâu sắc. Ngược lại, tình yêu đích thực và trưởng thành và tình bạn chân chính chỉ có thể bén rễ trong những trái tim sẵn sàng để mình được nên trọn vẹn. Sự kiện kết hôn hay trở thành bạn bè phải mở cõi lòng ta cho những giới khác giúp ta khả năng bước ra khỏi chính mình một cách có thể đón nhận mọi người. Các nhóm khép kín và các cặp vợ chồng chỉ quan tâm đến mình, tức những người thiết lập một "cái chúng tôi" trong thế đối lập với người khác, thường là các hình thức lý tưởng hóa của ích kỷ và chỉ lo bảo tồn mình không hơn không kém.

90. Đáng chú ý là nhiều cộng đồng nhỏ sống trong các vùng sa mạc đã phát triển một hệ thống đáng chú ý chào đón những người hành hương như một việc thực thi nghĩa vụ hiếu khách thánh thiêng. Các cộng đồng đơn tu thời Trung cổ cũng làm như vậy, như chúng ta thấy trong Luật Dòng của Thánh Bênêđictô. Dù thừa nhận rằng điều đó có thể làm sao lãng kỷ luật và sự im lặng của các đan viện, nhưng Thánh Bênêđictô vẫn nhấn mạnh rằng "người nghèo và các khách hành hương phải được đối xử một cách hết sức quan tâm và lưu ý" [68]. Sự hiếu khách là một cách cụ thể chấp nhận thách thức và hiến thân hiện diện trong cuộc gặp gỡ với những người nằm bên ngoài vòng kết nối của chính ta. Các đan sĩ nhận ra rằng các giá trị họ tìm cách trau dồi phải đi kèm với sự sẵn sàng vượt quá bản thân để cởi mở với người khác.

Giá trị độc đáo của tình yêu

91. Người ta có thể phát triển một số thói quen nào đó bề ngoài giống như các giá trị đạo đức: mạnh mẽ, tiết độ, chăm chỉ và các nhân đức tương tự. Tuy nhiên, nếu các hành vi nhân đức luân lý khác nhau phải được điều hướng một cách đúng đắn, thì người ta cần phải lưu ý đến mức độ chúng cổ vũ sự cởi mở và kết hợp với những người khác. Ta có thể làm điều đó trở thành khả hữu nhờ đức ái Thiên Chúa đã phú ban. Không có đức ái, có lẽ chúng ta chỉ có những nhân đức bề ngoài, không có khả năng nâng đỡ cuộc sống chung. Do đó, Thánh Tôma Aquinô đã có thể nói, khi trích dẫn lời của Thánh Augustinô, rằng tính khí của một người tham lam không có cách chi nhân đức cho được [69]. Về phần mình, thánh Bonaventura giải thích rằng các nhân đức khác, nếu không có đức ái, nói đúng ra, là không chu toàn các điều răn "theo cách Thiên Chúa muốn chúng được chu toàn" [70].

92. Tầm vóc tinh thần của đời người được đo bằng tình yêu thương, một thứ tình, trước sau, vẫn là "tiêu chuẩn để xác định dứt khoát về giá trị hay vô giá trị của đời người" [71]. Tuy nhiên, một số tín hữu nghĩ rằng nó hệ ở việc áp đặt ý thức hệ riêng của họ lên mọi người khác, hoặc ở việc bảo vệ sự thật một cách bạo lực, hoặc trong những cuộc biểu dương sức mạnh đầy ấn tượng. Tất cả chúng ta, trong tư cách tín hữu, cần phải nhìn nhận rằng tình yêu chiếm vị trí hàng đầu: tình yêu không bao giờ được đặt vào thế nguy cơ, và nguycơ lớn nhất chính là việc không yêu thương (x. 1Cr 13:1-13).

93. Thánh Tôma Aquinô đã tìm cách mô tả tình yêu mà ơn thánh Thiên Chúa vốn làm cho khả hữu như một chuyển động dẫn chúng ta tập trung chú ý vào một người khác, bằng cách "đồng nhất hóa họ với chính

mình"[72]. Tình cảm của chúng ta dành cho người khác khiến chúng ta tự do khao khát tìm kiếm điều tốt đẹp cho họ một cách nhưng không. Tất cả những điều này bắt nguồn từ cảm thức quý mến, biết đánh giá cao giá trị của người khác. Cuối cùng, đó chính là ý tưởng đứng đằng sau chữ "bác ái": những người được yêu rất"đắt giá" đối với tôi; nghĩa là "họ được định giá rất cao" [73]. Và "tình yêu nhờ đó một người nào đó trở nên đẹp lòng (*grata*) một người khác là lý do tại sao người khác này trao cho họ một thứ gì đó một cách nhưng không (*gratis*)" [74].

94. Vậy thì tình yêu không chỉ là một chuỗi các hành động nhân từ. Những hành động này có nguồn gốc từ sự kết hợp ngày càng hướng tới những người khác, coi họ có giá trị, xứng đáng, đẹp lòng và đẹp đẽ bất chấp dáng vẻ thể lý hay đạo đức của họ. Tình yêu của chúng ta đối với người khác, đối với con người hiện thực của họ, thúc đẩy chúng ta tìm kiếm điều tốt nhất cho cuộc sống của họ. Chỉ bằng cách nuôi dưỡng cách liên hệ với nhau này, chúng ta mới tạo ra một tình bạn xã hội không loại trừ ai và một tình huynh đệ cởi mở chào đón mọi người.

TÌNH YÊU MỖI NGÀY MỖI CỞI MỞ HƠN

95.Tình yêu, sau cùng, thúc đẩy chúng ta tiến tới sự hiệp thông phổ quát. Không ai có thể trưởng thành hoặc tìm thấy sự viên mãn bằng cách tự cô lập mình. Tự bản chất của nó, tình yêu đòi một tính cởi mở ngày một tăng tiến, một khả năng lớn hơn đón nhận người khác, trong cuộc phiêu lưu liên tục, một cuộc phiêu lưu hướng mọi vùng ngoại vi tới một cảm thức thực sự thuộc về nhau. Chúa Giêsu từng nói với chúng ta: "Các con đều là anh em" (*Mt* 23: 8).

96. Nhu cầu phải vượt quá các giới hạn của chính chúng ta cũng áp dụng vào các khu vực và quốc gia khác nhau. Thật vậy, "số lượng ngày càng gia tăng các nối kết qua lại và truyền thông trong thế giới ngày nay khiến chúng ta ý thức mạnh mẽ được tính thống nhất và vận mệnh chung của các quốc gia. Trong năng động tính của lịch sử, và trong sự đa dạng của các nhóm sắc tộc, các xã hội và nền văn hóa, chúng ta thấy những mầm mống của một ơn gọi tạo ra một cộng đồng gồm những anh chị em biết chấp nhận và chăm sóc lẫn nhau" [75].

Các xã hội cởi mở hòa nhập mọi người

97. Một số vùng ngoại vi gần với chúng ta, trong các trung tâm thành phố hoặc trong các gia đình của chúng ta. Do đó, trong tình yêu có tính hiện sinh hơn địa lý, có khía cạnh cởi mở phổ quát. Nó liên quan đến các cố gắng hàng ngày của chúng ta muốn mở rộng vòng nối kết bạn bè, vươn tay ra với những người, dù họ vốn gần gũi với tôi, nhưng tôi không tự nhiên coi họ như một phần trong vòng quan tâm của tôi. Mỗi anh chị em gặp khó khăn, khi bị xã hội nơi tôi đang sống bỏ rơi hoặc phớt lờ, đều trở thành một người ngoại quốc về phương diện hiện sinh, mặc dù cùng sinh ra trong cùng một đất nước. Họ có thể là công dân với đầy đủ quyền lợi, nhưng họ bị đối xử như người nước ngoài trong chính đất nước của họ. Phân biệt chủng tộc là một loại virút biến đổi (mutate) nhanh chóng và thay vì biến mất, chỉ ẩn núp và chờ đợi tái xuất.

98. Tôi muốn đề cập đến một số "người lưu vong giấu mặt" bị coi như những bộ phận ngoại nhân trong xã hội [76]. Nhiều người khuyết tật "cảm thấy họ hiện hữu mà không thuộc về ai và không tham gia vào đâu cả". Phần lớn vẫn ngăn cản họ quyền được bỏ phiếu hoàn toàn. Mối quan tâm của chúng ta không phải chỉ chăm sóc họ mà còn bảo đảm để họ "tham gia tích cực vào cộng đồng dân sự và giáo hội. Đó là một diễn trình đòi hỏi và thậm chí gây mệt mỏi, nhưng là một diễn trình sẽ dần dần góp phần đào tạo lương tâm biết thừa nhận mỗi cá nhân như một con người độc đáo và không thể lặp lại". Tôi cũng nghĩ tới "những người già, những người cũng do khuyết tật của họ, đôi khi bị coi như gánh nặng". Tuy nhiên, mỗi người trong số họ có thể cống hiến "một đóng góp độc đáo cho lợi ích chung qua những câu chuyện đáng chú ý về cuộc sống của họ". Tôi xin nhắc lại: chúng ta cần có "can đảm để đem lại tiếng nói cho những người bị kỳ thị do sự khuyết tật của họ, bởi vì đáng buồn thay, ở một số quốc gia, ngay cả lúc này, người ta khó thừa nhận họ là những người có phẩm giá bình đẳng" [77].

Những hiểu biết bất cập về tình yêu phổ quát

99. Một tình yêu có khả năng vượt quá biên giới là cơ sở cho điều mà ở mọi thành phố và quốc gia có thể gọi là "tình bạn xã hội". Tình bạn xã hội chân chính trong một xã hội làm cho sự cởi mở phổ quát thực sự trở nên khả

hữu. Điều này rất khác xa với chủ nghĩa phổ quát sai lầm của những người thường xuyên đi du lịch nước ngoài vì họ không thể bao dung hoặc yêu thương người dân của chính họ. Những người coi thường đồng bào mình có xu hướng tạo ra trong xã hội những hạng người hạng nhất và hạng hai, những người có phẩm giá cao hơn hoặc kém hơn, những người được hưởng nhiều quyền hơn hoặc ít hơn. Bằng cách này, họ phủ nhận việc có chỗ dành cho mọi người.

100. Chắc chắn, tôi không đề nghị một chủ nghĩa phổ quát độc đoán và trừu tượng, được nghĩ ra hoặc lên kế hoạch bởi một nhóm nhỏ và được trình bày như một lý tưởng nhằm mục đích san bằng, thống trị và cướp bóc. Thực thế, một mô hình hoàn cầu hóa "ý thức nhằm đạt tới sự độc dạng chỉ có một chiều và tìm cách xóa bỏ mọi khác biệt và truyền thống trong một cuộc mưu cầu thống nhất phiến diện… Nếu một loại hoàn cầu hóa nào đó có cao vọng san bằng mọi người, như thể đây là một trái cầu, thì thứ hoàn cầu hóa ấy sẽ phá hủy sự phong phú cũng như tính đặc thù của mỗi con người và mỗi dân tộc" [78]. Chủ nghĩa phổ quát sai lầm này kết cục tước đoạt của thế giới các màu sắc khác nhau, vẻ đẹp của nó và, cuối cùng, nhân tính của nó. Vì "tương lai không đơn sắc; nếu chúng ta can đảm, chúng ta có thể chiêm ngắm nó trong tất cả vẻ khác nhau và đa dạng của những gì mỗi cá nhân có dịp cung hiến. Gia đình nhân loại của chúng ta cần học hỏi xiết bao cách chung sống hòa thuận và bình an, nhưng không cần tất cả chúng ta đều giống y như nhau!" [79].

VƯỢT QUÁ MỘT THẾ GIỚI "NHỮNG KẺ ĐỒNG HỘI"

101. Bây giờ chúng ta hãy quay lại với dụ ngôn Người Samaritanô nhân hậu, vì nó vẫn còn nhiều điều để nói với chúng ta. Một người đàn ông bị thương nằm bên vệ đường. Những người đi ngang qua ông không để ý đến lời hiệu triệu bên trong phải hành động như những người hàng xóm; họ quan tâm đến các nghĩa vụ, địa vị xã hội, vị thế nghề nghiệp của họ trong xã hội. Họ coi mình là người quan trọng đối với xã hội đương thời, và lo lắng đóng vai trò thích hợp của mình. Người đàn ông bên vệ đường, bầm dập và bị bỏ rơi, là một sự sao lãng, một sự gián đoạn đối với tất cả những điều đó; dù sao, ông ta đâu có quan trọng gì. Ông ta "không là ai cả", không có gì đáng kể, không liên quan đến kế hoạch của họ cho tương lai. Người Samaritanô nhân hậu vượt quá những phân loại hạn hẹp ấy. Bản thân ông không phù hợp với bất cứ loại người nào trong số đó; ông chỉ đơn giản là một người nước ngoài không có chỗ đứng trong xã hội. Thoát khỏi mọi nhãn hiệu và địa vị, ông có thể gián đoạn cuộc hành trình của mình, thay đổi kế hoạch của mình và bất ngờ đến cứu một người bị thương cần ông giúp đỡ.

102. Ngày nay, phản ứng đối với câu chuyện y hệt như thế, trong một thế giới liên tục chứng kiến sự xuất hiện và phát triển của những nhóm xã hội bám riết vào một danh tính ngăn cách họ với những người khác, sẽ như thế nào? Nó sẽ ảnh hưởng như thế nào đến những người tự tổ chức mình nhằm ngăn chặn bất cứ sự hiện diện nào của người nước ngoài, một sự hiện diện có thể đe dọa danh tính và các cơ cấu khép kín và tự quy chiếu của họ? Ở đó, ngay cả khả thể hoạt động như một người hàng xóm cũng bị loại trừ; người ta chỉ là láng giềng với những người phục vụ mục đích của họ. Chữ "hàng xóm" mất hết mọi ý nghĩa; chỉ còn những "người đồng hội đồng thuyền" (associates), những đối tác theo đuổi những quyền lợi riêng [80].

Tự do, bình đẳng và huynh đệ

103. Tình huynh đệ phát sinh không những từ một bầu khí tôn trọng các quyền tự do cá nhân, hoặc thậm chí từ một chính sách bình đẳng nào đó được chính phủ bảo đảm. Tình huynh đệ nhất thiết kêu gọi một điều gì đó lớn lao hơn, một điều, ngược lại, nâng cao tự do và bình đẳng. Điều gì xảy ra khi tình huynh đệ không được vun đắp một cách có ý thức, khi thiếu ý chí chính trị cổ vũ nó qua việc giáo dục tình huynh đệ, qua đối thoại và qua việc công nhận các giá trị của tính hỗ tương và làm giàu lẫn nhau? Lúc đó, tự do sẽ yếu đi, do đó, càng trở thành một điều kiện để sống cô lập, hoàn toàn độc lập trong việc thuộc về ai hay thuộc về điều gì, hoặc chỉ đơn giản là chiếm hữu hoặc thụ hưởng. Điều này vẫn không hề làm khô cạn sự phong phú của tự do, một tự do trước hết vốn hướng chúng ta tới tình yêu.

104. Bình đẳng cũng không đạt được bằng một tuyên ngôn trừu tượng cho rằng "tất cả mọi người nam và nữ đều bình đẳng". Thay vào đó, nó là kết quả của sự vun đắp tình huynh đệ một cách có ý thức và thận trọng. Những người chỉ có khả năng làm "người đồng hội đồng thuyền" tạo ra các thế giới khép kín. Trong khuôn khổ đó, đâu là nơi dành cho những người không thuộc nhóm đồng hội đồng thuyền của mình, nhưng vẫn mong muốn một

cuộc sống tốt hơn cho bản thân và gia đình của họ?

105. Chủ nghĩa cá nhân không làm chúng ta tự do hơn, bình đẳng hơn, huynh đệ hơn. Nguyên tổng số các quyền lợi cá nhân mà thôi không có khả năng tạo ra một thế giới tốt đẹp hơn cho toàn thể gia đình nhân loại. Nó cũng không thể cứu chúng ta khỏi nhiều tệ nạn đang ngày càng được hoàn cầu hóa. Chủ nghĩa cá nhân triệt để là một thứ vi rút cực kỳ khó tận diệt, vì nó rất khôn khéo. Nó khiến chúng ta tin rằng mọi sự hệ ở việc để thả lỏng mọi tham vọng riêng của mình, như thể hễ cứ theo đuổi những tham vọng lớn hơn bao giờ hết và tạo ra các mạng lưới an toàn, là chúng ta sẽ phục vụ lợi ích chung cách nào đó.

MỘT TÌNH YÊU PHỔ QUÁT NHẰM CỔ VŨ CON NGƯỜI

106. Tình bạn xã hội và tình huynh đệ phổ quát nhất thiết kêu gọi sự thừa nhận giá trị của mỗi con người nhân bản, luôn luôn và ở mọi nơi. Nếu mỗi cá nhân đều có giá trị lớn lao như vậy, thì cần phải tuyên bố rõ ràng và chắc chắn rằng "nguyên sự kiện một số người sinh ra ở những nơi có ít tài nguyên hơn hoặc kém phát triển hơn không biện minh cho sự kiện này là họ phải sống với một phẩm giá kém hơn" [81]. Đây là một nguyên tắc căn bản của đời sống xã hội, một đời sống có xu hướng bị làm ngơ nhiều cách khác nhau bởi những người cảm thấy rằng nó không phù hợp với thế giới quan của họ hoặc phục vụ các mục đích của họ.

107. Mọi hữu thể nhân bản đều có quyền được sống xứng đáng và được phát triển toàn diện; quyền căn bản này không thể bị bác bỏ bởi bất cứ quốc gia nào. Mọi người có quyền này ngay cả khi họ không sản xuất được chi, hoặc được sinh ra với hoặc phát triển nhiều hạn chế. Điều này không làm giảm phẩm giá tuyệt vời của họ như những con người nhân bản, một phẩm giá không dựa trên hoàn cảnh mà dựa trên giá trị nội tại của con người họ. Trừ khi nguyên tắc căn bản này được đề cao, sẽ không có tương lai cho tình huynh đệ hay cho sự tồn vong của nhân loại.

108. Một số xã hội chấp nhận một phần nguyên tắc trên. Họ đồng ý rằng các cơ hội nên dành cho mọi người, nhưng sau đó lại nói rằng mọi sự tùy thuộc cá nhân. Theo quan điểm lệch lạc này, "tạo dễ dàng cho việc đầu tư các nỗ lực vào việc giúp đỡ những người chậm chạp, yếu kém hoặc kém tài năng để họ tìm được cơ hội trong cuộc sống" là điều vô nghĩa[82]. Các khoản đầu tư hỗ trợ những người dễ bị tổn thương có thể không có lợi; chúng có thể làm cho mọi sự kém hiệu năng đi. Không. Điều thực sự cần thiết là các nhà nước và định chế dân sự, đang hiện diện và hoạt động, phải có tầm nhìn quá bên kia sự vận hành tự do và có hiệu năng của một số hệ thống kinh tế, chính trị hoặc ý thức hệ nào đó, và chủ yếu quan tâm đến các cá nhân và lợi ích chung.

109. Một số người sinh ra trong các gia đình ổn định về kinh tế, nhờ thế, nhận được nền giáo dục tốt, lớn lên được nuôi dưỡng tốt hoặc tự nhiên đã có những tài năng tuyệt vời. Họ chắc chắn sẽ không cần đến một nhà nước chủ động; họ chỉ cần đòi hỏi tự do của họ. Tuy nhiên, cùng một quy tắc y hệt rõ ràng không được áp dụng cho người khuyết tật, người sinh ra trong hoàn cảnh nghèo khó, những người không được giáo dục tốt và ít được tiếp cận với dịch vụ chăm sóc sức khỏe thỏa đáng. Nếu một xã hội được điều hành chủ yếu bởi các tiêu chuẩn tự do và hiệu năng của thị trường, thì sẽ không có chỗ cho những người như vậy, và tình huynh đệ sẽ mãi mãi chỉ là một lý tưởng mơ hồ khác nữa mà thôi.

110. Thật vậy, "đòi hỏi tự do kinh tế trong khi các điều kiện thực tế ngăn cản nhiều người thực sự tiếp cận được với nó, và trong khi các khả thể có việc làm tiếp tục bị thu hẹp, là thực hành kiểu nói nước đôi" [83]. Những chữ như tự do, dân chủ hay tình huynh đệ tỏ ra vô nghĩa, vì sự thực là "chỉ khi nào hệ thống kinh tế và xã hội của chúng ta không còn tạo ra dù chỉ một nạn nhân, một người duy nhất bị gạt sang một bên, thì chúng ta mới có thể cử hành lễ hội tình huynh đệ phổ quát" [84]. Một xã hội thực sự nhân bản và huynh đệ sẽ có khả năng bảo đảm một cách hữu hiệu và ổn định để mỗi thành viên của nó được đồng hành trong mọi giai đoạn của cuộc sống. Không chỉ bằng cách chu cấp cho các nhu cầu căn bản của họ, mà còn bằng cách giúp họ có khả năng cống hiến điều tốt nhất của họ, mặc dù hiệu suất của họ có thể không ở mức tối ưu, nhịp độ của họ chậm hoặc hiệu năng của họ có giới hạn.

111. Con người nhân bản, với các quyền bất khả chuyển nhượng của họ, tự bản chất, vốn cởi mở đón nhận liên hệ. Cấy sâu trong chúng ta là lời kêu gọi vượt quá chính mình qua cuộc gặp gỡ với người khác. Vì lý do này,

“cần phải thận trọng để không rơi vào một số sai sót có thể phát sinh từ việc hiểu lầm khái niệm nhân quyền và việc sử dụng nó một cách sai lầm. Ngày nay có xu hướng đòi các quyền lợi cá nhân - tôi muốn nói các quyền lợi cá nhân chủ nghĩa- ngày càng rộng rãi hơn. Bên dưới điều này là một quan niệm về con người nhân bản tách rời khỏi mọi bối cảnh xã hội và nhân học, như thể con người là một “đơn tử” (monás), ngày càng không liên quan đến người khác… Trừ khi các quyền của mỗi cá nhân được sắp xếp một cách hài hòa cho một lợi ích cao cả hơn, những quyền đó kết cục sẽ được coi là vô giới hạn và do đó sẽ trở thành nguồn gốc của xung đột và bạo động” [85].

CỔ VŨ THIỆN ÍCH ĐẠO ĐỨC

112. Chúng ta cũng không thể không đề cập đến sự kiện việc tìm kiếm và theo đuổi sự thiện của người khác và của toàn thể gia đình nhân loại cũng ngụ ý giúp các cá nhân và xã hội trưởng thành trong các giá trị đạo đức nhằm thúc đẩy sự phát triển con người toàn diện. Tân Ước mô tả một hoa trái của Chúa Thánh Thần (xem Gl 5:22) là *agathosyne*; chữ tiếng Hy Lạp này phát biểu sự gắn bó với điều tốt, theo đuổi điều tốt. Hơn thế nữa, nó còn gợi lên ý phấn đấu đạt sự tuyệt hảo và những gì tốt nhất cho người khác, sự tăng tiến trưởng thành và sức khỏe của họ, sự trau dồi các giá trị chứ không phải chỉ là phúc lợi vật chất. Một biểu thức tương tự cũng tồn tại trong tiếng Latinh: *benevolentia* (nhân từ). Đây là thái độ “mong muốn điều tốt” cho người khác; nó nói lên một khao khát hướng tới sự tốt lành, một khuynh hướng hướng tới tất cả những gì tốt đẹp và tuyệt hảo, một mong muốn làm đầy cuộc sống của người khác bằng những gì đẹp đẽ, cao siêu và xây dựng.

113. Ở đây, thật đáng tiếc, tôi cảm thấy phải nhắc lại rằng “chúng ta đã có đủ sự vô luân và nhạo báng đạo đức, lòng tốt, đức tin và sự trung thực. Đã đến lúc phải thừa nhận rằng sự hời hợt nhẹ dạ đã không hề đem lại cho chúng ta một điều tốt nào. Một khi nền tảng của đời sống xã hội bị xói mòn, điều xảy ra sau đó là những cuộc đấu tranh giành những quyền lợi xung khắc nhau” [86]. Chúng ta hãy quay lại với việc cổ vũ những điều tốt đẹp, cho chúng ta và cho cả gia đình nhân loại, và do đó cùng nhau tiến tới một sự phát triển chân chính và toàn diện. Mọi xã hội cần bảo đảm để các giá trị được lưu truyền; nếu không, những gì được lưu truyền chỉ là ích kỷ, bạo lực, tham nhũng dưới nhiều hình thức khác nhau, sự thờ ơ và cuối cùng là một cuộc sống khép kín đối với siêu việt và cố thủ trong các quyền lợi cá nhân.

Giá trị liên đới

114. Tôi muốn đặc biệt đề cập đến tình liên đới, là điều “như một nhân đức đạo đức và một thái độ xã hội phát sinh từ sự hoán cải bản thân, kêu gọi sự cam kết của những người có trách nhiệm giáo dục và đào tạo. Tôi nghĩ đầu tiên đến các gia đình, được kêu gọi đảm nhiệm sứ mệnh giáo dục chính yếu và quan trọng. Gia đình là nơi đầu tiên mà các giá trị tình yêu và tình anh em, tình đoàn kết và cùng nhau chia sẻ, quan tâm và chăm sóc người khác được đem ra sống và lưu truyền. Gia đình cũng là môi trường ưu tuyển để truyền dạy dạy đức tin, bắt đầu bằng những cử chỉ sùng kính đơn giản đầu tiên mà các bà mẹ từng dùng để dạy dỗ con cái họ. Các thầy cô, những người có nhiệm vụ đầy thách thức là đào tạo trẻ em và thanh thiếu niên trong các trường học hoặc các môi trường khác, nên ý thức rằng trách nhiệm của họ cũng trải dài đến các khía cạnh đạo đức, tinh thần và xã hội của cuộc sống. Các giá trị tự do, tôn trọng lẫn nhau và liên đới có thể được lưu truyền từ khi còn nhỏ… Người truyền thông cũng có trách nhiệm giáo dục và đào tạo, nhất là ngày nay, khi các phương tiện thông tin và truyền thông hết sức phổ biến” [87].

115. Vào lúc mà mọi sự dường như tan rã và mất đi tính nhất quán, chúng ta nên kêu gọi tính “vững chắc” [88] phát sinh từ ý thức rằng chúng ta chịu trách nhiệm về sự mỏng manh của người khác khi chúng ta cố gắng xây dựng một tương lai chung. Tình liên đới tự phát biểu một cách cụ thể qua việc phục vụ, một việc có thể có nhiều hình thức khác nhau trong cố gắng chăm sóc người khác. Và phục vụ phần lớn có nghĩa là “quan tâm đến tình trạng dễ bị tổn thương, đến những thành viên dễ bị tổn thương trong gia đình, xã hội, nhân dân chúng ta”. Khi phục vụ như vậy, các cá nhân học cách “gạt bỏ những mong muốn và ước muốn của riêng họ, việc theo đuổi quyền lực của họ, trước cái nhìn cụ thể của những người dễ bị tổn thương nhất… Phục vụ luôn nhìn vào khuôn mặt của họ, đụng đến da thịt của họ, cảm nhận sự gần gũi của họ và thậm chí, trong một số trường hợp, phải 'chịu đựng' sự gần gũi đó và cố gắng giúp đỡ họ. Phục vụ không bao giờ có tính ý thức hệ, vì chúng ta không

phục vụ các ý tưởng, chúng ta phục vụ những con người ” [89].

116. Người nghèo nói chung “thực hành tình liên đới đặc biệt có nơi người nghèo khó và đau khổ, và là điều mà nền văn minh của chúng ta dường như đã quên hoặc thực tế thích quên đi hơn. Tình liên đới là một hạn từ không phải lúc nào cũng được đón nhận; trong một số tình huống nào đó, nó đã trở nên một hạn từ thô bỉ, một hạn từ không dám nói ra. Tình liên đới có nghĩa hơn là tham gia vào các hành vi quảng đại lẻ tẻ. Nó có nghĩa là suy nghĩ và hành động theo hướng cộng đồng. Nó có nghĩa là cuộc sống của mọi người có trước việc chiếm đoạt của cải của một số ít người. Nó cũng có nghĩa là chống lại các nguyên nhân cơ cấu của nghèo đói, bất bình đẳng, thiếu việc làm, đất đai và nhà ở, bác bỏ các quyền lao động và xã hội. Nó có nghĩa là đương đầu với những hậu quả hủy diệt của đế quốc tiền bạc… Liên đới, hiểu theo nghĩa sâu xa nhất của nó, là một cách tạo lịch sử, và đó là điều các phong trào bình dân đang thực hiện” [90].

117. Khi chúng ta nói đến việc cần thiết phải chăm sóc ngôi nhà chung của chúng ta, tức hành tinh của chúng ta, chúng ta kêu gọi tia lửa ý thức phổ quát và mối quan tâm lẫn nhau đó, những điều vẫn có thể còn đang hiện hữu trong trái tim người ta. Những ai được hưởng lượng nước dư thừa nhưng chọn bảo tồn nó vì lợi ích của đại gia đình nhân loại lớn hơn quả đã đạt được tầm vóc đạo đức giúp họ nhìn xa hơn bản thân họ và nhóm mà họ thuộc về. Thật nhân bản một cách kỳ diệu xiết bao! Cũng cần cùng một thái độ như thế nếu chúng ta muốn công nhận các quyền lợi của mọi người, ngay cả những người sinh ra ở bên ngoài biên giới của chúng ta.

TÁI DỰ KIẾN VAI TRÒ XÃ HỘI CỦA SỞ HỮU

118. Thế giới hiện hữu vì mọi người, bởi vì tất cả chúng ta sinh ra đều có cùng một phẩm giá. Các khác biệt về màu da, tôn giáo, tài năng, nơi sinh hoặc nơi cư trú, và nhiều điều khác, không thể được dùng để biện minh cho các đặc quyền của một số người trên quyền lợi của mọi người. Là một cộng đồng, chúng ta có nghĩa vụ bảo đảm để mọi người sống đúng phẩm giá và có đủ cơ hội để phát triển toàn diện.

119. Trong những thế kỷ Kitô giáo đầu tiên, một số nhà tư tưởng đã khai triển một viễn kiến phổ quát trong các suy tư của họ về đích đến chung của hàng hóa được tạo ra [91]. Điều này khiến họ nhận ra rằng nếu một người thiếu những gì cần thiết để sống đúng phẩm giá, thì đó là bởi vì một người khác đã chiếm giữ nó. Thánh Gioan Chrysostom tóm tắt điều đó như sau: “Không chia sẻ sự giàu có của chúng ta với người nghèo là cướp đi sinh kế của họ. Của cải chúng ta sở hữu không phải của riêng chúng ta mà là của cả họ nữa” [92]. Theo lời của Thánh Grêgôriô Cả, “Khi chúng ta cung cấp những nhu cầu căn bản cho người nghèo, chúng ta đang cho họ những gì thuộc về họ, chứ không thuộc chúng ta” [93].

120. Một lần nữa, tôi muốn nhắc lại câu nói của Thánh Gioan Phaolô II mà sức mạnh của nó có lẽ chưa được công nhận đầy đủ: “Thiên Chúa đã ban trái đất cho toàn thể loài người để nuôi sống mọi thành viên của nó, không loại trừ hay ưu ái bất cứ ai” [94]. Về phần mình, tôi nhận xét rằng “truyền thống Kitô giáo chưa bao giờ công nhận quyền tư hữu là tuyệt đối hoặc bất khả xâm phạm, và đã nhấn mạnh đến mục đích xã hội của mọi hình thức tư hữu” [95]. Nguyên tắc sử dụng chung các hàng hóa được tạo ra là “nguyên tắc đầu tiên của toàn bộ trật tự xã hội và đạo đức” [96]; nó là một quyền tự nhiên và cố hữu, có ưu tiên hơn những quyền khác [97]. Mọi quyền lợi khác liên quan đến hàng hóa cần thiết cho sự viên mãn toàn diện của con người, bao gồm quyền tư hữu hoặc bất cứ loại sở hữu nào khác, - theo lời Thánh Phaolô VI - “không nên cản trở [quyền này], nhưng nên tích cực tạo điều kiện để thực hiện nó ” [98]. Quyền tư hữu chỉ có thể được coi là một quyền tự nhiên đệ nhị đẳng, xuất phát từ nguyên tắc đích đến phổ quát của hàng hoá được tạo ra. Điều này có những hậu quả cụ thể cần phải được phản ảnh trong hoạt động của xã hội. Tuy nhiên, thường xảy ra việc các quyền đệ nhị đẳng di dời các quyền đệ nhất đẳng và vượt qua các quyền này, trên thực tế biến chúng thành bất liên quan.

Các quyền không có biên giới

121. Vì vậy, không ai có thể mãi bị loại trừ vì nơi sinh của họ, càng không bị loại trừ vì những đặc ân mà những người sinh ra ở những vùng đất có nhiều cơ hội hơn được hưởng. Các giới hạn và biên giới của các quốc gia cá thể không thể cản trở điều này. Không thể chấp nhận được việc một số người ít có quyền hơn vì là phụ nữ thế

nào, thì cũng không thể chấp nhận được việc nơi sinh hoặc nơi cư trú của một người sẽ khiến họ ít có cơ hội hơn để có một cuộc sống phát triển và đàng hoàng như vậy.

122. Phát triển không được nhằm việc thu tích của cải cho một số ít người, mà phải bảo đảm "các nhân quyền – quyền cá nhân và quyền xã hội, quyền kinh tế và quyền chính trị, kể cả các quyền của các quốc gia và dân tộc" [99]. Quyền của một số người được tự do doanh nghiệp hoặc tự do thị trường không thể thay thế quyền của các dân tộc và phẩm giá của người nghèo, hoặc, cũng trong vấn đề này, việc tôn trọng môi trường tự nhiên, vì "nếu chúng ta tự làm ra được thứ gì đó, thì chỉ là để quản lý nó vì thiện ích của mọi người " [100].

123. Hoạt động kinh doanh, trong yếu tính, là "một ơn gọi cao quý, hướng đến việc sản xuất ra của cải và cải thiện thế giới của chúng ta" [101]. Thiên Chúa khuyến khích chúng ta phát triển các tài năng Người đã ban cho chúng ta, và Người đã biến vũ trụ của chúng ta thành một vũ trụ có tiềm năng mênh mông. Trong kế hoạch của Thiên Chúa, mỗi cá nhân được kêu gọi cổ vũ sự phát triển của chính họ [102], và điều này bao gồm việc tìm ra các phương tiện kinh tế và kỹ thuật tốt nhất để nhân thừa của cải và gia tăng thịnh vượng. Các khả năng kinh doanh, vốn là hồng phúc của Thiên Chúa, nên luôn được điều hướng rõ ràng vào việc phát triển người khác và xóa bỏ nghèo đói, đặc biệt là qua việc tạo ra các cơ hội việc làm đa dạng. Quyền tư hữu luôn đi kèm với nguyên tắc đệ nhất đẳng và đi trước là bắt mọi tư hữu tùy thuộc việc phân phối phổ quát các của cải của trái đất, và do đó quyền của mọi người được sử dụng chúng [103].

Quyền của các dân tộc

124. Ngày nay, niềm tin vững chắc vào đích đến chung của của cải trên trái đất đòi hỏi nguyên tắc này cũng phải được áp dụng cho các quốc gia, vùng lãnh thổ và các tài nguyên của họ. Nhìn từ quan điểm không những về tính hợp pháp của quyền tư hữu và quyền của các công dân mà còn về nguyên tắc đầu tiên về đích đến chung của của cải, thì chúng ta có thể nói rằng mỗi quốc gia cũng thuộc về người nước ngoài, do đó, không được từ khước của cải của lãnh thổ đối với một người túng thiếu phát xuất từ một lãnh thổ khác. Như các Giám mục Hoa Kỳ đã dạy, có những quyền căn bản "đi trước bất cứ xã hội nào vì chúng xuất phát từ phẩm giá được ban cho mỗi người vốn được Thiên Chúa tạo dựng nên" [104].

125. Điều này giả định một lối hiểu khác về các mối liên hệ và trao đổi giữa các quốc gia. Nếu mỗi con người đều sở hữu một phẩm giá bất khả chuyển nhượng, nếu mọi người đều là anh chị em của tôi, và nếu thế giới thực sự thuộc về mọi người, thì đâu có quan hệ bao nhiêu khi người hàng xóm của tôi sinh ra ở nước tôi hay ở nơi khác. Đất nước tôi cũng chia sẻ trách nhiệm đối với sự phát triển của họ, mặc dù nó có thể chu toàn trách nhiệm đó theo nhiều cách khác nhau. Nó có thể cung ứng sự chào đón quảng đại cho những người có nhu cầu cấp thiết, hoặc nỗ lực cải thiện điều kiện sống ở quê hương của họ bằng cách từ chối khai thác các quốc gia đó hoặc tiêu hao các tài nguyên thiên nhiên của họ, ủng hộ các hệ thống thối nát vốn cản trở sự phát triển xứng đáng của dân tộc họ. Điều áp dụng cho các quốc gia cũng áp dụng cho các khu vực khác nhau trong mỗi quốc gia, vì thường có sự bất bình đẳng quá lớn. Đôi khi, việc không thể thừa nhận phẩm giá bình đẳng của con người dẫn các khu vực phát triển hơn ở một số quốc gia nghĩ rằng họ có thể loại bỏ "những gánh nặng chết người" của các khu vực nghèo hơn và do đó gia tăng mức tiêu thụ của họ.

126. Chúng ta thực sự đang nói tới một mạng lưới tương quan quốc tế mới, vì không có cách nào để giải quyết các vấn đề nghiêm trọng của thế giới nếu chúng ta tiếp tục chỉ nghĩ theo sự tương trợ giữa các cá nhân hoặc các nhóm nhỏ. Chúng ta cũng không nên quên rằng "sự không công bằng không những ảnh hưởng đến các cá nhân mà còn toàn bộ các quốc gia; nó buộc chúng ta xem xét một nền đạo đức tương quan quốc tế " [105]. Thật vậy, công lý đòi hỏi phải công nhận và tôn trọng không những các quyền của cá nhân, mà còn cả các quyền xã hội và quyền của các dân tộc [106]. Điều này có nghĩa phải tìm ra cách để bảo đảm "quyền căn bản của các dân tộc được sống còn và tiến bộ" [107], một quyền đôi khi bị hạn chế nghiêm trọng bởi áp lực do nợ nước ngoài tạo ra. Trong nhiều trường hợp, việc trả nợ không những không cổ vũ sự phát triển mà còn hạn chế và buộc điều kiện cho nó một cách nghiêm trọng. Mặc dù tôn trọng nguyên tắc mọi khoản nợ nhận được một cách hợp pháp phải được hoàn trả, nhưng cách thức trong đó nhiều nước nghèo chu toàn nghĩa vụ này không nên kết cục bằng việc xâm hại đến sự tồn vong và phát triển của họ.

127. Chắc chắn, tất cả những điều này đòi hỏi một cách suy nghĩ khác. Nếu không cố gắng đi vào lối suy nghĩ này, những gì tôi đang nói ở đây sẽ nghe có vẻ không thực tiễn. Mặt khác, nếu chúng ta chấp nhận nguyên tắc lớn này là có những quyền phát sinh từ nhân phẩm bất khả chuyển nhượng của chúng ta, thì chúng ta có thể đương đầu với thách thức dự kiến một nhân loại mới. Chúng ta có thể khát mong một thế giới biết cung cấp đất đai, nhà ở và công việc cho mọi người. Đây là con đường hòa bình chân thực, không phải là chiến lược vô nghĩa và thiển cận gieo rắc sợ hãi và ngờ vực khi đối diện với các mối đe dọa từ bên ngoài. Vì một nền hòa bình chân thực và lâu bền chỉ khả hữu "trên cơ sở nền đạo đức hoàn cầu chuyên dạy tình liên đới và sự hợp tác nhằm phục vụ một tương lai được lên khuôn bởi sự liên lập và trách nhiệm chung nơi toàn thể gia đình nhân loại" [108].

CHƯƠNG BỐN: TRÁI TIM MỞ RA TOÀN THẾ GIỚI

128. Nếu xác tín cho rằng tất cả loài người là anh chị em không chỉ là một ý tưởng trừu tượng nhưng tìm được hiện thân cụ thể, thì nhiều vấn đề liên quan xuất hiện, buộc chúng ta phải nhìn sự việc dưới một ánh sáng mới và khai triển ra các đáp ứng mới.

CÁC BIÊN GIỚI VÀ CÁC GIỚI HẠN CỦA CHÚNG

129. Những thách thức phức tạp nảy sinh khi người hàng xóm của chúng ta tình cờ là một di dân [109]. Lý tưởng là tránh được việc di dân không cần thiết; điều này đòi hỏi phải tạo ra nơi các nước gốc những điều kiện cần thiết cho một cuộc sống xứng đáng và một cuộc phát triển toàn diện. Tuy nhiên, cho đến khi mục tiêu này đạt được các tiến bộ đáng kể, chúng ta có nghĩa vụ tôn trọng quyền của mọi cá nhân tìm được một nơi có khả năng đáp ứng các nhu cầu căn bản của họ và của gia đình họ, và là nơi họ có thể tìm thấy sự viên mãn bản thân. Phản ứng của chúng ta đối với việc các di dân đến với chúng ta có thể được tóm tắt trong bốn chữ sau đây: chào đón, bảo vệ, phát huy và hòa nhập. Vì "đây không phải là trường hợp thực hiện các chương trình phúc lợi từ trên xuống, mà đúng hơn, là cùng đảm nhiệm một hành trình với nhau, qua bốn hành động này, để xây dựng các thành phố và quốc gia, những thực thể, trong khi bảo tồn bản sắc văn hóa và tôn giáo tương ứng của họ, cởi mở đối với các khác biệt và biết cách phát huy chúng trong tinh thần huynh đệ nhân bản" [110].

130. Điều này hàm ngụ việc thực hiện một số biện pháp không thể thiếu, đặc biệt là để đáp ứng những người đang chạy trốn các cuộc khủng hoảng nhân đạo nghiêm trọng. Chúng ta có thể đưa ra một số điển hình: gia tăng và đơn giản hóa việc cấp thị thực xuất nhập cảnh; chuẩn nhận các chương trình tài trợ cá nhân và cộng đồng; mở các hành lang nhân đạo cho những người tị nạn dễ bị tổn thương nhất; cung cấp nhà ở phù hợp và xứng đáng; đảm bảo an ninh cá nhân và tiếp cận các dịch vụ căn bản; bảo đảm sự trợ giúp thỏa đáng về lãnh sự và quyền được lưu giữ các giấy tờ tùy thân; tiếp cận công bằng với hệ thống tư pháp; khả thể mở tài khoản ngân hàng và bảo đảm mức tối thiểu cần thiết để sinh tồn; tự do đi lại và khả thể có việc làm; bảo vệ trẻ vị thành niên và bảo đảm để họ được tiếp cận giáo dục thường xuyên; cung cấp các chương trình giám hộ tạm tời hoặc tạm trú; bảo đảm tự do tôn giáo; cổ vũ việc hội nhập vào xã hội; hỗ trợ việc đoàn tụ gia đình; và chuẩn bị cho các cộng đồng địa phương cho diễn trình hội nhập [111].

131. Đối với những người không phải là người mới đến và đã tham gia vào cơ cấu xã hội, điều quan trọng là phải áp dụng khái niệm "quyền công dân", một khái niệm vốn "dựa trên sự bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, theo đó mọi người đều được hưởng công lý. Do đó, điều quan trọng là phải thiết lập trong các xã hội của chúng ta khái niệm về quyền công dân đầy đủ và bác bỏ việc sử dụng có tính kỳ thị thuật ngữ các nhóm thiểu số, vốn gây ra cảm giác cô lập và tự ti. Việc lạm dụng nó mở đường cho sự thù nghịch và bất hòa; nó hủy hoại bất cứ thành công nào và lấy đi các quyền tôn giáo và dân sự của một số công dân, những người do đó bị phân biệt đối xử" [112].

132. Ngay cả khi họ thực hiện các biện pháp thiết yếu như thế, các quốc gia không thể tự mình thực hiện các giải pháp thích hợp, "vì các hậu quả của các quyết định của mỗi quốc gia chắc chắn sẽ gây ra hậu quả đối với toàn bộ cộng đồng quốc tế". Kết quả là, "đáp ứng của chúng ta chỉ có thể là kết quả của một cố gắng chung" [113] nhằm khai triển một hình thức quản trị hoàn cầu liên quan đến các phong trào di dân. Vì vậy, "cần có việc lên kế hoạch trung hạn và dài hạn không giới hạn vào các đáp ứng khẩn cấp mà thôi. Việc lập kế hoạch như thế cần bao gồm

việc hỗ trợ hữu hiệu để hội nhập các di dân vào các nước tiếp nhận họ, trong khi cũng cổ vũ việc phát triển các quốc gia gốc của họ qua các chính sách lấy cảm hứng từ tình liên đới, chứ không liên kết việc hỗ trợ vào các chiến lược và thực hành ý thức hệ xa lạ hoặc trái ngược với nền văn hóa của các dân tộc được hỗ trợ ” [114].

NHỮNG ƠN PHÚC QUA LẠI

133. Việc những người khác biệt, đến từ những lối sống và nền văn hóa khác, có thể là một ơn phúc, vì “các câu chuyện của di dân luôn là các câu chuyện về gặp gỡ giữa các cá nhân và giữa các nền văn hóa. Đối với các cộng đồng và xã hội nơi họ đến, các di dân mang tới một cơ hội làm giàu và phát triển con người toàn diện cho mọi người ” [115]. Vì lý do này, “Tôi đặc biệt kêu gọi những người trẻ tuổi đừng chạy theo những người đặt họ chống lại những người trẻ tuổi khác, mới đến đất nước của họ, và những người khuyến khích họ coi những người sau này như một mối đe dọa, chứ không có cùng một phẩm giá bất khả chuyển nhượng như mọi con người nhân bản khác ” [116].

134. Thật vậy, khi chúng ta mở lòng ra với những người khác biệt, điều này cho phép họ phát triển một cách mới mẻ, trong khi vẫn là chính họ. Các nền văn hóa khác nhau, những nền văn hóa vốn phát triển mạnh mẽ qua nhiều thế kỷ, cần được bảo tồn, kẻo thế giới của chúng ta trở nên nghèo nàn. Đồng thời, những nền văn hóa đó nên được khuyến khích cởi mở đối với những trải nghiệm mới mẻ qua cuộc gặp gỡ của họ với những thực tại khác, vì nguy cơ sa vào chứng xơ cứng văn hóa luôn hiện diện. Đó là lý do tại sao “chúng ta cần thông đạt với nhau, khám phá những ơn phú của mỗi người, cổ vũ những gì hợp nhất chúng ta và coi các khác biệt của chúng ta như cơ hội để lớn lên trong việc tôn trọng lẫn nhau. Sự kiên nhẫn và tin tưởng được kêu gọi cho một cuộc đối thoại như vậy, giúp cho các cá nhân, các gia đình và cộng đồng lưu truyền các giá trị trong nền văn hóa riêng của họ và chào đón những điều tốt đẹp phát xuất từ kinh nghiệm của người khác ” [117].

135. Ở đây tôi sẽ đề cập đến một số điển hình mà tôi đã sử dụng trong quá khứ. Nền văn hóa Latinh là "chất men giá trị và khả thể có thể làm giàu rất nhiều cho Hoa Kỳ", vì "việc di dân sôi nổi luôn luôn ảnh hưởng và biến đổi nền văn hóa của một nơi... Ở Argentina, việc di dân sôi nổi từ Ý đã để lại dấu ấn trong nền văn hóa của xã hội, và sự hiện diện của khoảng 200,000 người Do Thái có ảnh hưởng lớn đến 'phong cách' văn hóa của Buenos Aires. Các di dân, nếu được giúp đỡ để hòa nhập, là một ơn phúc, một nguồn làm giàu và món tặng phẩm mới khuyến khích một xã hội lớn lên” [118].

136. Ở một quy môi rộng lớn hơn nữa, Đại Imam Ahmad Al-Tayyeb và tôi đã nhận thấy rằng “các tương quan tốt đẹp giữa Đông và Tây là rõ ràng cần thiết cho cả hai. Chúng không được sao lãng, để mỗi bên có thể được làm giàu bằng nền văn hóa của bên kia qua việc trao đổi và đối thoại hữu hiệu. Phương Tây có thể khám phá ra ở phương Đông các phương pháp chữa trị cho những căn bệnh tâm linh và tôn giáo do chủ nghĩa duy vật thịnh hành gây ra. Và phương Đông có thể tìm thấy ở phương Tây nhiều yếu tố có thể giúp giải phóng nó khỏi yếu kém, chia rẽ, xung đột và suy thoái về khoa học, kỹ thuật và văn hóa. Điều quan trọng là phải chú ý tới các khác biệt về tôn giáo, văn hóa và lịch sử vốn là một thành phần quan trọng trong việc lên khuôn nhân cách, văn hóa và văn minh của phương Đông. Điều cũng quan trọng là củng cố mối dây nối kết các nhân quyền căn bản nhằm giúp bảo đảm một cuộc sống xứng đáng cho mọi người nam nữ ở phương Đông và phương Tây, tránh nền chính trị hai mặt” [119].

Một cuộc trao đổi hữu hiệu

137. Sự hỗ trợ lẫn nhau giữa các nước chứng tỏ đã làm giầu lẫn nhau. Một quốc gia tiến lên trong khi vẫn giữ được nền tảng vững chắc trong cơ sở văn hóa nguyên gốc của nó là một kho báu cho toàn thể nhân loại. Chúng ta cần phát triển ý thức cho rằng ngày nay tất cả chúng ta một là được cứu vớt cùng với nhau hai là không ai được cứu vớt cả. Nghèo đói, suy đồi và đau khổ ở một phần của trái đất là cơ sở thầm lặng nuôi dưỡng các vấn đề kết cục sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ hành tinh. Nếu chúng ta gặp bối rối bởi sự tuyệt chủng của một số loài, thì chúng ta càng trở nên bối rối hơn khi ở một số nơi trên thế giới, các cá nhân hoặc dân tộc của chúng ta đang bị ngăn cản trong việc phát triển tiềm năng và vẻ đẹp của họ bởi nghèo đói hoặc những hạn chế khác về cơ cấu. Cuối cùng, điều này sẽ làm tất cả chúng ta nghèo nàn đi.

138. Mặc dù điều trên luôn luôn đúng, nhưng chưa bao giờ rõ ràng hơn thời đại chúng ta, khi thế giới được liên kết với nhau bằng chính sách hoàn cầu hóa. Chúng ta cần đạt được một trật tự pháp lý, chính trị và kinh tế hoàn cầu "có thể gia tăng và định hướng cho sự hợp tác quốc tế nhằm phát triển mọi dân tộc trong tình liên đới" [120]. Cuối cùng, điều này sẽ mang lại ích lợi cho toàn thế giới, vì "viện trợ phát triển cho các nước nghèo" hàm nghĩa "tạo ra thịnh vượng cho mọi người" [121]. Theo quan điểm phát triển toàn diện, điều này giả định "đem lại cho các quốc gia nghèo hơn một tiếng nói hữu hiệu trong việc ra quyết định chung" [122] và khả năng "tạo điều kiện tiếp cận thị trường quốc tế cho các quốc gia nghèo và kém phát triển" [123].

Việc nhưng không cho đi mở ra cho người khác

139. Mặc dù vậy, tôi không muốn giới hạn việc trình bày này vào một kiểu tiếp cận thực dụng. Luôn có nhân tố "cho đi nhưng không" (gratuitousness): khả năng làm một số việc đơn giản chỉ vì tự chúng, chúng vốn là điều tốt, không quan tâm chi đến lợi ích hay đền đáp bản thân. Sự cho không khiến chúng ta có thể chào đón người lạ, dù điều này không mang lại lợi ích hữu hình tức khắc nào cho chúng ta. Tuy nhiên, một số nước giả thiết chỉ chấp nhận các nhà khoa học hoặc nhà đầu tư.

140. Cuộc sống không có việc cho đi nhưng không một cách đầy tình huynh đệ trở thành một hình thức thương mại điên cuồng, trong đó chúng ta không ngừng cân nhắc những gì chúng ta cho đi và những gì chúng ta nhận lại được. Mặt khác, Thiên Chúa cho đi một cách tự do, đến mức giúp đỡ ngay cả những người bất trung; Người "làm cho mặt trời mọc trên kẻ dữ và người lành" (Mt 5:45). Có một lý do tại sao Chúa Giêsu nói với chúng ta: "Khi bố thí, anh em đừng cho tay phải biết việc tay trái làm, để việc bố thí của anh em được bí mật" (Mt 6: 3-4). Chúng ta đã nhận được cuộc sống một cách nhưng không; chúng ta không phải trả giá chi cả để nhận được nó. Do đó, mọi người chúng ta đều có thể cho đi mà không mong nhận lại bất cứ điều gì, làm điều tốt cho người khác mà không đòi hỏi họ phải đối xử tốt với mình. Như Chúa Giêsu đã nói với các môn đệ: "Anh em đã được cho không, thì cũng phải cho không như vậy" (Mt 10:8).

141. Giá trị thực sự của các quốc gia khác nhau trên thế giới của chúng ta được đo bằng khả năng suy nghĩ của họ không chỉ đơn giản như một quốc gia mà còn như một phần của đại gia đình nhân loại. Điều này được thấy một cách đặc biệt trong thời kỳ khủng hoảng. Các hình thức hẹp hòi của chủ nghĩa dân tộc là một biểu hiện cực đoan của việc không thể hiểu được ý nghĩa của sự cho đi nhưng không này. Họ sai lầm khi nghĩ rằng họ có thể tự phát triển, không cần để ý đến sự hủy hoại cho người khác, bằng cách đóng cửa với người khác, họ sẽ được bảo vệ tốt hơn. Các di dân được coi là những kẻ tiếm quyền không có gì để cung hiến. Điều này dẫn đến niềm tin ngây ngô rằng người nghèo nguy hiểm và vô dụng, trong khi thực ra họ là những nhà hảo tâm mạnh mẽ và hào phóng. Chỉ có nền văn hóa xã hội và chính trị nào sẵn sàng chào đón người khác một cách "nhưng không" mới có tương lai.

ĐỊA PHƯƠNG VÀ HOÀN VŨ

142. Cần lưu ý rằng "hiện có sự căng thẳng cố hữu giữa việc hoàn cầu hóa và địa phương hóa. Chúng ta cần chú ý đến khía cạnh hoàn cầu để tránh sự hẹp hòi và tầm thường. Tuy nhiên, chúng ta cũng cần nhìn khía cạnh địa phương, nơi giữ chúng ta luôn ở thế có cơ sở thực tiễn. Cùng với nhau, cả hai khía cạnh ngăn chúng ta rơi vào một trong hai thái cực sau đây: Đầu tiên, con người bị cuốn vào một chủ nghĩa vũ trụ trừu tượng, hoàn cầu hóa… Mặt khác, họ tự biến mình thành một viện bảo tàng văn hóa dân gian ẩn dật khép kín, cứ phải lặp đi lặp lại cùng những điều y như nhau, không có khả năng để mình bị chất vấn bởi những gì khác biệt, hoặc đánh giá được vẻ đẹp mà Thiên Chúa vốn ban tặng ở bên ngoài biên giới của họ" [124]. Chúng ta cần có một cái nhìn hoàn cầu để tự cứu chúng ta khỏi chủ nghĩa tỉnh lẻ nhỏ nhen. Khi ngôi nhà của chúng ta không còn là một ngôi nhà và bắt đầu trở thành một khu bị rào vây quanh, một phòng giam, thì nhân tố hoàn cầu sẽ đến giải cứu chúng ta, như một "chính nghĩa cuối cùng" lôi kéo chúng ta hướng đến việc viên mãn của mình. Trong khicùng một lúc, nhân tố địa phương cũng cần được đón nhận một cách thiết tha, vì nó có một điều mà nhân tố hoàn cầu không có được: nó có khả năng là một chất men, đem lại sự phong phú hóa, phát khởi các cơ chế phụ đới. Vì vậy, tình huynh đệ phổ quát và tình bạn xã hội là hai cực không thể tách rời và quan trọng như nhau trong mọi xã hội. Tách chúng ra sẽ làm biến dạng mọi điều và tạo ra sự phân cực đầy thành kiến.

Hương vị địa phương

143. Giải pháp không phải là một sự cởi mở nhằm bác bỏ sự phong phú của chính mình. Cũng như không thể có cuộc đối thoại với "những người khác" nếu không có ý thức về bản sắc riêng của chúng ta, vì vậy không thể có sự cởi mở giữa các dân tộc ngoại trừ trên cơ sở tình yêu đối với mảnh đất của riêng mình, dân tộc mình, cội nguồn văn hóa của riêng mình. Tôi không thể thực sự gặp gỡ người khác trừ khi tôi đứng trên những nền tảng vững chắc, vì chính dựa trên cơ sở của những điều này, tôi mới có thể chấp nhận tặng phẩm mà người kia mang lại và đến lượt mình, tôi tặng một tặng phẩm đích thực của riêng tôi. Tôi có thể chào đón những người khác, những người khác biệt, và đánh giá cao việc đóng góp độc đáo mà họ sẽ thực hiện, chỉ khi nào tôi bén rễ vững chắc vào chính dân tộc và văn hóa của mình. Mọi người đều yêu và quan tâm đến quê hương và làng mạc của mình, cũng như họ yêu và chăm sóc cho ngôi nhà của họ và đích thân chịu trách nhiệm đối với việc duy trì nó. Lợi ích chung cũng thế, đòi hỏi chúng ta phải bảo vệ và yêu thương quê hương của chúng ta. Nếu không, các hậu quả của một thảm họa ở một quốc gia sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ hành tinh. Tất cả điều này mang lại ý nghĩa tích cực cho quyền đối với tài sản: Tôi chăm sóc và vun đắp một điều được tôi sở hữu, một cách khiến nó có thể đóng góp vào lợi ích của mọi người.

144. Nó cũng làm nảy sinh các trao đổi lành mạnh và làm ta phong phú. Kinh nghiệm được lớn lên ở một nơi đặc thù và chia sẻ nền văn hóa đặc thù đem lại cho chúng ta một cái nhìn sâu sắc vào các khía cạnh của thực tại mà những người khác không thể dễ dàng tri nhận. Yếu tố hoàn vũ không nhất thiết có nghĩa là nhạt nhẽo, độc dạng và được tiêu chuẩn hóa, dựa trên một mô hình văn hóa đơn nhất đương thịnh, vì điều này cuối cùng sẽ dẫn đến việc mất đi một bảng phong phú gồm nhiều sắc thái và màu sắc, và kết quả là một đơn điệu hoàn toàn. Đó là cơn cám dỗ được nhắc đến trong câu chuyện xưa về Tháp Babel. Nỗ lực xây dựng một tòa tháp có thể vươn tới trời không phải là biểu hiện của sự thống nhất giữa các dân tộc khác nhau nói với nhau từ tính đa dạng của họ. Thay vào đó, đó là một nỗ lực sai lầm, phát sinh từ niềm kiêu căng và tham vọng, muốn tạo ra một sự thống nhất khác với sự thống nhất được Thiên Chúa mong muốn trong kế hoạch quan phòng của Người cho các quốc gia (xem *St* 11: 1-9).

145. Có thể có một sự cởi mở sai lầm đối với yếu tố hoàn vũ, phát sinh từ sự nông cạn của những người thiếu cái nhìn sâu sắc vào thiên tài của quê hương họ hoặc nuôi dưỡng sự oán hận chưa được giải quyết nhằm vào dân tộc họ. Dù thế nào đi nữa, "chúng ta liên tục phải mở rộng các chân trời của chúng ta và nhìn thấy điều tốt đẹp hơn sẽ mang lại lợi ích cho tất cả chúng ta. Nhưng điều này phải được thực hiện mà không tránh né hoặc mất gốc. Chúng ta cần phải cắm rễ sâu hơn vào mảnh đất và lịch sử màu mỡ của quê hương, vốn là hồng phúc của Thiên Chúa. Chúng ta có thể làm việc trên một quy mô nhỏ, trong khu vực lân cận của chúng ta, nhưng với viễn ảnh rộng lớn hơn… Yếu tố hoàn cầu không cần phải gò bó, mà yếu tố đặc thù cũng không cần phải chứng tỏ là cằn cỗi" [125]; mô hình của chúng ta phải là một hình đa diện, trong đó giá trị của mỗi cá nhân được tôn trọng, nơi "toàn thể lớn hơn bộ phận, nhưng cũng lớn hơn tổng số các bộ phận của nó" [126].

Một chân trời phổ quát

146. Có một loại yêu mình thái quá có tính "địa phương" không liên quan đến tình yêu lành mạnh đối với dân tộc và văn hóa riêng của mình. Nó phát sinh từ một nỗi bất an và sợ hãi nào đó về người khác dẫn đến việc bác bỏ và mong muốn dựng lên những bức tường để tự vệ. Tuy nhiên, không thể "địa phương" một cách lành mạnh nếu không chân thành cởi mở đối với phổ quát, không cảm thấy được thách thức bởi những gì đang xảy ra ở những nơi khác, không có sự cởi mở để làm giàu bởi các nền văn hóa khác, và không có tình liên đới và quan tâm đến những thảm kịch đang ảnh hưởng đến các dân tộc khác. Thay vào đó, "lòng yêu mình thái quá địa phương" chỉ lưu tâm đến một số ý tưởng, phong tục và hình thức an ninh hạn chế; không có khả năng chiêm ngưỡng tiềm năng rộng lớn và vẻ đẹp được thế giới rộng lớn hơn cung cấp, nó thiếu hẳn một tinh thần liên đới chân chính và quảng đại. Cuộc sống ở bình diện địa phương vì vậy ngày càng trở nên ít chào đón hơn, người ta ít cởi mở hơn đối với việc bổ túc cho nhau. Các khả thể phát triển của nó hẹp dần; nó trở nên mệt mỏi và ốm yếu. Mặt khác, một nền văn hóa lành mạnh, tự bản chất của nó, có tính cởi mở và chào đón; quả tình, "một nền văn hóa nếu không có các giá trị phổ quát thì không thực sự là một nền văn hóa" [127].

147. Chúng ta hãy nhận ra rằng khi tâm trí chúng ta càng hạn hẹp, thì khả năng hiểu thế giới xung quanh càng kém đi. Nếu không gặp gỡ và tương quan với các khác biệt, thì khó mà đạt được một sự hiểu biết rõ ràng và đầy đủ về chính bản thân và quê hương của chúng ta. Các nền văn hóa khác không phải là "kẻ thù" mà chúng ta cần phải tự vệ chống lại, mà là những phản ảnh khác nhau của một sự phong phú vô tận của sự sống con người. Nhìn bản thân chúng ta theo quan điểm của người khác, của một người khác biệt, chúng ta có thể nhận ra tốt hơn những nét độc đáo của chúng ta và của nền văn hóa chúng ta: sự phong phú, các khả thể và hạn chế của nó. Kinh nghiệm địa phương của chúng ta cần phát triển "tương phản với" và "hài hòa với" các kinh nghiệm của những người khác sống trong các bối cảnh văn hóa đa dạng [128].

148. Thực thế, sự cởi mở lành mạnh không bao giờ đe dọa bản sắc riêng của người ta. Một nền văn hóa sống động, được làm giàu bởi các yếu tố từ những nơi khác, không du nhập một bản sao đơn thuần các yếu tố mới đó, mà hòa nhập chúng một cách độc đáo riêng của nó. Kết quả là một cuộc tổng hợp mới, một cuộc tổng hợp, cuối cùng, có lợi cho mọi người, vì nền văn hóa nguyên gốc kết cục được nuôi dưỡng. Đó là lý do tại sao tôi đã thúc giục người dân bản địa trân quí cội nguồn và văn hóa tổ tiên của họ. Mặc dù, cùng một lúc, tôi cũng muốn nhấn mạnh rằng tôi không có ý định đề nghị "một 'chủ nghĩa duy bản địa' hoàn toàn khép kín, phi lịch sử, tĩnh tụ, muốn bác bỏ bất cứ kiểu pha trộn nào (mestizaje)". Vì "bản sắc văn hóa riêng của chúng ta được củng cố và làm giầu nhờ đối thoại với những người không giống chúng ta. Danh tính chân chính của chúng ta cũng không được bảo tồn bởi một sự cô lập nghèo nàn" [129]. Thế giới phát triển và tràn ngập vẻ đẹp mới, nhờ các cuộc tổng hợp tiếp theo nhau được tạo ra giữa các nền văn hóa biết cởi mở và không có bất cứ hình thức áp đặt văn hóa nào.

149. Đối với mối tương quan lành mạnh giữa tình yêu quê hương đất nước và cảm thức lành mạnh được thuộc về một gia đình nhân loại lớn hơn của chúng ta, điều hữu ích là ghi nhớ rằng xã hội hoàn cầu không phải là tổng số các quốc gia khác nhau, mà là sự hiệp thông hiện hữu giữa họ. Cảm thức hổ tương được thuộc về nhau có trước việc xuất hiện các nhóm cá thể. Mỗi nhóm đặc thù trở thành một phần của cơ cấu hiệp thông phổ quát và ở đó khám phá ra vẻ đẹp riêng của nó. Mọi cá nhân, bất kể nguồn gốc, đều biết rằng họ là một phần của gia đình nhân loại lớn hơn, nếu không có gia đình này, họ sẽ không thể hiểu được chính họ một cách đầy đủ.

150. Nhìn sự việc theo cách này mang lại niềm vui nhận ra rằng không một dân tộc, một nền văn hóa hay cá nhân nào có thể tự mình đạt được mọi sự: để đạt được sự viên mãn trong cuộc sống, chúng ta cần những người khác. Việc ý thức được các hạn chế và sự thiếu hoàn thiện của chính chúng ta, không hề là một đe dọa, nhưng trở thành chìa khóa để dự kiến và theo đuổi một dự án chung. Vì "con người là một hữu thể vừa có biên giới, vừa vô biên giới" [130].

Bắt đầu với khu vực của chúng ta

151. Nhờ việc trao đổi ở bình diện khu vực, qua đó, các nước nghèo hơn trở nên cởi mở đối với thế giới rộng lớn hơn, mà tính phổ quát không hẳn sẽ làm giảm các đặc điểm riêng biệt của họ. Sự cởi mở thích hợp và chân chính với thế giới giả định khả năng cởi mở với hàng xóm của mình trong gia đình các quốc gia. Do đó, hội nhập văn hóa, kinh tế và chính trị với các dân tộc láng giềng nên đi kèm với một diễn trình giáo dục biết cổ vũ giá trị của tình yêu thương đối với láng giềng của mình, bước đầu tiên không thể thiếu để đạt được sự hội nhập hoàn cầu lành mạnh.

152. Ở một số khu vực của các thành phố của chúng ta, vẫn còn một cảm thức khu xóm sống động. Mỗi người tự nhiên tri nhận được bổn phận phải đồng hành và giúp đỡ người người lân cận của mình. Ở những nơi mà những giá trị cộng đồng này được duy trì, người ta cảm nghiệm được một sự gần gũi mang đặc điểm của lòng biết ơn, tình liên đới và sự hỗ tương. Tình khu xóm mang lại cho họ một cảm thức về bản sắc chung [131]. Ước chi các quốc gia lân bang có thể khuyến khích một tinh thần láng giềng tương tự giữa các dân tộc của họ! Tuy nhiên, tinh thần cá nhân chủ nghĩa cũng ảnh hưởng đến các tương quan giữa các quốc gia. Sự nguy hiểm khi nghĩ rằng chúng ta phải tự vệ chống lại nhau, coi người khác là đối thủ cạnh tranh hoặc là kẻ thù nguy hiểm, cũng ảnh hưởng đến các tương quan giữa các dân tộc trong cùng một khu vực. Có lẽ chúng ta đã được huấn luyện kiểu sợ hãi và ngờ vực này.

153. Có những quốc gia hùng mạnh và những doanh nghiệp lớn hưởng lợi từ sự cô lập này và thích đàm phán

riêng với từng quốc gia. Mặt khác, các nước nhỏ hoặc nghèo có thể ký các thỏa hiệp với các nước láng giềng trong khu vực giúp họ đàm phán như một khối và do đó tránh bị cắt đứt, cô lập và phụ thuộc vào các cường quốc. Ngày nay, không quốc gia nào có thể bảo đảm lợi ích chung cho dân mình nếu cứ mãi cô lập.

CHƯƠNG NĂM: MỘT LOẠI CHÍNH TRỊ TỐT HƠN

154. Sự phát triển của một cộng đồng huynh đệ hoàn cầu dựa trên việc thực hành tình hữu nghị xã hội từ phía các dân tộc và quốc gia đòi phải có một loại chính trị tốt hơn, một loại chính trị thực sự phục vụ lợi ích chung. Đáng buồn thay, chính trị ngày nay thường mang các hình thức nhằm cản trở sự tiến bộ hướng tới một thế giới khác.

CÁC HÌNH THỨC DÂN TÚY VÀ TỰ DO CHỦ NGHĨA

155. Sự thiếu quan tâm đến những người dễ bị tổn thương có thể ẩn nấp phía sau một chủ nghĩa dân túy nhằm khai thác những người này một cách mị dân cho các mục đích riêng của nó, hoặc một chủ nghĩa tự do chuyên phục vụ lợi ích kinh tế của những kẻ có quyền lực. Trong cả hai trường hợp, thật khó để dự kiến một thế giới cởi mở tạo không gian cho mọi người, kể cả những người dễ bị tổn thương nhất, và biểu lộ lòng tôn trọng đối với các nền văn hóa khác nhau.

Người được lòng dân và người dân túy

156. Trong những năm gần đây, chữ "dân túy chủ nghĩa" và "người dân túy" đã xâm nhập vào các phương tiện truyền thông và chuyện trò hàng ngày. Kết quả là, chúng đã mất đi bất cứ giá trị nào mà chúng có thể có, và trở thành một nguồn phân cực khác nữa trong một xã hội vốn đã chia rẽ. Các cố gắng đã được đưa ra để phân loại toàn bộ các dân tộc, các nhóm, các xã hội và chính phủ như là "dân túy" hoặc không. Ngày nay, việc bày tỏ quan điểm về bất cứ chủ đề nào mà không bị phân loại cách này hay cách khác đã trở nên bất khả, một là bị mất uy tín một cách bất công hai là được tung hô tận trời xanh.

157. Mưu toan coi chủ nghĩa dân túy như chìa khóa giải thích thực tại xã hội có vấn đề một cách khác: nó coi thường ý nghĩa chính đáng của hạn từ "nhân dân". Bất cứ cố gắng nào nhằm loại bỏ khái niệm này khỏi cách nói thông thường có thể dẫn đến việc loại bỏ chính khái niệm dân chủ như là "chính phủ do nhân dân". Nếu chúng ta muốn duy trì việc cho rằng xã hội không chỉ là một tập hợp đơn thuần các cá nhân, thì thuật ngữ "nhân dân" là điều chứng tỏ cần thiết. Có những hiện tượng xã hội tạo ra các khối đa số, cũng như các xu hướng lớn và các khát vọng cộng đồng. Những người đàn ông và đàn bà có khả năng đưa ra những mục tiêu chung vượt lên trên các khác biệt của họ và do đó có thể tham gia vào một nỗ lực chung. Rồi nữa, sẽ rất khó thực hiện một dự án dài hạn trừ khi nó trở thành một nguyện vọng tập thể. Tất cả các nhân tố này nằm phía sau việc chúng ta sử dụng các từ ngữ "nhân dân" và "được lòng dân". Trừ khi chúng được xem xét - cùng với một việc phê bình đúng đắn về trò mị dân - một khía cạnh căn bản của thực tại xã hội sẽ bị làm ngơ.

158. Ở đây, có thể có một sự hiểu lầm. "'Nhân dân'không phải là một phạm trù luận lý học, cũng không phải là một phạm trù huyền bí, nếu qua đó chúng ta muốn nói rằng mọi sự nhân dân làm đều tốt cả, hoặc nhân dân là một thực tại'thiên thần'. Đúng hơn, nó là một phạm trù huyền thoại… Khi giải thích điều bạn muốn nói qua hạn từ nhân dân, bạn phải sử dụng các phạm trù luận lý học để giải thích, và nhất thiết phải như vậy. Tuy nhiên, theo cách đó, bạn không thể giải thích ý nghĩa của việc thuộc về một dân tộc. Hạn từ 'dân tộc' có một ý nghĩa sâu sắc hơn không thể phát biểu bằng các thuật ngữ luận lý học thuần túy. Trở thành một phần của dân tộc là trở thành một phần của bản sắc chung phát sinh từ các dây liên kết xã hội và văn hóa. Và đó không phải là một cái điều tự động, mà là một diễn trình chậm chạp, khó khăn… tiến tới một dự án chung" [132].

159. Quả có các nhà lãnh đạo "được lòng dân", những người có khả năng giải thích cảm quan và động lực văn hóa của một dân tộc, và các xu hướng quan trọng trong xã hội. Việc phục vụ mà họ cung cấp trong cố gắng hợp nhất và lãnh đạo có thể trở thành nền tảng cho một viễn kiến lâu dài nhằm biến đổi và tăng trưởng, vốn cũng bao gồm việc dành chỗ cho những người khác trong việc theo đuổi lợi ích chung. Nhưng điều này có thể thoái hóa

thành một “chủ nghĩa dân túy” không lành mạnh khi các cá nhân có thể khai thác về chính trị nền văn hóa của một dân tộc, dưới bất cứ hình thức ý thức hệ nào, vì lợi thế bản thân của họ hoặc để tiếp tục nắm quyền. Hoặc khi, trong những lúc khác, họ tìm kiếm sự nổi tiếng bằng cách kêu gọi những khuynh hướng đê hèn và ích kỷ nhất của một số thành phần dân chúng. Điều này càng trở nên nghiêm trọng hơn khi, bất cứ dưới hình thức thô thiển hay tinh vi hơn, nó dẫn đến việc tiếm đoạt các định chế và luật lệ.

160. Các nhóm dân túy khép kín bóp méo hạn từ “nhân dân”, vì họ không nói về một nhân dân chân chính. Khái niệm "nhân dân" trên thực tế là một khái niệm bỏ ngỏ (open-ended). Một nhân dân sống động và năng động, một nhân dân có tương lai, là một nhân dân không ngừng cởi mở đón nhận một tổng hợp mới qua khả năng chào đón các khác biệt. Bằng cách này, nó không phủ nhận bản sắc riêng của nó, nhưng cởi mở đối với việc được vận động, được thách thức, được mở rộng và làm giàu bởi những người khác, và do đó được tăng trưởng và phát triển hơn nữa.

161. Một dấu hiệu khác cho thấy sự suy giảm của khả năng lãnh đạo được lòng dân là quan tâm tới lợi thế ngắn hạn. Một lợi thế thoả mãn đòi hỏi thu được nhiều phiếu bầu hay sự ủng hộ hơn, nhưng không thúc đẩy, bằng một nỗ lực gian khổ và liên tục, việc tạo ra các nguồn tài nguyên mà nhân dân cần để phát triển và kiếm sống bằng chính nỗ lực và óc sáng tạo của họ. Về phương diện này, tôi đã nói rõ rằng “Tôi không có ý định đề xướng một chủ nghĩa dân túy vô trách nhiệm nào” [133]. Xóa bỏ bất bình đẳng đòi hỏi một việc tăng trưởng kinh tế có khả năng giúp khai thác tiềm năng của từng khu vực và do đó bảo đảm sự bình đẳng lâu dài [134]. Đồng thời, điều tiếp theo là "dự án phúc lợi, vốn đáp ứng các nhu cầu cấp thiết nào đó, chỉ nên được coi như các đáp ứng tạm thời ” [135].

162. Vấn đề lớn nhất là việc làm. Điều thực sự “được lòng dân” - vì nó cổ vũ lợi ích của nhân dân - là cung cấp cho mọi người cơ hội để nuôi dưỡng những hạt giống mà Thiên Chúa đã gieo vào mỗi người chúng ta: các tài năng, sáng kiến và nguồn lực bẩm sinh của chúng ta. Đây là sự giúp đỡ tốt đẹp nhất mà chúng ta có thể dành cho người nghèo, con đường tốt nhất để có một cuộc sống hợp nhân phẩm. Do đó, tôi xin nhấn mạnh rằng, “giúp đỡ người nghèo về mặt tài chính luôn phải là một giải pháp tạm thời trước những nhu cầu cấp bách. Mục tiêu rộng lớn hơn luôn phải là giúp họ có một cuộc sống xứng đáng qua việc làm” [136]. Vì các hệ thống sản xuất có thể thay đổi, nên các hệ thống chính trị phải tiếp tục hoạt động để cấu trúc xã hội theo cách mọi người đều có cơ hội đóng góp tài năng và nỗ lực của riêng mình. Vì “không có cái nghèo nào tồi tệ hơn cái nghèo lấy mất việc làm và phẩm giá của việc làm” [137]. Trong một xã hội phát triển thực sự, việc làm là một chiều kích thiết yếu của đời sống xã hội, vì nó không những là phương tiện kiếm cơm hàng ngày mà còn là phương tiện phát triển bản thân, xây dựng các mối tương quan lành mạnh, tự phát biểu bản thân và trao đổi các thiên phú. Việc làm đem lại cho chúng ta ý thức về trách nhiệm chung đối với việc phát triển thế giới, và cuối cùng, đối với cuộc sống của chúng ta như một dân tộc.

Lợi ích và giới hạn của các phương thức tự do

163. Khái niệm “nhân dân”, một khái niệm tự nhiên bao hàm quan điểm tích cực về các mối liên kết cộng đồng và văn hóa, thường bị các phương thức tự do của chủ nghĩa cá nhân bác bỏ; các phương thức này vốn coi xã hội chỉ là tổng số các lợi ích cùng sống chung với nhau. Người ta nói tới việc tôn trọng tự do, nhưng không có gốc rễ trong một trình thuật chung; trong một số bối cảnh nào đó, những người bênh vực quyền lợi của những thành viên dễ bị tổn thương nhất trong xã hội có xu hướng bị chỉ trích là những người theo chủ nghĩa dân túy. Ý niệm nhân dân bị coi như một cấu trúc trừu tượng, một điều không thực sự hiện hữu. Nhưng điều này tạo ra một lưỡng phân (dichotomy) không cần thiết. Cũng không thể coi khái niệm “nhân dân” hay “người lân cận” chỉ thuần túy có tính trừu tượng hay lãng mạn, đến nỗi việc tổ chức xã hội, khoa học và các định chế công dân có thể bị bác bỏ hoặc bị đối xử một cách khinh miệt [138].

164. Mặt khác, đức ái hợp nhất cả hai chiều kích - trừu tượng và định chế - vì nó đòi hỏi một diễn trình hữu hiệu thay đổi lịch sử bao trùm mọi sự: các định chế, luật pháp, kỹ thuật, kinh nghiệm, chuyên môn nghề nghiệp, phân tích khoa học, thủ tục hành chính, và vân vân. Đối với vấn đề đó, “cuộc sống riêng tư không thể hiện hữu trừ khi nó được bảo vệ bởi trật tự công cộng. Mái ấm gia đạo sẽ không có hơi ấm thực sự trừ khi nó được bảo vệ bởi luật pháp, bởi một trạng thái yên bình dựa trên luật pháp, và được hưởng mức an sinh tối thiểu được bảo đảm bởi

sự phân công lao động, trao đổi thương mại, công bằng xã hội và quyền công dân chính trị" [139].

165. Lòng bác ái chân chính có khả năng kết hợp tất cả các yếu tố này trong mối quan tâm của nó đối với người khác. Trong trường hợp gặp gỡ bản thân, kể cả những cuộc gặp gỡ liên quan đến anh / chị / em ở xa hoặc bị lãng quên, nó có thể làm như vậy nhờ biết sử dụng mọi tài nguyên mà các định chế của một xã hội có tổ chức, tự do và sáng tạo có khả năng tạo ra. Chẳng hạn, ngay cả Người Samaritanô nhân hậu cũng cần có một quán trọ gần đó để có thể cung cấp sự giúp đỡ mà bản thân ông không thể cung cấp. Tình yêu người lân cận có tính cụ thể và không lãng phí bất cứ nguồn tài nguyên nào cần thiết cho việc mang lại thay đổi có tính lịch sử có thể sinh lợi ích cho người nghèo và người bị thiệt thòi. Tuy nhiên, đôi khi, các ý thức hệ cánh tả hoặc các học thuyết xã hội liên kết với phương thức hành động cá nhân chủ nghĩa và các thủ tục không hữu hiệu chỉ ảnh hưởng đến một số ít người, trong khi phần lớn những người bị bỏ quên vẫn phải phụ thuộc vào thiện chí của những người khác. Điều này chứng tỏ sự cần thiết phải có một tinh thần huynh đệ lớn hơn, nhưng cũng cần một tổ chức thế giới hữu hiệu hơn nhằm giải quyết các vấn đề đang gây họa cho những người bị bỏ rơi đang đau khổ và ngắc ngoải ở các nước nghèo. Nó cũng cho thấy sẽ không có một giải pháp nào, không có một phương pháp luận duy nhất có thể chấp nhận nào, không có một công thức kinh tế nào có thể được áp dụng một cách không phân biệt cho mọi người. Ngay các nghiên cứu khoa học nghiêm ngặt nhất cũng chỉ có thể đề xướng các hướng hành động khác nhau.

166. Vậy thì, mọi sự đều phụ thuộc vào khả năng của chúng ta trong việc nhìn thấy sự cần thiết phải thay đổi tâm hồn, thái độ và lối sống. Nếu không, các tuyên truyền chính trị, các phương tiện truyền thông và những người lên khuôn công luận sẽ tiếp tục cổ vũ một nền văn hóa cá nhân chủ nghĩa và không phê phán, lệ thuộc lợi ích kinh tế và định chế xã hội không bị kiểm soát nhằm phục vụ những người đã được hưởng quá nhiều quyền lực. Những lời chỉ trích của tôi về mô hình kỹ trị không chỉ đơn giản nghĩ rằng nếu chúng ta kiểm soát được các thái quá của nó thì mọi sự sẽ yên ổn. Nguy cơ lớn hơn không phát sinh từ các đối tượng chuyên biệt, các thực tại hoặc thể chế vật chất, mà từ cách chúng được sử dụng. Nó liên quan đến sự yếu đuối của con người, xu hướng ưa thích ích kỷ vốn là một phần của điều mà truyền thống Kitô giáo gọi là "tư dục": khuynh hướng nhân bản chỉ quan tâm đến bản thân tôi, nhóm của tôi, những quyền lợi nhỏ nhen của riêng tôi. Tư dục không phải là một thiếu sót chỉ giới hạn ở thời đại của chúng ta. Nó đã có mặt từ thuở sơ khai của loài người, và chỉ thay đổi và mặc lấy những hình thức khác nhau qua các thời đại, sử dụng bất cứ phương tiện nào mà mỗi khoảnh khắc lịch sử có thể cung cấp. Tuy nhiên, tự dục có thể được khắc phục với sự giúp đỡ của Thiên Chúa.

167. Giáo dục và dưỡng dục, việc quan tâm đến người khác, một cái nhìn được tổng hợp tốt về cuộc sống và sự phát triển tinh thần: tất cả những điều này đều có tính thiết yếu đối với các mối tương quan nhân bản có phẩm chất cao và đối với việc tạo điều kiện để chính xã hội phản ứng lại những bất công, sai lệch và lạm dụng kinh tế, kỹ thuật, chính trị và quyền lực truyền thông. Một số phương thức tự do làm ngơ nhân tố này về sự yếu kém của con người; chúng dự kiến một thế giới tuân theo một trật tự đã định sẵn và tự nó có khả năng bảo đảm một tương lai tươi sáng và cung cấp các giải pháp cho mọi vấn đề.

168. Thị trường, tự nó, không thể giải quyết mọi vấn đề, bất kể chúng ta thường được yêu cầu tin vào tín điều này của niềm tin tân tự do. Bất chấp thử thách là chi, trường phái tư tưởng nghèo nàn và lặp đi lặp lại này luôn đưa ra những công thức giống y như nhau. Chủ nghĩa tân tự do chỉ tự tái tạo mình bằng cách sử dụng các lý thuyết ma thuật "chẩy tràn" hoặc "nhỏ giọt" - mà không dùng đến tên - như một giải pháp duy nhất cho các vấn đề xã hội. Nó ít đánh giá được thực tại này là điều được cho là "chẩy tràn" không giải quyết được sự bất bình đẳng từng phát sinh ra các hình thức bạo lực mới đe dọa chính kết cấu của xã hội. Nhất thiết phải có một chính sách kinh tế chủ động nhằm "cổ vũ một nền kinh tế tạo điều kiện thuận lợi cho tính đa dạng chế tác và tính sáng tạo kinh doanh" [140] và tạo khả thể cho việc làm được tạo ra chứ không bị cắt giảm. Đầu cơ tài chính, trong căn bản, nhằm thu lợi nhuận nhanh chóng tiếp tục gây tàn phá. Thật vậy, "nếu không có các hình thức liên đới nội bộ và tin cậy lẫn nhau, thị trường không thể hoàn thành đầy đủ chức năng kinh tế riêng của nó. Và ngày nay sự tin tưởng này đã không còn hiện hữu" [141]. Câu chuyện không kết thúc như dự kiến của nó, và các công thức giáo điều của lý thuyết kinh tế hiện hành được chứng tỏ không phải là không sai lầm. Tính mong manh của các hệ thống thế giới khi đối đầu với đại dịch đã chứng tỏ rằng không phải mọi sự đều có thể được giải quyết bằng tự do thị trường. Nó cũng chứng tỏ rằng, ngoài việc khôi phục một đời sống chính trị lành mạnh không bị chi phối bởi lệnh lạc tài chính, "chúng ta phải đặt nhân phẩm trở lại trung tâm và trên trụ cột đó, xây dựng các cấu trúc xã

hội thay thế mà chúng ta vốn cần đến" [142].

169. Thí dụ, trong một số phương thức kinh tế khép kín và đơn sắc, dường như không có chỗ cho các phong trào bình dân nhằm kết hợp những người thất nghiệp, lao động tạm thời và phi chính thức và nhiều người khác không dễ dàng tìm được chỗ đứng trong các cơ cấu hiện có. Tuy nhiên, những phong trào đó quản lý nhiều hình thức kinh tế bình dân và sản xuất cộng đồng. Điều cần là một mô hình tham gia xã hội, chính trị và kinh tế "có thể bao gồm các phong trào bình dân và tiếp thêm sức mạnh cho các cơ cấu quản lý địa phương, quốc gia và quốc tế với luồng năng lực đạo đức phát sinh từ việc bao gồm cả những người bị loại trừ trong việc xây dựng một vận mệnh chung", trong khi cũng bảo đảm để "những kinh nghiệm liên đới lớn lên từ bên dưới, từ tầng đất cái (subsoil) của hành tinh - có thể đến với nhau, được phối hợp nhiều hơn, tiếp tục gặp gỡ nhau" [143]. Tuy nhiên, điều này phải xảy ra một cách không phản bội cách hoạt động khác biệt của họ như "những người gieo rắc thay đổi, cổ vũ một diễn trình bao gồm hàng triệu hành động, lớn và nhỏ, đan xen một cách sáng tạo như lời lẽ trong một bài thơ" [144]. Theo nghĩa này, những phong trào như vậy là "những nhà thơ xã hội", theo cách riêng của họ, đã làm việc, đề xướng, cổ vũ và giải phóng. Họ giúp làm cho khả hữu một sự phát triển con người toàn diện vượt ra ngoài "ý niệm coi các chính sách xã hội như chính sách *cho* người nghèo, chứ không bao giờ *với* người nghèo và không bao giờ *của* người nghèo, càng không như một phần của dự án nhằm tái hợp nhất mọi người" [145]. Họ có thể gấy rắc rối, và một số "lý thuyết gia" có thể khó phân loại được họ, nhưng chúng ta phải tìm đủ can đảm để thừa nhận rằng, nếu không có họ, "dân chủ sẽ teo tóp, biến thành một hạn từ đơn thuần, một lề thói; nó mất đi đặc tính đại diện của nó và trở thánh thất thân, vì nó bỏ rơi con người trong cuộc đấu tranh hàng ngày giành phẩm giá, trong việc xây dựng tương lai của họ".

QUYỀN LỰC QUỐC TẾ

170. Một lần nữa tôi cho rằng "cuộc khủng hoảng tài chính 2007-08 đã cung cấp cơ hội để phát triển một nền kinh tế mới, chú ý nhiều hơn đến các nguyên tắc đạo đức và nhiều cách thức mới để điều chỉnh các thực hành tài chính đầu cơ và của cải ảo. Nhưng phản ứng đối với cuộc khủng hoảng không bao gồm việc xem xét lại các tiêu chuẩn lỗi thời vẫn tiếp tục thống trị thế giới " [147]. Thật vậy, có vẻ như các chiến lược thực tế được phát triển khắp thế giới sau cuộc khủng hoảng đã cổ vũ chủ nghĩa cá nhân nhiều hơn, ít hội nhập hơn và tăng cường tự do cho những người thực sự có quyền lực, những người luôn tìm cách trốn thoát mà không hề hấn chi.

171. Tôi cũng xin nhấn mạnh rằng "dành cho mỗi người phần của họ - trích dẫn định nghĩa cổ điển về công lý - có nghĩa là không một cá nhân hay nhóm người nào có thể coi mình là tuyệt đối, có quyền phớt lờ phẩm giá và quyền lợi của các cá nhân khác hoặc các nhóm xã hội của họ. Sự phân bổ hữu hiệu quyền lực (nhất là quyền lực chính trị, kinh tế, quốc phòng và kỹ thuật) giữa tính đa nguyên của nhiều chủ thể và việc tạo ra một hệ thống pháp lý để điều chỉnh các yêu sách và quyền lợi, là một trong những cách cụ thể để hạn chế quyền lực. Tuy nhiên, thế giới ngày nay trình bầy với chúng ta nhiều quyền lợi sai lầm và - đồng thời - nhiều bộ phận to lớn dễ bị tổn thương, nạn nhân của quyền lực bị thi hành một cách tồi tệ" [148].

172. Thế kỷ XXI "đang chứng kiến sự suy yếu quyền lực của các nhà nước quốc gia, chủ yếu vì các bộ phận kinh tế và tài chính, vốn có tính đa quốc gia, có xu hướng lấn lướt bộ phận chính trị. Trước tình hình đó, điều chủ yếu là thiết kế các định chế quốc tế được tổ chức mạnh mẽ và hữu hiệu hơn, với các viên chức được bổ nhiệm một cách công bằng theo thỏa thuận giữa các chính phủ quốc gia và được quyền áp đặt các biện pháp trừng phạt" [149]. Khi chúng ta nói tới việc có thể có một số hình thức thẩm quyền thế giới được luật pháp quy định [150], chúng ta không nhất thiết phải nghĩ đến một thẩm quyền cá nhân. Tuy nhiên, một cơ quan như vậy ít nhất phải cổ vũ các cơ quan thế giới hữu hiệu hơn, được trang bị quyền được cung ứng cho lợi ích chung hoàn cầu, xóa bỏ đói nghèo và bảo vệ chắc chắn các nhân quyền căn bản.

173. Về khía cạnh này, tôi cũng xin lưu ý sự cần thiết phải cải tổ "Cơ quan Liên hiệp quốc, cũng như các định chế kinh tế và tài chính quốc tế tương tự, để khái niệm gia đình các quốc gia có thể có được thực tại" [151]. Không cần phải nói, điều này đòi hỏi phải có những giới hạn pháp lý rõ ràng để tránh quyền lực chỉ được đồng chọn bởi một số quốc gia và ngăn chặn những áp đặt văn hóa hoặc hạn chế các quyền tự do căn bản của các quốc gia yếu hơn trên cơ sở các khác biệt ý thức hệ. Vì "cộng đồng quốc tế là một cộng đồng pháp lý được thành lập dựa trên chủ quyền của mỗi quốc gia thành viên, không bị ràng buộc bởi một sự phụ thuộc đến phủ nhận hoặc

hạn chế sự độc lập của quốc gia đó" [152]. Đồng thời, "công việc của Liên hiệp quốc, theo các nguyên tắc nêu trong Lời mở đầu và các Điều khoản đầu tiên của Hiến chương thành lập, có thể được coi như sự phát triển và cổ vũ việc thượng tôn pháp luật, dựa trên việc nhận ra rằng công lý là điều kiện thiết yếu để đạt được lý tưởng huynh đệ phổ quát… Cần phải bảo đảm nguyên tắc thượng tôn pháp luật không bị thách thức và không mệt mỏi sử dụng thương lượng, hòa giải và trọng tài, như Hiến chương Liên hiệp quốc đã đề xướng, những điều vốn thực sự tạo nên một qui phạm pháp lý nền tảng" [153]. Cần phải ngăn chặn việc Cơ quan này bị phi hợp pháp hóa, vì các vấn đề và thiếu sót của nó có thể được cùng nhau bàn thảo và giải quyết.

174. Lòng can đảm và sự rộng lượng là những điều cần thiết để tự do thiết lập các mục tiêu chung và bảo đảm việc tuân thủ khắp thế giới các chuẩn mực thiết yếu nào đó. Để điều này thực sự hữu ích, điều cần thiết là phải đề cao "sự cần thiết phải trung thành với các thỏa thuận đã được ký kết (*pacta sunt servanda* [các hiệp định phải được phục vụ])" [154], và tránh "cơn cám dỗ muốn nại tới luật sức mạnh hơn là sức mạnh của luật " [155]. Điều này có nghĩa phải củng cố "các công cụ có tính quy phạm để giải quyết hòa bình các tranh cãi… để tăng cường phạm vi và sức trói buộc của chúng" [156]. Trong số các công cụ có tính quy phạm này, nên dành ưu tiên cho các hiệp định đa phương giữa các quốc gia, vì, hơn các hiệp định song phương, các hiệp định này bảo đảm việc cổ vũ một lợi ích chung thực sự phổ quát và bảo vệ các quốc gia yếu hơn.

175. Nhờ Chúa quan phòng, nhiều nhóm và tổ chức trong xã hội dân sự giúp bù đắp các thiếu sót của cộng đồng quốc tế, sự thiếu phối hợp của nó trong các tình huống phức tạp, sự thiếu quan tâm của nó đến các nhân quyền căn bản và các nhu cầu thiết yếu của một số nhóm nào đó. Ở đây, chúng ta có thể thấy một ứng dụng cụ thể của nguyên tắc phụ đới, một nguyên tắc biện minh cho sự tham gia và hoạt động của các cộng đồng và tổ chức ở cấp thấp hơn như một phương tiện để tích hợp và bổ sung cho hoạt động của nhà nước. Các nhóm và tổ chức này thường thực hiện những nỗ lực đáng khen ngợi trong việc phục vụ lợi ích chung và các thành viên của họ đôi khi chứng tỏ một tính anh hùng thực sự, cho thấy một điều gì đó vĩ đại mà nhân loại của chúng ta vẫn còn có khả năng thực hiện.

BÁC ÁI XÃ HỘI VÀ CHÍNH TRỊ

176. Đối với nhiều người ngày nay, chính trị là một chữ gây khó chịu, thường là vì các sai lầm, tham nhũng và kém hiệu quả của một số chính trị gia. Cũng có những cố gắng làm mất uy tín chính trị, thay thế nó bằng kinh tế học hoặc bóp méo nó thành ý thức hệ này hay ý thức hệ nọ. Tuy nhiên, liệu thế giới của chúng ta có thể hoạt động mà không cần tới chính trị hay không? Liệu có thể có một diễn trình tăng trưởng hữu hiệu hướng tới tình huynh đệ phổ quát và hòa bình xã hội mà không cần một sinh hoạt chính trị lành mạnh hay không? [157].

Nền chính trị chúng ta cần

177. Ở đây một lần nữa tôi xin nhận xét rằng "chính trị không nên phụ thuộc kinh tế, mà kinh tế cũng không nên phụ thuộc sự sai khiến của một mô hình kỹ trị dựa trên hiệu năng" [158]. Mặc dù rõ ràng phải bác bỏ việc lạm dụng quyền lực, tham nhũng, coi thường luật pháp và thiếu hiệu năng, nhưng "kinh tế mà không có chính trị thì không thể biện minh, vì điều này sẽ khiến chúng ta không thể ủng hộ các cách khác trong việc xử lý các khía cạnh khác nhau của cuộc khủng hoảng hiện nay" [159]. Thay vào đó, "điều cần thiết là một nền chính trị có tầm nhìn xa và có khả năng thực hiện một phương thức mới, toàn diện và liên ngành để xử lý các khía cạnh khác nhau của cuộc khủng hoảng" [160]. Nói cách khác, một "nền chính trị lành mạnh… có khả năng cải cách và phối hợp các định chế, cổ vũ các thực hành tốt nhất và vượt qua áp lực không xứng đáng và sức trì trệ bàn giấy" [161]. Chúng ta không thể mong đợi kinh tế làm được điều này, cũng như không thể cho phép kinh tế tiếp quản quyền lực thực sự của nhà nước.

178. Trước nhiều hình thức chính trị nhỏ mọn chỉ biết tập chú vào lợi ích trước mắt, tôi xin nhắc lại rằng "nghệ thuật lãnh đạo đất nước chân thực được biểu lộ rõ ràng khi, trong những thời điểm khó khăn, chúng ta đề cao các nguyên tắc cao cả và nghĩ đến lợi ích chung lâu dài. Các thế lực chính trị không thấy việc đảm nhận nhiệm vụ này trong công cuộc xây dựng đất nước là chuyện dễ dàng" [162], càng không dễ dàng trong việc tạo dựng một dự án chung cho gia đình nhân loại, ngay lúc này và trong tương lai. Nghĩ tới những người sẽ đến sau chúng ta không phục vụ mục đích bầu cử, nhưng đó là điều công lý chân chính đòi hỏi. Như các Giám mục Bồ Đào Nha

từng dạy, trái đất "là một vay mượn mà mỗi thế hệ đã tiếp nhận để trao lại cho thế hệ đến sau" [163].

179. Xã hội hoàn cầu đang mắc phải những khiếm khuyết nghiêm trọng về cơ cấu, những khiếm khuyết không thể giải quyết bằng các giải pháp từng phần hoặc sửa chữa nhanh chóng. Nhiều điều cần phải thay đổi, qua cải cách từ nền tảng và canh tân lớn lao. Chỉ một nền chính trị lành mạnh, bao gồm phần lớn các lĩnh vực và kỹ năng đa dạng nhất, mới có khả năng giám sát diễn trình này. Nền kinh tế nào chịu làm một bộ phận tạo thành chương trình chính trị, xã hội, văn hóa và đại chúng hướng đến lợi ích chung mới có thể mở đường cho "những khả thể khác nhau không liên quan đến việc ngăn cản óc sáng tạo của con người và các lý tưởng tiến bộ của nó, nhưng đúng hơn liên quan đến việc hướng năng lực đó theo những đường hướng mới" [164].

Tình yêu chính trị

180. Thừa nhận rằng mọi người đều là anh chị em của chúng ta, và tìm kiếm các hình thức hữu nghị xã hội bao gồm mọi người, không phải chỉ là điều không tưởng. Nó đòi hỏi một cam kết cương quyết để thiết kế ra các phương tiện hữu hiệu cho mục đích này. Mọi nỗ lực theo những đường hướng này đều trở thành một việc thực thi đức ái cao thượng. Vì trong khi các cá nhân có thể giúp đỡ những người khác đang gặp khó khăn, khi họ cùng tham gia vào việc khởi xướng các tiến trình xã hội cổ vũ tình huynh đệ và công bằng cho mọi người, họ quả tình đã bước vào "lĩnh vực bác ái ở bình diện rộng lớn nhất, tức bác ái chính trị" [165]. Điều này bao hàm việc ta phải làm việc cho một trật tự xã hội và chính trị mà linh hồn của nó chính là đức bác ái xã hội [166]. Một lần nữa, tôi xin kêu gọi sự đánh giá lại chính trị như "một ơn gọi cao cả và như một trong những hình thức bác ái cao nhất, vì nó tìm kiếm lợi ích chung" [167].

181. Mọi cam kết được gợi hứng bởi học thuyết xã hội của Giáo hội đều "phát xuất từ lòng bác ái, một lòng bác ái, theo lời dạy của Chúa Giêsu, vốn là tổng hợp của toàn bộ Lề luật (x. *Mt* 22: 36-40)" [168]. Điều này có nghĩa thừa nhận rằng "tình yêu, tràn ngập những cử chỉ quan tâm nhỏ nhặt lẫn nhau, cũng mang tính dân sự và chính trị, và nó thể hiện trong mọi hành động nhằm xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn" [169]. Vì lý do này, lòng bác ái được phát biểu không những trong các mối liên hệ gần gũi và thân thiết mà còn trong "các mối liên hệ vĩ mô: có tính xã hội, kinh tế và chính trị" [170].

182. Lòng bác ái chính trị này phát sinh từ một ý thức xã hội vượt lên trên mọi tư duy cá nhân chủ nghĩa: "Lòng bác ái xã hội làm cho chúng ta yêu công ích', nó khiến chúng ta tìm kiếm một cách hữu hiệu lợi ích của mọi người, được coi không những như các cá nhân hay tư nhân, mà còn trong chiều kích xã hội nhằm hợp nhất họ" [171]. Mỗi chúng ta hoàn toàn là một con người khi chúng ta là một phần của một dân tộc; đồng thời, không có dân tộc nào mà không tôn trọng cá tính riêng của mỗi con người. "Dân tộc" và "con người" là các thuật ngữ có tương quan qua lại với nhau. Tuy nhiên, ngày nay đang có những mưu toan nhằm giản lược con người thành những cá nhân cô lập dễ bị thao túng bởi các quyền lực chỉ biết theo đuổi lợi ích giả mạo. Nền chính trị tốt sẽ tìm cách xây dựng các cộng đồng ở mọi bình diện của đời sống xã hội, nhằm điều chỉnh và định hướng lại việc hoàn cầu hóa và do đó tránh được những hậu quả phá hoại nó.

Tình yêu hữu hiệu

183. "Tình yêu xã hội" [172] làm cho chúng ta có khả năng tiến tới nền văn minh tình yêu, mà tất cả chúng ta đều có thể cảm thấy được kêu gọi tiến vào. Lòng bác ái, với sự thúc đẩy của nó hướng tới tính phổ quát, có khả năng xây dựng một thế giới mới [173]. Không phải là thứ tình cảm đơn thuần, nó là phương tiện tốt nhất để khám phá những nẻo đường hữu hiệu để mọi người phát triển. Tình yêu xã hội là một "sức mạnh có khả năng gây cảm hứng cho những cách thức mới trong việc tiếp cận các vấn đề của thế giới ngày nay, trong việc đổi mới một cách sâu sắc các cơ cấu, các tổ chức xã hội và các hệ thống luật pháp từ bên trong" [174].

184. Bác ái nằm ở trung tâm mọi xã hội lành mạnh và cởi mở, tuy nhiên ngày nay "nó dễ bị bác bỏ như là không thích hợp để giải thích và đưa ra định hướng cho trách nhiệm đạo đức" [175]. Bác ái, khi đi kèm với cam kết đối với sự thật, không chỉ là cảm giác cá nhân, và do đó, không cần phải "trở thành mồi cho những cảm xúc và ý kiến chủ quan ngẫu nhiên" [176]. Thật vậy, mối liên hệ chặt chẽ của nó với chân lý cổ vũ tính phổ quát của nó và giữ cho nó khỏi bị "giới hạn trong một lĩnh vực hẹp hòi thiếu các mối liên hệ" [177]. Nếu không, nó sẽ bị

“loại khỏi các kế hoạch và diễn trình cổ vũ sự phát triển con người ở phạm vi hoàn cầu, trong cuộc đối thoại giữa nhận thức và thực hành” [178]. Không có chân lý, xúc cảm thiếu nội dung liên hệ và xã hội. Sự cởi mở của bác ái đối với sự thật, do đó, bảo vệ nó khỏi “chủ nghĩa duy tín (fideism) vốn tước đoạt chiều kích nhân bản và phổ quát của nó” [179].

185. Bác ái cần ánh sáng của sự thật mà chúng ta không ngừng tìm kiếm. “Ánh sáng đó vừa là ánh sáng của lý trí vừa là ánh sáng của đức tin” [180], và không thừa nhận bất cứ hình thức nào của thuyết duy tương đối. Tuy nhiên, nó cũng tôn trọng sự phát triển của các ngành khoa học và sự đóng góp thiết yếu của chúng trong việc tìm ra các phương tiện chắc chắn nhất và thực tiễn nhất để đạt được các kết quả mong muốn. Vì khi lợi ích của người khác bị đe dọa, các ý định tốt mà thôi chưa đủ. Các cố gắng cụ thể phải được thực hiện để mang lại bất cứ điều gì họ và các quốc gia của họ cần để phát triển.

THỰC THI TÌNH YÊU CHÍNH TRỊ

186. Có một loại tình yêu được “luận ra” (elicited): các hành vi của nó phát xuất trực tiếp từ nhân đức bác ái và hướng đến các cá nhân và dân tộc. Ngoài ra còn có một tình yêu thương “được truyền lệnh” (commanded), tự phát biểu qua các hành vi bác ái thúc đẩy người ta tạo ra nhiều định chế lành mạnh hơn, nhiều quy định công bằng hơn, nhiều cơ cấu hỗ trợ hơn [181]. Do đó, “đây là một hành động yêu thương cũng cần thiết không kém trong cố gắng tổ chức và cấu trúc xã hội để những người lân cận của mình không còn thấy họ trong cảnh nghèo đói nữa” [182]. Đây là một hành động bác ái nhằm giúp đỡ ai đó đang đau khổ, nhưng nó cũng là một hành vi bác ái, ngay cả khi chúng ta không biết người đó, làm việc để thay đổi các điều kiện xã hội đã gây ra đau khổ cho họ. Nếu ai đó giúp người già qua sông, thì đó là một hành vi bác ái tốt đẹp. Mặt khác, chính trị gia nào xây dựng một cây cầu thì đấy cũng là một hành vi bác ái. Trong khi một người có thể giúp đỡ người khác bằng cách cung cấp cho họ một thứ gì đó để ăn, thì chính trị gia nào tạo ra một việc làm cho họ, đó cũng là thực hành một hình thức bác ái cao cả sẽ tôn vinh hoạt động chính trị của ông ta hay bà ta.

Các hy sinh phát sinh từ tình yêu

187. Lòng bác ái trên, vốn là trái tim thiêng liêng của chính trị, luôn là tình yêu thương ưu tiên hơn dành cho những người thiếu thốn nhất; nó nâng đỡ mọi điều chúng ta làm thay cho họ [183]. Chỉ một cái nhìn do lòng bác ái biến đổi mới có thể giúp nhân phẩm của người khác được công nhận và do đó, người nghèo được thừa nhận và đánh giá cao trong phẩm giá của họ, được tôn trọng trong bản sắc và nền văn hóa của họ, và do đó thực sự hòa nhập vào xã hội. Cái nhìn đó nằm ở trung tâm của tinh thần chính trị chân chính. Nó nhìn thấy những nẻo đường mở rộng khác với những nẻo đường của một chủ nghĩa thực dụng vô hồn. Nó khiến chúng ta nhận ra rằng “không thể giải quyết tai tiếng nghèo đói bằng cách cổ vũ các chiến lược ngăn chặn chỉ làm an lòng người nghèo và làm cho họ thuần phục và không gây tổn thương. Buồn biết bao khi chúng ta thấy, đằng sau những công việc được cho là có lòng vị tha, người khác kia bị thu gọn để chỉ còn là người thụ động” [184]. Điều cần thiết là những nẻo đường mới để họ tự phát biểu và tham gia vào xã hội. Giáo dục phục vụ những điều này bằng cách giúp mỗi con người có thể lên khuôn tương lai của chính họ. Ở đây nữa, chúng ta cũng thấy tầm quan trọng của nguyên tắc phụ đới, một nguyên tắc không thể tách rời khỏi nguyên tắc liên đới.

188. Những xem xét trên giúp chúng ta nhận ra nhu cầu cấp thiết phải chống lại tất cả những gì đe dọa hoặc vi phạm các nhân quyền căn bản. Các chính trị gia được kêu gọi “phục vụ nhu cầu của các cá nhân và các dân tộc. Phục vụ những người gặp khó khăn đòi hỏi sức mạnh và sự dịu dàng, cố gắng và sự quảng đại giữa một não trạng duy chức năng và tư hữu hóa vốn nhất thiết dẫn tới 'nền văn hóa vứt bỏ'... Điều này có nghĩa lãnh trách nhiệm đối với con người hiện tại với tình huống hoàn toàn bị gạt ra ngoài lề và lo âu xao xuyến của họ, và có khả năng đem lại phẩm giá cho họ” [185]. Lẽ dĩ nhiên, nó cũng tạo ra một sinh hoạt mãnh liệt vì “tất cả phải... được thực hiện để bảo vệ cương vị xã hội và phẩm giá của con người” [186]. Các chính trị gia là những người hành động, những người xây dựng với các mục tiêu đầy tham vọng, được phú bẩm một tầm nhìn bao quát, thực tiễn và thực tế, nhìn quá bên kia biên giới của xứ sở họ. Mối quan tâm lớn nhất của chính trị gia không nên là những quan tâm gây ra bởi sự sụt giảm trong các cuộc thăm dò, mà bởi sự kiện không giải quyết một cách hữu hiệu “hiện tượng loại trừ kinh tế và xã hội, với những hậu quả đáng buồn của nó trong việc đối xử với con người, việc buôn bán các bộ phận và tế bào người, việc bóc lột tình dục trẻ em, lao động nô lệ, kể cả mại dâm, buôn bán

ma túy và vũ khí, khủng bố và tội phạm quốc tế có tổ chức. Mức độ nghiêm trọng của những tình huống này, và con số sinh mạng vô tội bị chúng hy sinh lên đến mức, chúng ta phải tránh mọi cám dỗ muốn sa vào chủ nghĩa chiêu danh chỉ đưa ra các tuyên bố nhằm mang lại an tâm cho các lương tâm. Chúng ta cần lưu ý để các định chế của chúng ta thực sự hữu hiệu trong cuộc đấu tranh chống lại tất cả những tai họa này " [187]. Ta làm điều này bằng cách tận dụng một cách thông minh các nguồn tài nguyên to lớn do các tiến bộ kỹ thuật mang lại.

189. Chúng ta vẫn còn lâu mới có được một việc hoàn cầu hóa các nhân quyền căn bản nhất. Đó là lý do tại sao chính trị thế giới cần phải biến việc xóa bỏ hữu hiệu nạn đói thành một trong những mục tiêu hàng đầu và cấp bách của nó. Thật vậy, "khi đầu cơ tài chính thao túng giá cả lương thực, coi nó như một loại hàng hóa khác, hàng triệu người phải đau khổ và chết vì đói. Đồng thời, hàng tấn thức ăn bị vứt bỏ. Điều này tạo nên một tai tiếng thực sự. Nạn đói là một tội ác; thực phẩm là quyền bất khả chuyển nhượng" [188]. Thông thường, trong khi tiếp tục tranh cãi về ngữ nghĩa hoặc ý thức hệ, thì chúng ta đã để cho anh chị em của mình chết vì đói và khát, không nơi nương tựa hoặc không được chăm sóc sức khỏe. Bên cạnh những nhu cầu căn bản vẫn chưa được đáp ứng này, buôn bán người còn biểu lộ một nguồn xấu hổ khác cho nhân loại, một nguồn mà nền chính trị quốc tế, vượt lên trên các diễn từ đẹp đẽ và các ý hướng tốt lành, không nên dung thứ nữa. Những điều này rất chủ yếu; chúng không thể được trì hoãn nữa.

Một tình yêu hòa nhập và hợp nhất

190. Bác ái chính trị còn được phát biểu qua tinh thần cởi mở đối với mọi người. Các nhà lãnh đạo chính phủ nên là những người đầu tiên thực hiện các hy sinh để cổ vũ cuộc gặp gỡ và tìm kiếm sự đồng thuận ít nhất trong một số vấn đề. Họ nên sẵn sàng lắng nghe các quan điểm khác và dành chỗ cho mọi người. Qua hy sinh và kiên nhẫn, họ có thể giúp tạo ra một thực tại đa diện đẹp đẽ, trong đó mọi người đều có chỗ đứng. Ở đây, các cuộc đàm phán kinh tế không hữu hiệu. Ta cần một điều khác nữa: trao đổi tài năng vì lợi ích chung. Nó có vẻ ngây thơ và không tưởng, nhưng chúng ta không thể từ bỏ mục tiêu cao cả này.

191. Vào thời điểm mà nhiều hình thức bất khoan dung cực đoan đang gây hại cho các mối liên hệ giữa các cá nhân, nhóm và dân tộc, chúng ta hãy cam kết sống và giảng dạy giá trị của việc tôn trọng người khác, của một tình yêu có khả năng chào đón các khác biệt, và dành ưu tiên cho phẩm giá mỗi con người hơn là các ý tưởng, quan điểm, thực hành và thậm chí cả tội lỗi của họ. Ngay cả khi các hình thức cuồng tín, sống khép kín và sự phân hóa xã hội và văn hóa ngày càng gia tăng trong xã hội ngày nay, một chính trị gia tốt sẽ đi bước trước và nhấn mạnh việc phải lắng nghe các tiếng nói khác nhau. Các bất đồng quan điểm có thể phát sinh ra xung đột, nhưng sự độc dạng đã được chứng tỏ là gây ngột ngạt và dẫn đến suy đồi văn hóa. Mong chúng ta không bằng lòng với việc bị đóng khung trong một thực tại bị phân mảnh.

192. Về nhía cạnh trên, Đại Imam Ahmad Al-Tayyeb và tôi đã kêu gọi "các kiến trúc sư của chính sách quốc tế và nền kinh tế thế giới làm việc tích cực để truyền bá nền văn hóa khoan dung và chung sống trong hòa bình; can thiệp ở cơ hội sớm nhất để ngăn chặn việc đổ máu người vô tội" [189]. Khi một chính sách chuyên biệt gieo rắc sự thù hận và sợ hãi đối với các quốc gia khác nhân danh phúc lợi của quốc gia mình, thì cần phải quan tâm tới điều đó, để phản ứng kịp thời và ngay lập tức để điều chỉnh đường lối.

TÍNH SINH HOA KẾT TRÁI HƠN LÀ CÁC KẾT QUẢ

193. Ngoài hoạt động không mệt mỏi của họ, các chính trị gia cũng là những người đàn ông và những người đàn bà. Họ được mời gọi thực hành tình yêu trong các mối liên hệ liên ngã hàng ngày. Với tư cách là những con người, họ cần cân nhắc điều này "thế giới hiện đại, với những tiến bộ kỹ thuật của nó, có xu hướng ngày càng chức năng hóa việc thỏa mãn các mong muốn của con người, hiện được phân loại và phân chia giữa nhiều dịch vụ khác nhau. Càng ngày người ta càng ít được gọi bằng tên, càng ngày hữu thể độc nhất này càng ít được coi như một con người có những cảm xúc, nỗi khổ, vấn đề, niềm vui và gia đình của riêng họ. Bệnh tật của họ chỉ được biết đến để chữa trị, tài chính của họ chỉ cần lo chu cấp cho họ, việc họ không có nhà ở chỉ để cho họ nơi ở, các mong muốn tiêu khiển và giải trí của họ chỉ là để thỏa mãn chúng". Tuy nhiên, không bao giờ được quên rằng "việc yêu thương những con người tầm thường nhất như một người anh em, như thể không có ai khác trên thế giới này ngoài anh ta ra, không thể bị coi là lãng phí thời gian" [190].

194. Chính trị cũng phải dành chỗ cho tình yêu dịu dàng đối với người khác. “Dịu dàng là gì? Đó là tình yêu đến gần và trở thành hiện thực. Một chuyển động bắt đầu từ trái tim của chúng ta rồi tiến qua mắt, tai và tay… Sự dịu dàng là con đường ưu tuyển của những người đàn ông và đàn bà mạnh mẽ, can đảm nhất” [191]. Giữa những lo lắng hàng ngày của đời sống chính trị, “những người nhỏ nhất, yếu đuối nhất, nghèo khổ nhất phải đánh động trái tim của chúng ta: quả thật, họ có ‘quyền’ kêu gọi trái tim và linh hồn của chúng ta. Họ là anh chị em của chúng ta, và vì vậy chúng ta phải yêu thương và chăm sóc họ” [192].

195. Tất cả những điều này có thể giúp chúng ta nhận ra rằng điều quan trọng không phải là liên tục đạt được những kết quả lớn lao, vì những điều này không phải lúc nào cũng khả hữu. Trong hoạt động chính trị, chúng ta nên nhớ rằng, “bất kể dáng bề ngoài, mỗi người đều vô cùng thánh thiện và đáng được chúng ta yêu mến. Do đó, nếu tôi có thể giúp đỡ ít nhất một người để họ có cuộc sống tốt đẹp hơn, điều đó đã biện minh cho sự hiến dâng đời tôi. Được làm dân trung thành của Thiên Chúa quả là một điều tuyệt diệu. Chúng ta đạt được sự viên mãn khi chúng ta đạp đổ các bức tường và trái tim chúng ta tràn ngập những khuôn mặt và tên tuổi!” [193]. Những mục tiêu lớn trong mộng ước và kế hoạch của chúng ta có thể chỉ đạt được một phần. Tuy nhiên, bên kia điều này, những người yêu mến, và những người không còn coi chính trị chỉ đơn thuần là việc tìm kiếm quyền lực, “có thể chắc chắn rằng không một hành vi yêu thương nào của chúng ta, cũng như bất cứ hành vi quan tâm chân thành nào của chúng ta đối với người khác, bị mất đi. Không một hành vi yêu thương nào đối với Thiên Chúa sẽ mất đi, không một cố gắng quảng đại nào là vô nghĩa, không một sự chịu đựng đau đớn nào bị lãng phí. Tất cả những điều này bao bọc thế giới của chúng ta như một sinh lực” [194].

196. Vì lý do này, đặt niềm hy vọng của chúng ta vào sức mạnh tiềm ẩn của những hạt giống tốt lành mà chúng ta gieo, và do đó, khởi diễn các diễn trình mà thành quả của chúng sẽ được những người khác gặt hái là một điều thật sự cao thượng. Nền chính trị tốt kết hợp tình yêu với lòng hy vọng và với niềm tin vào kho lòng tốt vốn hiện diện trong trái tim con người. Thật vậy, “đời sống chính trị chân chính, được xây dựng trên việc tôn trọng luật pháp và đối thoại thẳng thắn giữa các cá nhân, liên tục được đổi mới bất cứ khi nào có việc nhận ra rằng mọi người đàn bà và đàn ông, và mọi thế hệ mới, đều hứa hẹn mang tới các năng lực mới về liên hệ, trí thức, văn hóa và tâm linh” [195].

197. Nhìn cách trên, chính trị là một điều cao quý hơn là những trò làm dáng, tiếp thị và quay cuồng truyền thông. Những trò này không gieo rắc gì ngoài sự chia rẽ, xung đột và sự hoài nghi ảm đạm không thể huy động người ta theo đuổi một mục tiêu chung. Đôi khi, lúc nghĩ đến tương lai, chúng ta nên tự hỏi bản thân, "Tại sao tôi lại làm điều này?", "Mục tiêu thực sự của tôi là gì?" Vì, với thời gian trôi qua, ngẫm lại quá khứ, những câu hỏi sẽ không phải là: "Có bao nhiêu người tán thành tôi?", "Bao nhiêu người đã bỏ phiếu cho tôi?", "Bao nhiêu người có hình ảnh tích cực về tôi?" Câu hỏi thực sự và có tiềm năng gây đau đớn sẽ là, "Tôi đã đặt bao nhiêu tình yêu vào công việc của mình?" "Tôi đã làm gì cho sự tiến bộ của nhân dân chúng ta?" “Tôi đã để lại dấu ấn gì trong đời sống xã hội?” "Tôi đã tạo ra những dây liên kết thực sự nào?" "Tôi đã giải phóng những sức mạnh tích cực nào?" "Tôi đã gieo bao nhiêu hòa bình xã hội?" “Tôi đã hoàn thành được điều gì tốt ở chức vụ tôi được giao phó?”

CHƯƠNG SÁU: ĐỐI THOẠI VÀ TÌNH HỮU NGHỊ TRONG XÃ HỘI

198. Tiếp cận, nói chuyện, lắng nghe, nhìn nhau, tiến đến chỗ biết và hiểu nhau, và tìm cơ sở chung: tất cả những điều này được tóm gọn trong một chữ “đối thoại”. Nếu chúng ta muốn gặp gỡ và giúp đỡ nhau, chúng ta phải đối thoại. Tôi không cần phải nhấn mạnh các ơn ích của việc đối thoại. Tôi chỉ cần nghĩ tới việc thế giới của chúng ta sẽ ra sao nếu không có cuộc đối thoại kiên nhẫn của những con người rộng lượng, những người giữ cho các gia đình và cộng đồng ở lại với nhau. Không giống như bất đồng và xung đột, cuộc đối thoại kiên trì và can đảm không tạo ra những hàng tít lớn, nhưng lặng lẽ giúp thế giới sống tốt hơn chúng ta tưởng rất nhiều.

ĐỐI THOẠI XÃ HỘI CHO MỘT NỀN VĂN HÓA MỚI

199. Một số người cố gắng trốn chạy thực tại, trú ẩn trong thế giới nhỏ bé của riêng họ; những người khác phản

ứng thực tại bằng bạo lực hủy diệt. Tuy nhiên, "giữa sự thờ ơ ích kỷ và sự phản kháng bạo động luôn có một lựa chọn khả hữu khác: đó là lựa chọn đối thoại. Đối thoại giữa các thế hệ; đối thoại trong nhân dân, vì chúng ta hết thảy là dân tộc, có khả năng cho và nhận, trong khi vẫn cởi mở đối với sự thật. Một quốc gia phát triển mạnh mẽ khi cuộc đối thoại xây dựng diễn ra giữa nhiều thành tố văn hóa phong phú của nó: văn hóa đại chúng, văn hóa đại học, văn hóa tuổi trẻ, văn hóa nghệ thuật, văn hóa kỹ thuật, văn hóa kinh tế, văn hóa gia đình và văn hóa truyền thông" [196].

200. Đối thoại thường bị nhầm lẫn với một điều khá khác biệt: nóng nẩy trao đổi ý kiến trên mạng xã hội, thường dựa trên thông tin truyền thông không phải lúc nào cũng đáng tin cậy. Những cuộc trao đổi này chỉ đơn thuần là những cuộc độc thoại song hành. Chúng có thể thu hút sự chú ý bởi giọng điệu gay gắt và hung hãn. Nhưng các cuộc độc thoại không lôi kéo được ai và nội dung của chúng thường mang tính tự phục vụ và mâu thuẫn.

201. Thật vậy, vô số sự kiện và ý kiến ồn ào của truyền thông thường gây trở ngại cho đối thoại, vì nó cho phép mọi người ương ngạnh bám lấy các ý tưởng, sở thích và lựa chọn riêng của họ, với lời bào chữa rằng mọi người khác đều sai lầm. Việc làm mất uy tín và nhục mạ đối thủ ngay từ đầu trở nên dễ dàng hơn là việc mở ra một cuộc đối thoại tương kính nhằm đạt được một thỏa thuận ở bình diện sâu sắc hơn. Tệ hơn nữa, loại ngôn ngữ này, thường được rút tỉa từ việc đưa tin của các phương tiện truyền thông về các chiến dịch chính trị, đã trở nên phổ biến đến độ trở thành một phần của cuộc trò chuyện hàng ngày. Cuộc thảo luận thường bị thao túng bởi các nhóm quyền lợi đặc biệt có quyền thế, những người tìm cách làm cho dư luận nghiêng một cách bất công về phía có lợi cho họ. Loại thao túng này có thể được thực hiện không những nơi các chính phủ, mà cả trong kinh tế, chính trị, truyền thông, tôn giáo và nhiều lĩnh vực khác. Người ta đưa ra nhiều cố gắng nhằm biện minh hoặc bào chữa cho loại thao túng đó khi nó có xu hướng phục vụ quyền lợi kinh tế hoặc ý thức hệ của riêng họ, nhưng sớm hay muộn nó sẽ quay lưng chống lại chính những quyền lợi đó.

202. Thiếu đối thoại có nghĩa là trong những lĩnh vực riêng lẻ này, người ta quan tâm không phải đối với lợi ích chung, mà đối với lợi ích của quyền lực hoặc, cùng lắm, cũng là để tìm cách áp đặt các ý nghĩ của riêng họ. Vì vậy, bàn tròn trở thành những phiên đàm phán đơn thuần, trong đó các cá nhân cố gắng nắm bắt mọi lợi thế có thể có, thay vì hợp tác để theo đuổi lợi ích chung. Các bậc anh hùng trong tương lai sẽ là những người có thể phá vỡ cái khung suy nghĩ không lành mạnh này và kính cẩn cương quyết tôn trọng tính trung thực, vượt lên trên quyền lợi bản thân. Nhờ ý Thiên Chúa, những bậc anh hùng như vậy đang âm thầm xuất hiện, ngay lúc này, ở giữa lòng xã hội của chúng ta.

Cùng nhau xây dựng

203. Đối thoại xã hội chân chính bao gồm khả năng tôn trọng quan điểm của người khác và thừa nhận rằng nó có thể bao gồm những xác tín và mối quan tâm chính đáng. Dựa trên danh tính và kinh nghiệm của họ, những người khác có điều để đóng góp và người ta mong muốn rằng họ nên trình bày rõ ràng các lập trường của họ có lợi cho một cuộc tranh luận công khai hữu hiệu hơn. Khi các cá nhân hoặc các nhóm nhất quán trong suy nghĩ của họ, chịu bảo vệ các giá trị và niềm tin của họ, và khai triển lập luận của họ, thì điều này chắc chắn có lợi cho xã hội. Tuy nhiên, điều này chỉ có thể xảy ra theo mức độ có sự đối thoại chân chính và cởi mở với người khác. Thật vậy, "trong tinh thần đối thoại thực sự, chúng ta lớn lên trong khả năng nắm bắt được tầm quan trọng của những gì người khác nói và làm, ngay cả khi chúng ta không thể chấp nhận nó làm niềm tin của chính mình. Nhờ cách này, ta có thể thẳng thắn và cởi mở đối với niềm tin của chúng ta, trong khi tiếp tục thảo luận, tìm kiếm các điểm tiếp xúc, và trên hết, cùng làm việc và đấu tranh với nhau" [197]. Thảo luận công khai, nếu thực sự biết dành chỗ cho mọi người và không thao túng hoặc che giấu thông tin, là một kích thích liên tục để nắm bắt sự thật một cách tốt hơn, hoặc ít nhất để diễn đạt nó cách hữu hiệu hơn. Nó giữ cho các khu vực khác nhau không trở nên tự mãn và tự cho mình là trung tâm trong quan điểm và những mối quan tâm hạn chế của họ. Chúng ta đừng quên rằng "các dị biệt có tính sáng tạo; chúng tạo ra căng thẳng và nhờ việc giải quyết căng thẳng, nhân loại mới có sự tiến bộ" [198].

204. Càng ngày, người ta càng xác tín rằng, cùng với các tiến bộ khoa học chuyên ngành, chúng ta cần có việc truyền đạt liên ngành lớn lao hơn. Mặc dù thực tại là một, nhưng nó có thể được tiếp cận từ nhiều góc độ và

phương pháp luận khác nhau. Có nguy cơ này là một tiến bộ khoa học đơn nhất được coi như lăng kính khả hữu duy nhất để xem xét một khía cạnh đặc thù của cuộc sống, của xã hội và của thế giới. Các nhà nghiên cứu nào, tuy là chuyên gia trong lĩnh vực của họ, nhưng cũng quen thuộc với những phát hiện của các ngành khoa học và các môn học khác, là những người biết phân định các khía cạnh khác của đối tượng nghiên cứu của họ và do đó có thể cởi mở đối với một nhận thức toàn diện và toàn vẹn hơn về thực tại.

205. Trong thế giới hoàn cầu hóa ngày nay, "các phương tiện truyền thông có thể giúp chúng ta cảm thấy gần gũi với nhau hơn, cảm nhận được tính hợp nhất của gia đình nhân loại, từ đó có thể gợi hứng cho tình liên đới và nỗ lực nghiêm túc để bảo đảm một cuộc sống xứng đáng hơn cho mọi người… Các phương tiện truyền thông có thể giúp chúng ta rất nhiều trong việc này, nhất là ngày nay, khi các mạng lưới truyền thông của con người đã có những bước tiến chưa từng thấy. Đặc biệt, Internet mang lại nhiều khả thể gặp gỡ và liên đới vô cùng to lớn. Đây là một điều thực sự tốt đẹp, một ơn phúc của Thiên Chúa" [199]. Chúng ta cần liên tục bảo đảm để các hình thức truyền thông ngày nay thực sự hướng dẫn chúng ta tới cuộc gặp gỡ phong phú với người khác, trung thực theo đuổi toàn bộ sự thật, phục vụ, gần gũi với những người kém may mắn và cổ vũ công ích. Như các Giám mục Úc đã chỉ ra, chúng ta không thể chấp nhận "một thế giới kỹ thuật số được thiết kế để khai thác các nhược điểm của chúng ta và chỉ mang ra những điều tồi tệ nhất nơi con người" [200].

Cơ sở của đồng thuận

206. Thuyết tương đối không phải là giải pháp. Dưới chiêu bài khoan dung, thuyết tương đối cuối cùng trao cách giải thích các giá trị đạo đức cho những người nắm quyền, để được định nghĩa theo ý thích của họ. "Trong trường hợp thiếu sự thật khách quan hoặc các nguyên tắc lành mạnh khác hơn việc thỏa mãn các mong muốn riêng và các nhu cầu trước mắt của chúng ta… chúng ta không nên nghĩ rằng các cố gắng chính trị hoặc sức mạnh pháp luật đã là đủ… Khi chính văn hóa bị băng hoại, và sự thật khách quan và các nguyên tắc có giá trị phổ quát không còn được duy trì, thì pháp luật chỉ có thể được coi như những áp đặt độc đoán hoặc các trở ngại cần phải tránh" [201].

207. Liệu ta có thể quan tâm đến sự thật, tìm kiếm sự thật có thể giải đáp ý nghĩa sâu xa nhất của cuộc sống không? Luật pháp là gì nếu không có sự xác tín, phát sinh từ những suy tư lâu đời và túi khôn vĩ đại, rằng mỗi con người đều thánh thiêng và bất khả xâm phạm? Nếu muốn có một tương lai, xã hội phải tôn trọng sự thật về nhân phẩm của chúng ta và phục tùng sự thật đó. Giết người không sai chỉ vì nó không được xã hội chấp nhận và bị pháp luật trừng phạt, mà vì một xác tín sâu sắc hơn. Đây là một sự thật không thể thương lượng đạt được bằng cách sử dụng lý trí và được chấp nhận trong lương tâm. Một xã hội sở dĩ cao quý và đứng đắn đặc biệt là nhờ biết nâng đỡ việc theo đuổi chân lý và tuân thủ điều căn bản nhất của các chân lý.

208. Chúng ta cần học cách vạch trần những cách khác nhau trong việc thao túng, bóp méo và che giấu sự thật trong ngôn từ công khai và riêng tư. Điều chúng ta gọi là "sự thật" không những chỉ là việc tường thuật các sự kiện và biến cố, như chúng ta thấy trên các báo chí hàng ngày. Nó chủ yếu là việc tìm kiếm các nền tảng vững chắc nâng đỡ các quyết định và luật lệ của chúng ta. Điều này đòi hỏi phải thừa nhận rằng tâm trí con người có khả năng vượt qua những mối quan tâm tức thời và nắm bắt một số sự thật bất biến, đúng bây giờ cũng như trong quá khứ. Nhờ biết nhìn vào bản chất của con người, lý trí khám phá ra những giá trị phổ quát bắt nguồn từ cùng một bản chất đó.

209. Nếu không, há không thể quan niệm được việc những nhân quyền căn bản mà ngày nay chúng ta vốn coi như không thể tấn công sẽ bị những người cầm quyền bác bỏ, một khi họ đã đạt được "sự đồng thuận" của một quần chúng thờ ơ hoặc bị đe dọa đó sao? Mà một sự đồng thuận đơn thuần giữa các quốc gia khác nhau, tự nó dễ bị thao túng y như thế, cũng không đủ để bảo vệ chúng. Chúng ta có dư bằng chứng cho thấy chúng ta có thể có nhiều điều tốt đẹp, nhưng chúng ta cũng phải thừa nhận tính phá hoại vốn có trong chúng ta. Há sự thờ ơ và chủ nghĩa cá nhân vô tâm mà chúng ta từng sa vào cũng không là kết quả của việc chúng ta lười biếng trong việc theo đuổi các giá trị cao hơn, các giá trị vượt lên trên nhu cầu trước mắt của chúng ta đó sao? Thuyết tương đối luôn mang đến nguy cơ này là điều này hoặc điều nọ được cho là sự thật sẽ bị những kẻ nắm quyền hoặc người khôn khéo áp đặt. Tuy nhiên, "khi nói đến các quy tắc đạo đức ngăn cấm điều ác nội tại, thì không có đặc quyền hay ngoại lệ nào dành cho bất cứ ai. Không có gì khác biệt cho dù ai đó là chủ nhân của thế giới hay là người

'nghèo nhất trong số những người nghèo' trên trái đất. Trước các đòi hỏi đạo đức, tất cả chúng ta đều tuyệt đối bình đẳng" [202].

210. Điều đang xảy ra hiện nay và lôi kéo chúng ta vào một lối suy nghĩ đổi bại và cằn cỗi, là việc giản lược đạo đức và chính trị thành vật lý. Sự thiện và sự ác không còn hiện hữu trong chính chúng nữa; chỉ còn phép giải tích lợi hại và nặng nhẹ. Do sự chuyển vị lý luận đạo đức, luật pháp không còn được coi như phản ảnh ý niệm công lý căn bản mà như phản chiếu các ý niệm đang thịnh hành. Do đó có sự suy sụp: mọi sự đều bị "san bằng thấp xuống như nhau" bởi một đồng thuận đổi trao phiến diện. Cuối cùng, luật của kẻ mạnh nhất thắng thế.

Đồng thuận và sự thật

211. Trong một xã hội đa nguyên, đối thoại là cách tốt nhất để nhận ra điều phải luôn được khẳng định và tôn trọng bất kể sự đồng thuận phù phiếm nào. Cuộc đối thoại như vậy cần được làm phong phú và soi sáng bởi các biện minh, các lập luận hợp lý, một loạt các viễn ảnh và sự đóng góp của nhiều lĩnh vực nhận thức và quan điểm khác nhau. Cuộc đối thoại này cũng không được loại trừ xác tín cho rằng có thể đạt được một số chân lý nền tảng nào đó luôn cần được đề cao. Thừa nhận sự hiện hữu của một số giá trị lâu dài nào đó, dù không phải lúc nào cũng dễ biện phân ra chúng, mang lại sự vững chắc và ổn định cho một nền đạo đức xã hội. Ngay cả khi các giá trị căn bản đó được thừa nhận và chấp nhận nhờ đối thoại và đồng thuận, chúng ta thấy chúng vẫn vượt lên trên bất cứ sự đồng thuận nào; chúng ta thừa nhận chúng như các giá trị vượt quá các bối cảnh của chúng ta và không bao giờ thương lượng được. Sự hiểu biết của chúng ta về ý nghĩa và tầm quan trọng của chúng có thể gia tăng - và theo nghĩa này, sự đồng thuận là một điều có tính năng động - nhưng tự thân, chúng được coi như ổn định nhờ ý nghĩa nội tại của chúng.

212. Nếu một điều gì đó luôn phục vụ sự vận hành tốt đẹp của xã hội, há chẳng phải vì, nằm ở bên kia nó, có một sự thật lâu dài mà trí khôn ta có thể tiếp cận được đó sao? Nội tại trong bản chất của con người và xã hội vốn hiện hữu một số cơ cấu căn bản nào đó để hỗ trợ chúng ta phát triển và sinh tồn. Do đó, mà có một số yêu cầu và các yêu cầu này có thể được phát hiện nhờ đối thoại, mặc dù, nói một cách chính xác, chúng không được đồng thuận tạo ra. Sự kiện một số quy tắc nào đó cấp thiết đối với chính cuộc sống của xã hội là một dấu hiệu cho thấy chúng vốn tốt trong và tự chúng. Vì vậy, không cần thiết phải tương phản lợi ích của xã hội, sự đồng thuận và thực tại của sự thật khách quan. Ba thực tại này có thể được hòa hợp bất cứ khi nào, nhờ đối thoại, người ta không sợ đi vào trọng tâm của một vấn đề.

213. Phẩm giá của người khác phải được tôn trọng trong mọi hoàn cảnh, không phải vì phẩm giá đó là điều chúng ta đã sáng chế hay tưởng tượng ra, mà bởi vì con người sở hữu một giá trị nội tại vượt lên trên giá trị của các đồ vật vật chất và các tình huống không nhất thiết. Điều này đòi hỏi họ phải được đối xử khác khau. Sự kiện mỗi hữu thể nhân bản đều có một phẩm giá bất khả chuyển nhượng là một chân lý tương ứng với bản chất con người bất chấp mọi thay đổi văn hóa. Vì lý do này, con người có phẩm giá bất khả xâm phạm như nhau trong mọi thời đại của lịch sử và không ai có thể tự cho mình là người được ủy quyền bởi bất cứ tình huống đặc thù nào có thể bác bỏ xác tín này hoặc hành động chống lại nó. Trí khôn có thể tìm hiểu thực tại của sự vật qua suy tư, kinh nghiệm và đối thoại, và tiến đến chỗ nhận ra trong thực tại đó, một thực tại vốn vượt quá nó, cơ sở của một số đòi hỏi đạo đức phổ quát nào đó.

214. Đối với những người bất khả tri, nền tảng này có thể chứng tỏ là đủ để đem lại một giá trị phổ quát vững chắc và ổn định cho các nguyên tắc đạo đức căn bản và không thể thương lượng có thể giúp ngăn ngừa các thảm họa hơn nữa. Là các tín hữu, chúng ta tin chắc rằng bản chất con người, vốn là nguồn gốc của các nguyên tắc đạo đức, được Thiên Chúa tạo dựng, và cuối cùng chính Người là Đấng ban nền tảng vững chắc cho những nguyên tắc này [203]. Điều này không dẫn đến tính cứng ngắc đạo đức cũng như không dẫn đến việc áp đặt bất cứ hệ thống đạo đức nào, vì các nguyên tắc đạo đức có giá trị từ trong nền tảng và một cách phổ biến có thể được hiện thân trong các quy tắc thực tiễn khác nhau. Vì vậy, luôn có chỗ dành cho đối thoại.

MỘT NỀN VĂN HÓA MỚI

215. “Cuộc sống, dù với mọi việc đối đầu của nó, vẫn là một nghệ thuật gặp gỡ” [204]. Tôi đã thường xuyên kêu gọi sự phát triển một nền văn hóa gặp gỡ có khả năng vượt quá các khác biệt và chia rẽ của chúng ta. Điều này có nghĩa là làm việc để tạo ra một khối đa diện có nhiều phía khác nhau nhưng tạo thành một thể thống nhất sặc sỡ, trong đó “tổng thể lớn hơn một phần” [205]. Hình ảnh khối đa diện có thể tượng trưng cho một xã hội trong đó, các khác biệt cùng hiện hữu, bổ sung, làm phong phú và soi sáng lẫn nhau, ngay cả giữa những bất đồng và dè dặt. Mỗi chúng ta đều có thể học được điều gì đó từ những người khác. Không ai là vô dụng và không ai có thể bị hy sinh. Điều này cũng có nghĩa phải tìm cách bao gồm những người hiện nằm ở ngoại vi cuộc sống. Vì họ có cách nhìn khác về sự việc; họ nhìn thấy các khía cạnh của thực tại vốn vô hình đối với các trung tâm quyền lực nơi đưa ra các quyết định quan trọng.

Cuộc gặp gỡ trở thành văn hóa

216. Chữ “văn hóa” chỉ một điều đã ăn sâu vào một dân tộc, các xác tín trân trọng nhất và cách sống của họ. Nền “văn hóa” của một dân tộc không chỉ là một ý tưởng trừu tượng. Nó liên hệ đến các ước nguyện của họ, sở thích của họ và cuối cùng cách họ sống cuộc sống của họ. Nói đến nền “văn hóa gặp gỡ” có nghĩa là chúng ta, như một dân tộc, nên say mê với việc gặp gỡ người khác, tìm kiếm các điểm tiếp xúc, xây dựng những cầu nối, lập kế hoạch cho một dự án bao gồm mọi người. Điều này trở thành một khát vọng và một lối sống. Chủ thể của nền văn hóa này là nhân dân, chứ không đơn giản chỉ là một bộ phận của xã hội nhằm làm an tâm những người còn lại với sự giúp đỡ của các nguồn lực chuyên môn và các phương tiện truyền thông.

217. Hòa bình xã hội đòi hỏi sự chăm chỉ, lành nghề. Sẽ dễ dàng hơn nếu chỉ kiểm soát các quyền tự do và sự khác biệt bằng sự khôn khéo và một ít nguồn lực. Nhưng một nền hòa bình như thế sẽ hời hợt và mong manh, chứ không phải là thành quả của một nền văn hóa gặp gỡ nhằm mang lại sự ổn định lâu dài. Hòa nhập các khác biệt là một diễn trình khó khăn và chậm chạp hơn nhiều, nhưng nó bảo đảm một nền hòa bình chân chính và lâu dài. Hòa bình đó không thể đạt được chỉ nhờ vào những người trong sạch và không bị ô uế, vì “ngay cả những người có thể bị coi là đáng nghi vấn do lỗi lầm của họ cũng có một điều gì đó để cung hiến mà ta không được bỏ qua” [206]. Nó cũng không phát xuất từ việc phớt lờ các đòi hỏi của xã hội hoặc chế ngự các xáo trộn, vì nó không phải là “một đồng thuận trên giấy tờ hay một nền hòa bình nhất thời cho một thiểu số hài lòng” [207]. Điều quan trọng là tạo ra các diễn trình gặp gỡ, các diễn trình nhằm xây dựng một dân tộc biết chấp nhận các khác biệt. Chúng ta hãy trang bị cho con cái chúng ta bằng các vũ khí đối thoại! Chúng ta hãy dạy chúng chiến đấu cho cuộc chiến văn hóa gặp gỡ tốt đẹp!

Niềm vui thừa nhận người khác

218. Tất cả những điều trên đòi hỏi khả năng biết thừa nhận quyền của người khác được là chính họ và được khác biệt. Sự thừa nhận này, khi trở thành một nền văn hóa, có thể tạo ra một giao ước xã hội. Không có nó, nhiều cách tinh vi có thể được tạo ra nhằm biến người khác trở thành vô nghĩa, không còn liên quan, không có giá trị gì đối với xã hội. Trong khi bác bỏ một số hình thức bạo lực trông thấy, một loại bạo lực khác xảo quyệt hơn có thể bắt rễ: bạo lực của những người coi thường những người khác biệt, đặc biệt khi các yêu cầu của những người này làm tổn hại đến quyền lợi riêng của họ bất cứ cách nào.

219. Khi một bộ phận của xã hội khai thác tất cả những gì thế giới có nghĩa vụ cung ứng, hành động như thể người nghèo không hiện hữu, thì cuối cùng sẽ có hậu quả. Không sớm thì muộn, việc phớt lờ sự hiện hữu và quyền lợi của người khác sẽ bùng nổ dưới một số hình thức bạo lực, thường ít ngờ nhất. Tự do, bình đẳng và tình huynh đệ có thể vẫn chỉ là những lý tưởng cao cả trừ khi chúng được áp dụng cho mọi người. Cuộc gặp gỡ không thể diễn ra chỉ giữa những người nắm giữ quyền lực kinh tế, chính trị hoặc học thuật. Cuộc gặp gỡ xã hội chân chính đòi phải có một cuộc đối thoại dựa trên nền văn hóa được phần lớn dân số chia sẻ. Việc thường xảy ra là các ý tưởng tốt đẹp không được các thành phần nghèo hơn của xã hội chấp nhận vì chúng được trình bày trong một bộ áo văn hóa không phải của họ và họ không thể đồng nhất hóa với nó. Một giao ước xã hội thực tiễn và bao trùm cũng phải là một “giao ước văn hóa”, một giao ước biết tôn trọng và thừa nhận các thế giới quan, các nền văn hóa và các lối sống khác nhau cùng hiện hữu với nhau trong xã hội.

220. Chẳng hạn, các dân tộc bản địa không phản đối sự tiến bộ, nhưng quan niệm của họ là một quan niệm khác về sự tiến bộ, thường mang tính nhân bản hơn so với nền văn hóa hiện đại của các dân tộc phát triển. Văn hóa của họ không phải là một nền văn hóa nhằm mang lại lợi ích cho những kẻ có quyền lực, những người được thúc đẩy tạo ra cho chính họ một loại thiên đường ở ngay trần gian này. Bất khoan dung và thiếu tôn trọng các nền văn hóa đại chúng bản địa là một hình thức bạo lực dựa trên cách nhìn chúng một cách lạnh lùng và mang tính phán xét. Không thể có sự thay đổi đích thực, sâu sắc và lâu dài trừ khi nó bắt đầu từ các nền văn hóa khác nhau, nhất là các nền văn hóa của người nghèo. Một giao ước văn hóa xa lánh lối hiểu độc khối (monilithic) về bản sắc của một nơi chốn đặc thù; nó bao hàm lòng tôn trọng đối với tính đa dạng bằng cách cung ứng các cơ hội thăng tiến và hòa nhập xã hội cho mọi người.

221. Một giao ước như vậy cũng đòi hỏi sự nhận thức ra rằng một số điều có thể bị bác bỏ vì lợi ích chung. Không ai có thể sở hữu toàn bộ sự thật hoặc thỏa mãn mọi mong muốn của mình, vì sự kỳ vọng đó sẽ dẫn đến việc triệt tiêu người khác bằng cách bác bỏ các quyền lợi của họ. Một khái niệm sai lầm về lòng khoan dung phải nhường chỗ cho một chủ nghĩa hiện thực đối thoại về phần những người đàn ông và những người đàn bà biết trung thành với các nguyên tắc của riêng họ trong khi thừa nhận rằng những người khác cũng có quyền làm như vậy. Đây là sự thừa nhận người khác một cách chân chính mà chỉ có tình yêu mới làm cho khả hữu. Chúng ta phải đứng vào vị trí của người khác, nếu chúng ta muốn khám phá ra điều gì là chân chính, hoặc ít nhất có thể hiểu được, trong các động cơ và mối quan tâm của họ.

PHỤC HỒI LÒNG TỐT

222. Chủ nghĩa cá nhân tiêu dùng đã dẫn đến sự bất công lớn. Những người khác bị xem như chỉ là trở ngại cho sự hiện hữu thanh thản của chúng ta; kết cục, chúng ta coi họ như những người làm ta khó chịu và chúng ta ngày càng trở nên hung hãn. Điều này càng đúng hơn trong thời kỳ khủng hoảng, thảm họa và khổ cực, khi chúng ta bị cám dỗ nghĩ theo câu nói cổ thời, "mọi người vì chính mình". Tuy nhiên, ngay cả những khi đó, chúng ta vẫn có thể quyết định chọn việc nuôi dưỡng lòng tốt. Những người làm như vậy trở thành những ngôi sao rạng sáng giữa bóng tối.

223. Thánh Phaolô mô tả lòng tốt (kindness) như hoa trái của Chúa Thánh Thần (Gl 5:22). Ngài sử dụng chữ Hy Lạp *chrestótes*, chữ này mô tả một thái độ hòa nhã, dễ chịu và hỗ trợ, không thô lỗ hay xỗ xàng. Những cá nhân có phẩm chất này thường giúp làm cho cuộc sống của người khác dễ chịu hơn, nhất là bằng cách chia sẻ gánh nặng các nan đề, nhu cầu và nỗi sợ hãi của họ. Cách đối xử với người khác này có thể mang nhiều hình thức khác nhau: một hành động tử tế, một sự quan tâm không xúc phạm bằng lời nói hoặc việc làm, một sự sẵn sàng làm nhẹ bớt gánh nặng của họ. Nó bao gồm việc "nói những lời khuyên giải, sức mạnh, an ủi và khuyến khích" chứ không phải "những lời nhằm hạ thấp, gây buồn bã, tức giận hoặc biểu lộ sự khinh bỉ" [208].

224. Lòng tốt giải thoát chúng ta khỏi sự độc ác đôi khi đầu độc các mối liên hệ của con người, khỏi sự lo lắng vốn ngăn cản chúng ta nghĩ đến người khác, khỏi những hoạt động cuồng nhiệt đến quên rằng người khác cũng có quyền được hạnh phúc. Ngày nay, chúng ta thường không có cả thời gian lẫn năng lực để dừng lại và đối xử tốt với người khác, để nói "xin lỗi", "bỏ quá cho", "cảm ơn". Tuy nhiên, thỉnh thoảng, một cách lạ lùng, một người tốt bụng bỗng xuất hiện và sẵn sàng gạt mọi sự khác sang một bên để thể hiện sự quan tâm, để ban tặng một nụ cười, để nói một lời động viên, lắng nghe giữa sự thờ ơ chung. Nếu chúng ta nỗ lực hàng ngày để thực hiện chính điều này, chúng ta có thể tạo ra một bầu không khí xã hội lành mạnh, trong đó những hiểu lầm có thể được khắc phục và xung đột được ngăn chặn. Lòng tốt cần được trau dồi; nó không phải là nhân đức tư sản hời hợt. Chính vì nó bao hàm lòng quý mến và tôn trọng người khác, nên một khi lòng tốt trở thành một nét văn hóa trong xã hội, nó sẽ biến đổi lối sống, các mối liên hệ và cách các ý tưởng được thảo luận và so sánh. Lòng tốt tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm kiếm sự đồng thuận; nó mở ra những nẻo đường mới trên đó sự thù địch và xung đột sẽ đốt cháy mọi cây cầu.

CHƯƠNG BẢY: CÁC NẺO ĐƯỜNG GẶP GỠ ĐỐI MỚI

225.Nhiều nơi trên thế giới đang cần có những nẻo đường hòa bình để chữa lành các vết thương chưa lành. Cũng đang cần có những người kiến tạo hòa bình, những người đàn ông và đàn bà được chuẩn bị để làm việc một cách

mạnh dạn và sáng tạo nhằm khởi xướng các diễn trình hàn gắn và gặp gỡ đổi mới.

BẮT ĐẦU LẠI TỪ SỰ THẬT

226. Cuộc gặp gỡ đổi mới không có nghĩa là quay trở lại thời điểm trước khi xảy ra xung đột. Tất cả chúng ta đều thay đổi theo thời gian. Đau đớn và xung đột biến đổi chúng ta. Chúng ta không còn sử dụng việc che đậy, kiểu nói nước đôi, các nghị trình dấu mặt và cách cư xử tốt nhằm che đậy thực tại như người ta vốn dùng trong đường lối ngoại giao trống rỗng. Những kẻ thù ác liệt cần phải nói từ sự thật một cách thẳng thắn và rõ ràng. Họ phải học cách trau dồi ký ức sám hối, một ký ức có thể chấp nhận quá khứ để không che khuất tương lai bằng những hối tiếc, những nan đề và kế hoạch của riêng họ. Chỉ bằng cách dựa trên sự thật lịch sử của các biến cố, họ mới có thể có các cố gắng rộng lớn và bền bỉ để hiểu nhau và phấn đấu cho một tổng hợp mới vì lợi ích của mọi người. Mọi "tiến trình hòa bình đều đòi hỏi sự cam kết lâu dài. Đó là một nỗ lực kiên nhẫn để tìm kiếm sự thật và công lý, để tôn vinh ký ức của các nạn nhân và từng bước mở đường cho một niềm hy vọng chung mạnh hơn mong muốn trả thù" [209]. Như các Giám mục Congo đã từng nói về một cuộc xung đột tái diễn đi tái diễn lại: "Các thỏa ước hòa bình trên giấy tờ sẽ không đủ. Chúng ta sẽ phải tiến xa hơn, bằng cách tôn trọng các đòi hỏi của sự thật liên quan đến nguồn gốc của cuộc khủng hoảng tái diễn đi tái diễn lại này. Người dân có quyền biết những gì đã xảy ra" [210].

227. "Thật ra, sự thật là người bạn đồng hành không thể tách biệt của công lý và lòng thương xót. Cả ba cùng có tính chủ yếu để xây dựng hòa bình; hơn thế nữa, mỗi điều đều ngăn cản điều kia khỏi bị thay đổi… Sự thật không nên dẫn đến sự trả thù, mà đúng hơn phải dẫn tới sự hòa giải và tha thứ. Sự thật có nghĩa là nói cho các gia đình tan nát vì nỗi đau những gì đã xảy ra với những người thân đã mất của họ. Sự thật có nghĩa là thú nhận những gì đã xảy ra với các vị thành niên bị tuyển mộ bởi những kẻ tàn ác và bạo lực. Sự thật có nghĩa là thừa nhận nỗi đau của những người đàn bà là nạn nhân của bạo lực và lạm dụng… Mọi hành động bạo lực vi phạm chống lại con người đều là vết thương trên da thịt nhân loại; mỗi cái chết do bạo lực làm thu nhỏ chúng ta như những con người… Bạo lực dẫn đến bạo lực nhiều hơn, hận thù tới hận thù nhiều hơn, chết đến chết nhiều hơn. Chúng ta phải phá vỡ vòng lẩn quẩn, một vòng lẩn quẩn xem ra không thể thoát được này" [211].

NGHỆ THUẬT VÀ KHOA KIẾN TRÚC HÒA BÌNH

228. Con đường dẫn đến hòa bình không có nghĩa là làm cho xã hội độc dạng một cách nhạt nhẽo, mà là đem mọi người đến chỗ làm việc chung với nhau, sát cánh, theo đuổi những mục tiêu có lợi cho mọi người. Hàng loạt các đề xuất thực tiễn và các kinh nghiệm đa dạng có thể giúp đạt được các mục tiêu chung và phục vụ lợi ích chung. Các vấn đề mà xã hội đang gặp phải cần được nhận diện rõ ràng, để có thể đánh giá cao sự hiện hữu của các cách hiểu và cách giải quyết chúng khác nhau. Con đường dẫn đến sự hợp nhất xã hội luôn đòi hỏi phải thừa nhận khả thể này là những người khác, ít nhất là một phần, có quan điểm chính đáng, một điều gì đó đáng giá để đóng góp, ngay cả khi họ mắc lỗi lầm hoặc hành động tồi tệ. "Chúng ta đừng bao giờ giới hạn người khác vào những gì họ có thể đã nói hoặc đã làm, nhưng hãy coi trọng họ vì lời hứa mà họ vốn nhập thân" [212], một lời hứa luôn mang theo nó một tia hy vọng mới.

229. Các Giám mục Nam Phi đã nhấn mạnh rằng sự hòa giải đích thực đạt được một cách chủ động, "bằng cách tạo ra một xã hội mới, một xã hội dựa trên việc phục vụ người khác, thay vì mong muốn thống trị; một xã hội dựa trên việc chia sẻ những gì mình có với người khác, thay vì mỗi người ích kỷ tranh giành để có được càng nhiều của cải càng tốt; một xã hội trong đó giá trị của việc chung sống với nhau như những con người cuối cùng quan trọng hơn bất cứ nhóm nhỏ hơn nào, cho dù đó là gia đình, quốc gia, chủng tộc hay văn hóa" [213]. Như các Giám mục Nam Hàn đã nhấn mạnh, hòa bình thực sự "chỉ có thể đạt được khi chúng ta nỗ lực theo đuổi công lý qua đối thoại, theo đuổi hòa giải và cùng phát triển" [214].

230. Làm việc để vượt qua sự chia rẽ của chúng ta mà không làm mất đi bản sắc của chúng ta như các cá nhân phải giả thiết điều này là cảm thức căn bản thuộc về hiện diện nơi mọi người. Thật vậy, "xã hội được hưởng lợi khi mỗi người và nhóm xã hội cảm thấy thực sự như ở nhà. Trong một gia đình, cha mẹ, ông bà và con cái đều cảm thấy như ở nhà; không ai bị loại trừ. Nếu ai đó có vấn đề, thậm chí một vấn đề nghiêm trọng, thậm chí khi họ tự mình gánh vác nó, những người còn lại trong gia đình vẫn đến giúp người này; họ nâng đỡ người này. Vấn

đề của người này là vấn đề của họ… Trong gia đình, mọi người đều đóng góp vào mục đích chung; mọi người đều hoạt động vì lợi ích chung, không phủ nhận cá nhân tính của mỗi người nhưng khuyến khích và nâng đỡ nó. Họ có thể cãi nhau, nhưng có một điều không thay đổi: tình liên kết gia đình. Những tranh chấp trong gia đình luôn được giải quyết sau đó. Các niềm vui và nỗi buồn của mỗi thành viên của nó đều được mọi người cảm nhận. Đó là ý nghĩa của một gia đình! Ước chi chúng ta có thể nhìn các đối thủ chính trị hoặc hàng xóm của mình theo cách chúng ta nhìn con cái hoặc vợ / chồng, mẹ hoặc cha của mình! Điều này sẽ tốt biết bao! Chúng ta có yêu xã hội của chúng ta hay nó vẫn còn là một điều gì đó xa vời, một điều gì đó ẩn danh không liên quan đến chúng ta, một điều gì đó không được chúng ta cam kết dấn thân?"[215]

231. Đàm phán thường trở nên cần thiết để lên khuôn các nẻo đường cụ thể dẫn đến hòa bình. Tuy nhiên, các diễn trình thay đổi dẫn đến nền hòa bình lâu dài được các dân tộc tạo ra trước hết; mỗi cá nhân có thể hành động như một chất men hữu hiệu bằng lối sống cuộc sống mỗi ngày của họ. Những thay đổi lớn lao không được tạo ra phía sau các bàn làm việc hoặc trong các văn phòng. Điều này có nghĩa "mọi người đều có vai trò căn bản trong một dự án sáng tạo vĩ đại đơn nhất: viết một trang sử mới, một trang đầy hy vọng, hòa bình và hòa giải" [216]. Có một "khoa kiến trúc" hòa bình, trong đó các định chế khác nhau của xã hội đóng góp, mỗi định chế tùy theo lĩnh vực chuyên môn riêng, nhưng cũng có một "nghệ thuật" hòa bình bao gồm mọi người chúng ta. Từ các tiến trình hòa bình khác nhau từng diễn ra ở các khu vực khác nhau trên thế giới, "chúng ta đã học được điều này là những cách thức tạo hòa bình này, những cách thức đặt lý lẽ lên trên trả thù, những cách thức tạo hài hòa tinh tế giữa chính trị và luật pháp, không thể bỏ qua sự tham gia của những người bình thường. Hòa bình không đạt được bằng các khuôn khổ quy phạm và các sắp xếp định chế giữa các nhóm chính trị hoặc kinh tế có ý nghĩa… Điều luôn hữu ích là lồng vào các tiến trình hòa bình của chúng ta kinh nghiệm của những lĩnh vực thường bị bỏ qua, để chính các cộng đồng có thể ảnh hưởng đến việc phát triển một ký ức tập thể" [217].

232. Việc xây dựng hòa bình xã hội của một quốc gia không có kết thúc; đúng hơn, đó là "một nỗ lực luôn còn đó, một nhiệm vụ không bao giờ kết thúc, đòi hỏi sự dấn thân của mọi người và thách thức chúng ta làm việc không mệt mỏi để xây dựng sự hợp nhất quốc gia. Bất chấp các trở ngại, khác biệt và quan điểm khác nhau về đường lối đạt được sự chung sống hòa bình, nhiệm vụ này kêu gọi chúng ta kiên trì trong cuộc đấu tranh nhằm cổ vũ nền 'văn hóa gặp gỡ'. Điều này đòi hỏi chúng ta phải đặt ở vị trí trung tâm của mọi hoạt động chính trị, xã hội và kinh tế chính con người, chủ thể được hưởng phẩm giá cao nhất, và việc tôn trọng công ích. Ước mong quyết tâm này giúp chúng ta thoát khỏi cơn cám dỗ muốn trả thù và thỏa mãn các quyền lợi đảng phái ngắn hạn" [218]. Các cuộc biểu tình bạo động công khai, về mặt này hay mặt khác, không giúp tìm được các giải pháp. Chủ yếu vì, như các Giám mục Colombia đã lưu ý một cách đúng đắn, "nguồn gốc và mục tiêu của các cuộc biểu tình dân sự không phải lúc nào cũng rõ ràng; một số hình thức thao túng chính trị nào đó có hiện diện và trong một số trường hợp, chúng đã bị khai thác cho quyền lợi đảng phái" [219].

Bắt đầu với người nhỏ bé nhất

233. Xây dựng tình bạn xã hội không những kêu gọi sự sáp lại gần nhau giữa các nhóm người đứng về các phe khác nhau trong một giai đoạn lịch sử khó khăn nào đó, nhưng còn kêu gọi sự gặp gỡ đổi mới với những thành phần nghèo khó và dễ bị tổn thương nhất của xã hội. Vì hòa bình "không chỉ đơn thuần là không có chiến tranh mà còn là một cam kết không mệt mỏi - đặc biệt là về phía những người trong chúng ta có trách nhiệm lớn hơn – trong việc nhìn nhận, bảo vệ và khôi phục một cách cụ thể phẩm giá vốn thường bị bỏ qua hoặc làm ngơ của anh chị em chúng ta, để họ có thể coi mình như các nhân vật chủ đạo chính của vận mệnh quốc gia của họ" [220].

234. Thông thường, những thành viên dễ bị tổn thương hơn trong xã hội là nạn nhân của những sự khái quát hóa không công bằng. Nếu đôi khi, những người nghèo và những người mất hết sở hữu phản ứng bằng những thái độ có vẻ như chống đối xã hội, chúng ta nên nhận ra rằng trong nhiều trường hợp, những phản ứng đó phát sinh từ một lịch sử khinh miệt và loại trừ xã hội. Các Giám mục Châu Mỹ Latinh từng nhận xét rằng "chỉ có sự gần gũi làm chúng ta thành bạn bè mới có thể giúp chúng ta đánh giá cách sâu sắc các giá trị của người nghèo ngày nay, các nguyện vọng chính đáng của họ và cách sống đức tin của họ. Chọn người nghèo sẽ dẫn chúng ta đến tình bạn với người nghèo" [221].

235. Những người làm việc cho việc chung sống xã hội thanh bình không bao giờ nên quên rằng bất bình đẳng

và thiếu sự phát triển toàn diện của con người khiến hòa bình trở thành bất khả hữu. Thật vậy, "không có các cơ hội bình đẳng, các hình thức xâm lược và xung đột khác nhau sẽ tìm được mảnh đất màu mỡ để phát triển và cuối cùng sẽ bùng nổ. Khi một xã hội – bất kể là địa phương, quốc gia hay hoàn cầu - sẵn lòng bỏ mặc một phần của chính nó ở ngoài rìa, thì không có chương trình hoặc nguồn lực chính trị nào dành cho các hệ thống giám sát hoặc thực thi pháp luật có thể bảo đảm được sự thanh bình vô thời hạn" [222]. Nếu chúng ta phải bắt đầu lại, nó luôn phải từ những người anh chị em bé nhỏ nhất của chúng ta.

GIÁ TRỊ VÀ Ý NGHĨA CỦA THA THỨ

236. Có những người không thích nói về hòa giải, vì họ nghĩ rằng xung đột, bạo lực và đổ vỡ là một phần hoạt động bình thường của một xã hội. Trong bất cứ nhóm người nào cũng luôn có những cuộc tranh giành quyền lực ít nhiều tinh vi giữa các phe phái khác nhau. Có người nghĩ rằng cổ vũ sự tha thứ có nghĩa là nhường cơ sở và ảnh hưởng cho người khác. Vì lý do này, họ cảm thấy tốt hơn là giữ nguyên trạng mọi điều, duy trì sự cân bằng quyền lực giữa các nhóm khác nhau. Lại có những người khác tin rằng hòa giải là một dấu hiệu của sự yếu kém; không có khả năng đối thoại thực sự nghiêm túc, họ quyết định tránh né các vấn đề bằng cách phớt lờ các bất công. Không thể đối phó với các vấn đề, họ chọn nền hòa bình biểu kiến.

Xung đột bất khả kháng

237. Tha thứ và hòa giải là chủ đề trung tâm của Kitô giáo và, theo nhiều cách khác nhau, của các tôn giáo khác nữa. Tuy nhiên, có nguy cơ là sự hiểu biết và trình bày không thỏa đáng các xác tín sâu sắc này có thể dẫn đến định mệnh thuyết, thờ ơ và bất công, hoặc thậm chí bất khoan dung và bạo lực.

238. Chúa Giêsu không bao giờ cổ súy bạo lực hoặc bất khoan dung. Người công khai lên án việc sử dụng vũ lực để giành lấy quyền lực trên người khác: "Anh em biết : thủ lãnh các dân thì dùng uy mà thống trị dân, những người làm lớn thì lấy quyền mà cai quản dân. Giữa anh em thì không được như vậy" (Mt 20: 25-26). Thay vào đó, Tin Mừng cho chúng ta biết phải tha thứ "bảy mươi lần bảy" (Mt 18:22) và nêu gương người đầy tớ bất nhân, chính mình được tha thứ, nhưng lại không thể tha thứ cho người khác (x. Mt 18: 23-35).

239. Đọc các bản văn khác của Tân Ước, chúng ta có thể thấy các cộng đồng Kitô giáo sơ khai, sống trong một thế giới ngoại giáo nổi tiếng về sự băng hoại và sai lầm rộng rãi, đã tìm cách biểu lộ sự kiên nhẫn, lòng khoan dung và sự hiểu biết không hề sai sót. Một số bản văn rất rõ ràng về phương diện này: chúng ta được yêu cầu phải khuyên nhủ đối phương "một cách dịu dàng" (2 Tm 2:25) và khuyến khích "đừng nói xấu ai, tránh cãi vã, phải hòa nhã và biểu lộ lịch sự đối với mọi người. Vì chính chúng ta đã từng ngu dại" (Tt 3: 2-3). Sách Tông Đồ Công Vụ ghi nhận rằng các môn đệ, mặc dù bị một số nhà cầm quyền bắt bớ, nhưng "đã được mọi người yêu mến" (2:47; xem 4: 21.33; 5:13).

240. Tuy nhiên, khi chúng ta suy ngẫm về sự tha thứ, hòa bình và hòa hợp xã hội, chúng ta cũng bắt gặp câu nói choáng váng của Chúa Kitô: "Anh em đừng tưởng Thầy đến đem bình an cho trái đất; Thầy đến không phải để đem bình an, nhưng để đem gươm giáo. Quả vậy, Thầy đến để gây chia rẽ giữa con trai với cha, giữa con gái với mẹ, giữa con dâu với mẹ chồng. Kẻ thù của mình chính là người nhà" (Mt 10:34-36). Những lời này cần được hiểu trong đồng văn của chương trong đó chúng hiện diện, nơi rõ ràng Chúa Giêsu đang nói về lòng trung thành đối với quyết định của chúng ta bước theo chân Người; chúng ta không xấu hổ về quyết định đó, ngay cả khi nó kéo theo nhiều khổ cực khác nhau, thậm chí cả người thân của chúng ta cũng từ chối chấp nhận nó. Lời lẽ của Chúa Kitô không khuyến khích chúng ta tìm kiếm xung đột, mà chỉ đơn giản chịu đựng nó khi nó chắc chắn xảy đến, để việc tôn trọng con người không dẫn đến việc suy giảm lòng trung thành nói là để phục vụ điều được coi là hòa bình trong gia đình hoặc xã hội. Thánh Gioan Phaolô II đã nhận định rằng Giáo hội "không có ý định lên án mọi hình thức xung đột xã hội có thể có. Giáo hội nhận thức rõ ràng rằng trong dòng lịch sử, các xung đột quyền lợi giữa các nhóm xã hội khác nhau chắc chắn sẽ phát sinh, và khi đối mặt với những xung đột đó, các Kitô hữu thường phải có một lập trường, một cách trung thực và dứt khoát " [223].

Xung đột chính đáng và sự tha thứ

241. Điều trên cũng không có nghĩa là kêu gọi sự tha thứ khi liên quan đến việc từ bỏ các quyền của chính chúng ta, đối đầu với các quan chức tham nhũng, tội phạm hoặc những người sẽ làm giảm phẩm giá của chúng ta. Chúng ta được mời gọi yêu thương mọi người, không trừ ai; đồng thời, yêu một kẻ áp bức không có nghĩa là để họ tiếp tục đàn áp chúng ta, hoặc để họ nghĩ rằng những gì họ làm là có thể chấp nhận được. Ngược lại, tình yêu chân chính đối với kẻ áp bức có nghĩa là tìm cách khiến người đó chấm dứt sự áp bức của họ; nó có nghĩa là tước bỏ khỏi họ một sức mạnh mà họ đã không biết cách sử dụng, và là điều làm giảm nhân tính của chính họ và của người khác. Sự tha thứ không ngụ hàm việc để những kẻ áp bức tiếp tục chà đạp lên nhân phẩm của họ và của người khác, hoặc để cho các kẻ tội phạm tiếp tục hành vi sai trái của họ. Những người bị bất công phải hết sức bảo vệ quyền lợi của chính họ và của gia đình họ, chính vì họ phải bảo tồn phẩm giá mà họ đã nhận được như một hồng ân đầy yêu thương của Thiên Chúa. Nếu một tên tội phạm đã làm hại tôi hoặc một người thân yêu, không ai có thể cấm tôi đòi hỏi công lý và bảo đảm rằng người này - hoặc bất cứ ai khác - sẽ không làm hại tôi hoặc những người khác, một lần nữa. Điều này hoàn toàn công chính; việc tha thứ không ngăn cấm nó mà thực sự đòi hỏi nó.

242. Điều quan trọng là không được châm ngòi cho sự tức giận, một điều vốn không lành mạnh cho linh hồn chúng ta và linh hồn của những người thuộc chúng ta, hoặc trở nên bị ám ảnh với việc trả thù và tiêu diệt người khác. Không ai đạt được bình an nội tâm hoặc trở lại với cuộc sống bình thường theo cách đó. Sự thật là "không một gia đình nào, không một nhóm láng giềng nào, không một nhóm sắc tộc nào, càng không một quốc gia nào, có tương lai nếu sức mạnh hợp nhất họ, đem họ lại với nhau và giải quyết các khác biệt của họ là báo thù và hận thù. Chúng ta không thể đi đến thỏa thuận và hợp nhất vì mục đích trả thù, hoặc đối xử với người khác bằng cùng một bạo lực mà họ đã đối xử với chúng ta, hoặc âm mưu tạo cơ hội trả đũa dưới sự bảo trợ biểu kiến của pháp luật" [224]. Ta sẽ không thu được gì theo cách này và cuối cùng, sẽ mất mọi thứ.

243. Chắc chắn, "Vượt qua di sản cay đắng của những bất công, thù địch và sự ngờ vực do xung đột để lại không phải là một trách vụ dễ dàng. Nó chỉ có thể thực hiện được bằng cách chiến thắng sự ác bằng sự thiện (xem Rm 12:21) và bằng cách trau dồi những nhân đức phát huy hòa giải, liên đới và hòa bình " [225]. Bằng cách này, "những người nuôi dưỡng lòng tốt trong trái tim họ sẽ thấy rằng lòng tốt đó sẽ dẫn đến một lương tâm thanh thản và một niềm vui sâu sắc, ngay cả khi đang gặp khó khăn và hiểu lầm. Ngay cả khi bị đối đầu, lòng tốt không bao giờ yếu đuối mà trái lại, biểu lộ sức mạnh của nó bằng cách từ chối trả thù " [226]. Mỗi người trong chúng ta nên nhận ra rằng "ngay cả bản án khắc nghiệt mà tôi giữ trong lòng đối với anh trai hoặc em gái của mình, vết thương đang gây đau không bao giờ được chữa lành, hành vi phạm tội không bao giờ được tha thứ, sự hiềm thù sẽ chỉ làm tổn thương tôi, tất cả đều là những điển hình của cuộc đấu tranh mà tôi phải mang trong mình, một ngọn lửa nhỏ tận sâu thẳm trong trái tim tôi cần được dập tắt trước khi nó biến thành ngọn lửa lớn" [227].

Cách tốt nhất để tiếp tục tiến bước

244. Khi các xung đột không được giải quyết mà được giấu kín hoặc chôn vùi trong quá khứ, sự im lặng có thể dẫn đến việc đồng lõa với những việc làm sai lầm và tội lỗi nghiêm trọng. Hòa giải đích thực không chạy trốn khỏi xung đột, mà phải đạt được trong xung đột, giải quyết nó qua đối thoại và thương lượng cởi mở, trung thực và kiên nhẫn. Xung đột giữa các nhóm khác nhau "nếu nó từ khước thù hằn và hận thù lẫn nhau, dần dần sẽ thay đổi thành một cuộc thảo luận trung thực về những khác biệt dựa trên khát vọng công lý" [228].

245. Trong nhiều trường hợp, tôi đã nói về "một nguyên tắc không thể thiếu đối với việc xây dựng tình hữu nghị trong xã hội: đó là hợp nhất lớn hơn xung đột… Điều này không hẳn là việc chọn một loại chủ nghĩa chiết trung, hoặc bắt người này phải tan hòa vào người khác, nhưng đúng hơn nhằm một giải quyết diễn ra trên bình diện cao hơn và duy trì những gì hợp lệ và hữu ích cho cả hai bên" [229]. Tất cả chúng ta đều biết rằng "khi chúng ta, trong tư cách cá nhân và cộng đồng, học cách nhìn xa hơn bản thân và những quyền lợi đặc thù của chúng ta, thì sự hiểu biết và cam kết hỗ tương sẽ đơm hoa kết trái… trong một khung cảnh trong đó, xung đột, căng thẳng và thậm chí các nhóm từng bị coi là thù nghịch có thể đạt được một sự hợp nhất nhiều mặt, điều vốn làm nảy sinh cuộc sống mới [230].

KÝ ỨC

246. Đối với những người đã phải chịu đựng nhiều đau khổ bất công và tàn ác, không nên đòi một loại "tha thứ có tính xã hội". Hòa giải là một hành vi bản thân, và không ai có thể áp đặt nó lên toàn bộ xã hội, dù nhu cầu cổ vũ nó lớn lao đến đâu. Về phương diện hoàn toàn bản thân, một người nào đó, bằng một quyết định tự do và quảng đại, có thể quyết định không đòi trừng phạt (x. Mt 5: 44-46), ngay cả khi xã hội và hệ thống công lý của nó có quyền đòi hỏi một cách chính đáng. Tuy nhiên, không thể tuyên bố một "việc hòa giải tổng quát" (blanket reconciliation) trong nỗ lực băng bó các vết thương bằng sắc lệnh hoặc che đậy những bất công bằng chiếc chiếc áo choàng lãng quên. Ai có thể nhân danh người khác đòi hỏi tha thứ? Quả là cảm động khi thấy có những người có thể bỏ qua những tổn hại mà họ phải chịu đựng để tha thứ, nhưng về mặt con người, cũng dễ hiểu nếu có những người không thể làm thế. Dù sao, quên không bao giờ là câu trả lời.

247. Nạn Diệt Chủng Do Thái (Shoah) không nên bị lãng quên. Nó là "biểu tượng lâu dài cho những vực thẳm mà cái ác của con người có thể sa xuống khi, bị thúc đẩy bởi các ý thức hệ sai lầm, nó không nhận ra phẩm giá căn bản của mỗi con người, một điều đáng được tôn trọng vô điều kiện bất kể nguồn gốc sắc tộc hay niềm tin tôn giáo" [231]. Khi nghĩ về điều đó, tôi không thể không lặp lại lời cầu nguyện này: "Lạy Chúa, xin nhớ đến chúng con trong lòng thương xót của Chúa. Xin ban cho chúng con ơn biết xấu hổ về những gì mà loài người chúng con đã làm, xấu hổ về sự sùng bái ngẫu thần to lớn này, về việc đã khinh thường và hủy hoại xác thịt chúng con mà Chúa đã tác tạo từ trái đất, rồi ban sự sống cho nó bằng hơi thở sự sống của chính Chúa. Không bao giờ nữa, lạy Chúa, không bao giờ nữa! " [232].

248. Chúng ta cũng không được quên những trái bom nguyên tử ném xuống Hiroshima và Nagasaki. Một lần nữa, "Tôi bày tỏ lòng kính trọng đối với tất cả các nạn nhân, và tôi cúi đầu trước sức mạnh và phẩm giá của những người đã sống sót những giây phút đầu tiên đó, trong nhiều năm sau đó, đã mang trong da thịt họ sự đau khổ tột cùng, và trong tinh thần họ những hạt giống tử thần vốn rút cạn dần sinh lực của họ… Chúng ta không thể để cho các thế hệ hiện tại và tương lai mất ký ức về những gì đã xảy ra. Đó là một ký ức bảo đảm và khuyến khích việc xây dựng một tương lai công bằng và huynh đệ hơn" [233]. Chúng ta cũng không được quên những cuộc bách hại, buôn bán nô lệ và những cuộc tàn sát sắc tộc vẫn tiếp diễn ở nhiều quốc gia khác nhau, cũng như nhiều biến cố lịch sử khác khiến chúng ta xấu hổ về nhân tính của mình. Chúng cần được ghi nhớ, luôn luôn và mãi mãi. Chúng ta không bao giờ được quen hoặc nhàm với chúng.

249. Ngày nay, chúng ta dễ bị cám dỗ muốn lật sang trang, nói rằng tất cả những điều này đã xảy ra từ lâu và chúng ta nên nhìn về tương lai. Vì Thiên Chúa, đừng làm vậy! Chúng ta không bao giờ có thể tiến lên phía trước mà không nhớ đến quá khứ; chúng ta không thể tiến bộ nếu không có một ký ức trung thực và thanh thản. Chúng ta cần "giữ cho ngọn lửa lương tâm tập thể sống động, làm chứng cho các thế hệ kế tiếp về nỗi kinh hoàng của những gì đã xảy ra", vì việc làm chứng này "đánh thức và duy trì ký ức của các nạn nhân, để lương tâm nhân loại thức tỉnh khi đối đầu với mọi khao khát thống trị và hủy diệt " [234]. Chính các nạn nhân - các cá nhân, các nhóm xã hội hay các quốc gia - cần phải làm như vậy, kẻo họ rơi vào não trạng dẫn tới việc biện minh cho trả đũa và mọi loại bạo lực nhân danh cái ác phải chịu đựng. Vì lý do này, tôi nghĩ không những tới việc cần phải nhớ những hành động tàn bạo, mà còn tất cả những người, giữa sự vô nhân đạo và đồi trụy khủng khiếp đó, vẫn giữ được phẩm giá của họ và, bằng những cử chỉ nhỏ hay lớn, đã chọn phía liên đới, tha thứ và tình huynh đệ. Ghi nhớ sự tốt lành cũng là một điều lành mạnh.

Tha thứ nhưng không quên

250. Tha thứ không có nghĩa là quên. Hoặc đúng hơn, khi đối diện với một thực tại không thể phủ nhận, tương đối hóa hay che giấu, ta vẫn có thể tha thứ. Khi đối diện với một hành động không bao giờ có thể dung thứ, biện minh hay bào chữa, chúng ta vẫn có thể tha thứ. Đối diện với một điều gì đó không thể quên vì bất cứ lý do gì, chúng ta vẫn có thể tha thứ. Tha thứ tự do và chân thành là một điều cao quý, phản ảnh khả năng tha thứ vô hạn của Thiên Chúa. Nếu sự tha thứ là nhưng không, thì nó có thể được biểu lộ ngay cả với những người cưỡng lại sự ăn năn và không thể cầu xin sự tha thứ.

251. Những ai thật lòng tha thứ vẫn không quên. Thay vào đó, họ nhất định không nhượng bộ trước cùng một sức mạnh hủy diệt từng gây ra cho họ rất nhiều đau khổ. Họ phá vỡ cái vòng luẩn quẩn; họ ngăn chặn bước tiến của các lực lượng hủy diệt. Họ nhất định không loan truyền trong xã hội tinh thần trả thù, một tinh thần sớm muộn gì cũng sẽ trở lại đòi trả giá. Việc trả thù không bao giờ thực sự thỏa mãn nạn nhân. Một số tội ác khủng khiếp và tàn nhẫn đến nỗi hình phạt của những kẻ đã gây ra chúng không thể dùng để sửa chữa được những tổn hại đã gây ra. Ngay cả việc giết chết tên tội phạm cũng không đủ, và bất cứ hình thức tra tấn nào cũng không thể chứng minh là tương xứng với những đau khổ gây ra cho nạn nhân. Trả thù không giải quyết được gì.

252. Điều này không có nghĩa là miễn trừng phạt. Công lý được tìm kiếm một cách thích đáng chỉ vì tình yêu công lý, vì tôn trọng nạn nhân, như một phương tiện ngăn ngừa tội ác mới và bảo vệ quyền lợi chung, chứ không phải như một lối thoát cho sự tức giận bản thân. Tha thứ chính là điều giúp chúng ta theo đuổi công lý mà không rơi vào vòng xoáy trả thù hay sự bất công của lãng quên.

253. Khi sự bất công xảy ra cho cả hai bên, điều quan trọng là phải xem xét rõ ràng xem chúng có trầm trọng như nhau hay có thể so sánh bất cứ cách nào hay không. Bạo lực do nhà nước gây ra, qua việc sử dụng các cơ cấu và quyền lực của nó, không ở cùng bình diện với bạo lực do các nhóm đặc thù gây ra. Dù sao, người ta không thể cho rằng những đau khổ bất công của một bên nên được tưởng niệm. Các Giám mục Croatia đã tuyên bố rằng, "chúng ta phải tôn trọng như nhau mọi nạn nhân vô tội. Không thể có sự khác biệt về chủng tộc, quốc gia, tuyên tín hoặc đảng phái" [235].

254. Tôi cầu xin Thiên Chúa "chuẩn bị tâm hồn chúng ta để gặp gỡ anh chị em của mình, để chúng ta có thể vượt qua các dị biệt bắt nguồn từ tư duy chính trị, ngôn ngữ, văn hóa và tôn giáo. Chúng ta hãy cầu xin Người xức dầu cho toàn bộ con người chúng ta bằng dầu thương xót của Người, dầu thơm chữa lành các bất công do sai lầm, hiểu lầm và tranh chấp gây ra. Và chúng ta hãy cầu xin Người ban ơn cho chúng ta ra đi, trong khiêm nhường và hiền lành, trên con đường tìm kiếm hòa bình đầy đòi hỏi nhưng làm ta phong phú" [236].

CHIẾN TRANH VÀ ÁN TỬ HÌNH

255. Có hai tình huống cực đoan có lúc đã được coi như giải pháp trong những hoàn cảnh đặc biệt bi thảm, mà không nhận ra rằng đó là những giải đáp sai lầm không giải quyết được vấn đề mà chúng có ý định giải quyết và cuối cùng không thể làm gì hơn là du nhập các yếu tố phá hoại mới vào kết cấu xã hội quốc gia và hoàn cầu. Đó là chiến tranh và án tử hình.

Sự bất công của chiến tranh

256. "Lòng kẻ mưu điều ác chất đầy chuyện lừa đảo, người cổ võ hoà bình được chan chứa niềm vui" (Cn 12:20). Tuy nhiên, có những người tìm kiếm giải pháp trong chiến tranh, thường xuyên được khuyến khích bởi sự đổ vỡ liên hệ, tham vọng bá quyền, lạm dụng quyền lực, sợ hãi người khác và có xu hướng coi sự đa dạng là một trở ngại [237]. Chiến tranh không phải là bóng ma từ quá khứ mà là mối đe dọa thường trực. Thế giới của chúng ta đang gặp phải những khó khăn ngày càng tăng trên con đường chậm chạp dẫn đến hòa bình mà nó đã khởi diễn và đã bắt đầu đơm hoa kết trái tốt đẹp.

257. Vì các điều kiện tạo thuận lợi cho sự bùng nổ chiến tranh lại một lần nữa gia tăng, tôi chỉ có thể nhắc lại rằng "chiến tranh là sự phủ nhận mọi quyền lợi và là một cuộc tấn công bi đát vào môi trường. Nếu chúng ta muốn một cuộc phát triển con người toàn diện đích thực cho mọi người, chúng ta phải làm việc không mệt mỏi để tránh chiến tranh giữa các quốc gia và dân tộc. Để đạt được mục tiêu này, cần phải bảo đảm nguyên tắc thượng tôn pháp luật không bị thách thức và không mệt mỏi sử dụng thương lượng, hòa giải và trọng tài, như Hiến chương Liên hiệp quốc đã đề xướng, một hiến chương vốn thực sự trở thành quy phạm pháp chế nền tảng" [238]. Bảy mươi lăm năm kể từ khi Liên hiệp quốc được thành lập và kinh nghiệm của hai mươi năm đầu tiên của thiên niên kỷ này đã cho thấy: việc áp dụng đầy đủ các quy phạm quốc tế thực sự chứng tỏ có hiệu quả, và việc không tuân thủ các quy tắc đó là điều gây tai hại. Hiến chương Liên hiệp quốc, khi được tuân thủ và áp dụng một cách minh bạch và chân thành, là một điểm tham chiếu công lý bắt buộc và là một máng chuyển hòa

bình. Ở đây không thể có chỗ cho việc ngụy tạo những ý định sai trái hoặc đặt quyền lợi đảng phái của một quốc gia hoặc một nhóm lên trên quyền lợi chung hoàn cầu. Nếu các quy tắc được coi chỉ như các phương tiện được sử dụng bất cứ khi nào nó tỏ ra có lợi thế, và bị bỏ qua khi không có lợi thế, thì các lực lượng vô kỷ luật sẽ xổ lồng gây tổn hại nghiêm trọng cho xã hội, cho người nghèo và người dễ bị tổn thương, cho các mối liên hệ huynh đệ, cho môi trường và cho di sản văn hóa, với những mất mát không thể bù đắp cho cộng đồng hoàn cầu.

258. Chiến tranh có thể dễ dàng được lựa chọn bằng cách viện ra mọi lý do được cho là nhân đạo, phòng thủ hoặc đề phòng, và thậm chí sử dụng đến việc thao túng thông tin. Trong những thập niên gần đây, mọi cuộc chiến tranh đơn nhất đều được coi là "chính đáng". *Sách Giáo lý của Giáo Hội Công Giáo* nói về khả thể phòng vệ chính đáng bằng sức mạnh quân sự, bao gồm việc chứng minh rằng một số "điều kiện nghiêm ngặt của tính hợp pháp về mặt đạo đức" [239] đã được đáp ứng. Tuy nhiên, người ta rất dễ rơi vào cách hiểu quá rộng rãi về cái quyền có thể có này. Vì theo cách này, một số người cũng có thể biện minh một cách sai lầm cả những cuộc tấn công "ngăn ngừa" hoặc các hành vi chiến tranh khó tránh được việc kéo theo "các tội ác và rối loạn còn tệ hơn cả tội ác cần được loại bỏ" [240]. Vấn đề là từ ngày có sự phát triển các vũ khí hạt nhân, hóa học và sinh học, cũng như những khả thể to lớn và ngày càng gia tăng của các kỹ thuật mới, chiến tranh đã có thêm một sức mạnh hủy diệt không ai kiểm soát nổi đang tác hại lên rất nhiều dân thường vô tội. Rõ ràng là "chưa bao giờ loài người có sức mạnh như vậy trên chính mình, nhưng cũng không có gì bảo đảm họ sẽ sử dụng nó một cách khôn ngoan" [241]. Do đó, chúng ta sẽ không thể coi chiến tranh như một giải pháp, bởi vì những rủi ro của nó có lẽ luôn lớn hơn những lợi ích giả định mà người ta vốn gán cho nó. Ngày nay, khi đứng trước thực tại này, người ta rất khó bênh vực các tiêu chuẩn hợp lý, từng chín mùi trong các thế kỷ trước, để nói về một cuộc "chiến tranh chính nghĩa" có thể có. Không bao giờ còn xảy ra chiến tranh nữa! [242].

259. Cần phải nói thêm rằng, với việc gia tăng hoàn cầu hóa, điều xem ra như một giải pháp tức thì hoặc thiết thực cho một phần của thế giới sẽ khởi diễn một chuỗi các hậu quả bạo lực và thường tiềm ẩn, kết cục sẽ gây hại cho toàn bộ hành tinh và mở đường cho các cuộc chiến tranh mới và tồi tệ hơn trong tương lai. Trong thế giới ngày nay, không còn chỉ là những cuộc bùng nổ chiến tranh đơn lẻ ở quốc gia này hay quốc gia nọ; thay vào đó, chúng ta đang trải qua một "cuộc chiến tranh thế giới từng phần", vì vận mệnh của các quốc gia được liên kết chặt chẽ với nhau trên khung cảnh hoàn cầu.

260. Theo lời Thánh Gioan XXIII, "chủ trương cho rằng chiến tranh là một công cụ thích đáng để sửa chữa các vi phạm công lý là điều không còn ý nghĩa gì nữa" [243]. Khi đưa ra quan điểm này trong bối cảnh căng thẳng quốc tế lớn lao, ngài đã nói lên khát vọng hòa bình ngày càng gia tăng trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh. Ngài ủng hộ niềm xác tín cho rằng các lập luận phò hòa bình mạnh hơn bất cứ tính toán nào về quyền lợi đặc thù và niềm tin tưởng nào vào việc sử dụng vũ khí. Tuy nhiên, người ta đã không nắm vững các cơ hội do việc kết liễu Chiến tranh Lạnh mang lại vì thiếu viễn kiến đối với tương lai và ý thức chung về vận mệnh chung của chúng ta. Thay vào đó, người ta thấy việc theo đuổi quyền lợi đảng phái mà không đề cao quyền lợi phổ quát là điều dễ dàng hơn nhiều. Bóng ma chiến tranh hãi hùng, do đó, đã bắt đầu có được một nền tảng mới.

261. Mọi cuộc chiến đều khiến thế giới chúng ta trở nên tồi tệ hơn trước. Chiến tranh là một thất bại của chính trị và của nhân loại, một sự đầu hàng đáng xấu hổ, một thất bại nhức nhối trước các thế lực xấu xa. Chúng ta đừng sa lầy vào các cuộc thảo luận lý thuyết, mà hãy chạm vào da thịt bị thương của các nạn nhân. Một lần nữa, chúng ta hãy nhìn vào những vụ giết hại thường dân được coi như "thiệt hại phụ". Chúng ta hãy hỏi chính các nạn nhân. Chúng ta hãy nghĩ tới những người tị nạn và di tản, những người chịu hậu quả của phóng xạ nguyên tử hoặc các cuộc tấn công bằng chất hóa học, những người mẹ mất con và những cậu bé và cô bé bị tàn tật hoặc tước mất tuổi thơ. Chúng ta hãy nghe những câu chuyện có thật về những nạn nhân bị bạo hành này, hãy nhìn vào thực tại bằng con mắt của họ và lắng nghe những câu chuyện họ kể bằng một trái tim rộng mở. Bằng cách này, chúng ta mới có thể nắm bắt được vực thẳm sự ác ở tâm điểm chiến tranh. Chúng ta cũng sẽ không bối rối khi bị coi là ngây thơ vì lựa chọn hòa bình.

262. Tự chúng, các quy tắc sẽ không đủ nếu chúng ta tiếp tục nghĩ rằng giải pháp cho các vấn đề hiện tại là răn đe bằng sợ hãi hoặc đe dọa vũ khí hạt nhân, hóa học hoặc sinh học. Thật vậy, "nếu chúng ta xem xét các mối đe dọa chính đối với hòa bình và an ninh với nhiều chiều kích của chúng trong thế giới đa cực của thế kỷ XXI này, chẳng hạn, như chủ nghĩa khủng bố, các xung đột bất đối xứng, an ninh mạng, các vấn đề môi trường, nghèo đói,

thì không ít nghi ngờ sẽ nảy sinh liên quan đến sự bất cập của khả năng răn đe hạt nhân như một giải đáp hữu hiệu cho các thách thức như vậy. Những lo ngại này càng lớn hơn khi chúng ta xem xét các hậu quả thảm khốc về nhân đạo và môi trường sẽ xảy ra sau bất cứ việc sử dụng vũ khí hạt nhân nào, với những hậu quả tàn phá, bừa bãi và không thể kiểm soát được, theo thời gian và không gian… Chúng ta cũng cần tự hỏi mình rằng sự ổn định dựa trên sợ hãi sẽ bền vững ra sao, khi nó thực sự làm tăng nỗi sợ hãi và phá hoại các mối liên hệ tin cậy giữa các dân tộc. Hòa bình và ổn định quốc tế không thể dựa trên cảm thức an toàn giả tạo, dựa trên mối đe dọa hủy diệt lẫn nhau hoặc hủy diệt hoàn toàn, hoặc chỉ dựa vào việc duy trì sự cân bằng quyền lực… Trong bối cảnh này, mục tiêu cuối cùng của việc loại bỏ hoàn toàn vũ khí hạt nhân trở thành một thách thức và mệnh lệnh đạo đức và nhân đạo… Sự liên lập và hoàn cầu hóa ngày một gia tăng có nghĩa là bất cứ giải đáp nào đối với mối đe dọa vũ khí hạt nhân đều phải mang tính tập thể và phối hợp, dựa trên sự tin tưởng lẫn nhau. Sự tin tưởng này chỉ có thể được xây dựng nhờ cuộc đối thoại thực sự hướng đến lợi ích chung chứ không phải để bảo vệ các lợi ích dấu mặt hoặc đặc thù nào" [244]. Với số tiền chi cho vũ khí và các chi tiêu quân sự khác, chúng ta hãy thành lập một quỹ hoàn cầu [245] để cuối cùng có thể chấm dứt nạn đói và tạo điều kiện cho việc phát triển ở các nước nghèo nhất, để công dân của họ không phải dùng đến các giải pháp bạo lực hoặc viển vông, hoặc phải rời khỏi đất nước của họ để tìm kiếm một cuộc sống xứng đáng hơn.

Án tử hình

263. Có một cách khác để loại bỏ những người khác, một cách không nhắm vào các quốc gia mà nhắm vào các cá nhân. Đó là án tử hình. Thánh Gioan Phaolô II đã tuyên bố rõ ràng và chắc chắn rằng hình phạt tử hình không phù hợp với quan điểm luân lý và không còn cần thiết xét theo quan điểm công lý hình sự [246]. Không thể lùi bước khỏi chủ trương này. Ngày nay chúng ta tuyên bố rõ ràng rằng "án tử hình là không thể chấp nhận được" [247] và Giáo hội kiên quyết kêu gọi bãi bỏ hình phạt này trên toàn thế giới [248].

264. Trong Tân Ước, trong khi các cá nhân được yêu cầu không được tự mình đoạt lấy công lý (x. Rm 12, 17.19), thì người ta cũng thừa nhận sự cần thiết phải có các thẩm quyền để áp đặt các hình phạt lên những kẻ bất lương (x. Rm 13: 4). (1 Pr 2:14). Thật vậy, "đời sống công dân, được cấu trúc xung quanh một cộng đồng có tổ chức, cần các quy tắc để sống chung, những qui tắc mà việc cố ý vi phạm chúng sẽ đòi phải có biện pháp uốn nắn thích đáng" [249]. Điều này có nghĩa là thẩm quyền công cộng hợp pháp có thể và phải "trừng phạt tùy theo mức độ nghiêm trọng của tội phạm" [250] và quyền tư pháp phải được bảo đảm "sự độc lập cần thiết trong lĩnh vực luật pháp" [251].

265. Từ những thế kỷ đầu tiên của Giáo hội, một số người đã rõ ràng phản đối hình phạt tử hình. Thí dụ, Lactantius cho rằng "không nên có ngoại lệ nào cả; việc giết một con người luôn luôn là điều bất hợp pháp" [252]. Đức Giáo Hoàng Nicholas I đã thúc giục để các nỗ lực phải được thực hiện "nhằm giải thoát khỏi án tử hình không những mọi người vô tội, mà cả mọi người có tội nữa" [253]. Trong phiên tòa xét xử những kẻ sát hại hai linh mục, Thánh Augustinô đã yêu cầu thẩm phán không lấy mạng những kẻ sát nhân với lý lẽ này: "Chúng tôi không phản đối việc ngài tước quyền tự do phạm tội ác thêm của những kẻ ác này. Mong muốn của chúng tôi là ngài để lại sự sống cho họ và không làm què cụt bất cứ bộ phận cơ thể nào của họ. Và, đồng thời, bằng các biện pháp cưỡng chế do luật pháp quy định, họ nên được biến đổi từ cơn giận dữ phi lý của họ thành sự thanh thản của những người có tâm trí lành mạnh, và từ việc làm xấu xa của họ thành một việc làm có ích nào đó. Điều này cũng được coi như một việc kết án, nhưng một kết án chỉ bao gồm một tình trạng trong đó sự táo bạo phạm tội không còn được tự do hành động và trong đó người ta có thời gian để ăn năn, phải được coi như một ơn ích hơn là một biện pháp trừng phạt đơn thuần… Hãy trừng phạt điều ác nhưng không quên điều phải có đối với nhân tính; ước chi các tàn ác của những kẻ phạm pháp không trở thành dịp để ngài vui hưởng khoái cảm trả thù, nhưng như những vết thương để ngài quan tâm chữa lành" [254].

266. Sợ hãi và phẫn nộ có thể dễ dàng dẫn đến việc xem hình phạt một cách đầy báo thù và thậm chí tàn nhẫn, thay vì là một phần của diễn trình chữa lành và tái hòa nhập vào xã hội. Ngày nay, "trong một số lĩnh vực chính trị và một số phương tiện truyền thông nào đó, bạo lực và trả thù công cộng và tư riêng được kích thích, không những chống lại những người chịu trách nhiệm vi phạm tội ác, mà còn chống lại những người bị nghi ngờ vi phạm pháp luật, bất kể được chứng minh hay không … Đôi khi có xu hướng cố tình bịa đặt ra kẻ thù: những nhân vật bị rập khuôn đại diện cho mọi đặc điểm mà xã hội tri nhận hoặc giải thích là có tính đe dọa. Các cơ chế

tạo ra các hình ảnh này y hệt các cơ chế đã cho phép việc loan truyền những tư tưởng phân biệt chủng tộc trong thời đại của họ" [255]. Điều này càng làm nguy hiểm thêm việc thực hành ngày một gia tăng tại một số quốc gia biện pháp giam giữ ngăn ngừa, bỏ tù không xét xử và nhất là án tử hình.

267. Ở đây tôi muốn nhấn mạnh điều này "không thể tưởng tượng được việc các quốc gia ngày nay không có biện pháp nào khác ngoài hình phạt tử hình để bảo vệ cuộc sống của những người khác khỏi những kẻ xâm lược bất công". Đặc biệt nghiêm trọng về phương diện này là các vụ gọi là hành quyết phi tư pháp hoặc phi pháp luật, thực chất là "những vụ giết người do một số quốc gia và các đại diện của họ cố ý thực hiện, thường được coi như các cuộc đụng độ với các tội phạm hoặc được trình bày như là hậu quả không cố tình của việc sử dụng sức mạnh hợp lý, cần thiết và tương xứng khi áp dụng pháp luật " [256].

268. "Các lập luận chống lại án tử hình rất nhiều và nổi tiếng. Giáo hội đã chính thức kêu gọi phải chú ý đến một số lập luận này, chẳng hạn như khả thể sai sót tư pháp và việc sử dụng các hình phạt như vậy bởi các chế độ toàn trị và độc tài như một phương tiện đàn áp bất đồng chính kiến hoặc đàn áp các nhóm thiểu số tôn giáo và văn hóa, tất cả đều là các nạn nhân mà pháp luật của các chế độ đó coi là 'phạm pháp'. Tất cả các Kitô hữu và những người có thiện chí ngày nay được kêu gọi cố gắng không những để xóa bỏ án tử hình, bất kể hợp pháp hay bất hợp pháp, dưới mọi hình thức, nhưng còn để cải thiện tình trạng nhà tù, vì tôn trọng nhân phẩm của những con người bị tước mất tự do. Tôi muốn liên kết điều này với án tù chung thân… Bản án chung thân là một án tử hình kín đáo" [257].

269. Chúng ta nên ghi nhớ rằng "ngay cả kẻ giết người cũng không đánh mất phẩm giá bản thân của họ, và chính Thiên Chúa cam kết bảo đảm phẩm giá này" [258]. Việc kiên quyết bác bỏ án tử hình cho thấy ta có thể thừa nhận phẩm giá bất khả chuyển nhượng của mỗi con người và chấp nhận rằng họ có một thế đứng ở trong vũ trụ này. Nếu tôi không bác bỏ phẩm giá đó của người tồi tệ nhất trong các phạm nhân, thì tôi sẽ không bác bỏ phẩm giá của bất cứ ai. Tôi sẽ dành cho mọi người khả thể chia sẻ hành tinh này với tôi, bất chấp mọi dị biệt của chúng tôi.

270. Tôi yêu cầu các Kitô hữu còn do dự về điểm này và những người bị cám dỗ muốn chiều theo bạo lực dưới bất cứ hình thức nào, hãy ghi nhớ những lời lẽ trong sách Isaia: "Họ sẽ rèn gươm thành lưỡi cày" (2: 4). Đối với chúng ta, lời tiên tri này đã lấy xương thịt từ Chúa Giêsu Kitô, Đấng, khi thấy một môn đệ bị cám dỗ dùng bạo lực, đã nói một cách quả quyết: "Hãy xỏ gươm vào vỏ, vì tất cả những ai cầm gươm sẽ chết vì gươm"(Mt 26:52). Những lời này vang vọng lại lời cảnh báo cổ xưa: "Ta sẽ đòi mỗi người phải đền mạng sống của người anh em mình. Ai đổ máu con người, thì máu nó sẽ bị con người đổ ra" (St 9: 5-6). Phản ứng của Chúa Giêsu, xuất phát từ trái tim Người, đã thu hẹp khoảng cách của nhiều thế kỷ để đến với thời đại ta như một lời kêu gọi trường kỳ.

CHƯƠNG TÁM: CÁC TÔN GIÁO PHỤC VỤ TÌNH HUYNH ĐỆ TRONG THẾ GIỚI CỦA CHÚNG TA

271. Căn cứ vào sự tôn trọng của họ đối với mỗi con người như một tạo vật được kêu gọi làm con Thiên Chúa, các tôn giáo khác nhau đều góp phần đáng kể vào việc xây dựng tình huynh đệ và bảo vệ công lý trong xã hội. Đối thoại giữa các tín đồ của các tôn giáo khác nhau không diễn ra chỉ vì mục đích ngoại giao, ân cần hay khoan dung. Theo lời của các Giám mục Ấn Độ, "mục tiêu của đối thoại là thiết lập tình hữu nghị, hòa bình và hòa hợp, cũng như chia sẻ các giá trị và kinh nghiệm tinh thần và đạo đức trong tinh thần sự thật và tình yêu" [259].

NỀN TẢNG TỐI HẬU

272. Là những tín hữu, chúng ta xác tín rằng, nếu không có sự cởi mở với Cha của mọi người, sẽ không có các lý do vững chắc và ổn định nào để kêu gọi tình huynh đệ. Chúng ta tin chắc rằng "chỉ với ý thức này: chúng ta không mồ côi, mà là con cái, chúng ta mới có thể sống hòa bình với nhau" [260]. Vì "lý trí, tự nó, có khả năng nắm bắt sự bình đẳng giữa con người và mang lại sự ổn định cho việc chung sống như công dân của họ, nhưng nó không thể thiết lập ra tình huynh đệ" [261].

273. Về phương diện trên, tôi xin trích dẫn câu nói đáng nhớ sau đây: "Nếu không có chân lý siêu việt, chân lý

mà nếu chịu vâng phục, con người sẽ đạt được bản sắc đầy đủ của mình, thì không có nguyên tắc chắc chắn nào để bảo đảm các mối liên hệ công chính giữa con người với nhau. Tư lợi của họ, như một giai cấp, một nhóm hay một quốc gia, chắc chắn sẽ khiến họ chống đối lẫn nhau. Nếu một ai đó không thừa nhận chân lý siêu việt, thì sức mạnh quyền lực sẽ tiếp quản, và mỗi người sẽ nghiêng về phía sử dụng trọn vẹn các phương tiện theo ý mình để áp đặt quyền lợi của mình hoặc ý kiến của mình mà không quan tâm đến quyền lợi của người khác. … Người ta đã tìm thấy căn nguyên của chủ nghĩa toàn trị hiện đại trong việc phủ nhận phẩm giá siêu việt của con người, là chủ thể, trong tư cách hình ảnh hữu hình của Thiên Chúa vô hình, do đó, tự chính bản chất của họ, là chủ thể của các quyền lợi không ai có thể vi phạm – bất kể là cá nhân, nhóm, lớp, quốc gia hoặc tiểu bang nào. Thậm chí cả đa số xã hội cũng không thể vi phạm những quyền này, bằng cách chống lại thiểu số" [262].

274. Từ kinh nghiệm đức tin của mình và từ sự khôn ngoan tích lũy qua nhiều thế kỷ, nhưng cũng từ những bài học rút ra từ nhiều nhược điểm và thất bại của mình, chúng ta, các tín hữu của các tôn giáo khác nhau, biết rằng việc chúng ta làm chứng cho Thiên Chúa có ích lợi cho xã hội của chúng ta. Nỗ lực tìm kiếm Thiên Chúa với tấm lòng chân thành, miễn là không bao giờ bị các mục đích ý thức hệ hoặc tư lợi làm cho chúng ta nhụt chí, giúp chúng ta nhìn nhận lẫn nhau như những người bạn đồng hành, thực sự là anh chị em. Chúng ta xác tín rằng "khi nhân danh một ý thức hệ, có mưu toan loại bỏ Thiên Chúa khỏi một xã hội, thì xã hội đó kết cục sẽ tôn thờ ngẫu tượng, và chẳng bao lâu đàn ông và đàn bà sẽ mất hướng, phẩm giá của họ sẽ bị chà đạp và các quyền lợi của họ bị vi phạm. Các bạn biết rõ người ta đã gây ra biết bao đau khổ bởi việc khước từ tự do lương tâm và tự do tôn giáo, và vết thương đó để lại một nhân loại nghèo khổ như thế nào, vì thiếu hy vọng và lý tưởng để hướng dẫn họ" [263].

275. Cần phải nhìn nhận rằng "trong số những nguyên nhân quan trọng nhất gây ra các cuộc khủng hoảng của thế giới hiện đại là lương tâm con người đã thành vô cảm, là việc xa rời các giá trị tôn giáo và là chủ nghĩa cá nhân đương thịnh kèm theo bởi triết lý duy vật chuyên thần hóa con người và du nhập các giá trị vật chất và trần tục thay thế các nguyên tắc tối cao và siêu việt" [264]. Thật là sai lầm khi tiếng nói duy nhất được nghe thấy trong cuộc tranh luận công khai là tiếng nói của những người có quyền và "các chuyên gia". Cần dành chỗ cho các suy tư phát sinh từ các truyền thống tôn giáo vốn là kho lưu trữ hàng thế kỷ kinh nghiệm và túi khôn. Vì "các tác phẩm cổ điển về tôn giáo có thể chứng tỏ là có ý nghĩa trong mọi thời đại; chúng có một sức mạnh bền bỉ [để mở ra những chân trời mới, kích thích tư tưởng, mở rộng trí óc và trái tim]". Tuy nhiên, chúng thường bị coi thường, bị coi như kết quả của "chủ nghĩa duy lý thiển cận nào đó" [265].

276. Vì những lý do trên, trong khi tôn trọng quyền tự trị của sinh hoạt chính trị, Giáo hội không hạn chế sứ mệnh của mình trong phạm vi riêng tư. Trái lại, "Giáo Hội không thể và không được ở mãi bên lề" trong việc xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn, hoặc không "đánh thức trở lại năng lực tinh thần" vốn có khả năng đóng góp vào việc làm cho xã hội tốt đẹp hơn [266]. Đúng là các thừa tác viên tôn giáo không được tham gia vào chính trị đảng phái vốn là lãnh vực riêng của giáo dân, nhưng họ cũng không được từ bỏ chiều kích chính trị của chính đời sống [267], một chiều kích liên quan đến việc không ngừng lưu ý đến công ích và quan tâm đến việc phát triển con người toàn diện. Giáo hội "có vai trò công cộng vượt quá và vượt trên các hoạt động bác ái và giáo dục của mình". Giáo Hội làm việc cho "sự thăng tiến của nhân loại và tình huynh đệ phổ quát" [268]. Giáo Hội không cho là mình cạnh tranh với các quyền lực trần thế, nhưng tự hiến như "một gia đình giữa các gia đình, Giáo hội là như thế, cởi mở đối với việc làm chứng trong thế giới ngày nay, cởi mở đối với đức tin, đức cậy và đức mến vào Chúa và vào những người mà Chúa vốn yêu thương bằng một tình yêu ưu tiên. Một ngôi nhà với những cánh cửa rộng mở. Giáo hội là một ngôi nhà với những cánh cửa rộng mở, bởi vì Giáo hội là một bà mẹ" [269]. Và để noi gương Đức Maria, Mẹ của Chúa Giêsu, "chúng ta muốn trở thành một Giáo hội phục vụ, rời nhà và ra khỏi những nơi thờ phượng, ra khỏi các phòng áo lễ, để đồng hành với cuộc sống, duy trì hy vọng, trở thành dấu chỉ hiệp nhất… để xây những cây cầu, phá sập các bức tường, để gieo các hạt giống hòa giải" [270].

Bản sắc Kitô giáo

277. Giáo hội trân quí những cách thức trong đó Thiên Chúa hoạt động nơi các tôn giáo khác, và "không bác bỏ điều gì là chân thực và thánh thiện trong các tôn giáo này. Giáo Hội rất coi trọng lối sống và cách cư xử của họ, những giới luật và học thuyết của họ… thường phản ảnh một tia chân lý soi sáng cho mọi người nam và nữ " [271]. Tuy nhiên, các Kitô hữu chúng ta ý thức rất rõ rằng "nếu âm nhạc của Tin Mừng ngưng vang lên trong

chính con người chúng ta, chúng ta sẽ mất đi niềm vui phát sinh từ lòng cảm thương, tình yêu dịu dàng phát sinh từ lòng tín thác, khả năng hòa giải vốn bắt nguồn từ nhận thức này: chúng ta đã được tha thứ và được sai đi. Nếu âm nhạc của Tin Mừng ngưng vang lên trong nhà của chúng ta, quảng trường công cộng, nơi làm việc, đời sống chính trị và tài chính của chúng ta, thì chúng ta sẽ không còn nghe thấy những giai điệu thách thức chúng ta bảo vệ phẩm giá của mọi người nam và nữ" [272]. Những người khác uống từ các nguồn khác. Đối với chúng ta, nguồn suối của nhân phẩm và tình huynh đệ là ở nơi Tin Mừng của Chúa Giêsu Kitô. Từ đó nảy sinh việc, "đối với tư tưởng Kitô giáo và hành động của Giáo hội, địa vị thứ nhất dành cho mối liên hệ, cho sự gặp gỡ mầu nhiệm thiêng liêng là người khác, cho sự hiệp thông phổ quát với toàn thể gia đình nhân loại, như một ơn gọi của mọi người" [273].

278. Được kêu gọi bén rễ vào mọi nơi, Giáo hội đã có mặt trong nhiều thế kỷ trên khắp thế giới, vì đó là ý nghĩa của hạn từ "Công Giáo". Như vậy, từ kinh nghiệm ân sủng và tội lỗi của mình, Giáo Hội có thể hiểu vẻ đẹp của lời mời gọi yêu thương phổ quát. Thật vậy, "mọi điều nhân bản đều là mối quan tâm của chúng ta… bất cứ nơi nào hội đồng các quốc gia họp lại với nhau để thiết lập các quyền lợi và nghĩa vụ của con người, chúng ta rất vinh dự được có chỗ đứng của chúng ta trong đó" [274]. Đối với nhiều Kitô hữu, hành trình huynh đệ này cũng đều có Mẹ, mà tên người Mẹ này chính là Maria. Khi lãnh nhận chức mẹ phổ quát này dưới chân thập giá (x. Ga 19:26), Mẹ không chỉ quan tâm đến Chúa Giêsu mà còn quan tâm đến "những người con khác của Mẹ" (x. Kh 12:17). Trong quyền năng của Chúa Phục sinh, Mẹ muốn khai sinh một thế giới mới, trong đó, tất cả chúng ta là anh chị em, trong đó, có chỗ dành cho tất cả những ai bị xã hội chúng ta loại bỏ, trong đó, công lý và hòa bình được tôn vinh.

279. Các Kitô hữu chúng ta yêu cầu rằng, ở những quốc gia nơi chúng ta là thiểu số, chúng ta được bảo đảm quyền tự do, ngay cả khi chính chúng ta cổ vũ quyền tự do đó cho những người không phải là Kitô hữu ở những nơi họ là thiểu số. Một nhân quyền căn bản không được quên trong hành trình hướng tới tình huynh đệ và hòa bình. Đó là quyền tự do tôn giáo cho các tín hữu của mọi tôn giáo. Sự tự do này tuyên xưng rằng chúng ta có thể "xây dựng hòa hợp và hiểu biết giữa các nền văn hóa và tôn giáo khác nhau. Nó cũng làm chứng cho thực tại này là, vì những điều quan trọng được chúng ta chia sẻ thì rất nhiều, nên có thể tìm ra một phương tiện để sống chung một cách thanh thản, có trật tự và hòa bình, chấp nhận các khác biệt của mình và vui mừng rằng, là con cái của một Thiên Chúa, chúng ta thảy đều là anh chị em" [275].

280. Đồng thời, chúng ta cầu xin Thiên Chúa củng cố sự hiệp nhất trong Giáo Hội, một sự hiệp nhất được làm cho phong phú nhờ các dị biệt được hòa giải bởi hoạt động của Chúa Thánh Thần. Vì "trong Thần Khí duy nhất, tất cả chúng ta được rửa tội thành một thân thể" (1Cr 12:13), trong đó, mỗi thành viên đều có phần đóng góp khác biệt của mình. Như Thánh Augustinô từng nói, "tai nhìn qua mắt, và mắt nghe qua tai" [276]. Điều cũng khẩn cấp là tiếp tục làm chứng cho cuộc hành trình gặp gỡ giữa các tín phái Kitô giáo khác nhau. Chúng ta không thể quên ước muốn của Chúa Kitô "xin cho chúng hết thảy nên một" (x. Ga 17:21). Nghe lời kêu gọi của Người, chúng ta buồn bã nhận ra rằng diễn trình hoàn cầu hóa vẫn còn thiếu sự đóng góp có tính tiên tri và tâm linh của sự hiệp nhất Kitô giáo. Dù vậy, "ngay cả khi chúng ta đang thực hiện cuộc hành trình tiến tới sự hiệp thông trọn vẹn này, chúng ta có bổn phận làm chứng chung cho tình yêu mà Thiên Chúa vốn dành cho mọi người bằng cách cùng nhau phục vụ nhân loại" [277].

TÔN GIÁO VÀ BẠO LỰC

281. Cuộc hành trình hòa bình là điều khả hữu giữa các tôn giáo. Điểm xuất phát của nó phải là cách Thiên Chúa nhìn sự vật. "Thiên Chúa không nhìn bằng mắt, Chúa thấy bằng trái tim của Người. Và tình yêu của Thiên Chúa như nhau đối với mọi người, không phân biệt tôn giáo. Ngay cả khi họ là những người vô thần, tình yêu của Người vẫn vậy. Khi ngày cuối cùng đến, và có đủ ánh sáng để nhìn sự vật như chúng thực sự là, chúng ta sẽ thấy mình khá đáng ngạc nhiên" [278].

282. Do đó, "Các tín hữu chúng ta cần tìm dịp nói chuyện với nhau và cùng nhau hành động vì lợi ích chung và cổ vũ người nghèo. Điều này không liên quan gì đến việc hạ thấp hoặc che giấu các xác tín sâu sắc nhất của chúng ta khi chúng ta gặp gỡ những người khác có suy nghĩ khác với chúng ta… Vì bản sắc của chúng ta càng sâu sắc, mạnh mẽ và phong phú, chúng ta càng có khả năng làm giàu người khác bằng sự đóng góp thích đáng

của chính chúng ta" [279]. Các tín hữu chúng ta được thử thách quay về nguồn của mình, để tập trung vào điều thiết yếu: thờ phượng Thiên Chúa và yêu thương người lân cận, kẻo một số giáo huấn của chúng ta, khi bị lấy ra khỏi bối cảnh, kết cục nuôi dưỡng các hình thức khinh miệt, hận thù, bài ngoại hoặc phủ định người khác. Sự thật là bạo lực không có cơ sở trong các xác tín tôn giáo nền tảng của chúng ta, mà chỉ là trong sự xuyên tạc chúng.

283. Sự thờ phượng khiêm cung và chân thành đối với Thiên Chúa "không đem lại hoa trái kỳ thị, hận thù và bạo lực, mà là hoa trái tôn trọng tính thánh thiêng của sự sống, tôn trọng phẩm giá và tự do của người khác, và cam kết đầy yêu thương đối với phúc lợi của mọi người" [280]. Quả thật, "ai không yêu thương, thì không biết Thiên Chúa, vì Thiên Chúa là tình yêu" (1Ga 4: 8). Vì lý do này, "chủ nghĩa khủng bố là đáng trách và đe dọa an ninh của người ta - dù họ ở phương Đông hay phương Tây, phương Bắc hay phương Nam - và gieo rắc sự hoảng sợ, kinh hoàng và bi quan yếm thế, nhưng điều này không phải do tôn giáo, cho dù những kẻ khủng bố vốn biến nó thành công cụ. Đúng hơn, đó là do sự tích lũy các giải thích không chính xác về các bản văn tôn giáo và các chính sách liên quan đến đói, nghèo, bất công, áp bức và tự hào. Đó là lý do tại sao cần phải ngưng việc hỗ trợ các phong trào khủng bố bị thúc đẩy bởi việc tài trợ, cung cấp vũ khí và chiến lược, và bởi các mưu toan biện minh cho các phong trào này, thậm chí sử dụng cả các phương tiện truyền thông. Tất cả những điều này phải được coi là tội ác quốc tế nhằm đe dọa an ninh và hòa bình thế giới. Chủ nghĩa khủng bố như thế phải bị lên án dưới mọi hình thức và biểu thức của nó" [281]. Các xác tín tôn giáo về ý nghĩa thánh thiêng của sự sống con người giúp chúng ta "nhận ra các giá trị nền tảng của nhân tính chung của chúng ta, những giá trị mà nhân danh chúng, chúng ta có thể và phải hợp tác, xây dựng và đối thoại, tha thứ và phát triển; điều này sẽ giúp cho các tiếng nói khác nhau hợp nhất trong việc tạo ra một giai điệu cao quý và đẹp đẽ siêu phàm, thay vì những tiếng kêu thét hận thù cuồng tín" [282].

284. Đôi khi bạo lực duy cực đoan được xổ lồng trong một số nhóm, thuộc bất cứ tôn giáo nào, bởi sự hấp tấp của các nhà lãnh đạo của họ. Tuy nhiên, "điều răn hòa bình được khắc sâu trong các truyền thống tôn giáo mà chúng ta đại diện… Là những nhà lãnh đạo tôn giáo, chúng ta được kêu gọi trở thành 'những người đối thoại' đích thực, hợp tác vào việc xây dựng hòa bình không phải với tư cách là người trung gian mà là những người hòa giải đích thực. Người trung gian tìm cách giảm giá cho mọi người, nhưng cuối cùng là để thu được điều gì đó cho chính họ. Trái lại, người hòa giải là người không giữ lại gì cho mình, nhưng đúng hơn, quảng đại tiêu hao mình đến cùng kiệt, biết rằng điều duy nhất thu được là hòa bình. Mỗi người chúng ta được mời gọi trở thành nghệ nhân của hòa bình, bằng cách hợp nhất chứ không chia rẽ, bằng cách dập tắt hận thù chứ không duy trì nó, bằng cách mở ra những nẻo đường đối thoại chứ không phải bằng cách xây dựng những bức tường mới" [283].

Một lời kêu gọi

285. Trong cuộc gặp gỡ huynh đệ của tôi với Đại Imam Ahmad Al-Tayyeb, một cuộc gặp gỡ mà tôi vui mừng nhớ lại, "chúng tôi kiên quyết [tuyên bố] rằng các tôn giáo không bao giờ được xúi giục chiến tranh, các thái độ thù hận, sự thù địch và chủ nghĩa cực đoan, cũng như không xúi giục bạo lực hoặc đổ máu. Những thực tại bi thảm này là hậu quả của việc đi lệch ra ngoài các giáo huấn tôn giáo. Chúng là kết quả của sự thao túng chính trị đối với các tôn giáo và những diễn giải của các nhóm tôn giáo, trong quá trình lịch sử, từng lợi dụng sức mạnh của tình cảm tôn giáo nơi trái tim những người đàn ông và đàn bà… Thiên Chúa, Đấng Toàn năng, không cần được được bất cứ ai bênh vực và không muốn tên Người bị sử dụng để khủng bố người ta" [284]. Vì lý do này, tôi xin nhắc lại ở đây lời kêu gọi cho hòa bình, công lý và tình huynh đệ mà chúng tôi đã cùng nhau thực hiện:

"Nhân danh Thiên Chúa, Đấng đã tạo dựng nên mọi con người bình đẳng về quyền lợi, nghĩa vụ và phẩm giá, và đã kêu gọi họ sống với nhau như anh chị em, đổ đầy trái đất và làm mọi người biết đến các giá trị tốt lành, yêu thương và hòa bình;

"Nhân danh mạng sống con người vô tội mà Thiên Chúa vốn cấm giết khi khẳng định rằng ai giết một người thì coi như giết cả nhân loại, ai cứu một người thì coi như cứu cả nhân loại;

"Nhân danh người nghèo, người túng thiếu, người thiệt thòi và những người thiếu thốn nhất, những người mà Thiên Chúa đã truyền cho chúng ta phải giúp đỡ như một bổn phận bắt buộc đối với mọi người, đặc biệt là

những người giàu có và những người có phương tiện;

“Nhân danh trẻ mồ côi, góa phụ, người tị nạn và những người bị đày ải khỏi nhà cửa và đất nước của họ; nhân danh tất cả các nạn nhân của chiến tranh, bách hại và bất công; nhân danh kẻ yếu, những người sống trong sợ hãi, các tù nhân chiến tranh và những người bị tra tấn ở bất cứ nơi nào trên thế giới, bất phân biệt;

“Nhân danh những dân tộc đã mất an ninh, hòa bình và khả thể chung sống với nhau, trở thành nạn nhân của sự hủy diệt, thiên tai và chiến tranh;

“Nhân danh tình huynh đệ nhân bản, tình huynh đệ bao gồm mọi hữu thể nhân bản, hợp nhất họ và làm cho họ bình đẳng;

“Nhân danh tình huynh đệ từng bị xé nát bởi các chính sách cực đoan và chia rẽ, bởi các hệ thống lợi nhuận không ai kiềm chế được hoặc bởi các khuynh hướng ý thức hệ thù hận chuyên thao túng các hành động và tương lai của những người đàn ông và đàn bà;

“Nhân danh tự do, mà Thiên Chúa đã ban cho mọi hữu thể nhân bản, tạo ra họ tự do và đặt họ riêng ra bằng ơn phúc này;

“Nhân danh công lý và lòng thương xót, vốn là các nền tảng của thịnh vượng và đá góc của đức tin;

“Nhân danh mọi người thiện chí hiện diện ở mọi nơi trên thế giới;

“Nhân danh Thiên Chúa và mọi điều đã đề cập trên đây, [chúng tôi] tuyên bố việc chấp nhận nền văn hóa đối thoại làm con đường; hợp tác lẫn nhau làm quy tắc ứng xử; sự hiểu biết lẫn nhau làm phương pháp và tiêu chuẩn” [285].

286. Trong những trang suy tư về tình huynh đệ phổ quát này, tôi cảm thấy được đặc biệt truyền cảm hứng bởi Thánh Phanxicô thành Assisi, nhưng cũng bởi những người anh chị em khác của chúng ta không phải là người Công Giáo: Martin Luther King, Desmond Tutu, Mahatma Gandhi và nhiều người khác. Tuy nhiên, tôi xin kết thúc bằng cách đề cập đến một người khác có đức tin sâu sắc, người, nhờ dựa vào cảm nghiệm mãnh liệt của mình về Thiên Chúa, đã thực hiện một cuộc hành trình biến đổi để cảm nhận mình như người anh em của mọi người. Tôi muốn nói tới Chân phúc Charles de Foucauld.

287. Chân phúc Charles de Foucault đã hướng lý tưởng hoàn toàn phó thác cho Thiên Chúa của mình vào sự đồng nhất hóa với người nghèo, bị bỏ rơi trong thẳm sâu sa mạc Châu Phi. Trong khung cảnh đó, ngài bày tỏ mong muốn được cảm nhận mình như người anh em của mọi người [286], và đã yêu cầu một người bạn “cầu nguyện cùng Thiên Chúa để tôi thực sự là anh em của tất cả mọi người” [287]. Cuối cùng, ngài muốn trở thành “người anh em phổ quát” [288]. Tuy nhiên, chỉ bằng cách đồng nhất hóa với những người nhỏ bé nhất, cuối cùng ngài mới trở thành người anh em của mọi người. Xin Thiên Chúa linh hứng ước mơ đó trong mỗi người chúng ta. Amen.

Lời cầu nguyện với Đấng tạo dựng

Lạy Chúa, Cha của gia đình nhân loại chúng con,

Cha đã tạo dựng mọi hữu thể nhân bản bình đẳng về phẩm giá:
tuôn đổ vào tâm hồn chúng con một tinh thần huynh đệ
và linh hứng nơi chúng con một giấc mơ gặp gỡ đổi mới,
đối thoại, công lý và hòa bình.

Xin Cha thúc đẩy chúng con tạo ra các xã hội lành mạnh hơn
và một thế giới xứng đáng hơn,

một thế giới không có đói, nghèo, bạo lực và chiến tranh.

Xin cho trái tim chúng con cởi mở đối với mọi dân tộc và các quốc gia trên trái đất.

Xin cho chúng con nhận biết sự tốt lành và vẻ đẹp mà Cha đã gieo nơi mỗi người chúng con,
và do đó tạo nên mối dây hợp nhất, các dự án chung,
và các giấc mơ chung. Amen.

Một lời cầu nguyện đại kết Kitô giáo

Lạy Thiên Chúa, Ba Ngôi tình yêu,
từ sự hiệp thông sâu sắc của sự sống thần thiêng của Chúa,
xin tuôn đổ trên chúng con suối lượng tình yêu huynh đệ.
Xin ban cho chúng con tình yêu phản ảnh trong các hành động của Chúa Giêsu,
trong gia đình Nadarét của Người,
và trong cộng đồng Kitô giáo tiên khởi.

Xin ban ơn để Kitô hữu chúng con biết sống theo Tin Mừng,
khám phá ra Chúa Kitô trong mỗi hữu thể nhân bản,
nhận ra Người bị đóng đinh
trong những đau khổ của những người bị bỏ rơi
và bị lãng quên trong thế giới của chúng con,
và sống lại trong mỗi anh chị em
đang thực hiện một khởi đầu mới.

Lạy Chúa Thánh Thần, xin hãy đến chỉ cho chúng con thấy vẻ đẹp của Chúa,
phản ảnh trong mọi dân tộc trên trái đất,
để chúng con có thể khám phá lại điều này là mọi người đều quan trọng và đều cần thiết,
những khuôn mặt khác nhau của một nhân loại được Thiên Chúa rất yêu thương. Amen.

Ban hành tại Assisi, tại mộ của Thánh Phanxicô, vào ngày 3 tháng 10, Vọng Lễ của Thánh Nhân, năm 2020, năm thứ tám triều Giáo hoàng của tôi.

Franciscus

Ghi chú

[1] *Admonitions*, 6, 1. Bản tiếng Anh trong *Francis of Assisi: Early Documents*, vol 1., New York, London, Manila (1999), 131.
[2] *Đã dẫn*, 25: tài liệu đã dẫn, 136.
[3] Thánh Phanxicô thành ASSISI, *Earlier Rule of the Friars Minor* (Regula non bullata), 16: 3.6: tài liệu đã dẫn 74.
[4] ELOI LECLERC, O.F.M., *Exil et tendresse*, Éd. Franciscaines, Paris, 1962, 205.
[5] *Văn kiện Tình Huynh đệ Nhân bản vì Hòa bình Thế giới và Sống chung*, Abu Dhabi (4 Tháng 2 2019): L'Osservatore Romano, 4-5 Tháng 2 2019, p. 6.
[6] *Diễn văn Tại Cuộc Gặp gỡ Đại kết và Liên tôn với Người Trẻ*, Skopje, North Macedonia (7 Tháng 5 2019): L'Osservatore Romano, 9 Tháng 5 2019, p. 9.
[7] *Diễn văn với Nghị viện Âu Châu*, Strasbourg (25 Tháng 11 2014): AAS 106 (2014), 996.
[8] *Gặp Các Nhà Cầm quyền, Xã hội dân sự và Ngoại giao đoàn*, Santiago, Chile (16 Tháng 1 2018): AAS 110 (2018), 256.
[9] Đức Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 Tháng 6 2009), 19: AAS 101 (2009), 655.
[10] Tông huấn hậu Thượng Hội Đồng Christus vivit (25 Tháng 3 2019), 181.

[11] Đức Hồng Y RAÚL SILVA HENRÍQUEZ, *Homily at the Te Deum*, Santiago de Chile (18 Tháng 9 1974).
[12] Thông điệp *Laudato Si'* (24 Tháng 5 2015), 57: AAS 107 (2015), 869.
[13] *Diễn văn với Ngoại giao đoàn bên cạnh Tòa Thánh* (11 Tháng 1 2016): AAS 108 (2016), 120.
[14] *Diễn văn với Ngoại giao đoàn bên cạnh Tòa Thánh* (13 Tháng 1 2014): AAS 106 (2014), 83-84.
[15] Xem *Diễn văn với Qũy "Centesimus Annus pro Pontifice"* (25 Tháng 5 2013): Insegnamenti I, 1 (2013), 238.
[16] Xem Thánh Phaolô VI, Thông điệp *Populorum Progressio* (26 Tháng 3 1967): AAS 59 (1967), 264.
[17] Đức Bênêđíctô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 Tháng 6 2009), 22: AAS 101 (2009), 657.
[18] Diễn văn với nhà Cầm quyền Dân sự, Tirana, Albania (21 Tháng 9 2014): AAS 106 (2014), 773.
[19] *Diễn văn với Các Tham dự viên Hội Nghị Quốc Tế "Nhân quyền trong Thế giơi Ngày nay: Các thành tựu, Bỏ sót, Bác bỏ"* (10 Tháng 12 2018): *L'Osservatore Romano*, 10-11 Tháng 12 2018, p. 8.
[20] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 Tháng 11 2013), 212: AAS 105 (2013), 1108.
[21] *Thông điệp Ngày Hòa Bình Thế Giới 2015* (8 Tháng 12 2014), 3-4: AAS 107 (2015), 69-71.
[22] *Đã dẫn*, 5: AAS 107 (2015), 72.
[23] *Thông điệp Ngày Hòa Bình Thế Giới 2016* (8 Tháng 12 2015), 2: AAS 108 (2016), 49.
[24] *Thông điệp Ngày Hòa Bình Thế Giới 2020* (8 Tháng 12 2019), 1: L'Osservatore Romano, 13 Tháng 12 2019, p. 8.
[25] *Diễn văn về Vũ khí Nguyên tử, Nagasaki, Japan* (24 Tháng 11 2019): L'Osservatore Romano, 25-26 Tháng 11 2019, p. 6.
[26*] Đối thoại với các Học sinh và Giáo viên Trường San Carlo ở Milan* (6 Tháng 4 2019): L'Osservatore Romano, 8-9 Tháng 4 2019, p. 6.
[27] *Văn kiện Tình Huynh đệ Nhân bản vì Hòa bình Thế giới và Sống chung*, Abu Dhabi (4 Tháng 2 2019): L'Osservatore Romano, 4-5 Tháng 2 2019, p. 6.
[28] *Diễn văn với Thế giới văn hóa*, Cagliari, Italy (22 Tháng 9 2013): L'Osservatore Romano, 23-24 Tháng 9 2013, p. 7.
[29] *Humana Communitas*. Thư gửi Chủ tịch Giáo Hoàng Hàn Lâm Viện Sư Sống dịp Kỷ niệm 25 thành lập (6 Tháng 1 2019), 2.6: L'Osservatore Romano, 16 Tháng 1 2019, pp. 6-7.
[30] *Sứ điệp video gửi Hội nghị TED ở Vancouver* (26 Tháng 4 2017): L'Osservatore Romano, 27 Tháng 4 2017, p. 7.
[31] *Buổi Cầu Nguyện ngoại thường Thời Đại dịch* (27 Tháng 3 2020): L'Osservatore Romano, 29 Tháng 3 2020, p. 10.
[32] *Bài giảng lễ*, North Macedonia (7 Tháng 5 2019): L'Osservatore Romano, 8 Tháng 5 2019, p. 12.
[33] Xem *Aeneid* 1, 462: "Sunt lacrimae rerum et mentem mortalia tangunt".
[34] "Historia… magistra vitae" (CICERO, *De Oratore*, 2, 6).
[35] Thông điệp *Laudato Si'* (24 Tháng 5 2015), 204: AAS 107 (2015), 928.
[36] Tông huấn hậu Thượng Hội Đồng *Christus Vivit* (25 Tháng 3 2019), 91.
[37]*Đã dẫn*, 92.
[38] *Đã dẫn*, 93.
[39] Đức Bênêđíctô XVI, *Thông điệp Ngày Thế giới Di dân và Người tỵ nạn năm 2013*, (12 Tháng 10 2012): AAS 104 (2012), 908.
[40] Tông huấn hậu Thượng Hội Đồng *Christus Vivit* (25 Tháng 3 2019), 92.
[41] *Thông điệp Ngày Thế giới Di dân và Người tỵ nạn năm 2020* (13 Tháng 5 2020): L'Osservatore Romano, 16 Tháng 5 2020, p. 8.
[42] *Diễn văn với Ngoại giao đoàn bên cạnh Tòa Thánh* (11 Tháng 1 2016): AAS 108 (2016), 124.
[43] *Diễn văn với Ngoại giao đoàn bên cạnh Tòa Thánh* (13 Tháng 1 2014): AAS 106 (2014), 84.
[44] *Diễn văn với Ngoại giao đoàn bên cạnh Tòa Thánh* (11 Tháng 1 2016): AAS 108 (2016), 123.
[45] *Thông điệp Ngày Thế giới Di dân và Người tỵ nạn năm 2019* (27 Tháng 5 2019): L'Osservatore Romano, 27-28 Tháng 5 2019, p. 8.
[46] Tông huấn hậu Thượng Hội Đồng *Christus Vivit* (25 Tháng 3 2019), 88.
[47] *Đã dẫn*, 89.
[48] Tông huấn *Gaudete et Exsultate* (19 Tháng 3 2018), 115.
[49] Từ cuốn phim *Pope Francis: A Man of His Word*, by Wim Wenders (2018).
[50] *Diễn văn với Các Nhà Cầm quyền, Xã hội dân sự và Ngoại giao đoàn Tallinn*, Estonia (25 Tháng 9 2018):

L'Osservatore Romano, 27 Tháng 9 2018, p. 7.
[51] Xem *Buổi Cầu Nguyện ngoại thường Thời Đại dịch* (27 Tháng 3 2020): L'Osservatore Romano, 29 Tháng 3 2020, p. 10; *Thông điệp nhân Ngày Thế giới Người Nghèo* (13 Tháng 6 2020), 6: L'Osservatore Romano, 14 Tháng 6 2020, p. 8.
[52] *Chào mừng Người Trẻ tại Trung tâm văn hóa Padre Félix Varela,* Havana, Cuba (20 Tháng 9 2015): L'Osservatore Romano, 21-22 Tháng 9 2015, p. 6.
[53] Công Đồng Vatican II, Hiến chế Mục vụ về Giáo Hội trong Thế giới Ngày nay *Gaudium et Spes*, 1.
[54] Thánh Irênê thành Lyons, *Adversus Haereses*, II, 25, 2: PG 7/1, 798ff.
[55] *Talmud Bavli* (Babylonian Talmud), Shabbat, 31a.
[56] *Diễn văn với Những Người được Các Công trình Bác ái của Giáo Hội giúp đỡ*, Tallinn, Estonia (25 Tháng 9 2018): L'Osservatore Romano, 27 Tháng 9 2018, p. 8.
[57] *Sứ điệp video gửi Hội nghị TED ở Vancouver* (26 Tháng 4 2017):L'Osservatore Romano, 27 Tháng 4 2017, p. 7.
[58] Homiliae in Matthaeum, 50: 3-4: PG 58, 508.
[59] *Thông điệp gửi Cuộc Gặp gỡ của Các Phong trào Bình dân*, Modesto, California, USA (10 Tháng 2 2017): AAS 109 (2017), 291.
[60] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 Tháng 11 2013), 235: AAS 105 (2013), 1115.
[61] Thánh Gioan Phaolô II, *Thông điệp gửi Những Người Khuyết Tật, buổi Đọc Kinh Sai Thiên Thần tại Osnabrück*, Germany (16 Tháng 11 1980): Insegnamenti III, 2 (1980), 1232.
[62] Công Đồng Vatican II, Hiến chế Mục vụ về Giáo Hội trong Thế giới Ngày nay *Gaudium et Spes*, 24.
[63] Gabriel Marcel, *Du refus à l'invocation*, ed. NRF, Paris, 1940, 50.
[64] *Buổi Đọc Kinh Truyền Tin*(10 Tháng 11 2019): L'Osservatore Romano, 11-12 Tháng 11 2019, 8.
[65] Xem Thánh Tôma Aquinô: *Scriptum super Sententiis*, lib. 3, dist. 27, q. 1, a. 1, ad 4: "Dicitur amor extasim facere et fervere, quia quod fervet extra se bullit et exhalat".
[66] Karol Wojtyła, *Love and Responsibility*, London, 1982, 126.
[67] Karl Rahner, *Kleines Kirchenjahr. Ein Gang durch den Festkreis*, Herderbücherei 901, Freiburg, 1981, 30.
[68] *Luật Dòng*, 53, 15: "Pauperum et peregrinorum maxime susceptioni cura sollicite exhibeatur".
[69] Xem *Summa Theologiae*, II-II, q. 23, a. 7; Thánh Tháng 8 inô, Contra Julianum, 4, 18: PL 44, 748: "How many pleasures do misers forego, either to increase their treasures or for fear of seeing them diminish!".
[70] "Secundum acceptionem divinam" (*Scriptum super Sententiis*, lib. 3, dist. 27, a. 1, q. 1, concl. 4).
[71] Đức Bênêđíctô XVI, Thông điệp *Deus Caritas Est* (25 Tháng 12 2005), 15: AAS 98 (2006), 230.
[72] *Summa Theologiae* II-II, q. 27, a. 2, resp.
[73] Cf*Đã dẫn*, I-II, q. 26, a. 3, resp.
[74] *Đã dẫn*, q. 110, a. 1, resp.
[75] *Thông điệp nhân Ngày Hòa Bình Thế giới năm 2014* (8 Tháng 12 2013), 1: AAS 106 (2014), 22.
[76] Xem *Kinh Truyền tin* (29 Tháng 12 2013): L'Osservatore Romano, 30-31 Tháng 12 2013, p. 7; *Diễn văn với Ngoại giao đoàn Bên cạnh Tòa Thánh* (12 Tháng 1 2015): AAS 107 (2015), 165.
[77] *Thông điệp nhân Ngày Người Khuyết Tật Thế giới* (3 Tháng 12 2019): L'Osservatore Romano, 4 Tháng 12 2019, 7.
[78] *Diễn văn với Cuộc Gặp gỡ về Tự do Tôn giáo với Cộng đồng Nói tiếng Tây Ban Nha và các Nhóm Di dân*, Philadelphia, Pennsylvania, United States of America (26 Tháng 9 2015): AAS 107 (2015), 1050-1051.
[79] *Diễn văn với Giới trẻ*, Tokyo, Japan (25 Tháng 11 2019): L'Osservatore Romano, 25-26 Tháng 11 2019, 10.
[80] Trong các xem xét này, tôi được gợi hứng bởi tư tưởng của Paul Ricoeur, "Le socius et le prochain", trong *Histoire et Verité*, ed. Le Seuil, Paris, 1967, 113-127.
[81] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 Tháng 11 2013), 190: AAS 105 (2013), 1100.
[82] *Đã dẫn*, 209: AAS 105 (2013), 1107.
[83] Thông điệp *Laudato Si'* (24 Tháng 5 2015), 129: AAS 107 (2015), 899.
[84] *Thông điệp gửi cho Biến cố "Economy of Francesco"* (1 Tháng 5 2019): L'Osservatore Romano, 12 Tháng 5 2019, 8.
[85] *Diễn văn với Nghị viện Âu Châu*, Strasbourg (25 Tháng 11 2014): AAS 106 (2014), 997.
86] Thông điệp *Laudato Si'* (24 Tháng 5 2015), 229: AAS 107 (2015), 937.
[87] *Thông điệp nhân Ngày Hòa Bình Thế giới năm 2016* (8 Tháng 12 2015), 6: AAS 108 (2016), 57-58.

[88] "Vững chắc" (Solidity) về từ nguyên có liên hệ với "liên đới" (solidarity). Liên đới, trong nghĩa đạo đức học chính trị mà nó mặc lấy trong 2 thế kỷ vừa qua, đem lại tác động an toàn và chắc chắn.
[89] *Bài Giảng lễ*, Havana, Cuba (20 Tháng 9 2015): L'Osservatore Romano, 21-22 Tháng 9 2015, 8.
[90] *Diễn văn với Các Tham dự viên cuộc gặp gỡ các Phong trào Bình dạn* (28 Tháng 10 2014): AAS 106 (2014), 851-852.
[91] Xem Thánh Basil, *Homilia XXI*, Quod rebus mundanis adhaerendum non sit, 3.5: PG 31, 545-549; Regulae brevius tractatae, 92: PG 31, 1145-1148; Thánh Peter Chrysologus, *Sermo* 123: PL 52, 536-540; Thánh Ambrose, *De Nabuthe*, 27.52: PL 14, 738ff.; Thánh Augustinô, *In Iohannis Evangelium*, 6, 25: PL 35, 1436ff.
[92] *De Lazaro Concio*, II, 6: PG 48, 992D.
[93] *Regula Pastoralis*, III, 21: PL 77, 87.
[94] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus* (1 Tháng 5 1991), 31: AAS 83 (1991), 831.
[95] Thông điệp *Laudato Si'* (24 Tháng 5 2015), 93: AAS 107 (2015), 884.
[96] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Laborem Exercens* (14 Tháng 9 1981), 19: AAS 73 (1981), 626.
[97] Cf. Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, *Hợp tuyển Giáo huấn Xã hội của Giáo Hội*, 172.
[98] Thông điệp *Populorum Progressio* (26 Tháng 3 1967): AAS 59 (1967), 268.
[99] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis* (30 Tháng 12 1987), 33: AAS 80 (1988), 557.
[100] Thông điệp *Laudato Si'* (24 Tháng 5 2015), 95: AAS 107 (2015), 885.
[101] *Đã dẫn*, 129: AAS 107 (2015), 899.
[102] Xem Thánh Phaolô VI, Thông điệp *Populorum Progressio* (26 Tháng 3 1967): AAS 59 (1967), 265; Đức Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 Tháng 6 2009), 16: AAS 101 (2009), 652.
[103] Xem Thông điệp *Laudato Si'* (24 Tháng 5 2015), 93: AAS 107 (2015), 884-885; Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 Tháng 11 2013), 189-190: AAS 105 (2013), 1099-1100.
[104] Hội Đồng Giám Mục Hoa Kỳ, Thư Mục vụ chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc Open Wide Our Hearts: The Enduring Call to Love (Tháng 11 2018).
[105] Thông điệp **Laudato Si'** (24 Tháng 5 2015), 51: AAS 107 (2015), 867.
[106] Xem Đức Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 Tháng 6 2009), 6: AAS 101 (2009), 644.
[107] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus* (1 Tháng 5 1991), 35: AAS 83 (1991), 838.
[108] *Diễn văn về Vũ khí Hạt nhân*, Nagasaki, Japan (24 Tháng 11 2019): L'Osservatore Romano, 25-26 Tháng 11 2019, 6.
[109] Xem Hội Đồng Giám Mục Mễ tây cơ và Hoa kỳ, *A Pastoral Letter Concerning Migration: "Strangers No Longer Together on the Journey of Hope"* (Tháng 1 2003).
[110] *Yết kiến chung* (3 Tháng 4 2019): L'Osservatore Romano, 4 Tháng 4 2019, p. 8.
[111] Xem *Thông điệp nhân ngày Di dân và Tịn nạn Thế giới năm 2018* (14 Tháng 1 2018): AAS 109 (2017), 918-923.
112] *Văn kiện Tình Huynh đệ Nhân bản vì Hòa bình Thế giới và Sống chung*, Abu Dhabi (4 Tháng 2 2019): L'Osservatore Romano, 4-5 Tháng 2 2019, p. 7.
[113] *Diễn văn với Ngoại giao đoàn Bên cạnh Tòa Thánh*, 11 Tháng 1 2016: AAS 108 (2016), 124.
[114] *Đã dẫn*, 122.
[115] Tông huấn hậu Thượng Hội Đồng *Christus Vivit* (25 Tháng 3 2019), 93.
[116] *Đã dẫn*, 94.
[117] *Diễn văn với Nhà cầm quyền*, Sarajevo, Bosnia và Herzegovina (6 Tháng 6 2015): L'Osservatore Romano, 7 Tháng 6 2015, p. 7.
[118] *Latinoamérica. Conversaciones con Hernán Reyes Alcaide*, ed. Planeta, Buenos Aires, 2017, 105.
[119] *Văn kiện Tình Huynh đệ Nhân bản vì Hòa bình Thế giới và Sống chung,* Abu Dhabi (4 Tháng 2 2019): L'Osservatore Romano, 4-5 Tháng 2 2019, p. 7.
[120] Đức Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 Tháng 6 2009), 67: AAS 101 (2009), 700.
[121] *Đã dẫn*, 60: AAS 101 (2009), 695.
[122] *Đã dẫn*, 67: AAS 101 (2009), 700.
[123] Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, *Hợp tuyển Giáo huấn Xã hội của Giáo Hội*, 447.
[124] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 Tháng 11 2013), 234: AAS 105 (2013), 1115.
[125] *Đã dẫn*, 235: AAS 105 (2013), 1115.
[126] *Đã dẫn*
[127] Thánh Gioan Phaolô II, *Diễn văn với Các Đại diện văn hóa Argentina*, Buenos Aires, Argentina (12

Tháng 4 1987), 4: L'Osservatore Romano, 14 Tháng 4 1987, p. 7.
[128] Xem *Đã dẫn*., *Diễn văn với Giáo Triều Rôma* (21 Tháng 12 1984), 4: AAS 76 (1984), 506.
[129] Tông huấn hậu Thượng Hội Đồng *Querida Amazonia* (2 Tháng 2 2020), 37.
[130] GEORG SIMMEL, *Brücke und Tür. Essays des Philosophen zur Geschichte, Religion, Kunst und Gesellschaft*, ed. Michael Landmann, Köhler-Verlag, Stuttgart, 1957, 6.
[131] Xem JAIME HOYOS-VÁSQUEZ, S.J., "Lógica de las relaciones sociales. Reflexión onto-lógica", *Revista Universitas Philosophica*, 15-16 (Tháng 12 1990-Tháng 6 1991), Bogotá, 95-106.
[132] ANTONIO SPADARO, S.J., *Le orme di un pastore. Una conversazione con Papa Francesco*, trong JORGE MARIO BERGOLIO – PAPA FRANCESCO, Nei tuoi occhi è la mia parola. Omelie e discorsi di Buenos Aires 1999-2013, Rizzoli, Milan 2016, XVI; xem Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 Tháng 11 2013), 220-221: AAS 105 (2013), 1110-1111.
[133] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 Tháng 11 2013), 204: AAS 105 (2013), 1106.
[134] Xem *Đã dẫn*: AAS 105 (2013), 1105-1106.
[135] *Đã dẫn*, 202: AAS 105 (2013), 1105.
[136] Thông điệp *Laudato Si'* (24 Tháng 5 2015), 128: AAS 107 (2015), 898.
[137] *Diễn văn với Ngoại giao đoàn Bên cạnh Tòa Thánh* (12 Tháng 1 2015): AAS 107 (2015), 165; cf. *Diễn văn với Các Tham dự viên Cuộc Gặp gỡ Các Phong Trào Bình dân Thế giới* (28 Tháng 10 2014): AAS 106 (2014), 851-859.
[138] Điểm tương tự cũng có thể đưa ra cho phạm trù Kinh Thánh Nước Thiên Chúa.
[139] PAUL RICOEUR, *Histoire et Verité*, ed. Le Seuil Paris, 1967, 122.
[140] Thông điệp *Laudato Si'* (24 Tháng 5 2015), 129: AAS 107 (2015), 899.
[141] Đức Bênêđíctô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 Tháng 6 2009), 35: AAS 101 (2009), 670.
[142] *Diễn văn với Các Tham dự viên Cuộc Gặp gỡ Các Phong Trào Bình dân Thế giới* (28 Tháng 10 2014): AAS 106 (2014), 858.
[143] *Đã dẫn*.
[144] *Diễn văn với Các Tham dự viên Cuộc Gặp gỡ Các Phong Trào Bình dân Thế giới* (5 Tháng 11 2016): L'Osservatore Romano, 7-8 Tháng 11 2016, pp. 4-5.
[145] *Đã dẫn*.
[146] *Đã dẫn*.
[147] Thông điệp *Laudato Si'* (24 Tháng 5 2015), 189: AAS 107 (2015), 922.
[148] *Diễn văn với Các Thành viên của Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc*, New York (25 Tháng 9 2015): AAS 107 (2015), 1037.
[149] Thông điệp *Laudato Si'* (24 Tháng 5 2015), 175: AAS 107 (2015), 916-917.
[150] Cf. BENEDICT XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 Tháng 6 2009), 67: AAS 101 (2009), 700-701.
[151] *Đã dẫn*: AAS 101 (2009), 700.
[152] Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, *Hợp tuyển Giáo huấn Xã hội của Giáo Hội*, 434.
[153] *Diễn văn với Các Thành viên của Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc*, New York (25 Tháng 9 2015): AAS 107 (2015), 1037, 1041.
[154] Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, *Hợp tuyển Giáo huấn Xã hội của Giáo Hội*, 437.
[155] Thánh Gioan Phaolô II, *Thông điệp Ngày Hòa Bình Thế giới năm 2004*, 5: AAS 96 (2004), 117.
[156] Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, *Hợp tuyển Giáo huấn Xã hội của Giáo Hội*, 439.
[157] Xem Ủy Ban Xã hội của Hội Đồng Giám Mục Pháp, Tuyên ngôn *Réhabiliter la Politique* (17 Tháng 2 1999).
[158] Thông điệp *Laudato Si'* (24 Tháng 5 2015), 189: AAS 107 (2015), 922.
[159] *Đã dẫn*, 196: AAS 107 (2015), 925.
[160] *Đã dẫn*, 197: AAS 107 (2015), 925.
[161] *Đã dẫn*, 181: AAS 107 (2015), 919.
[162] *Đã dẫn*, 178: AAS 107 (2015), 918.
[163] Hội Đồng Giám Mục Bồ đào nha, Thư Mục vụ *Responsabilidade Solidária pelo Bem Comum* (15 Tháng 9 2003), 20; cf. Thông điệp *Laudato Si'* (24 Tháng 5 2015), 159: AAS 107 (2015), 911.
[164] Thông điệp *Laudato Si'* (24 Tháng 5 2015), 191: AAS 107 (2015), 923.
[165] Đức Piô XI, *Diễn văn với Liên Đoàn Sinh viên Đại Học Công Giáo Ý* (18 Tháng 12 1927): L'Osservatore Romano, 23 Tháng 12 1927, p. 3.

[166] Xem *Đã dẫn*, Thông điệp *Quadragesimo Anno* (15 Tháng 5 1931): AAS 23 (1931), 206-207.
[167] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 Tháng 11 2013), 205: AAS 105 (2013), 1106
[168] Đức Bênêđíctô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 Tháng 6 2009), 2: AAS 101 (2009), 642.
[169] Thông điệp *Laudato Si'* (24 Tháng 5 2015), 231: AAS 107 (2015), 937.
[170] Đức Bênêđíctô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 Tháng 6 2009), 2: AAS 101 (2009), 642.
[171] Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, *Hợp tuyển Giáo huấn Xã hội của Giáo Hội*, 207.
[172] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Redemptor Hominis* (4 Tháng 3 1979), 15: AAS 71 (1979), 288.
[173] Xem Thánh Phaolô VI, Thông điệp *Populorum Progressio* (26 Tháng 3 1967), 44: AAS 59 (1967), 279.
[174] Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, *Hợp tuyển Giáo huấn Xã hội của Giáo Hội*, 207.
[175] Đức Bênêđíctô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 Tháng 6 2009), 2: AAS 101 (2009), 642.
[176] *Đã dẫn*, 3: AAS 101 (2009), 643.
[177] *Đã dẫn*, 4: AAS 101 (2009), 643.
[178] *Đã dẫn*.
[179] *Đã dẫn*, 3: AAS 101 (2009), 643.
[180] *Đã dẫn*: AAS 101 (2009), 642.
[181] Theo giáo huấn của Thánh Tôma Aquinô, tín lý luân lý Công Giáo phân biệt giữa các hành vi "được luận ra" (elicited) và "được truyền lệnh" (commanded); xem *Summa Theologiae*, I-II, qq. 8-17; M. ZALBA, S.J., *Theologiae Moralis Summa. Theologia Moralis Fundamentalis. Tractatus de Virtutibus Theologicis*, ed. BAC, Madrid, 1952, vol. I, 69; A. ROYO MARÍN, Teología *de la Perfección Cristiana*, ed. BAC, Madrid, 1962, 192-196.
[182] Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, *Hợp tuyển Giáo huấn Xã hội của Giáo Hội*, 208.
[183] Xem Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis* (30 Tháng 12 1987), 42: AAS 80 (1988), 572-574; Thông điệp *Centesimus Annus* (1 Tháng 5 1991), 11: AAS 83 (1991), 806-807.
[184] *Diễn văn với Các Tham dự viên Cuộc Gặp gỡ Các Phong Trào Bình dân Thế giới* (28 Tháng 10 2014): AAS 106 (2014), 852.
185] *Diễn văn với Nghị viện Âu Châu*, Strasbourg (25 Tháng 11 2014): AAS 106 (2014), 999.
[186] *Diễn văn tại cuộc Gặp gỡ với Nhà Cầm quyền và Ngoại giao đoàn tại Công Hòa Trung Phi*, Bangui (29 Tháng 11 2015): AAS 107 (2015), 1320.
[187] *Diễn văn với Liên Hiệp Quốc*, New York (25 Tháng 9 2015): AAS 107 (2015), 1039.
[188] *Diễn văn với Các Tham dự viên Cuộc Gặp gỡ Các Phong Trào Bình dân Thế giới* (28 Tháng 10 2014): AAS 106 (2014), 853.
[189] *Văn kiện Tình Huynh đệ Nhân bản vì Hòa bình Thế giới và Sống chung*, Abu Dhabi (4 Tháng 2 2019): L'Osservatore Romano, 4-5 Tháng 2 2019, p. 6.
[190] RENÉ VOILLAUME, *Frères de tous*, ed. Cerf, Paris, 1968, 12-13.
[191] *Thông điệp Video gửi Hội nghị TED ở Vancouver* (26 Tháng 4 2017): L'Osservatore Romano, 27 Tháng 4 2017, p. 7.
[192] *Yết kiến chung* (18 Tháng 2 2015): L'Osservatore Romano, 19 Tháng 2 2015, p. 8.
[193] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 Tháng 11 2013), 274: AAS 105 (2013), 1130.
[194] *Đã dẫn*, 279: AAS 105 (2013), 1132.
[195] *Thông điệp nhân Ngày Hòa Bình Thế giới năm 2019* (8 Tháng 12 2018), 5: L'Osservatore Romano, 19 Tháng 12 2018, p. 8.
[196] *Gặp gỡ Các Nhà Lãnh đạo chính trị, Kinh tế và văn hóa Ba Tây*, Rio de Janeiro, Brazil (27 Tháng 7 2013): AAS 105 (2013), 683-684.
[197] Tông huấn hậu Thượng Hội Đồng *Querida Amazonia* (2 Tháng 2 2020), 108.
[198] Từ cuốn phim *Pope Francis: A Man of His Word*, by Wim Wenders (2018).
[199] *Thông điệp nhân ngày Truyền thông Thế giới* (24 Tháng 1 2014): AAS 106 (2014), 113.
[200] Hội Đồng Giám Mục Úc, Ủy ban Công lý, Sứ mệnh và Phục vụ Xã hội, *Making It Real: Genuine Human Encounter in Our Digital World* (Tháng 11 2019).
[201] Thông điệp *Laudato Si'* (24 Tháng 5 2015), 123: AAS 107 (2015), 896.
[202] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Veritatis Splendor* (6 Tháng 8 1993), 96: AAS 85 (1993), 1209.
[203] Là các Kitô hữu, chúng ta cũng tin rằng Thiên Chúa ban cho chúng ta ơn thánh của Người giúp chúng ta hành động như anh chị em.
[204] VINICIUS DE MORAES, *Samba da Benção*, từ cuốn băng *Um encontro no Au bon Gourmet*, Rio de

Janeiro (2 Tháng 8 1962).
[205] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 Tháng 11 2013), 237: AAS 105 (2013), 1116.
[206] *Đã dẫn*, 236: AAS 105 (2013), 1115.
[207] *Đã dẫn*, 218: AAS 105 (2013), 1110.
[208] Tông huấn *Amoris Laetitia* (19 Tháng 3 2016), 100: AAS 108 (2016), 351.
[209] *Thông điệp Ngày Hòa Bình Thế giới năm 2020* (8 Tháng 12 2019), 2: L'Osservatore Romano, 13 Tháng 12 2019, p. 8.
[210] Hội Đồng Giám Mục Congo, *Thông điệp gửi Dân Chúa và Những người đàn ông và đàn bà có thiện chí* (9 Tháng 5 2018).
[211] *Diễn văn tại Cuộc Gặp Gỡ Hòa Giải Quốc Gia*, Villavicencio, Colombia (8 Tháng 9 2017): AAS 109 (2017), 1063-1064, 1066.
[212] *Thông điệp nhân Ngày Hòa Bình Thế giới năm 2020* (8 Tháng 12 2019), 3: L'Osservatore Romano, 13 Tháng 12 2019, p. 8.
[213] Hội Đồng Giám Mục Nam Phi, *Pastoral Letter on Christian Hope in the Current Crisis* (Tháng 5 1986).
[214] Hội Đồng Giám Mục Đại Hàn, *Appeal of the Catholic Church in Korea for Peace on the Korean Peninsula* (15 Tháng 8 2017).
[215] *Gặp gỡ Các Nhà Lãnh đạo Chính trị, Kinh tế và Dân sự*, Quito, Ecuador (7 Tháng 7 2015): L'Osservatore Romano, 9 Tháng 7 2015, p. 9.
[216] *Cuộc gặp gỡ Liên tôn với giới trẻ*, Maputo, Mozambique (5 Tháng 9 2019): L'Osservatore Romano, 6 Tháng 9 2019, p. 7.
[217] *Bài giảng lễ*, Cartagena de Indias, Colombia (10 Tháng 9 2017): AAS 109 (2017), 1086.
[218] *Gặp gỡ Nhà Cầm quyền, Ngoại giao đoàn và Đại diện Xã hội Dân sự*, Bogotá, Colombia (7 Tháng 9 2017): AAS 109 (2017), 1029.
[219] Hội Đồng Giám Mục Colombia, *Por el bien de Colombia: diálogo, reconciliación y desarrollo integral* (26 Tháng 11 2019), 4.
[220] *Gặp gỡ Nhà Cầm quyền, Ngoại giao đoàn và Đại diện Xã hội Dân sự*, Maputo, Mozambique (5 Tháng 9 2019): L'Osservatore Romano, 6 Tháng 9 2019, p. 6.
[221] *Hội nghị Toàn thể lần thứ năm các Giám Mục Châu Mỹ Latinh và vùng Caribbean*, Aparecida Document (29 Tháng 6 2007), 398.
[222] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 Tháng 11 2013), 59: AAS 105 (2013), 1044.
[223] Thông điệp *Centesimus Annus* (1 Tháng 5 1991), 14: AAS 83 (1991), 810.
[224] *Bài giảng trong Thánh lễ cầu cho Tiến bộ Các Dân tộc*, Maputo, Mozambique (6 Tháng 9 2019): L'Osservatore Romano, 7 Tháng 9 2019, p. 8.
[225] *Nghi thức tiếp đón*, Colombo, Sri Lanka (13 Tháng 1 2015): L'Osservatore Romano, 14 Tháng 1 2015, p. 7.
[226] *Gặp gỡ Các Trẻ em của "Trung tâm Bethany" và Đại diện Các Trung tâm Bác ái của Albania*, Tirana, Albania (21 Tháng 9 2014): Insegnamenti II, 2 (2014), 288.
[227] *Thông điệp Video gửi Hội nghị TED ở Vancouver* (26 Tháng 4 2017): L'Osservatore Romano, 27 Tháng 4 2017, p. 7.
[228] Đức Piô XI, Thông điệp *Quadragesimo Anno* (15 Tháng 5 1931): AAS 23 (1931), 213.
[229] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 Tháng 11 2013), 228: AAS 105 (2013), 1113.
[230] *Gặp gỡ Nhà Cầm quyền, Ngoại giao đoàn và Đại diện Xã hội Dân sự*, Riga, Latvia (24 Tháng 9 2018): L'Osservatore Romano, 24-25 Tháng 9 2018, p. 7.
[231] *Nghi thức tiếp đón*, Tel Aviv, Israel (25 Tháng 5 2014): Insegnamenti II, 1 (2014), 604.
[232] *Viếng Đài Kỷ niệm Yad Vashem*, Jerusalem (26 Tháng 5 2014): AAS 106 (2014), 228.
[233] *Diễn văn tại Đài Kỷ niệm Hòa bình*, Hiroshima, Japan (24 Tháng 11 2019): L'Osservatore Romano, 25-26 Tháng 11 2019, p. 8.
[234] *Thông điệp nhân Ngày Hòa Bình Thế giới năm 2020* (8 Tháng 12 2019), 2: L'Osservatore Romano, 13 Tháng 12 2019, p. 8.
[235] Hội Đồng Giám Mục Croatia, *Letter on the Fiftieth Anniversary of the End of the Second World War* (1 Tháng 5 1995).
[236] *Bài Giảng lễ*, Amman, Jordan (24 Tháng 5 2014): Insegnamenti II, 1 (2014), 593.
[237] Cf. *Thông điệp nhân Ngày Hòa Bình Thế giới năm 2020* (8 Tháng 12 2019), 1: L'Osservatore Romano, 13

Tháng 12 2019, p. 8.
[238] *Diễn văn với Các Thành viên của Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc*, New York (25 Tháng 9 2015): AAS 107 (2015), 1041-1042.
[239] No. 2309.
[240] *Đã dẫn*.
[241] Thông điệp *Laudato Si'* (24 Tháng 5 2015), 104: AAS 107 (2015), 888.
[242] Thánh Augustinô, người đã sáng chế ra ý niệm "chiến tranh chính đáng" mà chúng ta không còn duy trì thời nay nữa, cũng nói rằng "Vinh quang hơn vẫn là duy trì chiến tranh bằng lời nói, hơn là sát hại con người bằng gươm giáo, và cung cấp hoặc duy trì hòa bình bằng hòa bình, chứ không bằng chiến tranh" (*Epistola* 229, 2: PL 33, 1020).
[243] Thông điệp *Pacem in Terris* (11 Tháng 4 1963): AAS 55 (1963), 291.
[244] *Thông điệp gửi Hội nghị Liên Hiệp Quốc thương thảo tìm ra phương thế trói buộc hợp pháp để ngăn cấm vũ khí hạt nhân* (23 Tháng 3 2017): AAS 109 (2017), 394-396.
[245] Xem Thánh Phaolô VI, Thông điệp *Populorum Progressio* (26 Tháng 3 1967): AAS 59 (1967), 282.
[246] Xem Thông điệp *Evangelium Vitae* (25 Tháng 3 1995), 56: AAS 87 (1995), 463-464.
[247] *Diễn văn nhân Kỷ niệm năm thứ 25 ngày công bố Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo* (11 Tháng 10 2017): AAS 109 (2017), 1196.
[248] Xem Bộ Giáo Lý Đức tin, *Letter to the Bishops Regarding the Revision of No. 2267 of the Catechism of the Catholic Church on the Death Penalty* (1 Tháng 8 2018): L'Osservatore Romano, 3 Tháng 8 2018, p. 8.
[249] *Diễn văn với các Đại biểu Hiệp hội Hình luật Quốc tế* (23 Tháng 10 2014): AAS 106 (2014), 840.
[250] Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, *Hợp tuyển Giáo huấn Xã hội của Giáo Hội*, 402.
[251] Thánh Gioan Phaolô II, *Diễn văn với Hiệp hội Thẩm phán Quốc gia* (31 Tháng 3 2000), 4: AAS 92 (2000), 633.
[252] *Divinae Institutiones* VI, 20, 17: PL 6, 708.
[253] *Epistola* 97 (Responsa ad consulta Bulgarorum), 25: PL 119, 991. "ipsi (Christo) non solum innoxios quosque, verum etiam et noxios a mortis exitio satagite cunctos eruere…".
[254] *Epistola ad Marcellinum* 133, 1.2: PL 33, 509.
[255] *Diễn văn với các Đại biểu Hiệp hội Hình luật Quốc tế* (23 Tháng 10 2014): AAS 106 (2014), 840-841.
[256] *Đã dẫn*, 842.
[257] *Đã dẫn*.
[258] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Evangelium Vitae* (25 Tháng 3 1995), 9: AAS 87 (1995), 411.
[259] Hội Đồng Giám Mục Ấn độ, *Response of the Church in India to the Present-day Challenges* (9 Tháng 3 2016).
[260] *Bài giảng trong Thánh Lễ tại Nhà Thánh Martha* (17 Tháng 5 2020).
[261] Đức Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 Tháng 6 2009), 19: AAS 101 (2009), 655.
[262] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus* (1 Tháng 5 1991), 44: AAS 83 (1991), 849.
[263] *Diễn văn với Các Nhà Lãnh đạo Tôn giáo Khác và Các Tín phái Kitô giáo khác*, Tirana, Albania (21 Tháng 9 2014): Insegnamenti II, 2 (2014), 277.
[264] *Văn kiện Tình Huynh đệ Nhân bản vì Hòa bình Thế giới và Sống chung*, Abu Dhabi (4 Tháng 2 2019): L'Osservatore Romano, 4-5 Tháng 2 2019, p. 6.
[265] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 Tháng 11 2013), 256: AAS 105 (2013), 1123.
[266] Đức Bênêđictô XVI, Thông điệp *Deus Caritas Est* (25 Tháng 12 2005), 28: AAS 98 (2006), 240.
[267] "Con người là một con vật chính trị", ARISTOTLE, *Politics*, 1253a 1-3.
[268] Đức Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 Tháng 6 2009), 11: AAS 101 (2009), 648.
[269] *Diễn văn với Cộng đồng Công Giáo*, Rakovski, Bulgaria (6 Tháng 5 2019): L'Osservatore Romano, 8 Tháng 5 2019, p. 9.
[270] *Bài giảng lễ*, Santiago de Cuba (22 Tháng 9 2015): AAS 107 (2015), 1005.
[271] Công Đồng Vatican II, Tuyên ngôn về Mối Liên hệ của Giáo Hội với các Tôn giáo không phải Kitô giáo, *Nostra Aetate*, 2.
[272] *Buổi cầu nguyện đại kết* Riga, Latvia (24 Tháng 9 2018): L'Osservatore Romano, 24-25 Tháng 9 2018, p. 8.
[273] *Lectio Divina*, Pontifical Lateran University, Rome (26 Tháng 3 2019): L'Osservatore Romano, 27 Tháng 3 2019, p. 10.

[274] Thánh Phaolô VI, Thông điệp *Ecclesiam Suam* (6 Tháng 8 1964): AAS 56 (1964), 650.
[275] *Diễn văn với Nhà Cầm quyền Dân sự*, Bethlehem, Palestine (25 Tháng 5 2014): Insegnamenti II, 1 (2014), 597.
[276] *Enarrationes in Psalmos*, 130, 6: PL 37, 1707.
[277] *Tuyên bố chung của Đức Giáo Hoàng Phanxicô và Thượng phụ Đại kết*, Jerusalem (25 Tháng 5 2014), 5: L'Osservatore Romano, 26-27 Tháng 5 2014, p. 6.
[278] Từ cuốn phim *Pope Francis: A Man of His Word*, của Wim Wenders (2018).
[279] Tông huấn hậu Thượng Hội Đồng *Querida Amazonia* (2 Tháng 2 2020), 106.
[280] *Bài giảng lễ*, Colombo, Sri Lanka (14 Tháng 1 2015): AAS 107 (2015), 139.
[281] *Văn kiện Tình Huynh đệ Nhân bản vì Hòa bình Thế giới và Sống chung*, Abu Dhabi (4 Tháng 2 2019): L'Osservatore Romano, 4-5 Tháng 2 2019, p. 7.
[282] *Diễn văn với Nhà Cầm quyền Dân sự*, Sarajevo, Bosnia-Herzegovina (6 Tháng 6 2015): L'Osservatore Romano, 7 Tháng 6 2015, p. 7.
[283] *Diễn văn với Hội nghị Quốc tế về Hòa bình do cộng đồng Sant'Egidio tổ chức* (30 Tháng 9 2013): Insegnamenti I, 1 (2013), 301-302.
[284] *Văn kiện Tình Huynh đệ Nhân bản vì Hòa bình Thế giới và Sống chung*, Abu Dhabi (4 Tháng 2 2019): L'Osservatore Romano, 4-5 Tháng 2 2019, p. 6.
[285] *Đã dẫn*.
[286] Xem CHARLES DE FOUCAULD, *Méditation sur le Notre Père* (23 Tháng 1 1897).
[287] *Letter to Henry de Castries* (29 Tháng 11 1901).
[288] *Letter to Madame de Bondy* (7 Tháng 1 1902). Thánh Phaolô VI dùng các lời này để ca ngợi việc dấn thân của bà: Thông điệp *Populorum Progressio* (26 Tháng 3 1967): AAS 59 (1967), 263.

PHỤ CHƯƠNG

1.Tóm lược thông điệp thứ ba, Fratelli tutti, của Đức Thánh Cha Phanxicô

(Ngày 05/10/2020)

Tình huynh đệ và tình bạn xã hội là những cách mà Đức Thánh Cha chỉ ra để xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn, công bằng hơn và hòa bình hơn, với sự đóng góp của mọi người: con người và các định chế. Với việc cương quyết nói 'không' với chiến tranh và sự thờ ơ hoàn cầu hóa.

Bài viết của Isabella Piro – Vatican News

Đâu là các lý tưởng vĩ đại nhưng cũng là những cách hữu hình để thăng tiến đối với những người mong muốn xây dựng một thế giới công bằng và huynh đệ hơn trong các mối liên hệ bình thường của họ, trong đời sống xã hội, chính trị và các định chế? Đó chủ yếu là câu hỏi mà *Fratelli tutti* muốn trả lời: Đức Giáo Hoàng mô tả nó như một "Thông điệp xã hội" (6) mượn tựa đề "Các Khuyên Răn" của Thánh Phanxicô Assisi, người đã dùng những hạn từ này để "nói với anh em của ngài và đề nghị với họ một lối sống thấm đượm hương vị Tin Mừng "(1). Đức Giáo Hoàng viết rằng Vị Thánh Nghèo (Poverello) "không gây chiến bằng các ngôn từ nhằm áp đặt các học thuyết; ngài chỉ đơn giản truyền bá tình yêu của Thiên Chúa ", và "ngài đã trở thành một người cha cho mọi người và truyền cảm hứng cho một viễn kiến về một xã hội huynh đệ"(2-4). Thông điệp này nhằm cổ vũ một khát vọng phổ quát hướng tới tình huynh đệ và tình bạn xã hội. Bắt đầu với tư cách thành viên chung của chúng ta trong gia đình nhân loại, từ sự thừa nhận rằng chúng ta là anh chị em vì chúng ta là con cái của một Đấng Tạo Hóa, tất cả cùng chung một con thuyền, và do đó chúng ta cần ý thức rằng trong một thế giới hoàn cầu hóa và liên kết hỗ tương, chỉ cùng với nhau chúng ta mới có thể được cứu vớt. Văn kiện Tình huynh đệ nhân loại do Đức Phanxicô và Đại Imam của Al-Azhar ký vào tháng 2 năm 2019 là một ảnh hưởng đầy cảm hứng đã được trích dẫn nhiều lần.

Tình huynh đệ không chỉ được khuyến khích bằng lời nói, mà còn bằng việc làm. Các việc làm trở nên hữu hình trong một "loại chính trị tốt hơn", không phụ thuộc vào lợi ích tài chính, mà phục vụ lợi ích chung, có khả năng đặt phẩm giá của mỗi con người vào trung tâm và bảo đảm việc làm cho mọi người, để mỗi người có thể phát

triển các khả năng của riêng họ. Một loại chính trị, nhờ tự tách mình khỏi chủ nghĩa dân túy, có khả năng tìm được các giải pháp chống lại những gì đang tấn công các quyền lợi căn bản của con người và nhằm xóa bỏ dứt khoát nạn đói và nạn buôn người. Đồng thời, Đức Thánh Cha Phanxicô nhấn mạnh rằng một thế giới công bằng hơn chỉ có thể đạt được bằng cách cổ vũ hòa bình, là thứ không chỉ đơn thuần không có chiến tranh; nó đòi hỏi "tài thủ công", một công việc liên quan đến mọi người. Liên kết với sự thật, hòa bình và hòa giải, người ta phải "chủ động"; họ phải làm việc hướng tới công lý qua đối thoại, nhân danh sự phát triển chung. Điều này dẫn đến việc Đức Giáo Hoàng lên án chiến tranh, vốn "phủ nhận mọi quyền lợi" và không còn có thể quan niệm được dù dưới dạng giả thuyết "được biện minh", vì vũ khí hạt nhân, hóa học và sinh học đã có những hậu quả to lớn đối với dân thường vô tội. Cũng có một sự bác bỏ mạnh mẽ hình phạt tử hình, được xác định là "không thể chấp nhận được", và một suy tư trung tâm về sự tha thứ, liên quan đến các khái niệm tưởng nhớ và công lý: Đức Thánh Cha viết rằng tha thứ không có nghĩa là quên đi, cũng không phải là từ bỏ việc bênh vực các quyền lợi của mình để bảo vệ phẩm giá của mình, vốn là một hồng phúc của Thiên Chúa. Đức Phanxicô tiết lộ rằng ở bối cảnh của Thông điệp là đại dịch Covid-19, một đại dịch "bùng phát một cách bất ngờ" khi ngài "viết thông điệp này". Nhưng tình trạng khẩn trương về sức khỏe hoàn cầu này đã giúp chứng minh điều này: "không ai có thể đối đầu với cuộc sống trong cô lập cả" và do đó, đã đến lúc thực sự "mơ ước như một gia đình nhân loại duy nhất", trong đó chúng ta hết thảy là "anh chị em" (7- 8).

Được mở đầu bằng một lời dẫn nhập ngắn gọn và được chia thành tám chương, Thông điệp - như chính Đức Giáo Hoàng giải thích - tập hợp nhiều tuyên bố của ngài về tình huynh đệ và tình bạn xã hội, tuy nhiên, được sắp xếp, "trong một bối cảnh suy tư rộng lớn hơn" và được bổ sung bằng "một số thư từ, tài liệu" được gửi đến Đức Phanxicô bởi" nhiều cá nhân và nhóm trên khắp thế giới "(5). Trong chương đầu tiên, **"Những đám mây đen trên một thế giới khép kín"**, văn kiện suy nghĩ về nhiều bóp méo đương đại: sự thao túng và biến dạng của các khái niệm như dân chủ, tự do, công lý; sự mất đi ý nghĩa của cộng đồng xã hội và lịch sử; tính ích kỷ và sự thờ ơ đối với lợi ích chung; sự trỗi vượt của luận lý học thị trường dựa trên lợi nhuận và văn hóa vứt bỏ; nạn thất nghiệp, phân biệt chủng tộc, nghèo đói; sự chênh lệch về quyền lợi và những sai lệch của nó như nô lệ, buôn người, khuất phục phụ nữ rồi ép phải phá thai, buôn bán nội tạng (10-24). Đức Giáo Hoàng nhấn mạnh, nó bàn đến các vấn đề hoàn cầu đòi phải có các hành động hoàn cầu, cũng gióng lên hồi chuông cảnh tỉnh chống lại một "nền văn hóa xây tường" chuyên tạo điều kiện cho việc gia tăng tội phạm có tổ chức, được khuyến khích bởi nỗi sợ hãi và cô đơn (27-28). Hơn nữa, ngày nay chúng ta thấy sự xuống cấp đạo đức (29), một cách nào đó có sự góp phần của các phương tiện truyền thông đại chúng, vốn làm tiêu tan lòng tôn trọng người khác và loại bỏ mọi suy xét chín chắn, tạo ra những nhóm người ảo cô lập và tự quy chiếu vào chính mình, trong đó tự do là một ảo tưởng, và đối thoại không mang tính xây dựng (42-50).

Tình yêu bắc cầu: Người Samaritanô nhân hậu

Tuy nhiên, đối với nhiều bóng tối, Thông điệp đáp lại bằng một điển hình sáng lạn, một sứ giả của hy vọng: Người Samaritanô nhân hậu. Chương thứ hai, **"Một người lạ trên đường"**, được dành riêng cho nhân vật này. Trong đó, Đức Giáo Hoàng nhấn mạnh rằng, trong một xã hội không lành mạnh, chuyên quay lưng lại với đau khổ, và "mù chữ" trong việc chăm sóc những người yếu đuối và dễ bị tổn thương (64-65), tất cả chúng ta được kêu gọi - giống như Người Samaritanô nhân hậu - trở nên hàng xóm với người khác (81), vượt qua các định kiến, lợi ích cá nhân, rào cản lịch sử và văn hóa. Thực vậy, tất cả chúng ta đều có chung trách nhiệm trong việc tạo ra một xã hội có thể bao gồm, hòa nhập và nâng dậy những người đã vấp ngã hoặc đang đau khổ (77). Đức Giáo Hoàng nói thêm: Tình yêu bắc những nhịp cầu và "chúng ta được tạo ra để yêu thương" (88); ngài đặc biệt khuyên các Kitô hữu nhận ra Chúa Kitô nơi khuôn mặt của mọi người bị loại trừ (85). Nguyên tắc về khả năng yêu thương theo "một chiều kích phổ quát" (83) cũng được tiếp tục trong chương thứ ba, **"Hình dung và hình thành một thế giới cởi mở"**. Trong chương này, Đức Phanxicô khuyên chúng ta đi " 'ra ngoài cái tôi' "để tìm "một hiện hữu trọn vẹn hơn nơi một người khác"(88), mở lòng mình ra với người khác theo năng động tính của đức ái khiến chúng ta hướng tới "sự thành toàn phổ quát "(95). Thông điệp nhắc nhở rằng, ở hậu trường, tầm vóc tinh thần của đời người được đo bằng tình yêu thương, một tình yêu luôn "chiếm vị trí hàng đầu" và dẫn chúng ta đi tìm điều tốt hơn cho cuộc sống của người khác, tránh xa mọi thứ ích kỷ (92-93).

Do đó, một xã hội huynh đệ sẽ là một xã hội biết cổ vũ việc giáo dục đối thoại nhằm đánh bại con "vi-rút" của "chủ nghĩa cá nhân triệt để" (105) và giúp mọi người biết cống hiến những gì tốt nhất của chính mình. Bắt đầu

bằng sự bảo vệ gia đình và tôn trọng "sứ mệnh giáo dục hàng đầu và quan yếu của gia đình" (114). Đặc biệt có hai 'công cụ' để đạt được kiểu xã hội này: lòng nhân từ, hoặc thực sự mong muốn điều tốt cho người khác (112), và tình liên đới biết quan tâm đến sự mong manh và được phát biểu trong việc phục vụ người ta chứ không phục vụ các ý thức hệ, tranh đấu chống nghèo đói và bất bình đẳng (115). Một lần nữa, Đức Giáo Hoàng khẳng định, quyền sống đúng phẩm giá không thể bị bác bỏ, và vì các quyền lợi không có biên giới, nên không ai có thể bị loại trừ, bất kể họ sinh ra ở đâu (121). Theo quan điểm này, Đức Thánh Cha cũng kêu gọi chúng ta xem xét "nền đạo đức tương quan quốc tế" (126), vì mọi quốc gia cũng thuộc về người nước ngoài và các hàng hóa của lãnh thổ không thể bị từ khước đối với những người đang có nhu cầu và phát xuất từ một nơi khác. Vì vậy, quyền tự nhiên đối với tư hữu sẽ là thứ yếu so với cùng đích chính và phổ quát của hàng hóa đã tạo ra (120). Thông điệp cũng nhấn mạnh một cách chuyên biệt đến vấn đề nợ nước ngoài: tùy thuộc vào khoản nợ gốc mà nó phải trả, tuy nhiên người ta hy vọng rằng điều này không ảnh hưởng đến sự tăng trưởng và sống còn của các nước nghèo nhất (126).

Di dân: quản trị hoàn cầu để lập kế hoạch dài hạn

Trong khi đó, một phần của chương thứ hai và toàn bộ chương thứ tư được dành cho chủ đề di dân, chương sau, tựa đề là **"Một trái tim mở lòng ra với toàn thế giới"**. Với cuộc sống của họ "đang lâm nguy" (37), chạy trốn chiến tranh, bách hại, thảm họa thiên nhiên, nạn buôn người vô lương tâm, bị tách khỏi cộng đồng gốc của họ, những người di cư phải được chào đón, bảo vệ, hỗ trợ và hòa nhập. Đức Thánh Cha khẳng định cần phải tránh việc di dân không cần thiết bằng cách tạo ra các cơ hội cụ thể để sống đúng phẩm giá tại các quốc gia nguyên gốc. Nhưng đồng thời, chúng ta cần tôn trọng quyền được tìm kiếm một cuộc sống tốt đẹp hơn ở những nơi khác. Ở các nước tiếp nhận, sự cân bằng hợp lý sẽ là giữa việc bảo vệ các quyền của công dân và bảo đảm việc chào đón và hỗ trợ các di dân (38-40). Một cách chuyên biệt, Đức Giáo Hoàng chỉ rõ một số "biện pháp không thể thiếu, đặc biệt để đáp ứng những người đang chạy trốn các cuộc khủng hoảng nhân đạo nghiêm trọng": tăng cường và đơn giản hóa việc cấp thị thực; mở các hành lang nhân đạo; bảo đảm chỗ ở, an ninh và các dịch vụ thiết yếu; cung cấp cơ hội việc làm và huấn luyện; tạo điều kiện cho việc đoàn tụ gia đình; bảo vệ trẻ vị thành niên; bảo đảm tự do tôn giáo và cổ vũ việc hòa nhập xã hội. Đức Giáo Hoàng cũng kêu gọi thiết lập trong xã hội khái niệm "quyền công dân trọn vẹn", và bác bỏ việc sử dụng có tính kỳ thị thuật ngữ "các nhóm thiểu số" (129-131). Văn kiện viết: Điều cần thiết trên hết là việc quản trị hoàn cầu, một sự hợp tác quốc tế về di dân nhằm thực hiện việc lên kế hoạch dài hạn, vượt quá những trường hợp khẩn cấp đơn lẻ (132), nhân danh việc phát triển hỗ trợ mọi dân tộc dựa trên nguyên tắc cho không (gratuitousness). Theo cách này, các quốc gia sẽ có thể nghĩ mình như "gia đình nhân loại" (139-141). Đức Phanxicô viết rằng, những người khác với chúng ta là một quà phúc và làm giầu cho mọi người, vì các sự khác biệt tượng trưng cho một cơ hội để phát triển (133-135). Một nền văn hóa lành mạnh là một nền văn hóa biết chào đón, có khả năng mở lòng ra với người khác, mà không từ bỏ bản thân, cung cấp cho họ một điều gì đó chân thực. Như trong một khối đa diện - một hình ảnh rất thân thương đối với Đức Giáo Hoàng – toàn bộ không phải chỉ là những bộ phận đơn lẻ của nó, nhưng giá trị của mỗi bộ phận đều được tôn trọng (145-146).

Chủ đề của chương thứ năm là **"Một loại chính trị tốt hơn"**, một loại đại diện cho một trong những hình thức bác ái có giá trị nhất vì nó được đặt để phục vụ lợi ích chung (180) và thừa nhận tầm quan trọng của con người, được hiểu như một phạm trù mở, sẵn sàng để thảo luận và đối thoại (160). Theo một nghĩa nào đó, đây là một loại chủ nghĩa dân túy do Đức Phanxicô đề xuất, ngược với thứ "chủ nghĩa dân túy" chuyên làm ngơ tính hợp pháp của khái niệm "nhân dân", bằng cách thu hút sự đồng thuận nhằm bóc lột họ để phục vụ cho chính mình và nuôi dưỡng tính ích kỷ nhằm gia tăng sự nổi tiếng của riêng mình (159). Nhưng một nền chính trị tốt hơn cũng là một nền chính trị biết bảo vệ việc làm, một "chiều kích thiết yếu của đời sống xã hội", và tìm cách bảo đảm để mọi người có cơ hội phát triển các khả năng của mình (162). Đức Thánh Cha giải thích, sự giúp đỡ tốt nhất cho một người nghèo không chỉ là tiền, vốn là một phương thuốc tạm thời, mà là để giúp họ có một cuộc sống xứng đáng nhờ việc làm. Chiến lược chống nghèo đói thực sự không chỉ nhằm mục đích kiềm chế hoặc làm cho người nghèo không mếch lòng, mà còn cổ vũ nơi họ viễn tượng liên đới và phụ đới (187). Hơn nữa, nhiệm vụ của chính trị là tìm ra giải pháp cho tất cả những gì đang tấn công các nhân quyền căn bản, chẳng hạn như loại trừ xã hội; buôn bán nội tạng, các tế bào, các loại vũ khí và ma túy; bóc lột tình dục; lao động nô lệ; khủng bố và tội ác có tổ chức. Đức Giáo Hoàng đưa ra lời kêu gọi thống thiết phải dứt khoát loại bỏ nạn buôn người, một "nguồn xấu hổ cho nhân loại", và nạn đói, vốn là "tội ác" vì lương thực là "một quyền bất khả chuyển nhượng" (188-

189).

Thị trường, tự nó, không thể giải quyết mọi vấn đề. Nó đòi một cuộc cải tổ Liên Hiệp Quốc

Đức Phanxicô cũng nhấn mạnh nền chính trị mà chúng ta cần là nền chính trị biết nói "không" với tham nhũng, với sự thiếu hiệu năng, với việc sử dụng quyền lực một cách ác ý, với việc thiếu tôn trọng pháp luật (177). Đó là một nền chính trị tập trung vào phẩm giá con người và không chịu lệ thuộc tài chính vì "thị trường, tự nó, không thể giải quyết mọi vấn đề": "sự tàn phá" của đầu cơ tài chính đã chứng minh điều này (168). Do đó, các phong trào bình dân đã nhận được một tính liên quan đặc biệt: như những "nhà thơ xã hội" tuôn chẩy "luồng năng lượng đạo đức" ấy, phải để họ dấn thân vào các hoạt động xã hội, chính trị và kinh tế, tuy nhiên, dưới sự phối hợp lớn lao hơn. Đức Giáo Hoàng tuyên bố rằng, bằng cách này, người ta sẽ có khả năng vượt quá chính sách "với" và "của" người nghèo (169). Một niềm hy vọng khác trình bầy trong Thông điệp liên quan đến việc cải tổ Liên Hiệp Quốc: trước ưu thế của chiều kích kinh tế đang vô hiệu hóa quyền lực của các quốc gia cá thể, trên thực tế, nhiệm vụ của Liên hợp quốc sẽ là cung cấp thực chất cho khái niệm "gia đình các quốc gia" hoạt động vì lợi ích chung, xóa bỏ nghèo đói và bảo vệ nhân quyền. Văn kiện của Đức Giáo Hoàng quả quyết, không mệt mỏi sử dụng "đàm phán, hòa giải và trọng tài", Liên Hiệp Quốc phải cổ vũ sức mạnh của luật pháp hơn là luật của sức mạnh, bằng cách tạo điều kiện cho các hiệp định đa phương có khả năng bảo vệ tốt hơn ngay cả những quốc gia yếu nhất (173-175).

Từ chương thứ sáu, **"Đối thoại và tình bạn trong xã hội"**, còn xuất hiện khái niệm sống như "nghệ thuật gặp gỡ" với mọi người, ngay cả với các vùng ngoại vi của thế giới và với các dân tộc nguyên thủy, vì "mỗi người chúng ta đều có thể học được một điều gì đó từ những người khác. Không ai là vô dụng và không ai có thể bị hy sinh" (215). Thật vậy, đối thoại chân chính là điều giúp người ta tôn trọng quan điểm của người khác, lợi ích hợp pháp của họ và trên hết, là sự thật về phẩm giá con người. Chúng ta thấy Thông điệp viết rằng, thuyết duy tương đối không phải là một giải pháp, vì nếu không có các nguyên tắc phổ quát và các chuẩn mực đạo đức nhằm ngăn cấm điều ác nội tại, luật lệ trở thành chỉ còn là những áp đặt độc đoán (206). Từ viễn ảnh này, một vai trò đặc thù được dành cho các phương tiện truyền thông, những phương tiện trong khi không khai thác những điểm yếu của con người hay lợi dụng những điều tồi tệ nhất trong chúng ta, phải hướng đến cuộc gặp gỡ rộng lượng và sự gần gũi với những người nhỏ bé nhất, cổ vũ sự gần gũi và cảm thức gia đình nhân loại (205). Sau đó, một cách đặc biệt, Đức Giáo Hoàng nhắc đến phép lạ của "sự tốt bụng" (kindness), một thái độ cần được phục hồi vì nó là một ngôi sao "tỏa sáng giữa bóng tối" và "giải phóng chúng ta khỏi sự ác độc... sự lo lắng... sự hoạt động điên loạn" đang thịnh hành trong thời đương đại. Đức Phanxicô viết, một người tốt bụng tạo ra một cuộc sống chung lành mạnh và mở ra các nẻo đường ở những nơi mà việc gây bực tức đang đốt cháy các cây cầu (222-224).

Nghệ thuật hòa bình và tầm quan trọng của sự tha thứ

Giá trị và việc cổ vũ hòa bình được phản ảnh trong chương thứ bảy, **"Những nẻo đường của cuộc gặp gỡ đổi mới"**, trong đó Đức Giáo Hoàng nhấn mạnh rằng hòa bình được nối kết với sự thật, công lý và lòng thương xót. Khác xa mong muốn báo thù, nó "chủ động" và nhằm tạo ra một xã hội dựa trên việc phục vụ người khác và theo đuổi sự hòa giải và phát triển lẫn nhau (227-229). Đức Giáo Hoàng viết rằng trong một xã hội, mọi người phải cảm thấy "như ở nhà". Vì vậy, hòa bình là một "nghệ thuật bao gồm và liên quan đến mọi người và trong đó mỗi người phải thực hiện phần việc của mình". Đức Giáo Hoàng viết tiếp: Xây dựng hòa bình là "một nỗ lực luôn có đó, một nhiệm vụ không bao giờ kết thúc", và do đó điều quan trọng là phải đặt con người, phẩm giá của họ và lợi ích chung ở trung tâm của mọi hoạt động (230-232). Tha thứ gắn liền với hòa bình: Thông điệp viết, chúng ta phải yêu thương mọi người, không trừ ai, nhưng yêu một kẻ áp bức có nghĩa là giúp họ thay đổi và không để họ tiếp tục áp bức người lân cận. Ngược lại: người chịu bất công phải mạnh mẽ bảo vệ quyền lợi của mình để duy trì phẩm giá của mình, vốn là một hồng phúc của Thiên Chúa (241-242). Tha thứ không có nghĩa là miễn trừng phạt, mà đúng hơn là công lý và tưởng nhớ, vì tha thứ không có nghĩa là quên đi, mà là từ bỏ sức mạnh hủy diệt của cái ác và khát vọng trả thù. Đức Giáo Hoàng khuyên: Đừng bao giờ quên những "nỗi kinh hoàng" như vụ Shoah (diệt chủng Do Thái), vụ ném bom nguyên tử xuống Hiroshima và Nagasaki, các cuộc đàn áp và thảm sát sắc tộc. Chúng phải luôn được tưởng niệm, một lần nữa, để ta không bị gây mê và giữ cho ngọn lửa của lương tâm tập thể luôn sống động. Điều cũng quan trọng là phải nhớ đến những người tốt, và những

người đã chọn sự tha thứ và tình huynh đệ (246-252).

Do đó, một phần của chương thứ bảy tập trung vào chiến tranh: Đức Phanxicô nhấn mạnh, nó không phải là "bóng ma từ quá khứ mà là một mối đe dọa thường xuyên", và nó đại diện cho "việc phủ nhận mọi thứ quyền", "một sự thất bại của chính trị và của nhân loại ", và "thất bại nhức nhối trước các thế lực của cái ác" vốn nằm trong "vực thẳm "của chúng. Hơn nữa, vì vũ khí hóa học và sinh học hạt nhân đã tấn công nhiều thường dân vô tội, ngày nay chúng ta không thể nghĩ đến khả thể diễn ra "cuộc chiến tranh chính nghĩa" như trước nữa, mà phải kịch liệt khẳng định lại: "Không bao giờ có chiến tranh nữa!" Và xét rằng chúng ta đang trải qua một "cuộc chiến tranh thế giới từng phần", vì tất cả các cuộc xung đột đều có liên hệ qua lại với nhau, việc loại bỏ hoàn toàn vũ khí hạt nhân là "một mệnh lệnh đạo đức và nhân đạo". Thay vào đó, Đức Giáo Hoàng đề nghị thành lập một quỹ hoàn cầu để xóa đói bằng số tiền đầu tư vào vũ khí (255-262).

Hình phạt tử hình không thể chấp nhận được, phải được bãi bỏ

Đức Phanxicô bày tỏ quan điểm rõ ràng đối với án tử hình: nó không thể chấp nhận được và phải được bãi bỏ trên toàn thế giới, vì Đức Thánh Cha viết, "ngay một kẻ giết người cũng không đánh mất phẩm giá bản vị của họ và chính Thiên Chúa cam kết bảo đảm điều này". Do đó, có hai lời khuyên bảo sau đây: Đừng nên coi hình phạt như có tính báo thù, mà đúng hơn như một phần của quá trình hàn gắn và tái hòa nhập xã hội, và cải thiện các điều kiện của nhà tù, tôn trọng nhân phẩm của tù nhân, và xem xét điều này "án chung thân là một hình phạt tử hình bí mật"(263-269). Người ta nhấn mạnh đến việc cần thiết phải tôn trọng "tính thánh thiêng của sự sống" (283) trong khi hiện nay "một số thành phần trong gia đình nhân loại của chúng ta, dường như, sẵn sàng có thể chịu hy sinh", chẳng hạn như trẻ chưa sinh, người nghèo, người tàn tật và người già (18).

Bảo đảm tự do tôn giáo

Trong chương thứ tám và cuối cùng, Đức Giáo Hoàng tập trung vào **"Các tôn giáo phục vụ tình huynh đệ trong thế giới của chúng ta"** và một lần nữa nhấn mạnh rằng bạo lực không có cơ sở trong các xác tín tôn giáo, mà đúng hơn, trong các hình thức méo mó của chúng. Do đó, các hành vi "đáng trách", chẳng hạn như hành động khủng bố, không phải do tôn giáo mà là do cách giải thích sai lầm các bản văn tôn giáo, cũng như "các chính sách liên quan đến đói, nghèo, bất công, áp bức". Không được ủng hộ chủ nghĩa khủng bố bằng tiền bạc hoặc vũ khí, càng ít hơn bằng việc đưa tin của các phương tiện truyền thông, vì đó là một tội ác quốc tế chống lại an ninh và hòa bình thế giới, và như vậy phải bị lên án (282-283). Đồng thời, Đức Giáo Hoàng nhấn mạnh rằng một hành trình hòa bình giữa các tôn giáo là điều có thể thực hiện được và do đó cần phải bảo đảm quyền tự do tôn giáo, một nhân quyền căn bản cho mọi tín hữu (279). Đặc biệt, Thông điệp suy tư vai trò của Giáo hội: nó tuyên bố rằng Giáo hội không "giới hạn sứ mệnh của mình vào phạm vi riêng tư". Giáo Hội không đứng lại ở bên lề xã hội và, tuy không tham gia chính trị, nhưng Giáo Hội không từ bỏ chiều kích chính trị của chính sự sống. Thực thế, việc quan tâm đến lợi ích chung và quan tâm đến việc phát triển toàn diện con người là điều liên hệ đến toàn thể nhân loại, mà những gì là nhân bản đều có liên quan đến Giáo hội, theo các nguyên tắc Tin Mừng (276-278). Cuối cùng, trong khi nhắc nhở các nhà lãnh đạo tôn giáo về vai trò của họ như "những người trung gian chân chính", những người xả thân để xây dựng hòa bình, Đức Phanxicô trích dẫn "Văn kiện về Tình Huynh đệ Nhân bản vì Hòa bình Thế giới và Chung sống", mà ngài đã ký vào ngày 4 tháng 2 năm 2019 tại Abu Dhabi, cùng với Đại Imam của Al-Azhar, Ahmad Al-Tayyib: từ cột mốc đối thoại liên tôn đó, Đức Giáo Hoàng quay trở lại với lời kêu gọi rằng, nhân danh tình huynh đệ nhân bản, đối thoại phải được tiếp nhận như một con đường, hợp tác chung như cách ứng xử và hiểu biết lẫn nhau như phương pháp và tiêu chuẩn (285).

Chân phước Charles de Foucauld, "người anh em phổ quát"

Thông điệp kết thúc bằng việc tưởng nhớ Martin Luther King, Desmond Tutu, Mahatma Gandhi và trên hết là Chân phước Charles de Foucauld, một hình mẫu cho mọi người về ý nghĩa của việc đồng nhất hóa với những người nhỏ bé nhất để trở thành "người anh em phổ quát" (286-287). Những dòng cuối cùng của Văn kiện được dành cho hai lời cầu nguyện: một lời "dâng lên Đấng Tạo Hóa" và lời kia là "Lời cầu nguyện đại kết Kitô giáo ", để trái tim nhân loại nuôi dưỡng" tinh thần huynh đệ".

2. Abu Dhabi: Văn kiện lịch sử ký giữa Đức Phanxicô và Đại Giáo Sĩ của Al Azhar: 'Tình anh em nhân bản vì Hòa Bình Thế Giới và Sống Chung'

(Ngày 04/02/2019)

Đức Giáo Hoàng Phanxicô và Đại Imam của Al-Azhar vào ngày 4 tháng 2 năm 2019, đã ký Văn kiện về "tình huynh đệ của con người vì hòa bình thế giới và sống chung". Việc ký kết này diễn ra sau bài diễn văn của Đức Phanxicô tại Hội Nghị Hoàn Cầu về Tình Anh Em của Con Người tại Abu Dhabi, yếu tố chính trong chuyến tông du ngày 3-5 tháng 2 của Đức Thánh Cha đến Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất.

Ông Alessandro Gisotti, Giám đốc lâm thời của Văn phòng Báo chí Vatican, trong một tuyên bố, viết rằng "Tài liệu tượng trưng một bước tiến quan trọng trong cuộc đối thoại giữa Kitô hữu và người Hồi giáo và là một dấu hiệu mạnh mẽ của hòa bình và hy vọng cho tương lai nhân loại".

Đầu ngày hôm nay, Quốc vụ khanh Vatican, Hồng Y Pietro Parolin, nói với các nhà báo rằng tầm quan trọng của ngày này là cuộc đối thoại giữa các tôn giáo, đặc biệt là Kitô giáo và Hồi giáo, để cổ vũ hòa bình và đấu tranh chống chủ nghĩa cực đoan.

Thông cáo báo chí tiếp tục viết:

"Văn kiện là một lời kêu gọi mạnh mẽ để đối phó với điều ác bằng điều thiện, để củng cố cuộc đối thoại liên tôn và cổ vũ sự tôn trọng lẫn nhau để chặn đường đối với những người muốn đổ thêm dầu vào lửa trong các cuộc đụng độ giữa các nền văn minh. Tại Abu Dhabi, Đức Phanxicô và ngài Al-Tayyib đã cùng nhau chỉ ra con đường hòa bình và hòa giải mà không những chỉ có các Kitô hữu và người Hồi giáo, mà tất cả mọi người có thiện chí đều có thể bước lên.

"Văn kiện rất can đảm và tiên tri vì nó đối đầu và nêu đích danh các vấn đề cấp bách nhất trong thời đại của chúng ta mà những người tin vào Thiên Chúa được khuyến khích tự vấn lương tâm của chính họ và tự tin nhận trách nhiệm của mình để hiến mạng sống cho một thế giới công bằng và thống nhất hơn.

"Với những từ ngữ không mơ hồ, Đức Giáo Hoàng và Đại Imam tuyên bố rằng không ai được phép khai thác tên Thiên Chúa để biện minh cho chiến tranh, khủng bố hoặc bất dưới cứ hình thức bạo lực nào khác. Ngoài ra, các vị khẳng định rằng sự sống phải luôn được bảo vệ và đồng thời, quyền của phụ nữ phải được công nhận đầy đủ, và mọi thực hành kỳ thị đối với họ phải bị bác bỏ.

"Trước nhân loại, bị tổn thương bởi rất nhiều sự chia rẽ và sự cuồng tín về ý thức hệ, Đức Giáo Hoàng và Đại Imam của Al-Azhar chứng minh rằng cổ vũ văn hóa gặp gỡ không phải là điều không tưởng, nhưng là điều kiện cần thiết để sống trong hòa bình và để lại cho các thế hệ tương lai một thế giới tốt đẹp hơn thế giới chúng ta đang sống".

VĂN KIỆN VỀ TÌNH ANH EM CỦA CON NGƯỜI VÌ HÒA BÌNH THẾ GIỚI VÀ SỐNG CHUNG

NHẬP ĐỀ

Đức tin dẫn tín hữu nhìn thấy nơi người khác một người anh em hay người chị em để được hỗ trợ và yêu thương. Nhờ đức tin vào Thiên Chúa, Đấng đã dựng nên vũ trụ, tạo vật và tất cả loài người (bình

đẳng nhờ lòng thương xót của Người), các tín hữu được kêu gọi bày tỏ tình huynh đệ của con người này bằng cách bảo vệ sáng thế và toàn bộ vũ trụ và hỗ trợ mọi người, đặc biệt là những người nghèo nhất và những người thiếu thốn nhất.

Giá trị siêu việt này đóng vai trò làm khởi điểm cho một số cuộc hội họp được đặc trưng bởi bầu không khí thân thiện và huynh đệ trong đó chúng tôi chia sẻ niềm vui, nỗi buồn và các vấn đề của thế giới đương thời của chúng tôi. Chúng tôi đã làm điều này bằng cách xem xét các tiến bộ khoa học và kỹ thuật, các thành tựu trị liệu, kỷ nguyên kỹ thuật số, các phương tiện truyền thông đại chúng và truyền thông. Chúng tôi cũng suy tư về mức độ nghèo đói, xung đột và đau khổ của rất nhiều anh chị em ở các nơi khác nhau trên thế giới do hậu quả của cuộc chạy đua vũ trang, bất công xã hội, tham nhũng, bất bình đẳng, suy giảm đạo đức, khủng bố, kỳ thị, cực đoan, và nhiều nguyên nhân khác.

Từ các cuộc thảo luận huynh đệ và cởi mở của chúng tôi, và từ cuộc hội họp nhằm bày tỏ hy vọng sâu sắc về một tương lai tươi sáng cho mọi người, ý tưởng của Văn Kiện này về Tình huynh đệ của con người đã được thai nghén. Văn bản này đã được dành cho một suy tư trung thực và nghiêm túc để trở thành một tuyên bố chung của những khát vọng tốt đẹp và chân thành. Đó là một văn kiện mời gọi tất cả những người có niềm tin vào Thiên Chúa và niềm tin vào tình huynh đệ của con người hợp nhất và làm việc với nhau để nó có thể làm kim chỉ nam cho các thế hệ tương lai biết thăng tiến nền văn hóa tôn trọng lẫn nhau trong khi ý thức được ơn thánh tuyệt vời của Thiên Chúa vốn làm cho tất cả loài người trở thành anh chị em.

VĂN KIỆN

Nhân danh Thiên Chúa, Đấng đã tạo dựng mọi con người bình đẳng về quyền lợi, nghĩa vụ và phẩm giá, và là Đấng đã kêu gọi họ sống với nhau như anh chị em, để tràn đầy trái đất và làm cho các giá trị của lòng tốt, tình yêu và hòa bình được biết đến;

Nhân danh sự sống con người vô tội mà Thiên Chúa đã cấm giết, khẳng định rằng bất cứ ai giết chết một người giống như đã giết chết cả nhân loại và bất cứ ai cứu một người cũng giống như đã cứu cả nhân loại;

Nhân danh người nghèo, người túng thiếu, người thiệt thòi và những người cần giúp đỡ nhất mà Thiên Chúa đã ra lệnh cho chúng ta phải giúp đỡ như một nghĩa vụ cần có của mọi người, đặc biệt là những người giàu có và có phương tiện;

Nhân danh trẻ mồ côi, góa phụ, người tị nạn và những người bị lưu đày khỏi nhà cửa và đất nước của họ; nhân danh mọi nạn nhân của các cuộc chiến tranh, bách hại và bất công; Nhân danh người yếu đuối, những người sống trong sợ hãi, tù binh chiến tranh và những người bị tra tấn ở bất cứ nơi nào trên thế giới, không trừ ai;

Nhân danh các dân tộc đã mất an ninh, hòa bình và khả năng sống chung, trở thành nạn nhân của sự hủy diệt, tai họa và chiến tranh;

Nhân danh tình huynh đệ của con người bao trùm mọi con người nhân bản, hợp nhất họ lại và làm họ trở nên bình đẳng;

Nhân danh tình huynh đệ này vốn bị xé nát bởi các chính sách của chủ nghĩa cực đoan và chia rẽ, bởi các hệ thống lợi nhuận không hạn chế hoặc bởi các khuynh hướng ý thức hệ đáng ghét chuyên thao

túng các hành động và tương lai của con người nam nữ;

Nhân danh tự do mà Thiên Chúa đã ban cho tất cả loài người khi dựng nên họ tự do và phân biệt họ bằng hồng phúc này;

Nhân danh công lý và lòng thương xót, các nền tảng của thịnh vượng và đá góc của đức tin;

Nhân danh tất cả những người có thiện chí sẽ có mặt ở mọi nơi trên thế giới;

Nhân danh Thiên Chúa và mọi điều đã nêu ra cho đến nay; Viện Al-Azhar al-Sharif và người Hồi giáo ở phương Đông và Phương Tây, cùng với Giáo Hội Công Giáo và người Công Giáo Đông và Tây, tuyên bố chấp nhận nền văn hóa đối thoại làm đường đi; hợp tác lẫn nhau làm quy tắc ứng xử; hiểu biết lẫn nhau làm phương pháp và tiêu chuẩn.

Chúng tôi, những người tin vào Thiên Chúa và vào việc sau cùng được gặp gỡ Người và sự phán xét của Người, trên cơ sở trách nhiệm tôn giáo và đạo đức của chúng tôi, và thông qua Văn Kiện này, kêu gọi chính chúng tôi, các nhà lãnh đạo của thế giới cũng như các kiến trúc sư của chính sách quốc tế và kinh tế thế giới, làm việc chăm chỉ để truyền bá nền văn hóa khoan dung và chung sống hòa bình; can thiệp, khi có cơ hội sớm nhất, để ngăn chặn việc đổ máu vô tội và đem lại việc chấm dứt chiến tranh, xung đột, suy đồi môi trường và suy thoái đạo đức và văn hóa mà thế giới hiện đang trải qua.

Chúng tôi kêu gọi các nhà trí thức, triết gia, nhân sĩ tôn giáo, nghệ sĩ, chuyên gia truyền thông và các người nam nữ có văn hóa ở mọi nơi trên thế giới, tái khám phá các giá trị của hòa bình, công lý, lòng tốt, cái đẹp, tình huynh đệ của con người và cùng tồn tại để củng cố tầm quan trọng của các giá trị này như là mỏ neo cứu rỗi cho mọi người, và để cổ vũ chúng ở khắp mọi nơi.

Bản Tuyên bố này, soạn thảo từ việc xem xét sâu sắc về thực tại đương thời của chúng ta, đánh giá các thành công của nó và trong tình liên đới với các đau khổ, thảm họa và tai họa của nó, tin chắc rằng trong số những nguyên nhân quan trọng nhất của các cuộc khủng hoảng trong thế giới hiện đại là một lương tâm con người đã bị vô cảm hóa, là một xa rời các giá trị tôn giáo và là một chủ nghĩa cá nhân thịnh hành kèm theo các triết lý duy vật vốn thần thánh hóa con người và du nhập các giá trị trần tục và vật chất thay cho các nguyên tắc tối cao và siêu việt.

Trong khi thừa nhận các bước tiến tích cực của nền văn minh hiện đại của chúng ta trong các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, y học, kỹ nghệ và phúc lợi, đặc biệt là ở các nước phát triển, chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng, gắn liền với các tiến bộ lịch sử ấy, vốn vĩ đại và có giá trị, vẫn tồn tại cả một sự xuống cấp về đạo đức gây ảnh hưởng đối với hành động quốc tế lẫn việc làm suy yếu các giá trị và trách nhiệm tinh thần. Tất cả những điều này góp phần vào một cảm giác thất vọng, cô lập và tuyệt vọng chung khiến nhiều người rơi vào vòng xoáy của chủ nghĩa vô thần, bất khả tri hoặc cực đoan tôn giáo hoặc rơi vào chủ nghĩa cực đoan mù quáng và cuồng tín, một thứ cuối cùng khuyến khích các hình thức phụ thuộc và tự hủy hoại cả về phương diện cá nhân lẫn tập thể.

Lịch sử cho thấy chủ nghĩa cực đoan tôn giáo, chủ nghĩa cực đoan quốc gia và cả sự bất khoan dung đã được tạo ra trên thế giới, bất kể ở phương Đông hoặc phương Tây, điều có thể gọi là dấu hiệu của "một thế chiến thứ ba đang diễn ra từng mảng". Ở một số nơi trên thế giới và trong nhiều hoàn cảnh bi thảm, các dấu hiệu này đã bắt đầu hiển hiện một cách đau đớn, vì trong những tình huống này không ai biết rõ số lượng chính xác các nạn nhân, góa phụ và trẻ mồ côi. Ngoài ra, chúng tôi thấy, các khu vực khác chuẩn bị trở thành môi trường của các cuộc xung đột mới, với sự bùng nổ căng thẳng và tích tụ vũ khí

và đạn dược, và tất cả điều này diễn ra trong bối cảnh toàn cầu đang bị bị trùm phủ bởi bất trắc, vỡ mộng, sợ hãi về tương lai và bị kiểm soát bởi các lợi ích kinh tế hẹp hòi.

Chúng tôi cũng khẳng định rằng các cuộc khủng hoảng chính trị lớn, các tình huống bất công và thiếu sự phân phối các tài nguyên thiên nhiên một cách công bằng - điều mà chỉ một thiểu số giàu có được hưởng, gây thiệt hại cho phần lớn các dân tộc trên trái đất - đã tạo ra và tiếp tục tạo ra, những con số vĩ đại những người nghèo, người ốm yếu và người chết. Điều này dẫn đến những cuộc khủng hoảng thảm khốc mà nhiều quốc gia khác nhau trở thành nạn nhân bất chấp các tài nguyên thiên nhiên và sự tháo vát của những người trẻ tuổi vốn là các đặc trưng của các quốc gia này. Trước những khủng hoảng dẫn đến cái chết của hàng triệu trẻ em như vậy - bị vứt bỏ vì đói nghèo – hiện có một sự im lặng không thể chấp nhận được ở bình diện quốc tế.

Trong bối cảnh này, rõ ràng gia đình, trong tư cách hạt nhân căn bản của xã hội và nhân loại, là nhân tố chủ yếu đem con cái vào thế giới, nuôi dạy chúng, giáo dục chúng và cung cấp cho chúng sự đào tạo đạo đức vững chắc và an toàn gia đạo. Tấn công định chế gia đình, coi nó một cách khinh miệt hoặc nghi ngờ vai trò quan trọng của nó, là một trong những điều ác đe dọa nhất trong thời đại chúng ta.

Chúng tôi cũng khẳng định tầm quan trọng của việc đánh thức ý thức tôn giáo và sự cần thiết phải làm sống lại ý thức này trong trái tim của các thế hệ mới thông qua giáo dục đúng đắn và tuân thủ các giá trị đạo đức và giáo lý tôn giáo ngay thẳng. Nhờ cách này, chúng ta có thể đương đầu với các khuynh hướng cá nhân chủ nghĩa, ích kỷ, mâu thuẫn và cũng giải quyết được chủ nghĩa triệt để và chủ nghĩa cực đoan mù quáng dưới mọi hình thức và biểu hiện của nó.

Mục đích đầu tiên và quan trọng nhất của các tôn giáo là tin vào Thiên Chúa, tôn vinh Người và mời gọi mọi người đàn ông và đàn bà tin rằng vũ trụ này phụ thuộc vào một Thiên Chúa cai quản nó. Người là Đấng Tạo Hóa đã hình thành chúng ta bằng sự khôn ngoan siêu phàm của Người và đã ban cho chúng ta hồng phúc sự sống để bảo vệ nó. Đó là một hồng phúc mà không ai có quyền lấy đi, đe dọa hoặc thao túng để phù hợp với chính mình. Thật vậy, mọi người phải bảo vệ hồng phúc sự sống này từ lúc bắt đầu cho đến khi kết thúc tự nhiên. Do đó, chúng tôi lên án mọi hành vi đe dọa đến tính mạng như diệt chủng, hành động khủng bố, buộc phải di cư, buôn người, phá thai và trợ tử. Chúng tôi cũng lên án các chính sách cổ vũ các thực hành này.

Hơn nữa, chúng tôi kiên quyết tuyên bố rằng các tôn giáo không bao giờ kích thích chiến tranh, các thái độ thù hận, thù địch và cực đoan, cũng không được kích động bạo lực hoặc đổ máu. Những thực tại bi thảm này là hậu quả của việc đi trệch ra ngoài giáo huấn tôn giáo. Chúng là kết quả của sự thao túng chính trị đối với các tôn giáo và của các diễn giải của các nhóm tôn giáo, những nhóm, trong diễn trình lịch sử, đã lợi dụng sức mạnh của tình cảm tôn giáo trong trái tim mọi người nam nữ khiến họ hành động theo cách không có liên hệ gì với sự thật tôn giáo. Điều này được thực hiện vì mục đích đạt được các mục tiêu chính trị, kinh tế, trần tục và thiển cận. Do đó, chúng tôi kêu gọi tất cả các bên liên hệ ngừng sử dụng các tôn giáo để kích động hận thù, bạo lực, cực đoan và cuồng tín mù quáng, và kiềm chế sử dụng thánh danh Thiên Chúa để biện minh cho các hành vi giết người, lưu đày, khủng bố và áp bức. Chúng tôi yêu cầu điều này trên cơ sở niềm tin chung của chúng tôi vào Thiên Chúa, Đấng không tạo ra con người nam nữ để bị giết hoặc đấu tranh với nhau, cũng không bị tra tấn hoặc sỉ nhục trong cuộc sống và hoàn cảnh của họ. Thiên Chúa, Đấng toàn năng, không cần được bảo vệ bởi bất cứ ai và Người không muốn tên của Người bị sử dụng để khủng bố người ta.

Văn kiện này, phù hợp với các Văn Kiện quốc tế trước đây vốn nhấn mạnh tầm quan trọng của vai trò các tôn giáo trong việc xây dựng hòa bình thế giới, đề cao những điều sau đây:

• Niềm xác tín rằng các giáo huấn chân chính của các tôn giáo mời gọi chúng ta tiếp tục bắt nguồn từ các giá trị của hòa bình; bảo vệ các giá trị của sự hiểu biết lẫn nhau, tình huynh đệ của con người và sự chung sống hài hòa; tái lập sự khôn ngoan, công bằng và tình yêu; và đánh thức lại ý thức tôn giáo nơi giới trẻ để các thế hệ tương lai có thể được bảo vệ chống lại lãnh vực tư duy duy vật và các chính sách nguy hiểm của lòng tham vô đáy và sự thờ ơ vốn dựa trên luật sức mạnh chứ không dựa trên sức mạnh của pháp luật;

• Tự do là quyền của mỗi người: mỗi cá nhân được hưởng tự do tín ngưỡng, suy nghĩ, phát biểu và hành động. Tính đa nguyên và sự đa dạng của các tôn giáo, màu da, giới tính, chủng tộc và ngôn ngữ đều hợp thánh ý Thiên Chúa trong sự khôn ngoan của Người, nhờ đó Người đã dựng nên con người. Sự khôn ngoan thần thiêng này là nguồn gốc từ đó quyền tự do tín ngưỡng và quyền tự do được khác biệt đã phát sinh. Do đó, việc buộc mọi người phải tuân thủ một tôn giáo hoặc văn hóa nhất định phải bị bác bỏ, cũng như việc quá áp đặt lối sống văn hóa mà người khác không chấp nhận;

• Công lý dựa trên lòng thương xót là con đường phải tuân theo để đạt được một cuộc sống hợp nhân phẩm mà mỗi con người đều có quyền;

• Đối thoại, hiểu biết và cổ vũ rộng rãi nền văn hóa khoan dung, chấp nhận người khác và chung sống hòa bình sẽ góp phần đáng kể vào việc giảm thiểu nhiều vấn đề kinh tế, xã hội, chính trị và môi trường đang đè nặng lên phần lớn nhân loại;

• Đối thoại giữa các tín hữu có nghĩa là đến với nhau trong không gian rộng lớn của các giá trị thiêng liêng, nhân bản và xã hội chung và, từ đây, truyền tải các nhân đức đạo đức cao nhất mà các tôn giáo vốn nhắm tới. Nó cũng có nghĩa là tránh các cuộc thảo luận vô bổ;

• Bảo vệ nơi thờ phượng – hội đường, nhà thờ và đền thờ Hồi giáo - là một nghĩa vụ được bảo đảm bởi các tôn giáo, giá trị con người, luật pháp và các thỏa ước quốc tế. Mọi nỗ lực tấn công các nơi thờ phượng hoặc đe dọa họ bằng các cuộc tấn công, đánh bom hoặc phá hủy bạo lực, là rõ ràng đi trệch các giáo lý của các tôn giáo cũng như vi phạm luật pháp quốc tế;

• Chủ nghĩa khủng bố là điều đáng trách và đe dọa an ninh của mọi người, bất kể ở phương Đông hay phương Tây, phương Bắc hay phương Nam, và truyền bá sự hoảng loạn, khủng bố và bi quan, nhưng điều này không phải do tôn giáo, ngay cả khi những kẻ khủng bố biến nó thành dụng cụ. Thay vào đó, nó là kết quả của sự tích lũy các diễn giải không chính xác về các bản văn tôn giáo và các chính sách liên quan đến đói, nghèo, bất công, áp bức và tự hào. Đây là lý do tại sao cần phải ngừng hỗ trợ các phong trào khủng bố được thúc đẩy bằng việc tài trợ, cung cấp vũ khí và chiến lược và bằng cách cố gắng biện minh cho các phong trào này thậm chí sử dụng cả phương tiện truyền thông. Tất cả những điều này phải được coi là tội phạm quốc tế đang đe dọa an ninh và hòa bình thế giới. Khủng bố như vậy phải bị lên án dưới mọi hình thức và biểu hiện của nó;

• Khái niệm quyền công dân dựa trên sự bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, theo đó tất cả đều được hưởng công lý. Do đó, điều quan yếu là phải thiết lập trong các xã hội chúng ta ý niệm công dân đầy đủ và bác bỏ việc sử dụng kỳ thị của các hạn từ nhóm thiểu số vốn gây ra cảm giác cô lập và thấp kém. Sự lạm dụng hạn từ này mở đường cho sự thù địch và bất hòa; nó hủy bỏ bất cứ thành công nào và lấy đi các quyền tôn giáo và dân sự của một số công dân bị kỳ thị;

• Quan hệ tốt giữa Đông và Tây là cần thiết không thể chối cãi đối với cả đôi bên. Không được bỏ qua

chúng để mỗi người có thể được phong phú hóa bởi nền văn hóa của người khác thông qua trao đổi và đối thoại hữu hiệu. Phương Tây có thể khám phá nơi phương Đông phương thuốc cho những bệnh tật tâm linh và tôn giáo đang được gây ra bởi một chủ nghĩa duy vật thịnh hành. Và phương Đông có thể tìm thấy nơi phương Tây nhiều yếu tố có thể giúp giải thoát nó khỏi sự yếu kém, chia rẽ, xung đột và suy giảm khoa học, kỹ thuật và văn hóa. Điều quan trọng là phải chú ý đến sự khác biệt về tôn giáo, văn hóa và lịch sử vốn là một thành tố quan yếu trong việc hình thành tính cách, văn hóa và văn minh của phương Đông. Điều cũng quan trọng tương tự là củng cố mối ràng buộc của các quyền căn bản của con người để giúp đảm bảo một cuộc sống hợp nhân phẩm cho mọi người nam nữ của cả Đông lẫn Tây, tránh các nền chính trị nước đôi;

• Một yêu cầu thiết yếu là công nhận quyền của phụ nữ đối với giáo dục và việc làm và công nhận quyền tự do của họ để thực thi các quyền chính trị của riêng họ. Hơn nữa, các nỗ lực phải được đưa ra nhằm giải phóng phụ nữ khỏi điều kiện lịch sử và xã hội đi ngược lại các nguyên tắc đức tin và nhân phẩm của họ. Điều cũng cần thiết là bảo vệ phụ nữ khỏi bị bóc lột tình dục và khỏi bị coi là hàng hóa hoặc đối tượng của khoái lạc hoặc lợi ích tài chính.

Do đó, phải kết liễu mọi thực hành bất nhân và thô bạo đó vốn bôi nhọ phẩm giá phụ nữ. Phải nỗ lực để sửa đổi các luật lệ ngăn phụ nữ được hưởng đầy đủ các quyền lợi của họ;

• Việc bảo vệ các quyền căn bản của trẻ em được lớn lên trong môi trường gia đình, nhận được dinh dưỡng, giáo dục và hỗ trợ, là bổn phận của gia đình và xã hội. Những bổn phận như vậy phải được đảm bảo và bảo vệ để chúng không bị làm ngơ hoặc bác bỏ đối với bất cứ đứa trẻ nào ở bất cứ nơi nào trên thế giới. Mọi thực hành vi phạm nhân phẩm và quyền lợi của trẻ em phải bị tố cáo. Điều quan trọng không kém là phải cảnh giác trước những nguy hiểm mà các em phải đối diện, đặc biệt trong thế giới kỹ thuật số, và coi là tội ác việc buôn bán sự vô tội của các em và mọi vi phạm đến tuổi trẻ của các em;

• Bảo vệ quyền của người già, người yếu, người tàn tật và người bị áp bức là nghĩa vụ tôn giáo và xã hội, một nghĩa vụ phải được bảo đảm và bảo vệ thông qua luật pháp nghiêm ngặt và việc thực thi các thỏa thuận quốc tế có liên quan.

Cuối cùng, nhờ sự hợp tác hỗ tương, Giáo Hội Công Giáo và Al-Azhar công bố và cam kết truyền đạt Văn kiện này tới các chính quyền, các nhà lãnh đạo có ảnh hưởng, những người theo tôn giáo trên toàn thế giới, các tổ chức khu vực và quốc tế thích hợp trong xã hội dân sự, các định chế tôn giáo và các nhà tư tưởng hàng đầu. Họ cũng cam kết thêm sẽ làm cho các nguyên tắc trong Tuyên bố này được biết đến ở tất cả các bình diện khu vực và quốc tế, trong khi yêu cầu cho các nguyên tắc này được diễn dịch thành các chính sách, quyết định, văn bản lập pháp, các khóa học và tài liệu được lưu hành.

Al-Azhar và Giáo Hội Công Giáo yêu cầu Văn kiện này trở thành đối tượng nghiên cứu và suy tư trong tất cả các trường học, trường đại học và viện đào tạo, nhờ thế giúp giáo dục các thế hệ mới để họ mang lại sự tốt lành và hòa bình cho người khác, và trở thành những người bảo vệ ở khắp nơi các quyền lợi của những người bị áp bức và của những người nhỏ bé nhất trong anh chị em chúng ta.

Tóm lại, nguyện vọng của chúng tôi là:

Ước mong Bản Tuyên bố này có thể tạo nên một lời mời hòa giải và tình huynh đệ nơi mọi tín hữu, thực ra nơi các tín hữu và những người không tin, và nơi mọi người thiện chí;

Ước mong Bản Tuyên bố này có thể là một lời kêu gọi để mọi lương tâm ngay thẳng bác bỏ bạo lực và

chủ nghĩa cực đoan mù quáng; một lời kêu gọi đới với những người biết trân trọng các giá trị khoan dung và tình huynh đệ vốn được các tôn giáo cổ vũ và khuyến khích;

Ước mong Bản Tuyên bố này có thể là một chứng tá cho sự vĩ đại của đức tin vào Thiên Chúa môt đức tin vốn hợp nhất các trái tim bị chia rẽ và nâng cao tâm hồn con người;

Ước mong Bản Tuyên bố này có thể là một dấu hiệu của sự gần gũi giữa Đông và Tây, giữa Bắc và Nam, và giữa tất cả những người tin rằng Thiên Chúa đã tạo dựng chúng ta để hiểu nhau, hợp tác với nhau và sống như anh chị em thương yêu nhau.

Đây là những gì chúng tôi hy vọng và tìm cách đạt được với mục đích tìm kiếm một nền hòa bình phổ quát mà tất cả mọi người có thể tận hưởng ở đời này.

Abu Dhabi, ngày 4 tháng 2 năm 2019

Đức Giáo Hoàng Phanxicô

Đại Imam của Al-Azhar Ahmad Al-Tayyib

3.THÔNG ĐIỆP DILEXIT NOS CỦA ĐỨC THÁNH CHA PHANXICÔ, VỀ TÌNH YÊU NHÂN BẢN VÀ THẦN LINH CỦA TRÁI TIM CHÚA GIÊSU KITÔ

Ngày 25/10/2024

1. "NGƯỜI ĐÃ YÊU CHÚNG TA", Thánh Phaolô nói về Chúa Kitô (x. *Rm* 8:37), để chúng ta nhận ra rằng không có gì có thể "tách biệt chúng ta" khỏi tình yêu đó (*Rm* 8:39). Thánh Phaolô có thể nói điều này một cách chắc chắn vì chính Chúa Giêsu đã nói với các môn đệ của Người rằng: "Thầy đã yêu các con" (*Ga* 15:9, 12). Ngay cả bây giờ, Chúa vẫn nói với chúng ta rằng: "Thầy đã gọi các con là bạn hữu" (*Ga* 15:15). Trái tim rộng mở của Người đã đi trước chúng ta và chờ đợi chúng ta, vô điều kiện, chỉ xin trao cho chúng ta tình yêu và tình bạn của Người. Vì "Người đã yêu chúng ta trước" (x. *1 Ga* 4:10). Nhờ Chúa Giêsu, "chúng ta đã biết và tin vào tình yêu mà Thiên Chúa dành cho chúng ta" (*1 Ga* 4:16).

CHƯƠNG MỘT: TẦM QUAN TRỌNG CỦA TRÁI TIM

2. Biểu tượng trái tim thường được dùng để mô tả tình yêu của Chúa Giêsu Kitô. Một số người đặt câu hỏi liệu biểu tượng này có còn ý nghĩa ngày nay không. Tuy nhiên, khi sống trong thời đại hời hợt, vội vã từ việc này sang việc khác mà không thực sự biết lý do tại sao, và trở thành những người tiêu dùng không biết chán và nô lệ cho các cơ chế của thị trường mà không quan tâm đến ý nghĩa sâu xa hơn của cuộc sống, tất cả chúng ta cần khám phá lại tầm quan trọng của trái tim. [1]

CHÚNG TA MUỐN NÓI GÌ KHI NÓI "TRÁI TIM"?

3. Trong tiếng Hy Lạp cổ, từ kardía chỉ phần sâu thẳm nhất của con người, động vật và thực vật. Đối với Homer, nó không những chỉ trung tâm của cơ thể mà còn chỉ tâm hồn và tinh thần của con người. Trong Iliad, những suy nghĩ và cảm xúc xuất phát từ trái tim và gắn kết chặt chẽ với nhau. [2] Trái tim xuất hiện như nơi chứa đựng ham muốn và là nơi hình thành nên những quyết định quan trọng. [3] Trong Pla-tông, trái tim đóng vai trò như thể thống nhất các khía cạnh lý trí và bản năng của con người, vì các xung lực của cả các khả năng cao hơn và các đam mê được cho là đi qua các mạch máu hội tụ trong trái tim. [4] Từ thời xa xưa, người ta đã đánh giá cao sự kiện này: con người không chỉ là tổng hợp của các kỹ năng khác nhau, mà là sự thống nhất của cơ thể và tâm hồn với một trung tâm điều hợp cung cấp bối cảnh ý nghĩa và định hướng cho tất cả những gì người ta trải nghiệm.

4. Kinh thánh cho chúng ta biết rằng, “Lời Chúa là lời sống động và hữu hiệu... có khả năng phán đoán những tư tưởng và ý định trong lòng” (*Dt* 4:12). Theo cách này, nó nói với chúng ta về trái tim như một cốt lõi ẩn giấu bên dưới mọi vẻ bề ngoài, thậm chí bên dưới những suy nghĩ hời hợt có thể khiến chúng ta lạc lối. Các môn đệ ở Emmaus, trong hành trình mầu nhiệm của họ cùng với Chúa Kitô phục sinh, đã trải qua một khoảnh khắc đau khổ, bối rối, tuyệt vọng và thất vọng. Tuy nhiên, vượt xa và bất chấp điều này, có điều gì đó đang xảy ra sâu thẳm bên trong họ: “Lòng chúng ta há chẳng bừng cháy lên khi Người nói chuyện với chúng ta dọc đường sao?” (*Lc* 24:32).

5. Trái tim cũng là nơi của sự chân thành, nơi không có sự gian dối và ngụy trang. Nó thường chỉ ra ý định thực sự của chúng ta, những gì chúng ta thực sự nghĩ, tin và mong muốn, những “bí mật” mà chúng ta không nói với ai: nói một cách ngắn gọn, sự thật trần trụi về chính chúng ta. Đó là phần trong chúng ta không phải là vẻ bề ngoài hay ảo tưởng, mà thay vào đó là chân thực, thực sự, hoàn toàn là “con người thật của chúng ta”. Đó là lý do tại sao Sam-song, người đã giấu Đa-li-đa bí mật về sức mạnh của mình, đã bị cô ấy hỏi, “Làm sao anh có thể nói, ‘Anh yêu em’, khi trái tim anh không ở cùng em?” (*Tl* 16:15). Chỉ khi Sam-song mở lòng mình với cô ấy, cô ấy mới nhận ra “rằng anh đã tiết lộ toàn bộ bí mật của mình” (*Tl* 16:18).

6. Thực tại bên trong của mỗi người thường ẩn sau rất nhiều “lá cành”, khiến chúng ta không những khó hiểu bản thân mà còn khó hiểu người khác: “Lòng người ta gian trá hơn mọi vật; nó là gian tà, ai hiểu được?” (*Grm* 17:9). Do đó, chúng ta có thể hiểu lời khuyên trong Sách Châm ngôn: “Hãy cẩn thận giữ lòng mình, vì các nguồn sự sống do nơi nó mà ra; hãy tránh xa lời gian dối” (4:23-24). Vẻ bề ngoài, sự không trung thực và lừa dối sẽ gây hại và làm hư hỏng lòng người. Bất chấp mọi nỗ lực của chúng ta để tỏ ra mình không phải là ai, thì lòng người chính là thẩm phán cuối cùng, không phải về những gì chúng ta tỏ bầy hay che giấu với người khác, mà là về con người thật của chúng ta. Đó là nền tảng cho bất cứ dự án cuộc sống lành mạnh nào; không thể thực hiện bất cứ điều gì đáng giá nào ngoài trái tim. Vẻ bề ngoài giả tạo và sự không trung thực cuối cùng sẽ khiến chúng ta trắng tay.

7. Để minh họa cho điều này, tôi xin nhắc lại một câu chuyện mà tôi đã kể vào một dịp khác. “Đối với lễ hội hóa trang, khi chúng tôi còn nhỏ, bà tôi sẽ làm bánh ngọt bằng bột rất mỏng. Khi bà thả các dải bột vào dầu, chúng sẽ nở ra, nhưng sau đó, khi chúng tôi cắn vào, chúng rỗng bên trong. Trong phương ngữ chúng tôi nói, những chiếc bánh quy đó được gọi là 'lời nói dối'... Bà tôi giải thích lý do tại sao: 'Giống như lời nói dối, chúng trông to, nhưng bên trong rỗng; chúng là giả dối, không có thật'”. [5]

8. Thay vì chạy theo những sự thỏa mãn hời hợt và đóng vai trò vì lợi ích của người khác, chúng ta nên suy nghĩ tốt hơn về những câu hỏi thực sự quan trọng trong cuộc sống. Tôi thực sự là ai? Tôi là gì? Tôi chờ mong điều chi? Tôi muốn định hướng cuộc sống, quyết định và hành động của mình theo hướng nào? Tại sao và vì mục đích gì tôi ở thế giới này? Tôi muốn nhìn lại cuộc sống của mình như thế nào khi nó kết thúc? Tôi muốn mang lại ý nghĩa gì cho tất cả những trải nghiệm của mình? Tôi muốn trở thành ai đối với người khác? Tôi là ai đối với Thiên Chúa? Tất cả những câu hỏi này dẫn chúng ta trở lại với trái tim.

TRỞ VỀ TRÁI TIM

9. Trong thế giới “lỏng” này của chúng ta, chúng ta cần bắt đầu nói thêm về trái tim và suy nghĩ về nơi trong đó mỗi người, ở mọi tầng lớp và điều kiện, tạo ra sự tổng hợp, nơi họ gặp được nguồn gốc cơ bản của sức mạnh, niềm tin, đam mê và quyết định của mình. Tuy nhiên, chúng ta thấy mình đắm chìm trong xã hội của những người tiêu dùng nối tiếp nhau, những người sống từng ngày, bị chi phối bởi nhịp độ hối hả và bị công nghệ tấn công, thiếu sự kiên nhẫn cần thiết để tham gia vào các quá trình mà

bản chất của cuộc sống nội tâm đòi hỏi. Trong xã hội đương thời, mọi người "có nguy cơ đánh mất trung tâm của mình, trung tâm của chính bản thân họ". [6] "Thật vậy, những người đàn ông và đàn bà thời đại chúng ta thường thấy mình bối rối và bị xé nát, gần như mất đi nguyên tắc bên trong có thể tạo ra sự thống nhất và hòa hợp trong cuộc sống và hành động của họ. Các mô hình hành vi, thật đáng buồn, hiện đang lan rộng, phóng đại chiều kích lý trí-công nghệ của chúng ta hoặc ngược lại, chiều kích bản năng của chúng ta". [7] Không còn chỗ cho trái tim.

10. Các vấn đề do xã hội lỏng ngày nay nêu ra được thảo luận nhiều, nhưng sự mất giá trị của cốt lõi sâu xa của nhân loại chúng ta - trái tim - đã có lịch sử lâu đời hơn nhiều. Chúng ta thấy nó đã hiện diện trong chủ nghĩa duy lý Hy Lạp và tiền Kitô giáo, trong chủ nghĩa duy tâm hậu Kitô giáo và trong chủ nghĩa duy vật dưới nhiều hình thức khác nhau. Trái tim đã bị bỏ qua trong nhân học, và truyền thống triết học vĩ đại coi nó là một khái niệm xa lạ, thích các khái niệm khác như lý trí, ý chí hoặc tự do. Bản thân ý nghĩa của thuật ngữ này không chính xác và khó có thể định vị trong trải nghiệm của con người chúng ta. Có lẽ điều này là do khó khăn khi coi nó là một "ý tưởng rõ ràng và riêng biệt", hoặc vì nó bao hàm câu hỏi về sự tự hiểu, nơi mà phần sâu thẳm nhất trong chúng ta cũng là phần ít được biết đến nhất. Ngay cả việc gặp gỡ người khác cũng không nhất thiết chứng tỏ là một cách để gặp gỡ chính mình, vì các khuôn mẫu suy nghĩ của chúng ta bị chi phối bởi chủ nghĩa cá nhân không lành mạnh. Nhiều người cảm thấy an toàn hơn khi xây dựng hệ thống tư duy của họ trong phạm vi dễ kiểm soát hơn của trí tuệ và ý chí. Việc không dành chỗ cho trái tim, khác biệt với sức mạnh và đam mê của con người khi được xem xét tách biệt với nhau, đã dẫn đến sự cản trở ý tưởng về một trung tâm cá nhân, trong đó tình yêu, cuối cùng, là thực tại duy nhất có thể thống nhất tất cả những thứ khác.

11. Nếu chúng ta hạ thấp giá trị của trái tim, chúng ta cũng hạ thấp giá trị của việc nói từ trái tim, hành động bằng trái tim, vun đắp và chữa lành trái tim. Nếu chúng ta không đánh giá cao tính cụ thể của trái tim, chúng ta sẽ bỏ lỡ những thông điệp mà chỉ riêng trí hiểu không thể truyền đạt được; chúng ta bỏ lỡ sự phong phú trong những cuộc gặp gỡ của chúng ta với người khác; chúng ta bỏ lỡ thi ca. Chúng ta cũng mất dấu vết lịch sử và quá khứ của chính mình, vì lịch sử cá nhân thực sự của chúng ta được xây dựng bằng trái tim. Vào cuối cuộc đời, chỉ có điều đó mới quan trọng.

12. Vậy thì phải nói rằng chúng ta có một trái tim, một trái tim cùng tồn tại với những trái tim khác giúp tạo nên một "Ngài". Vì chúng ta không thể phát triển chủ đề này một cách chi tiết, nên chúng ta sẽ lấy một nhân vật trong một trong những tiểu thuyết của Dostoevsky, Nikolai Stavrogin. [8] Romano Guardini lập luận rằng Stavrogin chính là hiện thân của cái ác, vì đặc điểm chính của anh ta là sự vô tâm: "Stavrogin không có trái tim, do đó tâm trí anh ta lạnh lùng và trống rỗng, cơ thể anh ta chìm đắm trong sự lười biếng và dục vọng của loài thú. Anh ta không có trái tim, do đó anh ta không thể gần gũi với bất cứ ai và không ai có thể thực sự gần gũi với anh ta. Vì chỉ có trái tim mới tạo ra sự thân mật, sự gần gũi thực sự giữa hai người. Chỉ có trái tim mới có thể chào đón và cung cấp lòng hiếu khách. Sự thân mật là hoạt động thích hợp và là phạm vi của trái tim. Stavrogin luôn vô cùng xa cách, ngay cả với chính mình, bởi vì người ta chỉ có thể đi vào bên trong chính mình bằng trái tim, chứ không phải bằng lý trí. Con người không có khả năng đi vào bên trong chính mình bằng lý trí. Do đó, nếu trái tim không sống động, con người vẫn là người xa lạ với chính mình". [9]

13. Mọi hành động của chúng ta cần phải được đặt dưới "quy tắc chính trị" của trái tim. Theo cách này, tính hung hăng và ham muốn ám ảnh của chúng ta sẽ tìm thấy sự nghỉ ngơi trong điều tốt đẹp hơn mà trái tim đề nghị và trong sức mạnh của trái tim để chống lại cái ác. Tâm trí và ý chí được đưa vào phục vụ cho điều tốt đẹp hơn bằng cách cảm nhận và thưởng thức chân lý, thay vì tìm cách làm chủ chúng như khoa học có xu hướng làm. Ý chí mong muốn điều tốt đẹp hơn mà trái tim nhận ra, trong khi trí tưởng tượng và cảm xúc tự chúng được hướng dẫn bởi nhịp đập của trái tim.

14. Do đó, có thể nói rằng tôi là trái tim của tôi, vì trái tim là thứ khiến tôi khác biệt, định hình bản sắc tinh thần của tôi và đưa tôi vào sự hiệp thông với những người khác. Các thuật toán hoạt động trong thế giới kỹ thuật số cho thấy rằng suy nghĩ và ý chí của chúng ta "đồng nhất" hơn nhiều so với những gì chúng ta từng nghĩ trước đây. Chúng dễ dự đoán và do đó có thể bị thao túng. Nhưng trái tim thì không như vậy.

15. Chữ "trái tim" chứng minh giá trị của nó đối với triết học và thần học trong nỗ lực đạt được sự tổng hợp toàn diện. Ý nghĩa của nó cũng không thể được khai thác hết trong sinh học, tâm lý học, nhân chủng học hay bất cứ khoa học nào khác. Đây là một trong những từ nguyên thủy "mô tả thực tại thuộc về con người chính xác trong chừng mực con người là một tổng thể (như một con người có thân xác-tinh thần)". [10] Do đó, các nhà sinh học không "thực tế" hơn khi họ thảo luận về trái tim, vì họ chỉ nhìn thấy một khía cạnh của nó; tổng thể không phải là ít thực hơn, mà thậm chí còn thực hơn. Ngôn ngữ trừu tượng cũng không bao giờ có thể có được cùng một ý nghĩa cụ thể và tổng hợp. Chữ "trái tim" gợi lên cốt lõi sâu thẳm nhất của con người chúng ta, và do đó, nó cho phép chúng ta hiểu bản thân mình trong sự toàn vẹn của mình chứ không chỉ dưới một khía cạnh biệt lập.

16. Sức mạnh độc đáo này của trái tim cũng giúp chúng ta hiểu tại sao, khi chúng ta nắm bắt một thực tại bằng trái tim, chúng ta biết nó tốt hơn và đầy đủ hơn. Điều này tất yếu dẫn chúng ta đến tình yêu mà trái tim có khả năng, vì "cốt lõi sâu thẳm nhất của thực tại là tình yêu". [11] Đối với Heidegger, như được một nhà tư tưởng đương thời diễn giải, triết học không bắt đầu bằng một khái niệm đơn giản hay sự chắc chắn, mà bằng một cú sốc: "Suy nghĩ phải được khơi dậy trước khi nó bắt đầu làm việc với các khái niệm hoặc trong khi nó làm việc với chúng. Nếu không có cảm xúc sâu sắc, suy nghĩ không thể bắt đầu. Do đó, hình ảnh tinh thần đầu tiên sẽ là nổi da gà. Điều đầu tiên khiến người ta suy nghĩ và đặt câu hỏi là cảm xúc sâu sắc. Triết học luôn diễn ra trong một tâm trạng cơ bản (*Stimmung*)". [12] Đó là lúc trái tim xuất hiện, vì nó "chứa đựng các trạng thái của tâm trí và hoạt động như một 'người giữ trạng thái của tâm trí'. 'Trái tim' lắng nghe theo một cách phi ẩn dụ 'giọng nói thầm lặng' của bản thể, cho phép bản thân được tôi luyện và xác định bởi nó". [13]

TRÁI TIM KẾT HỢP CÁC MẢNH VỠ

17. Đồng thời, trái tim làm cho mọi sự gắn kết chân thực trở nên khả hữu, vì một mối quan hệ không được định hình bởi trái tim thì không thể vượt qua được sự phân mảnh do chủ nghĩa cá nhân gây ra. Hai đơn tử có thể tiếp cận nhau, nhưng chúng sẽ không bao giờ thực sự kết nối. Một xã hội bị chi phối bởi chủ nghĩa tự luyến và ích kỷ sẽ ngày càng trở nên "vô tâm". Điều này sẽ dẫn đến "mất đi ham muốn", vì khi những người khác biến mất khỏi đường chân trời, chúng ta thấy mình bị mắc kẹt trong những bức tường do chính mình tạo ra, không còn khả năng có những mối quan hệ lành mạnh. [14] Kết quả là, chúng ta cũng trở nên không có khả năng cởi mở với Thiên Chúa. Như Heidegger đã nói, để cởi mở với điều thần thiêng, chúng ta cần xây dựng một "nhà khách". [15]

18. Vậy thì, chúng ta thấy rằng trong trái tim của mỗi người có một mối liên hệ mầu nhiệm giữa sự tự nhận thức và sự cởi mở với người khác, giữa cuộc gặp gỡ với sự độc đáo của cá nhân và sự sẵn lòng trao tặng bản thân cho người khác. Chúng ta chỉ trở thành chính mình khi chúng ta có khả năng thừa nhận người khác, trong khi chỉ những ai có thể thừa nhận và chấp nhận bản thân mình mới có thể gặp gỡ người khác.

19. Trái tim cũng có khả năng thống nhất và hài hòa lịch sử bản thân của chúng ta, có vẻ như bị phân mảnh một cách vô vọng, nhưng lại là nơi mà mọi sự có thể có ý nghĩa. Tin Mừng cho chúng ta biết

điều này khi nói về Đức Mẹ, người đã nhìn thấy mọi thứ bằng trái tim. Mẹ có thể đối thoại với những điều Mẹ đã trải qua bằng cách suy gẫm chúng trong lòng, trân trọng ký ức về chúng và nhìn nhận chúng theo một góc nhìn rộng hơn. Cách diễn đạt hay nhất về cách trái tim suy nghĩ được tìm thấy trong hai đoạn văn trong Tin Mừng Thánh Luca nói với chúng ta về cách Đức Maria "trân trọng (*synetérei*) tất cả những điều này và suy ngẫm (*symbállousa*) chúng trong lòng" (x. *Lc* 2:19 và 51). Động từ tiếng Hy Lạp *symbállein*, "suy gẫm", gợi lên hình ảnh ghép hai thứ lại với nhau ("biểu tượng") trong tâm trí của một người và suy gẫm về chúng, trong một cuộc đối thoại với chính mình. Trong Luca 2:51, động từ được sử dụng là dietérei, có nghĩa là "giữ lại". Điều Đức Maria "giữ lại" không chỉ là ký ức của ngài về những gì ngài đã thấy và nghe, mà còn là những khía cạnh mà ngài vẫn chưa hiểu; tuy nhiên, những điều này vẫn hiện diện và sống động trong ký ức của ngài, chờ đợi để được "gắn kết" trong trái tim ngài.

20. Trong thời đại trí tuệ nhân tạo này, chúng ta không thể quên rằng thi ca và tình yêu là cần thiết để cứu rỗi nhân loại của chúng ta. Không có thuật toán nào có thể nắm bắt được, ví dụ, nỗi nhớ mà tất cả chúng ta đều cảm thấy, bất kể tuổi tác và bất kể chúng ta sống ở đâu, khi chúng ta nhớ lại lần đầu tiên chúng ta dùng nĩa để dán mép những chiếc bánh mà chúng ta giúp mẹ hoặc bà của mình làm ở nhà. Đó là khoảnh khắc học nghề nấu nướng, ở đâu đó giữa trò chơi trẻ con và tuổi trưởng thành, khi chúng ta lần đầu tiên cảm thấy có trách nhiệm làm việc và giúp đỡ lẫn nhau. Cùng với chiếc nĩa, tôi cũng có thể kể đến hàng ngàn điều nhỏ nhặt khác đóng vai trò quý giá trong cuộc sống của mỗi người: nụ cười chúng ta nhận được khi kể một câu chuyện cười, bức tranh chúng ta phác họa dưới ánh sáng của cửa sổ, trận bóng đá đầu tiên chúng ta chơi với một quả bóng vải, những con giun chúng ta thu thập được trong một hộp giày, một bông hoa chúng ta ép vào trang sách, nỗi lo lắng của chúng ta về một chú chim non rơi khỏi tổ, một điều ước chúng ta thực hiện khi hái một bông hoa cúc. Tất cả những điều nhỏ nhặt này, bình thường trong chính chúng nhưng lại phi thường đối với chúng ta, không bao giờ có thể được thuật toán nắm bắt. Cái nĩa, trò đùa, cửa sổ, quả bóng, hộp giày, cuốn sách, chú chim, bông hoa: tất cả những thứ này sống mãi như những kỷ niệm quý giá được "lưu giữ" sâu trong trái tim chúng ta.

21. Cái cốt lõi sâu sắc này, hiện diện trong mỗi người đàn ông và đàn bà, không phải là cốt lõi của tâm hồn, mà là của toàn bộ con người trong bản sắc tâm lý độc đáo của họ. Mọi thứ đều tìm thấy sự thống nhất của nó trong trái tim, nơi có thể là nơi trú ngụ của tình yêu trong tất cả các chiều kích tâm linh, tâm lý và thậm chí là thể chất. Nói tóm lại, nếu tình yêu ngự trị trong trái tim chúng ta, chúng ta sẽ trở thành, theo cách trọn vẹn và sáng ngời, những con người mà chúng ta được định sẵn, vì mỗi con người được tạo ra trên hết là để yêu. Trong tận sâu thẳm hữu thể của chúng ta, chúng ta được tạo ra để yêu và được yêu.

22. Vì lý do này, khi chúng ta chứng kiến sự bùng nổ của các cuộc chiến tranh mới, với sự đồng lõa, khoan dung hoặc thờ ơ của các quốc gia khác, hoặc các cuộc đấu tranh quyền lực nhỏ nhen vì lợi ích đảng phái, chúng ta có thể bị cám dỗ kết luận rằng thế giới của chúng ta đang mất đi trái tim. Chúng ta chỉ cần nhìn và lắng nghe những người phụ nữ lớn tuổi - từ cả hai phía - những người đang phải chịu đựng những cuộc xung đột tàn khốc này. Thật đau lòng khi thấy họ than khóc cho những đứa cháu bị sát hại của mình, hoặc mong muốn được chết sau khi mất đi ngôi nhà nơi họ đã sống cả cuộc đời. Những người phụ nữ đó, những người thường là trụ cột của sức mạnh và khả năng phục hồi giữa những khó khăn và gian khổ của cuộc sống, giờ đây, vào cuối đời, họ chỉ trải qua nỗi đau khổ, sợ hãi và phẫn nộ thay vì sự nghỉ ngơi xứng đáng. Đổ lỗi cho người khác không giải quyết được những tình huống đáng xấu hổ và bi thảm này. Việc nhìn thấy những người phụ nữ lớn tuổi này khóc, và không cảm thấy đây là điều không thể chịu đựng được, là dấu hiệu của một thế giới đã trở nên vô cảm.

23. Bất cứ khi nào một người suy nghĩ, đặt câu hỏi và suy gẫm về bản sắc thực sự của mình, cố gắng

hiểu những câu hỏi sâu sắc hơn của cuộc sống và tìm kiếm Thiên Chúa, hoặc trải nghiệm cảm giác hồi hộp khi thoáng thấy chân lý, điều đó dẫn đến việc nhận ra rằng sự viên mãn của chúng ta với tư cách là con người được tìm thấy trong tình yêu. Khi yêu, chúng ta cảm thấy chúng ta biết được mục đích và mục tiêu cuộc hiện hữu của mình trên thế giới này. Mọi thứ kết hợp lại với nhau trong trạng thái mạch lạc và hài hòa. Do đó, khi suy gẫm về ý nghĩa cuộc sống của mình, có lẽ câu hỏi quyết định nhất mà chúng ta có thể hỏi là: "Tôi có trái tim không?"

LỬA

24. Tất cả những gì chúng ta đã nói đều có ý nghĩa đối với đời sống tâm linh. Ví dụ, thần học cơ bản trong linh thao của Thánh I-nha-xi-ô thành Loyola dựa trên "tình cảm" (*affectus*). Cấu trúc của Linh thao giả định một mong muốn vững chắc và chân thành để "sắp xếp lại" cuộc sống của người ta, một mong muốn, ngược lại, đã cung cấp sức mạnh và phương tiện để đạt được mục tiêu đó. Các quy tắc và thành phần của nơi chốn mà Thánh I-nha-xi-ô cung cấp phục vụ cho một điều gì đó quan trọng hơn nhiều, cụ thể là, sự mầu nhiệm của trái tim con người. Michel de Certeau cho thấy cách mà "các chuyển động" được Thánh I-nha-xi-ô nói đến là sự "thâm nhập" mong muốn của Thiên Chúa và mong muốn của chính trái tim chúng ta giữa sự tiến triển có trật tự của các cuộc suy niệm. Một điều gì đó bất ngờ và chưa từng biết đến bắt đầu nói trong trái tim chúng ta, phá vỡ kiến thức hời hợt của chúng ta và đặt câu hỏi về nó. Đây là khởi đầu của một quá trình mới "sắp xếp cuộc sống của chúng ta theo trật tự", bắt đầu từ trái tim. Không phải là về các khái niệm trí thức cần được đưa vào thực hành trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta, như thể tình cảm và thực hành chỉ là những tác động của – và phụ thuộc vào – dữ kiện của kiến thức. [16]

25. Nơi mà tư duy của triết gia dừng lại, thì ở đó trái tim của tín hữu tiếp tục thúc đẩy trong tình yêu và sự tôn thờ, trong việc cầu xin sự tha thứ và trong sự sẵn lòng phục vụ ở bất cứ nơi nào Chúa cho phép chúng ta lựa chọn, để noi theo bước chân của Người. Vào thời điểm đó, chúng ta nhận ra rằng trong mắt Thiên Chúa, chúng ta là một "Con" [Thou], và vì lý do đó, chúng ta có thể là một "Tôi". Thật vậy, chỉ có Chúa mới có thể đối xử với mỗi người chúng ta như một "Con" [Thou], luôn luôn và mãi mãi. Việc chấp nhận tình bạn của Người là vấn đề của trái tim; đó là điều tạo nên chúng ta như những con người theo nghĩa đầy đủ nhất của từ ngữ đó.

26. Thánh Bonaventura nói với chúng ta rằng cuối cùng, chúng ta không nên cầu xin ánh sáng, mà là cầu xin "ngọn lửa dữ dội". [17] Ngài dạy rằng, "đức tin ở trong trí tuệ, theo cách khơi dậy tình cảm. Theo nghĩa này, ví dụ, việc biết rằng Chúa Kitô đã chết vì chúng ta không còn là kiến thức nữa, mà nhất thiết phải trở thành tình cảm, tình yêu". [18] Theo cùng một đường hướng, Thánh John Henry Newman đã lấy cụm từ *Cor ad cor loquitur* [lòng nói với lòng] làm phương châm của mình, vì, vượt ra ngoài mọi suy nghĩ và ý tưởng của chúng ta, Chúa cứu chúng ta bằng cách nói với trái tim chúng ta từ Thánh Tâm của Người. Nhận thức này đã dẫn ngài, một trí thức lỗi lạc, đến với nhận thức rằng cuộc gặp gỡ sâu sắc nhất của ngài với chính mình và với Chúa không đến từ việc đọc sách hay suy gẫm, mà đến từ cuộc đối thoại cầu nguyện, từ trái tim với trái tim, với Chúa Kitô, sống động và hiện diện. Chính trong Bí tích Thánh Thể mà Newman đã gặp được trái tim sống động của Chúa Giêsu, có khả năng giải thoát chúng ta, mang lại ý nghĩa cho từng khoảnh khắc trong cuộc sống của chúng ta và ban tặng sự bình an đích thực: "Lạy Trái Tim Thánh Thiêng, yêu thương nhất của Chúa Giêsu, Chúa ẩn mình trong Bí tích Thánh Thể, và Chúa vẫn đập vì chúng con… Con tôn thờ Chúa với tất cả tình yêu và sự kính sợ tốt nhất của con, với tình cảm nồng nhiệt của con, với ý chí kiên quyết và khiêm nhường nhất của con. Lạy Chúa, khi Chúa hạ mình để con tiếp nhận Chúa, ăn và uống Chúa, và trong một thời gian Chúa ngự trong con, xin hãy làm cho trái tim con đập cùng Trái Tim Chúa. Xin thanh tẩy trái tim con khỏi mọi thứ trần tục, mọi thứ kiêu hãnh và nhục dục, mọi thứ cứng rắn và tàn nhẫn, khỏi mọi sự đồi trụy,

mọi sự hỗn loạn, mọi sự chết chóc. Xin lấp đầy trái tim con bằng Chúa, để những sự kiện trong ngày hay hoàn cảnh của thời gian không có sức mạnh làm xáo trộn trái tim con, nhưng trong tình yêu và sự kính sợ Chúa, trái tim con có được sự bình an". [19]

27. Trước trái tim của Chúa Giêsu, sống động và hiện diện, tâm trí chúng ta, được Chúa Thánh Thần soi sáng, phát triển trong sự hiểu biết về lời Người và ý chí của chúng ta được thúc đẩy để đưa chúng vào thực hành. Điều này có thể dễ dàng ở mức độ của một loại chủ nghĩa đạo đức tự lực. Tuy nhiên, lắng nghe và nếm trải Chúa, và tôn vinh Người một cách xứng đáng là vấn đề của trái tim. Chỉ có trái tim mới có khả năng đặt các sức mạnh và đam mê khác của chúng ta, và toàn bộ con người chúng ta, vào tư thế tôn kính và vâng phục yêu thương trước Chúa.

THẾ GIỚI CÓ THỂ THAY ĐỔI, BẮT ĐẦU TỪ TRÁI TIM

28. Chỉ bằng cách bắt đầu từ trái tim, các cộng đồng của chúng ta mới có thể thành công trong việc hợp nhất và hòa giải những tâm trí và ý chí khác nhau, để Chúa Thánh Thần có thể hướng dẫn chúng ta trong sự hiệp nhất như anh chị em. Sự hòa giải và hòa bình cũng nảy sinh từ trái tim. Trái tim của Chúa Kitô là "sự ngây ngất xuất thần", cởi mở, ban tặng và gặp gỡ. Trong trái tim đó, chúng ta học cách liên hệ với nhau theo những cách lành mạnh và hạnh phúc, và xây dựng vương quốc tình yêu và công lý của Thiên Chúa trên thế giới này. Trái tim chúng ta, hợp nhất với trái tim của Chúa Kitô, có khả năng tạo nên phép lạ xã hội này.

29. Do đó, việc coi trọng trái tim sẽ có hậu quả đối với toàn thể xã hội. Công đồng Vatican II dạy rằng, "mỗi người chúng ta cần thay đổi trái tim; chúng ta phải hướng mắt nhìn toàn thế giới và hướng đến những nhiệm vụ mà tất cả chúng ta có thể cùng nhau thực hiện để mang lại sự cải thiện cho giống nòi của chúng ta". [20] Vì "sự mất cân bằng đang ảnh hưởng đến thế giới ngày nay thực chất là triệu chứng của sự mất cân bằng sâu sắc hơn bắt nguồn từ trái tim con người". [21] Khi suy gẫm về những bi kịch đang gây đau khổ cho thế giới của chúng ta, Công đồng thúc giục chúng ta quay trở lại với trái tim. Công đồng giải thích rằng con người "bằng đời sống nội tâm của mình, vượt qua toàn bộ vũ trụ vật chất; họ trải nghiệm được sự sâu sắc bên trong này khi họ đi vào trái tim của chính mình, nơi Thiên Chúa, Đấng thăm dò trái tim, đang chờ đợi họ, và nơi họ quyết định số phận của chính mình trước mặt Thiên Chúa". [22]

30. Điều này không có nghĩa là chúng ta quá phụ thuộc vào khả năng của chính mình. Chúng ta đừng bao giờ quên rằng trái tim chúng ta không tự túc, mà yếu đuối và bị tổn thương. Chúng sở hữu một phẩm giá hữu thể học, nhưng đồng thời phải tìm kiếm một cuộc sống ngày càng có phẩm giá hơn. [23] Công đồng Vatican II chỉ ra rằng "men Tin Mừng đã khơi dậy và tiếp tục khơi dậy trong trái tim con người một cơn khát không thể dập tắt đối với phẩm giá con người". [24] Tuy nhiên, để sống theo phẩm giá này, chỉ biết Tin Mừng hoặc thực hiện một cách máy móc các yêu cầu của Tin Mừng là chưa đủ. Chúng ta cần sự giúp đỡ của tình yêu Thiên Chúa. Vậy thì, chúng ta hãy hướng về trái tim của Chúa Kitô, cốt lõi của hữu thể Người, là lò lửa rực cháy của tình yêu thần linh và nhân bản và là sự viên mãn cao cả nhất mà nhân loại có thể khao khát. Ở đó, trong trái tim đó, cuối cùng chúng ta thực sự biết được chính mình và chúng ta học cách yêu thương.

31. Cuối cùng, Thánh Tâm là nguyên lý thống nhất của mọi thực tại, vì "Chúa Kitô là trái tim của thế giới, và mầu nhiệm vượt qua về cái chết và sự phục sinh của Người là trung tâm của lịch sử, mà vì Người, là lịch sử cứu độ". [25] Mọi loài thụ tạo "đang tiến về phía trước cùng với chúng ta và thông qua chúng ta hướng đến một điểm đến chung, đó là Thiên Chúa, trong sự viên mãn siêu việt đó, nơi Chúa Kitô phục sinh ôm ấp và soi sáng mọi sự". [26] Trước sự hiện diện của trái tim Chúa Kitô, một

lần nữa tôi cầu xin Chúa thương xót thế giới đau khổ này, nơi Người đã chọn ngự trị như một trong chúng ta. Xin Người đổ tràn kho tàng ánh sáng và tình yêu của Người, để thế giới của chúng ta, thế giới đang tiến về phía trước bất chấp chiến tranh, chênh lệch kinh tế xã hội và việc sử dụng công nghệ đe dọa nhân loại của chúng ta, có thể lấy lại được điều quan trọng và cần thiết nhất trong tất cả: trái tim của nó.

TRÁI TIM KẾT HỢP CÁC MẢNH VỠ

17. Đồng thời, trái tim làm cho mọi sự gắn kết chân thực trở nên khả hữu, vì một mối quan hệ không được định hình bởi trái tim thì không thể vượt qua được sự phân mảnh do chủ nghĩa cá nhân gây ra. Hai đơn tử có thể tiếp cận nhau, nhưng chúng sẽ không bao giờ thực sự kết nối. Một xã hội bị chi phối bởi chủ nghĩa tự luyến và ích kỷ sẽ ngày càng trở nên "vô tâm". Điều này sẽ dẫn đến "mất đi ham muốn", vì khi những người khác biến mất khỏi đường chân trời, chúng ta thấy mình bị mắc kẹt trong những bức tường do chính mình tạo ra, không còn khả năng có những mối quan hệ lành mạnh. [14] Kết quả là, chúng ta cũng trở nên không có khả năng cởi mở với Thiên Chúa. Như Heidegger đã nói, để cởi mở với điều thần thiêng, chúng ta cần xây dựng một "nhà khách". [15]

18. Vậy thì, chúng ta thấy rằng trong trái tim của mỗi người có một mối liên hệ mầu nhiệm giữa sự tự nhận thức và sự cởi mở với người khác, giữa cuộc gặp gỡ với sự độc đáo của cá nhân và sự sẵn lòng trao tặng bản thân cho người khác. Chúng ta chỉ trở thành chính mình khi chúng ta có khả năng thừa nhận người khác, trong khi chỉ những ai có thể thừa nhận và chấp nhận bản thân mình mới có thể gặp gỡ người khác.

19. Trái tim cũng có khả năng thống nhất và hài hòa lịch sử bản thân của chúng ta, có vẻ như bị phân mảnh một cách vô vọng, nhưng lại là nơi mà mọi sự có thể có ý nghĩa. Tin Mừng cho chúng ta biết điều này khi nói về Đức Mẹ, người đã nhìn thấy mọi thứ bằng trái tim. Mẹ có thể đối thoại với những điều Mẹ đã trải qua bằng cách suy gẫm chúng trong lòng, trân trọng ký ức về chúng và nhìn nhận chúng theo một góc nhìn rộng hơn. Cách diễn đạt hay nhất về cách trái tim suy nghĩ được tìm thấy trong hai đoạn văn trong Tin Mừng Thánh Luca nói với chúng ta về cách Đức Maria "trân trọng (*synetérei*) tất cả những điều này và suy ngẫm (*symbállousa*) chúng trong lòng" (x. *Lc* 2:19 và 51). Động từ tiếng Hy Lạp *symbállein*, "suy gẫm", gợi lên hình ảnh ghép hai thứ lại với nhau ("biểu tượng") trong tâm trí của một người và suy gẫm về chúng, trong một cuộc đối thoại với chính mình. Trong Luca 2:51, động từ được sử dụng là dietérei, có nghĩa là "giữ lại". Điều Đức Maria "giữ lại" không chỉ là ký ức của ngài về những gì ngài đã thấy và nghe, mà còn là những khía cạnh mà ngài vẫn chưa hiểu; tuy nhiên, những điều này vẫn hiện diện và sống động trong ký ức của ngài, chờ đợi để được "gắn kết" trong trái tim ngài.

20. Trong thời đại trí tuệ nhân tạo này, chúng ta không thể quên rằng thi ca và tình yêu là cần thiết để cứu rỗi nhân loại của chúng ta. Không có thuật toán nào có thể nắm bắt được, ví dụ, nỗi nhớ mà tất cả chúng ta đều cảm thấy, bất kể tuổi tác và bất kể chúng ta sống ở đâu, khi chúng ta nhớ lại lần đầu tiên chúng ta dùng nĩa để dán mép những chiếc bánh mà chúng ta giúp mẹ hoặc bà của mình làm ở nhà. Đó là khoảnh khắc học nghề nấu nướng, ở đâu đó giữa trò chơi trẻ con và tuổi trưởng thành, khi chúng ta lần đầu tiên cảm thấy có trách nhiệm làm việc và giúp đỡ lẫn nhau. Cùng với chiếc nĩa, tôi cũng có thể kể đến hàng ngàn điều nhỏ nhặt khác đóng vai trò quý giá trong cuộc sống của mỗi người: nụ cười chúng ta nhận được khi kể một câu chuyện cười, bức tranh chúng ta phác họa dưới ánh sáng của cửa sổ, trận bóng đá đầu tiên chúng ta chơi với một quả bóng vải, những con giun chúng ta thu thập được trong một hộp giày, một bông hoa chúng ta ép vào trang sách, nỗi lo lắng của chúng ta về một chú chim non rơi khỏi tổ, một điều ước chúng ta thực hiện khi hái một bông hoa cúc. Tất cả những điều nhỏ nhặt

này, bình thường trong chính chúng nhưng lại phi thường đối với chúng ta, không bao giờ có thể được thuật toán nắm bắt. Cái nĩa, trò đùa, cửa sổ, quả bóng, hộp giày, cuốn sách, chú chim, bông hoa: tất cả những thứ này sống mãi như những kỷ niệm quý giá được "lưu giữ" sâu trong trái tim chúng ta.

21. Cái cốt lõi sâu sắc này, hiện diện trong mỗi người đàn ông và đàn bà, không phải là cốt lõi của tâm hồn, mà là của toàn bộ con người trong bản sắc tâm lý độc đáo của họ. Mọi thứ đều tìm thấy sự thống nhất của nó trong trái tim, nơi có thể là nơi trú ngụ của tình yêu trong tất cả các chiều kích tâm linh, tâm lý và thậm chí là thể chất. Nói tóm lại, nếu tình yêu ngự trị trong trái tim chúng ta, chúng ta sẽ trở thành, theo cách trọn vẹn và sáng ngời, những con người mà chúng ta được định sẵn, vì mỗi con người được tạo ra trên hết là để yêu. Trong tận sâu thẳm hữu thể của chúng ta, chúng ta được tạo ra để yêu và được yêu.

22. Vì lý do này, khi chúng ta chứng kiến sự bùng nổ của các cuộc chiến tranh mới, với sự đồng lõa, khoan dung hoặc thờ ơ của các quốc gia khác, hoặc các cuộc đấu tranh quyền lực nhỏ nhen vì lợi ích đảng phái, chúng ta có thể bị cám dỗ kết luận rằng thế giới của chúng ta đang mất đi trái tim. Chúng ta chỉ cần nhìn và lắng nghe những người phụ nữ lớn tuổi - từ cả hai phía - những người đang phải chịu đựng những cuộc xung đột tàn khốc này. Thật đau lòng khi thấy họ than khóc cho những đứa cháu bị sát hại của mình, hoặc mong muốn được chết sau khi mất đi ngôi nhà nơi họ đã sống cả cuộc đời. Những người phụ nữ đó, những người thường là trụ cột của sức mạnh và khả năng phục hồi giữa những khó khăn và gian khổ của cuộc sống, giờ đây, vào cuối đời, họ chỉ trải qua nỗi đau khổ, sợ hãi và phẫn nộ thay vì sự nghỉ ngơi xứng đáng. Đổ lỗi cho người khác không giải quyết được những tình huống đáng xấu hổ và bi thảm này. Việc nhìn thấy những người phụ nữ lớn tuổi này khóc, và không cảm thấy đây là điều không thể chịu đựng được, là dấu hiệu của một thế giới đã trở nên vô cảm.

23. Bất cứ khi nào một người suy nghĩ, đặt câu hỏi và suy gẫm về bản sắc thực sự của mình, cố gắng hiểu những câu hỏi sâu sắc hơn của cuộc sống và tìm kiếm Thiên Chúa, hoặc trải nghiệm cảm giác hồi hộp khi thoáng thấy chân lý, điều đó dẫn đến việc nhận ra rằng sự viên mãn của chúng ta với tư cách là con người được tìm thấy trong tình yêu. Khi yêu, chúng ta cảm thấy chúng ta biết được mục đích và mục tiêu cuộc hiện hữu của mình trên thế giới này. Mọi thứ kết hợp lại với nhau trong trạng thái mạch lạc và hài hòa. Do đó, khi suy gẫm về ý nghĩa cuộc sống của mình, có lẽ câu hỏi quyết định nhất mà chúng ta có thể hỏi là: "Tôi có trái tim không?"

LỬA

24. Tất cả những gì chúng ta đã nói đều có ý nghĩa đối với đời sống tâm linh. Ví dụ, thần học cơ bản trong Linh thao của Thánh I-nha-xi-ô thành Loyola dựa trên "tình cảm" (*affectus*). Cấu trúc của Linh thao giả định một mong muốn vững chắc và chân thành để "sắp xếp lại" cuộc sống của người ta, một mong muốn, ngược lại, đã cung cấp sức mạnh và phương tiện để đạt được mục tiêu đó. Các quy tắc và thành phần của nơi chốn mà Thánh I-nha-xi-ô cung cấp phục vụ cho một điều gì đó quan trọng hơn nhiều, cụ thể là, sự mầu nhiệm của trái tim con người. Michel de Certeau cho thấy cách mà "các chuyển động" được Thánh I-nha-xi-ô nói đến là sự "thâm nhập" mong muốn của Thiên Chúa và mong muốn của chính trái tim chúng ta giữa sự tiến triển có trật tự của các cuộc suy niệm. Một điều gì đó bất ngờ và chưa từng biết đến bắt đầu nói trong trái tim chúng ta, phá vỡ kiến thức hời hợt của chúng ta và đặt câu hỏi về nó. Đây là khởi đầu của một quá trình mới "sắp xếp cuộc sống của chúng ta theo trật tự", bắt đầu từ trái tim. Không phải là về các khái niệm trí thức cần được đưa vào thực hành trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta, như thể tình cảm và thực hành chỉ là những tác động của – và phụ thuộc vào – dữ kiện của kiến thức. [16]

25. Nơi mà tư duy của triết gia dừng lại, thì ở đó trái tim của tín hữu tiếp tục thúc đẩy trong tình yêu và sự tôn thờ, trong việc cầu xin sự tha thứ và trong sự sẵn lòng phục vụ ở bất cứ nơi nào Chúa cho phép chúng ta lựa chọn, để noi theo bước chân của Người. Vào thời điểm đó, chúng ta nhận ra rằng trong mắt Thiên Chúa, chúng ta là một "Con" [*Thou*], và vì lý do đó, chúng ta có thể là một "Tôi". Thật vậy, chỉ có Chúa mới có thể đối xử với mỗi người chúng ta như một "Con" [*Thou*], luôn luôn và mãi mãi. Việc chấp nhận tình bạn của Người là vấn đề của trái tim; đó là điều tạo nên chúng ta như những con người theo nghĩa đầy đủ nhất của từ ngữ đó.

26. Thánh Bonaventura nói với chúng ta rằng cuối cùng, chúng ta không nên cầu xin ánh sáng, mà là cầu xin "ngọn lửa dữ dội". [17] Ngài dạy rằng, "đức tin ở trong trí tuệ, theo cách khơi dậy tình cảm. Theo nghĩa này, ví dụ, việc biết rằng Chúa Kitô đã chết vì chúng ta không còn là kiến thức nữa, mà nhất thiết phải trở thành tình cảm, tình yêu". [18] Theo cùng một đường hướng, Thánh John Henry Newman đã lấy cụm từ *Cor ad cor loquitur* [lòng nói với lòng] làm phương châm của mình, vì, vượt ra ngoài mọi suy nghĩ và ý tưởng của chúng ta, Chúa cứu chúng ta bằng cách nói với trái tim chúng ta từ Thánh Tâm của Người. Nhận thức này đã dẫn ngài, một trí thức lỗi lạc, đến với nhận thức rằng cuộc gặp gỡ sâu sắc nhất của ngài với chính mình và với Chúa không đến từ việc đọc sách hay suy gẫm, mà đến từ cuộc đối thoại cầu nguyện, từ trái tim với trái tim, với Chúa Kitô, sống động và hiện diện. Chính trong Bí tích Thánh Thể mà Newman đã gặp được trái tim sống động của Chúa Giêsu, có khả năng giải thoát chúng ta, mang lại ý nghĩa cho từng khoảnh khắc trong cuộc sống của chúng ta và ban tặng sự bình an đích thực: "Lạy Trái Tim Thánh Thiêng, yêu thương nhất của Chúa Giêsu, Chúa ẩn mình trong Bí tích Thánh Thể, và Chúa vẫn đập vì chúng con… Con tôn thờ Chúa với tất cả tình yêu và sự kính sợ tốt nhất của con, với tình cảm nồng nhiệt của con, với ý chí kiên quyết và khiêm nhường nhất của con. Lạy Chúa, khi Chúa hạ mình để con tiếp nhận Chúa, ăn và uống Chúa, và trong một thời gian Chúa ngự trong con, xin hãy làm cho trái tim con đập cùng Trái Tim Chúa. Xin thanh tẩy trái tim con khỏi mọi thứ trần tục, mọi thứ kiêu hãnh và nhục dục, mọi thứ cứng rắn và tàn nhẫn, khỏi mọi sự đồi trụy, mọi sự hỗn loạn, mọi sự chết chóc. Xin lấp đầy trái tim con bằng Chúa, để những sự kiện trong ngày hay hoàn cảnh của thời gian không có sức mạnh làm xáo trộn trái tim con, nhưng trong tình yêu và sự kính sợ Chúa, trái tim con có được sự bình an". [19]

27. Trước trái tim của Chúa Giêsu, sống động và hiện diện, tâm trí chúng ta, được Chúa Thánh Thần soi sáng, phát triển trong sự hiểu biết về lời Người và ý chí của chúng ta được thúc đẩy để đưa chúng vào thực hành. Điều này có thể dễ dàng ở mức độ của một loại chủ nghĩa đạo đức tự lực. Tuy nhiên, lắng nghe và nếm trải Chúa, và tôn vinh Người một cách xứng đáng là vấn đề của trái tim. Chỉ có trái tim mới có khả năng đặt các sức mạnh và đam mê khác của chúng ta, và toàn bộ con người chúng ta, vào tư thế tôn kính và vâng phục yêu thương trước Chúa.

THẾ GIỚI CÓ THỂ THAY ĐỔI, BẮT ĐẦU TỪ TRÁI TIM

28. Chỉ bằng cách bắt đầu từ trái tim, các cộng đồng của chúng ta mới có thể thành công trong việc hợp nhất và hòa giải những tâm trí và ý chí khác nhau, để Chúa Thánh Thần có thể hướng dẫn chúng ta trong sự hiệp nhất như anh chị em. Sự hòa giải và hòa bình cũng nảy sinh từ trái tim. Trái tim của Chúa Kitô là "sự ngây ngất xuất thần", cởi mở, ban tặng và gặp gỡ. Trong trái tim đó, chúng ta học cách liên hệ với nhau theo những cách lành mạnh và hạnh phúc, và xây dựng vương quốc tình yêu và công lý của Thiên Chúa trên thế giới này. Trái tim chúng ta, hợp nhất với trái tim của Chúa Kitô, có khả năng tạo nên phép lạ xã hội này.

29. Do đó, việc coi trọng trái tim sẽ có hậu quả đối với toàn thể xã hội. Công đồng Vatican II dạy rằng, "mỗi người chúng ta cần thay đổi trái tim; chúng ta phải hướng mắt nhìn toàn thế giới và hướng đến

những nhiệm vụ mà tất cả chúng ta có thể cùng nhau thực hiện để mang lại sự cải thiện cho giống nòi của chúng ta". [20] Vì "sự mất cân bằng đang ảnh hưởng đến thế giới ngày nay thực chất là triệu chứng của sự mất cân bằng sâu sắc hơn bắt nguồn từ trái tim con người". [21] Khi suy gẫm về những bi kịch đang gây đau khổ cho thế giới của chúng ta, Công đồng thúc giục chúng ta quay trở lại với trái tim. Công đồng giải thích rằng con người "bằng đời sống nội tâm của mình, vượt qua toàn bộ vũ trụ vật chất; họ trải nghiệm được sự sâu sắc bên trong này khi họ đi vào trái tim của chính mình, nơi Thiên Chúa, Đấng thăm dò trái tim, đang chờ đợi họ, và nơi họ quyết định số phận của chính mình trước mặt Thiên Chúa". [22]

30. Điều này không có nghĩa là chúng ta quá phụ thuộc vào khả năng của chính mình. Chúng ta đừng bao giờ quên rằng trái tim chúng ta không tự túc, mà yếu đuối và bị tổn thương. Chúng sở hữu một phẩm giá hữu thể học, nhưng đồng thời phải tìm kiếm một cuộc sống ngày càng có phẩm giá hơn. [23] Công đồng Vatican II chỉ ra rằng "men Tin Mừng đã khơi dậy và tiếp tục khơi dậy trong trái tim con người một cơn khát không thể dập tắt đối với phẩm giá con người". [24] Tuy nhiên, để sống theo phẩm giá này, chỉ biết Tin Mừng hoặc thực hiện một cách máy móc các yêu cầu của Tin Mừng là chưa đủ. Chúng ta cần sự giúp đỡ của tình yêu Thiên Chúa. Vậy thì, chúng ta hãy hướng về trái tim của Chúa Kitô, cốt lõi của hữu thể Người, là lò lửa rực cháy của tình yêu thần linh và nhân bản và là sự viên mãn cao cả nhất mà nhân loại có thể khao khát. Ở đó, trong trái tim đó, cuối cùng chúng ta thực sự biết được chính mình và chúng ta học cách yêu thương.

31. Cuối cùng, Thánh Tâm là nguyên lý thống nhất của mọi thực tại, vì "Chúa Kitô là trái tim của thế giới, và mầu nhiệm vượt qua về cái chết và sự phục sinh của Người là trung tâm của lịch sử, mà vì Người, là lịch sử cứu độ". [25] Mọi loài thụ tạo "đang tiến về phía trước cùng với chúng ta và thông qua chúng ta hướng đến một điểm đến chung, đó là Thiên Chúa, trong sự viên mãn siêu việt đó, nơi Chúa Kitô phục sinh ôm ấp và soi sáng mọi sự". [26] Trước sự hiện diện của trái tim Chúa Kitô, một lần nữa tôi cầu xin Chúa thương xót thế giới đau khổ này, nơi Người đã chọn ngự trị như một trong chúng ta. Xin Người đổ tràn kho tàng ánh sáng và tình yêu của Người, để thế giới của chúng ta, thế giới đang tiến về phía trước bất chấp chiến tranh, chênh lệch kinh tế xã hội và việc sử dụng công nghệ đe dọa nhân loại của chúng ta, có thể lấy lại được điều quan trọng và cần thiết nhất trong tất cả: trái tim của nó.

CHƯƠNG HAI: HÀNH ĐỘNG VÀ LỜI YÊU THƯƠNG

32. Trái tim của Chúa Kitô, như biểu tượng của nguồn tình yêu sâu sắc và bản thân nhất của Người dành cho chúng ta, chính là cốt lõi của lời rao giảng đầu tiên về Tin Mừng. Nó đứng ở nguồn gốc đức tin của chúng ta, như nguồn suối làm mới và làm sống động niềm tin Kitô giáo của chúng ta.

HÀNH ĐỘNG PHẢN ẢNH TRÁI TIM

33. Chúa Kitô đã cho thấy chiều sâu tình yêu của Người dành cho chúng ta không phải bằng những lời giải thích dài dòng mà bằng những hành động cụ thể. Bằng cách xem xét các tương tác của Người với những người khác, chúng ta có thể nhận ra cách Người đối xử với mỗi người chúng ta, mặc dù đôi khi điều này có thể khó thấy. Bây giờ chúng ta hãy hướng đến nơi đức tin của chúng ta có thể gặp được chân lý này: lời Chúa.

34. Tin Mừng cho chúng ta biết rằng Chúa Giêsu "đã đến với những người nhà của Người" (x. *Ga* 1:11). Những lời đó ám chỉ đến chúng ta, vì Chúa không đối xử với chúng ta như người xa lạ mà như một sở hữu mà Người trông coi và trân trọng. Người thực sự đối xử với chúng ta như "của riêng

Người". Điều này không có nghĩa là chúng ta là nô lệ của Người, điều mà chính Người phủ nhận: "Thầy không gọi các con là tôi tớ" (*Ga* 15:15). Đúng hơn, nó ám chỉ đến cảm giác thân thuộc lẫn nhau đặc trưng của bạn bè. Chúa Giêsu đã đến gặp chúng ta, thu hẹp mọi khoảng cách; Người trở nên gần gũi với chúng ta như những thực tại đơn giản nhất, hàng ngày trong cuộc sống của chúng ta. Thật vậy, Người có một tên khác, "Emmanuel", có nghĩa là "Thiên Chúa ở cùng chúng ta", Thiên Chúa như một phần của cuộc sống chúng ta, Thiên Chúa như đang sống giữa chúng ta. Con Thiên Chúa đã nhập thể và "tự hủy mình, mặc lấy thân nô lệ" (*Pl* 2:7).

35. Điều này trở nên rõ ràng khi chúng ta thấy Chúa Giêsu làm việc. Người tìm kiếm mọi người, tiếp cận họ, luôn mở lòng để gặp gỡ họ. Chúng ta thấy điều đó khi Người dừng lại để trò chuyện với người phụ nữ Samaritanô tại giếng nơi bà đến lấy nước (x. *Ga* 4:5-7). Chúng ta thấy điều đó khi, trong bóng tối của đêm, Người gặp Nicôđêmô, người sợ bị nhìn thấy trước mặt Người (x. *Ga* 3:1-2). Chúng ta ngạc nhiên khi Người để một gái điếm rửa chân cho mình (x. *Lc* 7:36-50), khi Người nói với người phụ nữ bị bắt quả tang ngoại tình, "Tôi cũng không lên án chị đâu" (*Ga* 8:11), hoặc một lần nữa khi Người khiển trách các môn đệ vì sự thờ ơ của họ và lặng lẽ hỏi người mù bên vệ đường, "Ông muốn Tôi làm gì cho ông?" (*Mc* 10:51). Đức Kitô cho thấy rằng Thiên Chúa là sự gần gũi, lòng cảm thương và tình yêu dịu dàng.

36. Bất cứ khi nào Chúa Giêsu chữa lành cho ai đó, Người thích làm điều đó, không phải từ xa mà là ở gần: "Người giơ tay chạm vào người ấy" (*Mt* 8:3). "Người chạm vào tay bà" (*Mt* 8:15). "Người chạm vào mắt họ" (*Mt* 9:29). Thậm chí có lần Người dừng lại để chữa lành một người điếc bằng chính nước bọt của Người (x. *Mc* 7:33), như một người mẹ vẫn làm, để mọi người không nghĩ Người xa lạ với cuộc sống của họ. "Chúa biết khoa học tinh tế của sự âu yếm. Trong lòng cảm thương của Người, Thiên Chúa không yêu thương chúng ta bằng lời nói; Người đến gặp chúng ta và bằng sự gần gũi của Người, Người cho chúng ta thấy chiều sâu của tình yêu dịu dàng của Người". [27]

37. Nếu chúng ta thấy khó tin tưởng người khác vì chúng ta đã bị tổn thương bởi những lời nói dối, tổn thương và thất vọng, Chúa thì thầm vào tai chúng ta: "Hãy can đảm lên, hỡi con!" (*Mt* 9:2), "Hãy can đảm lên, hỡi con gái!" (*Mt* 9:22). Người khuyến khích chúng ta vượt qua nỗi sợ hãi và nhận ra rằng, khi có Người bên cạnh, chúng ta không còn gì để mất. Đối với Phêrô, trong lúc sợ hãi, "Đức Giêsu liền giơ tay nắm lấy ông và nói: "Hỡi người kém tin, sao con lại nghi ngờ?" (*Mt* 14:31). Bạn cũng đừng sợ. Hãy để Người đến gần và ngồi bên cạnh bạn. Có thể có nhiều người không được chúng ta tin tưởng, nhưng không phải Người. Đừng ngần ngại vì tội lỗi của bạn. Hãy nhớ rằng nhiều tội nhân "đã đến và ngồi với Người" (*Mt* 9:10), nhưng Chúa Giêsu không hề bị xúc phạm bởi bất cứ ai trong số họ. Chính giới tinh hoa tôn giáo đã phàn nàn và đối xử với Người như "một kẻ phàm ăn và say sưa, một người bạn của những người thu thuế và tội lỗi" (*Mt* 11:19). Khi những người Pharisiêu chỉ trích Người vì gần gũi với những người bị coi là đê tiện hoặc tội lỗi, Chúa Giêsu trả lời: "Ta muốn lòng thương xót, chứ không muốn hy lễ" (*Mt* 9:13).

38. Cũng chính Chúa Giêsu đó giờ đây đang chờ bạn trao cho Người cơ hội mang ánh sáng đến cho cuộc đời bạn, nâng bạn lên và đổ đầy sức mạnh của Người vào bạn. Trước khi chết, Người đã bảo đảm với các môn đệ rằng: "Thầy sẽ không để các con mồ côi; Thầy sẽ đến cùng các con. Chẳng bao lâu nữa, thế gian sẽ không còn thấy Thầy nữa, nhưng các con sẽ thấy Thầy" (*Ga* 14:18-19). Chúa Giêsu luôn tìm cách hiện diện trong cuộc đời bạn, để bạn có thể gặp gỡ Người.

ÁNH NHÌN CỦA CHÚA GIÊSU

39. Tin Mừng kể cho chúng ta rằng một người đàn ông giàu có đã đến gặp Chúa Giêsu, đầy lý tưởng

nhưng lại thiếu sức mạnh cần thiết để thay đổi cuộc đời mình. Sau đó, Chúa Giêsu "nhìn ông ta" (*Mc* 10:21). Bạn có thể tưởng tượng được khoảnh khắc đó, cuộc gặp gỡ giữa đôi mắt của người đó và đôi mắt của Chúa Giêsu không? Nếu Chúa Giêsu gọi bạn và triệu tập bạn để thực hiện sứ mệnh, trước tiên Người nhìn bạn, thăm dò sâu thẳm trái tim bạn và biết mọi điều về bạn, Người sẽ nhìn thẳng vào bạn. Cũng vậy, khi "khi Người đi dọc theo Biển Galilê, Người thấy hai anh em... và khi Người đi khỏi đó, Người thấy hai anh em khác" (*Mt* 4:18, 21).

40. Nhiều trang trong Tin Mừng minh họa cách Chúa Giêsu quan tâm đến từng cá nhân và trên hết là đến các vấn đề và nhu cầu của họ. Chúng ta được kể rằng, "khi Người thấy đám đông, Người chạnh lòng thương họ, vì họ bị quẫy rầy và bất lực" (*Mt* 9:36). Bất cứ khi nào chúng ta cảm thấy mọi người đều phớt lờ chúng ta, rằng không ai quan tâm đến những gì sẽ xảy ra với chúng ta, rằng chúng ta không quan trọng đối với bất cứ ai, thì Người vẫn quan tâm đến chúng ta. Đối với Nathanael, người đang đứng tách biệt và bận rộn với công việc của mình, Người có thể nói, "Tôi đã thấy anh dưới cây vả trước khi Philip gọi anh" (*Ga* 1:48).

41. Chính vì quan tâm đến chúng ta, Chúa Giêsu biết mọi ý định tốt đẹp và những hành động bác ái nhỏ bé của chúng ta. Tin Mừng kể với chúng ta rằng có lần Người "thấy một bà góa nghèo bỏ vào hai đồng "Những đồng tiền xu" trong kho bạc Đền thờ (*Lc* 21:2) và ngay lập tức đưa nó đến sự chú ý của các môn đệ. Do đó, Chúa Giêsu đánh giá cao điều tốt mà Người thấy ở chúng ta. Khi viên đại đội trưởng đến gần Người với sự tự tin hoàn toàn, "Chúa Giêsu lắng nghe ông và ngạc nhiên" (Mt 8:10). Thật an ủi biết bao khi biết rằng, ngay cả khi những người khác không biết về ý định hoặc hành động tốt của chúng ta, Chúa Giêsu vẫn nhìn thấy chúng và đánh giá cao chúng.

42. Trong nhân tính của mình, Chúa Giêsu đã học được điều này từ Đức Maria, mẹ của Người. Đức Mẹ đã cẩn thận suy gẫm về những điều ngài đã trải qua; ngài "trân trọng chúng… trong lòng" (*Lc* 2:19, 51) và, cùng với Thánh Giuse, ngài đã dạy Chúa Giêsu từ những năm đầu đời cách chú ý theo cách tương tự.

LỜI CỦA CHÚA GIÊSU

43. Mặc dù Kinh thánh lưu giữ những lời của Chúa Giêsu, luôn sống động và hợp thời, nhưng có những khoảnh khắc Người nói với chúng ta bên trong, kêu gọi chúng ta và dẫn chúng ta đến một nơi tốt đẹp hơn. Nơi tốt đẹp hơn đó chính là trái tim của Người. Ở đó, Người mời gọi chúng ta tìm kiếm sức mạnh và sự bình an mới: "Hãy đến cùng Ta, hỡi những ai mệt mỏi và gánh nặng, Ta sẽ cho nghỉ ngơi bồi dưỡng" (*Mt* 11:28). Theo nghĩa này, Người có thể nói với các môn đệ của mình: "Hãy ở lại trong Thầy" (*Ga* 15:4).

44. Lời của Chúa Giêsu cho thấy sự thánh thiện của Người không loại trừ những cảm xúc sâu sắc. Trong nhiều dịp khác nhau, Người đã thể hiện một tình yêu vừa nồng nhiệt vừa cảm thương. Người có thể vô cùng xúc động và đau buồn, thậm chí đến mức rơi nước mắt. Rõ ràng là Chúa Giêsu không thờ ơ với những lo lắng và bận tâm hàng ngày của người ta, chẳng hạn như sự mệt mỏi hoặc đói khát của họ: "Ta chạnh lòng thương đám đông này... họ không có gì để ăn... họ sẽ ngất xỉu dọc đường, và một số người trong số họ đã đến từ một nơi rất xa" (*Mc* 8:2-3).

45. Tin Mừng không hề che giấu tình yêu của Chúa Giêsu dành cho Giêrusalem: "Khi đến gần và thấy thành, Người khóc thương thành" (*Lc* 19:41). Sau đó, Người đã nói lên ước muốn sâu xa nhất trong lòng mình: "Phải chi ngày hôm nay anh em nhận ra những điều đem lại bình an" (*Lc* 19:42). Các tác giả Tin Mừng, trong khi đôi khi cho thấy Người trong quyền năng và vinh quang của Người, cũng mô

tả những cảm xúc sâu sắc của Người trước cái chết và nỗi đau buồn của bạn bè Người. Trước khi kể lại việc Chúa Giêsu, đứng trước ngôi mộ của Ladarô, "bắt đầu khóc" (*Ga* 11:35), Tin Mừng ghi nhận rằng, "Chúa Giêsu yêu Martha và em gái bà và Ladarô" (Ga 11:5) và rằng, khi thấy Maria và những người ở với bà khóc, "Người rất bối rối trong lòng và xúc động sâu xa" (*Ga* 11:33). Lời tường thuật của Tin Mừng không để lại nghi ngờ gì rằng những giọt nước mắt của Người là chân thành, là dấu hiệu của sự hỗn loạn nội tâm. Các sách Tin Mừng cũng không cố che giấu nỗi thống khổ của Chúa Giêsu về cái chết dữ dội sắp xảy ra của Người dưới tay những người mà Người đã yêu thương vô cùng: Người "bắt đầu buồn rầu và xao xuyến" (*Mc* 14:33), thậm chí đến mức kêu lên: "Tôi buồn đến chết được" (*Mc* 14:34). Sự hỗn loạn bên trong này được thể hiện mạnh mẽ nhất qua tiếng kêu của Người trên thập giá: "Lạy Chúa, lạy Chúa, sao Chúa bỏ rơi con?" (*Mc* 15:34).

46. Thoạt nhìn, tất cả những điều này có vẻ giống như chủ nghĩa tình cảm đạo đức giả. Tuy nhiên, chúng cực kỳ nghiêm túc và có tầm quan trọng quyết định, và được thể hiện cao cả nhất trong Chúa Kitô bị đóng đinh. Thập giá là lời yêu thương hùng hồn nhất của Chúa Giêsu. Một lời không hời hợt, ủy mị hay chỉ mang tính xây dựng. Đó là tình yêu, tình yêu thuần túy. Đó là lý do tại sao Thánh Phaolô, khi phải vật lộn để tìm đúng từ ngữ để mô tả mối quan hệ của mình với Chúa Kitô, có thể nói về "Con Thiên Chúa, Đấng đã yêu thương tôi và hiến mình vì tôi" (*Gl* 2:20). Đây là niềm xác tín sâu sắc nhất của Thánh Phaolô: sự hiểu biết rằng mình được yêu thương. Sự tự hiến của Chúa Kitô trên thập giá đã trở thành động lực trong cuộc sống của Thánh Phaolô, nhưng điều đó chỉ có ý nghĩa với ngài vì ngài biết rằng có điều gì đó thậm chí còn lớn lao hơn ẩn sau đó: sự thật rằng "Người đã yêu thương tôi". Vào thời điểm mà nhiều người đang tìm kiếm sự cứu rỗi, thịnh vượng hoặc an ninh ở nơi khác, Thánh Phaolô, được Thánh Thần thúc đẩy, đã có thể nhìn xa hơn và kinh ngạc trước điều vĩ đại nhất và thiết yếu nhất trong tất cả: "Chúa Kitô đã yêu thương tôi".

47. Bây giờ, sau khi suy gẫm về Chúa Kitô và thấy cách hành động và lời nói của Người mang lại cho chúng ta cái nhìn sâu sắc về trái tim Người, chúng ta hãy chuyển sang sự suy tư của Giáo hội về mầu nhiệm thánh thiện của Thánh Tâm Chúa.

CHƯƠNG BA: ĐÂY LÀ TRÁI TIM ĐÃ YÊU THƯƠNG NHIỀU ĐẾN VẬY

48. Lòng sùng kính trái tim Chúa Kitô không phải là sự tôn kính một cơ quan riêng biệt ngoài Ngôi vị của Chúa Giêsu. Điều chúng ta chiêm ngưỡng và tôn thờ là toàn thể Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa làm người, được biểu tượng bằng một hình ảnh làm nổi bật trái tim của Người. Trái tim bằng thịt đó được coi là dấu hiệu đặc quyền của hữu thể sâu thẳm nhất của Chúa Con nhập thể và tình yêu của Người, cả thần linh và nhân bản. Hơn bất cứ bộ phận nào khác trên cơ thể Người, trái tim của Chúa Giêsu là "dấu hiệu và biểu tượng tự nhiên của tình yêu vô biên của Người".[28]

THỜ PHƯỢNG ĐỨC KITÔ

49. Điều cốt yếu là phải nhận ra rằng mối quan hệ của chúng ta với Ngôi vị của Chúa Giêsu Kitô là mối quan hệ của tình bạn và sự tôn thờ, được tạo nên bởi tình yêu được thể hiện dưới hình ảnh trái tim của Người. Chúng ta tôn kính hình ảnh đó, nhưng sự tôn thờ của chúng ta chỉ hướng đến Chúa Kitô hằng sống, trong thiên tính và nhân tính trọn vẹn của Người, để chúng ta có thể được tình yêu nhân bản và thần linh của Người ôm ấp.

50. Bất kể hình ảnh nào được sử dụng, rõ ràng là cuộc sống Trái tim của Chúa Kitô – không phải là sự biểu hiện của nó – là đối tượng thờ phượng của chúng ta, vì nó là một phần của thân thể thánh thiện phục sinh của Người, không thể tách rời khỏi Con Thiên Chúa, Đấng đã mặc lấy thân thể đó mãi mãi.

Chúng ta thờ phượng nó vì nó là “trái tim của Ngôi Lời, Đấng mà nó được kết hợp không thể tách rời”.[29] Chúng ta cũng không thờ phượng nó vì chính nó, nhưng vì với trái tim này, Chúa Con nhập thể đang sống, yêu thương chúng ta và nhận được tình yêu đáp trả của chúng ta. Bất cứ hành động yêu thương hay thờ phượng nào của trái tim Người đều “thực sự và chân thành được trao cho chính Chúa Kitô”,[30] vì nó tự phát quy chiếu trở lại Người và là “biểu tượng và hình ảnh dịu dàng của tình yêu vô hạn của Chúa Giêsu Kitô”.[31]

51. Vì lý do này, chúng ta không bao giờ nên nghĩ rằng lòng sùng kính này có thể làm chúng ta mất tập trung hoặc tách biệt khỏi Chúa Giêsu và tình yêu của Người. Theo cách tự nhiên và trực tiếp, nó hướng chúng ta đến Người và chỉ đến Người mà thôi, là Đấng kêu gọi chúng ta đến với một tình bạn quý báu được đánh dấu bằng sự đối thoại, tình cảm, sự tin tưởng và sự tôn thờ. Đấng Kitô mà chúng ta thấy được mô tả với trái tim bị đâm thủng và cháy bỏng chính là Đấng Kitô, vì yêu thương chúng ta, đã sinh ra ở Bê-lem, đi khắp Ga-li-lê để chữa lành người bệnh, ôm lấy tội nhân và tỏ lòng thương xót. Đấng Kitô cũng yêu thương chúng ta đến cùng, dang rộng vòng tay trên thập giá, sau đó đã sống lại từ cõi chết và hiện đang sống giữa chúng ta trong vinh quang.

TÔN KÍNH HÌNH ẢNH CỦA NGƯỜI

52. Mặc dù hình ảnh của Đấng Kitô và trái tim của Người không phải là đối tượng thờ phượng, nhưng nó cũng không chỉ là một trong nhiều hình ảnh có thể có khác. Nó không được thiết kế trên bàn làm việc hay được thiết kế bởi một nghệ sĩ; nó "không phải là biểu tượng tưởng tượng, mà là một biểu tượng thực sự tượng trưng cho trung tâm, nguồn gốc mà từ đó sự cứu rỗi tuôn chảy cho toàn thể nhân loại"[32]

53. Trải nghiệm phổ quát của con người đã biến hình ảnh trái tim thành một điều độc đáo. Thật vậy, trong suốt lịch sử và ở nhiều nơi khác nhau trên thế giới, nó đã trở thành biểu tượng của sự thân mật bản vị, tình cảm, sự gắn bó về mặt cảm xúc và khả năng yêu thương. Vượt qua mọi giải thích khoa học, một bàn tay đặt lên trái tim của một người bạn thể hiện tình cảm đặc biệt: khi hai người yêu nhau và gần nhau hơn, trái tim họ đập nhanh hơn; khi chúng ta bị bỏ rơi hoặc lừa dối bởi một người mà chúng ta yêu thương, trái tim chúng ta chùng xuống. Tương tự như vậy, khi chúng ta muốn nói điều gì đó sâu sắc mang tính bản vị, chúng ta thường nói rằng chúng ta đang nói "từ trái tim". Ngôn ngữ thi ca phản ánh sức mạnh của những trải nghiệm này. Trong suốt chiều dài lịch sử, trái tim đã mang một giá trị biểu tượng độc đáo, không chỉ đơn thuần là thông thường.

54. Do đó, có thể hiểu được rằng Giáo hội đã chọn hình ảnh trái tim để tượng trưng cho tình yêu nhân bản và thần thiêng của Chúa Giêsu Kitô và cốt lõi sâu xa nhất của Ngôi vị Người. Tuy nhiên, trong khi hình ảnh trái tim rực cháy có thể là biểu tượng hùng hồn về tình yêu cháy bỏng của Chúa Giêsu Kitô, thì điều quan trọng là trái tim này không được thể hiện tách biệt với Người. Theo cách này, lời kêu gọi của Người về một mối quan hệ gặp gỡ và đối thoại bản vị sẽ trở nên có ý nghĩa hơn bao giờ hết.[33] Hình ảnh đáng kính miêu tả Chúa Kitô giơ trái tim yêu thương của Người cũng cho thấy Người nhìn thẳng vào chúng ta, mời gọi chúng ta gặp gỡ, đối thoại và tin tưởng; nó cho thấy đôi bàn tay mạnh mẽ của Người có khả năng nâng đỡ chúng ta và đôi môi Người nói chuyện trực tiếp với từng người chúng ta.

55. Trái tim cũng có lợi thế là có thể nhận ra ngay lập tức như trung tâm thống nhất sâu sắc của cơ thể, một biểu thức của toàn bộ con người, không giống như các cơ quan riêng lẻ khác. Là một phần đại diện cho toàn thể, chúng ta có thể dễ dàng hiểu sai nó, nếu chúng ta chiêm ngưỡng nó tách biệt khỏi chính Chúa. Hình ảnh trái tim phải dẫn chúng ta đến việc chiêm ngưỡng Chúa Kitô trong tất cả vẻ đẹp và sự

phong phú của nhân tính và thần tính của Người.

56. Bất kể chúng ta có thể gán những phẩm chất thẩm mỹ đặc biệt nào cho những bức miêu tả khác nhau về trái tim Chúa Kitô khi chúng ta cầu nguyện trước chúng, thì không phải là "người ta tìm kiếm điều gì đó từ chúng hoặc đặt niềm tin mù quáng vào các hình ảnh như những người ngoại đạo đã từng làm". Thay vào đó, "qua những hình ảnh mà chúng ta hôn kính, và trước những hình ảnh mà chúng ta quỳ gối và cởi khăn nón khỏi đầu, chúng ta đang tôn thờ Chúa Kitô".[34]

57. Một số hình ảnh này có thể khiến chúng ta thấy vô vị và không đặc biệt có lợi cho tình cảm hay lời cầu nguyện. Tuy nhiên, điều này không mấy quan trọng, vì chúng chỉ là lời mời gọi cầu nguyện, và trích dẫn một câu tục ngữ phương Đông, chúng ta không nên giới hạn tầm nhìn của mình vào ngón tay chỉ chúng ta đến mặt trăng. Trong khi Bí tích Thánh Thể là sự hiện diện thực sự cần được tôn thờ, thì những hình ảnh thánh thiêng, mặc dù đã được làm phép, lại hướng ra ngoài bản thân chúng, mời gọi chúng ta nâng cao trái tim mình và kết hợp chúng với trái tim của Chúa Kitô hằng sống. Do đó, hình ảnh mà chúng ta tôn kính đóng vai trò như một lời kêu gọi tạo không gian cho cuộc gặp gỡ với Chúa Kitô và tôn thờ Người theo bất cứ cách nào chúng ta muốn hình dung về Người. Đứng trước hình ảnh, chúng ta đứng trước Chúa Kitô, và trong sự hiện diện của Người, “tình yêu dừng lại, chiêm ngưỡng mầu nhiệm và tận hưởng nó trong im lặng”.[35]

58. Đồng thời, chúng ta không bao giờ được quên rằng hình ảnh của trái tim nói với chúng ta về xác thịt và những thực tại trần thế. Theo cách này, nó hướng chúng ta đến Thiên Chúa, Đấng muốn trở thành một trong chúng ta, một phần trong lịch sử của chúng ta và là bạn đồng hành trên hành trình trần thế của chúng ta. Một hình thức sùng kính trừu tượng hoặc phong thái hóa hơn không nhất thiết sẽ trung thành hơn với Tin Mừng, vì trong dấu hiệu hùng hồn và hữu hình này, chúng ta thấy cách Chúa muốn mặc khải chính mình và đến gần chúng ta.

MỘT TÌNH YÊU CÓ THỂ SỜ MÓ ĐƯỢC

59. Mặt khác, tình yêu và trái tim con người không phải lúc nào cũng đi đôi với nhau, vì lòng căm thù, sự thờ ơ và ích kỷ cũng có thể ngự trị trong trái tim chúng ta. Tuy nhiên, chúng ta không thể đạt được sự viên mãn của mình như một con người trừ khi chúng ta mở lòng mình với người khác; chỉ thông qua tình yêu, chúng ta mới trở thành chính mình một cách trọn vẹn. Phần sâu thẳm nhất trong chúng ta, được tạo ra để yêu thương, sẽ hoàn thành kế hoạch của Thiên Chúa chỉ khi chúng ta học cách yêu thương. Và trái tim là biểu tượng của tình yêu đó.

60. Con vĩnh cửu của Thiên Chúa, trong sự siêu việt hoàn toàn của Người, đã chọn yêu thương mỗi người chúng ta bằng một trái tim con người. Những cảm xúc con người của Người đã trở thành bí tích của tình yêu vô hạn và vô tận đó. Do đó, trái tim của Người không chỉ đơn thuần là biểu tượng cho một chân lý tâm linh nào đó không có thân xác. Khi chiêm ngưỡng trái tim Chúa, chúng ta chiêm ngưỡng một thực tại vật chất, xác thịt con người của Người, cho phép Người sở hữu những cảm xúc và tình cảm chân thực của con người, giống như chúng ta, mặc dù đã được biến đổi hoàn toàn bởi tình yêu thần thiêng của Người. Lòng sùng kính của chúng ta phải vươn tới tình yêu vô hạn của Ngôi vị Con Thiên Chúa, nhưng chúng ta cần ghi nhớ rằng tình yêu thần thiêng của Người không thể tách rời khỏi tình yêu nhân bản của Người. Hình ảnh trái tim bằng thịt của Người giúp chúng ta thực hiện chính xác điều này.

61. Vì trái tim vẫn được coi là trung tâm tình cảm của mỗi con người trong tâm trí bình dân, nên nó vẫn là phương tiện tốt nhất để biểu thị tình yêu thần thiêng của Chúa Kitô, được kết hợp mãi mãi và không thể tách rời với tình yêu hoàn toàn nhân bản của Người. Đức Piô XII đã nhận xét rằng Tin Mừng, khi

đề cập đến tình yêu của trái tim Chúa Kitô, nói "không những về lòng bác ái thần thiêng mà còn về tình cảm nhân bản". Thật vậy, "trái tim của Chúa Giêsu Kitô, được kết hợp một cách bản thể với Ngôi vị thần thiêng Ngôi Lời, không còn nghi ngờ gì nữa, đập rộn ràng với tình yêu và mọi tình cảm dịu dàng khác".[36]

62. Các Giáo Phụ của Giáo Hội, phản đối những người phủ nhận hoặc hạ thấp nhân tính đích thực của Chúa Kitô, đã nhấn mạnh đến thực tại cụ thể và hữu hình của tình cảm con người của Chúa. Thánh Basiliô nhấn mạnh rằng sự nhập thể của Chúa không phải là điều gì đó kỳ ảo, và rằng "Chúa đã sở hữu những tình cảm tự nhiên của chúng ta". [37] Thánh Gioan Kim Khẩu đã chỉ ra một ví dụ: "Nếu Người không sở hữu bản chất của chúng ta, Người đã không thỉnh thoảng trải qua nỗi buồn". [38] Thánh Ambrôsiô tuyên bố rằng "khi tiếp nhận một linh hồn, Người đã tiếp nhận những đam mê của linh hồn". [39] Đối với Thánh Augustinô, những tình cảm con người của chúng ta, mà Chúa Kitô đã đảm nhận, giờ đây đã mở cửa đón nhận cuộc sống ân sủng: "Chúa Giêsu đã đảm nhận những tình cảm này của sự yếu đuối nhân bản của chúng ta, như Người đã làm với xác thịt của sự yếu đuối nhân bản của chúng ta, không phải vì cần thiết, mà là một cách có ý thức và tự do... kẻo bất cứ ai cảm thấy đau buồn và buồn phiền giữa những thử thách của cuộc sống lại nghĩ rằng mình bị tách biệt khỏi ân sủng của Người". [40] Cuối cùng, Thánh Gioan Đa-mát-xen-nô coi tình cảm chân thành mà Chúa Kitô thể hiện trong nhân tính của Người là bằng chứng cho thấy Người đã đảm nhận toàn bộ bản chất của chúng ta để cứu chuộc và biến đổi toàn bộ bản chất đó: Như thế, Chúa Kitô đã đảm nhận mọi sự thuộc về bản chất con người, để mọi sự đều được thánh hóa.[41]

63. Ở đây, chúng ta có thể hưởng lợi từ những suy nghĩ của một nhà thần học, người cho rằng, "do ảnh hưởng của tư tưởng Hy Lạp, thần học từ lâu đã đẩy cơ thể và cảm xúc vào thế giới tiền nhân bản hoặc hạ nhân bản hoặc có tiềm năng vô nhân đạo; tuy nhiên, những gì thần học không giải quyết được về mặt lý thuyết, thì linh đạo đã giải quyết được trong thực tế. Điều này, cùng với lòng đạo đức bình dân, đã bảo tồn mối quan hệ với thực tại thể xác, tâm lý và lịch sử của Chúa Giêsu. Các Chặng Đàng Thánh Giá, lòng sùng kính các vết thương của Chúa Kitô, Máu Châu Báu và Thánh Tâm của Người, và nhiều lòng sùng kính Thánh Thể khác nhau... tất cả đều thu hẹp khoảng cách trong thần học bằng cách nuôi dưỡng trái tim và trí tưởng tượng của chúng ta, tình yêu dịu dàng của chúng ta dành cho Chúa Kitô, hy vọng và ký ức của chúng ta, mong muốn và cảm xúc của chúng ta. Lý trí và luận lý học đã đi theo những hướng khác".[42]

TÌNH YÊU BA CHIỀU

64. Chúng ta không chỉ dừng lại ở mức độ tình cảm nhân bản của Chúa, đẹp đẽ và cảm động như chúng vốn có. Khi chiêm ngưỡng trái tim Chúa Kitô, chúng ta cũng thấy cách mà, trong những tình cảm cao quý và tốt đẹp, lòng nhân từ và dịu dàng của Người, và những dấu hiệu của tình cảm chân thành của con người, chân lý sâu sắc hơn về tình yêu thần thiêng vô hạn của Người được tỏ lộ. Theo lời của Đức Bênêđictô XVI, "từ chân trời vô hạn của tình yêu, Thiên Chúa muốn đi vào ranh giới của lịch sử loài người và tình trạng con người. Người đã mặc lấy một thân xác và một trái tim. Vì vậy, chúng ta có thể chiêm ngưỡng và gặp gỡ vô hạn trong hữu hạn, mầu nhiệm vô hình và không thể diễn tả được trong trái tim con người của Chúa Giêsu thành Na-da-rét".[43]

65. Hình ảnh trái tim Chúa thực sự nói với chúng ta về tình yêu ba chiều. Trước tiên, chúng ta chiêm ngưỡng tình yêu thần thiêng vô hạn của Người. Sau đó, chúng ta hướng suy nghĩ của mình đến chiều kích tâm linh của nhân tính Người, trong đó trái tim là "biểu tượng của tình yêu nồng cháy nhất, được truyền vào tâm hồn Người, làm phong phú thêm ý chí con người của Người". Cuối cùng, "nó cũng là biểu tượng của tình yêu nhạy cảm của Người".[44]

66. Ba tình yêu này không tách biệt, song song hoặc không liên quan, nhưng cùng nhau hành động và tìm cách phát biểu trong một sự hiệp nhất bền chặt và sống động. Vì "bởi đức tin, qua đó chúng ta tin rằng bản chất con người và thần linh đã hợp nhất trong Ngôi vị của Chúa Kitô, chúng ta có thể thấy mối liên kết chặt chẽ nhất giữa tình yêu dịu dàng của trái tim thể xác của Chúa Giêsu và tình yêu thần thiêng kép, tức là nhân bản và thần linh".[45]

67. Khi bước vào trái tim của Chúa Kitô, chúng ta cảm thấy được yêu thương bởi một trái tim con người tràn đầy tình cảm và cảm xúc giống như chính chúng ta. Ý chí con người của Chúa Giêsu tự do lựa chọn yêu thương chúng ta, và tình yêu thần thiêng đó tràn ngập ân sủng và lòng bác ái. Khi chúng ta lao vào sâu thẳm trái tim Người, chúng ta thấy mình bị choáng ngợp bởi vinh quang bao la của tình yêu vô hạn của Người là Chúa Con vĩnh cửu, mà chúng ta không thể tách rời khỏi tình yêu nhân bản của Người. Chính trong tình yêu nhân bản của Người, chứ không phải ngoài tình yêu đó, mà chúng ta gặp được tình yêu thần linh của Người: chúng ta khám phá ra "cái vô hạn trong cái hữu hạn".[46]

68. Giáo huấn liên tục và rõ ràng của Giáo hội là việc chúng ta tôn thờ ngôi vị của Chúa Kitô là không thể chia cắt, bao gồm cả bản chất thần linh và bản chất nhân bản của Người. Từ thời xa xưa, Giáo hội đã dạy rằng chúng ta phải "thờ phượng một và cùng một Chúa Kitô, Con Thiên Chúa và con loài người, bao gồm và trong hai bản tính không thể tách rời và không thể chia cắt".[47] Và chúng ta làm như vậy "bằng một hành động thờ phượng… vì Ngôi Lời đã trở nên xác phàm".[48] Chúa Kitô không hề "được thờ phượng trong hai bản tính, qua đó hai hành vi thờ phượng được dẫn nhập"; thay vào đó, chúng ta tôn kính "bằng một hành động thờ phượng Thiên Chúa Ngôi Lời đã trở nên xác phàm, cùng với chính xác thịt của Người".[49]

69. Thánh Gioan Thánh Giá đã tìm cách giải thích rằng trong kinh nghiệm huyền nhiệm, tình yêu vô hạn của Chúa Kitô phục sinh không được coi là xa lạ với cuộc sống của chúng ta. Theo một cách nào đó, vô hạn "hạ mình" để cho phép chúng ta, thông qua trái tim rộng mở của Chúa Kitô, trải nghiệm một cuộc gặp gỡ của tình yêu thực sự có đi có lại, vì "thật đáng tin rằng một con chim bay thấp có thể bắt được đại bàng hoàng gia trên cao, nếu con đại bàng này lao xuống với mong muốn bị bắt".[50] Ngài cũng giải thích rằng Chú Rể, "nhìn thấy cô dâu bị thương vì tình yêu dành cho mình, vì tiếng rên rỉ của cô, ông cũng bị thương vì tình yêu dành cho cô. Trong số những người yêu nhau, vết thương của một người là vết thương của cả hai".[51] Thánh Gio-an Thánh Giá coi hình ảnh cạnh sườn bị đâm thủng của Chúa Kitô là lời mời gọi kết hợp trọn vẹn với Chúa. Chúa Kitô là con nai bị thương, bị thương khi chúng ta không để tình yêu của Người chạm đến mình, người đã xuống dòng nước để giải cơn khát và được an ủi mỗi khi chúng ta hướng về Người:

"*Hãy trở về, hỡi chim bồ câu!*
Con nai bị thương
đang ở trên đồi,
được làm mát bởi làn gió từ chuyến bay của bạn".[52]

CÁC GÓC NHÌN BA NGÔI

70. Lòng sùng kính trái tim Chúa Giêsu, như một sự chiêm nghiệm trực tiếp về Chúa, Đấng kéo chúng ta vào sự kết hợp với Người, rõ ràng mang bản chất Kitô học. Chúng ta thấy điều này trong Thư gửi tín hữu Do Thái, thúc giục chúng ta "chạy với lòng kiên trì trong cuộc đua được đặt ra trước chúng ta, hướng mắt về Chúa Giêsu" (12:2). Đồng thời, chúng ta cần nhận ra rằng Chúa Giêsu nói về chính mình như là con đường đến với Chúa Cha: "Thầy là con đường… Không ai đến được với Chúa Cha mà

không qua Thầy" (*Ga* 14:6). Chúa Giêsu muốn đưa chúng ta đến với Chúa Cha. Đó là lý do tại sao, ngay từ đầu, việc rao giảng của Giáo hội không kết thúc với Chúa Giêsu, mà là với Chúa Cha. Là nguồn mạch và sự viên mãn, Chúa Cha cuối cùng là Đấng được tôn vinh.[53]

71. Ví dụ, nếu chúng ta quay sang Thư gửi tín hữu Êphêsô, chúng ta có thể thấy rõ cách thờ phượng của chúng ta hướng đến Chúa Cha: "Tôi quỳ gối trước mặt Chúa Cha" (3:14). Chỉ có "một Thiên Chúa và là Cha của mọi người, Đấng ngự trên mọi người, qua mọi người và trong mọi người" (4:6). "Hãy tạ ơn Thiên Chúa Cha trong mọi lúc và trong mọi sự" (5:20). Chính Chúa Cha là "Đấng mà vì Người chúng ta hiện hữu" (*1 Cr* 8:6). Theo nghĩa này, Thánh Gioan Phaolô II có thể nói rằng, "toàn bộ đời sống Kitô hữu giống như một cuộc hành hương vĩ đại đến nhà Chúa Cha".[54] Đây cũng là kinh nghiệm của Thánh I-nha-xi-ô thành An-ti-ô-ki-a trên con đường tử đạo của ngài: "Trong tôi không còn tia lửa nào của ham muốn những điều trần tục, nhưng chỉ có tiếng thì thầm của dòng nước sống thì thầm bên trong tôi, 'Hãy đến với Chúa Cha'".[55]

72. Chúa Cha, trên hết mọi sự, là Cha của Chúa Giêsu Kitô: "Chúc tụng Thiên Chúa và là Cha của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta" (*Ep* 1:3). Người là "Thiên Chúa của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, là Cha vinh quang" (*Ep* 1:17). Khi Chúa Con trở thành người, mọi hy vọng và khát vọng của trái tim con người của Người đều hướng về Chúa Cha. Nếu chúng ta xem xét cách Chúa Kitô nói về Chúa Cha, chúng ta có thể nắm bắt được tình yêu và tình cảm mà trái tim con người của Người dành cho Người, sự hướng tâm hoàn toàn và liên tục này về Người. [56] Cuộc sống của Chúa Giêsu giữa chúng ta là một hành trình đáp lại tiếng gọi liên tục của trái tim nhân bản của Người để đến với Chúa Cha. [57]

73. Chúng ta biết rằng từ tiếng Aram mà Chúa Giêsu dùng để xưng hô với Chúa Cha là "*Abba*", một thuật ngữ thân mật và quen thuộc mà một số người thấy khó hiểu (x. *Ga* 5:18). Đó là cách Người xưng hô với Chúa Cha khi bày tỏ nỗi thống khổ của Người trước cái chết sắp xảy ra: "*Abba*, Bố ơi, Bố có thể làm được mọi sự; xin cất chén này xa con; nhưng không phải điều con muốn, mà là điều Bố muốn" (*Mc* 14:36). Chúa Giêsu biết tốt, rằng Người luôn được Chúa Cha yêu thương: "Cha đã yêu thương Con trước khi tạo thành thế gian" (*Ga* 17:24). Trong trái tim nhân bản của Người, Người đã vui mừng khi nghe Chúa Cha nói với Người: "Con là Con yêu dấu của Cha; Cha hài lòng về Con" (*Mc* 1:11).

74. Tin Mừng thứ tư cho chúng ta biết rằng Chúa Con vĩnh cửu luôn "gần gũi với trái tim của Chúa Cha" (*Ga* 1:18).[58] Thánh Irênê tuyên bố rằng "Con Thiên Chúa đã ở với Chúa Cha ngay từ đầu".[59] Về phần mình, Origen cho rằng Chúa Con kiên trì "trong sự chiêm ngưỡng không ngừng về chiều sâu của Chúa Cha".[60] Khi Chúa Con nhập thể, Người đã dành trọn đêm để trò chuyện với Chúa Cha yêu dấu của mình trên đỉnh núi (x. *Lc* 6:12). Người đã nói với chúng ta, "Ta phải ở trong nhà của Cha Ta" (*Lc* 2:49). Chúng ta cũng thấy cách ngài bày tỏ lời ngợi khen của mình: "Đức Giêsu vui mừng trong Chúa Thánh Thần và nói: 'Lạy Cha, Chúa Tể trời đất, Con cảm tạ Cha' (*Lc* 10:21). Những lời cuối cùng của Người, đầy lòng tin tưởng, là: "Lạy Cha, con phó thác hồn con trong tay Cha" (*Lc* 23:46).

75. Bây giờ chúng ta hãy hướng về Chúa Thánh Thần, Đấng có ngọn lửa tràn ngập trái tim của Chúa Kitô. Như Thánh Gioan Phaolô II đã từng nói, trái tim của Chúa Kitô là "kiệt tác của Chúa Thánh Thần".[61] Đây không chỉ đơn thuần là một sự kiện trong quá khứ, vì ngay cả bây giờ "trái tim của Chúa Kitô vẫn sống động với hoạt động của Chúa Thánh Thần, Đấng mà Chúa Giêsu đã gán cho nguồn cảm hứng cho sứ mệnh của Người (x. *Lc* 4:18; Is 61:1) và Người đã hứa sẽ sai Người đến trong Bữa Tiệc Ly. Chính Chúa Thánh Thần giúp chúng ta nắm bắt được sự phong phú của dấu chỉ về cạnh sườn bị đâm thâu của Chúa Kitô, từ đó Giáo hội đã phát sinh (x. *Sacrosanctum Concilium*, 5)".[62] Nói tóm lại, "chỉ có Chúa Thánh Thần mới có thể mở ra trước mắt chúng ta sự trọn vẹn của 'con người bên trong', được tìm thấy trong trái tim của Chúa Kitô. Chỉ một mình Người mới có thể khiến trái tim con

người của chúng ta rút ra sức mạnh từ sự trọn vẹn đó, từng bước một". [63].

76. Nếu chúng ta tìm cách đào sâu hơn vào hoạt động mầu nhiệm của Chúa Thánh Thần, chúng ta sẽ biết rằng Người rên rỉ trong chúng ta, nói rằng "Abba!" Thật vậy, "bằng chứng cho thấy anh em là con cái là Thiên Chúa đã sai Thần Khí của Con Người vào lòng chúng ta, kêu lên rằng: 'Abba! Cha ơi!'" (*Gl* 4:6). Vì "Thần Khí làm chứng với tâm hồn chúng ta rằng chúng ta là con cái của Thiên Chúa" (*Rm* 8:16). Chúa Thánh Thần hoạt động trong trái tim nhân bản của Chúa Kitô không ngừng kéo Người đến với Chúa Cha. Khi Chúa Thánh Thần kết hợp chúng ta với những tình cảm của Chúa Kitô qua ân sủng, Người làm cho chúng ta trở thành những người chia sẻ mối quan hệ của Chúa Con với Chúa Cha, nhờ đó chúng ta nhận được "thần khí làm con nuôi, qua đó chúng ta kêu lên: 'Abba! Lạy Cha!'" (*Rm* 8:15).

77. Mối quan hệ của chúng ta với trái tim của Chúa Kitô do đó đã thay đổi, nhờ sự thúc đẩy của Chúa Thánh Thần, Đấng dẫn dắt chúng ta đến với Chúa Cha, nguồn sống và là nguồn mạch ân sủng tối thượng. Chúa Kitô không mong đợi chúng ta chỉ ở lại trong Người. Tình yêu của Người là "sự mặc khải lòng thương xót của Chúa Cha",[64] và Người mong muốn rằng, được thúc đẩy bởi Chúa Thánh Thần trào dâng từ trái tim Người, chúng ta sẽ lên đến Chúa Cha "với Người và trong Người". Chúng ta tôn vinh Chúa Cha "qua" Chúa Kitô,[65] "với" Chúa Kitô,[66] và "trong" Chúa Kitô.[67] Thánh Gioan Phaolô II đã dạy rằng, "trái tim của Đấng Cứu Thế mời gọi chúng ta trở về với tình yêu của Chúa Cha, là nguồn gốc của mọi tình yêu đích thực".[68] Đây chính xác là điều mà Chúa Thánh Thần, Đấng đến với chúng ta qua trái tim của Chúa Kitô, tìm cách nuôi dưỡng trong trái tim chúng ta. Vì lý do này, phụng vụ, thông qua hoạt động sống động của Chúa Thánh Thần, luôn hướng về Chúa Cha từ trái tim phục sinh của Chúa Kitô.

GIÁO HUẤN GẦN ĐÂY CỦA HUẤN QUYỀN

78. Theo nhiều cách, trái tim của Chúa Kitô luôn hiện diện trong lịch sử linh đạo Kitô giáo. Trong Kinh thánh và trong những thế kỷ đầu của đời sống Giáo hội, trái tim này xuất hiện dưới hình ảnh cạnh sườn bị thương của Chúa, như một nguồn ân sủng và lời kêu gọi đến một cuộc gặp gỡ sâu sắc và yêu thương. Cũng dưới hình thức này, trái tim đã xuất hiện trở lại trong các tác phẩm của nhiều vị thánh, quá khứ và hiện tại. Trong những thế kỷ gần đây, linh đạo này đã dần dần mang hình thức sùng kính cụ thể đối với Thánh Tâm Chúa Giêsu.

79. Một số vị Tiền nhiệm của tôi đã nói theo nhiều cách khác nhau về trái tim của Chúa Kitô và khuyên chúng ta hãy kết hợp với trái tim đó. Vào cuối thế kỷ XIX, Đức Lêô XIII đã khuyến khích chúng ta tận hiến cho Thánh Tâm, qua đó kết hợp lời kêu gọi của chúng ta để kết hợp với Chúa Kitô và sự ngạc nhiên của chúng ta trước sự vĩ đại của tình yêu vô hạn của Người.[69] Khoảng ba mươi năm sau, Đức Piô XI đã trình bày lòng sùng kính này như một "*summa*" [tổng luận] của kinh nghiệm đức tin Kitô giáo.[70] Đức Piô XII tiếp tục tuyên bố rằng việc tôn thờ Thánh Tâm diễn tả theo một cách nổi bật, như một sự tổng hợp cao cả, sự tôn thờ mà chúng ta nợ Chúa Giêsu Kitô.[71]

80. Gần đây hơn, Thánh Gioan Phaolô II đã trình bày sự phát triển của lòng sùng kính này trong những thế kỷ gần đây như một phản ứng trước sự trỗi dậy của các hình thức tâm linh nghiêm ngặt và phi thể xác đã bỏ qua sự phong phú của lòng thương xót của Chúa. Đồng thời, ngài coi đó là lời kêu gọi kịp thời để chống lại những nỗ lực tạo ra một thế giới không còn chỗ cho Thiên Chúa. "Lòng sùng kính Thánh Tâm, như đã phát triển ở châu Âu cách đây hai thế kỷ, dưới sự thúc đẩy của những kinh nghiệm huyền nhiệm của Thánh Margarét Maria Alacoque, là một phản ứng đối với sự nghiêm ngặt của phái Jansen, mà cuối cùng đã bỏ qua lòng thương xót vô hạn của Thiên Chúa... Những người đàn ông và

đàn bà của thiên niên kỷ thứ ba cần trái tim của Chúa Kitô để biết Thiên Chúa và biết chính mình; họ cần nó để xây dựng nền văn minh của tình yêu".[72]

81. Đức Bênêđictô XVI đã yêu cầu chúng ta nhận ra trong trái tim của Chúa Kitô một sự hiện diện thân mật và hàng ngày trong cuộc sống của chúng ta: "Mỗi người cần một 'trung tâm' cho cuộc sống của chính mình, một nguồn chân lý và lòng tốt để khai thác trong các sự kiện, tình huống và cuộc đấu tranh của cuộc sống hàng ngày. Tất cả chúng ta, khi dừng lại trong im lặng, cần cảm nhận không những nhịp đập của trái tim mình, mà sâu hơn nữa, nhịp đập của một sự hiện diện đáng tin cậy, có thể cảm nhận được bằng các giác quan của đức tin và thực tế hơn nhiều: sự hiện diện của Chúa Kitô, trái tim của thế giới".[73]

SUY NGHĨ THÊM VÀ SỰ LIÊN QUAN ĐẾN THỜI ĐẠI CỦA CHÚNG TA

82. Hình ảnh biểu tượng và biểu cảm của trái tim Chúa Kitô không phải là phương tiện duy nhất mà Chúa Thánh Thần ban cho chúng ta để gặp gỡ tình yêu của Chúa Kitô, nhưng như chúng ta đã thấy, đó là một hình ảnh đặc biệt ưu tuyển. Mặc dù vậy, nó liên tục cần được làm phong phú, đào sâu và đổi mới thông qua việc suy gẫm, đọc Tin Mừng và phát triển sự trưởng thành về mặt tâm linh. Đức Piô XII đã nói rõ Giáo hội không tuyên bố rằng, "chúng ta phải chiêm ngưỡng và tôn thờ trong trái tim Chúa Giêsu một hình ảnh 'hình thức', nghĩa là một dấu chỉ hoàn hảo và tuyệt đối về tình yêu thần thiêng của Người, vì bản chất của tình yêu này không thể được diễn tả đầy đủ bằng bất cứ hình ảnh tạo vật nào".[74]

83. Lòng sùng kính trái tim Chúa Kitô là điều thiết yếu đối với đời sống Kitô hữu của chúng ta trong chừng mực nó mô tả sự cởi mở của chúng ta trong đức tin và sự tôn thờ đối với mầu nhiệm tình yêu thần thiêng và nhân bản của Chúa. Theo nghĩa này, chúng ta có thể một lần nữa khẳng định rằng Thánh Tâm là sự tổng hợp của Tin Mừng.[75] Chúng ta cần nhớ rằng những thị kiến hoặc sự tỏ bày huyền nhiệm do một số vị thánh nhiệt thành khuyến khích lòng sùng kính trái tim Chúa Kitô kể lại không phải là điều mà các tín hữu buộc phải tin như thể đó là lời của Chúa.[76] Tuy nhiên, chúng là nguồn khích lệ phong phú và có thể chứng minh là rất có lợi, ngay cả khi không ai cảm thấy bị ép buộc phải tuân theo chúng nếu chúng không chứng minh là hữu ích trên hành trình tâm linh của chính mình. Tuy nhiên, đồng thời, chúng ta nên lưu ý rằng, như Đức Piô XII đã chỉ ra, lòng sùng kính này không thể được cho là "có nguồn gốc từ những mặc khải riêng tư".[77]

84. Ví dụ, việc thúc đẩy việc rước lễ vào thứ Sáu đầu tiên của mỗi tháng đã gửi đi một thông điệp mạnh mẽ vào thời điểm mà nhiều người đã ngừng rước lễ vì họ không còn tin tưởng vào lòng thương xót và sự tha thứ của Chúa và coi việc rước lễ như một loại phần thưởng cho sự hoàn hảo. Trong bối cảnh của thuyết Jansen, việc truyền bá thực hành này đã chứng minh là vô cùng có lợi, vì nó dẫn đến nhận thức rõ ràng hơn rằng trong Bí tích Thánh Thể, tình yêu thương xót và luôn hiện hữu của trái tim Chúa Kitô mời gọi chúng ta kết hợp với Người. Cũng có thể nói rằng việc thực hành này có thể chứng minh lợi ích tương tự trong thời đại của chúng ta, vì một lý do khác. Giữa nhịp sống hối hả của thế giới ngày nay và nỗi ám ảnh của chúng ta với thời gian rảnh rỗi, tiêu dùng và giải trí, điện thoại di động và phương tiện truyền thông xã hội, chúng ta quên nuôi dưỡng cuộc sống của mình bằng sức mạnh của Bí tích Thánh Thể.

85. Mặc dù không ai nên cảm thấy bắt buộc phải dành một giờ để tôn thờ vào mỗi thứ Năm, nhưng việc thực hành này chắc chắn nên được khuyến khích. Khi chúng ta thực hiện điều này với lòng sùng kính, trong sự hiệp nhất với nhiều anh chị em của chúng ta và khám phá trong Bí tích Thánh Thể tình yêu bao la của trái tim Chúa Kitô, chúng ta "cùng với Giáo hội tôn thờ dấu hiệu và biểu hiện của tình yêu

thần thiêng đã đi xa đến mức yêu thương loài người, thông qua trái tim của Ngôi Lời nhập thể". [78]

86. Nhiều người theo chủ nghĩa Jansen thấy điều này khó hiểu, vì họ nhìn mọi sự thuộc về con người, tình cảm và thể xác một cách ngờ vực, và vì vậy coi việc sùng kính này làm chúng ta xa cách sự thờ phượng tinh khiết Thiên Chúa Tối Cao. Đức Piô XII mô tả thái độ của những nhóm coi Chúa là siêu phàm, tách biệt và xa cách đến mức họ coi những biểu hiện tình cảm của lòng mộ đạo bình dân là nguy hiểm và cần sự giám sát của giáo hội là "chủ nghĩa huyền nhiệm giả tạo".

87. Có thể lập luận rằng ngày nay, thay vì chủ nghĩa Jansen, chúng ta thấy mình đang đứng trước một làn sóng tục hóa mạnh mẽ nhằm xây dựng một thế giới không có Thiên Chúa. Trong xã hội của chúng ta, chúng ta cũng đang chứng kiến sự gia tăng của nhiều hình thức tôn giáo khác nhau không liên quan gì đến mối quan hệ bản vị với Chúa tình yêu, mà là những biểu hiện mới của một nền tâm linh phi vật chất. Tôi phải cảnh cáo rằng ngay cả trong Giáo hội, một chủ nghĩa nhị nguyên Jansen tai hại cũng đã tái xuất hiện dưới những hình thức mới. Chủ nghĩa này đã lấy lại được sức mạnh trong những thập niên gần đây, nhưng đó là sự tái phát của chủ nghĩa Ngộ đạo đã chứng tỏ là một mối đe dọa tâm linh rất lớn trong những thế kỷ đầu của Kitô giáo vì nó từ chối thừa nhận thực tại "ơn cứu rỗi xác thịt". Vì lý do này, tôi hướng mắt về trái tim Chúa Kitô và tôi mời gọi tất cả chúng ta hãy đổi mới lòng sùng kính của mình đối với trái tim Chúa Kitô. Tôi hy vọng điều này cũng sẽ thu hút sự nhạy cảm của ngày hôm nay. và do đó giúp chúng ta đối đầu với chủ nghĩa nhị nguyên, cũ và mới, mà lòng sùng kính này đưa ra một phản ứng hữu hiệu.

88. Tôi muốn nói thêm rằng trái tim của Chúa Kitô cũng giải thoát chúng ta khỏi một loại chủ nghĩa nhị nguyên khác được tìm thấy trong các cộng đồng và các mục tử quá bận rộn với các hoạt động bên ngoài, các cải cách cơ cấu ít liên quan đến Tin Mừng, các kế hoạch tái tổ chức đầy ám ảnh, các dự án thế gian, cách suy nghĩ thế tục và các chương trình đầy mệnh lệnh. Kết quả thường là một Kitô giáo bị tước mất sự an ủi dịu dàng của đức tin, niềm vui phục vụ người khác, lòng nhiệt thành của cam kết bản thân đối với sứ mệnh, vẻ đẹp của việc biết Chúa Kitô và lòng biết ơn sâu sắc nảy sinh từ tình bạn mà Người ban tặng và ý nghĩa cuối cùng mà Người ban cho cuộc sống của chúng ta. Đây cũng là biểu thức của một thế giới khác đầy ảo tưởng và không có thân xác.

89. Một khi chúng ta khuất phục trước những thái độ này, rất phổ biến trong thời đại của chúng ta, chúng ta có xu hướng mất đi mọi mong muốn được chữa lành khỏi chúng. Điều này khiến tôi đề nghị với toàn thể Giáo hội một sự suy gẫm mới về tình yêu của Chúa Kitô được thể hiện trong Trái tim Thánh của Người. Vì ở đó chúng ta tìm thấy toàn bộ Tin Mừng, một sự tổng hợp các chân lý đức tin của chúng ta, tất cả những gì chúng ta tôn thờ và tìm kiếm trong đức tin, tất cả những gì đáp ứng nhu cầu sâu sắc nhất của chúng ta.

90. Khi chiêm ngưỡng trái tim của Chúa Kitô, sự tổng hợp nhập thể của Tin Mừng, chúng ta có thể, theo gương của Thánh Têrêsa Hài Đồng Giêsu, "đặt niềm tin chân thành không phải vào chính mình mà vào lòng thương xót vô hạn của Thiên Chúa, Đấng yêu thương chúng ta vô điều kiện và đã ban cho chúng ta mọi thứ trên thập giá của Chúa Giêsu Kitô". [80] Thánh Têrêsa đã có thể làm điều này vì bà đã khám phá ra trong trái tim của Chúa Kitô rằng Thiên Chúa là tình yêu: "Người đã ban cho tôi lòng thương xót vô hạn của Người, và qua đó, tôi chiêm ngưỡng và tôn thờ những sự hoàn hảo khác của Thiên Chúa". [81] Đó là lý do tại sao một lời cầu nguyện phổ biến, hướng như một mũi tên về phía trái tim của Chúa Kitô, chỉ đơn giản nói rằng: "Lạy Chúa Giêsu, con tin tưởng vào Người". [82] Không cần bất cứ lời nào khác.

91. Trong các chương sau, chúng ta sẽ nhấn mạnh hai khía cạnh thiết yếu mà lòng sùng kính Thánh

Tâm hiện đại cần kết hợp, để nó có thể tiếp tục nuôi dưỡng chúng ta và đưa chúng ta đến gần hơn với Tin Mừng: kinh nghiệm tâm linh bản thân và cam kết truyền giáo cộng đồng.

CHƯƠNG BỐN: MỘT TÌNH YÊU TẶNG CHÍNH MÌNH NHƯ THỨC UỐNG

92. Bây giờ chúng ta hãy quay lại với Kinh thánh, các bản văn được linh hứng, nơi mà trên hết, chúng ta gặp gỡ mặc khải của Thiên Chúa. Ở đó, và trong Truyền thống sống động của Giáo hội, chúng ta nghe những gì Chúa muốn nói với chúng ta trong suốt chiều dài lịch sử. Bằng cách đọc một số bản văn từ Cựu Ước và Tân Ước, chúng ta sẽ hiểu sâu hơn về lời Chúa đã hướng dẫn cuộc hành hương tâm linh vĩ đại của dân Người qua nhiều thời đại.

MỘT VỊ THIÊN CHÚA KHÁT TÌNH YÊU

93. Kinh thánh cho thấy rằng những người đã đi qua sa mạc và khao khát tự do đã nhận được lời hứa về một nguồn nước dồi dào mang lại sự sống: "Với niềm vui, bạn sẽ múc nước từ các nguồn cứu độ" (*Is* 12:3). Các lời tiên tri về Đấng cứu thế dần dần hợp nhất xung quanh hình ảnh nước thanh tẩy: "Ta sẽ rảy nước trong sạch trên các ngươi, và các ngươi sẽ được sạch… Ta sẽ đặt một tinh thần mới trong các ngươi" (*Edk* 36:25-26). Nước này sẽ ban cho dân Chúa sự sống trọn vẹn, giống như một nguồn nước chảy ra từ Đền thờ và mang theo sự sống và sự cứu rỗi dồi dào. "Ta thấy trên bờ sông có rất nhiều cây cối ở bên này và bên kia… và bất cứ nơi nào dòng sông chảy qua, mọi sinh vật đều sẽ sống… và khi dòng sông chảy vào biển, nước của nó sẽ trở nên trong lành; mọi thứ sẽ sống ở nơi dòng sông chảy qua" (*Edk* 47:7-9).

94. Lễ Lều Tạm (*Sukkot*) của người Do Thái, tưởng nhớ đến bốn mươi năm lưu trú của Israel trong sa mạc, dần dần đã áp dụng biểu tượng của nước làm yếu tố trung tâm. Nó bao gồm nghi lễ dâng nước vào mỗi buổi sáng, trở nên trang trọng nhất vào ngày cuối cùng của lễ hội, khi một đoàn rước lớn tiến về Đền thờ, bàn thờ được đi vòng quanh bảy lần và nước được dâng lên Chúa trong tiếng reo mừng lớn. [83]

95. Bình minh của kỷ nguyên cứu thế được mô tả như một nguồn nước tuôn trào cho dân chúng: "Ta sẽ đổ một tinh thần thương xót và cầu xin trên nhà Đa-vít và dân cư Giêrusalem, và họ sẽ nhìn lên Đấng mà họ đã đâm… Vào ngày đó, một nguồn nước sẽ được mở ra cho nhà Đa-vít và dân cư Giêrusalem, để thanh tẩy họ khỏi tội lỗi và sự ô uế" (*Dcr* 12:10; 13:1).

96. Một người bị đâm, một nguồn nước chảy, sự tuôn trào của một tinh thần thương xót và cầu xin: các Ki-tô hữu đầu tiên chắc chắn coi những lời hứa này đã được ứng nghiệm nơi cạnh sườn bị đâm của Chúa Kitô, nguồn mạch của sự sống mới. Trong Tin Mừng Gioan, chúng ta chiêm nghiệm về sự ứng nghiệm đó. Từ cạnh sườn bị thương của Chúa Giêsu, nước của Thánh Thần tuôn trào: "Một trong những người lính lấy giáo đâm vào cạnh sườn Người, tức thì máu và nước chảy ra" (*Ga* 19:34). Sau đó, tin mừng gia nhắc lại lời tiên tri đã nói về một suối nước mở ra ở Giêrusalem và người bị đâm thủng (*Ga* 19:37; xem *Dcr* 12:10). Suối nước mở ra là cạnh sườn bị thương của Chúa Kitô.

97. Trước đó, Tin Mừng Gioan đã nói về sự kiện này, khi vào "ngày cuối cùng của lễ hội" (*Ga* 7:37), Chúa Giêsu đã kêu lên với những người đang mừng cuộc rước kiệu lớn: "Ai khát hãy đến cùng Ta và uống… từ trái tim Người sẽ tuôn chảy những dòng nước hằng sống" (*Ga* 7:37-38). Tuy nhiên, để điều này được hoàn thành, thì "giờ" của Chúa Giêsu phải đến, vì Người "vẫn chưa được tôn vinh" (*Ga* 7:39). Sự hoàn thành đó phải đến trên thập giá, trong máu và nước chảy ra từ cạnh sườn Chúa.

98. Sách Khải Huyền tiếp tục những lời tiên tri về người bị đâm thâu và nguồn nước: "mọi mắt sẽ thấy Người, ngay cả những kẻ đã đâm Người" (*Khải Huyền* 1:7); "Ai khát hãy đến; ai muốn hãy nhận lấy nước sự sống làm quà tặng" (*Khải Huyền* 22:17).

99. Cạnh sườn bị đâm thủng của Chúa Giêsu là nguồn tình yêu mà Thiên Chúa đã tỏ lộ cho dân Người theo vô số cách. Bây giờ chúng ta hãy nhớ lại một số lời của Người:

"Vì ngươi quý giá trước mắt Ta và được tôn trọng, nên Ta yêu ngươi" (*Is* 43:4).

"Người phụ nữ nào quên được đứa con đang bú, hay không thương xót đứa con ruột mình? Cho dù chúng có quên, thì Ta cũng không quên ngươi. Này, Ta đã ghi khắc ngươi trong lòng bàn tay Ta" (*Is* 49:15-16).

"Vì núi có thể dời, đồi có thể chuyển, nhưng tình yêu thương của Ta đối với ngươi sẽ không rời khỏi ngươi, và giao ước bình an của Ta sẽ không bị hủy bỏ" (*Is* 54:10).

"Ta đã yêu ngươi bằng tình yêu vĩnh cửu; nên Ta vẫn trung thành với ngươi" (*Giê-rê-mi-a* 31:3).

"Chúa, Thiên Chúa của ngươi, ở giữa ngươi, là chiến binh ban cho ngươi chiến thắng; Người sẽ vui mừng vì ngươi, Người sẽ đổi mới ngươi trong tình yêu của Người; Người sẽ reo mừng vì ngươi với tiếng hát lớn" (*Xô-phô-ni-a* 3:17).

100. Tiên tri Hô-sê còn đi xa hơn khi nói về trái tim của Thiên Chúa, Đấng "dẫn dắt họ bằng dây nhân từ, bằng dây yêu thương" (*Hô-sê* 11:4). Khi tình yêu đó bị khinh thường, Chúa có thể nói, "Lòng Ta rung động trong Ta; lòng thương xót của Ta trở nên ấm áp và dịu dàng (*Hô-sê* 11:8). Tình yêu thương xót của Thiên Chúa luôn chiến thắng (x. *Hô-sê* 11:9), và tình yêu đó đã tìm thấy sự biểu lộ cao cả nhất của nó trong Chúa Kitô, Lời tình yêu dứt khoát của Người.

101. Trái tim bị đâm thủng của Chúa Kitô hiện thân cho tất cả những lời tuyên bố về tình yêu của Thiên Chúa có trong Kinh thánh. Tình yêu đó không những là vấn đề của lời nói; đúng hơn, cạnh sườn mở ra của Con Người là nguồn sống cho những ai Người yêu, là nguồn mạch giải tỏa cơn khát của dân Người. Như Thánh Gioan Phaolô II đã chỉ ra, "các yếu tố thiết yếu của lòng sùng kính [đối với Thánh Tâm] thuộc về một cách thức lâu dài đối với linh đạo của Giáo hội trong suốt lịch sử của mình; vì ngay từ đầu, Giáo hội đã hướng về trái tim của Chúa Kitô bị đâm thâu trên Thập giá". [84]

TIẾNG VANG CỦA LỜI TRONG LỊCH SỬ

102. Chúng ta hãy xem xét một số cách mà trong lịch sử đức tin Kitô giáo, những lời tiên tri này được hiểu là đã được ứng nghiệm. Nhiều Giáo phụ của Giáo hội, đặc biệt là những vị ở Tiểu Á, đã nói về cạnh sườn bị thương của Chúa Giêsu như nguồn nước của Chúa Thánh Thần: lời, ân sủng của lời và các bí tích truyền đạt lời. Lòng can đảm của các vị tử đạo được sinh ra từ "nguồn nước hằng sống trên trời chảy ra từ cạnh sườn của Chúa Kitô" [85] hoặc, theo phiên bản của Rufinus, "những dòng nước thiên đàng và vĩnh cửu chảy ra từ trái tim của Chúa Kitô". [86] Các tín hữu chúng ta được tái sinh trong Chúa Thánh Thần, xuất hiện từ khe nứt trên đá; "chúng ta đã xuất hiện từ trái tim của Chúa Kitô". [87] Cạnh sườn bị thương của Người, được hiểu là trái tim Người, tràn đầy Chúa Thánh Thần, đến với chúng ta như một dòng nước hằng sống. "Nguồn mạch của Chúa Thánh Thần hoàn toàn ở trong Chúa Kitô". [88] Tuy nhiên, Chúa Thánh Thần mà chúng ta đã lãnh nhận không làm chúng ta xa cách Chúa Phục sinh, nhưng lấp đầy chúng ta bằng sự hiện diện của Người, vì khi uống Chúa Thánh Thần, chúng

ta uống chính Chúa Kitô đó. Theo lời của Thánh Am-brô-siô: "Hãy uống Chúa Kitô, vì Người là tảng đá tuôn trào dòng nước. Hãy uống Chúa Kitô, vì Người là nguồn sự sống. Hãy uống Chúa Kitô, vì Người là dòng sông có dòng suối làm vui mừng kinh thành Thiên Chúa. Hãy uống Chúa Kitô, vì Người là bình an của chúng ta. Hãy uống Chúa Kitô, vì từ cạnh sườn Người chảy ra dòng nước hằng sống". [89]

103. Thánh Augustinô đã mở đường cho lòng sùng kính Thánh Tâm như là nơi chúng ta gặp gỡ Chúa một cách bản vị. Đối với Thánh Augustinô, cạnh sườn bị thương của Chúa Kitô không những là nguồn ân sủng và các bí tích, mà còn là biểu tượng cho sự kết hợp mật thiết của chúng ta với Chúa Kitô, bối cảnh của một cuộc gặp gỡ tình yêu. Ở đó chúng ta tìm thấy nguồn gốc của sự khôn ngoan quý giá nhất trong tất cả, đó là sự hiểu biết về Người. Trên thực tế, Thánh Augustinô viết rằng Thánh Gioan, môn đệ được yêu mến, ngả đầu vào lòng Chúa Giêsu trong Bữa Tiệc Ly, đã đến gần nơi bí mật của sự khôn ngoan. [90] Ở đây chúng ta không những có sự chiêm nghiệm về mặt trí tuệ đối với một chân lý thần học trừu tượng. Như Thánh Giê-rô-ni-mô giải thích, một người có khả năng chiêm nghiệm "không thích thú với vẻ đẹp của dòng nước đó, nhưng uống nước hằng sống chảy ra từ cạnh sườn của Chúa". [91]

104. Thánh Bernard tiếp nối tính biểu tượng của cạnh sườn bị đâm thủng của Chúa và hiểu rõ ràng đó là sự mặc khải và tuôn đổ toàn bộ tình yêu của trái tim Người. Qua vết thương này, Chúa Kitô mở lòng mình ra với chúng ta và cho phép chúng ta chiếm hữu mầu nhiệm vô biên của tình yêu và lòng thương xót của Người: "Tôi lấy từ lòng Chúa những gì còn thiếu đối với tôi, vì lòng Người tràn đầy lòng thương xót qua những lỗ hổng mà chúng chảy qua. Những kẻ đóng đinh Người đã đâm thủng tay chân Người, chúng đâm thủng cạnh sườn Người bằng một ngọn giáo. Và qua những lỗ hổng đó, tôi có thể nếm được mật ong rừng và dầu từ những tảng đá lửa, nghĩa là tôi có thể nếm và thấy rằng Chúa là tốt lành… Một ngọn giáo đã xuyên qua tâm hồn Người thậm chí đến tận vùng tim Người. Người không còn có thể thương hại sự yếu đuối của tôi nữa. Những vết thương trên thân xác Người đã tiết lộ cho chúng ta những bí mật trong trái tim Người; chúng cho phép chúng ta chiêm ngưỡng mầu nhiệm vĩ đại của lòng cảm thương của Người". [92]

105. Chủ đề này tái hiện đặc biệt trong William thành Saint-Thierry, người mời chúng ta bước vào trái tim Chúa Giêsu, Đấng nuôi dưỡng chúng ta từ chính bầu ngực của Người. [93] Điều này không có gì đáng ngạc nhiên nếu chúng ta nhớ lại rằng đối với William, "nghệ thuật của nghệ thuật là nghệ thuật của tình yêu… Tình yêu được Đấng Tạo Hóa của thiên nhiên đánh thức, và là sức mạnh của tâm hồn dẫn dắt nó, như thể bằng sức nặng tự nhiên của nó, đến đúng nơi và đích đến của nó". [94] Nơi thích hợp đó, nơi tình yêu ngự trị trọn vẹn, chính là trái tim của Chúa Kitô: "Lạy Chúa, Chúa dẫn dắt những người mà Chúa ôm ấp và nắm chặt vào trái tim Chúa tới đâu? Trái tim Chúa, Chúa Giêsu, là bánh manna ngọt ngào của thiên tính Chúa mà Chúa giữ trong chiếc bình vàng của tâm hồn Chúa (x. *Dt* 9:4), và điều đó vượt quá mọi hiểu biết. Hạnh phúc cho những ai, sau khi lao mình vào vực sâu đó, đã được Chúa ẩn giấu trong góc sâu của trái tim Chúa". [95]

106. Thánh Bonaventura hợp nhất hai luồng tâm linh này. Ngài trình bày trái tim Chúa Kitô như nguồn gốc của các bí tích và ân sủng, và thúc giục để việc chúng ta chiêm ngưỡng trái tim đó phải trở thành mối quan hệ giữa những người bạn, một cuộc gặp gỡ bản vị của tình yêu.

107. Trước hết, Thánh Bonaventura khiến chúng ta trân trọng vẻ đẹp của ân sủng và các bí tích tuôn chảy từ nguồn sự sống là cạnh sườn bị thương của Chúa. "Để từ cạnh sườn của Chúa Kitô đang ngủ trên thập giá, Giáo hội có thể được hình thành và Kinh thánh ứng nghiệm khi nói rằng: 'Họ sẽ nhìn lên Đấng mà họ đã đâm thâu', một trong những người lính đã đâm Người bằng một ngọn giáo và mở cạnh

sườn Người ra. Điều này được Chúa quan phòng cho phép để, trong máu và nước chảy ra từ vết thương đó, giá cứu rỗi của chúng ta có thể chảy ra từ nguồn mạch ẩn giấu trong trái tim Người, giúp các bí tích của Giáo hội ban sự sống ân sủng và do đó, đối với những ai sống trong Chúa Kitô, giống như một chiếc ly đầy từ nguồn sống trào lên sự sống vĩnh cửu". [96]

108. Sau đó, Thánh Bonaventura yêu cầu chúng ta thực hiện một bước nữa, để việc chúng ta tiếp cận ân sủng không bị coi là một loại phép thuật hay sự phát xuất tân Pla-tông, mà đúng hơn là một mối quan hệ trực tiếp với Chúa Kitô, một nơi trú ngụ trong trái tim Người, để bất cứ ai uống từ nguồn đó đều trở thành bạn của Chúa Kitô, một trái tim yêu thương. "Vậy, hỡi linh hồn là bạn của Chúa Kitô, hãy trỗi dậy, và hãy là chim bồ câu làm tổ trong khe đá; hãy là chim sẻ tìm được một ngôi nhà và liên tục canh chừng; hãy là chim gáy che chở đứa con của tình yêu trong trắng của mình trong khe đá thánh thiện nhất đó". [97]

SỰ LAN TRUYỀN CỦA LÒNG SÙNG KÍNH TRÁI TIM CHÚA KITÔ

109. Dần dần, cạnh sườn bị thương của Chúa Kitô, là nơi trú ngụ của tình yêu và là nguồn sống ân sủng, bắt đầu gắn liền với trái tim của Người, đặc biệt là trong đời sống tu trì. Chúng ta biết rằng trong suốt chiều dài lịch sử, lòng sùng kính trái tim Chúa Kitô không phải lúc nào cũng được thể hiện theo cùng một cách, và những phát triển hiện đại của lòng sùng kính này, liên quan đến nhiều trải nghiệm tâm linh, không thể bắt nguồn trực tiếp từ các hình thức thời trung cổ, càng không phải là các hình thức Kinh thánh mà chúng ta thoáng thấy hạt giống của lòng sùng kính đó. Mặc dù vậy, Giáo hội ngày nay không từ chối bất cứ điều gì tốt lành mà Chúa Thánh Thần đã ban cho chúng ta qua nhiều thế kỷ, vì Giáo hội biết rằng chúng ta luôn có thể nhận ra ý nghĩa rõ ràng và sâu sắc hơn trong một số khía cạnh của lòng sùng kính đó, và đạt được những hiểu biết mới theo thời gian.

110. Một số phụ nữ thánh thiện, khi kể lại những trải nghiệm của họ về cuộc gặp gỡ với Chúa Kitô, đã nói về việc nghỉ ngơi trong trái tim Chúa như nguồn sống và sự bình an nội tâm. Đây là trường hợp của các Thánh Lutgarde và Mechtilde thành Hackeborn, Thánh Angela thành Foligno và Thánh Julian thành Norwich, chỉ kể đến một vài vị. Thánh Gertrude thành Helfta, một nữ tu dòng Xitô, kể về một lần cầu nguyện khi bà tựa đầu vào trái tim Chúa Kitô và nghe thấy tiếng đập của nó. Trong một cuộc đối thoại với Thánh Gioan Tông đồ, bà đã hỏi ngài tại sao ngài không mô tả trong Tin Mừng của mình những gì ngài đã trải qua khi làm như vậy. Thánh Gertrude kết luận rằng "âm thanh ngọt ngào của những nhịp đập trái tim đó đã được dành riêng cho thời hiện đại, để khi nghe thấy chúng, thế giới đang già đi và hâm hấp của chúng ta có thể được đổi mới trong tình yêu của Thiên Chúa". [98] Chúng ta có thể nghĩ rằng đây thực sự là một thông điệp cho thời đại của chúng ta, một lời kêu gọi nhận ra rằng thế giới của chúng ta thực sự đã "già đi" và cần phải nhận thức lại thông điệp về tình yêu của Chúa Kitô không? Thánh Gertrude và Thánh Mechtilde đã được kể vào số "những người bạn tâm giao thân thiết nhất của Thánh Tâm". [99]

111. Các tu sĩ dòng Carthusians, được khuyến khích hơn hết bởi Ludolph thành Saxony, đã tìm thấy lòng sùng kính Thánh Tâm là phương tiện để phát triển tình cảm và sự gần gũi với Chúa Kitô. Tất cả những ai bước vào qua vết thương của trái tim Người đều được đốt cháy tình yêu. Thánh Ca-ta-ri-na thành Siena đã viết rằng những đau khổ của Chúa là điều chúng ta không thể hiểu được, nhưng trái tim rộng mở của Chúa Kitô cho phép chúng ta có một cuộc gặp gỡ bản thân sống động với tình yêu vô biên của Người. "Ta muốn tiết lộ cho con bí mật của trái tim Ta, cho phép con thấy nó mở ra, để con có thể hiểu rằng Ta đã yêu con nhiều hơn những gì Ta có thể chứng minh với con bằng nỗi đau khổ mà Ta đã từng chịu đựng". [100]

112. Lòng sùng kính trái tim Chúa Kitô dần vượt ra khỏi các bức tường của các đan viện để làm phong phú thêm đời sống tâm linh của các thầy dạy thánh thiện, các nhà thuyết giáo và những người sáng lập các dòng tu, những người sau đó đã truyền bá nó đến tận cùng trái đất. [101]

113. Đặc biệt có ý nghĩa là sáng kiến của Thánh Gioan Eudes, người, "sau khi rao giảng cùng các anh em của mình về một sứ mệnh nhiệt thành ở Rennes, đã thuyết phục giám mục của giáo phận đó chấp thuận việc cử hành lễ Trái tim đáng kính của Chúa Giêsu Kitô. Đây là lần đầu tiên một lễ như vậy được chính thức cho phép trong Giáo hội. Sau đó, trong khoảng thời gian từ năm 1670 đến năm 1671, các giám mục của Coutances, Evreux, Bayeux, Lisieux và Rouen đã cho phép cử hành lễ này cho các giáo phận tương ứng của họ". [102]

THÁNH PHANXICÔ DE SALES

114. Trong thời hiện đại, cần phải nhắc đến sự đóng góp quan trọng của Thánh Phanxicô de Sales. Thánh Phanxicô thường chiêm ngưỡng trái tim rộng mở của Chúa Kitô, mời gọi chúng ta sống trong đó, trong một mối quan hệ yêu thương bản thân từng soi sáng những mầu nhiệm trong cuộc đời của ngài. Trong các tác phẩm của ngài, vị Tiến sĩ thánh thiện của Giáo hội phản đối một nền đạo đức nghiêm ngặt và một lòng đạo đức theo luật lệ bằng cách trình bày trái tim của Chúa Giêsu như một lời kêu gọi tin tưởng hoàn toàn vào sự vận hành mầu nhiệm của ân sủng của Người. Chúng ta thấy điều này được diễn đạt trong lá thư của ngài gửi cho Thánh Jane Francis de Chantal: "Tôi chắc chắn rằng chúng ta sẽ không còn ở trong chính mình nữa… nhưng sẽ mãi mãi ở trong cạnh sườn bị thương của Chúa, vì nếu không có Người, chúng ta không những không thể làm gì, mà ngay cả khi có thể, chúng ta cũng sẽ thiếu lòng mong muốn làm bất cứ điều gì". [103]

115. Đối với Thánh Phanxicô de Sales, lòng sùng kính đích thực không liên quan gì đến mê tín hay lòng đạo đức hời hợt, vì nó bao hàm một mối quan hệ bản thân trong đó mỗi người chúng ta cảm thấy được Chúa Kitô biết đến và yêu thương một cách độc đáo và đích thân. "Trái tim đáng yêu và đáng mến nhất này của Chúa chúng ta, cháy bỏng tình yêu mà Người tuyên xưng với chúng ta, [là] một trái tim mà trên đó tất cả tên của chúng ta được viết… Chắc chắn đó là nguồn an ủi sâu sắc khi biết rằng chúng ta được Chúa yêu thương sâu sắc đến vậy, Người luôn mang chúng ta trong trái tim Người". [104] Với hình ảnh tên chúng ta được khắc trên trái tim của Chúa Kitô, Thánh Phanxicô đã tìm cách diễn tả mức độ mà tình yêu của Chúa Kitô dành cho mỗi người chúng ta không phải là điều gì đó trừu tượng và chung chung, mà hoàn toàn mang tính đích thân, giúp mỗi tín hữu cảm thấy được biết đến và tôn trọng vì chính con người của mình. "Thiên đường này thật đáng yêu biết bao, nơi Chúa là mặt trời và ngực Người là nguồn tình yêu mà những người được chúc phúc uống thỏa thích! Mỗi người chúng ta có thể nhìn vào đó và thấy tên mình được khắc trong những chữ tình yêu, mà chỉ có tình yêu đích thực mới có thể đọc được và tình yêu đích thực mới viết ra. Lạy Chúa! Và còn gì nữa, con gái yêu dấu, về những người thân yêu của chúng ta? Chắc chắn họ cũng sẽ ở đó; vì ngay cả khi trái tim chúng ta không có tình yêu, thì chúng vẫn có một khát vọng về tình yêu và những khởi đầu của tình yêu". [105]

116. Phanxicô coi trải nghiệm về tình yêu của Chúa Kitô này là điều thiết yếu đối với đời sống tâm linh, thực sự là một trong những chân lý vĩ đại của đức tin: "Vâng, con gái yêu dấu của ta, Người nghĩ đến con và không chỉ con, mà cả sợi tóc nhỏ nhất trên đầu con: đây là một điều khoản của đức tin và không được nghi ngờ bất cứ cách nào". [106] Theo đó, tín hữu có khả năng phó thác hoàn toàn vào trái tim của Chúa Kitô, nơi mà họ tìm thấy sự nghỉ ngơi, an ủi và sức mạnh: "Lạy Chúa! Thật hạnh phúc biết bao khi được ôm ấp và ngả mình vào lòng Đấng Cứu Thế. Hãy ở lại như vậy, con gái yêu dấu, và giống như một đứa trẻ khác, Thánh Gioan, trong khi những người khác đang nếm những loại thức ăn khác nhau trên bàn tiệc của Chúa, hãy đặt đầu, tâm hồn và tinh thần của bạn, trong một cử chỉ hoàn

toàn tin tưởng, vào lòng yêu thương của Chúa yêu dấu này". [107] "Cha hy vọng rằng con đang nghỉ ngơi trong khe chim gáy và trong cạnh sườn bị đâm thủng của Đấng Cứu Thế yêu dấu của chúng ta… Chúa này tốt lành biết bao, con gái yêu dấu của cha! Trái tim của Người yêu thương biết bao! Chúng ta hãy ở lại đây, trong nơi ở thánh thiện này". [108]

117. Đồng thời, trung thành với giáo huấn của mình về sự thánh hóa cuộc sống bình thường, Thánh Phanxicô đề xuất rằng trải nghiệm này diễn ra giữa các hoạt động, nhiệm vụ và nghĩa vụ của cuộc sống hàng ngày của chúng ta. "Con hỏi cha rằng những linh hồn bị thu hút trong lời cầu nguyện đến sự đơn sơ thánh thiện này, đến sự phó thác hoàn toàn này vào Chúa, nên cư xử như thế nào trong mọi hành động của họ? Cha sẽ trả lời rằng, không những trong thực hành, nhưng cũng trong cách cư xử của cuộc sống hàng ngày, họ nên luôn tiến triển trong tinh thần giản dị, từ bỏ và hoàn toàn phó thác linh hồn, hành động và thành tựu của mình cho ý muốn của Chúa. Và làm như vậy với một tình yêu được đánh dấu bằng sự tin tưởng hoàn hảo và tuyệt đối, từ bỏ bản thân cho ân sủng và sự chăm sóc của tình yêu vĩnh cửu mà Chúa Quan phòng dành cho họ". [109]

118. Vì lý do này, khi tìm kiếm một biểu tượng để truyền tải viễn kiến của ngài về đời sống tâm linh, Thánh Phanxicô de Sales đã kết luận: "Tôi đã nghĩ, Mẹ yêu dấu, nếu Mẹ đồng ý, rằng chúng ta nên lấy biểu tượng là một trái tim duy nhất bị đâm thủng bởi hai mũi tên, toàn bộ được bao bọc trong một vương miện gai". [110]

MỘT TUYÊN NGÔN MỚI VỀ TÌNH YÊU

119. Dưới ảnh hưởng lành mạnh của linh đạo de Sales này, các sự kiện của Paray-le-Monial đã diễn ra vào cuối thế kỷ XVII. Thánh Mar-ga-rét Maria Alacoque đã tường thuật một loạt các lần hiện ra đáng chú ý của Chúa Kitô giữa cuối tháng 12 năm 1673 và tháng 6 năm 1675. Nền tảng của những lần hiện ra này là một tuyên bố về tình yêu nổi bật trong lần hiện ra đầu tiên. Chúa Giêsu nói: "Trái tim thần thánh của Ta cháy bỏng tình yêu dành cho loài người, và đặc biệt dành cho con, đến nỗi, không còn có thể chứa đựng trong chính mình ngọn lửa của lòng bác ái nồng nhiệt, nó phải tuôn đổ chúng qua con và được biểu lộ cho họ, để làm giàu cho họ bằng những kho tàng quý giá mà Ta hiện đang tiết lộ cho con". [111]

120. Lời tường thuật của Thánh Mar-ga-rét Maria rất mạnh mẽ và vô cùng cảm động: "Người đã tiết lộ cho tôi những điều kỳ diệu trong tình yêu của Người và những bí mật không thể giải thích được của Trái tim thần thiêng của Người mà Người đã giấu kín với tôi cho đến khi Người mở nó ra cho tôi lần đầu tiên, một cách ấn tượng và hợp lý đến nỗi Người không để tôi có chỗ nào để nghi ngờ". [112] Trong những lần hiện ra sau đó, thông điệp an ủi đó đã được nhắc lại: "Người đã tiết lộ cho tôi những điều kỳ diệu không thể diễn tả được của tình yêu thuần khiết của Người và điều đó đã dẫn Người đến mức nào để yêu nhân loại". [113]

121. Nhận thức mạnh mẽ này về tình yêu của Chúa Giêsu Kitô mà Thánh Mar-ga-rét Maria để lại cho chúng ta có thể thúc đẩy chúng ta kết hợp chặt chẽ hơn với Người. Chúng ta không cần phải cảm thấy có nghĩa vụ phải chấp nhận hoặc chiếm đoạt mọi chi tiết trong trải nghiệm tâm linh của bà, trong đó, như thường xảy ra, sự can thiệp của Thiên Chúa kết hợp với các yếu tố của con người liên quan đến những mong muốn, mối quan tâm và hình ảnh nội tâm của cá nhân. [114] Những trải nghiệm như vậy phải luôn được diễn giải dưới ánh sáng của Tin Mừng và truyền thống tâm linh phong phú của Giáo hội, ngay cả khi chúng ta thừa nhận những điều tốt đẹp mà chúng mang lại cho nhiều anh chị em của chúng ta. Theo cách này, chúng ta có thể nhận ra những ân huệ của Chúa Thánh Thần hiện diện trong những trải nghiệm về đức tin và tình yêu đó. Quan trọng hơn bất cứ chi tiết riêng lẻ nào là cốt lõi của thông điệp được truyền lại cho chúng ta, có thể được tóm tắt trong những lời mà Thánh Mar-ga-rét Maria đã nghe: "Đây là trái tim đã yêu thương con người đến nỗi không tiếc bất cứ điều gì, thậm chí còn tự làm trống rỗng và tiêu hao chính mình để cho họ thấy tình yêu của mình". [115]

122. Do đó, sự hiện ra này mời gọi chúng ta phát triển trong cuộc gặp gỡ của mình với Chúa Kitô, đặt trọn niềm tin vào tình yêu của Người, cho đến khi chúng ta đạt được sự kết hợp trọn vẹn và dứt khoát với Người. "Cần thiết là trái tim thần linh của Chúa Giêsu theo một cách nào đó thay thế trái tim của chúng ta; rằng chỉ có Người sống và hoạt động trong chúng ta và vì chúng ta; rằng ý muốn của Người… hoạt động hoàn toàn và không có bất cứ sự kháng cự nào từ phía chúng ta; và cuối cùng là tình cảm, suy nghĩ và mong muốn của Người thay thế cho tình cảm, suy nghĩ và mong muốn của chúng ta, đặc biệt là tình yêu của Người, để Người được yêu trong chính Người và vì chúng ta. Và vì vậy, trái tim đáng yêu này là tất cả trong tất cả của chúng ta, chúng ta có thể nói với Thánh Phaolô rằng chúng ta không còn sống cuộc sống của riêng mình nữa, nhưng chính Người sống trong chúng ta". [116]

123. Trong thông điệp đầu tiên mà Thánh Mar-ga-rét Maria nhận được, lời mời này đã được diễn tả bằng những từ ngữ sống động, nồng nhiệt và yêu thương. "Người đã xin trái tim tôi, tôi đã xin Người lấy, Người đã làm thế và sau đó đặt tôi vào trái tim đáng kính của Người, từ đó Người khiến tôi thấy trái tim mình như một nguyên tử nhỏ bị thiêu rụi trong lò lửa của Người". [117]

124. Ở một điểm khác, chúng ta thấy Đấng hiến mình cho chúng ta là Chúa Kitô phục sinh và vinh quang, tràn đầy sự sống và ánh sáng. Nếu thực sự, vào những thời điểm khác nhau, Người đã nói về nỗi đau khổ mà Người phải chịu vì chúng ta và về sự vô ơn mà nó phải chịu, thì những gì chúng ta thấy ở đây không phải là máu và vết thương đau đớn của Người, mà đúng hơn là ánh sáng và ngọn lửa của Chúa sự sống. Những vết thương của cuộc khổ nạn không biến mất, nhưng giờ đây đã được biến hình. Ở đây chúng ta thấy mầu nhiệm vượt qua trong tất cả sự huy hoàng của nó: "Một lần, khi Mình Thánh Chúa được bày ra, Chúa Giêsu hiện ra, rực rỡ trong vinh quang, với năm vết thương của Người trông giống như rất nhiều mặt trời rực sáng từ nhân tính thánh thiện của Người, nhưng trên hết là từ bộ ngực đáng yêu của Người, trông giống như một lò lửa. Mở áo choàng, Người để lộ trái tim yêu thương và đáng yêu nhất của Người, đó là nguồn sống của những ngọn lửa đó. Sau đó, tôi đã khám phá ra những điều kỳ diệu không thể diễn tả được của tình yêu thuần khiết của Người, mà Người yêu thương con người đến cùng, nhưng chỉ nhận được từ họ sự vô ơn và thờ ơ". [118]

THÁNH CLAUDE DE LA COLOMBIÈRE

125. Khi Thánh Claude de La Colombière học được các trải nghiệm của Thánh Mar-ga-rét Maria, ngài đã ngay lập tức bảo vệ bà và bắt đầu truyền bá thông tin về các lần hiện ra. Thánh Claude đã đóng một vai trò đặc biệt trong việc phát triển sự hiểu biết về lòng sùng kính Thánh Tâm và ý nghĩa của nó dưới ánh sáng Tin Mừng.

126. Một số ngôn ngữ của Thánh Mar-ga-rét Maria, nếu không được hiểu rõ, có thể gợi ý về sự tin tưởng không đúng mực vào những hy sinh và lễ vật cá nhân của chúng ta. Thánh Claude nhấn mạnh rằng việc chiêm ngưỡng trái tim Chúa Giêsu, khi chân thực, không gây ra sự tự mãn hay sự tự tin phù phiếm vào những trải nghiệm của riêng chúng ta hoặc những nỗ lực của con người, mà đúng hơn là sự phó thác không thể diễn tả được vào Chúa Kitô, điều này lấp đầy cuộc sống của chúng ta bằng sự bình an, an toàn và quyết tâm. Ngài đã bày tỏ sự tự tin tuyệt đối này một cách hùng hồn nhất trong một lời cầu nguyện nổi tiếng:

"Lạy Chúa, con tin chắc rằng Chúa luôn dõi theo những ai hy vọng vào Chúa, và rằng chúng con không thể thiếu thốn điều gì khi chúng con tìm kiếm mọi thứ nơi Chúa, rằng trong tương lai, con quyết tâm sống tự do khỏi mọi lo lắng và trao mọi nỗi lo lắng của con cho Chúa... Con sẽ không bao giờ mất hy vọng. Con sẽ giữ nó cho đến phút cuối cùng của cuộc đời con; và vào lúc đó, tất cả những con quỷ trong địa ngục sẽ cố gắng giật nó khỏi con… Những người khác có thể tìm kiếm hạnh phúc từ sự giàu có hoặc tài năng của họ; những người khác có thể dựa vào sự ngây thơ trong trắng của cuộc sống họ, hoặc sự nghiêm khắc của sự sám hối, hoặc số lượng của bố thí, hoặc lòng nhiệt thành của những lời cầu nguyện của họ. Đối với con, Chúa ơi, tất cả sự tự tin của con là chính sự tự tin. Sự tự tin này chưa bao giờ lừa dối bất cứ ai… Vì vậy, con chắc chắn rằng con sẽ hạnh phúc vĩnh cửu, vì con hy vọng vững chắc như vậy, và vì chính Chúa, mà con hy vọng điều đó". [119]

127. Trong một ghi chú vào tháng 1 năm 1677, sau khi đề cập đến sự đảm bảo mà ngài cảm thấy về sứ mệnh của mình, Claude tiếp tục: "Tôi đã biết rằng Thiên Chúa muốn tôi phục vụ Người bằng cách đạt được sự hoàn thành mong muốn của Người liên quan đến lòng sùng kính mà Người đã gợi ý cho một người mà Người giao tiếp một cách tin cậy, và vì lợi ích của người đó, Người muốn sử dụng sự yếu đuối của tôi. Tôi đã sử dụng nó để giúp đỡ một số người". [120]

128. Cần phải thừa nhận rằng linh đạo của Chân phước Claude de La Colombière đã tạo nên sự tổng hợp tinh tế giữa kinh nghiệm tâm linh sâu sắc và cảm động của Thánh Mar-ga-rét Maria và hình thức chiêm nghiệm sống động và cụ thể được tìm thấy trong các Bài Linh thao của Thánh Inhaxiô thành Loyola. Vào đầu tuần thứ ba của Bài Linh Thao, Claude đã suy ngẫm: "Có hai điều đã làm tôi xúc động theo một cách đáng kinh ngạc. Thứ nhất, thái độ của Chúa Kitô đối với những người tìm cách bắt giữ Người. Trái tim Người đầy nỗi buồn cay đắng; mọi đam mê dữ dội đều được giải phóng chống lại Người và toàn bộ thiên nhiên đang hỗn loạn, nhưng giữa tất cả sự hỗn loạn này, tất cả những cám dỗ này, trái tim Người vẫn hướng về Thiên Chúa một cách vững chắc. Người không ngần ngại đảm nhận vai trò mà nhân đức và nhân đức cao nhất gợi ý cho Người. Thứ hai, thái độ của chính trái tim đó đối với Giu-đa, kẻ đã phản bội Người, các tông đồ đã hèn nhát bỏ rơi Người, các linh mục và những người khác chịu trách nhiệm cho cuộc đàn áp mà Người phải chịu đựng; không điều nào trong số những điều này có thể khơi dậy trong Người một chút cảm giác căm ghét hay phẫn nộ nào. Tôi tự trình diện một lần nữa với trái tim không còn giận dữ, không còn cay đắng, thay vào đó là lòng cảm thương chân chính đối với kẻ thù của mình". [121]

THÁNH CHARLES DE FOUCAULD VÀ THÁNH TÊRÊSE HÀI ĐỒNG GIÊSU

129. Thánh Charles de Foucauld và Thánh Têrêsa Hài Đồng Giêsu, không cố ý, đã định hình lại một số khía cạnh của lòng sùng kính đối với trái tim Chúa Kitô và do đó giúp chúng ta hiểu nó theo tinh thần truyền giáo hơn nữa. Bây giờ chúng ta hãy xem xét cách lòng sùng kính này được phát biểu trong cuộc sống của các vị. Trong chương tiếp theo, chúng ta sẽ quay lại với các vị, để minh họa chiều kích truyền giáo đặc biệt mà mỗi người trong số các vị mang đến cho lòng sùng kính.

Lòng Bác ái Giêsu

130. Ở Louye, Charles de Foucauld thường đến viếng Mình Thánh Chúa cùng với người em họ của mình, Marie de Bondy. Một ngày nọ, bà cho ngài xem một bức ảnh Thánh Tâm. [122] Người em họ của ngài đã đóng vai trò cơ bản trong sự hoán cải của Charles, như chính ngài đã thừa nhận: "Vì Thiên Chúa đã biến em thành khí cụ đầu tiên của lòng thương xót của Người đối với anh, nên mọi thứ khác bắt đầu từ em. Nếu em không hoán cải anh, đưa anh đến với Chúa Giêsu và dạy anh từng chút một, từng chữ một, tất cả những gì thánh thiện và tốt lành, thì ngày nay anh sẽ ở đâu?" [123] Điều mà Marie đánh thức trong ngài là nhận thức sâu sắc về tình yêu của Chúa Giêsu. Đó là điều cốt yếu, và tập trung vào lòng sùng kính trái tim Chúa Giêsu, nơi ngài gặp được lòng thương xót vô biên: "Chúng ta hãy tin vào lòng thương xót vô hạn của người mà trái tim Người em đã dẫn dắt anh biết đến". [124]

131. Sau đó, cha linh hướng của ngài, Cha Henri Huvelin, đã giúp Thánh Charles hiểu sâu hơn về mầu nhiệm vô giá của "trái tim diễm phúc mà Cha đã nói với con rất nhiều lần". [125] Vào ngày 6 tháng 6 năm 1889, Charles đã hiến mình cho Thánh Tâm, nơi ngài tìm thấy một tình yêu vô biên. Ngài nói với Chúa Kitô, "Chúa đã ban cho con rất nhiều ơn lành, đến nỗi sẽ thật vô ơn đối với trái tim Chúa nếu không tin rằng nó sẵn sàng ban cho con mọi điều tốt lành, dù lớn lao đến đâu, và tình yêu thương và lòng quảng đại của Chúa là vô biên". [126] Ngài đã trở thành một ẩn sĩ "dưới danh nghĩa trái tim Chúa Giêsu". [127]

132. Vào ngày 17 tháng 5 năm 1906, cùng ngày mà Anh Charles, một mình, không thể cử hành Thánh lễ nữa, ngài đã viết về lời hứa của mình "để trái tim Chúa Giêsu sống trong tôi, để không còn là tôi sống nữa, mà là trái tim Chúa Giêsu sống trong tôi, như Người đã sống ở Na-da-rét". [128] Tình bạn của ngài với Chúa Giêsu, từ trái tim đến trái tim, không phải là một lòng đạo đức riêng tư. Nó đã truyền cảm hứng cho cuộc sống khắc khổ mà ngài đã sống ở Na-da-rét, xuất phát từ mong muốn noi gương Chúa Kitô và trở nên giống Người. Lòng sùng kính yêu thương của ngài đối với trái tim Chúa Giêsu đã có tác động cụ thể đến phong cách sống của ngài, và Na-da-rét của ngài được nuôi dưỡng bằng mối quan hệ đích thân của ngài với trái tim Chúa Kitô.

Thánh Têrêsa Hài Đồng Giêsu

133. Giống như Thánh Charles de Foucauld, Thánh Têrêsa Hài Đồng Giêsu chịu ảnh hưởng của sự đổi mới lòng sùng kính lớn lao lan rộng khắp nước Pháp vào thế kỷ XIX. Cha Almire Pichon, vị linh hướng của gia đình bà, được coi là một tông đồ tận tụy của Thánh Tâm. Một trong những người chị của bà lấy tên là "Nữ tu Marie Thánh Tâm", và đan viện mà Têrêsa gia nhập được dành riêng cho Thánh Tâm. Tuy nhiên, lòng sùng kính của bà vẫn mang một số nét riêng biệt liên quan đến lòng đạo đức thông thường của thời đại đó.

134. Khi Têrêsa mười lăm tuổi, bà có thể nói về Chúa Giêsu như là người "có trái tim đập đồng nhịp với trái tim của tôi". [129] Hai năm sau, khi nói về hình ảnh trái tim của Chúa Kitô đội mão gai, bà đã viết trong một lá thư: "Chị biết rằng bản thân tôi không coi Thánh Tâm như mọi người khác. Tôi nghĩ rằng Trái tim của Người phối ngẫu của tôi chỉ thuộc về tôi, cũng như Trái tim của tôi chỉ thuộc về Người, và tôi nói chuyện với Người trong sự cô tịch của cuộc trao đổi trái tim tuyệt vời này, trong khi chờ đợi để chiêm ngưỡng Người một ngày nào đó trực diện". [130]

135. Trong một bài thơ của mình, Thánh Têrêxa đã nói lên ý nghĩa của lòng sùng kính của mình, liên quan nhiều hơn đến tình bạn và sự đảm bảo hơn là niềm tin vào những hy sinh của mình:

"*Tôi cần một trái tim cháy bỏng sự dịu dàng,*
Người sẽ mãi mãi là chỗ dựa của tôi,
Người yêu thương mọi thứ trong tôi, ngay cả sự yếu đuối của tôi…
Và người không bao giờ rời xa tôi ngày hay đêm…
Tôi phải có một Thiên Chúa mang bản chất của tôi,
Và trở thành anh em của tôi và có thể chịu đựng! …
Ôi! Tôi biết rõ, tất cả sự công chính của chúng ta
Đều vô giá trị trong mắt Người…
Vì vậy, tôi, đối với luyện ngục của mình,
Hãy chọn tình yêu cháy bỏng của Người, hỡi trái tim của Thiên Chúa tôi!" [131]

136. Có lẽ bản văn quan trọng nhất để hiểu lòng sùng kính của Thánh Têrêsa đối với trái tim Chúa Kitô là một lá thư mà bà viết ba tháng trước khi qua đời cho người bạn Maurice Bellière. "Khi tôi thấy Maria Ma-đa-lê-na bước tới trước nhiều vị khách, rửa chân cho Thầy đáng kính của mình bằng nước mắt, người mà bà chạm vào lần đầu tiên, tôi cảm thấy rằng trái tim bà đã hiểu được vực thẳm của tình yêu và lòng thương xót của trái tim Chúa Giêsu, và, mặc dù bà là một tội nhân, trái tim yêu thương này không chỉ sẵn sàng tha thứ cho bà mà còn ban cho bà những phước lành của sự gần gũi thần thiêng của Người, nâng bà lên đỉnh cao nhất của sự chiêm nghiệm. Ôi! người anh em nhỏ bé thân mến, kể từ khi tôi được ban ơn để hiểu được tình yêu của trái tim Chúa Giêsu, tôi thừa nhận rằng nó đã xua tan mọi nỗi sợ hãi khỏi trái tim tôi. Việc nhớ lại những lỗi lầm của mình khiến tôi khiêm nhường, khiến tôi không bao giờ dựa vào sức mạnh của mình vốn chỉ là sự yếu đuối, nhưng việc nhớ lại này nói với tôi về lòng thương xót và tình yêu nhiều hơn nữa". [132]

137. Những người đạo đức muốn kiểm soát chặt chẽ lòng thương xót và ân sủng của Chúa có thể tuyên bố rằng Têrêsa có thể nói như vậy vì bà là một vị thánh, nhưng một người bình thường không thể nói như vậy. Theo cách đó, họ loại bỏ khỏi linh đạo của Thánh Têrêsa sự độc đáo tuyệt vời của nó, phản ánh cốt lõi của Tin Mừng. Đáng buồn thay, trong một số nhóm Kitô hữu, chúng ta thường gặp phải nỗ lực này nhằm đưa Chúa Thánh Thần vào một khuôn mẫu có sẵn theo cách cho phép họ giám sát mọi thứ. Tuy nhiên, vị Tiến sĩ Giáo hội khôn ngoan này đã khiến họ im lặng và trực tiếp mâu thuẫn với quan điểm giản lược của họ bằng những lời rõ ràng sau: "Nếu tôi phạm phải mọi tội ác có thể xảy ra, tôi sẽ luôn có cùng sự tự tin; Tôi cảm thấy rằng toàn bộ vô số tội lỗi này sẽ giống như một giọt nước ném vào lò lửa". [133]

138. Đối với Sơ Marie, người đã ca ngợi tình yêu bao la của mình dành cho Chúa, thậm chí đã chuẩn bị để chấp nhận sự tử đạo, Têrêsa đã trả lời dài dòng trong một bức thư là một trong những cột mốc quan trọng trong lịch sử linh đạo. Trang này cần được đọc đi đọc lại hàng ngàn lần vì chiều sâu, sự rõ ràng và vẻ đẹp của nó. Ở đó, Têrêsa giúp chị gái của mình, "Marie của Thánh Tâm", tránh tập trung lòng sùng kính này vào sự đau khổ, vì một số người đã trình bày sự đền bù chủ yếu dưới dạng tích lũy các hy sinh và việc làm tốt. Về phần mình, Têrêsa trình bày sự tin tưởng như là của lễ vĩ đại nhất và tốt nhất, làm đẹp lòng Chúa Kitô: "Những ước muốn tử đạo của em chẳng là gì cả; chúng là hoặc những gì mang lại cho em sự tự tin vô hạn mà em cảm thấy trong tim mình. Nói thật, chúng là sự giàu có về mặt tinh thần khiến người ta bất công, khi người ta an nghỉ trong chúng với sự tự mãn và người ta tin rằng chúng là điều gì đó vĩ đại… điều làm hài lòng [Chúa Giêsu] là Người thấy em yêu sự nhỏ bé và nghèo nàn của mình, hy vọng mù quáng mà em có trong lòng thương xót của Người… Đó là kho báu duy nhất của em… Nếu chị muốn cảm thấy vui vẻ, bị hấp dẫn bởi đau khổ, thì đó chính là sự an ủi mà chị đang tìm kiếm… Hãy hiểu rằng để trở thành nạn nhân của tình yêu của Người, người càng yếu đuối, không có ham muốn hay đức hạnh, thì người đó càng phù hợp với hoạt động của Tình yêu thiêu đốt và biến đổi này… Ôi! Em muốn có thể khiến chị hiểu được cảm giác của em biết bao!... Chính sự tự tin và

không gì khác ngoài sự tự tin phải dẫn chúng ta đến Tình yêu". [134]

139. Trong nhiều bài viết của mình, Têrêsa nói về cuộc đấu tranh của mình với các hình thức tâm linh tập chú quá mức vào nỗ lực của con người, vào công trạng cá nhân, vào việc dâng lễ vật và thực hiện một số hành động nhất định để "giành được thiên đàng". Đối với bà, "công đức không phải là làm hay cho nhiều, mà là nhận". [135] Chúng ta hãy đọc lại một số bản văn có ý nghĩa sâu sắc này, trong đó bà nhấn mạnh điều này và trình bày nó như một phương tiện đơn giản và nhanh chóng để nắm lấy Chúa "bằng trái tim của Người".

140. Đối với chị gái Léonie, bà viết, "Em đảm bảo với chị rằng Chúa tốt hơn nhiều so với chị nghĩ. Người hài lòng với một cái nhìn, một tiếng thở dài yêu thương… Còn em, em thấy sự hoàn hảo rất dễ thực hành vì em hiểu rằng đó là vấn đề nắm lấy Chúa Giêsu bằng trái tim của Người… Hãy nhìn một đứa trẻ vừa làm mẹ mình khó chịu… Nếu nó đến với mẹ, dang rộng đôi tay nhỏ bé, mỉm cười và nói: 'Mẹ hôn con đi, con sẽ không làm thế nữa đâu', liệu mẹ nó có thể không dịu dàng ôm chặt nó vào lòng và quên đi trò nghịch ngợm trẻ con của nó không? Tuy nhiên, bà biết đứa con bé bỏng của mình sẽ lại làm thế vào lần tới, nhưng điều đó không quan trọng; nếu nó lại nắm lấy trái tim của mẹ, nó sẽ không bị trừng phạt". [136]

141. Tương tự như vậy, trong một lá thư gửi cho Cha Adolphe Roulland, bà viết, "[Con] đường của tôi là tất cả sự tự tin và tình yêu. Tôi không hiểu những tâm hồn sợ một người bạn dịu dàng như vậy. Đôi khi, khi tôi đọc một số chuyên luận tâm linh trong đó sự hoàn hảo được thể hiện qua hàng ngàn chướng ngại vật, được bao quanh bởi một đám ảo tưởng, tâm trí nhỏ bé tội nghiệp của tôi nhanh chóng mệt mỏi; tôi đóng cuốn sách uyên bác đang làm đầu tôi tan nát và làm khô héo trái tim tôi, và tôi cầm lấy Kinh thánh. Khi đó, tất cả dường như sáng tỏ với tôi; một từ duy nhất mở ra cho tâm hồn tôi những chân trời vô tận, sự hoàn hảo dường như đơn giản với tôi. Tôi thấy rằng chỉ cần nhận ra sự hư vô của mình và phó thác bản thân như một đứa trẻ vào vòng tay của Chúa là đủ". [137]

142. Trong một lá thư khác, bà liên hệ điều này với tình yêu mà cha mẹ thể hiện: "Tôi không tin rằng trái tim của [một] người cha có thể cưỡng lại được sự tự tin hiếu thảo của đứa con, người mà ông biết sự chân thành và tình yêu thương. Tuy nhiên, ngài nhận ra rằng con trai ngài sẽ phạm phải những lỗi lầm tương tự nhiều lần, nhưng ngài luôn sẵn sàng tha thứ cho con trai ngài, nếu con trai ngài luôn ghi nhớ trong lòng". [138]

CÁC VANG DỘI TRONG DÒNG TÊN

143. Chúng ta đã thấy Thánh Claude de La Colombière kết hợp kinh nghiệm tâm linh của Thánh Marga-rét Maria với mục đích của Linh thao. Tôi tin rằng vị trí của Thánh Tâm trong lịch sử của Dòng Tên xứng đáng được nói đến trong một vài lời ngắn gọn.

144. Linh đạo của Dòng Tên luôn đề xuất một "sự hiểu biết nội tâm về Chúa để yêu mến và theo Người trọn vẹn hơn". [139] Trong Linh Thao của ngài, Thánh I-nha-xi-ô mời gọi chúng ta đặt mình trước câu Tin Mừng nói với chúng ta rằng, "cạnh sườn [Chúa Kitô] bị đâm thâu bởi ngọn giáo và máu và nước chảy ra". [140] Khi những người tĩnh tâm chiêm ngưỡng cạnh sườn bị thương của Chúa bị đóng đinh, Thánh I-nha-xi-ô gợi ý rằng họ hãy bước vào trái tim của Chúa Kitô. Như vậy, chúng ta có một cách để mở rộng trái tim mình, được một người là "bậc thầy về tình cảm" khuyên bảo, dùng lời của Thánh Phê-rô Faber trong một trong những lá thư của ngài gửi cho Thánh I-nha-xi-ô. [141] Cha Juan Alfonso de Polanco đã lặp lại cùng một cách diễn đạt đó trong tiểu sử của ngài về Thánh I-nha-xi-ô: "Ngài [Đức Hồng Y Gasparo Contarini] nhận ra rằng nơi Cha I-nha-xi-ô, ngài đã gặp một bậc thầy về tình cảm".

[142] Các cuộc đối thoại mà Thánh I-nha-xi-ô đề xuất là một phần thiết yếu của quá trình rèn luyện trái tim này, vì trong đó, chúng ta cảm nhận và nếm trải bằng trái tim một thông điệp Tin Mừng và trò chuyện về thông điệp đó với Chúa. Thánh I-nha-xi-ô nói với chúng ta rằng chúng ta có thể chia sẻ mối quan tâm của mình với Chúa và tìm kiếm lời khuyên của Người. Bất cứ ai theo dõi các Bài Linh Thao đều có thể dễ dàng thấy rằng chúng bao gồm một cuộc đối thoại, từ trái tim với trái tim.

145. Thánh I-nha-xi-ô đưa sự chiêm niệm của ngài lên đến đỉnh điểm dưới chân thập giá và mời gọi người tĩnh tâm hãy cầu xin Chúa chịu đóng đinh với lòng trìu mến lớn lao, "như một người bạn với một người bạn khác, như một người đầy tớ với chủ mình", rằng họ phải làm gì cho Người. [143] Tiến trình của các Bài Linh Thao lên đến đỉnh điểm trong "Chiêm niệm để đạt được Tình yêu", điều này nảy sinh lòng biết ơn và sự dâng hiến "trí nhớ, sự hiểu biết và ý chí" của người ta cho trái tim vốn là nguồn mạch và nguồn gốc của mọi điều tốt lành. [144] Sự chiêm niệm nội tâm này không phải là thành quả của sự hiểu biết và nỗ lực của chúng ta, nhưng phải được cầu xin như một hồng ân.

146. Cùng một trải nghiệm này đã truyền cảm hứng cho sự kế thừa vĩ đại của các linh mục Dòng Tên, những người đã nói rõ ràng về trái tim của Chúa Giêsu: Thánh Phanxicô Borgia, Thánh Phêrô Faber, Thánh Alphonsô Rodriguez, Cha Álvarez de Paz, Cha Vincent Carafa, Cha Kasper Drużbicki và vô số những người khác. Năm 1883, các tu sĩ Dòng Tên tuyên bố rằng, "Dòng Tên chấp nhận và tiếp nhận với tinh thần tràn đầy niềm vui và lòng biết ơn nhiệm vụ dễ chịu nhất mà Chúa Giêsu Kitô đã giao phó cho mình là thực hành, thúc đẩy và truyền bá lòng sùng kính đối với trái tim thần thiêng của Người". [145] Vào tháng 9 năm 1871, Cha Pieter Jan Beckx đã thánh hiến Dòng cho Thánh Tâm Chúa Giêsu và, như một dấu chỉ nó vẫn là một yếu tố nổi bật trong đời sống của Dòng, Cha Pedro Arrupe đã tái thánh hiến vào năm 1972, với niềm tin mà ngài đã giải thích bằng những lời này: "Vì vậy, tôi muốn nói với Dòng một điều mà tôi cảm thấy mình không thể im lặng. Từ khi còn là tập sinh, tôi luôn tin rằng điều chúng ta gọi là lòng sùng kính Thánh Tâm chứa đựng một biểu hiện tượng trưng cho điều sâu sắc nhất trong linh đạo I-nha-xi-ô, và có hiệu quả phi thường – ultra quam speraverint [vượt quá điều họ hy vọng] – vừa vì sự hoàn thiện của chính nó vừa vì sự phong phú tông đồ của nó. Tôi vẫn tiếp tục có cùng niềm tin này… Trong lòng sùng kính này, tôi gặp được một trong những nguồn sâu sắc nhất của đời sống nội tâm của tôi". [146]

147. Khi Thánh Gioan Phaolô II thúc giục "tất cả các thành viên của Dòng phải nhiệt thành hơn nữa trong việc thúc đẩy lòng sùng kính này, điều này phù hợp hơn bao giờ hết với những kỳ vọng của thời đại chúng ta", ngài đã làm như vậy vì ngài nhận ra mối liên hệ sâu sắc giữa lòng sùng kính trái tim Chúa Kitô và linh đạo I-nha-xi-ô. Vì "mong muốn 'biết Chúa một cách sâu sắc' và 'nói chuyện' với Người, từ trái tim với trái tim, là đặc điểm của động lực tông đồ và tâm linh I-nha-xi-ô, nhờ vào các Bài Linh thao, và động lực này hoàn toàn phục vụ cho tình yêu của trái tim Thiên Chúa". [147]

LUỒNG SỐNG NỘI TÂM BAO LA

148. Lòng sùng kính trái tim Chúa Kitô tái hiện trong hành trình tâm linh của nhiều vị thánh, tất cả đều khá khác nhau; ở mỗi vị, lòng sùng kính đều mang những sắc thái mới. Ví dụ, Thánh Vincent de Paul thường nói rằng điều Thiên Chúa mong muốn chính là trái tim: "Thiên Chúa chủ yếu yêu cầu trái tim chúng ta – trái tim chúng ta – và đó là điều quan trọng. Làm sao một người không có của cải lại có công đức lớn hơn một người có nhiều của cải mà họ từ bỏ? Bởi vì người không có gì làm điều đó với tình yêu lớn hơn; và đó là điều mà Chúa đặc biệt muốn…" [148] Điều này có nghĩa là để cho trái tim mình được kết hợp với trái tim của Chúa Kitô. "Có ơn lành nào mà một Nữ tu không thể hy vọng nhận được từ Chúa nếu chị đã cố gắng hết sức để đặt trái tim mình vào trạng thái kết hợp với trái tim của Chúa chúng ta!" [149]

149. Đôi khi, chúng ta có thể bị cám dỗ coi mầu nhiệm tình yêu này là một di tích đáng ngưỡng mộ từ quá khứ, một nền linh đạo tuyệt vời phù hợp với những thời đại khác. Tuy nhiên, chúng ta cần phải liên tục nhắc nhở bản thân rằng, như một nhà truyền giáo thánh thiện đã từng nói, "trái tim thần thánh này, đã để cho ngọn giáo của kẻ thù đâm thủng để tuôn đổ qua vết thương thánh thiêng đó các bí tích mà nhờ đó, Giáo hội được hình thành, chưa bao giờ ngừng yêu thương". [150] Các vị thánh gần đây hơn, như Thánh Piô thành Pietrelcina, Thánh Teresa thành Calcutta và nhiều vị khác, đã nói với lòng sùng kính sâu sắc về trái tim của Chúa Kitô. Ở đây tôi cũng muốn đề cập đến những kinh nghiệm của Thánh Faustina Kowalska, người đã đề xuất lại lòng sùng kính trái tim Chúa Kitô bằng cách nhấn mạnh rất nhiều đến cuộc sống vinh quang của Chúa phục sinh và lòng thương xót của Người. Được truyền cảm hứng từ những kinh nghiệm của thánh nữ và di sản tinh thần của Thánh Józef Sebastian Pelczar (1842-1924), [151] Thánh Gioan Phaolô II đã liên kết chặt chẽ những suy tư của mình về lòng thương xót của Chúa với lòng sùng kính trái tim Chúa Kitô: "Giáo hội dường như theo một cách độc đáo để tuyên xưng lòng thương xót của Thiên Chúa và tôn kính lòng thương xót đó khi hướng mình đến trái tim Chúa Kitô. Thực thế, chính việc đến gần Chúa Kitô trong mầu nhiệm trái tim Người này cho phép chúng ta dừng lại ở điểm này của sự mặc khải về tình yêu thương xót của Chúa Cha, một sự mặc khải tạo nên nội dung trung tâm của sứ mệnh thiên sai của Con Người". [152] Thánh Gioan Phaolô cũng đã nói về Thánh Tâm theo những cách rất riêng tư, thừa nhận rằng, "Nó đã nói với tôi từ khi tôi còn trẻ". [153]

150. Sự liên quan lâu dài của lòng sùng kính đối với trái tim của Chúa Kitô đặc biệt rõ ràng trong công tác truyền giáo và giáo dục được thực hiện bởi nhiều hội dòng nam và nữ có nguồn gốc được đánh dấu bằng lòng sùng kính sâu sắc về Chúa Kitô này. Việc đề cập đến tất cả các hội dòng theo tên sẽ là một công việc vô tận. Chúng ta hãy chỉ xem xét hai ví dụ được lấy ngẫu nhiên: "Đấng sáng lập [Thánh Daniel Comboni] đã khám phá ra trong mầu nhiệm trái tim Chúa Giêsu nguồn sức mạnh cho cam kết truyền giáo của mình". [154] "Bị cuốn vào những ước muốn của trái tim Chúa Giêsu, chúng ta muốn mọi người phát triển về phẩm giá, như những con người và như những người con của Thiên Chúa. Điểm khởi đầu của chúng ta là Tin Mừng, với tất cả những gì Tin Mừng đòi hỏi nơi chúng ta về tình yêu, sự tha thứ và công lý, và sự đoàn kết với những người nghèo và bị thế giới bác bỏ". [155] Tương tự như vậy, nhiều đền thờ trên toàn thế giới được thánh hiến cho trái tim Chúa Kitô tiếp tục là nguồn đổi mới đầy ấn tượng trong lời cầu nguyện và lòng nhiệt thành thiêng liêng. Tôi gửi đến tất cả những ai, bằng cách nào đó, có liên quan đến những không gian đức tin và bác ái này phép lành cha con của tôi.

LÒNG SÙNG KÍNH AN ỦI

151. Vết thương ở cạnh sườn Chúa Kitô, nguồn nước sống, vẫn mở trong thân thể phục sinh của Đấng Cứu Thế. Vết thương sâu do ngọn giáo gây ra và vết thương của mão gai thường xuất hiện trong các hình ảnh Thánh Tâm là một phần không thể tách rời của lòng sùng kính này, trong đó chúng ta chiêm ngưỡng tình yêu của Chúa Kitô, Đấng đã hiến mình làm của lễ cho đến cùng. Trái tim của Chúa Phục sinh lưu giữ các dấu hiệu của sự phó thác hoàn toàn, bao gồm những đau khổ dữ dội vì chúng ta. Do đó, thật tự nhiên khi các tín hữu muốn đáp lại không những tình yêu tuôn tràn vô biên này mà còn cả nỗi đau khổ mà Chúa đã chọn chịu đựng vì tình yêu đó.

Với Chúa Giêsu trên thập giá

152. Thật thích hợp khi khôi phục lại một khía cạnh cụ thể của linh đạo đi kèm với lòng sùng kính trái tim Chúa Kitô, cụ thể là mong muốn bên trong mang lại sự an ủi cho trái tim đó. Ở đây, tôi sẽ không

thảo luận về việc thực hành "đền tạ", mà tôi cho là phù hợp hơn với chiều kích xã hội của lòng sùng kính này sẽ được thảo luận trong chương tiếp theo. Thay vào đó, tôi muốn tập trung vào ước muốn thường cảm thấy trong trái tim của các tín hữu, những người yêu thương chiêm ngưỡng mầu nhiệm cuộc khổ nạn của Chúa Kitô và trải nghiệm nó như một mầu nhiệm không chỉ được hồi tưởng mà còn trở nên hiện diện với chúng ta nhờ ân sủng, hay nói đúng hơn, cho phép chúng ta hiện diện một cách huyền nhiệm tại thời điểm cứu chuộc của chúng ta. Nếu chúng ta thực sự yêu Chúa, làm sao chúng ta không mong muốn an ủi Người?

153. Đức Giáo Hoàng Piô XI muốn đặt nền tảng cho lòng sùng kính đặc biệt này trong nhận thức rằng mầu nhiệm cứu chuộc chúng ta nhờ cuộc khổ nạn của Chúa Kitô, nhờ ân sủng của Thiên Chúa, vượt qua mọi ranh giới của thời gian và không gian. Trên thập giá, Chúa Giêsu đã hiến mình vì mọi tội lỗi, bao gồm cả những tội lỗi chưa phạm, bao gồm cả tội lỗi của chính chúng ta. Tương tự như vậy, những hành động chúng ta hiện đang dâng để an ủi Người, cũng vượt qua thời gian, chạm đến trái tim bị thương của Người. "Nếu, vì tội lỗi của chúng ta, mặc dù vẫn còn trong tương lai nhưng đã được thấy trước, linh hồn của Chúa Giêsu trở nên buồn rầu đến chết, thì không thể nghi ngờ rằng cùng lúc đó, Người đã nhận được một số niềm an ủi từ sự đền tạ của chúng ta, cũng được thấy trước, tại thời điểm khi 'một thiên thần từ trời hiện ra với Người' (*Lc* 22:43), để trái tim Người, bị đè nặng bởi sự mệt mỏi và đau khổ, có thể tìm thấy sự an ủi. Và vì vậy, ngay cả bây giờ, theo một cách kỳ diệu nhưng chân thực, chúng ta có thể và phải an ủi Trái tim Chí thánh đó, nơi liên tục bị tổn thương bởi tội lỗi của những con người vô ơn". [156]

Các lý lẽ của trái tim

154. Đối với một số người, có vẻ như khía cạnh sùng kính Trái tim Thánh này thiếu cơ sở thần học vững chắc, nhưng trái tim có các lý lẽ của nó. Ở đây, cảm thức của các tínn hữu nhận thức được điều gì đó rất mầu nhiệm, vượt ra ngoài luận lý học của con người chúng ta, và nhận ra rằng cuộc khổ nạn của Chúa Kitô không những là một sự kiện của quá khứ, mà còn là một sự kiện mà chúng ta có thể chia sẻ thông qua đức tin. Suy niệm về sự tự hiến của Chúa Kitô trên thập giá bao gồm, đối với lòng đạo đức Kitô giáo, một điều gì đó nhiều hơn là chỉ tưởng nhớ đơn thuần. Niềm tin này có nền tảng thần học vững chắc. [157] Chúng ta cũng có thể thêm vào sự thừa nhận tội lỗi của chính mình, mà Chúa Giêsu đã gánh chịu trên đôi vai bầm dập của Người, và sự bất lực của chúng ta trước tình yêu vĩnh cửu đó, luôn luôn lớn hơn vô hạn.

155. Chúng ta cũng có thể tự hỏi làm thế nào chúng ta có thể cầu nguyện với Chúa của sự sống, đã sống lại từ cõi chết và ngự trị trong vinh quang, trong khi đồng thời an ủi Người giữa những đau khổ của Người. Ở đây, chúng ta cần nhận ra rằng trái tim phục sinh của Người lưu giữ vết thương của mình như một ký ức thường trực, và rằng hoạt động của ân sủng tạo nên một trải nghiệm không chỉ giới hạn trong một khoảnh khắc duy nhất của quá khứ. Khi suy gẫm về điều này, chúng ta thấy mình được mời gọi bước vào một con đường huyền bí vượt qua những giới hạn về tinh thần của chúng ta nhưng vẫn vững vàng dựa trên lời Chúa. Đức Giáo Hoàng Piô XI đã nói rõ điều này: "Làm sao những hành động đền tạ này có thể mang lại sự an ủi ngay bây giờ, khi Chúa Kitô đã ngự trị trong hạnh phúc của thiên đàng? Đối với câu hỏi này, chúng ta có thể trả lời bằng lời của Thánh Augustinô, rất thích hợp ở đây – 'Hãy cho tôi người yêu thương, và người ấy sẽ hiểu những gì tôi nói'. Bất cứ ai sở hữu tình yêu lớn lao dành cho Thiên Chúa, và nhìn lại quá khứ, có thể đắm mình trong sự suy gẫm về Chúa Kitô, và thấy Người cực nhọc vì con người, đau buồn, chịu đựng những khó khăn lớn nhất, 'vì chúng ta là con người và vì sự cứu rỗi của chúng ta', gần như kiệt sức vì buồn bã, vì đau khổ, thậm chí 'bị bầm dập vì tội lỗi của chúng ta' (*Is* 53:5), và mang đến cho chúng ta sự chữa lành bởi chính những vết bầm tím đó. Càng suy gẫm về tất cả những điều này, các tín hữu càng thấy rõ rằng tội lỗi của nhân loại, bất cứ khi nào

chúng xảy ra, chính là lý do khiến Chúa Kitô bị nộp cho cái chết". [158]

156. Những lời này của Đức Piô XI đáng được xem xét nghiêm túc. Khi Kinh thánh tuyên bố rằng những tín hữu không sống theo đức tin của mình "là đang đóng đinh Con Thiên Chúa một lần nữa" (Dt 6:6), hoặc khi Thánh Phaolô, dâng những đau khổ của mình vì lợi ích của người khác, nói rằng, "trong xác thịt của tôi, tôi đang hoàn thành những gì còn thiếu trong những đau khổ của Chúa Kitô" (*Cl* 1:24), hoặc một lần nữa, khi Chúa Kitô trong cuộc khổ nạn của Người cầu nguyện không những cho các môn đệ của Người vào thời điểm đó, mà còn cho "những ai sẽ tin vào tôi qua lời của họ" (*Ga* 17:20), tất cả những tuyên bố này thách thức cách suy nghĩ thông thường của chúng ta. Chúng cho chúng ta thấy rằng không thể cắt đứt hoàn toàn quá khứ khỏi hiện tại, bất kể tâm trí chúng ta thấy điều này khó nắm bắt đến đâu. Tin Mừng, với tất cả sự phong phú của nó, được viết ra không chỉ để chúng ta suy niệm trong cầu nguyện, mà còn để chúng ta có thể trải nghiệm thực tại của nó trong các công việc yêu thương và trong đời sống nội tâm của chúng ta. Đây chắc chắn là trường hợp liên quan đến mầu nhiệm tử nạn và phục sinh của Chúa Kitô. Những sự phân biệt tạm thời mà tâm trí chúng ta sử dụng dường như không thể bao hàm trọn vẹn kinh nghiệm đức tin này, vốn là nền tảng cho cả sự hiệp nhất của chúng ta với Chúa Kitô trong đau khổ của Người và sức mạnh, sự an ủi và tình bạn mà chúng ta được hưởng với Người trong cuộc sống phục sinh của Người.

157. Do đó, chúng ta thấy sự thống nhất của mầu nhiệm vượt qua trong hai khía cạnh không thể tách rời và làm giàu cho nhau này. Mầu nhiệm duy nhất, hiện diện bởi ân sủng trong cả hai chiều kích này, đảm bảo rằng bất cứ khi nào chúng ta dâng một số đau khổ của riêng mình cho Chúa Kitô để Người được an ủi, thì đau khổ đó được soi sáng và biến đổi trong ánh sáng phục sinh của tình yêu Người. Chúng ta chia sẻ mầu nhiệm này trong cuộc sống của chính mình vì chính Chúa Kitô đã chọn chia sẻ cuộc sống đó trước tiên. Người muốn trải nghiệm trước tiên, với tư cách là Đầu, những gì Người sẽ trải nghiệm trong Thân thể của Người, là Giáo hội: cả những vết thương và sự an ủi của chúng ta. Khi chúng ta sống trong ân sủng của Thiên Chúa, sự chia sẻ lẫn nhau này trở thành một trải nghiệm thiêng liêng đối với chúng ta. Nói tóm lại, Chúa Phục sinh, bằng hoạt động của ân sủng, đã kết hợp chúng ta một cách huyền nhiệm với cuộc khổ nạn của Người. Tâm hồn của các tín hữu, những người trải nghiệm niềm vui của sự phục sinh, nhưng đồng thời mong muốn được chia sẻ cuộc khổ nạn của Chúa, hiểu điều này. Họ mong muốn chia sẻ những đau khổ của Người bằng cách dâng lên Người những đau khổ, những cuộc đấu tranh, những thất vọng và nỗi sợ hãi vốn là một phần trong cuộc sống của chính họ. Họ cũng không trải nghiệm điều này như những cá nhân biệt lập, vì những đau khổ của họ cũng là sự tham gia vào đau khổ của Thân thể huyền nhiệm của Chúa Kitô, Dân thánh lữ hành của Thiên Chúa, những người chia sẻ cuộc khổ nạn của Chúa Kitô ở mọi thời đại và mọi nơi. Do đó, lòng sùng kính an ủi không hề phi lịch sử hay trừu tượng; nó trở thành xác thịt và máu trong cuộc hành hương của Giáo hội qua lịch sử.

Sự ăn năn

158. Mong muốn tự nhiên là an ủi Chúa Kitô, bắt đầu bằng nỗi buồn của chúng ta khi suy gẫm về những gì Người đã chịu đựng vì chúng ta, phát triển cùng với sự thừa nhận trung thực về những thói quen xấu, sự ép buộc, sự gắn bó, đức tin yếu đuối, những mục tiêu phù phiếm của chúng ta và cùng với những tội lỗi thực sự của chúng ta, sự thất bại của trái tim chúng ta trong việc đáp lại tình yêu của Chúa và kế hoạch của Người dành cho cuộc sống của chúng ta. Trải nghiệm này chứng tỏ sự thanh tẩy, vì tình yêu cần sự thanh tẩy của những giọt nước mắt, cuối cùng, khiến chúng ta khao khát Chúa hơn và ít ám ảnh về bản thân hơn.

159. Theo cách này, chúng ta thấy rằng mong muốn an ủi Chúa của chúng ta càng sâu sắc, thì cảm giác

“ăn năn” chân thành của chúng ta sẽ càng sâu sắc. Sự ăn năn “không phải là cảm giác tội lỗi khiến chúng ta nản lòng hoặc ám ảnh về sự vô giá trị của mình, mà là một ‘sự đâm thấu’ có lợi giúp thanh tẩy và chữa lành trái tim. Một khi chúng ta thừa nhận tội lỗi của mình, trái tim chúng ta có thể mở ra với hoạt động của Chúa Thánh Thần, nguồn nước sống tuôn trào trong chúng ta và khiến chúng ta rơi nước mắt… Điều này không có nghĩa là khóc lóc tự thương hại, như chúng ta thường bị cám dỗ làm… Đổ nước mắt ăn năn có nghĩa là thực sự ăn năn vì đã làm Chúa đau buồn vì tội lỗi của mình; nhận ra rằng chúng ta luôn mắc nợ Chúa… Giống như những giọt nước có thể làm mòn đá, nước mắt cũng có thể dần làm mềm những trái tim chai đá. Ở đây chúng ta thấy phép lạ của nỗi buồn, ‘nỗi buồn cứu rỗi’ mang lại sự bình an lớn lao... Vậy thì, sự ăn năn không phải là công việc của chúng ta mà là một ân sủng, và như vậy, chúng ta phải tìm kiếm nó trong lời cầu nguyện.” [159] Điều đó có nghĩa là, “xin được buồn rầu cùng với Chúa Kitô trong nỗi buồn của Người, được đau khổ cùng với Chúa Kitô trong nỗi đau của Người, được khóc lóc và cảm nhận sâu sắc về nỗi đau lớn lao mà Chúa Kitô đã chịu đựng vì tôi”. [160]

160. Vậy thì tôi xin điều này: đừng ai coi thường lòng sùng kính nhiệt thành của dân thánh trung thành của Chúa, những người trong lòng đạo đức bình dân tìm cách an ủi Chúa Kitô. Tôi cũng khuyến khích mọi người hãy cân nhắc xem liệu có thể có sự hợp lý, chân lý và khôn ngoan hơn trong một số biểu hiện tình yêu tìm cách an ủi Chúa hơn là trong những hành động yêu thương lạnh lùng, xa cách, tính toán và chiểu danh đôi khi được thực hiện bởi những người tự nhận mình có một đức tin có suy tư, tinh tế và trưởng thành.

Tự an ủi chúng ta để an ủi người khác

161. Khi chiêm ngắm trái tim Chúa Kitô và sự tự hiến của Người cho đến chết, bản thân chúng ta cũng tìm thấy niềm an ủi lớn lao. Nỗi đau buồn mà chúng ta cảm thấy trong lòng nhường chỗ cho sự tin tưởng hoàn toàn và cuối cùng, điều tồn tại là lòng biết ơn, sự dịu dàng, sự bình an; điều tồn tại là tình yêu của Chúa Kitô ngự trị trong cuộc sống của chúng ta. Do đó, sự ăn năn “không phải là nguồn lo lắng mà là nguồn chữa lành cho tâm hồn, vì nó hoạt động như một loại thuốc xoa dịu vết thương tội lỗi, chuẩn bị cho chúng ta đón nhận sự vuốt ve của Chúa”. [161] Những đau khổ của chúng ta được kết hợp với những đau khổ của Chúa Kitô trên thập giá. Nếu chúng ta tin rằng ân sủng có thể thu hẹp mọi khoảng cách, điều này có nghĩa là Chúa Kitô bằng những đau khổ của Người đã kết hợp chính Người với những đau khổ của các môn đệ Người ở mọi thời đại và mọi nơi. Theo cách này, bất cứ khi nào chúng ta chịu đựng đau khổ, chúng ta cũng có thể trải nghiệm sự an ủi nội tâm khi biết rằng Chúa Kitô cũng chịu đau khổ với chúng ta. Khi tìm cách an ủi Người, chúng ta sẽ thấy mình được an ủi.

162. Tuy nhiên, tại một thời điểm nào đó, trong sự chiêm niệm của mình, chúng ta cũng nên nghe thấy lời khẩn cầu khẩn thiết của Chúa: “Hãy an ủi, hãy an ủi dân Ta!” (Is 40:1). Như Thánh Phaolô đã nói với chúng ta, Thiên Chúa ban cho chúng ta sự an ủi “để chúng ta có thể an ủi những ai đang trong bất cứ cơn gian truân nào, với sự an ủi mà chính chúng ta được Thiên Chúa an ủi” (*2 Cr* 1:4).

163. Điều này sau đó thách thức chúng ta tìm kiếm sự hiểu biết sâu sắc hơn về chiều kích cộng đồng, xã hội và truyền giáo của mọi lòng sùng kính đích thực đối với trái tim của Chúa Kitô. Vì ngay cả khi trái tim của Chúa Kitô dẫn chúng ta đến với Chúa Cha, thì nó cũng sai chúng ta đến với anh chị em của chúng ta. Trong những thành quả của việc phục vụ, tình huynh đệ và sứ mệnh mà trái tim của Chúa Kitô truyền cảm hứng trong cuộc sống của chúng ta, ý muốn của Chúa Cha được hoàn thành. Theo cách này, chúng ta đi trọn một vòng tròn: “Cha Ta được tôn vinh bởi điều này, là anh em sinh nhiều hoa trái” (*Ga* 15:8).

CHƯƠNG NĂM: TÌNH YÊU VÌ TÌNH YÊU

164. Trong những trải nghiệm tâm linh của Thánh Mar-ga-rét Maria Alacoque, chúng ta gặp phải, cùng với lời tuyên bố nồng nhiệt về tình yêu dành cho Chúa Giêsu Kitô, một lời mời gọi sâu sắc và đầy thách thức để giao phó cuộc sống của chúng ta cho Chúa. Việc hiểu biết rằng chúng ta được yêu thương và việc tin tưởng hoàn toàn của chúng ta vào tình yêu đó, không làm giảm đi mong muốn đáp lại một cách hào phóng của chúng ta, bất chấp sự yếu đuối và nhiều thiếu sót của chúng ta.

MỘT LỜI THAN THỞ VÀ MỘT LỜI YÊU CẦU

165. Bắt đầu với lần hiện ra vĩ đại thứ hai với Thánh Mar-ga-rét Maria, Chúa Giêsu đã nói về nỗi buồn mà Người cảm thấy vì tình yêu lớn lao của Người dành cho nhân loại chỉ nhận được "sự vô ơn và thờ ơ", "sự lạnh lùng và khinh miệt". Và Người nói thêm, điều này "đối với Ta còn đau đớn hơn tất cả những gì Ta đã chịu đựng trong Cuộc Khổ Nạn của Ta". [162]

166. Chúa Giêsu đã nói về cơn khát tình yêu của Người và tiết lộ rằng trái tim Người không thờ ơ với cách chúng ta đáp lại cơn khát đó. Theo lời Người, "Ta khát, nhưng với một cơn khát quá mãnh liệt được mọi người yêu thương trong Bí tích Thánh Thể, đến nỗi cơn khát này thiêu đốt Ta; và Ta chưa gặp ai nỗ lực, theo mong muốn của Ta, để làm dịu cơn khát của Ta, đáp lại tình yêu của Ta". [163] Chúa Giêsu đòi hỏi tình yêu. Một khi trái tim trung tín nhận ra điều này, phản ứng tự nhiên của nó là tình yêu, không phải là mong muốn nhân lên những hy sinh hoặc chỉ đơn giản là hoàn thành một bổn phận nặng nề: "Tôi đã nhận được từ Thiên Chúa của tôi những ân sủng quá mức của tình yêu của Người, và tôi cảm thấy được thúc đẩy bởi mong muốn đáp lại một số ân sủng trong số đó và đáp lại bằng tình yêu cho tình yêu". [164] Như Vị Tiền Nhiệm của tôi là Đức Lêô XIII đã chỉ ra, qua hình ảnh Thánh Tâm của Người, tình yêu của Chúa Kitô "thúc đẩy chúng ta đáp lại tình yêu cho tình yêu". [165]

MỞ RỘNG TÌNH YÊU CỦA ĐỨC KITÔ ĐẾN ANH EM CHỊ EM CỦA CHÚNG TA

167. Chúng ta cần một lần nữa tiếp nhận lời Chúa và nhận ra rằng, khi làm như vậy, phản ứng tốt nhất của chúng ta đối với tình yêu của trái tim Chúa Kitô là yêu thương anh chị em của chúng ta. Không có cách nào tuyệt vời hơn để chúng ta đáp lại tình yêu bằng tình yêu. Kinh thánh đã nêu rõ điều này:

"Mỗi lần các ngươi làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta, tức là các ngươi đã làm cho chính Ta vậy" (*Mt* 25:40).

"Vì toàn bộ luật pháp được tóm lại trong một điều răn duy nhất này: 'Ngươi phải yêu người lân cận như chính mình'" (*Gl* 5:14).

"Chúng ta biết rằng mình đã vượt qua sự chết đến sự sống vì chúng ta yêu thương nhau. Bất cứ ai không yêu thương thì ở trong sự chết" (*1 Ga* 3:14).

"Những ai không yêu thương anh chị em mà họ đã thấy, thì không thể yêu thương Thiên Chúa mà họ không thấy" (*1 Ga* 4:20).

168. Tình yêu thương anh chị em của chúng ta không chỉ đơn thuần là thành quả của những nỗ lực của chính chúng ta; nó đòi hỏi sự biến đổi trái tim ích kỷ của chúng ta. Nhận thức này đã nảy sinh lời cầu nguyện thường được lặp lại: "Lạy Chúa Giêsu, xin làm cho trái tim chúng con nên giống trái tim Chúa hơn". Về phần mình, Thánh Phaolô đã thúc giục những người nghe mình cầu nguyện không phải để có

sức mạnh làm những việc lành, mà để "có cùng một tâm trí giữa anh em như trong Chúa Giêsu Kitô" (Pl 2:5).

169. Chúng ta cần nhớ rằng trong Đế quốc La Mã, nhiều người nghèo, người nước ngoài và những người khác sống ở rìa xã hội đã được các Ki-tô hữu tôn trọng, yêu mến và chăm sóc. Điều này giải thích tại sao hoàng đế bội giáo Julian, trong một trong những lá thư của mình, đã thừa nhận rằng một lý do tại sao các Ki-tô hữu được tôn trọng và noi theo là họ đã hỗ trợ người nghèo và người lạ, những người thường bị bỏ mặc và đối xử khinh miệt. Đối với Julian, thật không thể chấp nhận được khi các Ki-tô hữu mà ông khinh thường, "ngoài việc nuôi sống chính họ, còn nuôi sống những người nghèo và người thiếu thốn của chúng ta, những người không nhận được sự giúp đỡ nào từ chúng ta". [166] Do đó, hoàng đế nhấn mạnh đến nhu cầu tạo ra các tổ chức từ thiện để cạnh tranh với các tổ chức của các Ki-tô hữu và do đó giành được sự tôn trọng của xã hội: "Cần phải thiết lập nhiều nơi ở tại mỗi thành phố để những người nhập cư có thể tận hưởng lòng nhân ái của chúng ta… và giúp người Hy Lạp quen với những việc làm hào phóng như vậy". [167] Julian đã không đạt được mục tiêu của mình, chắc chắn là vì đằng sau những việc làm đó không có gì có thể so sánh được với lòng bác ái của các Ki-tô hữu vốn tôn trọng phẩm giá độc nhất của mỗi người.

170. Bằng cách liên kết với những tầng lớp thấp nhất của xã hội (x. *Mt* 25:31-46), "Chúa Giêsu đã mang đến sự mới mẻ lớn lao là công nhận phẩm giá của mọi người, đặc biệt là những người bị coi là 'không xứng đáng'. Nguyên lý mới này trong lịch sử loài người – nhấn mạnh rằng các cá nhân thậm chí còn "xứng đáng" hơn với sự tôn trọng và tình yêu của chúng ta khi họ yếu đuối, bị khinh thường hoặc đau khổ, thậm chí đến mức mất đi "hình ảnh" con người – đã thay đổi bộ mặt thế giới. Nó đã mang lại sức sống cho các tổ chức chăm sóc những người thấy mình trong hoàn cảnh bất lợi, chẳng hạn như trẻ sơ sinh bị bỏ rơi, trẻ mồ côi, người già không có sự hỗ trợ, người mắc bệnh tâm thần, người mắc bệnh nan y hoặc dị tật nghiêm trọng, và những người sống trên đường phố". [168]

171. Khi chiêm ngưỡng trái tim bị đâm thâu của Chúa, Đấng "đã mang lấy những tật nguyền của chúng ta và gánh chịu những bệnh tật của chúng ta" (*Mt* 8:17), chúng ta cũng được truyền cảm hứng để chú ý hơn đến những đau khổ và nhu cầu của người khác, và được khẳng định trong những nỗ lực của chúng ta để chia sẻ công cuộc giải phóng của Người như những công cụ để truyền bá tình yêu của Người. [169] Khi chúng ta suy gẫm về sự tự hiến của Chúa Kitô vì lợi ích của mọi người, chúng ta tự nhiên được dẫn dắt để hỏi tại sao cả chúng ta nữa cũng không nên sẵn sàng hiến dâng cuộc sống của mình cho người khác: "Chúng ta biết tình yêu là gì, đó là Người đã hiến mạng sống vì chúng ta – và chúng ta cũng phải hiến mạng sống vì nhau" (*1 Ga* 3:16).

CÁC TIẾNG VANG TRONG LỊCH SỬ LINH ĐẠO

172. Mối liên kết giữa lòng sùng kính trái tim Chúa Giêsu và sự cam kết với anh chị em của chúng ta luôn là một hằng số trong lịch sử linh đạo Kitô giáo. Chúng ta hãy xem xét một vài ví dụ.

Là một nguồn nước mà người khác có thể uống

173. Bắt đầu từ Origen, nhiều Giáo phụ của Giáo hội đã suy gẫm về những lời trong *Tin mừng Gioan* 7:38 – "từ trái tim Người sẽ chảy ra những dòng nước hằng sống" – ám chỉ những người đã uống Chúa Kitô và đặt niềm tin vào Người. Sự kết hợp của chúng ta với Chúa Kitô không chỉ nhằm thỏa mãn cơn khát của chính chúng ta mà còn biến chúng ta thành những nguồn nước hằng sống cho người khác. Origen đã viết rằng Chúa Kitô thực hiện lời hứa của Người bằng cách tạo ra những nguồn nước tươi mát tuôn trào bên trong chúng ta: "Linh hồn con người, được tạo ra theo hình ảnh của Chúa,

có thể tự chứa đựng và tuôn trào ra những giếng nước, đài phun nước và dòng sông". [170]

174. Thánh Am-brô-si-ô khuyên nên uống thật nhiều Chúa Kitô, "để suối nước tuôn trào thành sự sống vĩnh cửu có thể tràn ngập trong bạn". [171] Marius Victorinus tin rằng Chúa Thánh Thần đã ban tặng chính mình một cách dồi dào đến nỗi "bất cứ ai đón nhận Người đều trở thành một trái tim tuôn trào những dòng nước sống". [172] Thánh Augustinô coi dòng nước chảy ra từ tín hữu này là lòng nhân từ. [173] Thánh Tô ma Aquinô do đó đã khẳng định rằng bất cứ khi nào ai đó "vội vã chia sẻ những ân huệ khác nhau đã nhận được từ Chúa, thì nước sống sẽ chảy ra từ trái tim của người đó". [174]

175. Mặc dù "hy lễ được dâng trên thập giá trong sự vâng phục đầy yêu thương mang lại sự đền tạ vô biên và dồi dào nhất cho tội lỗi của nhân loại", [175], Giáo hội, được sinh ra từ trái tim Chúa Kitô, kéo dài và ban tặng, trong mọi thời đại và mọi nơi, các hoa trái của cuộc khổ nạn cứu chuộc duy nhất đó, dẫn dắt những người nam và người nữ đến sự kết hợp trực tiếp với Chúa.

176. Trong trái tim của Giáo hội, sự trung gian của Đức Maria, với tư cách là người cầu bầu và là mẹ của chúng ta, chỉ có thể được hiểu là "một sự chia sẻ trong nguồn duy nhất, đó là sự trung gian của chính Chúa Kitô", [176] Đấng Cứu Chuộc duy nhất. Vì lý do này, "Giáo hội không ngần ngại tuyên xưng vai trò phụ thuộc của Đức Maria". [177] Lòng sùng kính trái tim của Đức Maria không làm giảm đi sự tôn thờ duy nhất dành cho trái tim của Chúa Kitô, mà đúng hơn là làm tăng thêm sự tôn thờ đó: "Chức năng của Đức Maria là mẹ của nhân loại không làm lu mờ hay làm giảm đi sự trung gian độc nhất này của Chúa Kitô, mà đúng hơn là cho thấy sức mạnh của nó". [178] Nhờ những ân sủng dồi dào tuôn chảy từ cạnh sườn mở của Chúa Kitô, theo những cách khác nhau, Giáo hội, Đức Trinh Nữ Maria và tất cả các tín hữu trở thành những dòng nước sống. Theo cách này, Chúa Kitô thể hiện vinh quang của Người trong và qua sự nhỏ bé của chúng ta.

Tình huynh đệ và phong trào huyền nhiệm

177. Thánh Bernard, khi khuyên chúng ta kết hợp với trái tim của Chúa Kitô, đã dựa vào sự phong phú của lòng sùng kính này để kêu gọi một sự hoán cải dựa trên tình yêu. Thánh Bernard tin rằng tình cảm của chúng ta, bị nô lệ bởi những thú vui, vẫn có thể được biến đổi và giải thoát, không phải bằng sự tuân theo mù quáng một giới răn mà đúng hơn là để đáp lại tình yêu tuyệt vời của Chúa Kitô. Cái ác bị chiến thắng bởi cái thiện, bị chinh phục bởi sự nở hoa của tình yêu: "Hãy yêu Chúa là Thiên Chúa của bạn bằng sự âu yếm trọn vẹn và sâu sắc của tất cả trái tim bạn; yêu Người với tâm trí hoàn toàn tỉnh táo và chú ý; yêu Người với tất cả sức mạnh của bạn, nhiều đến nỗi bạn thậm chí không sợ chết vì tình yêu của Người… Tình cảm của bạn dành cho Chúa Giêsu phải vừa ngọt ngào vừa thân mật, để chống lại những cám dỗ ngọt ngào của cuộc sống xác thịt. Sự ngọt ngào chiến thắng sự ngọt ngào, như một chiếc đinh đóng đẩy một chiếc đinh khác". [179]

178. Thánh Phanxicô de Sales đặc biệt bị cuốn hút bởi những lời của Chúa Giêsu, "Hãy học cùng tôi, vì tôi hiền lành và khiêm nhường trong lòng" (Mt 11:29). Ngay cả trong những điều đơn giản và bình thường nhất, ngài nói, chúng ta có thể "đánh cắp" trái tim của Chúa. "Những ai muốn phục vụ Người một cách xứng đáng phải chú ý không những đến những vấn đề cao cả và quan trọng, mà còn đến những điều tầm thường và nhỏ bé, vì bằng cả hai điều đó, chúng ta có thể chiếm được trái tim và tình yêu của Người… Ý tôi là những hành động kiên nhẫn hàng ngày, cơn đau đầu, cơn đau răng, cơn cảm lạnh; những thói quen kỳ quặc gây mệt mỏi một người chồng hoặc người vợ, chiếc ly vỡ, việc mất một chiếc nhẫn, một chiếc khăn tay, một chiếc găng tay; sự chế nhạo của một người hàng xóm; nỗ lực đi ngủ sớm để dậy sớm để cầu nguyện hoặc rước lễ, sự nhút nhát nhỏ bé của một số người khi công khai thực hiện các bổn phận tôn giáo… Hãy chắc chắn rằng tất cả những đau khổ này, dù nhỏ bé đến đâu,

nếu được chấp nhận một cách yêu thương, sẽ làm đẹp lòng Chúa nhất". [180] Tuy nhiên, cuối cùng, phản ứng của chúng ta đối với tình yêu của trái tim Chúa Kitô được tỏ lộ trong tình yêu dành cho người lân cận: "một tình yêu vững chắc, liên tục, ổn định, không quan tâm đến những vấn đề tầm thường hoặc địa vị của mọi người trong cuộc sống, không chịu sự thay đổi hay thù địch… Chúa chúng ta yêu thương chúng ta không ngừng, chịu đựng rất nhiều khuyết điểm và sai sót của chúng ta. Chính vì thế, chúng ta phải làm như vậy với anh chị em mình, không bao giờ mệt mỏi khi phải chịu đựng họ". [181]

179. Thánh Charles de Foucauld đã cố gắng noi gương Chúa Giêsu bằng cách sống và hành động như Người, trong nỗ lực không ngừng để làm những gì Chúa Giêsu sẽ làm ở vị trí của ngài. Chỉ bằng cách tuân theo những tình cảm của trái tim Chúa Kitô, ngài mới có thể hoàn thành trọn vẹn mục tiêu này. Ở đây chúng ta cũng tìm thấy ý tưởng về "tình yêu đáp trả tình yêu". Theo lời của ngài, "Tôi mong muốn chịu đau khổ để đáp trả tình yêu bằng tình yêu, để noi gương Người… để bước vào công trình của Người, để cùng Người hiến dâng chính mình, sự hư vô của tôi, như một hy lễ, như một nạn nhân, để thánh hóa con người". [182] Mong muốn mang tình yêu của Chúa Giêsu đến với người khác, sự vươn tay ra truyền giáo của ngài đến những người nghèo nhất và bị lãng quên nhất trên thế giới, đã khiến ngài lấy những chữ "Giêsu-Bác ái [Iesus-Caritas]", với biểu tượng trái tim Chúa Kitô được đặt trên một cây thánh giá làm huy hiệu của ngài. [183] Đây cũng không phải là một quyết định dễ dàng: "Với tất cả sức mạnh của mình, tôi cố gắng chỉ ra và chứng minh cho những người anh em tội nghiệp lạc lối này rằng tôn giáo của chúng ta hoàn toàn là bác ái, hoàn toàn là tình huynh đệ, và biểu tượng của nó là một trái tim". [184] Ngài muốn định cư cùng với những người anh em khác "tại Maroc, nhân danh trái tim Chúa Giêsu". [185] Theo cách này, công việc truyền giáo của họ có thể lan tỏa ra bên ngoài: "Bác ái phải lan tỏa từ các tình huynh đệ của chúng ta, cũng như nó lan tỏa từ trái tim Chúa Giêsu". [186] Mong muốn này dần dần biến ngài thành một "người anh em hoàn vũ". Để mình được hình thành bởi trái tim Chúa Kitô, ngài tìm cách che chở toàn thể nhân loại đau khổ trong trái tim huynh đệ của mình: "Trái tim chúng ta, giống như trái tim Chúa Giêsu, phải ôm trọn tất cả nam và nữ". [187] "Tình yêu của trái tim Chúa Giêsu dành cho nam và nữ, tình yêu mà Người đã bày tỏ trong cuộc khổ nạn của Người, đây là điều chúng ta cần có đối với tất cả mọi người". [188]

180. Cha Henri Huvelin, linh hướng của Thánh Charles de Foucauld, đã nhận xét rằng, "khi Chúa ngự trong một trái tim, Người ban cho nó những tình cảm như vậy, và trái tim này vươn tới những người anh chị em bé nhỏ nhất của chúng ta. Đó chính là trái tim của Thánh Vincent de Paul… Khi Chúa ngự trong tâm hồn của một linh mục, Người khiến linh mục vươn tới những người nghèo". [189] Điều quan trọng là phải nhận ra rằng lòng nhiệt thành tông đồ của Thánh Vincent, như Cha Huvelin mô tả, cũng được nuôi dưỡng bởi lòng sùng kính trái tim Chúa Kitô. Thánh Vincent thúc giục các anh em của mình "tìm thấy trong trái tim Chúa chúng ta một lời an ủi cho người bệnh nghèo". [190] Nếu lời đó có sức thuyết phục, thì trước tiên trái tim của chính chúng ta phải được thay đổi bởi tình yêu và sự dịu dàng của trái tim Chúa Kitô. Thánh Vincent thường nhắc lại niềm tin này trong các bài giảng và lời khuyên của ngài, và nó đã trở thành một đặc điểm đáng chú ý trong Hiến chương của Hội dòng ngài: "Chúng ta nên nỗ lực hết sức để học bài học sau đây, cũng được Chúa Kitô dạy: 'Hãy học cùng Ta, vì Ta hiền lành và khiêm nhường trong lòng'. Chúng ta nên nhớ rằng chính Người đã nói rằng bằng sự hiền lành, chúng ta sẽ thừa hưởng trái đất. Nếu chúng ta hành động theo điều này, chúng ta sẽ chinh phục được mọi người để họ quay về với Chúa. Điều đó sẽ không xảy ra nếu chúng ta đối xử với mọi người một cách khắc nghiệt hoặc gay gắt". [191]

ĐỀN TẠ: XÂY DỰNG TRÊN NHỮNG ĐIÊU TÀN

181. Tất cả những gì đã nói cho đến nay giúp chúng ta hiểu được dưới ánh sáng của lời Chúa ý nghĩa đúng đắn của "sự đền tạ" trái tim Chúa Kitô mà Chúa vốn mong đợi chúng ta "cống hiến", với sự giúp

đỡ của ân sủng của Người. Câu hỏi này đã được thảo luận nhiều, nhưng Thánh Gioan Phaolô II đã đưa ra cho chúng ta một câu trả lời rõ ràng có thể hướng dẫn các Kitô hữu ngày nay hướng tới một tinh thần đền tạ gần gũi hơn với các sách Tin Mừng.

Ý nghĩa xã hội của việc đền tạ trái tim của Chúa Kitô

182. Thánh Gioan Phaolô giải thích rằng bằng cách cùng nhau phó thác cho trái tim của Chúa Kitô, "trên những đống đổ nát do lòng hận thù và bạo lực tích tụ, nền văn minh tình yêu rất được mong muốn, Vương quốc của trái tim Chúa Kitô, có thể được xây dựng". Điều này rõ ràng đòi hỏi chúng ta phải "kết hợp tình yêu con thảo với Thiên Chúa và tình yêu tha nhân", và thực sự đây là "việc đền tạ thực sự mà trái tim của Đấng Cứu Thế yêu cầu". [192] Trong sự hiệp nhất với Chúa Kitô, giữa những đống đổ nát mà chúng ta đã để lại trên thế giới này do tội lỗi của mình, chúng ta được kêu gọi xây dựng một nền văn minh tình yêu mới. Đó chính là ý nghĩa của việc đền tạ như trái tim Chúa Kitô muốn chúng ta làm. Giữa sự tàn phá do cái ác gây ra, trái tim của Chúa Kitô mong muốn chúng ta hợp tác với Người để khôi phục lại sự tốt lành và vẻ đẹp cho thế giới của chúng ta.

183. Mọi tội lỗi đều gây hại cho Giáo hội và xã hội; do đó, "mọi tội lỗi chắc chắn có thể được coi là tội xã hội" và điều này đặc biệt đúng đối với những tội lỗi "tự bản chất của chúng cấu thành một cuộc tấn công trực tiếp vào người lân cận". [193] Thánh Gioan Phaolô II giải thích rằng việc lặp lại những tội lỗi này đối với người khác thường củng cố một "cấu trúc tội lỗi" có tác động đến sự phát triển của các dân tộc. [194] Thông thường, đây là một phần của lối suy nghĩ thống trị coi những gì chỉ là ích kỷ và thờ ơ là bình thường hoặc hợp lý. Điều này sau đó dẫn đến sự tha hóa xã hội: "Một xã hội bị tha hóa nếu các hình thức tổ chức xã hội, sản xuất và tiêu dùng của nó khiến việc trao tặng bản thân và thiết lập tình liên đới giữa mọi người trở nên khó khăn hơn". [195] Không chỉ là chuẩn mực đạo đức khiến chúng ta vạch trần và chống lại những cấu trúc xã hội tha hóa này và ủng hộ những nỗ lực trong xã hội nhằm khôi phục và củng cố lợi ích chung. Đúng hơn, chính "sự hoán cải của trái tim" của chúng ta "áp đặt nghĩa vụ" [196] để sửa chữa những cấu trúc này. Chính phản ứng của chúng ta đối với tình yêu của trái tim Chúa Giêsu, dạy chúng ta biết yêu thương đáp lại.

184. Chính vì sự đền tạ theo Tin Mừng sở hữu chiều kích xã hội quan trọng này, nên các hành động yêu thương, phục vụ và hòa giải của chúng ta, để thực sự có tính đền tạ cần phải được Chúa Kitô truyền cảm hứng, thúc đẩy và trao quyền. Thánh Gioan Phaolô II cũng nhận xét rằng "để xây dựng nền văn minh tình yêu", [197] thế giới ngày nay cần trái tim của Chúa Kitô. Sự đền tạ của Kitô giáo không thể chỉ được hiểu là một tập hợp các công việc bên ngoài, mặc dù chúng có thể không thể thiếu và đôi khi đáng ngưỡng mộ. Những công việc này cần một "bí ẩn", một tâm hồn, một ý nghĩa mang lại cho chúng sức mạnh, động lực và sự sáng tạo không mệt mỏi. Chúng cần sự sống, ngọn lửa và ánh sáng tỏa ra từ trái tim Chúa Kitô.

Chữa lành những trái tim bị tổn thương

185. Một sự đền tạ chỉ mang tính bên ngoài cũng không đủ, cho cả thế giới của chúng ta lẫn cho trái tim Chúa Kitô. Nếu mỗi người chúng ta xem xét tội lỗi của chính mình và ảnh hưởng của chúng đối với người khác, chúng ta sẽ nhận ra rằng việc sửa chữa tổn hại đã gây ra cho thế giới này cũng đòi hỏi một mong muốn hàn gắn những trái tim bị tổn thương nơi những tổn thương sâu sắc nhất đã xảy ra và nỗi đau là đau đớn nhất.

186. Do đó, tinh thần đền tạ "dẫn chúng ta đến niềm hy vọng rằng mọi vết thương đều có thể được chữa lành, bất kể nó sâu đến đâu. Việc đền tạ hoàn toàn đôi khi có vẻ là bất khả, chẳng hạn như khi tài

sản hoặc người thân yêu bị mất hoàn toàn, hoặc khi một số tình huống trở nên không thể khắc phục được. Tuy nhiên, ý định đền tạ và thực hiện theo cách cụ thể là điều cần thiết cho quá trình hòa giải và trở lại với sự bình yên trong tâm hồn". [198]

Vẻ đẹp của việc cầu xin sự tha thứ

187. Ý định tốt là không đủ. Phải có một mong muốn bên trong được phát biểu qua hành động bên ngoài của chúng ta. "Sự đền tạ, nếu là Kitô giáo, để chạm đến trái tim của người bị xúc phạm và không chỉ là một hành động công lý giao hoán đơn thuần, đòi hỏi hai điều: thừa nhận tội lỗi của chúng ta và cầu xin sự tha thứ… Chính từ sự thừa nhận trung thực về sai lầm đã gây ra cho anh chị em của chúng ta, và từ nhận thức sâu sắc và chân thành rằng tình yêu đã bị tổn hại, mà mong muốn sửa chữa nảy sinh". [199]

188. Chúng ta không bao giờ nên nghĩ rằng việc thừa nhận tội lỗi của mình trước người khác bằng cách nào đó là hạ thấp hoặc xúc phạm đến phẩm giá con người của chúng ta. Ngược lại, nó đòi hỏi chúng ta phải ngừng lừa dối bản thân và thừa nhận quá khứ của mình như nó vốn có, bị tội lỗi làm hoen ố, đặc biệt là trong những trường hợp chúng ta gây tổn thương cho anh chị em của mình. "Tự buộc tội là một phần của sự khôn ngoan Kitô giáo… Điều đó làm đẹp lòng Chúa, vì Chúa chấp nhận một trái tim thống hối". [200]

189. Một phần của tinh thần đền tạ này là phong tục cầu xin sự tha thứ từ anh chị em của chúng ta, điều này thể hiện sự cao quý lớn lao giữa sự yếu đuối của con người chúng ta. Việc cầu xin sự tha thứ là một phương tiện chữa lành các mối quan hệ, vì nó "mở lại cuộc đối thoại và tỏ bầy ý chí tái lập mối dây bác ái huynh đệ… Nó chạm đến trái tim của anh chị em chúng ta, mang lại sự an ủi và truyền cảm hứng chấp nhận sự tha thứ được yêu cầu. Ngay cả khi điều không thể sửa chữa được không thể hoàn toàn được sửa chữa, tình yêu luôn có thể được tái sinh, khiến tổn thương trở nên dễ chịu hơn". [201]

190. Một trái tim có khả năng ăn năn sẽ phát triển trong tình huynh đệ và tình liên đới. Nếu không, "chúng ta sẽ thoái lui và già đi bên trong", trong lúc khi "lời cầu nguyện của chúng ta trở nên đơn giản và sâu sắc hơn, dựa trên sự tôn thờ và thán phục trước sự hiện diện của Chúa, chúng ta sẽ phát triển và trưởng thành. Chúng ta trở nên ít gắn bó với bản thân hơn và gắn bó hơn với Chúa Kitô. Trở nên nghèo khó trong tinh thần, chúng ta đến gần hơn với những người nghèo, những người thân yêu nhất của Chúa". [202] Điều này dẫn đến một tinh thần đền tạ thực sự, vì "những người cảm thấy ăn năn trong trái tim ngày càng cảm thấy mình là anh chị em với tất cả những tội nhân trên thế giới; từ bỏ thái độ tự cao và phán đoán khắc nghiệt của mình, họ tràn đầy mong muốn cháy bỏng được thể hiện tình yêu và đền tạ". [203] Cảm giác liên đới nảy sinh từ sự ăn năn cũng giúp cho sự hòa giải diễn ra. Người có khả năng ăn năn, "thay vì cảm thấy tức giận và tai tiếng trước những thiếu sót của anh chị em mình, thì khóc vì tội lỗi của họ. Có một sự đảo ngược, khi khuynh hướng tự nhiên là dễ dãi với bản thân và cứng ngắc với người khác bị đảo ngược và, nhờ ân sủng của Chúa, chúng ta trở nên nghiêm khắc với bản thân và thương xót người khác". [204]

ĐỀN TẠ: MỘT SỰ MỞ RỘNG TRÁI TIM ĐỨC KITÔ

191. Có một cách tiếp cận khác, bổ sung, đối với việc đền tạ, cho phép chúng ta đặt nó vào một mối quan hệ trực tiếp hơn với trái tim của Chúa Kitô, mà không loại trừ khía cạnh cam kết cụ thể đối với anh chị em mình.

192. Ở một nơi khác, tôi đã gợi ý rằng, "bằng cách nào đó, Chúa đã tìm cách giới hạn bản thân theo

cách mà nhiều điều chúng ta nghĩ là điều ác, nguy hiểm hoặc nguồn đau khổ, trên thực tế lại là một phần của những cơn đau khi sinh nở mà Người sử dụng để lôi kéo chúng ta vào hành động hợp tác với Đấng Tạo Hóa". [205] Sự hợp tác này từ phía chúng ta có thể cho phép sức mạnh và tình yêu của Thiên Chúa lan tỏa trong cuộc sống của chúng ta và trên thế giới, trong khi sự từ chối hoặc thờ ơ của chúng ta có thể ngăn cản điều đó. Một số đoạn trong Kinh thánh diễn tả điều này theo cách ẩn dụ, như khi Chúa kêu lên, "Ước gì ngươi trở về với Ta, hỡi Israel!" (x. *Grm* 4:1). Hoặc khi đối diện với sự từ chối của dân Người, Người nói, "Lòng Ta nao nao trong Ta; lòng thương xót của Ta trở nên ấm áp và dịu dàng" (*Hs* 11:8).

193. Mặc dù không thể nói về nỗi đau khổ mới từ phía Chúa vinh quang, nhưng "mầu nhiệm vượt qua của Chúa Kitô… và tất cả những gì Chúa Kitô là - tất cả những gì Người đã làm và chịu đựng vì tất cả mọi người - đều tham gia vào cõi vĩnh hằng thần thiêng, và do đó vượt qua mọi thời gian trong khi hiện diện trong chúng tất cả". [206] Chúng ta có thể nói rằng Người đã cho phép vinh quang rộng lớn của sự phục sinh của Người bị hạn chế và sự lan tỏa của tình yêu bao la và cháy bỏng của Người bị kiềm chế, để dành chỗ cho sự hợp tác tự do của chúng ta với trái tim Người. Chúng ta từ chối tình yêu của Người dựng lên một rào cản đối với hồng phúc ân sủng đó, trong khi việc chúng ta tin tưởng chấp nhận nó mở ra một không gian, một kênh cho phép nó đổ vào trái tim chúng ta. Sự từ chối hoặc thờ ơ của chúng ta hạn chế tác động của quyền năng Người và sự phong phú của tình yêu Người trong chúng ta. Nếu Người không gặp được sự cởi mở và tin tưởng nơi tôi, thì tình yêu của Người sẽ bị tước mất – vì chính Người đã muốn – sự mở rộng, độc đáo và không thể lặp lại, trong cuộc sống của tôi và trên thế giới này, nơi Người gọi tôi để làm Người hiện diện. Một lần nữa, điều này không bắt nguồn từ bất cứ sự yếu đuối nào từ phía Người mà đúng hơn là từ sự tự do vô hạn của Người, quyền năng mầu nhiệm của Người và tình yêu hoàn hảo của Người dành cho mỗi người chúng ta. Khi quyền năng của Thiên Chúa được tỏ lộ trong sự yếu đuối của tự do con người chúng ta, "chỉ có đức tin mới có thể nhận ra điều đó". [207]

194. Thánh Mar-ga-rét Maria kể lại rằng, trong một lần hiện ra, Chúa Kitô đã nói về tình yêu nồng cháy của trái tim Người dành cho chúng ta, Người nói với bà rằng, "không thể kiềm chế ngọn lửa bác ái cháy bỏng của Người, Người phải lan tỏa chúng ra khắp nơi". [208] Vì Chúa, Đấng có thể làm mọi sự, mong muốn trong sự tự do thần thiêng của Người đòi hỏi sự hợp tác của chúng ta, nên sự đền tạ có thể được hiểu là việc chúng ta loại bỏ những trở ngại mà chúng ta đặt ra trước sự mở rộng tình yêu của Chúa Kitô trên thế giới do chúng ta thiếu tin tưởng, biết ơn và hy sinh bản thân.

Một sự dâng hiến cho tình yêu

195. Để giúp chúng ta suy gẫm sâu sắc hơn về mầu nhiệm này, chúng ta có thể một lần nữa quay lại với linh đạo sáng ngời của Thánh Têrêsa Hài Đồng Giêsu. Thánh Têrêsa biết rằng ở một số nơi, một hình thức đền tạ cực đoan đã phát triển, dựa trên sự sẵn lòng hy sinh bản thân vì người khác và theo một nghĩa nào đó trở thành "cột thu lôi" cho những hình phạt của công lý thần thiêng. Theo lời của bà, "Tôi nghĩ về những linh hồn tự hiến mình làm nạn nhân của công lý Thiên Chúa để tránh những hình phạt dành cho tội nhân, tự mình gánh chịu chúng". [209] Tuy nhiên, mặc dù sự dâng hiến như vậy có vẻ lớn lao và hào phóng, nhưng bà không thấy nó quá hấp dẫn: "Tôi không cảm thấy bị thu hút để làm điều đó". [210] Sự nhấn mạnh quá lớn vào công lý của Chúa cuối cùng có thể dẫn đến khái niệm cho rằng sự hy sinh của Chúa Kitô bằng cách nào đó không trọn vẹn hoặc chỉ có hiệu quả một phần, hoặc lòng thương xót của Người không đủ mạnh mẽ.

196. Với sự hiểu biết sâu sắc về tâm linh, Thánh Têrêsa đã khám phá ra rằng chúng ta có thể hiến dâng bản thân theo một cách khác, không cần phải thỏa mãn công lý của Chúa mà bằng cách để tình yêu vô

hạn của Chúa lan tỏa tự do: “Lạy Chúa tôi! Tình yêu bị khinh miệt của Người sẽ vẫn khép kín trong trái tim Người sao? Với tôi, dường như nếu Người tìm thấy những linh hồn hiến dâng bản thân mình như nạn nhân của cuộc tàn sát cho tình yêu của Người, Người sẽ nhanh chóng thiêu rụi họ; với tôi, dường như Người cũng sẽ vui vẻ không kìm hãm những làn sóng dịu dàng vô hạn trong Người”. [211]

197. Mặc dù không cần thêm bất cứ điều gì vào sự hy sinh cứu chuộc duy nhất của Chúa Kitô, nhưng sự thật vẫn là sự từ chối tự do của chúng ta có thể ngăn cản trái tim Chúa Kitô lan tỏa “những làn sóng dịu dàng vô hạn của Người” trên thế giới này. Một lần nữa, điều này là vì Chúa muốn tôn trọng sự tự do của chúng ta. Hơn cả công lý của Thiên Chúa, chính sự kiện tình yêu của Chúa Kitô có thể bị từ chối đã làm cho trái tim của Thánh Têrêsa bối rối, bởi vì đối với bà, công lý của Thiên Chúa chỉ được hiểu dưới ánh sáng tình yêu của Người. Như chúng ta đã thấy, bà đã chiêm ngưỡng mọi sự hoàn hảo của Thiên Chúa qua lòng thương xót của Người, và do đó thấy chúng được biến đổi và rạng ngời tình yêu. Theo lời bà, “ngay cả công lý của Người (và có lẽ điều này còn hơn cả những điều khác) đối với tôi dường như được mặc lấy tình yêu”. [212]

198. Đây là nguồn gốc của Hành động Hiến dâng của bà, không phải cho công lý của Thiên Chúa mà cho tình yêu thương xót của Người. “Con dâng mình như một nạn nhân của lễ thiêu cho tình yêu thương xót của Người, cầu xin Người thiêu đốt con không ngừng, để những làn sóng dịu dàng vô hạn ẩn chứa trong Người tràn vào tâm hồn con, và như vậy con có thể trở thành một vị tử đạo của tình yêu của Người”. [213] Điều quan trọng là phải nhận ra rằng, đối với Thánh Têrêsa, điều này không chỉ là để cho trái tim của Chúa Kitô lấp đầy trái tim bà, thông qua sự tin tưởng hoàn toàn của bà, với vẻ đẹp của tình yêu của Người, mà còn là để tình yêu đó, thông qua cuộc sống của bà, lan tỏa đến những người khác và do đó biến đổi thế giới. Một lần nữa, theo lời bà, “Trong trái tim của Giáo hội, Mẹ của tôi, tôi sẽ là tình yêu… và như vậy giấc mơ của tôi sẽ thành hiện thực”. [214] Hai khía cạnh này gắn liền không thể tách rời.

199. Chúa đã chấp nhận lễ vật của bà. Chúng ta thấy rằng ngay sau đó, bà tuyên bố rằng bà cảm thấy một tình yêu mãnh liệt dành cho người khác và khẳng định rằng tình yêu đó đến từ trái tim của Chúa Kitô, được nối dài qua bà. Vì vậy, bà nói với chị gái Léonie của mình: “Em yêu chị gấp ngàn lần dịu dàng hơn những người chị em bình thường yêu nhau, vì em có thể yêu chị bằng trái tim của người phối ngẫu trên trời của chúng ta”. [215] Sau đó, bà viết cho Maurice Bellière, “Em muốn làm cho anh hiểu được sự dịu dàng của trái tim Chúa Giêsu, những gì Người mong đợi ở anh!” [216]

Tính toàn vẹn và sự hòa hợp

200. Thưa anh chị em, tôi đề nghị rằng chúng ta hãy phát triển phương tiện đền tạ này, nói một cách ngắn gọn, là trao tặng trái tim của Chúa Kitô một khả năng mới để lan tỏa ngọn lửa tình yêu nồng cháy và nhân từ của Người trên thế giới này. Mặc dù sự đền tạ vẫn đúng là mong muốn “bồi thường cho những tổn thương đã gây ra cho Tình yêu chưa được tạo ra, dù là do sự vô ý hay sự xúc phạm nghiêm trọng”, [217] cách phù hợp nhất để làm điều này là tình yêu của chúng ta trao tặng Chúa một khả năng lan tỏa, để đền tạ cho tất cả những lần tình yêu của Người bị từ chối hoặc khước từ. Điều này không chỉ đơn thuần là “sự an ủi” Chúa Kitô mà chúng ta đã nói đến trong chương trước; nó được thể hiện trong các hành động yêu thương huynh đệ mà qua đó chúng ta chữa lành vết thương của Giáo hội và thế giới. Theo cách này, chúng ta trao tặng sức mạnh chữa lành của trái tim Chúa Kitô những cách mới để phát biểu chính nó.

201. Những hy sinh và đau khổ mà những hành động yêu thương tha nhân này đòi hỏi đã kết hợp chúng ta với cuộc khổ nạn của Chúa Kitô. Theo cách này, “qua cuộc đóng đinh huyền nhiệm mà Thánh

Tông Đồ nói đến, chúng ta sẽ nhận được hoa trái dồi dào của sự xoa dịu và đền tội, cho chính chúng ta và cho những người khác". [218] Chỉ có Chúa Kitô cứu chúng ta bằng sự hy sinh của Người trên thập giá; chỉ có Người cứu chuộc chúng ta, vì "chỉ có một Thiên Chúa; chỉ có một Đấng trung gian giữa Thiên Chúa và loài người, là con người Đức Kitô Giêsu, Đấng đã hiến mình làm giá chuộc cho mọi người" (*1 Tm* 2:5-6). Sự đền tạ mà chúng ta dâng hiến là sự tham gia được chấp nhận một cách tự do vào tình yêu cứu chuộc của Người và sự hy sinh duy nhất của Người. Như vậy, chúng ta hoàn thành trong xác thịt của mình "những gì còn thiếu trong những đau khổ của Chúa Kitô vì lợi ích của thân thể Người, tức là Giáo Hội" (*Cl* 1:24); và chính Chúa Kitô nối dài qua chúng ta những hiệu quả của sự tự hiến hoàn toàn và đầy yêu thương của Người.

202. Thường thì những đau khổ của chúng ta liên quan đến bản ngã bị tổn thương của chính chúng ta. Sự khiêm nhường của trái tim Chúa Kitô chỉ cho chúng ta con đường hạ mình. Thiên Chúa đã chọn đến với chúng ta trong sự hạ mình và nhỏ bé. Cựu Ước đã cho chúng ta thấy, bằng nhiều ẩn dụ khác nhau, một Thiên Chúa đi vào lòng lịch sử và để cho dân Người từ chối Người. Tình yêu của Chúa Kitô được thể hiện giữa cuộc sống thường nhật của dân Người, như thể đang cầu xin một lời đáp trả, như thể đang xin phép Người được biểu lộ vinh quang của Người. Tuy nhiên, "có lẽ chỉ một lần Chúa Giêsu nhắc đến chính trái tim Người, bằng chính lời của Người. Và Người nhấn mạnh đặc điểm duy nhất này: 'hiền lành và khiêm nhường', như thể muốn nói rằng chỉ bằng cách này Người mới muốn giành được chúng ta về với Người". [219] Khi Người nói, "Hãy học cùng Ta, vì Ta hiền lành và khiêm nhường trong lòng" (*Mt* 11:29), Người đã cho chúng ta thấy rằng "để tỏ mình ra, Người cần sự bé nhỏ của chúng ta, sự tự hạ mình của chúng ta". [220]

203. Trong những gì chúng ta đã nói, điều quan trọng là phải lưu ý đến một số khía cạnh không thể tách rời. Các hành vi yêu thương tha nhân, với sự từ bỏ, tự chối, đau khổ và nỗ lực mà chúng đòi hỏi, chỉ có thể như vậy khi chúng được nuôi dưỡng bằng chính tình yêu của Chúa Kitô. Người giúp chúng ta yêu thương như Người đã yêu, và theo cách này, Người yêu thương và phục vụ người khác thông qua chúng ta. Người hạ mình xuống để thể hiện tình yêu của Người qua các hành động của chúng ta, nhưng ngay cả trong những việc thương xót nhỏ nhất của chúng ta, trái tim Người vẫn được tôn vinh và thể hiện tất cả sự vĩ đại của Người. Một khi trái tim chúng ta chào đón tình yêu của Chúa Kitô trong sự tin tưởng hoàn toàn, và để ngọn lửa của tình yêu ấy lan tỏa trong cuộc sống của chúng ta, chúng ta có khả năng yêu thương người khác như Chúa Kitô đã yêu thương, trong sự khiêm nhường và gần gũi với tất cả mọi người. Theo cách này, Chúa Kitô thỏa mãn cơn khát của Người và vinh quang lan tỏa ngọn lửa tình yêu nồng cháy và nhân từ của Người trong chúng ta và thông qua chúng ta. Làm sao chúng ta có thể không thấy được sự hòa hợp tuyệt vời hiện diện trong tất cả những điều này?

204. Cuối cùng, để đánh giá cao lòng sùng kính này trong tất cả sự phong phú của nó, cần phải nói thêm, theo quan điểm của những gì chúng ta đã nói về chiều kích Ba Ngôi của nó, rằng sự đền tạ mà Chúa Kitô thực hiện trong nhân tính của Người được dâng lên Chúa Cha thông qua hoạt động của Chúa Thánh Thần trong mỗi người chúng ta. Do đó, sự đền tạ mà chúng ta dâng lên trái tim của Chúa Kitô cuối cùng hướng đến Chúa Cha, Đấng hài lòng khi thấy chúng ta hiệp nhất với Chúa Kitô bất cứ khi nào chúng ta dâng hiến chính mình qua Người, với Người và trong Người.

MANG TÌNH YÊU ĐẾN THẾ GIỚI

205. Sứ điệp của Chúa Kitô hấp dẫn khi được trải nghiệm và diễn đạt một cách trọn vẹn: không chỉ đơn thuần là nơi ẩn náu cho những suy nghĩ đạo đức hay một dịp để cử hành những nghi lễ gây ấn tượng. Chúng ta sẽ thờ phượng Chúa Kitô như thế nào nếu chúng ta chỉ bằng lòng với mối quan hệ cá nhân với Người và không quan tâm đến việc xoa dịu nỗi đau khổ của người khác hoặc giúp họ sống một

cuộc sống tốt đẹp hơn? Liệu điều đó có làm vui lòng trái tim đã yêu thương chúng ta đến vậy không, nếu chúng ta đắm mình trong một trải nghiệm tôn giáo riêng tư trong khi bỏ qua những hàm ý của nó đối với xã hội mà chúng ta đang sống? Chúng ta hãy trung thực và chấp nhận lời Chúa một cách trọn vẹn. Mặt khác, công việc của chúng ta với tư cách là những người Kitô hữu vì sự cải thiện xã hội không được làm lu mờ nguồn cảm hứng tôn giáo của nó, vì cuối cùng, điều đó sẽ là tìm kiếm ít hơn cho anh chị em của chúng ta so với những gì Chúa mong muốn ban cho họ. Vì lý do này, chúng ta nên kết thúc chương này bằng cách nhắc lại chiều kích truyền giáo của tình yêu của chúng ta đối với trái tim Chúa Kitô.

206. Thánh Gioan Phaolô II đã nói về chiều kích xã hội của lòng sùng kính trái tim Chúa Kitô, nhưng cũng nói về "sự đền tạ, đó là sự hợp tác tông đồ trong việc cứu rỗi thế giới". [221] Do đó, việc tận hiến cho trái tim Chúa Kitô "phải được nhìn nhận trong mối liên hệ với hoạt động truyền giáo của Giáo hội, vì nó đáp lại mong muốn của trái tim Chúa Giêsu là lan tỏa khắp thế giới, thông qua các thành viên của Thân thể Người, sự cam kết hoàn toàn của Người đối với Vương quốc". [222] Kết quả là, "qua chứng tá của các Kitô hữu, tình yêu sẽ được đổ vào trái tim con người, để xây dựng Thân thể Chúa Kitô là Giáo hội, và xây dựng một xã hội công lý, hòa bình và tình huynh đệ". [223]

207. Ngọn lửa tình yêu của Thánh Tâm Chúa Giêsu cũng lan tỏa thông qua hoạt động truyền giáo của Giáo hội, công bố sứ điệp về tình yêu của Thiên Chúa được mặc khải trong Chúa Kitô. Thánh Vincent de Paul đã diễn tả điều này một cách hay khi ngài mời các môn đệ cầu nguyện với Chúa để xin "thần khí này, trái tim này khiến chúng ta đi khắp mọi nơi, trái tim của Con Thiên Chúa, trái tim của Chúa chúng ta, thúc đẩy chúng ta đi như Người đã đi… Người sai chúng ta, giống như [các tông đồ], mang lửa đến khắp mọi nơi". [224]

208. Thánh Phaolô VI, khi nói chuyện với các Hội dòng tu trì dành riêng cho việc truyền bá lòng sùng kính Thánh Tâm, đã đưa ra nhận xét sau đây. "Không còn nghi ngờ gì nữa rằng cam kết mục vụ và nhiệt huyết truyền giáo sẽ bùng cháy, nếu cả linh mục và giáo dân, trong mong muốn truyền bá vinh quang của Thiên Chúa, chiêm ngưỡng tấm gương tình yêu vĩnh cửu mà Chúa Kitô đã chỉ cho chúng ta, và hướng nỗ lực của họ để làm cho tất cả nam giới và nữ giới được chia sẻ sự giàu có vô tận của Chúa Kitô". [225] Khi chúng ta chiêm ngưỡng Thánh Tâm, sứ mệnh trở thành vấn đề của tình yêu. Bởi vì mối nguy hiểm lớn nhất trong sứ mệnh là, giữa tất cả những điều chúng ta nói và làm, chúng ta không thể mang lại một cuộc gặp gỡ vui tươi với tình yêu của Chúa Kitô, Đấng ôm lấy chúng ta và cứu rỗi chúng ta.

209. Sứ mệnh, như một sự tỏa sáng của tình yêu từ trái tim Chúa Kitô, đòi hỏi những nhà truyền giáo là những người đang yêu và bị Chúa Kitô mê hoặc, cảm thấy có nghĩa vụ phải chia sẻ tình yêu đã thay đổi cuộc sống của họ. Họ mất kiên nhẫn khi thời gian bị lãng phí vào việc thảo luận các câu hỏi thứ yếu hoặc tập trung vào các chân lý và quy tắc, bởi vì mối quan tâm lớn nhất của họ là chia sẻ những gì họ đã trải nghiệm. Họ muốn người khác nhận ra sự tốt đẹp và vẻ đẹp của Người Yêu được truyền đạt qua những nỗ lực của họ, dù chúng có thể không đầy đủ. Chẳng phải đó là trường hợp của bất cứ người yêu nào sao? Chúng ta có thể lấy ví dụ những lời mà Dante Alighieri đã cố gắng diễn đạt luận lý học của tình yêu này:

"*Io dico che, pensando al suo valore*
amor si dolce si mi si fa sentire,
che s'io allora non perdessi ardire
farei parlando innamorar la gente". [226]

(Tôi tuyên bố rằng, khi nghĩ đến giá trị của nó, tình yêu ngọt ngào đến nỗi khiến tôi cảm thấy rằng, nếu không mất lòng can đảm, tôi sẽ lên tiếng và khiến mọi người khác phải si tình)

210. Có thể nói về Chúa Kitô, bằng chứng tá hoặc bằng lời nói, theo cách mà người khác tìm cách yêu mến Người, là mong muốn lớn nhất của mọi nhà truyền giáo của tâm hồn. Sự năng động của tình yêu này không liên quan gì đến việc cải đạo; lời nói của một người yêu không làm phiền người khác, không đòi hỏi hay bắt buộc, mà chỉ khiến người khác kinh ngạc trước tình yêu như vậy. Với sự tôn trọng vô cùng đối với sự tự do và phẩm giá của họ, người yêu chỉ đơn giản là chờ họ dò hỏi về tình yêu đã lấp đầy cuộc sống của họ bằng niềm vui lớn lao như vậy.

211. Chúa Kitô yêu cầu bạn không bao giờ phải xấu hổ khi nói với người khác, với tất cả sự thận trọng và tôn trọng, về tình bạn của bạn với Người. Người yêu cầu bạn dám nói với người khác rằng bạn đã tìm thấy Người tốt đẹp và tuyệt vời như thế nào. "Bất cứ ai tuyên xưng Ta trước mặt người khác, thì Ta cũng sẽ tuyên xưng người ấy trước mặt Cha Ta, Đấng ngự trên trời" (*Mt* 10:32). Đối với một trái tim yêu thương, đây không phải là một bổn phận mà là một nhu cầu không thể kìm nén: "Khốn cho tôi nếu tôi không rao giảng Tin Mừng!" (*1 Cr* 9:16). "Trong tôi như có ngọn lửa bùng cháy, ẩn kín trong xương cốt tôi; tôi mệt mỏi vì phải giữ nó lại, và tôi không thể chịu đựng được nữa" (*Grm* 20:9).

Trong sự hiệp thông phục vụ

212. Chúng ta không nên nghĩ về sứ mệnh chia sẻ Chúa Kitô này như một điều gì đó chỉ giữa Chúa Giêsu và tôi. Sứ mệnh được trải nghiệm trong sự hiệp thông với cộng đồng của chúng ta và với toàn thể Giáo hội. Nếu chúng ta quay lưng lại với cộng đồng, chúng ta sẽ quay lưng lại với Chúa Giêsu. Nếu chúng ta quay lưng lại với cộng đồng, tình bạn của chúng ta với Chúa Giêsu sẽ trở nên lạnh nhạt. Đây là một sự thật và chúng ta không bao giờ được quên điều đó. Tình yêu dành cho anh chị em trong cộng đồng của chúng ta – tôn giáo, giáo xứ, giáo phận và những cộng đồng khác – là một loại nhiên liệu nuôi dưỡng tình bạn của chúng ta với Chúa Giêsu. Những hành động yêu thương của chúng ta dành cho anh chị em trong cộng đồng có thể là cách tốt nhất và đôi khi là cách duy nhất để chúng ta có thể làm chứng cho người khác về tình yêu của chúng ta dành cho Chúa Giêsu Kitô. Chính Người đã nói: "Mọi người sẽ nhận biết anh em là môn đệ của Thầy qua điều này, nếu anh em yêu thương nhau" (*Ga* 13:35).

213. Tình yêu này sau đó trở thành sự phục vụ trong cộng đồng. Tôi không bao giờ mệt mỏi khi nhắc lại rằng Chúa Giêsu đã nói với chúng ta điều này bằng những từ ngữ rõ ràng nhất có thể: "Mỗi lần anh em làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Thầy, tức là anh em đã làm cho chính Thầy" (*Mt* 25:40). Bây giờ Người yêu cầu anh em gặp Người ở đó, trong mỗi anh chị em của chúng ta, và đặc biệt là trong những thành viên nghèo khổ, bị khinh miệt và bị bỏ rơi của xã hội. Thật là một cuộc gặp gỡ tuyệt vời!

214. Nếu chúng ta quan tâm đến việc giúp đỡ người khác, điều này không có nghĩa là chúng ta đang quay lưng lại với Chúa Giêsu. Thay vào đó, chúng ta đang gặp gỡ Người một cách khác. Bất cứ khi nào chúng ta cố gắng giúp đỡ và chăm sóc người khác, Chúa Giêsu luôn ở bên cạnh chúng ta. Chúng ta không bao giờ được quên rằng, khi Người sai các tông đồ đi truyền giáo, "Chúa đã cùng làm việc với họ" (*Mc* 16:20). Người luôn ở đó, luôn làm việc, chia sẻ những nỗ lực của chúng ta để làm điều thiện. Theo một cách bí ẩn, tình yêu của Người trở nên hiện diện thông qua việc phục vụ của chúng ta. Người nói với thế giới bằng một ngôn ngữ đôi khi không cần lời nói.

215. Chúa Giêsu đang gọi bạn và sai bạn đi để truyền bá điều tốt lành trong thế giới của chúng ta.

Tiếng gọi của Người là tiếng gọi phục vụ, một lời triệu tập để làm điều thiện, có thể là một bác sĩ, một người mẹ, một giáo viên hoặc một linh mục. Dù bạn ở đâu, bạn cũng có thể nghe thấy tiếng gọi của Người và nhận ra rằng Người đang sai bạn đi để thực hiện sứ mệnh đó. Chính Người đã nói với chúng ta: "Ta sai các con ra đi" (*Lc* 10:3). Đó là một phần trong việc chúng ta trở thành bạn của Người. Tuy nhiên, để tình bạn này trưởng thành, bạn phải để Người sai bạn đi truyền giáo trên thế gian này, và thực hiện sứ mệnh đó một cách tự tin, quảng đại, tự do và không sợ hãi. Nếu bạn cứ mãi mắc kẹt trong vùng an toàn của mình, bạn sẽ không bao giờ thực sự tìm thấy sự an toàn; những nghi ngờ và sợ hãi, nỗi buồn và sự lo lắng sẽ luôn rình rập ở phía chân trời. Những ai không thực hiện sứ mệnh của mình trên trái đất này sẽ không tìm thấy hạnh phúc mà là sự thất vọng. Đừng bao giờ quên rằng Chúa Giêsu luôn ở bên bạn trên mọi bước đường. Người sẽ không ném bạn xuống vực thẳm, hay bỏ mặc bạn tự xoay xở. Người sẽ luôn ở đó để khích lệ và đồng hành cùng bạn. Người đã hứa và Người sẽ thực hiện: "Vì Ta luôn ở cùng các con cho đến tận thế" (*Mt* 28:20).

216. Theo cách riêng của mình, bạn cũng phải là một nhà truyền giáo, giống như các tông đồ và các môn đồ đầu tiên của Chúa Giêsu, những người đã ra đi để rao giảng tình yêu của Thiên Chúa, để nói với người khác rằng Chúa Kitô vẫn sống và đáng để biết đến. Thánh Têrêsa đã trải nghiệm điều này như một phần thiết yếu trong sự dâng hiến của mình cho Tình Yêu thương xót: "Tôi muốn cho Đấng Yêu Dấu của tôi uống và tôi cảm thấy mình bị thiêu đốt bởi cơn khát các linh hồn". [227] Đó cũng là sứ mệnh của bạn. Mỗi người chúng ta phải thực hiện nó theo cách riêng của mình; bạn sẽ thấy mình có thể trở thành một nhà truyền giáo như thế nào. Chúa Giêsu xứng đáng không kém. Nếu bạn chấp nhận thử thách, Người sẽ soi sáng cho bạn, đồng hành với bạn và củng cố bạn, và bạn sẽ có một trải nghiệm phong phú mang lại cho bạn nhiều hạnh phúc. Không quan trọng là bạn có thấy kết quả ngay lập tức hay không; hãy để Chúa làm việc trong bí mật của trái tim chúng ta. Hãy tiếp tục trải nghiệm niềm vui nảy sinh từ những nỗ lực của chúng ta để chia sẻ tình yêu của Chúa Kitô với người khác.

KẾT LUẬN

217. Tài liệu này có thể giúp chúng ta thấy rằng giáo lý của các Thông điệp xã hội *Laudato Si'* và *Fratelli Tutti* không phải là không liên quan đến cuộc gặp gỡ của chúng ta với tình yêu của Chúa Giêsu Kitô. Bởi vì chính bằng cách uống tình yêu đó, chúng ta có khả năng tạo nên mối quan hệ huynh đệ, nhận ra phẩm giá của mỗi con người và cùng nhau làm việc để chăm sóc ngôi nhà chung của chúng ta.

218. Trong một thế giới mà mọi thứ đều được mua và bán, ý thức về giá trị của con người ngày càng phụ thuộc vào những gì họ có thể tích lũy được bằng sức mạnh của đồng tiền. Chúng ta liên tục bị thúc đẩy để tiếp tục mua sắm, tiêu dùng và làm bản thân mình mất tập trung, bị giam cầm trong một hệ thống hạ thấp ngăn cản chúng ta nhìn xa hơn những nhu cầu trước mắt và nhỏ nhặt của mình. Tình yêu của Chúa Kitô không có chỗ trong cơ chế đồi trụy này, nhưng chỉ có tình yêu đó mới có thể giải thoát chúng ta khỏi sự theo đuổi điên cuồng không còn chỗ cho tình yêu vô điều kiện. Tình yêu của Chúa Kitô có thể trao tặng thế giới một trái tim và hồi sinh tình yêu ở bất cứ nơi nào chúng ta nghĩ rằng khả năng yêu thương đã hoàn toàn mất đi.

219. Giáo hội cũng cần tình yêu đó, kẻo tình yêu của Chúa Kitô bị thay thế bằng những cấu trúc và mối quan tâm lỗi thời, sự gắn bó quá mức với những ý tưởng và quan điểm của riêng chúng ta, và sự cuồng tín dưới bất cứ hình thức nào, cuối cùng sẽ thay thế tình yêu vô điều kiện của Thiên Chúa, tình yêu giải thoát, làm sống động, mang lại niềm vui cho trái tim và xây dựng cộng đồng. Cạnh sườn bị thương của Chúa Kitô tiếp tục tuôn trào dòng suối không bao giờ cạn kiệt, không bao giờ mất đi, nhưng luôn tự hiến hết lần này đến lần khác cho tất cả những ai muốn yêu thương như Người đã yêu thương. Vì chỉ

có tình yêu của Người mới có thể mang lại một nhân loại mới.

220. Tôi cầu xin Chúa Giêsu Kitô ban cho Thánh Tâm Người tiếp tục tuôn đổ những dòng nước hằng sống có thể chữa lành vết thương mà chúng ta đã gây ra, củng cố khả năng yêu thương và phục vụ người khác của chúng ta, và truyền cảm hứng cho chúng ta cùng nhau tiến tới một thế giới công bằng, liên đới và huynh đệ. Cho đến ngày chúng ta sẽ vui mừng cùng nhau cử hành bữa tiệc của vương quốc thiên đàng trước sự hiện diện của Chúa phục sinh, người hòa hợp mọi khác biệt của chúng ta trong ánh sáng tỏa ra liên tục từ trái tim rộng mở của Người. Xin Người được chúc tụng mãi mãi.

Ban hành tại Rome, tại Đền thờ Thánh Phêrô, vào ngày 24 tháng 10 năm 2024, năm thứ mười hai của Triều Giáo hoàng của tôi.

---

[1] Nhiều suy tư trong chương đầu tiên này được lấy cảm hứng từ các tác phẩm chưa xuất bản của Cha quá cố Diego Fares, S.J. Xin Chúa ban cho Người sự an nghỉ vĩnh cửu.
[2] So sánh HOMER, *Iliad*, XXI, 441.
[3] So sánh *Iliad*, X, 244.
[4] X. PLATO, *Timaeus*, 65 c-d; 70.
[5] *Bài giảng Thánh lễ buổi sáng tại Domus Sanctae Marthae*, 14 tháng 10 năm 2016: *L'Osservatore Romano*, 15 tháng 10 năm 2016, tr. 8.
[6] THÁNH JOHN PAUL II, *Kinh Truyền Tin*, 2 tháng 7 năm 2000: *L'Osservatore Romano*, 3-4 tháng 7 năm 2000, tr. 4.
[7] ID., *Giáo lý*, ngày 8 tháng 6 năm 1994: *L'Osservatore Romano*, ngày 9 tháng 6 năm 1994, tr. 5.
[8] *Ác quỷ* (1873).
[9] ROMANO GUARDINI, *Religiöse Gestalten in Dostojewskijs Werk*, Mainz/Paderborn, 1989, trang 236ff.
[10] KARL RAHNER, "Một số luận đề về thần học tôn sùng Thánh Tâm", *trong Điều tra thần học*, tập. III, Baltimore-London, 1967, tr. 332.
[11] *Như trên*, tr. 333.
[12] BYUNG-CHUL HAN, *Heideggers Herz. Zum Begriff der Stimmung bei Martin Heidegger*, München, 1996, tr. 39.
[13] *Như trên*, tr. 60; xem. P. 176.
[14] X. ID., *Agonie des Eros*, Berlin, 2012.
[15] Cf. MARTIN HEIDEGGER, *Erläuterungen zu Hölderlins Dichtung*, Frankfürt a. M., 1981, tr. 120.
[16] X. MICHEL DE CERTEAU, *L'espace du désir ou le "fondement" des Lessons Spirituels*: Christus 77 (1973), trang 118-128.
[17] *Itinerarium Mentis in Deum*, VII, 6.
[18] ID., *Proemium in I Sent*., q. 3.
[19] THÁNH JOHN HENRY NEWMAN, *Suy gẫm và sùng kính*, Luân Đôn, 1912, Phần III [XVI], par. 3, trang 573-574.
[20] Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 82.
[21] *Cùng nguồn*., 10.
[22] *Cùng nguồn*., 14.
[23] Cf. BỘ GIÁO LÝ ĐỨC TIN, Tuyên bố *Dignitas Infinita* (2 tháng 4 năm 2024), 8. Cf. L'Osservatore Romano, 8 tháng 4 năm 2024.
[24] Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 26.

[25] THÁNH JOHN PAUL II, *Kinh Truyền Tin*, 28 tháng 6 năm 1998: *L'Osservatore Romano*, 30 tháng 6-1 tháng 7 năm 1998, tr. 7.
[26] Thông điệp *Laudato Si'* (24/5/2015), 83: AAS 107 (2015), 880.
[27] *Bài giảng trong Thánh lễ buổi sáng tại Domus Sanctae Marthae*, 7/6/2013: *L'Osservatore Romano*, 8/6/2013, p. 8.
[28] PIUS XII, Thông điệp *Haurietis Aquas* (15 tháng 5 năm 1956), I: AAS 48 (1956), 316.
[29] PIUS VI, Tông Hiến *Auctorem Fidei* (28 tháng 8 năm 1794), 63: DH 2663.
[30] LEO XIII, Thông điệp *Annum Sacrum* (25 tháng 5 năm 1899): ASS 31 -1899), 649.
[31] Cùng nguồn: "*Inest in Sacro Corde Symbolum et expressa imageo infinitæ Iesu Christi caritatis*".
[32] *Kinh Truyền Tin*, 09/06/2013: *L'Osservatore Romano*, 10-11/06/2013, tr. 8.
[33] Chúng ta có thể do đó hiểu tại sao Giáo hội cấm đặt trên bàn thờ các biểu tượng trái tim của Chúa Giêsu hoặc Đức Mẹ Maria (xem Phản hồi của Bộ Nghi lễ Thánh gửi Linh mục Charles Lecoq, P.S.S., ngày 5 tháng 4 năm 1879: *Decreta Authentica Congregationis Sacrorum Rituum ex Actis ejusdem Collecta*, tập III, 107-108, số 3492). Ngoài phụng vụ, "để tôn thờ riêng tư" (Cùng nguồn.), biểu tượng trái tim có thể được sử dụng như một phương tiện giảng dạy, một hình tượng thẩm mỹ hoặc một biểu tượng mời gọi người ta suy gẫm về tình yêu của Chúa Kitô, nhưng điều này có nguy cơ coi trái tim là đối tượng để tôn thờ hoặc đối thoại tâm linh tách biệt với Ngôi vị của Chúa Kitô. Vào ngày 31 tháng 3 năm 1887, Bộ đã đưa ra một phản hồi khác tương tự (*Cùng nguồn*., 187, số 3673).
[34] CÔNG ĐỒNG TRENT, Phiên XXV, Sắc lệnh *Mandat Sancta Synodus* (3 tháng 12, 1563): DH 1823.
[35] HỘI NGHỊ THỨ NĂM CỦA CÁC GIÁM MỤC MỸ LATIN VÀ CARIBBEAN, *Tài liệu Aparecida* (29 tháng 6, 2007), n. 259.
[36] Thông điệp *Haurietis Aquas* (15/5/1956), I: AAS 48 (1956), 323-324.
[37] *Ep*. 261, 3: PG 32, 972.
[38] *In Io. homil*. 63, 2: PG 59, 350.
[39] *De fide ad Gratianum*, II, 7, 56: PL 16, 594 (ed. 1880).
[40] *Enarr. in Ps. 87*, 3: PL 37, 1111.
[41] X. *De fide orth*. 3, 6, 20: PG 94, 1006, 1081.
[42] OLEGARIO GONZÁLEZ DE CARDEDAL, *La entraña del cristianismo, Salamanca*, 2010, 70-71.
[43] *Kinh Truyền Tin*, 1 tháng Sáu 2008: *L'Osservatore Romano*, 2-3 tháng Sáu 2008, tr. 1.
[44] PIUS XII, Thông điệp *Haurietis Aquas* (15/5/1956), II: AAS 48 (1956), 327-328.
[45] *Cùng nguồn*: AAS 48 (1956), 343-344.
[46] Bênêđíctô XVI, *Kinh Truyền Tin*, 1 tháng Sáu 2008: *L'Osservatore Romano*, 2-3 tháng Sáu 2008, tr. 1.
[47] VIGILIUS, Hiến chế *Inter Innumeras Sollicitudines* (14 tháng 5 553): DH 420.
[48] CÔNG ĐỒNG EPHESUS, *Anathemas of Cyril of Alexandria*, 8: DH 259.
[49] CÔNG ĐỒNG CONSTANTINOPLE THỨ HAI, Khóa VIII (2 tháng 6, 553), Điều 9: DH 431.
[50]THÁNH GIOAN THÁNH GIÁ, *Bài ca thiêng liêng*, red. A, Stanza 22, 4.
[51] *Cùng nguồn*., Stanza 12, 8.
[52] *Cùng nguồn*., Stanza 12, 1.
[53] "Chỉ có một Thiên Chúa là Chúa Cha, mọi sự đều từ Người và chúng ta tồn tại vì Người" (*1 Cr* 8:6). "Nguyện Thiên Chúa là Cha chúng ta được vinh hiển đời đời vô cùng. Amen" (*Pl* 4:20). "Chúc tụng Thiên Chúa là Cha Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, là Cha hay thương xót và là Thiên Chúa ban mọi nguồn an ủi" (*2 Cr* 1:3).
[54] Tông thư *Tertio Millennio Adveniente* (10 tháng 11 năm 1994), 49: AAS 87 (1995), 35.
[55] *Ad Rom*., 7: PG 5, 694.
[56] "Để thế gian biết rằng Ta yêu mến Chúa Cha" (*Ga* 14:31); "Cha và Ta là một" (*Ga* 10:30); "Ta ở

trong Chúa Cha và Chúa Cha ở trong Ta" (*Ga* 14:10).
[57] "Thầy đến cùng Chúa Cha" (*pros ton Patéra: Ga* 16:28). "Con đến cùng Cha" (*pros se: Ga* 17:11).
[58] "*eis ton kolpon tou Patrós*" [ở nơi cung lòng Chúa Cha].
[59] *Adv. Haer*., III, 18, 1: PG 7, 932.
[60] *In Joh*. II, 2: PG 14, 110.
[61] *Kinh truyền tin*, 23 tháng 6 năm 2002: *L'Osservatore Romano*, 24-25 tháng 6 năm 2002, tr. 1.
[62] THÁNH GIOAN PHAOLÔ II, *Sứ điệp nhân kỷ niệm 100 năm Ngày thánh hiến nhân loại cho Thánh Tâm Chúa Giêsu*, Warsaw, 11 tháng 6 năm 1999, Lễ trọng kính Thánh Tâm Chúa Giêsu, 3: *L'Osservatore Romano*, 12 tháng 6 năm 1999, tr. 5.
[63] ID., *Kinh truyền tin*, ngày 8 tháng 6 năm 1986: *L'Osservatore Romano*, ngày 9-10 tháng 6 năm 1986, trang 5
[64] *Bài giảng, Thăm Bệnh viện Gemelli và Khoa Y của Đại học Công Giáo Thánh Tâm*, ngày 27 tháng 6 năm 2014: L'Osservatore Romano, ngày 29 tháng 6 năm 2014, trang 7.
[65] *Eph* 1:5, 7; 2:18; 3:12.
[66] *Eph* 2:5, 6; 4:15.
[67] *Eph* 1:3, 4, 6, 7, 11, 13, 15; 2:10, 13, 21, 22; 3:6, 11, 21.
[68] *Sứ điệp nhân kỷ niệm 100 năm ngày thánh hiến nhân loại cho Thánh Tâm Chúa Giêsu*, Warsaw, ngày 11 tháng 6 năm 1999, Lễ trọng kính Thánh Tâm Chúa Giêsu, 2: *L'Osservatore Romano*, ngày 12 tháng 6 năm 1999, tr. 5.
[69] "Vì Thánh Tâm có biểu tượng và hình ảnh rõ ràng về tình yêu vô hạn của Chúa Giêsu Kitô thúc đẩy chúng ta yêu thương nhau, nên thật phù hợp và đúng đắn khi chúng ta hiến dâng bản thân cho Thánh Tâm của Người – một hành động không gì khác hơn là một lễ vật và sự ràng buộc bản thân với Chúa Giêsu Kitô, vì bất cứ danh dự, sự tôn kính và tình yêu nào được dành cho Thánh Tâm này thực sự và chân thành được dành cho chính Chúa Kitô… Và bây giờ, hôm nay, hãy nhìn xem một dấu hiệu đầy phúc và thiên giới khác được ban tặng cho chúng ta – Thánh Tâm của Chúa Giêsu, với một cây thánh giá mọc lên từ đó và tỏa sáng rực rỡ giữa ngọn lửa tình yêu. Trong Thánh Tâm ấy, tất cả hy vọng của chúng ta phải được đặt vào, và từ đó, sự cứu rỗi của con người phải được tin tưởng cầu xin" (Thông điệp *Annum Sacrum* [25 tháng 5 năm 1899]: ASS 31 [1898-1899], 649, 651).
[70] "Vì tổng thể của mọi tôn giáo và do đó là khuôn mẫu của cuộc sống hoàn hảo hơn, không được chứa đựng trong dấu hiệu may mắn nhất đó và trong hình thức của lòng đạo đức phát sinh từ đó, vì nó dễ dàng dẫn dắt tâm trí con người đến với sự hiểu biết sâu sắc hơn về Chúa Kitô, Chúa chúng ta, và thúc đẩy trái tim họ yêu mến Người mãnh liệt hơn và noi gương Người chặt chẽ hơn sao?" (Thông điệp *Miserentissimus Redemptor* [8 tháng 5 năm 1928]: AAS 20 [192 8], 167).
[71] "Vì rõ ràng là lòng sùng kính này, nếu chúng ta xem xét bản chất thích hợp của nó, là một hành vi tôn giáo tuyệt vời nhất, vì nó đòi hỏi sự quyết tâm hoàn toàn và tuyệt đối để phó thác và hiến dâng bản thân cho tình yêu của Đấng Cứu Chuộc thần linh, người có trái tim bị thương là dấu hiệu và biểu tượng sống động của tình yêu đó… Trong đó, chúng ta có thể chiêm ngưỡng không chỉ biểu tượng, mà còn, như thể, sự tổng hợp của toàn bộ mầu nhiệm cứu chuộc của chúng ta… Chúa Kitô đã chỉ rõ ràng và nhiều lần vào trái tim của Người như là biểu tượng mà con người được thu hút để nhận ra và thừa nhận tình yêu của Người, và đồng thời thiết lập nó như là dấu hiệu và lời cam kết về lòng thương xót và ân sủng của Người đối với các nhu cầu của Giáo hội trong thời đại chúng ta" (Thông điệp *Haurietis Aquas* [15 tháng 5 năm 1956], Proemium, III, IV: AAS 48 [1956], 311, 336, 340).
[72] *Giáo lý*, 8 tháng 6 năm 1994, 2: *L'Osservatore Romano*, 9 tháng 6 năm 1994, tr. 5.
[73] *Kinh Truyền Tin*, 1 tháng Sáu 2008: *L'Osservatore Romano*, 2-3 tháng Sáu 2008, tr. 1.
[74] Thông điệp *Haurietis Aquas* (15 tháng 5 năm 1956), IV: AAS 48 (1956), 344.
[75] Cf. *Cùng nguồn*.: AAS 48 (1956), 336.
[76] "Giá trị của các mặc khải riêng tư về cơ bản khác với giá trị của một mặc khải công khai: mặc khải

công khai đòi hỏi đức tin… Một mặc khải riêng tư… là một sự trợ giúp được ban tặng, nhưng việc sử dụng nó không phải là bắt buộc" (BENEDICT XVI, Tông huấn *Verbum Domini* [30 tháng 9 năm 2010], 14: AAS 102 [2010]), 696).
[77] Thông điệp *Haurietis Aquas* (15 tháng 5 năm 1956), IV: AAS 48 (1956), 340.
[78] *Cùng nguồn*.: AAS 48 (1956), 344.
[79] *Cùng nguồn*.
[80] Tông huấn *C'est la Confiance* (15 tháng 10 năm 2023), 20: *L'Osservatore Romano*, 16 tháng 10 năm 2023.
[81] THÁNH TÊRÊSE HÀI ĐỒNG GIÊSU, *Tự truyện*, *Bản chép tay* A, 83v°.
[82] THÁNH MARIA FAUSTINA KOWALSKA, *Nhật ký*, 47 (22 tháng 2 năm 1931), Marian Press, Stockbridge, 2011, tr. 46.
[83] *Mishnah Sukkah*, IV, 5, 9.
[84] *Thư gửi Bề trên Tổng quyền Dòng Tên, Paray-le-Monial* (Pháp), 5 tháng 10 năm 1986: *L'Osservatore Romano*, 7 tháng 10 năm 1986, tr. IX.
[85] *Acta Martyrum Lugdunensium*, trong EUSEBIUS OF CAESARIA, *Historia Ecclesiastica*, V, 1: PG 20, 418.
[86] RUFINUS, V, 1, 22, trong GCS, *Eusebius II*, 1, p. 411, 13ff.
[87] THÁNH JUSTIN, *Dial*. 135,3: PG 6, 787
[88] NOVATIAN, *De Trinitate*, 29: PL 3, 994; xem. SAINT GREGORY OF ELVIRA, *Tractatus Origenis de libris Sanctarum Scripturarum*, XX, 12: CSSL 69, 144.
[89] *Expl. Ps. 1:33*: PL 14, 983-984.
[90] So sánh *Tract. in Ioannem 61, 6*: PL 35, 1801.
[91] *Ep. ad Rufinum*, 3, 4.3: PL 22, 334.
[92] *Sermones in Cant. 61, 4*: PL 183, 1072.
[93] *Expositio altera super Cantica Canticorum*, c. 1: PL 180, 487.
[94] WILLIAM OF SAINT-THIERRY, *De natura et dignitate amoris*, 1: PL 184, 379.
[95] ID., *Meditivae Orationes*, 8, 6: PL 180, 230.
[96] SAINT BONAVENTURE, *Lignum Vitae. De mysterio Passionis*, 30.
[97] *Cùng nguồn*., 47.
[98] *Legatus divinae pietatis*, IV, 4, 4: SCh 255, 66.
[99] LÉON DEHON, *Directoire Spirituel des prêtres su Sacré Cœur de Jésus*, Turnhout, 1936, II, ch. VII, n. 141.
[100*] Đối thoại về Chúa Quan Phòng*, LXXV: FIORILLI M.-CARAMELLA S., eds., Bari, 1928, 144.
[101] Xem, chẳng hạn, ANGELUS WALZ, *De veneratione divini cordis Iesu in Ordine Praedicatorum*, Pontificium Institutum Angelicum, Rome, 1937.
[102] RAFAEL GARCÍA HERREROS, *Vida de San Juan Eudes*, Bogotá, 1943, 42.
[103] THÁNH FRANCIS DE SALES, *Thư gửi Jane Frances de Chantal*, 24 tháng 4 năm 1610.
[104] *Bài giảng Chúa nhật thứ hai Mùa Chay*, 20 tháng 2 năm 1622. [105] *Thư gửi Jane Frances de Chantal*, Lễ Trọng Lễ Thăng Thiên, 1612.
[106] *Thư gửi Marie Aimée de Blonay*, ngày 18 tháng 2 năm 1618.
[107] *Thư gửi Jane Frances de Chantal*, cuối tháng 11 năm 1609.
[108] *Thư gửi Jane Frances de Chantal*, khoảng ngày 25 tháng 2 năm 1610.
[109] *Entretien XIV*, về sự giản dị và thận trọng trong tôn giáo.
[110] *Thư gửi Jane Frances de Chantal*, ngày 10 tháng 6 năm 1611.
[111] Thánh MAR-GA-RÉT MARIA ALACOQUE, *Tự truyện*, số 53.
[112] *Cùng nguồn*.
[113] *Cùng nguồn*., số 55.
[114] So sánh. BỘ GIÁO LÝ ĐỨC TIN, *Các chuẩn mực để tiến hành trong việc phân định các hiện*

tượng được cho là siêu nhiên, ngày 17 tháng 5 năm 2024, I, A, 12.
[115] THÁNH MAR-GA-RÉT MARIA ALACOQUE, *Tự truyện*, số 92.
[116] *Thư gửi Sœur de la Barge*, ngày 22 tháng 10 năm 1689.
[117] *Tự truyện*, số 53.
[118] *Cùng nguồn*., số 55.
[119] *Bài giảng về sự tin tưởng vào Chúa*, trong *Œuvres du R.P de La Colombière*, t. 5, Perisse, Lyon, 1854, tr. 100.
[120] *Spiritual Exercises in London*, ngày 1-8 tháng 2 năm 1677, trong *Œuvres du R.P de La Colombière*, t. 7, Seguin, Avignon, 1832, tr. 93.
[121] *Spiritual Exercises in Lyon*, tháng 10-tháng 11 năm 1674, *Cùng nguồn*., tr. 45.
[122] THÁNH CHARLES DE FOUCAULD, *Thư gửi Madame de Bondy*, ngày 27 tháng 4 năm 1897.
[123] *Thư gửi Madame de Bondy*, ngày 28 tháng 4 năm 1901. So sánh *Thư gửi Madame de Bondy*, ngày 5 tháng 4 năm 1909: "Qua bà, tôi biết đến việc tôn thờ Bí tích Thánh Thể, các phép lành và Thánh Tâm".
[124] *Thư gửi Madame de Bondy*, ngày 7 tháng 4 năm 1890.
[125] *Thư gửi l'Abbé Huvelin*, ngày 27 tháng 6 năm 1892.
[126] THÁNH CHARLES DE FOUCAULD, *Méditations sur l'Ancien Testament* (1896-1897), XXX, 1-21.
[127] ID., *Thư gửi l'Abbé Huvelin*, 16 Ma y 1900.
[128] ID., *Nhật ký*, ngày 17 tháng 5 năm 1906.
[129] *Thư 67 gửi Bà Guérin*, ngày 18 tháng 11 năm 1888.
[130] *Thư 122 gửi Céline*, ngày 14 tháng 10 năm 1890.
[131] *Bài thơ 23, "Gửi Thánh Tâm Chúa Giêsu"*, tháng 6 hoặc tháng 10 năm 1895.
[132] *Thư 247 gửi l'Abbé Maurice Bellière*, ngày 21 tháng 6 năm 1897.
[133] *Những cuộc trò chuyện cuối cùng. Yellow Notebook*, ngày 11 tháng 7 năm 1897, 6.
[134] *Thư 197 gửi cho Sơ Marie Thánh Tâm*, ngày 17 tháng 9 năm 1896. Điều này không có nghĩa là Thánh Têrêsa không dâng hiến những hy sinh, nỗi buồn và rắc rối như một cách để kết hợp mình với sự đau khổ của Chúa Kitô, nhưng cuối cùng, bà quan tâm không trao cho những lễ dâng này một tầm quan trọng mà chúng không có.
[135] *Thư 142 gửi cho Céline*, ngày 6 tháng 7 năm 1893.
[136] *Thư 191 gửi cho Léonie*, ngày 12 tháng 7 năm 1896.
[137] *Thư 226 gửi cho Cha Roulland*, ngày 9 tháng 5 năm 1897.
[138] *Thư 258 gửi cho l'Abbé Maurice Bellière*, ngày 18 tháng 7 năm 1897.
[139] So sánh THÁNH I-NHA-XI-Ô LOYOLA, *Linh thao*, 104.
[140] *Cùng nguồn*., 297.
[141] X. *Thư gửi I-nha-xi-ô Loyola*, ngày 23 tháng 1 năm 1541.
[142] *De Vita P. Ignatii et Societatis Iesu initiis*, ch. 8. 96.
[143] *Linh thao*, 54.
[144] *Cùng nguồn*., 230ff.
[145] TỔNG HỘI THỨ BA MƯỜI THỨ BA CỦA DÒNG TÊN, Nghị định 46, 1: *Institutum Societatis Iesu*, 2, Florence, 1893, 511.
[146] *In Him Alone is Our Hope. Texts on the Heart of Christ* [Chỉ nơi Người là niềm hy vọng của chúng ta. Bản văn về Trái tim Chúa Kitô], St. Louis, 1984.
[147] *Thư gửi Bề trên Tổng quyền của Dòng Chúa Giêsu*, Paray-le-Monial, ngày 5 tháng 10 năm 1986: L'Osservatore Romano, ngày 6 tháng 10 năm 1986, trang 7.
[148] Hội nghị các Linh mục, "Nghèo khó", ngày 13 tháng 8 năm 1655.
[149] Hội nghị các Nữ tu Bác ái, "Hành xác, Thư từ, Bữa ăn và Hành trình (Quy tắc chung, điều 24-27), ngày 9 tháng 12 năm 1657.

[150] SAINT DANIELE COMBONI, *Gli scritti*, Bologna, 1991, 998 (n. 3324).
[151] *Bài giảng trong Thánh lễ phong thánh*, ngày 18 tháng 5 năm 2003: *L'Osservatore Romano*, ngày 19-20 tháng 5 năm 2003, tr. 6.
[152] THÁNH GIOAN PHAOLÔ II, Thông điệp *Dives in Misericordia* (30 tháng 11 năm 1980), 1: AAS 72 (1980), 1219.
[153] ID., *Giáo lý*, 20 tháng 6 năm 1979: *L'Osservatore Romano*, 22 tháng 6 năm 1979, 1.
[154] CÁC NHÀ TRUYỀN GIÁO COMBONIAN CỦA TRÁI TIM CHÚA GIÊSU, *Quy luật sống*, 3.
[155] HỘI THÁNH TÂM, *Hiến pháp năm 1982*, 7.
[156] Thông điệp *Miserentissimus Redemptor* (8 tháng 5 năm 1928): AAS 20 (1928), 174.
[157] Hành vi đức tin của tín hữu không chỉ có mục đích là giáo lý được đề xuất, mà còn sự hiệp nhất với chính Chúa Kitô trong thực tại của cuộc sống thần linh của Người (x. THÁNH THOMAS AQUINAS, *Summa Theologiae*, II-II, q. 1, a. 2, ad 2; q. 4, a. 1).
[158] PIUS XI, Thông điệp *Miserentissimus Redemptor* (8 tháng 5 năm 1928): AAS 20 (1928), 174.
[159] *Bài giảng tại Thánh lễ Truyền dầu*, ngày 28 tháng 3 năm 2024: *L'Osservatore Romano*, ngày 28 tháng 3 năm 2024, tr. 2.
[160] THÁNH I-NHA-XI-Ô LOYOLA, *Linh thao*, 203.
[161] *Bài giảng tại Thánh lễ Truyền dầu*, ngày 28 tháng 3 năm 2024: *L'Osservatore Romano*, ngày 28 tháng 3 năm 2024, tr. 2.
[162] SAINT MAR-GA-RÉT MARIA ALACOQUE, *Tự truyện*, n. 55.
[163] Thư 133 gửi Cha Croiset.
[164] *Tự truyện*, n. 92.
[165] Thông điệp *Annum Sacrum* (25/5/1899): ASS 31 (1898-1899), 649.
[166] IULIANUS IMP., *Ep. XLIX ad Arsacium Pontificem Galatiae*, Mainz, 1828, 90-91.
[167] *Như trên*.
[168] BỘ GIÁO LÝ ĐỨC TIN, Tuyên bố *Dignitas Infinita* (2 tháng 4 năm 2024), 19: *L'Osservatore Romano*, ngày 8 tháng 4 năm 2024.
[169] Cf. Bênêđictô XVI, *Thư gửi Bề trên Tổng quyền Dòng Tên nhân dịp kỷ niệm 50 năm Thông điệp "Haurietis Aquas"* (15 tháng 5, 2006): AAS 98 (2006), 461.
[170] *In Num. homil*. 12, 1: PG 12, 657.
[171] *Thư. 29*, 24: PL 16, 1060.
[172] *Adv. Arium* 1, 8: PL 8, 1044.
[173] *Tract. in Joannem* 32, 4: PL 35, 1643.
[174] *Expos. in Ev. S. Joannis*, cap. VII, lectio 5.
[175] PIUS XII, Thông điệp *Haurietis Aquas*, 15 tháng 5, 1956: AAS 48 (1956), 321.
[176] THÁNH JOHN PAUL II, Thông điệp *Redemptoris Mater* (25 tháng 3, 1987), 38: AAS 79 (1987), 411.
[177] CÔNG ĐỒNG VATICAN THỨ HAI, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 62.
[178] *Cùng nguồn*., 60.
[179] *Sermones super Cant*., XX, 4: PL 183, 869.
[180] *Dẫn nhập Đời sống Đạo đức*, Phần III, xxxv.
[181] *Bài giảng Chúa Nhật XVII sau lễ Hiện Xuống*.
[182] *Écrits spirituels*, Paris 1947, 67.
[183] Sau ngày 19 tháng 3 năm 1902, tất cả các lá thư của ngài đều bắt đầu bằng những chữ Jesus Caritas được phân cách bởi một trái tim được đặt trên cây thánh giá.
[184] *Thư gửi l'Abbé Huvelin*, 15 tháng 7 năm 1904.
[185] *Thư gửi Dom Martin*, 25 tháng 1 năm 1903.
[186] Trích dẫn trong RENÉ VOILLAUME, *Les fraternités du Père de Foucauld*, Paris, 1946, 173.
[187] *Méditations des saints Évangiles sur les passages relatifs à quinze vertus*, Nazareth, 1897-1898,

Charité (Mt 13:3), 60.
[188] Cùng nguồn., *Charité* (Mt 22:1), 90.
[189] H. HUVELIN, *Quelques directeurs d'âmes au XVII siècle*, Paris, 1911, 97.
[190] Hội nghị, "Phục vụ người bệnh và chăm sóc sức khỏe của chính mình", ngày 11 tháng 11 năm 1657.
[191] *Quy tắc chung của Hội Truyền giáo*, ngày 17 tháng 5 năm 1658, c. 2, 6.
[192] *Thư gửi Bề trên Tổng quyền của Dòng Tên*, Paray-le-Monial, ngày 5 tháng 10 năm 1986: L'Osservatore Romano, ngày 6 tháng 10 năm 1986, tr. 7.
[193] THÁNH GIOAN PHAOLÔ II, Tông huấn Hậu Thượng hội đồng *Reconciliatio et Paenitentia* (2 tháng 12 năm 1984), 16: AAS 77 (1985), 215.
[194] Cf. Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis* (30/12/1987), 36: AAS 80 (1988), 561-562.
[195] Thông điệp *Centesimus Annus* (01/05/1991), 41: AAS 83 (1991), 844-845.
[196] *Sách Giáo lý của Giáo Hội Công Giáo*, 1888.
[197] *Giáo lý*, 8 tháng 6 năm 1994, 2: *L'Osservatore Romano*, 4 tháng 5 năm 1994, tr. 5.
[198] Diễn văn gửi đến những người tham dự Hội thảo quốc tế "Réparer L'Irréparable", nhân kỷ niệm 350 năm ngày Chúa Giêsu hiện ra tại Paray-le-Monial, ngày 4 tháng 5 năm 2024: *L'Osservatore Romano*, ngày 4 tháng 5 năm 2024, trang 12.
[199] *Cùng nguồn*.
[200] *Bài giảng tại Thánh lễ sáng tại Domus Sanctae Marthae*, ngày 6 tháng 3 năm 2018: *L'Osservatore Romano*, ngày 5-6 tháng 3 năm 2018, trang 8.
[201] *Diễn văn gửi đến những người tham dự Hội nghị quốc tế Hội thảo "Réparer L'Irréparable", nhân kỷ niệm 350 năm ngày Chúa Giêsu hiện ra tại Paray-le-Monial*, ngày 4 tháng 5 năm 2024: *L'Osservatore Romano*, ngày 4 tháng 5 năm 2024, tr. 12.
[202] *Bài giảng tại Thánh lễ Truyền Dầu*, ngày 28 tháng 3 năm 2024: *L'Osservatore Romano*, ngày 28 tháng 3 năm 2024, trang 2.
[203] *Cùng nguồn*.
[204] *Cùng nguồn*.
[205] Thông điệp *Laudato Si'* (ngày 24 tháng 5 năm 2015), 80: AAS 107 (2015), 879.
[206] *Sách Giáo lý của Giáo Hội Công Giáo*, số 1085.
[207] *Cùng nguồn*., số 268.
[208] *Tự truyện*, số 53.
[209] *Bản chép tay* A, 84r.
[210] *Cùng nguồn*.
[211] *Cùng nguồn*.
[212] *Bản chép tay A*, 83v.; cf. *Thư 226 gửi Cha Roulland*, ngày 9 tháng 5 năm 1897.
[213] *Kinh Hiến dâng cho Tình yêu thương xót*, ngày 9 tháng 6 năm 1895, 2r-2v.
[214] *Bản chép tay B*, 3v.
[215] *Thư 186 gửi Léonie*, ngày 11 tháng 4 năm 1896.
[216] *Thư 258 gửi l'Abbé Bellière*, ngày 18 tháng 7 năm 1897.
[217] So sánh. PIUS XI, Thông điệp *Miserentissimus Redemptor*, 8/5/1928: AAS 20 (1928), 169.
[218] *Cùng nguồn*.: AAS 20 (1928), 172.
[219] THÁNH JOHN PAUL II, *Giáo lý*, 20/6/1979: *L' Osservatore Romano*, ngày 22 tháng 6 năm 1979, tr. 1.
[220] *Bài giảng trong Thánh lễ tại Domus Sanctae Marthae*, 27 tháng 6 năm 2014: *L'Osservatore Romano*, 28 tháng 6 năm 2014, tr. 8.
[221] Sứ điệp kỷ niệm 100 năm thánh hiến nhân loại cho Thánh Tâm Chúa Giêsu, Warsaw, ngày 11 tháng 6 năm 1999, Lễ Trọng Thánh Tâm Chúa Giêsu. *L'Osservatore Romano*, ngày 12 tháng 6 năm 1999, trang 5.

[222] *Cùng nguồn*.
[223] *Thư gửi Tổng Giám mục Lyon nhân dịp hành hương đến Paray-le-Monial nhân kỷ niệm 100 năm Ngày thánh hiến loài người cho Thánh Tâm Chúa Giêsu*, ngày 4 tháng 6 năm 1999: *L'Osservatore Romano*, ngày 12 tháng 6 năm 1999, trang 4.
[224] Hội nghị, "Lặp lại lời cầu nguyện", ngày 22 tháng 8 năm 1655.
[225] Thư *Diserti interpretes* (ngày 25 tháng 5 năm 1965), 4: *Enchiridion della Vita Consacrata*, Bologna-Milano, 2001, số. 3809.
[226] *Vita Nuova* XIX, 5-6: "Tôi tuyên bố rằng, khi nghĩ đến giá trị của nó, tình yêu ngọt ngào đến nỗi khiến tôi cảm thấy rằng, nếu không mất lòng can đảm, tôi sẽ lên tiếng và khiến mọi người khác phải ngã xuống tình yêu".
[227] *Bản chép tay A*, 45v.

THÔNG ĐIỆP LAUDATO SI’

Về Việc Chăm Sóc Ngôi Nhà Chung

1. “Laudato Si’, mi’ Signore” – “Lạy Chúa, con ngợi khen Chúa”. Theo lời của bài thánh ca tuyệt đẹp này, Thánh Phanxicô Assisi nhắc nhở chúng ta rằng ngôi nhà chung của chúng ta giống như một người chị em mà chúng ta chia sẻ cuộc sống và một người mẹ tuyệt vời dang rộng vòng tay ôm lấy chúng ta. “Lạy Chúa, con ngợi khen Chúa qua Người Chị của chúng con, Mẹ Trái Đất, người nuôi dưỡng và cai quản chúng con, và người sản sinh ra nhiều loại trái cây với những bông hoa và thảo mộc đầy màu sắc”.[1]

2. Người chị em này giờ đây kêu lên với chúng ta vì những tổn hại mà chúng ta đã gây ra cho chị bằng cách sử dụng và lạm dụng vô trách nhiệm những của cải mà Chúa đã ban tặng cho chị. Chúng ta đã tự coi mình là những ông chủ và chúa tể của chị, có quyền cướp bóc chị theo ý muốn. Bạo lực hiện diện trong trái tim chúng ta, bị tổn thương bởi tội lỗi, cũng được phản ảnh trong các triệu chứng bệnh tật rõ ràng trong đất, trong nước, trong không khí và trong mọi hình thức sống. Đây là lý do tại sao bản thân trái đất, bị gánh nặng và bị tàn phá, là một trong những người nghèo bị bỏ rơi và ngược đãi nhất; nó "rên rỉ trong cơn đau đẻ" (Rô-ma 8:22). Chúng ta đã quên rằng chính chúng ta là bụi đất (x. St 2:7); chính cơ thể chúng ta được tạo thành từ các yếu tố của chị, chúng ta hít thở không khí của chị và chúng ta nhận được sự sống và sự tươi mát từ nước của chị.

Không có gì trên thế giới này là dửng dưng với chúng ta

3. Hơn năm mươi năm trước, khi thế giới đang chênh vênh trên bờ vực của cuộc khủng hoảng hạt nhân, Đức Thánh Giáo hoàng Gioan XXIII đã viết một Thông điệp không chỉ bác bỏ chiến tranh mà còn đưa ra một đề xuất cho hòa bình. Ngài đã gửi thông điệp Pacem in Terris của mình đến toàn thể "thế giới Công giáo" và thực sự là "đến tất cả những người nam và nữ thiện chí". Bây giờ, khi chúng ta đang phải đối diện với sự suy thoái môi trường hoàn cầu, tôi muốn gửi lời đến mọi người đang sống trên hành tinh này. Trong Tông huấn Evangelii Gaudium, tôi đã viết cho tất cả các thành viên của Giáo hội với mục đích khuyến khích sự đổi mới truyền giáo đang diễn ra. Trong Thông điệp này, tôi muốn đối thoại với tất cả mọi người về ngôi nhà chung của chúng ta.

4. Năm 1971, tám năm sau Pacem in Terris, Đức Giáo hoàng Phaolô VI đã gọi mối quan tâm về sinh thái là “hậu quả bi thảm” của hoạt động không được kiểm soát của con người: “Do khai thác thiên nhiên một cách thiếu cân nhắc, nhân loại có nguy cơ hủy hoại thiên nhiên và trở thành nạn nhân của sự suy thoái này”.[2] Ngài đã nói tương tự như vậy với Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên hợp quốc về khả năng xảy ra “thảm họa sinh thái dưới sự bùng nổ hữu hiệu của nền văn minh kỹ nghệ”, và nhấn mạnh “nhu cầu cấp thiết về một sự thay đổi triệt để trong tác phong của nhân loại”, vì “những tiến bộ khoa học phi thường nhất, những khả năng kỹ thuật đáng kinh ngạc nhất, sự tăng trưởng kinh tế đáng kinh ngạc nhất, nếu không đi kèm với sự tiến bộ xã hội và đạo đức đích thực, chắc chắn sẽ chống lại con người”.[3]

5. Thánh Gioan Phaolô II ngày càng quan tâm đến vấn đề này. Trong Thông điệp đầu tiên của mình, ngài đã cảnh báo rằng con người thường có vẻ “không thấy ý nghĩa nào khác trong môi trường tự nhiên của họ ngoài những gì phục vụ cho mục đích sử dụng và tiêu dùng ngay lập tức”.[4] Sau đó, ngài kêu gọi một cuộc hoán cải sinh thái hoàn cầu.[5] Đồng thời, ngài lưu ý rằng có rất ít nỗ lực được thực hiện để “bảo vệ các điều kiện đạo đức cho một hệ sinh thái đích thực của con người”.[6] Việc phá hủy môi trường của con người là vô cùng nghiêm trọng, không chỉ vì Chúa đã giao phó thế giới cho chúng ta,

những người đàn ông và đàn bà, mà còn vì bản thân sự sống của con người là một món quà phải được bảo vệ khỏi nhiều hình thức làm suy thoái khác nhau. Mọi nỗ lực bảo vệ và cải thiện thế giới của chúng ta đều đòi hỏi những thay đổi sâu sắc về "lối sống, mô hình sản xuất và tiêu dùng, cũng như các cấu trúc quyền lực đã được thiết lập đang chi phối các xã hội ngày nay". [7] Sự phát triển đích thực của con người có tính chất đạo đức. Nó giả định sự tôn trọng hoàn toàn đối với con người, nhưng cũng phải quan tâm đến thế giới xung quanh chúng ta và "xem xét bản chất của mỗi sinh vật và mối liên hệ lẫn nhau của chúng trong một hệ thống có trật tự".[8] Do đó, khả năng biến đổi thực tại của con người phải tiến hành phù hợp với món quà ban đầu của Thiên Chúa là tất cả những gì hiện hữu.[9]

6. Người tiền nhiệm của tôi là Be-nê-đic-tô XVI cũng đề xuất việc "loại bỏ các nguyên nhân mang tính cấu trúc của sự rối loạn chức năng của nền kinh tế thế giới và điều chỉnh các mô hình tăng trưởng đã chứng minh là không có khả năng đảm bảo tôn trọng môi trường". [10] Ngài nhận xét rằng thế giới không thể được phân tích bằng cách chỉ cô lập một khía cạnh của nó, vì "quyển sách của thiên nhiên là duy nhất và không thể chia cắt", và bao gồm môi trường, sự sống, tình dục, gia đình, các mối quan hệ xã hội, v.v. Do đó, "sự suy thoái của thiên nhiên có liên quan chặt chẽ đến nền văn hóa định hình sự chung sống của con người". [11] Đức Giáo hoàng Be-nê-đic-tô yêu cầu chúng ta thừa nhận rằng môi trường tự nhiên đã bị tổn hại nghiêm trọng bởi hành vi vô trách nhiệm của chúng ta. Môi trường xã hội cũng đã bị tổn hại. Cả hai cuối cùng đều do cùng một điều xấu: quan niệm cho rằng không có chân lý không thể chối cãi nào hướng dẫn cuộc sống của chúng ta, và do đó, tự do của con người là vô hạn. Chúng ta đã quên rằng "con người không chỉ là một nền tự do được họ tự tạo ra cho chính họ. Con người là tinh thần và ý chí, nhưng cũng là thiên nhiên". [12] Với sự quan tâm của một người cha, Đức Be-nê-đic-tô thúc giục chúng ta nhận ra rằng tạo vật bị tổn hại "nơi mà chính chúng ta có tiếng nói cuối cùng, nơi mà mọi thứ chỉ đơn giản là tài sản của chúng ta và chúng ta sử dụng nó cho riêng mình. Việc sử dụng sai mục đích của tạo vật bắt đầu khi chúng ta không còn nhận ra bất cứ trường hợp nào cao hơn chính chúng ta, khi chúng ta không thấy gì khác ngoài chính chúng ta". [13]

Hợp nhất vì cùng một mối quan tâm

7. Những tuyên bố này của các vị Giáo hoàng phản ảnh những suy tư của nhiều nhà khoa học, triết gia, nhà thần học và các nhóm công dân, tất cả đều đã làm phong phú thêm tư duy của Giáo hội về những câu hỏi này. Bên ngoài Giáo hội Công giáo, các Giáo hội và cộng đồng Kitô giáo khác - và cả các tôn giáo khác nữa - đã bày tỏ mối quan tâm sâu sắc và đưa ra những suy tư có giá trị về những vấn đề mà tất cả chúng ta đều thấy khó chịu. Để đưa ra một ví dụ nổi bật, tôi xin đề cập đến những tuyên bố của Đức Thượng phụ Đại kết Bartholomew đáng kính, người mà chúng ta chia sẻ hy vọng về sự hiệp thông trọn vẹn của Giáo hội.

8. Đức Thượng phụ Bartholomew đã nói riêng về nhu cầu mỗi người chúng ta phải ăn năn về những cách chúng ta đã gây hại cho hành tinh, vì "tất cả chúng ta đều tạo ra thiệt hại sinh thái nhỏ", chúng ta được kêu gọi thừa nhận "sự đóng góp của chúng ta, dù nhỏ hay lớn, vào sự biến dạng và hủy diệt của tạo thế".[14] Ngài đã nhiều lần tuyên bố điều này một cách chắc chắn và thuyết phục, thách thức chúng ta thừa nhận tội lỗi của mình đối với tạo thế: "Vì con người… phá hủy sự đa dạng sinh học của tạo thế Thiên Chúa; vì con người làm suy yếu tính toàn vẹn của trái đất bằng cách gây ra những thay đổi về khí hậu, bằng cách tước đoạt rừng tự nhiên của trái đất hoặc phá hủy các vùng đất ngập nước; vì con người làm ô nhiễm nguồn nước, đất đai, không khí và sự sống của trái đất - đây là những tội lỗi". [15] Vì "phạm tội chống lại thế giới tự nhiên là tội lỗi đối với chính chúng ta và là tội lỗi đối với Thiên Chúa". [16]

9. Đồng thời, Đức Bartholomew đã thu hút sự chú ý đến nguồn gốc đạo đức và tinh thần của các vấn đề môi trường, đòi hỏi chúng ta phải tìm kiếm giải pháp không chỉ trong kỹ thuật mà còn trong sự thay đổi của nhân loại; nếu không, chúng ta sẽ chỉ giải quyết các triệu chứng. Ngài yêu cầu chúng ta thay thế tiêu dùng bằng sự hy sinh, lòng tham bằng sự hào phóng, sự lãng phí bằng tinh thần chia sẻ, một chủ nghĩa khổ hạnh "bao hàm việc học cách cho đi, chứ không chỉ đơn giản là đầu hàng. Đó là một cách yêu thương, dần dần rời xa những gì tôi muốn để đến với những gì thế giới của Thiên Chúa cần. Đó là sự giải thoát khỏi nỗi sợ hãi, lòng tham và sự cưỡng bức". [17] Là các Ki-tô hữu, chúng ta cũng được kêu gọi "chấp nhận thế giới như một bí tích hiệp thông, như một cách chia sẻ với Thiên Chúa và những người lân cận của chúng ta trên quy mô hoàn cầu. Niềm tin khiêm nhường của chúng ta rằng thần linh và con người gặp nhau trong từng chi tiết nhỏ nhất trong tấm vải liền mạch của tạo thế Thiên Chúa, trong hạt bụi cuối cùng của hành tinh chúng ta".[18]

Thánh Phanxicô thành Assisi

10. Tôi không muốn viết Thông điệp này mà không hướng đến nhân vật hấp dẫn và lôi cuốn đó, người mà tôi đã lấy tên làm kim chỉ nam và nguồn cảm hứng khi được bầu làm Giám mục Rôma. Tôi tin rằng Thánh Phanxicô là tấm gương tuyệt vời về sự chăm sóc những người dễ bị tổn thương và về một hệ sinh thái toàn diện được sống một cách vui vẻ và chân thực. Ngài là vị thánh bổn mạng của tất cả những người nghiên cứu và làm việc trong lĩnh vực sinh thái, và ngài cũng được những người không phải Ki-tô hữu yêu mến. Ngài đặc biệt quan tâm đến tạo thế của Thiên Chúa và những người nghèo và bị ruồng bỏ. Ngài yêu thương và được yêu thương sâu sắc vì niềm vui, sự hy sinh quảng đại, tấm lòng rộng mở của ngài. Ngài là một nhà huyền bí và một người hành hương sống giản dị và hòa hợp tuyệt vời với Thiên Chúa, với người khác, với thiên nhiên và với chính mình. Ngài cho chúng ta thấy mối liên kết không thể tách rời giữa mối quan tâm đến thiên nhiên, công lý cho người nghèo, cam kết với xã hội và bình an nội tâm.

11. Thánh Phanxicô giúp chúng ta thấy rằng một hệ sinh thái toàn diện đòi hỏi sự cởi mở với các phạm trù vượt qua ngôn ngữ toán học và sinh học, và đưa chúng ta đến với bản chất của con người. Cũng giống như khi chúng ta yêu một ai đó, bất cứ khi nào ngài nhìn lên mặt trời, mặt trăng hay những loài động vật nhỏ nhất, ngài đều cất tiếng hát, đưa mọi loài khác vào lời ca ngợi của mình. Ngài giao tiếp với toàn thể tạo vật, thậm chí còn rao giảng cho các loài hoa, mời gọi chúng "ca ngợi Chúa, như thể chúng được ban cho lý trí". [19] Phản ứng của ngài đối với thế giới xung quanh còn hơn cả sự đánh giá cao về mặt trí thức hay phép tính kinh tế, vì đối với ngài, mỗi loài sinh vật đều là một người chị em được kết nối với ngài bằng những sợi dây tình cảm. Đó là lý do tại sao ngài cảm thấy được kêu gọi chăm sóc tất cả những gì hiện hữu. Đệ tử của ngài là Thánh Bonaventura kể với chúng ta rằng, "từ sự suy gẫm về nguồn gốc chính của mọi thứ, tràn đầy lòng đạo đức hơn nữa, ngài sẽ gọi các loài sinh vật, dù nhỏ bé đến đâu, bằng cái tên 'anh' hay 'chị'".[20] Niềm tin như vậy không thể bị coi là chủ nghĩa lãng mạn ngây thơ, vì nó ảnh hưởng đến những lựa chọn quyết định hành vi của chúng ta. Nếu chúng ta tiếp cận thiên nhiên và môi trường mà không có sự cởi mở này để kính sợ và ngạc nhiên, nếu chúng ta không còn nói ngôn ngữ của tình anh em và vẻ đẹp trong mối quan hệ của chúng ta với thế giới, thái độ của chúng ta sẽ là thái độ của những người chủ, người tiêu dùng, những kẻ bóc lột tàn nhẫn, không thể đặt ra giới hạn cho những nhu cầu cấp thiết của họ. Ngược lại, nếu chúng ta cảm thấy gắn bó mật thiết với tất cả những gì hiện hữu, thì sự tỉnh táo và sự quan tâm sẽ tự nhiên xuất hiện. Sự nghèo khó và khắc khổ của Thánh Phanxicô không chỉ là lớp vỏ bọc của chủ nghĩa khổ hạnh, mà là điều gì đó triệt để hơn nhiều: sự từ chối biến thực tại thành một vật thể chỉ để sử dụng và kiểm soát.

12. Hơn nữa, Thánh Phanxicô, trung thành với Kinh thánh, mời gọi chúng ta xem thiên nhiên như một cuốn sách tuyệt vời trong đó Thiên Chúa nói với chúng ta và ban cho chúng ta cái nhìn thoáng qua về

vẻ đẹp và lòng nhân từ vô hạn của Người. “Qua sự vĩ đại và vẻ đẹp của các tạo vật, người ta biết đến Đấng tạo thành chúng bằng loại suy” (Kn 13:5); thực vậy, “quyền năng vĩnh cửu và thần tính của Người đã được biết đến qua các công trình của Người kể từ khi tạo dựng thế giới” (Rm 1:20). Vì lý do này, Thánh Phanxicô đã yêu cầu một phần của khu vườn tu viện luôn được giữ nguyên, để những loài hoa dại và thảo mộc có thể mọc ở đó, và những ai nhìn thấy chúng có thể hướng tâm trí mình lên Thiên Chúa, Đấng Tạo Hóa của vẻ đẹp như vậy.[21] Thay vì là một vấn đề cần giải quyết, thế giới là một mầu nhiệm vui tươi cần được chiêm ngưỡng với niềm vui và lời ngợi khen.

Lời kêu gọi của tôi

13. Thách thức cấp bách để bảo vệ ngôi nhà chung của chúng ta bao gồm mối quan tâm đến việc tập hợp toàn thể gia đình nhân loại lại với nhau để tìm kiếm sự phát triển bền vững và toàn diện, vì chúng ta biết rằng mọi thứ có thể thay đổi. Đấng Tạo Hóa không bỏ rơi chúng ta; Người không bao giờ từ bỏ kế hoạch yêu thương của Người hoặc hối hận vì đã tạo ra chúng ta. Nhân loại vẫn có khả năng cùng nhau xây dựng ngôi nhà chung của chúng ta. Ở đây, tôi muốn ghi nhận, khuyến khích và cảm ơn tất cả những người đang nỗ lực bằng vô số cách để đảm bảo việc bảo vệ ngôi nhà mà chúng ta cùng chia sẻ. Tôi đặc biệt trân trọng những người không ngừng tìm cách giải quyết những tác động bi thảm của sự suy thoái môi trường đối với cuộc sống của những người nghèo nhất thế giới. Những người trẻ tuổi đòi hỏi sự thay đổi. Họ tự hỏi làm sao ai đó có thể tuyên bố đang xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn mà không nghĩ đến cuộc khủng hoảng môi trường và nỗi thống khổ của những người bị loại trừ.

14. Tôi khẩn thiết kêu gọi một cuộc đối thoại mới về cách chúng ta đang định hình tương lai của hành tinh mình. Chúng ta cần một cuộc đối thoại bao gồm tất cả mọi người, vì thách thức về môi trường mà chúng ta đang trải qua và nguồn gốc nhân bản của nó, liên quan và ảnh hưởng đến tất cả chúng ta. Phong trào sinh thái hoàn cầu đã đạt được những tiến bộ đáng kể và dẫn đến việc thành lập nhiều tổ chức cam kết nâng cao nhận thức về những thách thức này. Đáng tiếc là nhiều nỗ lực tìm kiếm các giải pháp cụ thể cho cuộc khủng hoảng môi trường đã tỏ ra không hữu hiệu, không chỉ vì sự phản đối mạnh mẽ mà còn vì sự thiếu quan tâm chung. Thái độ cản trở, ngay cả từ phía những người có niềm tin, có thể dao động từ việc phủ nhận vấn đề đến sự thờ ơ, sự cam chịu hờ hững hoặc sự tin tưởng mù quáng vào các giải pháp kỹ thuật. Chúng ta cần một tình liên đới mới và hoàn cầu. Như các giám mục Nam Phi đã tuyên bố: "Cần có tài năng và sự tham gia của mọi người để khắc phục thiệt hại do con người lạm dụng tạo thế của Thiên Chúa". [22] Tất cả chúng ta đều có thể hợp tác như những công cụ của Thiên Chúa để chăm sóc tạo thế, mỗi người tùy theo văn hóa, kinh nghiệm, sự tham gia và tài năng của mình.

15. Tôi hy vọng rằng Thông điệp này, hiện đã được thêm vào nội dung giáo huấn xã hội của Giáo hội, có thể giúp chúng ta thừa nhận sự hấp dẫn, to lớn và cấp bách của thách thức mà chúng ta đang phải đối diện. Tôi sẽ bắt đầu bằng cách xem xét ngắn gọn một số khía cạnh của cuộc khủng hoảng sinh thái hiện tại, với mục đích dựa trên kết quả của nghiên cứu khoa học tốt nhất hiện nay, để chúng đánh động chúng ta một cách sâu sắc và cung cấp nền tảng cụ thể cho hành trình đạo đức và tâm linh tiếp theo. Sau đó, tôi sẽ xem xét một số nguyên tắc rút ra từ truyền thống Do Thái - Kitô giáo có thể giúp cam kết của chúng ta đối với môi trường trở nên mạch lạc hơn. Sau đó, tôi sẽ cố gắng tìm hiểu gốc rễ của tình hình hiện tại, xem xét không những các triệu chứng mà còn cả nguyên nhân sâu xa nhất của nó. Điều này sẽ giúp cung cấp một cách tiếp cận sinh thái tôn trọng vị trí độc đáo của chúng ta với tư cách là con người trên thế giới này và mối quan hệ của chúng ta với môi trường xung quanh. Dựa trên sự suy tư này, tôi sẽ đưa ra một số đề xuất rộng hơn cho đối thoại và hành động có liên quan đến mỗi cá nhân chúng ta, và cũng ảnh hưởng đến chính sách quốc tế. Cuối cùng, với niềm xác tín rằng không thể thay

đổi nếu không có động lực và quá trình giáo dục, tôi sẽ đưa ra một số hướng dẫn được linh hứng cho sự phát triển của con người có thể tìm thấy trong kho tàng kinh nghiệm tâm linh của Kitô giáo.

16. Mặc dù mỗi chương sẽ có chủ đề và cách tiếp cận cụ thể riêng, nhưng chương đó cũng sẽ đề cập và xem xét lại các câu hỏi quan trọng đã được đề cập trước đó. Điều này đặc biệt đúng với một số chủ đề sẽ xuất hiện trở lại khi Thông điệp được triển khai. Ví dụ, tôi sẽ nhấn mạnh mối quan hệ mật thiết giữa người nghèo và sự mong manh của hành tinh, niềm xác tín rằng mọi thứ trên thế giới đều có mối liên hệ với nhau, việc phê phán các mô hình và hình thức quyền lực mới bắt nguồn từ kỹ thuật, lời kêu gọi tìm kiếm những cách khác để hiểu nền kinh tế và tiến bộ, giá trị riêng của mỗi tạo vật, ý nghĩa của con người đối với sinh thái, nhu cầu tranh luận thẳng thắn và trung thực, trách nhiệm nghiêm túc của chính sách quốc tế và địa phương, văn hóa vứt bỏ và đề xuất một lối sống mới. Những câu hỏi này sẽ không được giải quyết một lần và mãi mãi, mà được định hình lại và làm phong phú thêm nhiều lần.

CHƯƠNG MỘT
CÁC SỰ KIỆN ĐANG DIỄN RA VỚI NGÔI NHÀ CHUNG CỦA CHÚNG TA

17. Những suy tư thần học và triết học về tình hình của nhân loại và thế giới có thể nghe có vẻ nhàm chán và trừu tượng, trừ khi chúng dựa trên một phân tích mới về tình hình hiện tại của chúng ta, theo nhiều cách chưa từng có trong lịch sử nhân loại. Vì vậy, trước khi xem xét đức tin mang lại những động lực và yêu cầu mới đối với thế giới mà chúng ta là một phần ra sao, tôi sẽ nói ngắn gọn về những gì đang diễn ra với ngôi nhà chung của chúng ta.

18. Sự gia tốc liên tục của những thay đổi ảnh hưởng đến nhân loại và hành tinh ngày nay đi kèm với nhịp sống và công việc mạnh mẽ hơn, có thể được gọi là "sự tăng tốc". Mặc dù sự thay đổi là một phần trong hoạt động của các hệ thống phức tạp, nhưng tốc độ mà hoạt động của con người phát triển trái ngược với tốc độ chậm tự nhiên của quá trình tiến hóa sinh học. Hơn nữa, mục tiêu của sự thay đổi nhanh chóng và liên tục này không nhất thiết hướng đến lợi ích chung hoặc sự phát triển toàn diện và bền vững của con người. Sự thay đổi là điều đáng mong muốn, nhưng nó trở thành nguồn lo lắng khi nó gây hại cho thế giới và phẩm chất cuộc sống của phần lớn nhân loại.

19. Sau một thời kỳ tự tin phi lý vào sự tiến bộ và khả năng của con người, một số bộ phận của xã hội hiện đang áp dụng cách tiếp cận mang tính phê phán hơn. Chúng ta thấy sự nhạy cảm ngày càng tăng đối với môi trường và nhu cầu bảo vệ thiên nhiên, cùng với mối quan tâm ngày càng tăng, cả chân thành và đau khổ, về những gì đang xảy ra với hành tinh của chúng ta. Chúng ta hãy cùng xem xét, tuy một cách sơ lược, những câu hỏi đang làm chúng ta bận tâm ngày nay và chúng ta không thể tiếp tục che giấu. Mục tiêu của chúng tôi không phải là thu lượm thông tin hay thỏa mãn sự tò mò, mà đúng hơn trở nên ý thức một cách đau đớn, dám biến những gì đang xảy ra với thế giới thành nỗi đau khổ của riêng chúng ta và do đó khám phá ra những gì mỗi người chúng ta có thể làm về vấn đề này.

I. Ô NHIỄM VÀ THAY ĐỔI KHÍ HẬU

Ô nhiễm, chất thải và văn hóa vứt bỏ

20. Một số hình thức ô nhiễm là một phần trong trải nghiệm hàng ngày của con người. Tiếp xúc với các chất ô nhiễm trong khí quyển tạo ra nhiều mối nguy hiểm cho sức khỏe, đặc biệt là đối với người nghèo và gây ra hàng triệu ca tử vong sớm. Ví dụ, mọi người bị bệnh do hít phải khói từ nhiên liệu dùng để nấu ăn hoặc sưởi ấm. Ngoài ra còn có ô nhiễm ảnh hưởng đến tất cả mọi người, do giao thông, khói kỹ

nghệ, các chất góp phần làm axit hóa đất và nước, phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc diệt nấm, thuốc diệt cỏ và thuốc trừ sâu nói chung. Kỹ thuật, vốn gắn liền với lợi ích kinh doanh, được trình bày như cách duy nhất để giải quyết những vấn đề này, trên thực tại lại không có khả năng nhìn thấy mạng lưới quan hệ bí ẩn giữa các sự vật và do đó đôi khi chỉ giải quyết được một vấn đề để tạo ra những vấn đề khác.

21. Cũng cần phải tính đến ô nhiễm do chất thải, bao gồm cả chất thải nguy hại có ở nhiều khu vực khác nhau. Hàng trăm triệu tấn chất thải được tạo ra mỗi năm, phần lớn là chất thải không phân hủy sinh học, cực độc và phóng xạ, từ nhà ở và doanh nghiệp, từ các công trường xây dựng và phá dỡ, từ các nguồn lâm sàng, điện tử và kỹ nghệ. Trái đất, ngôi nhà của chúng ta, đang ngày càng trông giống một đống rác khổng lồ. Ở nhiều nơi trên hành tinh, người già than thở rằng những cảnh quan từng tươi đẹp giờ đây phủ đầy rác. Chất thải kỹ nghệ và các sản phẩm hóa học được sử dụng ở các thành phố và khu vực nông nghiệp có thể dẫn đến tích tụ sinh học trong các sinh vật của người dân địa phương, ngay cả khi mức độ độc tố ở những nơi đó thấp. Thường thì không có biện pháp nào được thực hiện cho đến khi sức khỏe của mọi người bị ảnh hưởng không thể phục hồi.

22. Những vấn đề này có liên quan chặt chẽ đến văn hóa vứt bỏ ảnh hưởng đến những người bị loại trừ cũng như nhanh chóng biến mọi thứ thành rác. Để trích dẫn một ví dụ, hầu hết giấy chúng ta sản xuất đều bị vứt đi và không được tái chế. Thật khó để chúng ta chấp nhận rằng cách thức hoạt động của các hệ sinh thái tự nhiên là mẫu mực: thực vật tổng hợp các chất dinh dưỡng nuôi động vật ăn cỏ; đến lượt chúng lại trở thành thức ăn cho động vật ăn thịt, tạo ra một lượng lớn chất thải hữu cơ tạo ra các thế hệ thực vật mới. Nhưng hệ thống kỹ nghệ của chúng ta, khi kết thúc chu kỳ sản xuất và tiêu thụ, vẫn chưa phát triển được khả năng hấp thụ và tái sử dụng chất thải và các sản phẩm phụ. Chúng ta vẫn chưa quản lý để áp dụng một mô hình sản xuất tuần hoàn có khả năng bảo tồn tài nguyên cho các thế hệ hiện tại và tương lai, đồng thời hạn chế tối đa việc sử dụng các nguồn tài nguyên không tái tạo, điều tiết mức tiêu thụ, tối đa hóa hữu hiệu sử dụng, tái sử dụng và tái chế chúng. Một quan điểm nghiêm túc việc giảm thiểu vấn đề này sẽ là một cách để chống lại nền văn hóa vứt bỏ đang ảnh hưởng đến toàn bộ hành tinh, nhưng phải nói rằng chỉ có tiến bộ hạn chế được thực hiện về mặt này.

Khí hậu là một thiện ích chung

23. Khí hậu là một thiện ích chung, thuộc về tất cả mọi người và dành cho tất cả mọi người. Ở cấp độ hoàn cầu, đây là một hệ thống phức tạp liên quan đến nhiều điều kiện thiết yếu cho sự sống của con người. Một sự đồng thuận khoa học rất vững chắc chỉ ra rằng hiện tại chúng ta đang chứng kiến sự nóng lên đáng lo ngại của hệ thống khí hậu. Trong những thập niên gần đây, sự nóng lên này đi kèm với mực nước biển liên tục dâng cao và có vẻ như là sự gia tăng các hiện tượng thời tiết khắc nghiệt, ngay cả khi không thể xác định được nguyên nhân khoa học cho từng hiện tượng cụ thể. Nhân loại được kêu gọi nhận ra nhu cầu thay đổi lối sống, sản xuất và tiêu dùng để chống lại sự nóng lên này hoặc ít nhất là những nguyên nhân do con người gây ra hoặc làm trầm trọng thêm tình trạng này. Đúng là có những yếu tố khác (như hoạt động núi lửa, sự thay đổi quỹ đạo và trục của Trái đất, chu kỳ Mặt trời), nhưng một số nghiên cứu khoa học chỉ ra rằng hầu hết sự nóng lên hoàn cầu trong những thập niên gần đây là do nồng độ lớn các khí nhà kính (cacbon dioxit, mêtan, nitơ oxit và các loại khác) được giải phóng chủ yếu do hoạt động của con người. Khi các loại khí này tích tụ trong khí quyển, chúng cản trở sự thoát nhiệt do ánh sáng mặt trời tạo ra trên bề mặt Trái đất. Vấn đề trở nên trầm trọng hơn do mô hình phát triển dựa trên việc sử dụng nhiều nhiên liệu hóa thạch, vốn là cốt lõi của hệ thống năng lượng hoàn cầu. Một yếu tố quyết định khác là sự gia tăng trong việc thay đổi cách sử dụng đất, chủ yếu là nạn phá rừng để phục vụ mục đích nông nghiệp.

24. Sự nóng lên có tác động đến chu trình cacbon. Nó tạo ra một vòng luẩn quẩn khiến tình hình trở nên trầm trọng hơn, ảnh hưởng đến tính khả dụng của các nguồn tài nguyên thiết yếu như nước uống, năng lượng và sản xuất nông nghiệp ở các vùng ấm hơn và dẫn đến sự tuyệt chủng của một phần đa dạng sinh học trên hành tinh. Sự tan chảy ở các chỏm băng cực và ở các đồng bằng trên cao có thể dẫn đến việc làm thoát ra khí mê-tan nguy hiểm, trong khi sự phân hủy của vật liệu hữu cơ đông lạnh có thể làm tăng thêm lượng khí thải carbon dioxide. Mọi thứ trở nên tồi tệ hơn do mất đi các khu rừng nhiệt đới vốn có thể giúp giảm thiểu việc thay đổi khí hậu. Ô nhiễm carbon dioxide làm tăng quá trình axit hóa đại dương và làm tổn hại đến chuỗi thức ăn biển. Nếu xu hướng hiện tại tiếp tục, thế kỷ này có thể chứng kiến sự thay đổi khí hậu ngoại thường và sự phá hủy chưa từng có đối với các hệ sinh thái, gây ra hậu quả nghiêm trọng cho tất cả chúng ta. Ví dụ, mực nước biển dâng cao có thể tạo ra những tình huống cực kỳ nghiêm trọng, nếu chúng ta xem xét việc một phần tư dân số thế giới sống ở bờ biển hoặc gần đó, và phần lớn các siêu đô thị của chúng ta nằm ở các vùng ven biển.

25. Thay đổi khí hậu là một vấn đề hoàn cầu với những tác động nghiêm trọng: môi trường, xã hội, kinh tế, chính trị và đối với việc phân phối hàng hóa. Đây là một trong những thách thức chính mà nhân loại phải đối diện trong thời đại ngày nay. Tác động tồi tệ nhất của nó có thể sẽ ảnh hưởng đến các nước đang phát triển trong những thập niên tới. Nhiều người nghèo sống ở những khu vực đặc biệt bị ảnh hưởng bởi hiện tượng nóng lên hoàn cầu, và phương tiện sinh kế của họ phần lớn phụ thuộc vào các khu bảo tồn thiên nhiên và các dịch vụ hệ sinh thái như nông nghiệp, đánh bắt cá và lâm nghiệp. Họ không có hoạt động tài chính hoặc nguồn lực nào khác có thể giúp họ thích nghi với việc thay đổi khí hậu hoặc đối diện với thiên tai, và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội và bảo vệ của họ rất hạn chế. Ví dụ, những thay đổi về khí hậu, mà động vật và thực vật không thể thích nghi, khiến họ phải di cư; điều này đến lượt nó ảnh hưởng đến sinh kế của người nghèo, những người sau đó buộc phải rời bỏ nhà cửa, với sự bất định lớn về tương lai của họ và con cái họ. Đã có sự gia tăng đáng kể về số lượng người di cư tìm cách chạy trốn khỏi tình trạng nghèo đói ngày càng gia tăng do suy thoái môi trường gây ra. Họ không được các công ước quốc tế công nhận là người tị nạn; họ phải chịu đựng sự mất mát các sinh mạng mà họ đã bỏ lại phía sau, mà không được hưởng bất cứ sự bảo vệ hợp pháp nào. Đáng buồn thay, có sự thờ ơ lan rộng đối với những đau khổ như vậy, thậm chí hiện đang diễn ra trên khắp thế giới của chúng ta. Việc chúng ta không phản ứng với những thảm kịch liên quan đến anh chị em của mình cho thấy sự mất mát ý thức trách nhiệm đối với những người đồng loại mà trên đó tất cả xã hội dân sự đều dựa vào.

26. Nhiều người sở hữu nhiều nguồn lực và quyền lực kinh tế hoặc chính trị hơn dường như chủ yếu quan tâm đến việc che giấu các vấn đề hoặc che giấu các triệu chứng của chúng, chỉ đơn giản là nỗ lực giảm bớt một số tác động tiêu cực của việc thay đổi khí hậu. Tuy nhiên, nhiều triệu chứng trong số này cho thấy rằng những tác động như vậy sẽ tiếp tục trở nên tồi tệ hơn nếu chúng ta tiếp tục với các mô hình sản xuất và tiêu dùng hiện tại. Có một nhu cầu cấp thiết là phải xây dựng các chính sách để trong vài năm tới, việc phát thải carbon dioxide và các loại khí gây ô nhiễm cao khác có thể được giảm mạnh, ví dụ, thay thế nhiên liệu hóa thạch và phát triển các nguồn năng lượng tái tạo. Trên toàn thế giới, khả năng tiếp cận năng lượng sạch và tái tạo còn rất hạn chế. Vẫn cần phải phát triển các kỹ thuật lưu trữ phù hợp. Một số quốc gia đã đạt được tiến bộ đáng kể, mặc dù vẫn chưa đạt đến tỷ lệ đáng kể. Các khoản đầu tư cũng đã được thực hiện vào các phương tiện sản xuất và vận tải tiêu thụ ít năng lượng hơn và cần ít nguyên liệu thô hơn, cũng như vào các phương pháp xây dựng và cải tạo các tòa nhà giúp cải thiện hữu hiệu sử dụng năng lượng. Nhưng những hoạt động tốt này vẫn chưa được phổ biến rộng rãi.

II. VẤN ĐỀ NƯỚC

27. Các định mức khác về tình hình hiện tại liên quan đến sự cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên. Chúng ta đều biết rằng không thể duy trì mức tiêu thụ hiện tại ở các nước phát triển và các khu vực giàu có hơn của xã hội, nơi thói quen lãng phí và vứt bỏ đã đạt đến mức chưa từng có. Việc khai thác hành tinh đã vượt quá giới hạn cho phép và chúng ta vẫn chưa giải quyết được vấn đề đói nghèo.

28. Nước uống sạch là vấn đề có tầm quan trọng hàng đầu, vì nó không thể thiếu đối với sự sống của con người và hỗ trợ các hệ sinh thái trên cạn và dưới nước. Nguồn nước ngọt cần thiết cho chăm sóc sức khỏe, nông nghiệp và kỹ nghệ. Nguồn cung cấp nước trước đây tương đối ổn định, nhưng hiện nay ở nhiều nơi, nhu cầu vượt quá nguồn cung bền vững, gây ra hậu quả nghiêm trọng trong ngắn hạn và dài hạn. Các thành phố lớn phụ thuộc vào nguồn cung cấp nước đáng kể đã trải qua thời kỳ thiếu hụt, và tại những thời điểm quan trọng, tình trạng này không phải lúc nào cũng được quản lý với sự giám sát và công bằng đầy đủ. Tình trạng thiếu nước đặc biệt ảnh hưởng đến Châu Phi, nơi mà phần lớn dân số không được tiếp cận với nước uống an toàn hoặc phải chịu hạn hán, cản trở sản xuất nông nghiệp. Một số quốc gia có những vùng giàu có về nước trong khi những quốc gia khác phải chịu tình trạng thiếu hụt nghiêm trọng.

29. Một vấn đề đặc biệt nghiêm trọng là phẩm chất nước dành cho người nghèo. Mỗi ngày, nước không an toàn gây ra nhiều ca tử vong và lây lan các bệnh liên quan đến nước, bao gồm cả những bệnh do vi sinh vật và chất hóa học gây ra. Bệnh kiết lỵ và bệnh tả, liên quan đến vệ sinh và nguồn cung cấp nước không đầy đủ, là nguyên nhân đáng kể gây ra đau khổ và tử vong ở trẻ sơ sinh. Nguồn nước ngầm ở nhiều nơi đang bị đe dọa bởi ô nhiễm do một số hoạt động khai thác, canh tác và kỹ nghệ gây ra, đặc biệt ở những quốc gia thiếu quy định hoặc kiểm soát đầy đủ. Vấn đề không chỉ là chất thải kỹ nghệ. Chất tẩy rửa và các sản phẩm hóa học, thường được sử dụng ở nhiều nơi trên thế giới, vẫn tiếp tục đổ vào sông, hồ và biển của chúng ta.

30. Mặc dù phẩm chất nước sạch đang ngày càng giảm sút, nhưng ở một số nơi, mặc dù khan hiếm, vẫn có xu hướng tư nhân hóa nguồn tài nguyên này, biến nó thành một loại hàng hóa chịu sự chi phối của luật thị trường. Tuy nhiên, *quyền tiếp cận nguồn nước uống an toàn là quyền cơ bản và phổ quát của con người, vì nó rất cần thiết cho sự sống còn của con người và do đó, là điều kiện để thực hiện các quyền con người khác*. Thế giới của chúng ta đang mắc một món nợ xã hội lớn đối với những người nghèo không được tiếp cận nguồn nước uống, vì *họ bị từ chối quyền được sống phù hợp với phẩm giá bất khả xâm phạm của mình*. Món nợ này có thể được trả một phần bằng cách tăng nguồn tài trợ để cung cấp nước sạch và dịch vụ vệ sinh cho người nghèo. Nhưng nước vẫn tiếp tục bị lãng phí, không chỉ ở các nước phát triển mà còn ở các nước đang phát triển có nguồn nước dồi dào. Điều này cho thấy vấn đề về nước một phần là vấn đề giáo dục và văn hóa, vì nhận thức về mức độ nghiêm trọng của hành vi như vậy trong bối cảnh bất bình đẳng lớn là rất hạn chế.

31. Việc thiếu nước trầm trọng hơn sẽ dẫn đến việc tăng giá lương thực và nhiều sản phẩm khác phụ thuộc vào việc sử dụng nước. Một số nghiên cứu cảnh báo rằng tình trạng thiếu nước nghiêm trọng có thể xảy ra trong vài thập niên tới nếu không có hành động khẩn cấp. Hậu quả về môi trường có thể ảnh hưởng đến hàng tỷ người; cũng có thể hình dung rằng việc kiểm soát nước của các doanh nghiệp đa quốc gia lớn có thể trở thành nguồn xung đột chính trong thế kỷ này. [23]

III. MẤT ĐA DẠNG SINH HỌC

32. Các nguồn tài nguyên của trái đất cũng đang bị cướp bóc vì những cách tiếp cận thiển cận đối với nền kinh tế, thương mại và sản xuất. Việc mất rừng và đất rừng kéo theo sự mất mát của các loài có thể tạo thành các nguồn tài nguyên cực kỳ quan trọng trong tương lai, không chỉ để làm thực phẩm mà còn

để chữa bệnh và các mục đích sử dụng khác. Các loài khác nhau chứa các gen có thể là nguồn tài nguyên chính trong những năm tới để đáp ứng nhu cầu của con người và điều chỉnh các vấn đề về môi trường.

33. Tuy nhiên, chỉ coi các loài khác nhau chỉ như "nguồn tài nguyên" tiềm năng để khai thác là chưa đủ, trong khi bỏ qua sự kiện bản thân chúng có giá trị. Mỗi năm chứng kiến sự biến mất của hàng ngàn loài thực vật và động vật mà chúng ta sẽ không bao giờ biết, mà con cháu chúng ta sẽ không bao giờ nhìn thấy, bởi vì chúng đã bị mất mãi mãi. Phần lớn tuyệt chủng vì những lý do liên quan đến hoạt động của con người. Vì chúng ta, hàng ngàn loài sẽ không còn tôn vinh Thiên Chúa bằng chính sự hiện hữu của chúng, cũng như không truyền đạt thông điệp của chúng cho chúng ta. Chúng ta không có quyền đó.

34. Chúng ta có thể rất lo lắng khi biết về sự tuyệt chủng của động vật có vú hoặc chim, vì chúng dễ thấy hơn. Nhưng hoạt động tốt của hệ sinh thái cũng cần có nấm, tảo, giun, côn trùng, bò sát và vô số vi sinh vật. Một số loài ít hơn, mặc dù thường không nhìn thấy được, nhưng vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì sự cân bằng của một địa điểm cụ thể. Con người phải can thiệp khi một hệ thống địa chất đạt đến trạng thái khủng hoảng. Nhưng ngày nay, sự can thiệp như vậy vào tự nhiên ngày càng trở nên thường xuyên hơn. Hậu quả là, các vấn đề nghiêm trọng phát sinh, dẫn đến các can thiệp tiếp theo; hoạt động của con người trở nên phổ biến, với tất cả các rủi ro mà điều này kéo theo. Thường thì một vòng luẩn quẩn sẽ xảy ra, vì sự can thiệp của con người để giải quyết một vấn đề lại làm tình hình trở nên trầm trọng hơn. Ví dụ, nhiều loài chim và côn trùng biến mất do độc tố tổng hợp có ích cho nông nghiệp: sự biến mất của chúng sẽ phải được bù đắp bằng các kỹ thuật khác có thể gây hại. Chúng ta phải biết ơn những nỗ lực đáng khen ngợi của các nhà khoa học và kỹ sư tận tụy tìm kiếm giải pháp cho các vấn đề do con người gây ra. Nhưng khi nhìn nhận thế giới một cách tỉnh táo, chúng ta thấy rằng mức độ can thiệp của con người, thường là để phục vụ cho lợi ích kinh doanh và chủ nghĩa tiêu dùng, thực sự đang khiến trái đất của chúng ta kém màu mỡ và tươi đẹp hơn, ngày càng hạn hẹp và xám xịt hơn, ngay cả khi những tiến bộ kỹ thuật và hàng tiêu dùng tiếp tục dồi dào vô hạn. Chúng ta dường như nghĩ rằng chúng ta có thể thay thế vẻ đẹp không thể thay thế và không thể lấy lại bằng thứ gì đó do chính chúng ta tạo ra.

35. Khi đánh giá tác động môi trường của bất cứ dự án nào, người ta thường quan tâm đến tác động của dự án đó đối với đất, nước và không khí, nhưng lại ít nghiên cứu cẩn thận về tác động của dự án đó đối với đa dạng sinh học, như thể việc mất đi các loài hoặc động vật và nhóm thực vật không quan trọng. Đường cao tốc, đồn điền mới, rào chắn một số khu vực, đập ngăn nguồn nước và các hoạt động phát triển tương tự, lấn át môi trường sống tự nhiên và đôi khi, phá vỡ chúng theo cách khiến quần thể động vật không còn có thể di cư hoặc đi lang thang tự do. Kết quả là, một số loài phải đối diện với nguy cơ tuyệt chủng. Có những giải pháp thay thế ít nhất cũng làm giảm tác động của các dự án này, như tạo ra các hành lang sinh học, nhưng ít quốc gia nào chứng tỏ sự quan tâm và tầm nhìn xa như vậy. Thông thường, khi một số loài nhất định bị khai thác thương mại, người ta ít chú ý đến việc nghiên cứu các mô hình sinh sản của chúng để ngăn chặn sự suy giảm của chúng và sự mất cân bằng của hệ sinh thái sau đó.

36. Việc chăm sóc các hệ sinh thái đòi hỏi phải có tầm nhìn xa, vì không ai tìm kiếm lợi nhuận nhanh chóng và dễ dàng thực sự quan tâm đến việc bảo tồn chúng. Nhưng tổn phí thiệt hại do sự thiếu quan tâm ích kỷ như vậy gây ra lớn hơn nhiều so với lợi ích kinh tế thu được. Khi một số loài nhất định bị tiêu diệt hoặc bị tổn hại nghiêm trọng, giá trị liên quan là không thể tính toán được. Chúng ta có thể là nhân chứng thầm lặng cho những bất công khủng khiếp nếu chúng ta nghĩ rằng chúng ta có thể thu

được lợi ích đáng kể bằng cách khiến phần còn lại của nhân loại, hiện tại và tương lai, phải trả giá cực cao cho sự suy thoái môi trường.

37. Một số quốc gia đã đạt được tiến bộ đáng kể trong việc thiết lập các khu bảo tồn trên đất liền và đại dương, nơi mọi sự can thiệp của con người đều bị cấm, có thể làm thay đổi các đặc điểm hoặc làm thay đổi cấu trúc ban đầu của chúng. Trong việc bảo vệ đa dạng sinh học, các chuyên gia nhấn mạnh rằng cần phải đặc biệt chú ý đến các khu vực giàu hơn về số lượng loài và các loài đặc hữu, quý hiếm hoặc ít được bảo vệ. Một số nơi nhất định cần được bảo vệ nhiều hơn vì tầm quan trọng to lớn của chúng đối với hệ sinh thái hoàn cầu hoặc vì chúng đại diện cho các nguồn dự trữ nước quan trọng và do đó bảo vệ các dạng sống khác.

38. Ví dụ, chúng ta hãy đề cập đến những lá phổi đa dạng sinh học phong phú của hành tinh chúng ta là lưu vực sông Amazon và Congo, hoặc các tầng chứa nước ngầm và sông băng lớn. Chúng ta biết những điều này quan trọng như thế nào đối với toàn bộ trái đất và tương lai của nhân loại. Các hệ sinh thái rừng nhiệt đới sở hữu một sự đa dạng sinh học vô cùng phức tạp mà hầu như không thể đánh giá hết được, nhưng khi những khu rừng này bị đốt cháy hoặc san phẳng để phục vụ mục đích canh tác, trong vòng vài năm, vô số loài sẽ bị mất đi và các khu vực này thường trở thành vùng đất hoang khô cằn. Cần phải duy trì sự cân bằng tinh tế khi nói về những nơi này, vì chúng ta không thể bỏ qua những lợi ích kinh tế hoàn cầu to lớn, dưới chiêu bài bảo vệ chúng, có thể làm suy yếu chủ quyền của từng quốc gia. Trên thực tại, có những "đề xuất quốc tế hóa Amazon, chỉ phục vụ cho lợi ích kinh tế của các tập đoàn xuyên quốc gia".[24] Chúng ta không thể không ca ngợi cam kết của các cơ quan quốc tế và các tổ chức xã hội dân sự đã thu hút sự chú ý của công chúng đối với những vấn đề này và đưa ra sự hợp tác quan trọng, sử dụng các biện pháp gây áp lực hợp pháp, để đảm bảo rằng mỗi chính phủ thực hiện trách nhiệm đúng đắn và bất khả xâm phạm của mình trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên của quốc gia, mà không đầu hàng trước các lợi ích địa phương hoặc quốc tế giả mạo.

39. Việc thay thế rừng nguyên sinh bằng các đồn điền cây, thường là độc canh, hiếm khi được phân tích đầy đủ. Tuy nhiên, điều này có thể làm tổn hại nghiêm trọng đến đa dạng sinh học mà các loài mới được du nhập không đáp ứng được. Tương tự như vậy, các vùng đất ngập nước được chuyển đổi thành đất canh tác mất đi sự đa dạng sinh học to lớn mà chúng từng có. Ở một số vùng ven biển, sự biến mất của các hệ sinh thái được duy trì bởi các đầm lầy ngập mặn là nguồn gây lo ngại nghiêm trọng.

40. Đại dương không chỉ chứa phần lớn nguồn cung cấp nước của hành tinh chúng ta mà còn chứa hầu hết các loài sinh vật sống, nhiều loài trong số chúng vẫn chưa được chúng ta biết đến và bị đe dọa vì nhiều lý do khác nhau. Hơn nữa, sinh vật biển ở các sông, hồ, biển và đại dương, nơi nuôi sống một phần lớn dân số thế giới, bị ảnh hưởng bởi hoạt động đánh bắt cá không kiểm soát, dẫn đến sự suy giảm nghiêm trọng của một số loài. Các hình thức đánh bắt có chọn lọc, loại bỏ phần lớn những gì chúng thu thập được vẫn tiếp tục không suy giảm. Đặc biệt bị đe dọa là các sinh vật biển mà chúng ta có xu hướng bỏ qua, như một số dạng sinh vật phù du [plankton]; chúng đại diện cho một thành phần quan trọng trong chuỗi thức ăn của đại dương và các loài được sử dụng làm thực phẩm của chúng ta cuối cùng phụ thuộc vào chúng.

41. Ở các vùng biển nhiệt đới và cận nhiệt đới, chúng ta thấy các rạn san hô có thể so sánh với các khu rừng lớn trên cạn, vì chúng là nơi trú ngụ của khoảng một triệu loài, bao gồm cá, cua, động vật thân mềm, bọt biển và tảo. Nhiều rạn san hô trên thế giới đã cằn cỗi hoặc đang trong tình trạng suy thoái liên tục. "Ai đã biến thế giới kỳ diệu của biển cả thành những nghĩa trang dưới nước không có màu sắc và sự sống?"[25] Hiện tượng này phần lớn là do ô nhiễm tràn vào biển do nạn phá rừng, độc canh nông nghiệp, chất thải kỹ nghệ và các phương pháp đánh bắt hủy diệt, đặc biệt là những phương pháp sử

dụng xyanua và thuốc nổ. Tình trạng này trở nên trầm trọng hơn do nhiệt độ của đại dương tăng lên. Tất cả những điều này giúp chúng ta thấy rằng mọi sự can thiệp vào thiên nhiên đều có thể gây ra những hậu quả không thể thấy ngay, và một số cách khai thác tài nguyên nhất định sẽ gây tổn kém về mặt suy thoái, cuối cùng sẽ ảnh hưởng đến chính đáy đại dương.

42. Cần đầu tư nhiều hơn vào nghiên cứu nhằm hiểu rõ hơn về hoạt động của các hệ sinh thái và phân tích đầy đủ các biến số khác nhau liên quan đến bất cứ sự thay đổi đáng kể nào của môi trường. Vì tất cả các tạo vật đều có mối liên hệ với nhau, nên mỗi sinh vật đều phải được yêu thương và tôn trọng, vì tất cả chúng ta là những tạo vật sống đều phụ thuộc vào nhau. Mỗi khu vực có trách nhiệm chăm sóc gia đình này. Điều này đòi hỏi phải tiến hành kiểm kê cẩn thận các loài mà nó cho cư trú, nhằm mục đích xây dựng các chương trình và chiến lược bảo vệ, đặc biệt là bảo vệ các loài đang có nguy cơ tuyệt chủng.

IV. SỰ SUY GIẢM PHẨM CHẤT CUỘC SỐNG CỦA CON NGƯỜI VÀ SỰ PHÁ VỠ CỦA XÃ HỘI

43. Con người cũng là những tạo vật của thế giới này, được hưởng quyền sống và hạnh phúc, và được ban tặng phẩm giá độc nhất. Vì vậy, chúng ta không thể không cân nhắc đến những tác động của sự suy thoái môi trường, các mô hình phát triển hiện tại và văn hóa vứt bỏ đối với cuộc sống của con người.

44. Ví dụ, ngày nay, chúng ta nhận thức được sự phát triển không cân xứng và hỗn loạn của nhiều thành phố, nơi đã trở nên không lành mạnh để sinh sống, không chỉ vì ô nhiễm do khí thải độc hại mà còn do tình trạng hỗn loạn đô thị, giao thông kém, ô nhiễm thị giác và tiếng ồn. Nhiều thành phố là những công trình khổng lồ, kém hữu hiệu, lãng phí quá mức năng lượng và nước. Các khu phố, ngay cả những khu phố mới xây dựng, đều đông đúc, hỗn loạn và thiếu không gian xanh. Chúng ta không muốn bị ngập trong xi măng, nhựa đường, kính và kim loại, và bị tước mất sự tiếp xúc vật lý với thiên nhiên.

45. Ở một số nơi, cả nông thôn và thành thị, việc tư nhân hóa một số không gian đã hạn chế khả năng tiếp cận của mọi người với những nơi có vẻ đẹp đặc biệt. Ở những nơi khác, các khu phố "sinh thái" đã được tạo ra, đóng cửa với người ngoài để đảm bảo sự yên tĩnh nhân tạo. Thông thường, chúng ta tìm thấy những không gian xanh đẹp đẽ và được chăm sóc cẩn thận ở những khu vực được gọi là "an toàn hơn" của thành phố, nhưng không phải ở những khu vực ẩn dật hơn, nơi những kẻ bị xã hội vứt bỏ sinh sống.

46. Các chiều kích xã hội của sự thay đổi hoàn cầu bao gồm tác động của những đổi mới kỹ thuật đối với việc làm, sự loại trừ xã hội, sự phân phối và tiêu thụ không công bằng năng lượng và các dịch vụ khác, sự sụp đổ xã hội, bạo lực gia tăng và sự gia tăng các hình thức xâm lược xã hội mới, nạn buôn bán ma túy, tình trạng sử dụng ma túy ngày càng tăng ở những người trẻ tuổi và sự mất đi bản sắc. Đây là những dấu hiệu cho thấy sự tăng trưởng của hai thế kỷ qua không phải lúc nào cũng dẫn đến sự phát triển toàn diện và cải thiện phẩm chất cuộc sống. Một số dấu hiệu này cũng là triệu chứng của sự suy thoái xã hội thực sự, sự phá vỡ một cách thầm lặng các mối liên kết hòa nhập và gắn kết xã hội.

47. Hơn nữa, khi phương tiện truyền thông và thế giới kỹ thuật số trở nên phổ biến, ảnh hưởng của chúng có thể ngăn cản mọi người học cách sống khôn ngoan, suy nghĩ sâu sắc và yêu thương rộng lượng. Trong bối cảnh này, các nhà hiền triết vĩ đại trong quá khứ có nguy cơ bị lãng quên giữa tiếng ồn ào và sự xao nhãng của quá tải thông tin. Cần phải nỗ lực để giúp các phương tiện truyền thông này trở thành nguồn tiến bộ văn hóa mới cho nhân loại chứ không phải là mối đe dọa đối với sự giàu có sâu sắc nhất của chúng ta. Sự khôn ngoan thực sự, như thành quả của quá trình tự vấn lương tâm, đối thoại và gặp gỡ rộng lượng giữa những con người, không đạt được chỉ nhờ thông qua việc tích lũy dữ kiện,

cuối cùng dẫn đến quá tải và nhầm lẫn, một dạng ô nhiễm tinh thần. Các mối quan hệ thực sự với người khác, với tất cả những thách thức mà chúng kéo theo, hiện có xu hướng được thay thế bằng một loại truyền thông trực tuyến cho phép chúng ta tùy ý lựa chọn hoặc loại bỏ các mối quan hệ, do đó làm nảy sinh một loại cảm xúc mới được tạo ra liên quan nhiều hơn đến các thiết bị và màn hình hơn là với người khác và với thiên nhiên. Các phương tiện truyền thông ngày nay cho phép chúng ta truyền thông và chia sẻ kiến thức và tình cảm của mình. Tuy nhiên, đôi khi chúng cũng che chắn chúng ta khỏi sự tiếp xúc trực tiếp với nỗi đau, nỗi sợ hãi và niềm vui của người khác và sự phức tạp trong những trải nghiệm bản thân của họ. Vì lý do này, chúng ta nên quan tâm để, bên cạnh những khả năng đáng lưu ý mà các phương tiện truyền thông này mang lại, sự bất mãn sâu sắc và u sầu với các mối quan hệ liên ngã, hoặc cảm giác cô lập có hại, cũng có thể phát sinh.

V. BẤT BÌNH ĐẲNG HOÀN CẦU

48. Môi trường của con người và môi trường tự nhiên cùng nhau xuống cấp; chúng ta không thể chống lại sự xuống cấp của môi trường một cách thỏa đáng nếu chúng ta không quan tâm đến những nguyên nhân liên quan đến sự xuống cấp của con người và xã hội. Thực thế, sự xuống cấp của môi trường và xã hội ảnh hưởng đến những người dễ bị tổn thương nhất trên hành tinh: "Cả kinh nghiệm hàng ngày và nghiên cứu khoa học đều cho thấy những tác động nghiêm trọng nhất của tất cả các cuộc tấn công vào môi trường đều do những người nghèo nhất gánh chịu".[26] Ví dụ, sự cạn kiệt trữ lượng đánh bắt cá đặc biệt gây tổn hại đến các cộng đồng đánh bắt cá nhỏ không có phương tiện để thay thế những nguồn tài nguyên đó; ô nhiễm nước đặc biệt ảnh hưởng đến những người nghèo không thể mua nước đóng chai; và mực nước biển dâng cao chủ yếu ảnh hưởng đến những người dân ven biển nghèo đói không có nơi nào khác để đi. Tác động của sự mất cân bằng hiện tại cũng được thấy trong cái chết sớm của nhiều người nghèo, trong các cuộc xung đột bùng phát do thiếu hụt tài nguyên và trong vô số các vấn đề khác không được đại diện đầy đủ trong chương trình nghị sự hoàn cầu.[27]

49. Cần phải nói rằng, nhìn chung, có rất ít nhận thức rõ ràng về các vấn đề đặc biệt ảnh hưởng đến những người bị loại trừ. Tuy nhiên, họ lại là phần lớn dân số của hành tinh, hàng tỷ người. Ngày nay, họ được đề cập trong các cuộc thảo luận chính trị và kinh tế quốc tế, nhưng người ta thường có ấn tượng rằng các vấn đề của họ được đưa ra như một suy nghĩ muộn màng, một câu hỏi được thêm vào gần như vì nghĩa vụ hoặc theo cách gián tiếp, nếu không muốn nói là chỉ được coi là thiệt hại phụ kèm theo. Thật vậy, khi tất cả đã được nói ra và thực hiện, họ thường vẫn ở dưới cùng của đống đổ nát. Điều này một phần là do sự kiện nhiều chuyên gia, người tạo ra dư luận, phương tiện truyền thông và trung tâm quyền lực, tọa lạc tại các khu vực đô thị giàu có, cách xa người nghèo, ít tiếp xúc trực tiếp với các vấn đề của họ. Họ sống và lý luận từ vị trí thoải mái của một trình độ phát triển cao và phẩm chất cuộc sống vượt xa tầm với của phần lớn dân số thế giới. Sự thiếu tiếp xúc và gặp gỡ thể lý này, đôi khi được khuyến khích bởi sự tan rã của các thành phố của chúng ta, có thể dẫn đến sự tê liệt của lương tâm và các phân tích thiên vị bỏ qua một số phần của thực tại. Đôi khi thái độ này tồn tại song song với một bài hùng biện "xanh". Tuy nhiên, ngày nay, chúng ta phải nhận ra rằng một cách tiếp cận sinh thái thực sự *luôn* trở thành một cách tiếp cận xã hội; nó phải tích hợp các vấn đề về công lý vào các cuộc tranh luận về môi trường, để lắng nghe *cả tiếng kêu của trái đất lẫn tiếng kêu của người nghèo*.

50. Thay vì giải quyết các vấn đề của người nghèo và suy nghĩ về cách thế giới có thể khác đi, một số người chỉ có thể đề nghị giảm sinh xuất. Đôi khi, các nước đang phát triển phải đối diện với các hình thức áp lực quốc tế khiến viện trợ kinh tế phụ thuộc vào một số chính sách nhất định về "sức khỏe sinh sản". Tuy nhiên, "mặc dù đúng là sự phân bổ dân số và tài nguyên sẵn có không đồng đều gây ra trở ngại cho sự phát triển và sử dụng bền vững môi trường, nhưng vẫn phải thừa nhận rằng tăng trưởng dân số hoàn toàn tương thích với sự phát triển toàn diện và được chia sẻ". [28] Đổ lỗi cho sự gia tăng dân số thay vì chủ nghĩa tiêu dùng cực đoan và có chọn lọc của một số người là một cách để từ chối đối diện với các vấn đề. Đó là một nỗ lực hợp pháp hóa mô hình phân phối hiện tại, trong đó một nhóm thiểu số tin rằng họ có quyền tiêu thụ theo cách không bao giờ có thể phổ quát được, vì hành tinh thậm chí không thể chứa đựng các sản phẩm thải của quá trình tiêu thụ như vậy. Bên cạnh đó, chúng ta biết rằng khoảng một phần ba tổng lượng thực phẩm được sản xuất ra bị vứt bỏ, và "bất cứ khi nào thực phẩm bị vứt đi thì cũng giống như thực phẩm bị đánh cắp khỏi bàn ăn của người nghèo".[29] Tuy nhiên, cần phải chú ý đến sự mất cân bằng về mật độ dân số, ở cả cấp độ quốc gia và hoàn cầu, vì sự gia tăng tiêu dùng sẽ dẫn đến các tình huống phức tạp ở khu vực, do sự tương tác giữa các vấn đề liên quan đến ô nhiễm môi trường, giao thông, xử lý chất thải, mất tài nguyên và phẩm chất cuộc sống.

51. Bất bình đẳng không chỉ ảnh hưởng đến cá nhân mà còn đến toàn bộ các quốc gia; nó buộc chúng ta phải xem xét đạo đức của quan hệ quốc tế. Một "món nợ sinh thái" thực sự tồn tại, đặc biệt là giữa các quốc gia ở phía bắc và phía nam hoàn cầu, liên quan đến sự mất cân bằng thương mại với các tác động đến môi trường và việc một số quốc gia sử dụng tài nguyên thiên nhiên không cân xứng trong thời gian dài. Việc xuất khẩu nguyên liệu thô để đáp ứng thị trường ở các quốc gia kỹ nghệ hóa ở phía bắc đã gây ra tác hại tại địa phương, chẳng hạn như ô nhiễm thủy ngân trong khai thác vàng hoặc ô nhiễm lưu huỳnh đioxit trong khai thác đồng. Có một nhu cầu cấp thiết là phải tính toán việc sử dụng không gian môi trường trên toàn thế giới để lắng đọng các chất thải khí đã tích tụ trong hai thế kỷ và đã tạo ra một tình huống hiện đang ảnh hưởng đến tất cả các quốc gia trên thế giới. Sự nóng lên do mức tiêu thụ quá lớn của một số quốc gia giàu có đã tác động đến các khu vực nghèo nhất trên thế giới, đặc biệt là Châu Phi, nơi nhiệt độ tăng cùng với hạn hán đã chứng tỏ là tàn phá đối với ngành nông nghiệp. Ngoài ra còn có thiệt hại do xuất khẩu chất thải rắn và chất lỏng độc hại sang các nước đang phát triển, và do ô nhiễm do các công ty hoạt động ở các nước kém phát triển theo cách mà họ không bao giờ có thể làm ở trong nước, tại các quốc gia mà họ huy động vốn: “Chúng tôi lưu ý rằng thường thì các doanh nghiệp hoạt động theo cách này là các công ty đa quốc gia. Họ làm ở đây những gì họ không bao giờ làm ở các nước phát triển hoặc cái gọi là thế giới thứ nhất. Nhìn chung, sau khi ngừng hoạt động và rút lui, họ để lại những gánh nặng to lớn về con người và môi trường như thất nghiệp, thị trấn bị bỏ hoang, cạn kiệt các khu bảo tồn thiên nhiên, nạn phá rừng, làm nghèo đói nông nghiệp và chăn nuôi gia súc địa phương, các hố lộ thiên, đồi núi bị chia cắt, sông ngòi ô nhiễm và một số ít công trình xã hội không còn bền vững nữa”. [30]

52. Nợ nước ngoài của các nước nghèo đã trở thành một cách để kiểm soát họ, nhưng đây không phải là trường hợp liên quan đến nợ sinh thái. Theo những cách khác nhau, các nước đang phát triển, nơi có các khu bảo tồn quan trọng nhất của sinh quyển, tiếp tục thúc đẩy sự phát triển của các nước giàu hơn bằng cái giá phải trả là hiện tại và tương lai của chính họ. Vùng đất của người nghèo miền Nam giàu có và hầu như không bị ô nhiễm, nhưng việc tiếp cận quyền sở hữu hàng hóa và tài nguyên để đáp ứng các nhu cầu thiết yếu bị cản trở bởi một hệ thống quan hệ thương mại và quyền sở hữu có cấu trúc lệch lạc. Các nước phát triển cần giúp trả món nợ này bằng cách hạn chế đáng kể việc tiêu thụ năng lượng không tái tạo và hỗ trợ các nước nghèo hơn trong việc hỗ trợ các chính sách và chương trình phát triển bền vững. Các khu vực và quốc gia nghèo nhất ít có khả năng áp dụng các mô hình mới để giảm tác động đến môi trường vì họ không có đủ khả năng để phát triển các quy trình cần thiết và trang trải chi phí của mình. Chúng ta phải tiếp tục nhận thức rằng, liên quan đến việc thay đổi khí hậu, có những trách nhiệm khác nhau. Như các giám mục Hoa Kỳ đã nói, cần phải chú ý nhiều hơn đến "nhu cầu của người nghèo, người yếu đuối và người dễ bị tổn thương, trong một cuộc tranh luận thường bị chi phối bởi những lợi ích mạnh mẽ hơn". [31] Chúng ta cần củng cố niềm xác tín rằng chúng ta là một gia đình nhân loại duy nhất. Không có ranh giới hay rào cản nào, về mặt chính trị hay xã hội, mà chúng ta có thể ẩn náu, càng không có chỗ cho sự hoàn cầu hóa sự thờ ơ.

VI. CÁC PHẢN HỒI YẾU ỚT

53. Những tình huống này đã khiến trái đất chị em, cùng với tất cả những người bị bỏ rơi trên thế giới của chúng ta, phải kêu lên, khẩn xin chúng ta hãy thực hiện một hướng đi khác. Chưa bao giờ chúng ta lại làm tổn thương và đối xử tệ bạc với ngôi nhà chung của mình như trong hai trăm năm qua. Tuy nhiên, chúng ta được kêu gọi trở thành công cụ của Thiên Chúa Cha, để hành tinh của chúng ta có thể trở thành những gì Người mong muốn khi Người tạo ra nó và phù hợp với kế hoạch của Người về hòa bình, vẻ đẹp và sự viên mãn. Vấn đề là chúng ta vẫn thiếu nền văn hóa cần thiết để đối diện với cuộc khủng hoảng này. Chúng ta thiếu sự lãnh đạo có khả năng mở ra những con đường mới và đáp ứng nhu cầu của hiện tại với sự quan tâm đến tất cả mọi người và không gây thiệt hại cho các thế hệ tương lai.

Việc thiết lập một khuôn khổ pháp lý có thể đặt ra ranh giới rõ ràng và đảm bảo việc bảo vệ các hệ sinh thái đã trở nên không thể thiếu; nếu không, các cấu trúc quyền lực mới dựa trên mô hình kinh tế kỹ thuật có thể áp đảo không chỉ nền chính trị của chúng ta mà còn cả tự do và công lý.

54. Thật đáng chú ý khi thấy phản ứng chính trị quốc tế yếu kém như thế nào. Thất bại của các hội nghị thượng đỉnh hoàn cầu về môi trường cho thấy rõ ràng rằng chính trị của chúng ta phụ thuộc vào kỹ thuật và tài chính. Có quá nhiều lợi ích đặc biệt và lợi ích kinh tế dễ dàng lấn át lợi ích chung và thao túng thông tin để các kế hoạch của riêng họ không bị ảnh hưởng. Văn kiện Aparecida thúc giục rằng "lợi ích của các nhóm kinh tế phá hủy nguồn sống một cách phi lý không nên chiếm ưu thế trong việc giải quyết các nguồn tài nguyên thiên nhiên". [32] Liên minh giữa kinh tế và kỹ thuật cuối cùng sẽ gạt sang một bên bất cứ điều gì không liên quan đến lợi ích trước mắt của nó. Do đó, điều nhiều nhất mà người ta có thể mong đợi là lời lẽ khoa trương hời hợt, các hành động từ thiện rời rạc và những biểu hiện hời hợt về mối quan tâm đến môi trường, trong khi bất cứ nỗ lực thực sự nào của các nhóm trong xã hội nhằm tạo ra sự thay đổi đều bị coi là phiền toái dựa trên ảo tưởng lãng mạn hoặc là trở ngại cần phải phá vỡ.

55. Một số quốc gia đang dần đạt được tiến bộ đáng kể, phát triển các biện pháp kiểm soát hữu hiệu hơn và nỗ lực chống tham nhũng. Mọi người có thể có sự nhạy cảm về sinh thái ngày càng tăng nhưng vẫn chưa thành công trong việc thay đổi thói quen tiêu dùng có hại của họ, thay vì giảm đi thì dường như lại ngày càng tăng thêm. Một ví dụ đơn giản là việc sử dụng và năng lực của máy điều hòa không khí ngày càng tăng. Các thị trường, vốn được hưởng lợi trực tiếp từ doanh số bán hàng, kích thích nhu cầu ngày càng lớn. Một người ngoài cuộc nhìn vào thế giới của chúng ta sẽ ngạc nhiên trước hành vi như vậy, đôi khi có vẻ tự hủy hoại.

56. Trong khi đó, các cường quốc kinh tế tiếp tục biện minh cho hệ thống hoàn cầu hiện tại, nơi ưu tiên có xu hướng dành cho đầu cơ và theo đuổi lợi nhuận tài chính, không tính đến bối cảnh, chưa nói đến tác động đối với phẩm giá con người và môi trường tự nhiên. Ở đây chúng ta thấy sự suy thoái môi trường và sự suy thoái về mặt đạo đức và con người có mối liên hệ chặt chẽ như thế nào. Nhiều người sẽ phủ nhận việc làm bất cứ điều gì sai trái vì sự xao nhãng liên tục làm lu mờ nhận thức của chúng ta về việc thế giới của chúng ta thực sự hạn chế và hữu hạn như thế nào. Kết quả là, "bất cứ điều gì mong manh, như môi trường, đều không có khả năng tự vệ trước lợi ích của một thị trường được thần thánh hóa, trở thành quy tắc duy nhất".[33]

57. Có thể thấy trước rằng, một khi một số nguồn tài nguyên nhất định đã cạn kiệt, bối cảnh sẽ được thiết lập cho các cuộc chiến tranh mới, mặc dù dưới vỏ bọc là những yêu sách cao cả. Chiến tranh luôn gây ra tác hại nghiêm trọng đến môi trường và sự giàu có về văn hóa của các dân tộc, những rủi ro này càng lớn hơn khi người ta xem xét đến vũ khí hạt nhân và vũ khí sinh học. “Bất chấp các thỏa thuận quốc tế cấm chiến tranh hóa học, vi khuẩn và sinh học, thực tại là nghiên cứu trong phòng thí nghiệm vẫn tiếp tục phát triển các loại vũ khí tấn công mới có khả năng thay đổi sự cân bằng của tự nhiên”. [34] Chính trị phải chú ý nhiều hơn đến việc dự đoán các cuộc xung đột mới và giải quyết các nguyên nhân có thể dẫn đến chúng. Nhưng các lợi ích tài chính hùng mạnh tỏ ra chống lại nỗ lực này nhiều nhất và kế hoạch chính trị có xu hướng thiếu tầm nhìn rộng. Điều gì sẽ thúc đẩy bất cứ ai, ở giai đoạn này, nắm giữ quyền lực chỉ để bị ghi nhớ vì sự bất lực của họ trong việc hành động khi cần thiết và cấp bách?

58. Ở một số quốc gia, có những ví dụ tích cực về cải thiện môi trường: các con sông bị ô nhiễm trong nhiều thập niên đã được làm sạch; rừng bản địa đã được phục hồi; cảnh quan đã được làm đẹp nhờ các dự án cải tạo môi trường; những tòa nhà đẹp đẽ đã được dựng lên; những tiến bộ đã được thực hiện

trong sản xuất năng lượng không gây ô nhiễm và cải thiện giao thông công cộng. Những thành tựu này không giải quyết được các vấn đề hoàn cầu, nhưng chúng cho thấy rằng nam giới và nữ giới vẫn có khả năng can thiệp tích cực. Bất chấp mọi hạn chế của chúng ta, những cử chỉ hào phóng, liên đới và quan tâm không thể không trào dâng trong chúng ta, vì chúng ta được tạo ra để yêu thương.

59. Đồng thời, chúng ta có thể nhận thấy sự gia tăng của một hệ sinh thái giả tạo hoặc hời hợt, thúc đẩy sự tự mãn và sự liều lĩnh vui vẻ. Như thường xảy ra trong những giai đoạn khủng hoảng sâu sắc đòi hỏi những quyết định táo bạo, chúng ta có xu hướng nghĩ rằng những gì đang xảy ra không hoàn toàn rõ ràng. Nhìn bề ngoài, ngoại trừ một vài dấu hiệu rõ ràng về ô nhiễm và suy thoái, mọi thứ có vẻ không nghiêm trọng đến vậy và hành tinh này có thể tiếp tục như vậy trong một thời gian. Sự né tránh như vậy đóng vai trò như một giấy phép để tiếp tục lối sống và mô hình sản xuất và tiêu dùng hiện tại của chúng ta. Đây là cách con người cố gắng nuôi dưỡng những tệ nạn tự hủy hoại của mình: cố gắng không nhìn thấy chúng, cố gắng không thừa nhận chúng, trì hoãn các quyết định quan trọng và giả vờ rằng sẽ không có gì xảy ra.

VII. MỘT SỐ Ý KIẾN KHÁC NHAU

60. Cuối cùng, chúng ta cần thừa nhận rằng đã xuất hiện nhiều cách tiếp cận và luồng suy nghĩ khác nhau liên quan đến tình hình này và các giải pháp khả hữu của nó. Ở một thái cực, chúng ta thấy những người kiên trì duy trì huyền thoại về sự tiến bộ và nói với chúng ta rằng các vấn đề sinh thái sẽ tự giải quyết chỉ bằng cách áp dụng kỹ thuật mới và không cần bất cứ cân nhắc đạo đức hayeep thay đổi. Ở thái cực khác là những người coi đàn ông và đàn bà cùng mọi sự can thiệp của họ không gì hơn là mối đe dọa, gây nguy hiểm cho hệ sinh thái hoàn cầu, và do đó, sự hiện diện của con người trên hành tinh này phải bị giảm bớt và mọi hình thức can thiệp đều bị cấm. Các kịch bản tương lai sống còn sẽ phải được tạo ra giữa những thái cực này, vì không có con đường nào dẫn đến giải pháp. Điều này làm cho nhiều đề xuất trở nên khả hữu, tất cả đều có khả năng tham gia vào cuộc đối thoại nhằm phát triển các giải pháp toàn diện.

61. Đối với nhiều vấn đề cụ thể, Giáo hội không có lý do gì để đưa ra ý kiến dứt khoát; Giáo hội biết rằng cần khuyến khích các chuyên gia tranh luận trung thực, đồng thời tôn trọng các quan điểm khác nhau. Nhưng chúng ta chỉ cần nhìn một cách thẳng thắn vào sự thật để thấy rằng ngôi nhà chung của chúng ta đang rơi vào tình trạng hư hỏng nghiêm trọng. Hy vọng rằng chúng ta sẽ nhận ra rằng luôn có một lối thoát, rằng chúng ta luôn có thể thay đổi hướng đi của mình, rằng chúng ta luôn có thể làm điều gì đó để giải quyết các vấn đề của mình. Tuy nhiên, chúng ta có thể thấy những dấu hiệu cho thấy mọi thứ hiện đang đến điểm bùng phát, do tốc độ thay đổi và suy thoái nhanh chóng; những điều này thể hiện rõ trong các thảm họa thiên nhiên trên diện rộng cũng như các cuộc khủng hoảng xã hội và thậm chí là tài chính, vì các vấn đề của thế giới không thể được phân tích hoặc giải thích một cách biệt lập. Hiện nay có những khu vực có nguy cơ cao và, ngoài tất cả các dự đoán về ngày tận thế, hệ thống thế giới hiện tại chắc chắn là không bền vững theo một số quan điểm, vì chúng ta đã ngừng suy nghĩ về các mục tiêu của hoạt động của con người. “Nếu chúng ta xem xét tỉ mỉ các khu vực trên hành tinh của mình, chúng ta sẽ thấy ngay rằng nhân loại đã làm thất vọng kỳ vọng của Thiên Chúa”.[35]

CHƯƠNG HAI
TIN MỪNG SÁNG THẾ

62. Tại sao tài liệu này, được gửi đến tất cả những người thiện chí, lại bao gồm một chương nói về niềm tin của những người tin? Tôi biết rõ rằng trong lĩnh vực chính trị và triết học, có những người kiên quyết bác bỏ ý tưởng về Đấng Tạo Hóa, hoặc coi đó là không liên quan, và do đó coi là phi lý

những đóng góp phong phú mà các tôn giáo có thể mang lại cho một hệ sinh thái toàn diện và sự phát triển toàn diện của nhân loại. Những người khác coi tôn giáo chỉ đơn giản là một nền văn hóa phụ cần được dung thứ. Tuy nhiên, khoa học và tôn giáo, với cách tiếp cận đặc biệt của họ để hiểu thực tại, có thể bước vào một cuộc đối thoại sâu sắc có lợi cho cả hai.

I. ÁNH SÁNG ĐƯỢC ĐỨC TIN MANG LẠI

63. Với sự phức tạp của cuộc khủng hoảng sinh thái và nhiều nguyên nhân của nó, chúng ta cần nhận ra rằng các giải pháp sẽ không chỉ xuất hiện từ một cách diễn giải và biến đổi thực tại. Chúng ta cũng phải tôn trọng sự phong phú về văn hóa của các dân tộc khác nhau, nghệ thuật và thi ca, đời sống nội tâm và nền linh đạo của họ. Nếu chúng ta thực sự quan tâm đến việc phát triển một hệ sinh thái có khả năng khắc phục thiệt hại mà chúng ta đã gây ra, thì không một ngành khoa học nào và không một hình thức khôn noan nào có thể bị bỏ qua, bao gồm cả tôn giáo và ngôn ngữ đặc trưng của nó. Giáo hội Công giáo cởi mở đối thoại với tư tưởng triết học; điều này đã cho phép Giáo hội tạo ra nhiều sự tổng hợp khác nhau giữa đức tin và lý trí. Sự phát triển của giáo huấn xã hội của Giáo hội đại diện cho một sự tổng hợp như vậy liên quan đến các vấn đề xã hội; giáo huấn này được kêu gọi để được làm phong phú thêm bằng cách tiếp nhận những thách thức mới.

64. Hơn nữa, mặc dù Thông điệp này hoan nghênh đối thoại với mọi người để cùng nhau chúng ta có thể tìm kiếm con đường giải thoát, nhưng ngay từ đầu tôi muốn chỉ ra việc các xác tín đức tin có thể mang lại cho các Ki-tô hữu, và một số tín hữu khác nữa, động lực dồi dào để chăm sóc thiên nhiên và những người anh chị em dễ bị tổn thương nhất của họ ra sao. Nếu sự kiện đơn giản là con người thúc đẩy mọi người chăm sóc môi trường mà họ là một phần, thì đến lượt mình, các Ki-tô hữu "nhận ra rằng trách nhiệm của họ trong tạo thế và bổn phận của họ đối với thiên nhiên và Đấng Tạo hóa là một phần thiết yếu trong đức tin của họ".[36] Thật tốt cho nhân loại và thế giới nói chung khi chúng ta, những người tin Chúa, nhận ra tốt hơn những cam kết về sinh thái bắt nguồn từ các xác tín của chúng ta.

II. SỰ KHÔN NGOAN CỦA CÁC GIẢI TRÌNH KINH THÁNH

65. Không cần nhắc lại toàn bộ thần học về sáng thế, chúng ta có thể hỏi những trình thuật lớn trong Kinh thánh nói gì về mối quan hệ của con người với thế giới. Trong câu chuyện sáng thế đầu tiên trong Sách Sáng thế, kế hoạch của Thiên Chúa bao gồm việc tạo ra loài người. Sau khi tạo ra người nam và người nữ, "Thiên Chúa thấy mọi sự Người đã làm nên, và kìa, chúng rất tốt đẹp" (St 1:31). Kinh thánh dạy rằng mọi người nam và nữ đều được tạo ra từ tình yêu và được tạo dựng theo hình ảnh và họa ảnh Thiên Chúa (x. St 1:26). Điều này cho chúng ta thấy phẩm giá to lớn của mỗi con người, "không chỉ là một cái gì đó, mà là một ai đó. Họ có khả năng tự nhận thức, tự chủ và tự do hiến mình và bước vào sự hiệp thông với những người khác". [37] Thánh Gioan Phaolô II đã tuyên bố rằng tình yêu đặc biệt của Đấng Tạo Hóa dành cho mỗi con người "ban cho họ một phẩm giá vô hạn".[38] Những ai cam kết bảo vệ phẩm giá con người có thể tìm thấy trong đức tin Kitô giáo những lý do sâu xa nhất cho cam kết này. Thật tuyệt vời biết bao khi biết chắc rằng mỗi cuộc đời con người không trôi dạt giữa sự hỗn loạn vô vọng, trong một thế giới được cai trị bởi sự ngẫu nhiên thuần túy hoặc những chu kỳ lặp đi lặp lại vô tận! Đấng Tạo Hóa có thể nói với mỗi người chúng ta: "Trước khi tạo thành con trong lòng mẹ, Ta đã biết con" (Giê-rê-mi-a 1:5). Chúng ta được thụ thai trong trái tim của Thiên Chúa, và vì lý do này "mỗi người chúng ta là kết quả của một ý nghĩ của Thiên Chúa. Mỗi người chúng ta đều được ước muốn, mỗi người chúng ta đều được yêu thương, mỗi người chúng ta đều cần thiết".[39]

66. Những câu chuyện về sự sáng tạo trong sách Sáng thế chứa đựng, bằng ngôn ngữ biểu tượng và tường thuật của riêng chúng, những lời dạy sâu sắc về sự hiện hữu của con người và thực tại lịch sử của

nó. Chúng gợi ý rằng cuộc sống con người được đặt nền tảng trên ba mối quan hệ cơ bản và gắn bó chặt chẽ: với Thiên Chúa, với người lân cận và với chính trái đất. Theo Kinh thánh, ba mối quan hệ quan trọng này đã bị phá vỡ, cả bên ngoài lẫn bên trong chúng ta. Sự rạn nứt này là tội lỗi. Sự hòa hợp giữa Đấng Tạo Hóa, nhân loại và tạo thế đã bị phá vỡ bởi việc chúng ta cho rằng mình sẽ thay thế Thiên Chúa và từ chối thừa nhận những giới hạn của mình. Đến lượt mình, điều này đã bóp méo nhiệm vụ của chúng ta là "thống trị" trái đất (x. St 1:28), "canh tác và gìn giữ nó" (St 2:15). Kết quả là, mối quan hệ hòa hợp ban đầu giữa con người và thiên nhiên đã trở nên xung đột (x. St 3:17-19). Điều đáng chú ý là sự hòa hợp mà Thánh Phanxicô thành Assisi trải nghiệm với mọi tạo vật được coi là sự chữa lành vết nứt đó. Thánh Bonaventura cho rằng, thông qua sự hòa giải phổ quát với mọi tạo vật, Thánh Phanxicô bằng cách nào đó đã trở lại trạng thái vô tội ban đầu.[40] Điều này hoàn toàn khác với hoàn cảnh của chúng ta ngày nay, khi tội lỗi được biểu hiện rõ ràng trong mọi sức mạnh hủy diệt của nó trong chiến tranh, các hình thức bạo lực và lạm dụng khác nhau, việc bỏ rơi những người dễ bị tổn thương nhất và các cuộc tấn công vào thiên nhiên.

67. Chúng ta không phải là Thiên Chúa. Trái đất đã ở đây trước chúng ta và nó đã được ban cho chúng ta. Điều này cho phép chúng ta trả lời cáo buộc cho rằng tư duy Do Thái-Kitô giáo, dựa trên câu chuyện Sáng thế trao cho con người "quyền thống trị" trái đất (xem Sáng thế 1:28), đã khuyến khích việc khai thác thiên nhiên vô độ bằng cách miêu tả con người như kẻ thống trị và phá hoại theo bản chất. Đây không phải là cách giải thích đúng đắn về Kinh thánh theo cách hiểu của Giáo hội. Mặc dù đúng là chúng ta, các Ki-tô hữu, đôi khi đã giải thích không đúng về Kinh thánh, nhưng ngày nay chúng ta phải mạnh mẽ bác bỏ quan niệm cho rằng việc chúng ta được tạo ra theo hình ảnh của Thiên Chúa và được trao quyền thống trị trái đất biện minh cho sự thống trị tuyệt đối đối với các tạo vật khác. Các bản văn Kinh thánh phải được đọc trong bối cảnh của chúng, với cách giải thích phù hợp, thừa nhận rằng chúng bảo chúng ta "cày cấy và gìn giữ" khu vườn của thế giới (xem Sáng thế 2:15). "Canh tác" ám chỉ việc canh tác, cày xới hoặc làm việc, trong khi "duy trì" có nghĩa là chăm sóc, bảo vệ, giám sát và bảo tồn. Điều này ngụ ý mối quan hệ trách nhiệm chung giữa con người và thiên nhiên. Mỗi cộng đồng có thể lấy từ sự phong phú của trái đất bất cứ thứ gì họ cần để sinh tồn, nhưng họ cũng có nhiệm vụ bảo vệ trái đất và đảm bảo sự màu mỡ của nó cho các thế hệ tương lai. "Đất là của Chúa" (Tv 24:1); "đất và mọi vật trong đó" đều thuộc về Người (Đnl 10:14). Do đó, Thiên Chúa bác bỏ mọi yêu sách về quyền sở hữu tuyệt đối: "Đất không được bán vĩnh viễn, vì đất là của Ta; còn các ngươi là khách lạ và là lữ khách với Ta" (Lv 25:23).

68. Trách nhiệm này đối với trái đất của Thiên Chúa có nghĩa là con người, được ban cho trí thông minh, phải tôn trọng các quy luật của tự nhiên và sự cân bằng tinh tế tồn tại giữa các loài thụ tạo của thế giới này, vì "Người ra lệnh, thì chúng được tạo thành; Người thiết lập chúng đến muôn đời; Người định ranh giới cho chúng và đặt ra luật lệ không bao giờ qua đi" (Tv 148:5b-6). Các luật lệ được tìm thấy trong Kinh thánh tập trung vào các mối quan hệ, không chỉ giữa các cá nhân mà còn giữa các loài sinh vật khác. "Ngươi không được thấy lừa hay bò của anh em mình ngã trên đường mà không giúp đỡ… Nếu tình cờ ngươi gặp một tổ chim trên bất cứ cây nào hay dưới đất, có chim non hoặc trứng và chim mẹ đang ấp chim non hoặc ấp trứng, thì ngươi không được bắt chim mẹ với chim con" (Đnl 22:4, 6). Theo cùng dòng này, ngày nghỉ thứ bảy không chỉ dành cho con người, mà còn để "bò và lừa của ngươi được nghỉ ngơi" (Xh 23:12). Rõ ràng, Kinh Thánh không có chỗ cho chủ nghĩa nhân chủng học chuyên chế không quan tâm đến các tạo vật khác.

69. Cùng với nghĩa vụ sử dụng tài sản của trái đất một cách có trách nhiệm, chúng ta được kêu gọi thừa nhận rằng các sinh vật sống khác có giá trị riêng trong mắt Thiên Chúa: "chỉ bằng sự hiện hữu của chúng, chúng chúc tụng Người và tôn vinh Người", [41] và thực sự, "Chúa vui mừng trong mọi công trình của Người" (Tv 104:31). Nhờ phẩm giá độc nhất và món quà trí thông minh của mình, chúng ta

được kêu gọi tôn trọng tạo thế và các quy luật vốn có của nó, vì "Chúa đã dùng sự khôn ngoan lập nền trái đất" (Cn 3:19). Trong thời đại của chúng ta, Giáo hội không chỉ đơn thuần tuyên bố rằng các tạo vật khác hoàn toàn phụ thuộc vào lợi ích của con người, như thể chúng không có giá trị gì trong chính chúng và có thể được đối xử theo ý muốn của chúng ta. Các giám mục Đức đã dạy rằng, khi nói đến các tạo vật khác, "chúng ta có thể nói đến tính ưu tiên của *hiện hữu* hơn là *hữu ích*".[42] Sách Giáo lý chỉ trích rõ ràng và mạnh mẽ một chủ nghĩa nhân chủng học méo mó: "Mỗi tạo vật đều sở hữu sự tốt lành và sự hoàn hảo riêng của nó… Mỗi tạo vật khác nhau, được mong muốn trong chính hữu thể riêng của nó, phản ảnh theo cách riêng của mình một tia sáng của sự khôn ngoan và lòng tốt vô hạn của Thiên Chúa. Do đó, con người phải tôn trọng sự tốt lành riêng của mỗi tạo vật, để tránh bất cứ việc sử dụng hỗn loạn nào đối với mọi thứ". [43]

70. Trong câu chuyện về Cain và Abel, chúng ta thấy sự đố kỵ đã khiến Cain phạm sự bất công tột cùng đối với em trai mình, điều này đến lượt nó phá vỡ mối quan hệ giữa Cain và Thiên Chúa, và giữa Cain và trái đất mà khỏi đó anh ta đã bị trục xuất. Điều này được thấy rõ trong cuộc trao đổi đầy kịch tính giữa Thiên Chúa và Cain. Thiên Chúa hỏi: "Abel em ngươi đâu?" Cain trả lời rằng anh ta không biết, và Thiên Chúa vẫn khăng khăng: "Ngươi đã làm gì? Tiếng máu của em ngươi đang kêu lên Ta từ dưới đất. Và bây giờ ngươi bị nguyền rủa từ dưới đất" (St 4: 9-11). Việc không coi trọng bổn phận vun đắp và duy trì mối quan hệ đúng đắn với người hàng xóm, người mà tôi chịu trách nhiệm chăm sóc và bảo vệ, sẽ hủy hoại mối quan hệ của tôi với chính bản thân mình, với người khác, với Thiên Chúa và với trái đất. Khi tất cả những mối quan hệ này bị bỏ bê, khi công lý không còn ngự trị trên đất, Kinh thánh cho chúng ta biết chính sự sống đang bị đe dọa. Chúng ta thấy điều này trong câu chuyện về Nô-ê, trong đó Thiên Chúa đe dọa sẽ tiêu diệt loài người vì họ liên tục không đáp ứng được các yêu cầu về công lý và hòa bình: "Ta đã quyết định tạo ra sự kết liễu mọi xác thịt; vì đất đầy dẫy bạo lực bởi chúng" (Sáng thế 6:13). Những câu chuyện cổ xưa này, đầy tính biểu tượng, chứng minh cho một niềm tin mà chúng ta ngày nay chia sẻ, rằng mọi sự đều có mối liên hệ với nhau, và sự chăm sóc chân thành cho cuộc sống của chúng ta và mối quan hệ của chúng ta với thiên nhiên là không thể tách rời khỏi tình anh em, công lý và lòng trung thành với người khác.

71. Mặc dù "sự gian ác của con người rất lớn trên mặt đất" (Sáng thế 6:5) và Chúa "hối hận vì đã dựng nên con người trên mặt đất" (Sáng thế 6:6), tuy nhiên, thông qua Nô-ê, người vẫn vô tội và công chính, Chúa đã quyết định mở ra một con đường cứu rỗi. Bằng cách này, Người đã trao cho nhân loại cơ hội để bắt đầu lại. Chỉ cần một người tốt để khôi phục lại hy vọng! Truyền thống Kinh thánh cho thấy rõ ràng rằng sự đổi mới này đòi hỏi phải phục hồi và tôn trọng nhịp điệu được khắc ghi trong tự nhiên bởi bàn tay của Đấng Tạo hóa. Ví dụ, chúng ta thấy điều này trong luật về ngày Sa-bát. Vào ngày thứ bảy, Chúa nghỉ ngơi sau mọi công việc của Người. Người truyền lệnh cho dân Israel dành riêng mỗi ngày thứ bảy làm ngày nghỉ ngơi, ngày Sa-bát, (x. St 2:2-3; Xh 16:23; 20:10). Tương tự như vậy, cứ bảy năm, một năm nghỉ ngơi được dành riêng cho Israel, một thời gian nghỉ ngơi hoàn toàn cho đất đai (x. Lv 25:1-4), khi việc gieo trồng bị cấm và người ta chỉ gặt những gì cần thiết để sống và nuôi sống gia đình mình (x. Lv 25:4-6). Cuối cùng, sau bảy tuần năm, tức là bốn mươi chín năm, Năm Thánh được cử hành như một năm tha thứ chung và "tự do trên khắp đất cho mọi cư dân" (x. Lv 25:10). Luật này ra đời như một nỗ lực để đảm bảo sự cân bằng và công bằng trong mối quan hệ của họ với người khác và với đất đai trên đó họ sinh sống và làm việc. Đồng thời, đó là sự thừa nhận rằng món quà trái đất cùng với hoa trái của nó thuộc về mọi người. Những người canh tác và giữ gìn đất đai có nghĩa vụ phải chia sẻ hoa trái của nó, đặc biệt là với người nghèo, với các góa phụ, trẻ mồ côi và người ngoại quốc ở giữa họ: "Khi các ngươi gặt mùa màng của đất mình, ngươi không được gặt đến tận bờ ruộng, cũng không được lượm những bông lúa sót lại sau mùa gặt. Ngươi không được nhổ sạch vườn nho, cũng không được lượm những trái nho rụng trong vườn nho mình; ngươi phải để lại cho người nghèo và khách lạ" (Lê-vi 19:9-10).

72. Các Thánh vịnh thường khuyên chúng ta ngợi khen Thiên Chúa Tạo Hóa, "Đấng trải đất ra trên nước, vì lòng nhân từ của Người tồn tại đến muôn đời" (Thánh vịnh 136:6). Các Thánh vịnh cũng mời gọi các tạo vật khác cùng chúng ta ngợi khen Người: "Hãy ngợi khen Người, mặt trời và mặt trăng, hãy ngợi khen Người, hết thảy các vì sao sáng! Hãy ngợi khen Người, hỡi các từng trời cao, và hỡi các nước trên các tầng trời! Họ hãy ca ngợi danh Chúa, vì Người ra lệnh, thì chúng được tạo thành" (Thánh vịnh 148:3-5). Chúng ta không chỉ hiện hữu nhờ quyền năng vĩ đại của Thiên Chúa; chúng ta còn sống với Người và bên cạnh Người. Đây là lý do tại sao chúng ta tôn thờ Người.

73. Các trước tác của các tiên tri mời gọi chúng ta tìm thấy sức mạnh mới trong thời gian thử thách bằng cách chiêm ngưỡng Thiên Chúa toàn năng, Đấng đã tạo dựng nên vũ trụ. Tuy nhiên, quyền năng vô hạn của Thiên Chúa không khiến chúng ta chạy trốn tình yêu thương của người cha, vì trong Người, tình cảm và sức mạnh hòa quyện. Thật vậy, mọi nền linh đạo lành mạnh đều bao hàm cả tình yêu thương và sự tôn thờ thần linh, tin tưởng vào Chúa vì quyền năng vô hạn của Người. Trong Kinh thánh, Thiên Chúa giải thoát và cứu độ cũng chính là Thiên Chúa đã tạo dựng nên vũ trụ, và hai cách hành động thần linh này có mối liên hệ mật thiết và không thể tách rời: "Lạy Chúa là Chúa! Chính Chúa đã dùng quyền năng vĩ đại và cánh tay giơ ra mà tạo nên trời đất! Không có gì là quá khó đối với Chúa… Chúa đã dùng dấu lạ và phép lạ đưa dân Chúa là Israel ra khỏi đất Ai Cập" (Giê-rê-mi-a 32:17, 21). "Chúa là Thiên Chúa hằng hữu, là Đấng sáng tạo các tận cùng trái đất. Ngài không mệt mỏi, không chán nản; sự thông sáng của Ngài không thể dò thấu. Ngài ban sức mạnh cho kẻ mệt mỏi, làm cho kẻ yếu mạnh mẽ" (Isaia 40:28b-29).

74. Kinh nghiệm bị lưu đày ở Babylon đã gây ra một cuộc khủng hoảng tâm linh dẫn đến đức tin sâu sắc hơn vào Thiên Chúa. Bây giờ, quyền năng sáng tạo của Người được tôn vinh để khuyên nhủ dân chúng lấy lại hy vọng giữa hoàn cảnh khốn khổ của họ. Nhiều thế kỷ sau, trong một thời đại thử thách và đàn áp khác, khi Đế chế La Mã đang tìm cách áp đặt quyền thống trị tuyệt đối, những người trung thành một lần nữa sẽ tìm thấy sự an ủi và hy vọng trong niềm tin ngày càng lớn mạnh vào Thiên Chúa toàn năng: "Lạy Chúa là Thiên Chúa Toàn năng, các công việc của Chúa thật vĩ đại và kỳ diệu! Đường lối của Chúa thật công bằng và chân thật!" (Khải Huyền 15:3). Đức Chúa Trời đã tạo ra vũ trụ từ hư không cũng có thể can thiệp vào thế giới này và chiến thắng mọi hình thức của cái ác. Bất công không phải là bất khả chiến bại.

75. Một nền linh đạo quên mất Thiên Chúa như Đấng toàn năng và Đấng Tạo Hóa là không thể chấp nhận được. Đó là cách chúng ta kết thúc bằng việc tôn thờ các thế lực trần gian, hoặc chính chúng ta chiếm đoạt vị trí của Thiên Chúa, thậm chí đến mức tuyên bố quyền vô hạn để chà đạp tạo thế của Người dưới chân. Cách tốt nhất để đưa đàn ông và đàn bà trở lại vị trí hợp pháp của họ, chấm dứt yêu sách của họ về quyền thống trị tuyệt đối trên trái đất, là nói thêm một lần nữa về hình ảnh của một Người Cha, Đấng đã tạo ra và một mình sở hữu thế giới. Nếu không, con người sẽ luôn cố gắng áp đặt luật lệ và lợi ích của riêng mình lên thực tại.

III. MẦU NHIỆM CỦA VŨ TRỤ

76. Trong truyền thống Do Thái-Kitô giáo, chữ "sáng thế" có nghĩa rộng hơn "thiên nhiên", vì nó liên quan đến kế hoạch yêu thương của Thiên Chúa trong đó mọi tạo vật đều có giá trị và ý nghĩa riêng. Thiên nhiên thường được coi là một hệ thống có thể được nghiên cứu, hiểu và kiểm soát, trong khi sáng thế chỉ có thể được hiểu là một món quà từ bàn tay dang rộng của Chúa Cha mọi loài, và là một thực tại được soi sáng bởi tình yêu kêu gọi chúng ta cùng nhau hiệp thông hoàn cầu.

77. “Bởi lời Chúa, các tầng trời được tạo nên” (Thánh vịnh 33:6). Điều này cho chúng ta biết rằng thế giới xuất hiện như là kết quả của một quyết định, không phải từ hỗn loạn hay ngẫu nhiên, và điều này càng tôn vinh nó hơn nữa. Lời sáng tạo diễn tả một sự lựa chọn tự do. Vũ trụ không xuất hiện như là kết quả của sự toàn năng tùy tiện, một sự thể hiện sức mạnh hoặc mong muốn khẳng định bản thân. Sự sáng tạo thuộc về trật tự của tình yêu. Tình yêu của Thiên Chúa là động lực cơ bản thúc đẩy mọi tạo vật: “Vì Chúa yêu thương mọi loài hiện hữu, và không ghê tởm bất cứ loài nào Chúa đã tạo ra; vì Chúa đã không tạo ra bất cứ loài nào nếu Chúa ghét chúng” (Kn 11:24). Do đó, mọi tạo vật đều là đối tượng của sự dịu dàng của Chúa Cha, Đấng ban cho chúng một vị trí trong thế giới. Ngay cả cuộc sống phù du của những sinh vật nhỏ bé nhất cũng là đối tượng của tình yêu của Người, và trong vài giây tồn tại của chúng, Thiên Chúa đã bao bọc chúng bằng tình cảm của Người. Thánh Basil Cả đã mô tả Đấng Tạo Hóa là “lòng tốt vô biên”, [44] trong khi Dante Alighieri đã nói về “tình yêu làm chuyển động mặt trời và các vì sao”. [45] Do đó, chúng ta có thể vươn lên từ những tạo vật “đến sự vĩ đại của Thiên Chúa và lòng thương xót yêu thương của Người”.[46]

78. Đồng thời, tư tưởng Do Thái-Kitô giáo đã phi thần thoại hóa thiên nhiên. Trong khi vẫn tiếp tục ngưỡng mộ sự hùng vĩ và bao la của nó, nó không còn coi thiên nhiên là thiêng liêng nữa. Khi làm như vậy, nó nhấn mạnh hơn nữa trách nhiệm của con người đối với thiên nhiên. Việc khám phá lại thiên nhiên này không bao giờ có thể đánh đổi bằng sự tự do và trách nhiệm của con người, những người, với tư cách là một phần của thế giới, có nghĩa vụ phải trau dồi khả năng của mình để bảo vệ thiên nhiên và phát triển tiềm năng của nó. Nếu chúng ta thừa nhận giá trị và sự mong manh của thiên nhiên và đồng thời, khả năng do Thiên Chúa ban tặng, cuối cùng chúng ta có thể thoát khỏi huyền thoại hiện đại về sự tiến bộ vật chất không giới hạn. Một thế giới mong manh, được Thiên Chúa giao phó cho con người chăm sóc, thách thức chúng ta phải nghĩ ra những cách thông minh để chỉ đạo, phát triển và hạn chế sức mạnh của mình.

79. Trong vũ trụ này, được định hình bởi các hệ thống mở và liên thông đạt, chúng ta có thể nhận ra vô số hình thức quan hệ và sự tham gia. Điều này khiến chúng ta nghĩ về toàn thể như thể mở ra trước sự siêu việt của Thiên Chúa, mà trong đó, nó phát triển. Đức tin cho phép chúng ta diễn giải ý nghĩa và vẻ đẹp màu nhiệm của những gì đang diễn ra. Chúng ta được tự do áp dụng trí thông minh của mình vào những thứ đang tiến triển theo hướng tích cực hoặc hướng đến việc thêm vào những điều xấu mới, những nguyên nhân mới gây ra đau khổ và những thất bại thực sự. Đây chính là điều tạo nên sự phấn khích và kịch tính của lịch sử nhân loại, trong đó tự do, sự phát triển, sự cứu rỗi và tình yêu có thể nở rộ, hoặc dẫn đến sự suy đồi và hủy diệt lẫn nhau. Công trình của Giáo hội không chỉ tìm cách nhắc nhở mọi người về bổn phận chăm sóc thiên nhiên, mà đồng thời “trên hết, Giáo hội phải bảo vệ nhân loại khỏi sự tự hủy diệt”. [47]

80. Tuy nhiên, Thiên Chúa, Đấng muốn làm việc với chúng ta và trông cậy vào sự hợp tác của chúng ta, cũng có thể mang lại điều tốt từ điều xấu chúng ta đã làm. “Có thể nói rằng Chúa Thánh Thần sở hữu một sự sáng tạo vô hạn, vốn là đặc tính của trí tuệ thần linh, biết cách tháo gỡ những nút thắt của các vấn đề của con người, kể cả những vấn đề phức tạp và khó hiểu nhất”.[48] Khi tạo ra một thế giới cần phát triển, bằng cách nào đó, Thiên Chúa đã tìm cách giới hạn bản thân Người một cách mà nhiều điều chúng ta nghĩ là điều xấu, nguy hiểm hoặc nguồn gốc của đau khổ, thực ra lại là một phần của những cơn đau khi sinh nở mà Người dùng để lôi kéo chúng ta vào hành động hợp tác với Đấng Tạo hóa.[49] Thiên Chúa hiện diện mật thiết với mỗi hữu thể, mà không xâm phạm đến quyền tự chủ của tạo vật, và điều này làm nảy sinh quyền tự chủ hợp pháp của các công việc trần thế.[50] Sự hiện diện thần linh của Người, đảm bảo sự tồn hữu và phát triển của mỗi hữu thể, “tiếp tục công trình sáng tạo”.[51] Thánh Thần của Thiên Chúa đã lấp đầy vũ trụ bằng những khả năng và do đó, từ chính trái tim của mọi vật, một điều gì đó mới mẻ luôn có thể xuất hiện: “Thiên nhiên không gì khác hơn là một

loại nghệ thuật nhất định, nghĩa là nghệ thuật của Thiên Chúa, được khắc họa trên mọi vật, qua đó những vật này được di chuyển đến một mục đích nhất định. Giống như một người đóng tàu có thể cung cấp cho gỗ phương tiện tự di chuyển để có hình dạng của một con tàu".[52]

81. Con người, ngay cả khi chúng ta đưa ra giả thuyết về một quá trình tiến hóa, cũng sở hữu một tính độc đáo mà không thể giải thích đầy đủ bằng sự tiến hóa của các hệ thống bỏ ngỏ khác. Mỗi người chúng ta đều có bản sắc cá nhân của riêng mình và có khả năng đối thoại với người khác và với chính Thiên Chúa. Khả năng lý luận, phát triển lập luận, sáng tạo, diễn giải thực tại và tạo ra nghệ thuật, cùng với những khả năng khác chưa được khám phá, là dấu hiệu của một sự độc đáo vượt qua các lĩnh vực vật lý và sinh học. Sự mới lạ tuyệt đối liên quan đến sự xuất hiện của một cá thể trong vũ trụ vật chất giả định một hành động trực tiếp của Thiên Chúa và một lời kêu gọi đặc biệt đến với cuộc sống và mối quan hệ từ phía một "Ngài [Thou]" tự ngỏ lời với một "Ngài" khác. Những câu chuyện trong Kinh thánh về sự sáng tạo mời gọi chúng ta xem mỗi con người như một chủ thể không bao giờ có thể bị hạ xuống thành một đối tượng.

82. Tuy nhiên, cũng sẽ là sai lầm khi coi những sinh vật sống khác chỉ là những đối tượng chịu sự thống trị tùy tiện của con người. Khi thiên nhiên chỉ được coi là nguồn lợi nhuận và lợi ích, điều này sẽ gây ra hậu quả nghiêm trọng cho xã hội. Quan điểm "quyền lực là đúng" này đã tạo ra sự bất bình đẳng, bất công và hành vi bạo lực to lớn đối với phần lớn nhân loại, vì tài nguyên cuối cùng sẽ nằm trong tay kẻ đến trước hoặc kẻ mạnh nhất: kẻ chiến thắng sẽ lấy tất cả. Hoàn toàn trái ngược với mô hình này là các lý tưởng về sự hòa hợp, công lý, tình anh em và hòa bình do Chúa Giêsu đề xuất. Như Người đã nói về các thế lực của thời đại Người: "Các con biết rằng các thủ lãnh dân ngoại thì thống trị dân, và những người làm lớn thì lấy quyền mà cai quản dân. Nhưng giữa các con thì không được như vậy; trái lại, ai muốn làm lớn giữa các con thì phải làm người phục vụ các con" (Mt 20:25-26).

83. Vận mệnh cuối cùng của vũ trụ nằm ở sự viên mãn của Thiên Chúa, điều đã đạt được bởi Chúa Kitô phục sinh, vốn là thước đo sự trưởng thành của mọi vật.[53] Ở đây, chúng ta có thể thêm một lập luận nữa để bác bỏ mọi sự thống trị độc đoán và vô trách nhiệm của con người đối với các tạo vật khác. Mục đích cuối cùng của các tạo vật khác không nằm ở chúng ta. Thay vào đó, tất cả các tạo vật đang tiến về phía trước cùng với chúng ta và thông qua chúng ta hướng đến một điểm đến chung, đó là Thiên Chúa, trong sự viên mãn siêu việt đó, nơi Chúa Kitô phục sinh ôm ấp và soi sáng mọi vật. Con người, được ban cho trí thông minh và tình yêu, và được thu hút bởi sự viên mãn của Chúa Kitô, được kêu gọi dẫn dắt mọi tạo vật trở về với Đấng Tạo Hóa của chúng.

IV. THÔNG ĐIỆP CỦA MỖI TẠO VẬT TRONG SỰ HÒA HỢP CỦA SÁNG THẾ

84. Việc chúng ta khẳng quyết rằng mỗi con người là hình ảnh của Thiên Chúa không nên khiến chúng ta bỏ qua sự kiện mỗi sinh vật đều có mục đích riêng. Không có gì là thừa thãi. Toàn bộ vũ trụ vật chất nói về tình yêu của Thiên Chúa, tình cảm vô bờ bến của Người dành cho chúng ta. Đất, nước, núi: mọi thứ đều như thể là sự vuốt ve của Thiên Chúa. Lịch sử tình bạn của chúng ta với Thiên Chúa luôn gắn liền với những địa điểm cụ thể mang ý nghĩa bản vị sâu sắc; tất cả chúng ta đều nhớ về những địa điểm, và việc ôn lại những ký ức đó mang lại cho chúng ta nhiều điều tốt đẹp. Bất cứ ai lớn lên trên đồi núi hoặc từng ngồi bên suối để uống nước, hoặc chơi ngoài trời ở quảng trường khu xóm; việc quay trở lại những địa điểm này là cơ hội để tìm lại một phần bản ngã thực sự của họ.

85. Thiên Chúa đã viết một cuốn sách quý giá, "những chữ cái của nó là vô số những tạo vật hiện diện trong vũ trụ".[54] Các giám mục Canada đã chỉ ra một cách đúng đắn rằng không có tạo vật nào bị loại trừ khỏi sự biểu hiện này của Thiên Chúa: "Từ những góc nhìn toàn cảnh đến những dạng sống nhỏ bé

nhất, thiên nhiên là nguồn gốc liên tục của sự ngạc nhiên và kính sợ. Nó cũng là sự mặc khải liên tục của thần linh".[55] Về phần mình, các giám mục Nhật Bản đã đưa ra một nhận xét đáng suy gẫm: "Cảm nhận được mỗi tạo vật đang hát bài thánh ca về sự hiện hữu của mình là sống vui vẻ trong tình yêu và hy vọng của Thiên Chúa".[56] Sự chiêm ngưỡng tạo vật này cho phép chúng ta khám phá ra trong mỗi sự vật một giáo lý mà này Chúa muốn truyền lại cho chúng ta, vì "đối với người tin, chiêm ngưỡng tạo vật là lắng nghe một thông điệp, lắng nghe một giọng nói nghịch lý và im lặng".[57] Chúng ta có thể nói rằng "cùng với sự mặc khải đúng nghĩa được chứa đựng trong Kinh thánh, có một sự biểu hiện thần linh trong ánh sáng rực rỡ của mặt trời và sự buông xuống của màn đêm".[58] Khi chú ý đến biểu hiện này, chúng ta học cách nhìn nhận bản thân trong mối quan hệ với mọi tạo vật khác: "Tôi tự phát biểu mình khi phát biểu thế giới; trong nỗ lực giải mã tính thánh thiêng của thế giới, tôi khám phá thế giới của riêng mình".[59]

86. Toàn thể vũ trụ, trong tất cả các mối quan hệ đa dạng của nó, cho thấy sự giàu có vô tận của Thiên Chúa. Thánh Tôma Aquinô đã khôn ngoan lưu ý rằng tính đa dạng và sự đa dạng "xuất phát từ ý định của tác nhân đầu tiên", Đấng muốn rằng "điều mà một tác nhân còn thiếu trong việc phát biểu lòng tốt của Thiên Chúa có thể được một tác nhân khác thay thế",[60] vì lòng tốt của Thiên Chúa "không thể được bất cứ một tạo vật nào phát biểu một cách thích đáng".[61] Do đó, chúng ta cần nắm bắt sự đa dạng của mọi thứ trong các mối quan hệ đa dạng của chúng.[62] Chúng ta hiểu rõ hơn tầm quan trọng và ý nghĩa của từng tạo vật nếu chúng ta chiêm nghiệm nó trong toàn bộ kế hoạch của Thiên Chúa. Như Sách Giáo Lý dạy: "Thiên Chúa muốn sự phụ thuộc lẫn nhau của các tạo vật. Mặt trời và mặt trăng, cây tuyết tùng và bông hoa nhỏ, đại bàng và chim sẻ: cảnh tượng về vô số sự đa dạng và bất bình đẳng của chúng cho chúng ta biết rằng không có tạo vật nào tự túc. Các tạo vật chỉ tồn tại trong sự phụ thuộc vào nhau, để hoàn thiện lẫn nhau, trong việc phục vụ lẫn nhau". [63]

87. Khi chúng ta có thể thấy Thiên Chúa phản chiếu trong mọi vật hiện hữu, lòng chúng ta được thúc đẩy để ngợi khen Thiên Chúa vì tất cả các tạo vật của Người và tôn thờ Người trong sự hiệp nhất với chúng. Tình cảm này được diễn tả tuyệt vời trong bài thánh ca của Thánh Phanxicô thành Assisi:

Ngợi khen Chúa, lạy Chúa của con, cùng với tất cả các tạo vật của Chúa,
đặc biệt là Anh Mặt trời,
vốn là ngày và qua anh, Chúa ban cho chúng con ánh sáng.
Và anh đẹp đẽ và rạng rỡ với vẻ huy hoàng tuyệt vời;
và mang hình ảnh của Chúa, Đấng Tối Cao.

Ngợi khen Chúa, lạy Chúa của con, qua Chị Mặt trăng và các vì sao,
trên thiên đàng, Chúa đã tạo nên chúng trong sáng, quý giá và tuyệt đẹp.

Ngợi khen Chúa, lạy Chúa của con, qua Anh Gió,
và qua không khí, mây mù và thanh bình, và mọi loại thời tiết
qua chúng, Chúa ban cho các tạo vật của Chúa sự nuôi dưỡng.

Ngợi khen Chúa, lạy Chúa của con, qua Chị Nước,
là người rất hữu ích, khiêm nhường, quý giá và trong trắng.

Ngợi khen Chúa, lạy Chúa của con, qua Anh Lửa,
người mà Chúa thắp sáng màn đêm,
và anh ấy đẹp đẽ, vui tươi, khỏe mạnh và mạnh mẽ. [64]

88. Các giám mục Brazil đã chỉ ra rằng thiên nhiên nói chung không chỉ biểu lộ Thiên Chúa mà còn là nơi hiện diện của Người. Thánh Thần sự sống ngự trong mọi sinh vật sống và kêu gọi chúng ta bước vào mối quan hệ với Người.[65] Khám phá sự hiện diện này dẫn chúng ta đến việc vun trồng "các đức tính sinh thái".[66] Điều này không có nghĩa là quên rằng có một khoảng cách vô hạn giữa Thiên Chúa và mọi vật trên thế gian này, những vật không sở hữu sự viên mãn của Người. Nếu không, chúng ta cũng sẽ không làm điều gì tốt cho chính các tạo vật, vì chúng ta sẽ không thừa nhận vị trí đúng đắn và thích hợp của chúng. Cuối cùng, chúng ta sẽ đòi hỏi quá đáng ở chúng một điều mà chúng, trong sự nhỏ bé của mình, không thể cho chúng ta.

V. MỘT HIỆP THÔNG PHỔ QUÁT

89. Các tạo vật của thế gian này không thoát khỏi quyền sở hữu: "Vì chúng thuộc về Chúa, lạy Chúa, là Đấng yêu thương sự sống" (Kn 11:26). Điều này là cơ sở cho niềm tin của chúng ta rằng, là một phần của vũ trụ, được một Chúa Cha kêu gọi vào hiện hữu, tất cả chúng ta đều được liên kết bởi những mối dây vô hình và cùng nhau tạo thành một loại gia đình hoàn vũ, một sự hiệp thông cao cả lấp đầy chúng ta bằng sự tôn trọng thánh thiêng, trìu mến và khiêm nhường. Ở đây, tôi xin nhắc lại rằng "Thiên Chúa đã kết nối chúng ta chặt chẽ với thế giới xung quanh đến mức chúng ta có thể cảm thấy sự sa mạc hóa của đất đai gần như là một căn bệnh về thể xác, và sự tuyệt chủng của một loài như một sự biến dạng đau đớn".[67]

90. Điều này không phải là để đặt tất cả các sinh vật vào cùng một bình diện hay tước đi giá trị độc đáo của con người và trách nhiệm to lớn mà nó đòi hỏi. Nó cũng không ngụ ý một sự thần thánh hóa trái đất sẽ ngăn cản chúng ta làm việc trên đó và bảo vệ nó trong sự mong manh của nó. Những quan niệm như vậy cuối cùng sẽ tạo ra sự mất cân bằng mới khiến chúng ta chệch hướng khỏi thực tại thách thức chúng ta.[68] Đôi khi chúng ta thấy một nỗi ám ảnh với việc phủ nhận bất cứ sự vượt trội nào đối với con người; người ta biểu lộ sự nhiệt thành hơn trong việc bảo vệ các loài khác hơn là bảo vệ phẩm giá mà tất cả con người đều chia sẻ một cách bình đẳng. Chắc chắn, chúng ta nên quan tâm để những sinh vật khác không bị đối xử vô trách nhiệm. Nhưng chúng ta nên đặc biệt phẫn nộ trước sự bất bình đẳng to lớn giữa chúng ta, khi chúng ta tiếp tục dung túng cho một số người tự cho mình xứng đáng hơn những người khác. Chúng ta không thấy rằng một số người đang sa lầy trong cảnh nghèo đói tuyệt vọng và xuống cấp, không có lối thoát, trong khi những người khác không có ý tưởng nhỏ nhất nào về việc phải làm gì với tài sản của họ, vô ích khoe khoang sự vượt trội được cho là của họ và để lại đàng sau họ rất nhiều chất thải, mà nếu trường hợp này xảy ra ở khắp mọi nơi, thì sẽ hủy diệt hành tinh. Trên thực tại, chúng ta tiếp tục dung túng cho một số người tự cho mình là con người hơn những người khác, như thể họ được sinh ra với nhiều quyền lợi hơn.

91. Cảm thức hiệp thông sâu sắc với phần còn lại của thiên nhiên không có thực nếu trái tim chúng ta thiếu sự dịu dàng, lòng trắc ẩn và sự quan tâm đến đồng loại. Rõ ràng là không nhất quán khi chống lại nạn buôn bán các loài có nguy cơ tuyệt chủng trong khi vẫn hoàn toàn thờ ơ với nạn buôn người, không quan tâm đến người nghèo hoặc thực hiện việc tiêu diệt một con người khác bị coi là không được mong muốn. Điều này làm tổn hại đến chính ý nghĩa của cuộc đấu tranh của chúng ta vì lợi ích của môi trường. Không phải ngẫu nhiên mà trong bài thánh ca trong đó Thánh Phanxicô ca ngợi Thiên Chúa vì tạo vật, ngài tiếp tục nói: "Lạy Chúa của con, Ngợi khen Chúa, qua những người tha thứ vì tình yêu Chúa". Mọi sự đều có liên quan. Do đó, mối quan tâm đến môi trường cần phải được kết hợp với tình yêu chân thành dành cho đồng loại và cam kết không lay chuyển trong việc giải quyết các vấn đề của xã hội.

92. Hơn nữa, khi trái tim chúng ta thực sự rộng mở cho sự hiệp thông phổ quát, thì cảm thức tình anh em này không loại trừ bất cứ điều gì và không loại trừ bất cứ ai. Do đó, sự thờ ơ hoặc tàn ác của chúng ta đối với các đồng tạo vật trên thế giới này sớm hay muộn cũng sẽ ảnh hưởng đến cách đối xử mà chúng ta dành cho những con người khác. Chúng ta chỉ có một trái tim, và cùng một sự tồi tệ khiến chúng ta đối xử tệ bạc với một loài vật sẽ không lâu nữa sẽ tự biểu lộ trong các mối quan hệ của chúng ta với những người khác. Mọi hành vi tàn ác đối với bất cứ tạo vật nào đều "trái với phẩm giá con người".[69] Chúng ta khó có thể coi mình là người yêu thương trọn vẹn nếu chúng ta bỏ qua bất cứ khía cạnh nào của thực tại: "Hòa bình, công lý và bảo tồn tạo thế là ba chủ đề hoàn toàn có mối liên hệ với nhau, không thể tách rời và xử lý riêng lẻ mà không một lần nữa rơi vào chủ nghĩa duy giản lược".[70] Mọi sự đều có liên quan, và chúng ta là con người được hợp nhất như anh chị em trong một

cuộc hành hương tuyệt vời, được đan xen với nhau bởi tình yêu mà Thiên Chúa dành cho mỗi tạo vật của Người và tình yêu này cũng hợp nhất chúng ta trong tình cảm trìu mến với anh mặt trời, chị mặt trăng, anh sông và mẹ đất.

VI. ĐÍCH ĐẾN CHUNG CỦA CỦA CẢI

93. Cho dù có đức tin hay không, ngày nay chúng ta đều đồng ý rằng trái đất về cơ bản là một di sản chung, mà hoa trái của nó nhằm mang lại lợi ích cho tất cả mọi người. Đối với những người có đức tin, điều này trở thành vấn đề về lòng trung thành với Đấng Tạo Hóa, vì Thiên Chúa đã tạo ra thế giới cho tất cả mọi người. Do đó, mọi cách tiếp cận sinh thái cần phải kết hợp một quan điểm xã hội có tính đến các quyền cơ bản của người nghèo và những người thiệt thòi. Nguyên tắc đặt tư hữu vào đích điểm phổ quát của của cải, và do đó quyền của mọi người đối với việc sử dụng chúng, là một quy tắc vàng của hành vi xã hội và là "nguyên tắc đầu tiên của toàn bộ trật tự đạo đức và xã hội". [71] Truyền thống Kitô giáo chưa bao giờ công nhận quyền tư hữu là tuyệt đối hay bất khả xâm phạm, và đã nhấn mạnh mục đích xã hội của mọi hình thức tư hữu. Thánh Gioan Phaolô II đã mạnh mẽ khẳng định lại giáo huấn này, bằng cách tuyên bố rằng "Thiên Chúa đã ban trái đất cho toàn thể nhân loại để nuôi sống tất cả các thành viên của nó, mà không loại trừ hay ưu ái bất cứ ai". [72] Đây là những lời mạnh mẽ. Ngài lưu ý rằng "một loại phát triển không tôn trọng và thúc đẩy các quyền con người – cá nhân và xã hội, kinh tế và chính trị, bao gồm các quyền của các quốc gia và dân tộc – sẽ không thực sự xứng đáng với con người". [73] Ngài giải thích rõ ràng rằng "Giáo hội thực sự bảo vệ quyền hợp pháp đối với tài sản tư nhân, nhưng Giáo hội cũng dạy không kém phần rõ ràng rằng luôn có một thế chấp xã hội đối với mọi tài sản tư nhân, để của cải có thể phục vụ cho mục đích chung mà Thiên Chúa đã ban cho chúng". [74] Do đó, ngài khẳng định, "không phù hợp với kế hoạch của Thiên Chúa khi sử dụng món quà này theo cách mà lợi ích của nó chỉ có lợi cho một số ít người".[75] Điều này đặt ra câu hỏi nghiêm túc về những thói quen bất công của một bộ phận nhân loại.[76]

94. Người giàu và người nghèo có phẩm giá ngang nhau, vì "Chúa là Đấng tạo thành tất cả" (Cn 22:2). "Chính Người đã tạo nên cả nhỏ lẫn lớn" (Kn 6:7), và "Người cho mặt trời mọc lên soi sáng kẻ xấu và người tốt" (Mt 5:45). Điều này có những hậu quả thực tại, chẳng hạn như những hậu quả được các giám mục Paraguay chỉ ra: "Mỗi người nông dân đều có quyền tự nhiên được sở hữu một phần đất hợp lý, nơi họ có thể lập nghiệp, làm việc để nuôi sống gia đình và có cuộc sống an toàn. Quyền này phải được đảm bảo để việc thực hiện quyền này không phải là ảo tưởng mà là có thật. Điều đó có nghĩa là ngoài quyền sở hữu tài sản, người dân nông thôn phải được tiếp cận với các phương tiện giáo dục kỹ thuật, tín dụng, bảo hiểm và thị trường".[77]

95. Môi trường tự nhiên là tài sản chung, là di sản của toàn thể nhân loại và là trách nhiệm của mọi người. Nếu chúng ta biến một thứ gì đó thành của riêng mình, thì đó chỉ là để quản lý nó vì lợi ích của tất cả mọi người. Nếu không, chúng ta sẽ đè nặng lên lương tâm mình với gánh nặng của việc phủ nhận sự hiện hữu của người khác. Đó là lý do tại sao các giám mục New Zealand đã hỏi điều răn "Ngươi không được giết người" có nghĩa là gì khi "hai mươi phần trăm dân số thế giới tiêu thụ tài nguyên với tốc độ cướp đi những gì các quốc gia nghèo và các thế hệ tương lai cần để sống còn". [78]

VII. CÁI NHÌN CỦA CHÚA GIÊSU

96. Chúa Giêsu đã tiếp nhận đức tin Kinh thánh vào Thiên Chúa Tạo Hóa, nhấn mạnh một chân lý cơ bản: Thiên Chúa là Cha (x. Mt 11:25). Khi nói chuyện với các môn đệ của Người, Chúa Giêsu mời họ nhận ra mối quan hệ phụ tử mà Thiên Chúa có với tất cả các tạo vật của Người. Với sự dịu dàng cảm động, Người nhắc nhở họ rằng mỗi người trong số họ đều quan trọng trong mắt Thiên Chúa: "Năm con

chim sẻ chỉ bán được hai đồng xu phải không? Và không một con nào bị lãng quên trước mặt Thiên Chúa" (Lc 12,6). "Hãy xem chim trời: chúng không gieo, không gặt, không thu tích vào kho; thế mà Cha các con trên trời vẫn nuôi chúng" (Mt 6,26).

97. Chúa có thể mời gọi những người khác chú ý đến vẻ đẹp hiện hữu trên thế giới bởi vì chính Người luôn tiếp xúc với thiên nhiên, dành cho thiên nhiên sự chú ý đầy yêu thương và ngạc nhiên. Khi Người đi khắp vùng đất, Người thường dừng lại để chiêm ngưỡng vẻ đẹp mà Cha Người gieo trồng, và mời gọi các môn đệ của Người nhận ra thông điệp thần linh trong mọi sự vật: "Hãy ngước mắt lên mà xem, đồng lúa đã chín vàng đang chờ ngày gặt hái" (Ga 4,35). "Nước Thiên Chúa giống như hạt cải người kia lấy gieo trong ruộng mình. Hạt cải tuy nhỏ nhất trong các loại hạt, nhưng khi lớn lên, thì lại là thứ lớn nhất" (Mt 13:31-32).

98. Chúa Giêsu sống trong sự hòa hợp trọn vẹn với tạo vật, và những người khác ngạc nhiên: "Người này là ai mà cả gió và biển cũng tuân lệnh?" (Mt 8:27). Sự xuất hiện của Người không phải là một nhà khổ hạnh tách biệt khỏi thế gian, cũng không phải là kẻ thù của những điều dễ chịu trong cuộc sống. Người đã nói về chính mình: "Con Người đến, ăn uống, thì thiên hạ lại nói: 'Kìa, một kẻ phàm ăn, một kẻ say sưa!'" (Mt 11:19). Người đã tách biệt khỏi những triết lý khinh miệt thân xác, vật chất và những thứ của thế gian. Tuy nhiên, những thuyết nhị nguyên không lành mạnh như vậy đã để lại dấu ấn trên một số nhà tư tưởng Kitô giáo trong suốt chiều dài lịch sử và làm méo mó Tin mừng. Chúa Giêsu đã làm việc bằng đôi tay của mình, hằng ngày tiếp xúc với vật chất do Thiên Chúa tạo ra, mà cho chúng, Người đã tạo hình bằng nghề thủ công của mình. Thật đáng kinh ngạc khi hầu hết cuộc đời của Người được dành cho nhiệm vụ này trong một cuộc sống giản dị không hề gây được sự ngưỡng mộ nào: "Người này chẳng phải là thợ mộc, con trai bà Maria sao?" (Mc 6:3). Bằng cách này, Người đã thánh hóa lao động của con người và ban cho nó một ý nghĩa đặc biệt đối với sự phát triển của chúng ta. Như Thánh Gioan Phaolô II đã dạy, "bằng cách chịu đựng gian khổ của công việc trong sự hiệp nhất với Chúa Kitô chịu đóng đinh vì chúng ta, con người, một cách nào đó, cộng tác với Con Thiên Chúa để cứu chuộc nhân loại".[79]

99. Trong sự hiểu biết của Kitô giáo về thế giới, số phận của toàn thể tạo vật gắn liền với mầu nhiệm Chúa Kitô, hiện diện ngay từ đầu: "Mọi sự đã được tạo thành nhờ Người và cho Người" (Cl 1:16).[80] Lời tựa của Tin mừng Gioan (1:1-18) tiết lộ công trình sáng tạo của Chúa Kitô là Ngôi Lời Thiên Chúa (Logos). Nhưng sau đó, bất ngờ thay, lời tựa tiếp tục nói rằng chính Ngôi Lời này "đã trở nên xác phàm" (Ga 1:14). Một Ngôi trong Ba Ngôi đã bước vào vũ trụ được tạo dựng, dấn thân vào đó, thậm chí đến tận thập giá. Ngay từ khi thế giới được tạo dựng, nhưng đặc biệt là qua sự nhập thể, mầu nhiệm Chúa Kitô đã hoạt động theo cách ẩn giấu trong toàn thể thế giới tự nhiên, mà không vì thế mà xâm phạm đến quyền tự chủ của nó.

100. Tân Ước không những chỉ cho chúng ta biết về Chúa Giêsu trần thế và mối quan hệ hữu hình và đầy yêu thương của Người với thế giới. Nó còn cho thấy Người đã phục sinh và vinh quang, hiện diện trong suốt quá trình sáng tạo bởi Quyền thống trị hoàn vũ của Người: "Vì ở trong Người, tất cả sự viên mãn của Thiên Chúa đã vui lòng ngự trị, và nhờ Người mà hòa giải mọi vật với chính Người, dù là dưới đất hay trên trời, bằng cách tạo nên hòa bình nhờ máu Người đổ ra trên thập giá" (Cl 1:19-20). Điều này dẫn chúng ta hướng mắt về ngày tận thế, khi Chúa Con sẽ trao mọi sự cho Chúa Cha, để "Thiên Chúa có thể là tất cả cho mọi người" (1 Cr 15:28). Vì vậy, các tạo vật của thế giới này không còn xuất hiện với chúng ta dưới vỏ bọc tự nhiên nữa vì Đấng phục sinh đang giữ chúng một cách mầu nhiệm cho chính Người và hướng chúng đến sự viên mãn như là mục đích của chúng. Chính những bông hoa ngoài đồng và những chú chim mà đôi mắt phàm nhân của Người đã chiêm ngưỡng và ngưỡng mộ giờ đây đã thấm nhuần sự hiện diện rạng ngời của Người.

CHƯƠNG BA
NGUYÊN NHÂN CỦA CUỘC KHỦNG HOẢNG SINH THÁI

101. Sẽ chẳng có ích gì nếu mô tả các triệu chứng mà không thừa nhận nguồn gốc con người của cuộc khủng hoảng sinh thái. Một cách hiểu nhất định về cuộc sống và hoạt động của con người đã đi chệch hướng, gây tổn hại nghiêm trọng đến thế giới xung quanh chúng ta. Chúng ta không nên dừng lại và cân nhắc điều này sao? Ở giai đoạn này, tôi đề nghị chúng ta nên tập trung vào mô hình kỹ trị thống trị và vị trí của con người và hành động của con người trên thế giới.

I. KỸ THUẬT: SÁNG TẠO VÀ SỨC MẠNH

102. Nhân loại đã bước vào một kỷ nguyên mới mà sức mạnh kỹ thuật của chúng ta đã đưa chúng ta đến một ngã ba đường. Chúng ta là những người hưởng lợi từ hai thế kỷ của những làn sóng thay đổi to lớn: động cơ hơi nước, đường sắt, điện báo, điện, xe hơi, máy bay, kỹ nghệ hóa chất, y học hiện đại, kỹ thuật thông tin và gần đây hơn là cuộc cách mạng kỹ thuật số, rô bốt, kỹ thuật sinh học và kỹ thuật nano. Thật đúng khi vui mừng trước những tiến bộ này và phấn khích trước những khả năng to lớn mà chúng tiếp tục mở ra trước mắt chúng ta, vì "khoa học và kỹ thuật là những sản phẩm tuyệt vời của sự sáng tạo do Chúa ban tặng cho con người".[81] Việc cải tạo thiên nhiên vì mục đích hữu ích đã phân biệt gia đình nhân loại ngay từ đầu; bản thân kỹ thuật "thể hiện sự căng thẳng bên trong thúc đẩy con người dần vượt qua những hạn chế về vật chất".[82] Kỹ thuật đã khắc phục vô số điều xấu từng gây hại và hạn chế con người. Làm sao chúng ta không cảm thấy biết ơn và trân trọng sự tiến bộ này, đặc biệt là trong các lĩnh vực y học, kỹ thuật và truyền thông? Làm sao chúng ta không ghi nhận công trình của nhiều nhà khoa học và kỹ sư đã đưa ra các giải pháp thay thế để phát triển bền vững?
103. Khoa học Kỹ thuật, khi được định hướng tốt, có thể tạo ra những phương tiện quan trọng để cải thiện phẩm chất cuộc sống của con người, từ các thiết bị gia dụng hữu ích đến các hệ thống giao thông, cầu, tòa nhà và không gian công cộng tuyệt vời. Nó cũng có thể tạo ra nghệ thuật và cho phép những người đàn ông và đàn bà đắm chìm trong thế giới vật chất "nhảy vọt" vào thế giới của cái đẹp. Ai có thể phủ nhận vẻ đẹp của một chiếc máy bay hay một tòa nhà chọc trời? Các tác phẩm nghệ thuật và âm nhạc có giá trị hiện đang sử dụng các kỹ thuật mới. Vì vậy, trong vẻ đẹp mà người sử dụng các công cụ kỹ thuật mới mong muốn và trong sự chiêm ngưỡng vẻ đẹp đó, một bước nhảy vọt lượng tử đã diễn ra, dẫn đến sự hoàn thiện vốn chỉ có ở con người.

104. Tuy nhiên, cũng phải thừa nhận rằng năng lượng hạt nhân, kỹ thuật sinh học, kỹ thuật thông tin, kiến thức về DNA của chúng ta và nhiều khả năng khác mà chúng ta đã có được đã mang lại cho chúng ta sức mạnh to lớn. Chính xác hơn, chúng đã trao cho những người có kiến thức, và đặc biệt là các nguồn lực kinh tế để sử dụng chúng, một sự thống trị ấn tượng đối với toàn thể nhân loại và toàn thế giới. Nhân loại chưa bao giờ có được sức mạnh như vậy đối với chính mình, nhưng không có gì đảm bảo rằng nó sẽ được sử dụng một cách khôn ngoan, đặc biệt là khi chúng ta xem xét cách nó đang được sử dụng hiện nay. Chúng ta chỉ cần nghĩ đến những quả bom hạt nhân được thả xuống vào giữa thế kỷ XX, hoặc hàng loạt kỹ thuật mà chủ nghĩa Quốc xã, chủ nghĩa Cộng sản và các chế độ toàn trị khác đã sử dụng để giết hàng triệu người, chưa kể đến kho vũ khí ngày càng nguy hiểm có sẵn cho chiến tranh hiện đại. Tất cả sức mạnh này nằm trong tay ai, hay cuối cùng nó sẽ kết thúc trong tay ai? Thật cực kỳ nguy hiểm đối với một bộ phận nhỏ nhân loại khi sở hữu nó.

105. Có một xu hướng tin rằng mọi sự gia tăng quyền lực đều có nghĩa là "một sự gia tăng 'tiến bộ'", một bước tiến về "an ninh, tính hữu ích, phúc lợi và sức sống; … một sự đồng hóa các giá trị mới vào dòng chảy văn hóa",[83] như thể thực tại, lòng tốt và sự thật tự động chảy ra từ quyền lực kỹ thuật và kinh tế như vậy. Sự kiện là "con người đương thời chưa được đào tạo để sử dụng tốt quyền lực",[84]

bởi vì sự phát triển kỹ thuật to lớn của chúng ta không đi kèm với sự phát triển về trách nhiệm, giá trị và lương tâm của con người. Mỗi thời đại có xu hướng chỉ nhận thức một cách hời hợt về những hạn chế của chính mình. Có thể là chúng ta không nắm bắt được mức độ nghiêm trọng của những thách thức hiện đang ở trước mắt chúng ta. "Nguy cơ ngày càng tăng là con người sẽ không sử dụng quyền lực của mình như họ nên sử dụng"; quả thực, "quyền lực không bao giờ được xem xét theo nghĩa trách nhiệm lựa chọn vốn có trong tự do" vì "các chuẩn mực duy nhất của nó được lấy từ điều được cho là cần thiết, từ tính hữu ích hoặc tính an ninh".[85] Nhưng con người không hoàn toàn tự chủ. Tự do của chúng ta phai nhạt khi nó bị trao cho những thế lực mù quáng của vô thức, của những nhu cầu cấp thiết, của lợi ích cá nhân và của bạo lực. Theo nghĩa này, chúng ta đứng trần trụi và phơi bày trước sức mạnh ngày càng gia tăng của mình, thiếu phương tiện để kiểm soát nó. Chúng ta có một số cơ chế hời hợt, nhưng chúng ta không thể cho là mình có một nền đạo đức lành mạnh, một nền văn hóa và tinh thần thực sự có khả năng đặt ra các giới hạn và dạy cách tự kiềm chế sáng suốt.

II. HOÀN CẦU HÓA MÔ HÌNH KỸ TRỊ

106. Vấn đề cơ bản còn sâu xa hơn nữa: đó là cách mà nhân loại đã tiếp nhận kỹ thuật và sự phát triển của nó theo một mô hình không dị biệt hóa và một chiều. Mô hình này đề cao khái niệm về một chủ thể, sử dụng các thủ tục hữu lý và hợp luận lý, dần dần tiếp cận và giành quyền kiểm soát đối với một vật thể bên ngoài. Chủ thể này nỗ lực hết sức để thiết lập phương pháp khoa học và thực nghiệm, mà tự trong nó, vốn đã là một kỹ thuật sở hữu, làm chủ và biến đổi. Giống như thể chủ thể thấy mình đang ở trong sự hiện diện của một thứ gì đó vô hình, hoàn toàn dễ bị thao túng. Những người đàn ông và đàn bà liên tục can thiệp vào thiên nhiên, nhưng trong một thời gian dài, điều này có nghĩa là phải hòa hợp và tôn trọng các khả thể mà chính những thứ đó mang lại. Đó là vấn đề tiếp nhận những gì mà chính thiên nhiên cho phép, như thể từ chính bàn tay của nó. Bây giờ, ngược lại, chúng ta là những người đặt tay lên mọi thứ, cố gắng khai thác mọi thứ có thể từ chúng trong khi thường xuyên phớt lờ hoặc quên mất thực tại trước mắt. Con người và các vật thể vật chất không còn đưa tay ra thân thiện với nhau nữa; mối quan hệ đã trở nên đối đầu. Điều này khiến người ta dễ dàng chấp nhận ý tưởng về sự tăng trưởng vô hạn hoặc không giới hạn, điều này tỏ ra rất hấp dẫn đối với các nhà kinh tế, tài chính và chuyên gia kỹ thuật. Nó dựa trên lời nói dối rằng có nguồn cung cấp vô hạn các của cải của trái đất, và điều này dẫn đến việc hành tinh này bị vắt kiệt đến mức không còn giới hạn. Một quan niệm sai lầm cho rằng "có vô số năng lượng và tài nguyên, rằng có thể tái tạo chúng nhanh chóng và rằng những tác động tiêu cực của việc khai thác trật tự tự nhiên có thể dễ dàng được tiêu hóa".[86]

107. Có thể nói rằng nhiều vấn đề của thế giới ngày nay bắt nguồn từ khuynh hướng, đôi khi là vô thức, biến phương pháp và mục tiêu của khoa học và kỹ thuật thành một mô hình nhận thức luận định hình cuộc sống của các cá nhân và hoạt động của xã hội. Những tác động của việc áp đặt mô hình này lên thực tại nói chung, nhân bản và xã hội, được nhìn thấy trong sự suy thoái của môi trường, nhưng đây chỉ là một dấu hiệu của chủ nghĩa duy giản lược ảnh hưởng đến mọi khía cạnh của đời sống con người và xã hội. Chúng ta phải chấp nhận rằng các sản phẩm kỹ thuật không trung lập, vì chúng tạo ra một khuôn khổ cuối cùng sẽ điều kiện hóa lối sống và định hình các khả thể xã hội theo những đường lối do lợi ích của một số nhóm quyền lực nhất định quyết định. Những quyết định có vẻ hoàn toàn mang tính công cụ thực chất là những quyết định về loại xã hội mà chúng ta muốn xây dựng.

108. Ngày nay, ý tưởng thúc đẩy một mô hình văn hóa khác và sử dụng kỹ thuật như một công cụ đơn thuần là điều không thể tưởng tượng được. Mô hình kỹ thuật đã trở nên quá thống trị đến nỗi sẽ rất khó để hoạt động mà không có các nguồn lực của nó và thậm chí còn khó hơn để sử dụng chúng mà không bị chi phối bởi luận lý nội tại của chúng. Việc lựa chọn một lối sống có mục tiêu thậm chí một phần độc lập với kỹ thuật, với tốn phí của nó và sức mạnh hoàn cầu hóa và biến chúng ta thành như nhau đã

trở thành phản văn hóa. Kỹ thuật có xu hướng hấp thụ mọi thứ vào luận lý học cứng rắn của nó, và những người được bao quanh bởi kỹ thuật "biết rõ rằng cuối cùng nó tiến lên không phải vì lợi nhuận hay vì phúc lợi của loài người", và "theo nghĩa triệt để nhất của thuật ngữ này, động cơ của nó là quyền lực – quyền thống trị tất cả".[87] Kết quả là, "con người nắm giữ các yếu tố trần trụi của cả thiên nhiên và bản chất con người".[88] Khả năng của chúng ta trong việc đưa ra quyết định, có được sự tự do thực sự hơn và không gian cho sự sáng tạo thay thế của mỗi người đều bị suy giảm.

109. Mô hình kỹ trị cũng có xu hướng thống trị đời sống kinh tế và chính trị. Nền kinh tế chấp nhận mọi tiến bộ về kỹ thuật với mục đích lợi nhuận, mà không quan tâm đến tác động tiêu cực tiềm tàng của nó đối với con người. Tài chính lấn át nền kinh tế thực. Những bài học từ cuộc khủng hoảng tài chính hoàn cầu vẫn chưa được tiếp thu, và chúng ta đang học quá chậm những bài học về sự suy thoái môi trường. Một số nhóm cho rằng kinh tế và kỹ thuật hiện tại sẽ giải quyết được mọi vấn đề về môi trường, và lập luận, theo cách nói phổ biến và không chuyên môn, rằng các vấn đề về nạn đói nghèo hoàn cầu sẽ được giải quyết đơn giản bằng cách tăng trưởng thị trường. Họ ít quan tâm đến một số lý thuyết kinh tế mà ngày nay hầu như không ai dám bảo vệ, mà quan tâm đến hoạt động thực tại của chúng trong hoạt động của nền kinh tế. Họ có thể không khẳng định những lý thuyết như vậy bằng lời nói, nhưng vẫn ủng hộ chúng bằng hành động của mình bằng cách không quan tâm đến mức sản xuất cân bằng hơn, phân phối của cải tốt hơn, quan tâm đến môi trường và quyền của các thế hệ tương lai. Hành vi của họ cho thấy đối với họ, tối đa hóa lợi nhuận là đủ. Tuy nhiên, bản thân thị trường không thể đảm bảo sự phát triển toàn diện của con người và hòa nhập xã hội.[89] Đồng thời, chúng ta có "một loại 'siêu phát triển' theo kiểu lãng phí và tiêu dùng, tạo nên sự tương phản không thể chấp nhận được với tình trạng thiếu thốn phi nhân tính đang diễn ra",[90] trong khi chúng ta quá chậm chạp trong việc phát triển các định chế kinh tế và sáng kiến xã hội có thể giúp người nghèo tiếp cận thường xuyên với các nguồn lực cơ bản. Chúng ta không nhìn thấy gốc rễ sâu xa nhất của những thất bại hiện nay, liên quan đến định hướng, mục tiêu, ý nghĩa và ý nghĩa xã hội của tăng trưởng kinh tế và kỹ thuật.

110. Sự chuyên môn hóa thuộc về kỹ thuật khiến chúng ta khó có thể nhìn thấy bức tranh toàn cảnh. Sự phân mảnh kiến thức tỏ ra hữu ích cho các ứng dụng cụ thể, nhưng nó thường dẫn đến việc mất đi sự đánh giá cao đối với tổng thể, đối với mối quan hệ giữa các sự vật và đối với chân trời rộng lớn hơn, một điều lúc đó trở nên không liên quan. Chính sự kiện này khiến chúng ta khó tìm ra những cách thức thích hợp để giải quyết các vấn đề phức tạp hơn của thế giới ngày nay, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến môi trường và người nghèo; những vấn đề này không thể được giải quyết từ một góc nhìn duy nhất hoặc từ một nhóm lợi ích duy nhất. Một khoa học muốn đưa ra giải pháp cho các vấn đề lớn nhất thiết phải tính đến dữ liệu do các lĩnh vực kiến thức khác tạo ra, bao gồm triết học và đạo đức xã hội; nhưng đây là một thói quen khó có được ngày nay. Cũng không có chân trời đạo đức thực sự nào mà người ta có thể hướng tới. Cuộc sống dần trở thành sự đầu hàng trước những tình huống chịu sự chi phối của kỹ thuật, bản thân kỹ thuật được coi là chìa khóa chính cho ý nghĩa của sự hiện sinh. Trong tình hình cụ thể mà chúng ta đang đối diện, có một số triệu chứng chỉ ra điều gì đó không ổn, chẳng hạn như suy thoái môi trường, lo lắng, mất mục đích sống và mục đích sống cộng đồng. Một lần nữa chúng ta thấy "thực tại quan trọng hơn ý tưởng".[91]

111. Văn hóa sinh thái không thể bị thu hẹp thành một loạt các phản ứng cấp bách và cục bộ đối với các vấn đề cấp bách về ô nhiễm, suy thoái môi trường và cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên. Cần phải có một cách nhìn nhận khác biệt về mọi điều, một cách suy nghĩ, chính sách, một chương trình giáo dục, một lối sống và một tinh thần cùng nhau tạo ra sức đề kháng trước sự tấn công của mô hình kỹ trị. Nếu không, ngay cả những sáng kiến sinh thái tốt nhất cũng có thể thấy mình bị cuốn vào cùng một luận lý học hoàn cầu hóa. Chỉ tìm kiếm một biện pháp khắc phục kỹ thuật cho mỗi vấn đề môi trường phát

sinh là tách biệt những gì thực sự có mối liên hệ với nhau và che giấu những vấn đề thực sự và sâu sắc nhất của hệ thống hoàn cầu.

112. Tuy nhiên, chúng ta có thể một lần nữa mở rộng tầm nhìn của mình. Chúng ta có quyền tự do cần thiết để hạn chế và chỉ đạo kỹ thuật; chúng ta có thể sử dụng nó để phục vụ cho một loại tiến bộ khác, một loại tiến bộ lành mạnh hơn, nhân bản hơn, xã hội hơn, toàn diện hơn. Giải phóng khỏi mô hình kỹ trị thống trị đôi khi thực sự xảy ra, ví dụ, khi các hợp tác xã của những nhà sản xuất nhỏ áp dụng các phương tiện sản xuất ít gây ô nhiễm hơn và lựa chọn mô hình cuộc sống, giải trí và cộng đồng phi duy tiêu dùng. Hoặc khi kỹ thuật chủ yếu hướng đến việc giải quyết các vấn đề cụ thể của con người, thực sự giúp họ sống có phẩm giá hơn và ít đau khổ hơn. Hoặc thực sự khi mong muốn sáng tạo và chiêm nghiệm cái đẹp vượt qua được chủ nghĩa duy giản lược thông qua một loại cứu rỗi xảy ra trong cái đẹp và ở những người chiêm ngưỡng nó. Một nhân loại đích thực, kêu gọi một sự tổng hợp mới, dường như hiện hữu giữa nền văn hóa kỹ thuật của chúng ta, gần như không được chú ý, giống như một làn sương mù nhẹ nhàng thấm qua một cánh cửa đóng kín. Liệu lời hứa có tồn tại lâu dài, bất chấp mọi điều, với tất cả những gì đích thực trỗi dậy trong sự kháng cự kiên cường?

113. Ngoài ra còn có sự kiện mọi người dường như không còn tin vào một tương lai hạnh phúc nữa; họ không còn tin tưởng mù quáng vào một ngày mai tốt đẹp hơn dựa trên tình trạng hiện tại của thế giới và khả năng kỹ thuật của chúng ta nữa. Người ta ngày càng nhận thức rằng tiến bộ khoa học và kỹ thuật không thể được coi là tiến bộ của nhân loại và lịch sử, ngày càng có cảm giác cho rằng con đường đến một tương lai tốt đẹp hơn nằm ở nơi khác. Điều này không có nghĩa là phủ nhận những khả thể mà kỹ thuật tiếp tục mang lại cho chúng ta. Nhưng nhân loại đã đang thay đổi sâu sắc, và sự tích tụ của những điều mới lạ liên tục tôn vinh sự hời hợt kéo chúng ta theo một hướng. Thật khó để dừng lại và tìm lại chiều sâu trong cuộc sống. Nếu kiến trúc phản ảnh tinh thần của một thời đại, thì các siêu công trình và các khu chung cư buồn tẻ của chúng ta thể hiện tinh thần của kỹ thuật hoàn cầu hóa, nơi mà dòng sản phẩm mới liên tục cùng tồn tại với sự đơn điệu tẻ nhạt. Chúng ta hãy từ chối cam chịu điều này và tiếp tục tự hỏi về mục đích và ý nghĩa của mọi sự. Nếu không, chúng ta sẽ chỉ đơn giản là hợp pháp hóa tình hình hiện tại và cần những hình thức thoát ly mới để giúp chúng ta chịu đựng sự trống rỗng.

114. Tất cả những điều này cho thấy nhu cầu cấp thiết của chúng ta là phải tiến lên trong một cuộc cách mạng văn hóa táo bạo. Khoa học và kỹ thuật không phải là trung lập; từ đầu đến cuối một quá trình, nhiều ý định và khả năng khác nhau đang diễn ra và có thể mang những hình dạng khác biệt. Không ai gợi ý quay lại thời kỳ đồ đá, nhưng chúng ta cần phải chậm lại và nhìn nhận thực tại theo một cách khác, để tiếp thu những tiến bộ tích cực và bền vững đã đạt được, nhưng cũng để khôi phục lại các giá trị và mục tiêu lớn lao đã bị cuốn trôi bởi ảo tưởng về sự vĩ đại không kiềm chế của chúng ta.

III. CUỘC KHỦNG HOẢNG VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CHỦ NGHĨA QUI NHÂN HIỆN ĐẠI

115. Chủ nghĩa qui nhân [anthropocentrism] hiện đại đã kết thúc một cách nghịch lý, coi trọng tư duy kỹ thuật hơn thực tại, vì "tâm trí kỹ thuật coi thiên nhiên là một trật tự vô tri, là một khối sự kiện lạnh lẽo, chỉ là 'được cho', là một đối tượng hữu ích, là nguyên liệu thô cần được rèn thành hình dạng hữu ích; nó cũng coi vũ trụ là một 'không gian' đơn thuần mà các vật thể có thể được ném vào với sự thờ ơ hoàn toàn".[92] Do đó, phẩm giá nội tại của thế giới bị tổn hại. Khi con người không tìm thấy vị trí thực sự của mình trên thế giới này, họ hiểu lầm chính mình và cuối cùng hành động chống lại chính mình: "Không những Thiên Chúa ban trái đất cho con người, kẻ phải sử dụng nó một cách tôn trọng mục đích tốt đẹp ban đầu mà nó được ban tặng, mà con người cũng là món quà của Chúa ban cho con người. Do đó, con người phải tôn trọng cấu trúc tự nhiên và đạo đức mà mình đã được ban tặng".[93]

116. Thời hiện đại đã được đánh dấu bằng chủ nghĩa qui nhân thái quá mà ngày nay, dưới một hình thức khác, vẫn tiếp tục cản trở sự hiểu biết chung và mọi nỗ lực củng cố các mối quan hệ xã hội. Đã đến lúc phải chú ý trở lại đến thực tại và những giới hạn mà nó áp đặt; đây chính là điều kiện cho sự phát triển lành mạnh và hữu hiệu hơn của cá nhân và xã hội. Một sự trình bày không đầy đủ về nhân học Kitô giáo đã dẫn đến sự hiểu sai về mối quan hệ giữa con người và thế giới. Thông thường, những gì được truyền lại là một viễn kiến của Prometheus về quyền làm chủ thế giới, tạo ra ấn tượng rằng việc bảo vệ thiên nhiên là điều mà chỉ những người yếu tim mới quan tâm. Thay vào đó, "quyền thống trị" của chúng ta đối với vũ trụ nên được hiểu đúng hơn theo nghĩa là quản lý có trách nhiệm.[94]

117. Việc bỏ bê việc giám sát tác hại gây ra cho thiên nhiên và tác động môi trường của các quyết định của chúng ta chỉ là dấu hiệu nổi bật nhất cho thấy sự coi thường thông điệp chứa đựng trong chính các cấu trúc của thiên nhiên. Khi chúng ta không thừa nhận giá trị của một người nghèo, một phôi thai con người, một người khuyết tật như một phần của thực tại - chỉ đưa ra một vài ví dụ - thì việc lắng nghe tiếng kêu của chính thiên nhiên trở nên khó khăn; mọi sự đều có mối liên hệ. Một khi con người tuyên bố độc lập khỏi thực tại và hành xử với sự thống trị tuyệt đối, thì chính nền tảng của cuộc sống chúng ta bắt đầu sụp đổ, vì "thay vì thực hiện vai trò là người hợp tác với Thiên Chúa trong công trình sáng tạo, con người tự đặt mình vào vị trí của Thiên Chúa và do đó kết thúc bằng việc kích động một cuộc nổi loạn từ phía thiên nhiên". [95]

118. Tình huống này đã dẫn đến một chứng tâm thần phân liệt liên tục, trong đó một chế độ chuyên chế không thấy giá trị nội tại ở những sinh vật thấp kém hơn cùng hiện hữu với thái cực khác, không thấy giá trị đặc biệt nào ở con người. Nhưng người ta không thể tách biệt khỏi nhân loại. Không thể đổi mới mối quan hệ của chúng ta với thiên nhiên nếu không đổi mới chính nhân loại. Không thể có sinh thái học nếu không có một ngành nhân học đầy đủ. Khi con người chỉ được coi là một trong số những sinh vật khác, là sản phẩm của sự ngẫu nhiên hoặc thuyết tiền định vật lý, thì "cảm giác trách nhiệm chung của chúng ta suy yếu". [96] Một chủ nghĩa qui nhân sai lầm không nhất thiết phải nhường chỗ cho "chủ nghĩa qui sinh [biocentrism]", vì điều đó sẽ dẫn đến việc thêm vào một sự mất cân bằng khác, không giải quyết được các vấn đề hiện tại và thêm vào những vấn đề mới. Con người không thể được kỳ vọng cảm thấy có trách nhiệm với thế giới trừ khi, đồng thời biết công nhận và đánh giá cao năng lực độc đáo của họ về kiến thức, ý chí, tự do và trách nhiệm.

119. Việc phê phán chủ nghĩa qui nhân sai lầm cũng không được đánh giá thấp tầm quan trọng của các mối quan hệ giữa các cá nhân. Nếu cuộc khủng hoảng sinh thái hiện nay là một dấu hiệu nhỏ của cuộc khủng hoảng đạo đức, văn hóa và tâm linh của thời hiện đại, chúng ta không thể cho rằng có thể chữa lành mối quan hệ của mình với thiên nhiên và môi trường mà không chữa lành mọi mối quan hệ cơ bản của con người. Tư tưởng Kitô giáo coi con người sở hữu một phẩm giá đặc biệt hơn các loài vật khác; do đó, nó thấm nhuần lòng quý trọng đối với mỗi người và sự tôn trọng đối với người khác. Sự cởi mở của chúng ta với người khác, mỗi người trong số họ là một "ngài [thou]" có khả năng biết, yêu và bước vào cuộc đối thoại, vẫn là nguồn gốc của sự cao quý của chúng ta với tư cách là con người. Một mối quan hệ đúng đắn với thế giới được tạo ra đòi hỏi chúng ta không được làm suy yếu chiều kích xã hội này của sự cởi mở với người khác, càng không được làm suy yếu chiều kích siêu việt của sự cởi mở của chúng ta với "Ngài" Thiên Chúa. Mối quan hệ của chúng ta với môi trường không bao giờ có thể bị tách biệt khỏi mối quan hệ của chúng ta với người khác và với Thiên Chúa. Nếu không, nó sẽ chẳng là gì hơn chủ nghĩa cá nhân lãng mạn được khoác lên mình bộ trang phục sinh thái, nhốt chúng ta vào một sự nội tại ngột ngạt.

120. Vì mọi sự đều có mối quan hệ với nhau, nên mối quan tâm đến việc bảo vệ thiên nhiên cũng không tương thích với việc biện minh cho việc phá thai. Làm sao chúng ta có thể thực sự dạy về tầm quan trọng của việc quan tâm đến những sinh vật dễ bị tổn thương khác, dù họ có thể gây phiền hà hay bất tiện đến đâu, nếu chúng ta không bảo vệ được phôi thai con người, ngay cả khi sự hiện diện của nó gây khó chịu và tạo ra những khó khăn? "Nếu sự nhạy cảm cá nhân và xã hội đối với việc chấp nhận sự sống mới bị mất đi, thì các hình thức chấp nhận khác có giá trị đối với xã hội cũng sẽ tàn lụi".[97]

121. Chúng ta cần phát triển một sự tổng hợp mới có khả năng vượt qua những lập luận sai lầm của những thế kỷ gần đây. Kitô giáo, trung thành với bản sắc riêng của mình và kho tàng chân lý phong phú mà mình đã nhận được từ Chúa Giêsu Kitô, tiếp tục phản ảnh về những vấn đề này trong cuộc đối thoại hữu hiệu với những tình huống lịch sử đang thay đổi. Khi làm như vậy, Kitô giáo cho thấy sự mới mẻ vĩnh cửu của mình.[98]

Chủ nghĩa tương đối thực tiễn

122. Một chủ nghĩa qui nhân sai lầm dẫn đến một lối sống sai lầm. Trong Tông huấn Evangelii Gaudium, tôi đã lưu ý rằng chủ nghĩa tương đối thực tiễn đặc trưng của thời đại chúng ta "thậm chí còn nguy hiểm hơn chủ nghĩa tương đối giáo điều".[99] Khi con người đặt mình vào vị trí trung tâm, họ ưu tiên tuyệt đối cho sự tiện lợi tức thời và mọi thứ khác trở nên tương đối. Do đó, chúng ta không nên ngạc nhiên khi thấy, kết hợp với mô hình kỹ trị toàn diện và sự sùng bái quyền lực vô hạn của con người, sự trỗi dậy của chủ nghĩa tương đối coi mọi thứ là không liên quan trừ khi nó phục vụ cho lợi ích tức thời của chính mình. Có một luận lý học trong tất cả những điều này theo đó các thái độ khác nhau có thể nuôi dưỡng lẫn nhau, dẫn đến suy thoái môi trường và suy thoái xã hội.

123. Nền văn hóa duy tương đối là cùng một sự rối loạn thúc đẩy một người lợi dụng người khác, đối xử với người khác như những đồ vật tầm thường, áp đặt lao động cưỡng bức lên họ hoặc bắt họ làm nô lệ để trả nợ. Cùng một kiểu suy nghĩ dẫn đến việc bóc lột tình dục trẻ em và bỏ rơi người già không còn phục vụ cho lợi ích của chúng ta nữa. Đó cũng là tư duy của những người nói rằng: Hãy để các thế lực vô hình của thị trường điều tiết nền kinh tế và coi tác động của chúng đối với xã hội và thiên nhiên là thiệt hại phụ kèm theo. Trong trường hợp không có sự thật khách quan hoặc các nguyên tắc hợp lý nào khác ngoài việc thỏa mãn những ham muốn và nhu cầu cấp thiết của chính chúng ta, thì có thể đặt ra những giới hạn nào đối với nạn buôn người, tội phạm có tổ chức, buôn bán ma túy, buôn bán kim cương máu và lông của các loài có nguy cơ tuyệt chủng? Chẳng phải chính luận lý học tương đối này biện minh cho việc mua các cơ quan của người nghèo để bán lại hoặc sử dụng trong thí nghiệm, hoặc loại bỏ trẻ em vì chúng không phải là những gì cha mẹ chúng mong muốn sao? Cũng chính luận lý học "sử dụng và vứt bỏ" này tạo ra rất nhiều chất thải, vì ham muốn tiêu thụ vô độ nhiều hơn mức thực sự cần thiết. Chúng ta không nên nghĩ rằng các nỗ lực chính trị hoặc sức mạnh của luật pháp sẽ đủ để ngăn chặn các hành động ảnh hưởng đến môi trường bởi vì, khi bản thân nền văn hóa bị tha hóa và chân lý khách quan cùng các nguyên tắc có giá trị phổ quát không còn được duy trì, thì luật pháp chỉ có thể được coi là sự áp đặt tùy tiện hoặc trở ngại cần tránh.

Nhu cầu bảo vệ nhân dụng

124. Bất cứ cách tiếp cận nào đối với một hệ sinh thái toàn diện, theo định nghĩa không loại trừ con người, đều cần phải tính đến giá trị của lao động, như Thánh Gioan Phaolô II đã khôn ngoan lưu ý trong Thông điệp Laborem Exercens của ngài. Theo tường thuật trong Kinh thánh về sự sáng tạo, Thiên Chúa đã đặt người nam và người nữ vào khu vườn mà Người đã tạo ra (x. St 2:15) không chỉ để bảo tồn nó ("giữ") mà còn để làm cho nó sinh sôi nảy nở ("canh tác"). Do đó, những người lao động và

thợ thủ công "duy trì kết cấu của thế giới" (Hc 38:34). Phát triển thế tạo một cách thận trọng là cách tốt nhất để chăm sóc nó, vì điều này có nghĩa là chính chúng ta trở thành công cụ được Thiên Chúa sử dụng để phát huy tiềm năng mà chính Người đã ghi khắc trong mọi vật: "Thiên Chúa đã tạo ra thuốc men từ đất, và người khôn ngoan sẽ không coi thường chúng" (Hc 38:4).

125. Nếu chúng ta suy gẫm về mối quan hệ đúng đắn giữa con người và thế giới xung quanh, chúng ta thấy cần phải hiểu đúng về việc làm; nếu chúng ta nói về mối quan hệ giữa con người và mọi vật, câu hỏi nảy sinh về ý nghĩa và mục đích của mọi hoạt động của con người. Điều này không chỉ liên quan đến lao động chân tay hay nông nghiệp mà còn liên quan đến bất cứ hoạt động nào liên quan đến việc sửa đổi thực tại hiện có, từ việc tạo ra báo cáo xã hội đến thiết kế phát triển kỹ thuật. Cơ sở của mọi hình thức lao động là một khái niệm về mối quan hệ mà chúng ta có thể và phải có với những gì khác ngoài bản thân chúng ta. Cùng với sự chiêm nghiệm đầy kính sợ về sự sáng tạo mà chúng ta thấy ở Thánh Phanxicô thành Assisi, truyền thống tâm linh Kitô giáo cũng đã phát triển một sự hiểu biết phong phú và cân bằng về ý nghĩa của việc làm, chẳng hạn như trong cuộc đời của Chân phước Charles de Foucauld và những người theo ngài.

126. Chúng ta cũng có thể nhìn vào truyền thống vĩ đại của phong trào đan viện. Ban đầu, đó là một loại hình trốn tránh thế gian, một lối thoát khỏi sự suy đồi của các thành phố. Các tu sĩ tìm kiếm sa mạc, tin rằng đó là nơi tốt nhất để gặp gỡ sự hiện diện của Thiên Chúa. Sau đó, Thánh Bê-nê-đic-tô thành Norcia đề xuất rằng các tu sĩ của mình sống trong cộng đồng, kết hợp cầu nguyện và đọc sách thiêng liêng với lao động chân tay (ora et labora). Việc coi lao động chân tay có ý nghĩa về mặt tâm linh đã chứng tỏ là một cuộc cách mạng. Sự phát triển và thánh hóa cá nhân đã được tìm kiếm trong sự tương tác giữa sự tĩnh tâm và việc làm. Cách trải nghiệm công việc này khiến chúng ta bảo vệ và tôn trọng môi trường hơn; nó thấm nhuần mối quan hệ của chúng ta với thế giới bằng một sự chừng mực.

127. Chúng tôi tin rằng "con người là nguồn gốc, là trọng tâm và là mục tiêu của mọi đời sống kinh tế và xã hội".[100] Tuy nhiên, một khi khả năng chiêm nghiệm và tôn kính của con người bị suy yếu, thì ý nghĩa của việc làm dễ bị hiểu lầm.[101] Chúng ta cần nhớ rằng nam giới và nữ giới có "khả năng cải thiện hoàn cảnh của mình, thúc đẩy sự phát triển đạo đức và phát triển các năng khiếu tâm linh của mình".[102] Việc làm phải là bối cảnh cho sự phát triển bản thân phong phú này, nơi nhiều khía cạnh của cuộc sống phát huy tác dụng: sự sáng tạo, lập kế hoạch cho tương lai, phát triển tài năng của chúng ta, sống theo các giá trị của chúng ta, liên hệ với người khác, tôn vinh Thiên Chúa. Do đó, trong thực tại của xã hội hoàn cầu ngày nay, điều cần thiết là "chúng ta phải tiếp tục ưu tiên mục tiêu tiếp cận việc làm ổn định cho mọi người",[103] bất kể lợi ích hạn chế của doanh nghiệp và lý luận kinh tế đáng ngờ.

128. Chúng ta được tạo ra với ơn gọi làm việc. Mục tiêu không phải là tiến bộ kỹ thuật ngày càng thay thế việc làm của con người, vì điều này sẽ gây bất lợi cho nhân loại. Việc làm là một nhu cầu thiết yếu, một phần ý nghĩa của cuộc sống trên trái đất này, một con đường dẫn đến sự phát triển, phát triển con người và sự hoàn thiện bản thân. Việc giúp đỡ người nghèo về mặt tài chính luôn phải là giải pháp tạm thời trước những nhu cầu cấp thiết. Mục tiêu rộng hơn luôn phải là cho họ một cuộc sống đàng hoàng thông qua việc làm. Tuy nhiên, định hướng của nền kinh tế đã ưu tiên một loại tiến bộ kỹ thuật trong đó chi phí sản xuất được giảm xuống bằng cách sa thải công nhân và thay thế họ bằng máy móc. Đây là một cách khác trong đó chúng ta có thể tự chống lại chính mình. Việc mất việc làm cũng có tác động tiêu cực đến nền kinh tế "thông qua sự xói mòn dần dần của vốn xã hội: mạng lưới các mối quan hệ tin cậy, đáng tin cậy và tôn trọng các quy tắc, tất cả đều không thể thiếu đối với bất cứ hình thức chung sống dân sự nào". [104] Nói cách khác, "tổn phí của nhân bản luôn bao gồm tổn phí kinh tế và các rối loạn kinh tế luôn liên quan đến tổn phí nhân bản". [105] Việc ngừng đầu tư vào con người để đạt được lợi nhuận tài chính ngắn hạn lớn hơn là một hoạt động kinh doanh tồi đối với xã hội.

129. Để tiếp tục cung cấp việc làm, điều bắt buộc là phải thúc đẩy một nền kinh tế ưu tiên sự đa dạng về năng suất và tính sáng tạo trong kinh doanh. Ví dụ, có rất nhiều hệ thống sản xuất lương thực quy mô nhỏ nuôi sống phần lớn dân số thế giới, sử dụng một lượng đất khiêm tốn và tạo ra ít chất thải hơn, có thể là trong các thửa đất nông nghiệp nhỏ, trong các vườn cây ăn trái và vườn rau, săn bắn và thu hoạch tự nhiên hoặc đánh bắt cá tại địa phương. Nền kinh tế quy mô, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp, cuối cùng buộc những người nông dân nhỏ phải bán đất hoặc từ bỏ các loại cây trồng truyền thống của họ. Những nỗ lực chuyển sang các phương tiện sản xuất khác, đa dạng hơn, của họ đều không có kết quả vì khó liên kết với các thị trường khu vực và hoàn cầu, hoặc vì cơ sở hạ tầng bán hàng và vận chuyển hướng đến các doanh nghiệp lớn hơn. Chính quyền dân sự có quyền và nghĩa vụ áp dụng các biện pháp rõ ràng và kiên quyết để hỗ trợ những người sản xuất nhỏ và sản xuất dị biệt hóa. Để đảm bảo tự do kinh tế mà tất cả mọi người đều có thể hưởng lợi một cách hữu hiệu, đôi khi phải áp dụng các biện pháp hạn chế đối với những người sở hữu nhiều nguồn lực và sức mạnh tài chính hơn. Việc tuyên bố tự do kinh tế trong khi các điều kiện thực tại ngăn cản nhiều người tiếp cận thực tại với nó và trong khi khả năng việc làm tiếp tục thu hẹp, là thực hiện một cách nói hai mặt khiến chính trị mất uy tín. Kinh doanh là một nghề cao quý, hướng đến việc tạo ra của cải và cải thiện thế giới của chúng ta. Nó có thể là nguồn thịnh vượng hữu hiệu cho các khu vực trong đó nó hoạt động, đặc biệt nếu nó coi việc tạo ra việc làm là một phần thiết yếu trong dịch vụ của mình vì lợi ích chung.

Các kỹ thuật sinh học mới

130. Trong tầm nhìn triết học và thần học về con người và về sự sáng tạo mà tôi đã trình bày, rõ ràng là con người, được ban cho lý trí và kiến thức, không phải là một yếu tố bên ngoài bị loại trừ. Trong khi sự can thiệp của con người vào thực vật và động vật là được phép khi liên quan đến nhu cầu thiết yếu của cuộc sống con người, thì Sách Giáo lý của Giáo hội Công giáo dạy rằng việc thử nghiệm trên động vật chỉ được chấp nhận về mặt đạo đức "nếu nó nằm trong giới hạn hợp lý [và] góp phần chăm sóc hoặc cứu sống con người".[106] Sách Giáo lý tuyên bố chắc chắn rằng sức mạnh của con người có giới hạn và rằng "việc khiến động vật phải đau khổ hoặc chết một cách vô ích là trái với phẩm giá con người".[107] Mọi việc sử dụng và thử nghiệm như vậy "đòi hỏi phải tôn trọng tính toàn vẹn của sự sáng tạo".[108]

131. Ở đây, tôi muốn nhắc lại lập trường cân bằng của Thánh Gioan Phaolô II, người đã nhấn mạnh những lợi ích của tiến bộ khoa học và kỹ thuật như bằng chứng về "sự cao quý của ơn gọi con người là tham gia một cách có trách nhiệm vào hành động sáng tạo của Thiên Chúa", đồng thời lưu ý rằng "chúng ta không thể can thiệp vào một lĩnh vực của hệ sinh thái mà không chú ý đúng mức đến hậu quả của sự can thiệp đó ở các lĩnh vực khác".[109] Ngài đã nói rõ rằng Giáo hội coi trọng lợi ích có được "từ việc nghiên cứu và ứng dụng sinh học phân tử, bổ sung bởi các ngành khác như di truyền học, và ứng dụng kỹ thuật của nó trong nông nghiệp và kỹ nghệ".[110] Nhưng ngài cũng chỉ ra rằng điều này không nên dẫn đến "sự thao túng di truyền bừa bãi"[111] mà bỏ qua những tác động tiêu cực của những can thiệp như vậy. Sự sáng tạo của con người không thể bị ngăn cản. Nếu một nghệ sĩ không thể bị ngăn cản sử dụng sự sáng tạo của mình, thì những người sở hữu năng khiếu đặc biệt cho sự tiến bộ của khoa học và kỹ thuật cũng không nên bị ngăn cản sử dụng tài năng do Chúa ban tặng của họ để phục vụ người khác. Chúng ta cần liên tục suy nghĩ lại về các mục tiêu, tác động, bối cảnh chung và giới hạn đạo đức của hoạt động của con người này, đây là một hình thức quyền lực liên quan đến những rủi ro đáng kể.

132. Do đó, đây là khuôn khổ đúng đắn cho bất cứ sự suy tư nào về sự can thiệp của con người vào thực vật và động vật, hiện bao gồm cả sự thao túng di truyền bằng kỹ thuật sinh học nhằm khai thác tiềm năng hiện diện trong thực tại vật chất. Sự tôn trọng mà đức tin dành cho lý trí đòi hỏi phải chú ý

chặt chẽ đến những gì khoa sinh học, thông qua nghiên cứu không bị ảnh hưởng bởi lợi ích kinh tế, có thể dạy chúng ta về các cấu trúc sinh học, các khả thể và các đột biến của chúng. Bất cứ sự can thiệp hợp pháp nào cũng chỉ tác động vào thiên nhiên để "ủng hộ sự phát triển của thiên nhiên theo hướng của chính nó, theo ý định của Thiên Chúa".[112]

133. Thật khó để đưa ra phán đoán chung về việc chỉnh sửa gen (GM), dù là thực vật hay động vật, y tế hay nông nghiệp, vì chúng rất khác nhau và đòi hỏi những xem xét cụ thể. Rủi ro liên quan không phải lúc nào cũng do các kỹ thuật được sử dụng, mà là do việc áp dụng không đúng cách hoặc quá mức. Trên thực tại, đột biến gen thường là và vẫn là do chính thiên nhiên gây ra. Đột biến do sự can thiệp của con người cũng không phải là hiện tượng hiện đại. Có thể kể đến việc thuần hóa động vật, lai tạo giữa các loài và các hoạt động khác cũ hơn và được chấp nhận rộng rãi như là ví dụ. Chúng ta chỉ cần nhớ lại rằng sự phát triển khoa học trong ngũ cốc biến đổi gen bắt đầu bằng việc quan sát vi khuẩn tự nhiên tự biến đổi bộ gen thực vật. Tuy nhiên, trong tự nhiên, quá trình này diễn ra chậm và không thể so sánh với tốc độ nhanh do những tiến bộ kỹ thuật đương thời tạo ra, ngay cả khi những tiến bộ dựa trên tiến bộ khoa học này kéo dài hàng thế kỷ.

134. Mặc dù không có bằng chứng kết luận nào cho thấy ngũ cốc biến đổi gen có thể gây hại cho con người và ở một số vùng, việc sử dụng chúng đã mang lại tăng trưởng kinh tế giúp giải quyết các vấn đề, nhưng vẫn còn một số khó khăn đáng kể không nên đánh giá thấp. Ở nhiều nơi, sau khi các loại cây trồng này được đưa vào sử dụng, đất canh tác tập trung vào tay một số ít chủ sở hữu do "sự biến mất dần dần của những người sản xuất nhỏ, những người, do hậu quả của việc mất đất khai thác, buộc phải rút khỏi sản xuất trực tiếp". [113] Những người dễ bị tổn thương nhất trong số này trở thành lao động tạm thời và nhiều công nhân nông thôn cuối cùng phải chuyển đến các khu vực thành thị nghèo đói. Việc mở rộng các loại cây trồng này có tác động phá hủy mạng lưới phức tạp của các hệ sinh thái, làm giảm sự đa dạng của sản xuất và ảnh hưởng đến nền kinh tế khu vực, hiện tại và trong tương lai. Ở nhiều quốc gia, chúng ta thấy sự mở rộng của các tập đoàn độc quyền trong sản xuất ngũ cốc và các sản phẩm khác cần thiết cho việc trồng trọt của họ. Sự phụ thuộc này sẽ trầm trọng hơn nếu xem xét đến việc sản xuất hạt giống không có khả năng sinh sản; hậu quả là buộc nông dân phải mua chúng từ những nhà sản xuất lớn hơn.

135. Chắc chắn, những vấn đề này đòi hỏi sự chú ý liên tục và quan tâm đến những hệ luận đạo đức của chúng. Một cuộc tranh luận khoa học và xã hội rộng rãi, có trách nhiệm cần diễn ra, một cuộc tranh luận có khả năng xem xét tất cả các thông tin có sẵn và gọi tên mọi thứ. Đôi khi thông tin đầy đủ không được đưa ra bàn; một lựa chọn được thực hiện trên cơ sở các lợi ích cụ thể, dù là chính trị-kinh tế hay ý thức hệ. Điều này khiến việc đưa ra phán đoán cân bằng và thận trọng về các vấn đề khác nhau trở nên khó khăn, một phán đoán có tính đến tất cả các biến số có liên quan. Cần có các cuộc thảo luận trong đó tất cả những người bị ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp (nông dân, người tiêu dùng, chính quyền dân sự, nhà khoa học, nhà sản xuất hạt giống, người dân sống gần các cánh đồng đã khử trùng và những người khác) có thể nêu ra các vấn đề và mối quan tâm của họ, và có quyền truy cập vào thông tin đầy đủ và đáng tin cậy để đưa ra quyết định vì lợi ích chung, hiện tại và tương lai. Đây là một vấn đề môi trường phức tạp; nó đòi hỏi một cách tiếp cận toàn diện, ít nhất là phải có nhiều nỗ lực hơn để tài trợ cho các lĩnh vực nghiên cứu độc lập, liên ngành khác nhau có khả năng làm sáng tỏ vấn đề.

136. Mặt khác, điều đáng lo ngại là khi một số phong trào sinh thái bảo vệ tính toàn vẹn của môi trường, đòi hỏi một cách chính đáng rằng phải áp dụng một số giới hạn nhất định đối với nghiên cứu khoa học, thì đôi khi họ lại không áp dụng cùng những nguyên tắc này vào cuộc sống con người. Có một xu hướng biện minh cho việc vượt qua mọi ranh giới khi tiến hành thử nghiệm trên phôi thai người sống. Chúng ta quên rằng giá trị bất khả xâm phạm của con người vượt qua mức độ phát triển của họ.

Tương tự như vậy, khi kỹ thuật bỏ qua các nguyên tắc đạo đức lớn, nó sẽ coi bất cứ hoạt động nào là hợp pháp. Như chúng ta đã thấy trong chương này, một kỹ thuật tách biệt khỏi đạo đức sẽ không dễ dàng có thể hạn chế sức mạnh của chính nó.

CHƯƠNG BỐN
SINH THÁI TOÀN DIỆN

137. Vì mọi sự đều có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, và các vấn đề ngày nay đòi hỏi một tầm nhìn có khả năng tính đến mọi khía cạnh của cuộc khủng hoảng hoàn cầu, tôi đề xuất rằng chúng ta hãy xem xét một số yếu tố của một hệ sinh thái toàn diện, một hệ sinh thái rõ ràng tôn trọng các chiều kích xã hội và con người của nó.

I. SINH THÁI MÔI TRƯỜNG, KINH TẾ VÀ XÃ HỘI

138. Sinh thái học nghiên cứu mối quan hệ giữa các sinh vật và môi trường trong đó chúng phát triển. Điều này nhất thiết đòi hỏi sự suy tư và tranh luận về các điều kiện cần thiết cho sự sống và sự sinh tồn của xã hội, và sự trung thực cần thiết để đặt câu hỏi về một số mô hình phát triển, sản xuất và tiêu dùng. Không thể nhấn mạnh đủ về cách mọi thứ được kết nối với nhau. Thời gian và không gian không độc lập với nhau, và ngay cả các nguyên tử hoặc hạt hạ nguyên tử cũng không thể được xem xét một cách riêng lẻ. Cũng giống như các khía cạnh khác nhau của hành tinh - vật lý, hóa học và sinh học - có mối quan hệ với nhau, các loài sống cũng là một phần của mạng lưới mà chúng ta sẽ không bao giờ khám phá và hiểu đầy đủ. Một phần lớn mã di truyền của chúng ta được chia sẻ bởi nhiều sinh vật sống. Điều này có nghĩa là sự phân mảnh kiến thức và sự cô lập các mẩu thông tin thực sự có thể trở thành một dạng của sự thiếu hiểu biết, trừ khi chúng được tích hợp vào một tầm nhìn rộng hơn về thực tại.

139. Khi chúng ta nói về "môi trường", điều chúng ta thực sự muốn nói đến là mối quan hệ hiện hữu giữa thiên nhiên và xã hội sống trong đó. Thiên nhiên không thể được coi là thứ gì đó tách biệt với chúng ta hoặc chỉ là một bối cảnh trong đó chúng ta đang sống. Chúng ta là một phần của thiên nhiên, được bao gồm trong đó và do đó tương tác liên tục với nó. Việc nhận ra lý do tại sao một khu vực nhất định bị ô nhiễm đòi hỏi phải nghiên cứu hoạt động của xã hội, nền kinh tế, các mô hình hành vi và cách xã hội nắm bắt thực tại. Với quy mô thay đổi, không còn có thể tìm ra câu trả lời cụ thể, riêng biệt cho từng phần của vấn đề. Điều cần thiết là phải tìm kiếm các giải pháp toàn diện xem xét các tương tác trong chính các hệ thống tự nhiên và với các hệ thống xã hội. Chúng ta không phải đối diện với hai cuộc khủng hoảng riêng biệt, một là môi trường và một là xã hội, mà đúng hơn là một cuộc khủng hoảng phức tạp vừa mang tính xã hội vừa mang tính môi trường. Các chiến lược giải quyết đòi hỏi một cách tiếp cận tổng hợp để chống lại đói nghèo, khôi phục phẩm giá cho những người bị loại trừ và đồng thời bảo vệ thiên nhiên.

140. Do số lượng và sự đa dạng của các yếu tố cần được tính đến khi xác định tác động môi trường của một dự án cụ thể, nên điều cần thiết là phải trao cho các nhà nghiên cứu vai trò thích đáng của họ, tạo điều kiện thuận lợi cho sự tương tác của họ và đảm bảo quyền tự do học thuật rộng rãi. Nghiên cứu đang diễn ra cũng sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về cách các sinh vật khác nhau liên quan đến nhau như thế nào khi tạo nên các đơn vị lớn hơn mà ngày nay chúng ta gọi là "hệ sinh thái". Chúng ta tính đến các hệ thống này không chỉ để xác định cách sử dụng tốt nhất mà còn vì chúng có giá trị nội tại độc lập với tính hữu ích của chúng. Mỗi sinh vật, với tư cách là một tạo vật của Thiên Chúa, đều tốt và đáng ngưỡng mộ trong chính bản thân chúng; điều tương tự cũng đúng với tập hợp các sinh vật hài hòa tồn tại trong một không gian xác định và hoạt động như một hệ thống. Mặc dù chúng ta thường không nhận

thức được điều đó, nhưng chúng ta phụ thuộc vào các hệ thống lớn hơn này để hiện hữu. Chúng ta chỉ cần nhớ lại cách các hệ sinh thái tương tác với nhau trong việc phân tán carbon dioxide, làm sạch nước, kiểm soát bệnh tật và dịch bệnh, hình thành đất, phân hủy chất thải và theo nhiều cách khác mà chúng ta bỏ qua hoặc đơn giản là không biết đến. Một khi họ nhận thức được điều này, nhiều người nhận ra rằng chúng ta sống và hành động dựa trên một thực tại đã được ban tặng cho chúng ta trước đó, thực tại này có trước sự tồn tại và khả năng của chúng ta. Vì vậy, khi chúng ta nói về "sử dụng bền vững", chúng ta phải luôn cân nhắc đến khả năng tái tạo của từng hệ sinh thái trong các lĩnh vực và khía cạnh khác nhau của nó.

141. Về phần mình, tăng trưởng kinh tế có xu hướng tạo ra những phản ứng có thể dự đoán được và một sự chuẩn hóa nhất định với mục đích đơn giản hóa các thủ tục và giảm chi phí. Điều này cho thấy nhu cầu về một "hệ sinh thái kinh tế" có khả năng thu hút tầm nhìn rộng hơn về thực tại. Trên thực tại, bảo vệ môi trường là "một phần không thể thiếu của quá trình phát triển và không thể xem xét tách biệt khỏi quá trình này".[114]
Chúng ta rất cần một chủ nghĩa nhân bản có khả năng tập hợp các lĩnh vực kiến thức khác nhau, bao gồm cả kinh tế học, để phục vụ cho một tầm nhìn toàn diện và tích hợp hơn. Ngày nay, việc phân tích các vấn đề môi trường không thể tách rời khỏi việc phân tích bối cảnh con người, gia đình, việc làm và đô thị, cũng như không thể tách rời khỏi cách các cá nhân liên hệ với chính mình, điều này dẫn đến cách họ liên hệ với người khác và với môi trường. Có một mối quan hệ giữa các hệ sinh thái và giữa các lĩnh vực tương tác xã hội khác nhau, một lần nữa chứng minh rằng "toàn thể lớn hơn một phần".[115]

142. Nếu mọi sự đều liên quan, thì sức khỏe của các định chế xã hội sẽ có hậu quả đối với môi trường và phẩm chất cuộc sống của con người. "Mọi hành vi vi phạm tình liên đới và tình bạn công dân gây hại cho môi trường".[116] Theo nghĩa này, sinh thái xã hội nhất thiết phải mang tính định chế và dần dần mở rộng ra toàn xã hội, từ nhóm xã hội cơ bản, gia đình, đến các cộng đồng địa phương, quốc gia và quốc tế rộng lớn hơn. Trong mỗi tầng lớp xã hội và giữa chúng, các định chế phát triển để điều chỉnh các mối quan hệ nhân bản. Bất cứ điều gì làm suy yếu các định chế đó đều có hậu quả tiêu cực, chẳng hạn như bất công, bạo lực và mất tự do. Một số quốc gia có mức độ hữu hiệu định chế tương đối thấp, dẫn đến nhiều vấn đề hơn cho người dân của họ trong khi lại có lợi cho những người hưởng lợi từ tình hình này. Cho dù trong quản lý nhà nước, các cấp độ khác nhau của xã hội dân sự hay mối quan hệ giữa các cá nhân, việc thiếu tôn trọng luật pháp đang trở nên phổ biến hơn. Luật pháp có thể được xây dựng tốt nhưng vẫn là một văn bản chết. Vậy chúng ta có thể hy vọng rằng trong những trường hợp như vậy, luật pháp và các quy định liên quan đến môi trường sẽ thực sự có hữu hiệu không? Ví dụ, chúng ta biết rằng các quốc gia có luật rõ ràng về bảo vệ rừng vẫn tiếp tục im lặng khi họ chứng kiến luật liên tục bị vi phạm. Hơn nữa, những gì diễn ra ở bất cứ khu vực nào cũng có thể có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khu vực khác. Do đó, ví dụ, ma túy việc sử dụng trong các xã hội giàu có tạo ra nhu cầu liên tục và ngày càng tăng đối với các sản phẩm nhập khẩu từ các vùng nghèo hơn, nơi mà hành vi bị tha hóa, cuộc sống bị hủy hoại và môi trường tiếp tục xuống cấp.

II. SINH THÁI VĂN HÓA

143. Cùng với di sản thiên nhiên, cũng có một di sản lịch sử, nghệ thuật và văn hóa đang bị đe dọa. Di sản này là một phần bản sắc chung của mỗi địa điểm và là nền tảng để xây dựng một thành phố đáng sống. Vấn đề không phải là phá bỏ và xây dựng các thành phố mới, được cho là tôn trọng môi trường hơn nhưng không phải lúc nào cũng hấp dẫn hơn để sinh sống. Thay vào đó, cần phải kết hợp lịch sử, văn hóa và kiến trúc của mỗi địa điểm, do đó bảo tồn được bản sắc ban đầu của nó. Do đó, sinh thái học cũng bao gồm việc bảo vệ kho báu văn hóa của nhân loại theo nghĩa rộng nhất. Cụ thể hơn, nó kêu

gọi sự chú ý nhiều hơn đến các nền văn hóa địa phương khi nghiên cứu các vấn đề môi trường, ủng hộ đối thoại giữa ngôn ngữ khoa học-kỹ thuật và ngôn ngữ của người dân. Văn hóa không chỉ là những gì chúng ta thừa hưởng từ quá khứ; nó cũng là, và trên hết, là một thực tại hiện tại sống động, năng động và có sự tham gia, không thể loại trừ khi chúng ta suy nghĩ lại về mối quan hệ giữa con người và môi trường.

144. Một tầm nhìn du tiêu thiệu về con người, được khuyến khích bởi các cơ chế của nền kinh tế hoàn cầu hóa ngày nay, có tác động san bằng các nền văn hóa, làm giảm sự đa dạng to lớn vốn là di sản của toàn thể nhân loại. Những nỗ lực giải quyết mọi vấn đề thông qua các quy định thống nhất hoặc can thiệp kỹ thuật có thể dẫn đến việc bỏ qua sự phức tạp của các vấn đề địa phương đòi hỏi sự tham gia tích cực của tất cả các thành viên trong cộng đồng. Các quy trình mới đang hình thành không phải lúc nào cũng phù hợp với các khuôn khổ nhập khẩu từ bên ngoài; chúng cần phải dựa trên chính nền văn hóa địa phương. Vì cuộc sống và thế giới là những thực tại năng động, nên việc chúng ta quan tâm đến thế giới cũng phải linh hoạt và năng động. Các giải pháp kỹ thuật đơn thuần có nguy cơ giải quyết các triệu chứng chứ không phải các vấn đề cơ bản nghiêm trọng hơn. Cần phải tôn trọng quyền của các dân tộc và nền văn hóa, và đánh giá cao rằng sự phát triển của một nhóm xã hội đòi hỏi một quá trình lịch sử diễn ra trong bối cảnh văn hóa và đòi hỏi sự tham gia liên tục và tích cực của người dân địa phương từ trong nền văn hóa phù hợp của họ. Khái niệm về phẩm chất cuộc sống cũng không thể bị áp đặt từ bên ngoài, vì phẩm chất cuộc sống phải được hiểu trong thế giới của các biểu tượng và phong tục phù hợp đối với từng nhóm người.

145. Nhiều hình thức khai thác và suy thoái môi trường mạnh mẽ không chỉ làm cạn kiệt các nguồn tài nguyên cung cấp cho cộng đồng địa phương sinh kế mà còn phá hủy các cấu trúc xã hội vốn từ lâu đã định hình nên bản sắc văn hóa và ý thức của họ về ý nghĩa của cuộc sống và cộng đồng. Sự biến mất của một nền văn hóa có thể nghiêm trọng ngang bằng, thậm chí nghiêm trọng hơn, so với sự biến mất của một loài thực vật hoặc động vật. Việc áp đặt một lối sống thống trị gắn liền với một hình thức sản xuất duy nhất có thể gây hại ngang bằng với việc thay đổi các hệ sinh thái.

146. Theo nghĩa này, điều cần thiết là phải chứng tỏ sự quan tâm đặc biệt đối với các cộng đồng bản địa và truyền thống văn hóa của họ. Họ không chỉ là một nhóm thiểu số trong số những nhóm khác mà còn phải là đối tác đối thoại chính, đặc biệt là khi các dự án lớn ảnh hưởng đến đất đai của họ được đề xuất. Đối với họ, đất đai không phải là một loại hàng hóa mà là món quà của Thiên Chúa và của tổ tiên họ, những người đã an nghỉ ở đó, một không gian thánh thiêng mà họ cần tương tác nếu họ muốn duy trì bản sắc và các giá trị của họ. Khi họ ở lại trên đất đai của mình, chính họ đã chăm sóc đất đai tốt nhất. Tuy nhiên, ở nhiều nơi trên thế giới, đang gây áp lực buộc họ phải từ bỏ quê hương để nhường chỗ cho các dự án nông nghiệp hoặc khai khoáng được thực hiện mà không quan tâm đến sự suy thoái của thiên nhiên và văn hóa.

III. SINH THÁI CỦA CUỘC SỐNG HÀNG NGÀY

147. Phát triển đích thực bao gồm các nỗ lực nhằm mang lại sự cải thiện toàn diện về phẩm chất cuộc sống của con người, và điều này đòi hỏi phải xem xét bối cảnh mà mọi người sống. Những bối cảnh này ảnh hưởng đến cách chúng ta suy nghĩ, cảm nhận và hành động. Trong phòng, nhà, nơi làm việc và khu phố của mình, chúng ta sử dụng môi trường như một cách phát biểu bản sắc của mình. Chúng ta nỗ lực hết sức để thích nghi với môi trường của mình, nhưng khi môi trường trở nên hỗn loạn, mất trật tự hoặc tràn ngập tiếng ồn ào và sự xấu xí, sự kích thích quá mức như vậy khiến chúng ta khó có thể hòa nhập và hạnh phúc.

148. Một sự sáng tạo và lòng hào phóng đáng ngưỡng mộ được biểu lộ bởi những cá nhân và nhóm người phản ứng với những hạn chế về môi trường bằng cách giảm bớt những tác động tiêu cực của môi trường xung quanh và học cách định hướng cuộc sống của họ giữa sự hỗn loạn và bất ổn. Ví dụ, ở một số nơi, nơi mặt tiền của các tòa nhà bị bỏ hoang, mọi người biểu lộ sự chăm sóc tuyệt vời cho nội thất ngôi nhà của họ, hoặc tìm thấy sự hài lòng trong lòng tốt và sự thân thiện của người khác. Một cuộc sống xã hội lành mạnh có thể thắp sáng một môi trường dường như không mong muốn. Đôi khi, một hệ sinh thái nhân bản đáng khen ngợi được thực hiện bởi những người nghèo mặc dù gặp nhiều khó khăn. Cảm giác ngột ngạt do các khu dân cư đông đúc gây ra sẽ được khắc phục nếu các mối quan hệ gần gũi và ấm áp phát triển, nếu các cộng đồng được tạo ra, nếu những hạn chế của môi trường được bù đắp trong nội tâm của mỗi người cảm thấy được giữ trong một mạng lưới liên đới và gắn bó. Theo cách này, bất cứ nơi nào cũng có thể biến từ địa ngục trần gian thành bối cảnh cho một cuộc sống xứng đáng.

149. Tình trạng nghèo đói cùng cực ở những khu vực thiếu sự hòa hợp, không gian mở hoặc tiềm năng hòa nhập có thể dẫn đến các vụ việc tàn bạo và bị các tổ chức tội phạm khai thác. Ở những khu phố bất ổn của các thành phố lớn, trải nghiệm hàng ngày về tình trạng quá tải và ẩn danh xã hội có thể tạo ra cảm giác bị nhổ rễ, từ đó nảy sinh hành vi phản xã hội và bạo lực. Tuy nhiên, tôi muốn nhấn mạnh rằng tình yêu luôn chứng minh được sức mạnh to lớn hơn. Nhiều người trong những điều kiện này có thể đan xen những mối liên kết gắn bó và đoàn kết, biến tình trạng quá tải thành trải nghiệm cộng đồng, trong đó những bức tường của bản ngã bị phá bỏ và những rào cản của sự ích kỷ được vượt qua. Trải nghiệm về sự cứu rỗi của cộng đồng này thường tạo ra những ý tưởng sáng tạo để cải thiện một tòa nhà hoặc một khu phố.[117]

150. Với mối quan hệ giữa không gian sống và hành vi của con người, những người thiết kế các tòa nhà, khu phố, không gian công cộng và thành phố, cần phải dựa vào nhiều chuyên ngành khác nhau giúp chúng ta hiểu được quá trình suy nghĩ, ngôn ngữ tượng trưng và cách hành động của con người. Chỉ tìm kiếm vẻ đẹp của thiết kế là chưa đủ. Quý giá hơn nữa là dịch vụ mà chúng ta cung cấp cho một loại vẻ đẹp khác: phẩm chất cuộc sống của con người, khả năng thích nghi của họ với môi trường, sự gặp gỡ và hỗ trợ lẫn nhau. Ở đây, chúng ta cũng thấy tầm quan trọng của việc quy hoạch đô thị luôn xem xét đến quan điểm của những người sẽ sống trong những khu vực này.

151. Cũng cần phải bảo vệ những khu vực chung, các địa danh trực quan và cảnh quan đô thị giúp tăng cảm giác thân thuộc, gắn bó, "cảm giác như ở nhà" của chúng ta trong một thành phố bao gồm chúng ta và đưa chúng ta lại gần nhau hơn. Điều quan trọng là các khu vực khác nhau của thành phố phải được tích hợp tốt và những người sống ở đó phải có cảm thứcc về tổng thể, thay vì bị giới hạn trong một khu phố và không coi thành phố lớn hơn là không gian mà họ chia sẻ với những người khác. Các biện pháp can thiệp ảnh hưởng đến cảnh quan đô thị hoặc nông thôn phải tính đến cách các yếu tố khác nhau kết hợp để tạo thành một tổng thể được cư dân coi là một khuôn khổ thống nhất và có ý nghĩa cho cuộc sống của họ. Khi đó, những người khác sẽ không còn bị coi là người lạ mà là một phần của "chúng ta" mà tất cả chúng ta đang nỗ lực tạo ra. Vì lý do tương tự này, ở cả bối cảnh thành thị và nông thôn, việc dành riêng một số nơi có thể được bảo tồn và bảo vệ khỏi những thay đổi liên tục do sự can thiệp của con người gây ra là rất hữu ích.

152. Thiếu nhà ở là một vấn đề nghiêm trọng ở nhiều nơi trên thế giới, cả ở vùng nông thôn lẫn thành phố lớn, vì ngân sách nhà nước thường chỉ trang trải một phần nhỏ nhu cầu. Không chỉ người nghèo mà nhiều thành viên khác trong xã hội cũng thấy khó sở hữu một ngôi nhà. Việc có một ngôi nhà liên quan nhiều đến ý thức về phẩm giá bản thân và sự phát triển của các gia đình. Đây là một vấn đề lớn đối với sinh thái học nhân bản. Ở một số nơi, trong đó các khu ổ chuột tạm bợ mọc lên, điều này sẽ có

nghĩa là phát triển những khu phố đó thay vì san bằng hoặc di dời chúng. Khi người nghèo sống trong những khu ổ chuột mất vệ sinh hoặc trong những khu nhà chung cư nguy hiểm, "trong những trường hợp cần phải di dời họ, để không phải chịu đau khổ chồng chất, cần cung cấp thông tin đầy đủ trước, với các lựa chọn về nhà ở tử tế được đưa ra và những người liên quan trực tiếp phải là một phần của quá trình này".[118] Đồng thời, cần chứng tỏ tính sáng tạo trong việc tích hợp các khu phố tồi tàn thành một thành phố chào đón: "Thật đẹp biết bao những thành phố vượt qua được sự ngờ vực tê liệt, hòa nhập những người khác biệt và biến chính sự hòa nhập này thành một yếu tố phát triển mới! Thật hấp dẫn biết bao những thành phố mà ngay cả trong thiết kế kiến trúc của chúng, đều tràn ngập những không gian kết nối, liên hệ và ủng hộ sự công nhận những người khác!"[119]

153. Phẩm chất cuộc sống ở các thành phố có liên quan nhiều đến hệ thống giao thông, thường là nguồn gốc gây ra nhiều đau khổ cho những người sử dụng chúng. Nhiều xe hơi, do một hoặc nhiều người sử dụng, lưu thông trong các thành phố, gây ra tình trạng tắc nghẽn giao thông, làm tăng mức độ ô nhiễm và tiêu thụ một lượng lớn năng lượng không tái tạo. Điều này khiến việc xây dựng thêm nhiều đường sá và bãi đậu xe làm hỏng cảnh quan đô thị trở nên cần thiết. Nhiều chuyên gia đồng ý về nhu cầu ưu tiên cho giao thông công cộng. Tuy nhiên, một số biện pháp cần thiết sẽ không dễ dàng được xã hội chấp nhận trừ khi có những cải thiện đáng kể trong chính các hệ thống, mà ở nhiều thành phố, buộc mọi người phải chịu đựng những điều kiện không đàng hoàng do tình trạng đông đúc, bất tiện, dịch vụ không thường xuyên và thiếu an toàn.

154. Sự tôn trọng phẩm giá của chúng ta với tư cách là con người thường xung đột với thực tại hỗn loạn mà mọi người phải chịu đựng trong cuộc sống thành thị. Tuy nhiên, điều này không nên khiến chúng ta bỏ qua sự bỏ rơi và lãng quên mà một số dân cư nông thôn cũng phải trải qua, những người không được tiếp cận với các dịch vụ thiết yếu và nơi một số công nhân bị đẩy vào điều kiện nô lệ, không có quyền hoặc thậm chí không có hy vọng về một cuộc sống đàng hoàng hơn.

155. Sinh thái học nhân bản cũng ngụ ý một thực tại sâu sắc khác: mối quan hệ giữa sự sống con người và luật đạo đức, được ghi khắc trong bản chất của chúng ta và là điều cần thiết để tạo ra một môi trường đàng hoàng hơn. Đức Giáo hoàng Ben-nê-đic-tô XVI đã nói về một "sinh thái học của con người", dựa trên thực tại "con người cũng có một bản chất mà họ phải tôn trọng và không thể thao túng theo ý muốn".[120] Chỉ cần thừa nhận rằng chính cơ thể chúng ta thiết lập cho chúng ta mối quan hệ trực tiếp với môi trường và với các sinh vật khác là đủ. Việc chấp nhận cơ thể của chúng ta như món quà của Thiên Chúa là điều thiết yếu để chào đón và chấp nhận toàn bộ thế giới như một món quà từ Chúa Cha và ngôi nhà chung của chúng ta, trong khi suy nghĩ chorằng chúng ta có quyền lực tuyệt đối đối với chính cơ thể của mình thường biến thành suy nghĩ cho rằng chúng ta có quyền lực tuyệt đối đối với tạo thế. Học cách chấp nhận cơ thể của mình, chăm sóc nó và tôn trọng ý nghĩa trọn vẹn nhất của nó là một yếu tố thiết yếu của bất cứ hệ sinh thái nhân bản đích thực nào. Ngoài ra, việc coi trọng cơ thể của chính mình theo tính nữ tính hay tính nam tính là điều cần thiết nếu tôi muốn có thể nhận ra bản thân mình trong cuộc gặp gỡ với một người khác biệt. Theo cách này, chúng ta có thể vui vẻ chấp nhận những món quà cụ thể của một người đàn ông hay đàn bà khác, công trình của Chúa Tạo hóa và tìm thấy sự phong phú lẫn nhau. Không phải là một thái độ lành mạnh khi tìm cách "xóa bỏ sự khác biệt về giới tính vì không còn biết cách đối diện với nó".[121]

IV. NGUYÊN TẮC ÍCH CHUNG

156. Một hệ sinh thái toàn diện không thể tách rời khỏi khái niệm về ích chung, một nguyên tắc trung tâm và thống nhất của đạo đức xã hội. Công ích là "tổng hợp những điều kiện của đời sống xã hội cho

phép các nhóm xã hội và các thành viên cá nhân của họ tiếp cận tương đối đầy đủ và dễ dàng với sự thành tòan của chính họ".[122]

157. Nền tảng của nguyên tắc công ích là sự tôn trọng đối với con người đúng nghĩa, được ban cho những quyền cơ bản và bất khả xâm phạm hướng đến sự phát triển toàn diện của con người. Nó cũng liên quan đến phúc lợi chung của xã hội và sự phát triển của nhiều nhóm trung gian, áp dụng nguyên tắc phụ đới. Nổi bật trong số các nhóm đó là gia đình, với tư cách là tế bào cơ bản của xã hội. Cuối cùng, công ích kêu gọi hòa bình xã hội, sự ổn định và an ninh được cung cấp bởi một trật tự nhất định mà không thể đạt được nếu không đặc biệt quan tâm đến công lý phân phối; bất cứ khi nào điều này bị vi phạm, bạo lực luôn xảy ra. Xã hội nói chung và nhà nước nói riêng có nghĩa vụ bảo vệ và thúc đẩy công ích.

158. Trong điều kiện hiện tại của xã hội hoàn cầu, nơi bất công tràn lan và khi ngày càng nhiều người bị tước đoạt các quyền cơ bản của con người và bị coi là có thể hy sinh, nguyên tắc về ích chung ngay lập tức trở thành, theo lý luận và tất yếu, lời kêu gọi liên đới và là lựa chọn ưu tiên cho những người anh chị em nghèo nhất của chúng ta. Lựa chọn này đòi hỏi phải thừa nhận những hệ luận của đích đến chung của của cải thế giới, nhưng, như tôi đã đề cập trong Tông huấn Evangelii Gaudium,[123] trước hết, nó đòi hỏi phải đánh giá cao phẩm giá to lớn của người nghèo dưới góc độ niềm tin sâu sắc nhất của chúng ta với tư cách là những người tin. Chúng ta chỉ cần nhìn xung quanh để thấy rằng, ngày nay, lựa chọn này thực sự là một mệnh lệnh đạo đức thiết yếu để đạt được ích chung một cách hữu hiệu.

V. CÔNG LÝ GIỮA CÁC THẾ HỆ

159. Khái niệm về ích chung cũng mở rộng đến các thế hệ tương lai. Các cuộc khủng hoảng kinh tế hoàn cầu đã làm rõ một cách đau đớn những tác động có hại của việc coi thường vận mệnh chung của chúng ta, điều này không thể loại trừ những người đến sau chúng ta. Chúng ta không còn có thể nói về phát triển bền vững mà không có sự liên đới giữa các thế hệ. Khi chúng ta bắt đầu nghĩ về loại thế giới mà chúng ta để lại cho các thế hệ tương lai, chúng ta sẽ nhìn nhận mọi sự theo cách khác; chúng ta nhận ra rằng thế giới là một món quà mà chúng ta đã nhận được một cách tự do và phải chia sẻ với người khác. Vì thế giới đã được ban tặng cho chúng ta, chúng ta không còn có thể nhìn nhận thực tại theo cách hoàn toàn thực dụng, trong đó hữu hiệu và năng suất hoàn toàn hướng đến lợi ích cá nhân của chúng ta. Tình liên đới giữa các thế hệ không phải là tùy chọn, mà đúng hơn là một vấn đề cơ bản về công lý, vì thế giới mà chúng ta đã nhận được cũng thuộc về những người sẽ đến sau chúng ta. Các giám mục Bồ Đào Nha đã kêu gọi chúng ta thừa nhận nghĩa vụ công lý này: "Môi trường là một phần của luận lý học về khả năng tiếp nhận. Nó được cho mỗi thế hệ mượn, sau đó phải truyền lại cho thế hệ tiếp theo". [124] Một hệ sinh thái toàn diện được đánh dấu bằng tầm nhìn rộng hơn này.

160. Chúng ta muốn để lại thế giới như thế nào cho những người đến sau chúng ta, cho những đứa trẻ hiện đang lớn lên? Câu hỏi này không chỉ liên quan đến môi trường một cách biệt lập; vấn đề này không thể được tiếp cận một cách rời rạc. Khi chúng ta tự hỏi mình muốn để lại thế giới như thế nào, trước hết chúng ta nghĩ đến định hướng chung, ý nghĩa và giá trị của nó. Nếu chúng ta không đấu tranh với những vấn đề sâu sắc hơn này, tôi không tin rằng mối quan tâm của chúng ta đối với hệ sinh thái sẽ mang lại những kết quả đáng kể. Nhưng nếu chúng ta dũng cảm đối diện với những vấn đề này, chúng ta sẽ không thể tránh khỏi việc đặt ra những câu hỏi sắc nét khác: Mục đích sống của chúng ta trên thế giới này là gì? Tại sao chúng ta ở đây? Mục tiêu của công việc và mọi nỗ lực của chúng ta là gì? Trái đất cần gì ở chúng ta? Như vậy, chỉ nói rằng chúng ta nên quan tâm đến các thế hệ tương lai là không đủ. Chúng ta cần thấy rằng điều đang bị đe dọa chính là phẩm giá của chúng ta. Việc để lại một hành tinh không thể sinh sống cho các thế hệ tương lai, trước hết và quan trọng nhất, là tùy thuộc vào chúng

ta. Đây là vấn đề ảnh hưởng sâu sắc đến chúng ta, vì nó liên quan đến ý nghĩa cuối cùng của cuộc sống trên trái đất của chúng ta.

161. Những dự đoán về ngày tận thế không còn có thể được đáp lại bằng sự mỉa mai hay khinh thường nữa. Chúng ta có thể sẽ để lại cho các thế hệ tương lai những đống đổ nát, sự hoang tàn và ô uế. Tốc độ tiêu thụ, chất thải và thay đổi môi trường đã kéo căng quá mức khả năng của hành tinh đến mức lối sống hiện đại của chúng ta, vốn không bền vững, chỉ có thể gây ra thảm họa, chẳng hạn như những thảm họa hiện vẫn xảy ra định kỳ ở nhiều khu vực khác nhau trên thế giới. Chúng ta chỉ có thể giảm bớt tác động của sự mất cân bằng hiện tại bằng hành động quyết đoán của mình, ngay tại đây và ngay bây giờ. Chúng ta cần suy gẫm về trách nhiệm của mình trước những người sẽ phải gánh chịu hậu quả khủng khiếp.

162. Khó khăn của chúng ta trong việc nghiêm túc thực hiện thách thức này có liên quan nhiều đến sự suy thoái về đạo đức và văn hóa đi kèm với sự suy thoái của môi trường. Đàn ông và đàn bà trong thế giới hậu hiện đại của chúng ta có nguy cơ trở thành chủ nghĩa cá nhân tràn lan, và nhiều vấn đề của xã hội có liên quan đến nền văn hóa ích kỷ của sự thỏa mãn tức thời ngày nay. Chúng ta thấy điều này trong cuộc khủng hoảng về mối quan hệ gia đình và xã hội cũng như những khó khăn trong việc nhìn nhận người khác. Cha mẹ có thể dễ bị lôi cuốn vào việc tiêu dùng bốc đồng và lãng phí, điều này sau đó ảnh hưởng đến con cái của họ, những người ngày càng thấy khó khăn trong việc có được một ngôi nhà riêng và xây dựng gia đình. Hơn nữa, việc chúng ta không có khả năng suy nghĩ nghiêm túc về các thế hệ tương lai có liên quan đến việc chúng ta không có khả năng mở rộng phạm vi lợi ích hiện tại của mình và không quan tâm đến những người vẫn bị loại khỏi sự phát triển. Chúng ta không chỉ nghĩ đến những người nghèo trong tương lai mà còn nghĩ đến những người nghèo ngày nay, những người có cuộc sống trên trái đất này ngắn ngủi và không thể tiếp tục chờ đợi. Do đó, "ngoài ý thức công bằng hơn về tình liên đới giữa các thế hệ, còn có nhu cầu đạo đức cấp thiết về ý thức liên đới liên thế hệ được đổi mới".[125]

CHƯƠNG NĂM
CÁC ĐƯỜNG TIẾP CẬN VÀ HÀNH ĐỘNG

163. Cho đến nay, tôi đã cố gắng đánh giá tình hình hiện tại của chúng ta, chỉ ra những vết nứt trên hành tinh mà chúng ta đang sinh sống cũng như những nguyên nhân sâu xa của con người gây ra sự suy thoái môi trường. Mặc dù việc chiêm niệm thực tế này tự nó đã cho thấy nhu cầu thay đổi hướng đi và các hành động khác, nhưng bây giờ chúng ta sẽ cố gắng phác thảo những con đường đối thoại chính có thể giúp chúng ta thoát khỏi vòng xoáy tự hủy diệt đang nhấn chìm chúng ta hiện nay.

I. ĐỐI THOẠI VỀ MÔI TRƯỜNG TRONG CỘNG ĐỒNG QUỐC TẾ

164. Bắt đầu từ giữa thế kỷ trước và vượt qua nhiều khó khăn, đã có một niềm tin ngày càng tăng rằng hành tinh của chúng ta là quê hương và nhân loại là một dân tộc sống trong một ngôi nhà chung. Một thế giới phụ thuộc lẫn nhau không chỉ khiến chúng ta nhận thức rõ hơn về những tác động tiêu cực của một số lối sống và mô hình sản xuất và tiêu dùng ảnh hưởng đến tất cả chúng ta; quan trọng hơn, nó thúc đẩy chúng ta đảm bảo rằng các giải pháp được đề xuất từ góc độ hoàn cầu, chứ không chỉ đơn thuần là bảo vệ lợi ích của một số quốc gia. Sự phụ thuộc lẫn nhau buộc chúng ta phải nghĩ đến một thế giới với một kế hoạch chung. Tuy nhiên, cùng một sự khéo léo đã mang lại tiến bộ to lớn về mặt lý thuyết kỹ thuật cho đến nay vẫn không thể tìm ra cách hữu hiệu để giải quyết các vấn đề môi trường và xã hội nghiêm trọng trên toàn thế giới. Một sự đồng thuận hoàn cầu là điều cần thiết để đối diện với các vấn đề sâu sắc hơn, không thể giải quyết bằng các hành động đơn phương từ phía các quốc gia riêng lẻ. Một sự đồng thuận như vậy có thể dẫn đến, ví dụ, việc lập kế hoạch cho một nền nông nghiệp bền vững

và đa dạng, phát triển các dạng năng lượng tái tạo và ít gây ô nhiễm hơn, khuyến khích sử dụng năng lượng hữu hiệu hơn, thúc đẩy quản lý tốt hơn các nguồn tài nguyên biển và rừng, và đảm bảo việc tiếp cận phổ cập với nước uống.

165. Chúng ta biết rằng kỹ thuật dựa trên việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch gây ô nhiễm cao - đặc biệt là than đá, nhưng cũng có dầu và ở mức độ thấp hơn là khí đốt - cần phải được thay thế dần dần mà không chậm trễ. Cho đến khi đạt được tiến bộ lớn hơn trong việc phát triển các nguồn năng lượng tái tạo dễ tiếp cận rộng rãi, thì việc lựa chọn giải pháp thay thế ít gây hại hơn hoặc tìm ra các giải pháp ngắn hạn là điều hợp lý. Nhưng cộng đồng quốc tế vẫn chưa đạt được thỏa thuận đầy đủ về trách nhiệm trả chi phí cho quá trình chuyển đổi năng lượng này. Trong những thập niên gần đây, các vấn đề về môi trường đã gây ra nhiều cuộc tranh luận công khai và đã thu hút nhiều phản ứng dân sự tận tụy và hào phóng. Chính trị và kinh doanh đã phản ứng chậm chạp theo cách tương xứng với tính cấp bách của những thách thức mà thế giới chúng ta đang phải đối diện. Mặc dù giai đoạn hậu kỹ nghệ có thể được ghi nhớ là một trong những giai đoạn vô trách nhiệm nhất trong lịch sử, tuy nhiên vẫn có lý do để hy vọng rằng nhân loại vào buổi bình minh của thế kỷ 21 sẽ được ghi nhớ vì đã hào phóng gánh vác những trách nhiệm nặng nề của mình.

166. Trên toàn thế giới, phong trào sinh thái đã đạt được những tiến bộ đáng kể, cũng nhờ vào nỗ lực của nhiều tổ chức xã hội dân sự. Không thể đề cập đến tất cả ở đây hoặc xem xét lại lịch sử đóng góp của họ. Nhưng nhờ những nỗ lực của họ, các vấn đề về môi trường ngày càng tìm được vị trí trong chương trình nghị sự công cộng và khuyến khích các cách tiếp cận có tầm nhìn xa hơn. Bất chấp điều này, các Hội nghị thượng đỉnh thế giới gần đây về môi trường đã không đáp ứng được kỳ vọng vì thiếu ý chí chính trị, họ không thể đạt được các thỏa thuận hoàn cầu thực sự có ý nghĩa và hữu hiệu về môi trường.

167. Hội nghị thượng đỉnh Trái đất năm 1992 tại Rio de Janeiro đáng được nhắc đến. Hội nghị tuyên bố rằng "con người là trung tâm của mối quan tâm đối với phát triển bền vững".[126] Lặp lại Tuyên bố Stockholm năm 1972, hội nghị này đã đưa ra sự hợp tác quốc tế để chăm sóc hệ sinh thái của toàn bộ trái đất, nghĩa vụ của những người gây ô nhiễm phải chịu chi phí và nghĩa vụ đánh giá tác động môi trường của các dự án và công trình nhất định. Hội nghị đặt ra mục tiêu hạn chế nồng độ khí nhà kính trong khí quyển, nhằm đảo ngược xu hướng nóng lên hoàn cầu. Hội nghị cũng đã lập ra một chương trình nghị sự với một kế hoạch hành động và một công ước về đa dạng sinh học, và nêu các nguyên tắc liên quan đến rừng. Mặc dù hội nghị thượng đỉnh là một bước tiến thực sự và mang tính tiên tri vào thời điểm đó, nhưng các thỏa thuận của hội nghị đã được thực hiện kém, do thiếu các cơ chế phù hợp để giám sát, đánh giá định kỳ và hình phạt trong các trường hợp không tuân thủ. Các nguyên tắc mà hội nghị tuyên bố vẫn đang chờ một phương tiện thực hiện hữu hiệu và linh hoạt.

168. Trong số những kinh nghiệm tích cực về vấn đề này, chúng ta có thể đề cập đến, ví dụ, Công ước Basel về chất thải nguy hại, với hệ thống báo cáo, tiêu chuẩn và kiểm soát của công ước này. Ngoài ra còn có Công ước ràng buộc về buôn bán quốc tế các loài động vật và thực vật hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng, bao gồm các chuyến thăm thực địa để xác minh việc tuân thủ hữu hiệu. Cảm ơn Công ước Vienna về việc bảo vệ tầng ôzôn và việc thực hiện thông qua Nghị định thư Montreal và các sửa đổi, vấn đề về sự mỏng đi của lớp băng dường như đã bước vào giai đoạn giải quyết.

169. Về vấn đề bảo vệ đa dạng sinh học và các vấn đề liên quan đến sa mạc hóa, tiến triển vẫn chưa đáng kể. Về vấn đề thay đổi khí hậu, đáng tiếc là tiến triển còn rất ít. Việc giảm khí nhà kính đòi hỏi sự trung thực, lòng dũng cảm và trách nhiệm, trên hết là từ phía các quốc gia hùng mạnh hơn và gây ô nhiễm nhiều nhất. Hội nghị Liên hợp quốc về Phát triển bền vững, "Rio+20" (Rio de Janeiro 2012), đã

ban hành một văn bản kết quả có phạm vi rộng nhưng không hữu hiệu. Các cuộc đàm phán quốc tế không thể đạt được tiến triển đáng kể do lập trường của các quốc gia đặt lợi ích quốc gia của họ lên trên lợi ích chung hoàn cầu. Những người sẽ phải gánh chịu hậu quả của những gì chúng ta đang cố gắng che giấu sẽ không quên sự thất bại về lương tâm và trách nhiệm này. Ngay cả khi Thông điệp này đang được chuẩn bị, cuộc tranh luận vẫn đang diễn ra gay gắt. Chúng ta, những người có đức tin, không thể không cầu xin Thiên Chúa ban cho một kết quả tích cực cho các cuộc thảo luận hiện tại, để các thế hệ tương lai không phải chịu hậu quả từ sự chậm trễ thiếu sáng suốt của chúng ta.

170. Một số chiến lược nhằm giảm việc phát khí thải gây ô nhiễm đòi hỏi phải quốc tế hóa các chi phí môi trường, điều này có nguy cơ áp đặt lên các quốc gia có ít tài nguyên hơn những cam kết nặng nề về việc giảm phát khí thải tương đương với các quốc gia kỹ nghệ hóa hơn. Việc áp dụng các biện pháp như vậy sẽ trừng phạt những quốc gia cần phát triển nhất. Một sự bất công khác được thực hiện dưới chiêu bài bảo vệ môi trường. Ở đây, người nghèo cuối cùng phải trả giá. Hơn nữa, vì những tác động của thay đổi khí hậu sẽ còn kéo dài trong một thời gian dài, ngay cả khi các biện pháp nghiêm ngặt được thực hiện ngay bây giờ, một số quốc gia có nguồn tài nguyên khan hiếm sẽ cần được hỗ trợ để thích ứng với những tác động đã và đang xảy ra, ảnh hưởng đến nền kinh tế của họ. Trong bối cảnh này, cần có những trách nhiệm chung và khác biệt. Như các giám mục Bolivia đã tuyên bố, “các quốc gia được hưởng lợi từ mức độ kỹ nghệ hóa cao, với cái giá phải trả là lượng khí thải nhà kính khổng lồ, có trách nhiệm lớn hơn trong việc đưa ra giải pháp cho các vấn đề mà họ đã gây ra”.[127]

171. Chiến lược mua và bán “tín dụng carbon” có thể dẫn đến một hình thức đầu cơ mới không giúp giảm phát khí thải gây ô nhiễm trên toàn thế giới. Hệ thống này dường như cung cấp một giải pháp nhanh chóng và dễ dàng dưới vỏ bọc là một cam kết nhất định đối với môi trường, nhưng không hề cho phép thay đổi triệt để mà hoàn cảnh hiện tại đòi hỏi. Thay vào đó, nó có thể chỉ đơn giản trở thành một thủ đoạn cho phép duy trì mức tiêu thụ quá mức của một số quốc gia và khu vực.

172. Đối với các nước nghèo, ưu tiên phải là xóa bỏ tình trạng nghèo đói cùng cực và thúc đẩy sự phát triển xã hội của người dân. Đồng thời, họ cần thừa nhận mức tiêu thụ đáng xấu hổ ở một số khu vực đặc quyền của dân số và chống tham nhũng hữu hiệu hơn. Họ cũng có nghĩa vụ phải phát triển các hình thức sản xuất năng lượng ít gây ô nhiễm hơn, nhưng để làm được như vậy, họ cần sự giúp đỡ của các quốc gia đã trải qua sự tăng trưởng lớn với cái giá phải trả là tình trạng ô nhiễm đang diễn ra trên hành tinh. Việc tận dụng nguồn năng lượng mặt trời dồi dào sẽ đòi hỏi phải thiết lập các cơ chế và trợ cấp cho phép các nước đang phát triển tiếp cận chuyển giao kỹ thuật, hỗ trợ kỹ thuật và nguồn tài chính, nhưng theo cách tôn trọng hoàn cảnh cụ thể của họ, vì "tính tương thích của [cơ sở hạ tầng] với bối cảnh mà chúng được thiết kế không phải lúc nào cũng được đánh giá đầy đủ".[128] Chi phí cho việc này sẽ thấp, so với rủi ro của thay đổi khí hậu. Dù sao, đây chủ yếu là các quyết định đạo đức, bắt nguồn từ tình liên đới giữa tất cả mọi người.

173. Cần có các thỏa thuận quốc tế có thể thực thi ngay lập tức, vì chính quyền địa phương không phải lúc nào cũng có khả năng can thiệp hữu hiệu. Mối quan hệ giữa các quốc gia phải tôn trọng chủ quyền của nhau, nhưng cũng phải đặt ra các biện pháp được cả hai bên đồng ý để ngăn chặn các thảm họa khu vực cuối cùng sẽ ảnh hưởng đến tất cả mọi người. Cần có các chuẩn mực quản lý hoàn cầu để áp đặt các nghĩa vụ và ngăn chặn các hành động không thể chấp nhận được, ví dụ, khi các công ty hoặc quốc gia hùng mạnh đổ chất thải gây ô nhiễm hoặc các ngành kỹ nghệ gây ô nhiễm ngoài khơi vào các quốc gia khác.

174. Chúng ta cũng hãy đề cập đến hệ thống quản lý đại dương. Các công ước quốc tế và khu vực hiện có, nhưng sự phân mảnh và thiếu các cơ chế nghiêm ngặt về quy định, kiểm soát và trừng phạt cuối

cùng lại làm suy yếu những nỗ lực này. Vấn đề ngày càng gia tăng về chất thải biển và việc bảo vệ các vùng biển mở là những thách thức đặc biệt. Trên thực tế, điều cần thiết là một thỏa thuận về các hệ thống quản lý cho toàn bộ phạm vi được gọi là "của chung hoàn cầu".

175. Cùng một tư duy cản trở việc đưa ra các quyết định cấp tiến để đảo ngược xu hướng nóng lên hoàn cầu cũng cản trở việc đạt được mục tiêu xóa đói giảm nghèo. Cần có một cách tiếp cận tổng thể có trách nhiệm hơn để giải quyết cả hai vấn đề: giảm ô nhiễm và phát triển các quốc gia và khu vực nghèo hơn. Thế kỷ 21, trong khi vẫn duy trì các hệ thống quản trị được thừa hưởng từ quá khứ, đang chứng kiến sự suy yếu của quyền lực của các quốc gia dân tộc, chủ yếu là do các lĩnh vực kinh tế và tài chính, vì có tính xuyên quốc gia, có xu hướng chiếm ưu thế hơn so với lĩnh vực chính trị. Với tình hình này, điều cần thiết là phải thiết kế các định chế quốc tế mạnh mẽ hơn và được tổ chức hữu hiệu hơn, với các chức năng được bổ nhiệm công bằng theo thỏa thuận giữa các chính phủ quốc gia và được trao quyền áp đặt các biện pháp trừng phạt. Như Đức Bênê-đic-tô XVI đã khẳng định trong sự tiếp nối giáo huấn xã hội của Giáo hội: “Quản lý nền kinh tế hoàn cầu; phục hồi các nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng; tránh mọi sự suy thoái của cuộc khủng hoảng hiện tại và những mất cân bằng lớn hơn có thể xảy ra; mang lại sự giải trừ quân bị toàn diện và kịp thời, an ninh lương thực và hòa bình; bảo đảm bảo vệ môi trường và điều chỉnh di cư: vì tất cả những điều này, cần phải có một thẩm quyền chính trị thế giới thực sự, như vị tiền nhiệm của tôi là Chân phước Gioan XXIII đã chỉ ra cách đây một số năm”.[129] Ngoại giao cũng có tầm quan trọng mới trong công việc phát triển các chiến lược quốc tế có thể dự đoán các vấn đề nghiêm trọng ảnh hưởng đến tất cả chúng ta.

II. ĐỐI THOẠI CHO CÁC CHÍNH SÁCH QUỐC GIA VÀ ĐỊA PHƯƠNG MỚI

176. Không chỉ có người thắng và kẻ thua giữa các quốc gia, mà còn trong chính các quốc gia nghèo hơn. Do đó, cần phải xác định những trách nhiệm khác nhau. Các vấn đề liên quan đến môi trường và phát triển kinh tế không còn có thể chỉ được tiếp cận từ quan điểm khác biệt giữa các quốc gia; chúng cũng đòi hỏi phải chú ý nhiều hơn đến các chính sách ở cấp quốc gia và địa phương.

177. Vì tiềm năng thực sự của việc sử dụng sai các khả năng của con người, các quốc gia riêng lẻ không thể tiếp tục phớt lờ trách nhiệm của mình đối với việc lập kế hoạch, phối hợp, giám sát và thực thi trong phạm vi biên giới của mình. Làm thế nào một xã hội có thể lập kế hoạch và bảo vệ tương lai của mình trong bối cảnh không ngừng phát triển các cải tiến kỹ thuật? Một nguồn giám sát và phối hợp có thẩm quyền là luật pháp, đặt ra các quy tắc cho hành vi được phép theo quan điểm ích chung. Các giới hạn mà một xã hội lành mạnh, trưởng thành và có chủ quyền phải áp đặt là những giới hạn liên quan đến tầm nhìn xa và an ninh, các chuẩn mực quản lý, thực thi kịp thời, loại bỏ tham nhũng, phản ứng hữu hiệu đối với các tác dụng phụ không mong muốn của quy trình sản xuất và can thiệp thích hợp khi có rủi ro tiềm ẩn hoặc không chắc chắn. Ngày càng có nhiều học thuyết pháp lý giải quyết vấn đề giảm ô nhiễm do các hoạt động kinh doanh. Nhưng khuôn khổ chính trị và định chế không chỉ tồn tại để tránh các hành vi xấu mà còn để thúc đẩy các hành vi tốt nhất, kích thích sự sáng tạo trong việc tìm kiếm các giải pháp mới và khuyến khích các sáng kiến của cá nhân hoặc nhóm.

178. Một nền chính trị quan tâm đến kết quả tức thời, được các bộ phận dân số theo chủ nghĩa duy tiêu thụ ủng hộ, được thúc đẩy để tạo ra tăng trưởng ngắn hạn. Để đáp lại lợi ích bầu cử, các chính phủ không muốn làm phật lòng công chúng bằng các biện pháp có thể ảnh hưởng đến mức tiêu thụ hoặc tạo ra rủi ro cho đầu tư nước ngoài. Sự thiển cận của chính trị quyền lực làm chậm trễ việc đưa chương trình nghị sự về môi trường có tầm nhìn xa vào chương trình nghị sự chung của các chính phủ. Do đó, chúng ta quên rằng “thời gian lớn hơn không gian”,[130] rằng chúng ta luôn hữu hiệu hơn khi tạo ra các quy trình thay vì nắm giữ các vị trí quyền lực. Nghệ thuật chính trị thực sự được thể hiện khi, trong

thời điểm khó khăn, chúng ta duy trì các nguyên tắc cao cả và nghĩ đến lợi ích chung lâu dài. Các thế lực chính trị không thấy dễ dàng để đảm nhận nhiệm vụ này trong công cuộc xây dựng quốc gia.

179. Ở một số nơi, các hợp tác xã đang được phát triển để khai thác các nguồn năng lượng tái tạo nhằm đảm bảo tự cung tự cấp tại địa phương và thậm chí là bán năng lượng dư thừa. Ví dụ đơn giản này cho thấy rằng, trong khi trật tự thế giới hiện tại tỏ ra bất lực trong việc đảm nhận trách nhiệm của mình, thì các cá nhân và nhóm địa phương có thể tạo ra sự khác biệt thực sự. Họ có thể truyền cảm hứng cho ý thức trách nhiệm lớn hơn, ý thức cộng đồng mạnh mẽ, sự sẵn sàng bảo vệ người khác, tinh thần sáng tạo và tình yêu sâu sắc đối với đất đai. Họ cũng quan tâm đến những gì họ sẽ để lại cho con cháu mình. Những giá trị này đã ăn sâu vào người dân bản địa. Vì việc thực thi luật pháp đôi khi không đủ do tham nhũng, nên cần phải gây áp lực công chúng để đưa ra hành động chính trị quyết định. Xã hội, thông qua các tổ chức phi chính phủ và các nhóm trung gian, phải gây áp lực lên chính phủ để xây dựng các quy định, thủ tục và biện pháp kiểm soát chặt chẽ hơn. Nếu công dân không kiểm soát được quyền lực chính trị - quốc gia, khu vực và thành phố - thì sẽ không thể kiểm soát được thiệt hại đối với môi trường. Luật pháp địa phương cũng có thể hữu hiệu hơn nếu có các thỏa thuận giữa các cộng đồng lân cận để hỗ trợ các chính sách môi trường giống nhau.

180. Không có công thức thống nhất, vì mỗi quốc gia hoặc khu vực đều có những vấn đề và hạn chế riêng. Cũng đúng là chủ nghĩa hiện thực chính trị có thể kêu gọi các biện pháp và kỹ thuật chuyển tiếp, miễn là chúng đi kèm với việc dần dần lên khuôn và chấp nhận các cam kết ràng buộc. Đồng thời, ở các bình diện quốc gia và địa phương, vẫn còn nhiều việc cần phải làm, chẳng hạn như thúc đẩy các cách tiết kiệm năng lượng. Những điều này sẽ bao gồm việc ưu tiên các hình thức sản xuất kỹ nghệ có hiệu quả năng lượng tối đa và giảm sử dụng nguyên liệu thô, loại bỏ khỏi thị trường các sản phẩm kém hiệu quả năng lượng hoặc gây ô nhiễm nhiều hơn, cải thiện hệ thống giao thông và khuyến khích xây dựng và sửa chữa các tòa nhà nhằm mục đích giảm mức tiêu thụ năng lượng và mức độ ô nhiễm. Hoạt động chính trị ở bình diện địa phương cũng có thể hướng đến việc thay đổi mức tiêu thụ, phát triển nền kinh tế xử lý và tái chế chất thải, bảo vệ một số loài nhất định và lập kế hoạch cho một nền nông nghiệp đa dạng và luân canh cây trồng. Nông nghiệp ở các vùng nghèo hơn có thể được cải thiện thông qua đầu tư vào cơ sở hạ tầng nông thôn, tổ chức tốt hơn các thị trường địa phương hoặc quốc gia, hệ thống thủy lợi và phát triển các kỹ thuật nông nghiệp bền vững. Có thể khuyến khích các hình thức hợp tác và tổ chức cộng đồng mới để bảo vệ lợi ích của những người sản xuất nhỏ và bảo vệ hệ sinh thái địa phương khỏi bị phá hủy. Thực sự, có thể làm được nhiều điều!

181. Ở đây, tính liên tục là điều cần thiết, vì các chính sách liên quan đến thay đổi khí hậu và bảo vệ môi trường không thể thay đổi theo mọi thay đổi của chính phủ. Kết quả cần có thời gian và đòi hỏi chi phí ngay lập tức mà có thể không tạo ra hiệu quả hữu hình trong nhiệm kỳ của bất cứ chính phủ nào. Đó là lý do tại sao, khi không có áp lực từ công chúng và các tổ chức dân sự, các nhà chức trách chính trị sẽ luôn miễn cưỡng can thiệp, đặc biệt là khi phải đáp ứng các nhu cầu cấp thiết. Để đảm nhận những trách nhiệm này và những chi phí mà chúng đòi hỏi, các chính trị gia chắc chắn sẽ xung đột với tư duy về lợi ích và kết quả ngắn hạn đang thống trị nền kinh tế và chính trị hiện nay. Nhưng nếu họ can đảm, họ sẽ chứng thực cho phẩm giá do Chúa ban tặng và để lại một bằng chứng về trách nhiệm vô vị kỷ. Một nền chính trị lành mạnh là vô cùng cần thiết, có khả năng cải cách và điều phối các định chế, thúc đẩy các thông lệ tốt nhất và vượt qua áp lực không đáng có và sự trì trệ của bộ máy quan liêu. Tuy nhiên, cần phải nói thêm rằng ngay cả những cơ chế tốt nhất cũng có thể sụp đổ khi không có mục tiêu và giá trị xứng đáng, hoặc một chủ nghĩa nhân bản chân chính và sâu sắc để làm nền tảng cho một xã hội cao quý và hào phóng.

III. ĐỐI THOẠI VÀ MINH BẠCH TRONG VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH

182. Đánh giá tác động môi trường của các dự án và liên doanh đòi hỏi các quy trình chính trị minh bạch, bao gồm trao đổi quan điểm một cách tự do. Mặt khác, các hình thức tham nhũng che giấu tác động môi trường thực tế của một dự án nhất định, để đổi lấy ân huệ, thường tạo ra các thỏa thuận phi lý không cung cấp thông tin đầy đủ và không cho phép tranh luận đầy đủ.
183. Đánh giá tác động môi trường không nên diễn ra sau khi lập đề xuất kinh doanh hoặc đề xuất một chính sách, kế hoạch hoặc chương trình cụ thể. Đánh giá tác động môi trường phải là một phần của quy trình ngay từ đầu và được thực hiện theo cách liên ngành, minh bạch và không chịu bất cứ áp lực kinh tế hoặc chính trị nào. Nó nên được liên kết với một nghiên cứu về điều kiện làm việc và những tác động có thể xảy ra đối với sức khỏe thể chất và tinh thần của con người, đối với nền kinh tế địa phương và đối với an toàn công cộng. Do đó, lợi nhuận kinh tế có thể được dự báo thực tế hơn, có tính đến các kịch bản tiềm ẩn và nhu cầu đầu tư thêm để khắc phục những tác động không mong muốn có thể xảy ra. Luôn phải đạt được sự đồng thuận giữa các bên liên quan khác nhau, những người có thể đưa ra nhiều cách tiếp cận, giải pháp và phương án thay thế. Người dân địa phương nên có một vị trí đặc biệt tại bàn đàm phán; họ quan tâm đến tương lai của chính họ và tương lai của con cái họ, và có thể xem xét các mục tiêu vượt ra ngoài lợi ích kinh tế trước mắt. Chúng ta cần ngừng suy nghĩ theo hướng "can thiệp" để cứu môi trường mà ủng hộ các chính sách do tất cả các bên quan tâm xây dựng và tranh luận. Sự tham gia của các bên sau cũng đòi hỏi phải được thông báo đầy đủ về các dự án như vậy và các rủi ro và khả năng khác nhau của chúng; điều này bao gồm không chỉ các quyết định sơ bộ mà còn nhiều hoạt động theo dõi khác nhau và giám sát liên tục. Sự trung thực và sự thật là cần thiết trong các cuộc thảo luận khoa học và chính trị; những điều này không nên giới hạn vào vấn đề liệu một dự án cụ thể có được pháp luật cho phép hay không.

184. Trước những rủi ro có thể xảy ra đối với môi trường có thể ảnh hưởng đến lợi ích chung hiện tại và trong tương lai, các quyết định phải được đưa ra “dựa trên sự so sánh giữa các rủi ro và lợi ích được dự kiến cho các phương án thay thế khác nhau” .[131] Điều này đặc biệt đúng khi một dự án có thể dẫn đến việc sử dụng nhiều hơn các nguồn tài nguyên thiên nhiên, mức phát khí thải hoặc xả thải cao hơn, lượng rác thải tăng lên hoặc những thay đổi đáng kể đối với cảnh quan, môi trường sống của các loài được bảo vệ hoặc không gian công cộng. Một số dự án, nếu không được nghiên cứu đầy đủ, có thể ảnh hưởng sâu sắc đến phẩm chất cuộc sống của một khu vực do các yếu tố rất khác nhau như ô nhiễm tiếng ồn không lường trước được, tầm nhìn bị thu hẹp, mất đi các giá trị văn hóa hoặc tác động của việc sử dụng năng lượng hạt nhân. Văn hóa tiêu dùng, ưu tiên lợi ích ngắn hạn và lợi ích cá nhân, có thể khiến việc đóng dấu phê duyệt hoặc che giấu thông tin trở nên dễ dàng.

185. Trong bất cứ cuộc thảo luận nào về một dự án được đề xuất, cần phải đặt ra một số câu hỏi để phân biệt liệu dự án đó có đóng góp vào sự phát triển toàn diện thực sự hay không. Dự án sẽ đạt được điều gì? Tại sao? Ở đâu? Khi nào? Bằng cách nào? Đối với ai? Rủi ro là gì? Chi phí là gì? Ai sẽ trả những chi phí đó và bằng cách nào? Trong quá trình phân định này, một số câu hỏi phải có mức độ ưu tiên cao hơn. Ví dụ, chúng ta biết rằng nước là nguồn tài nguyên khan hiếm và không thể thiếu, đồng thời là quyền cơ bản tạo điều kiện cho việc thực hiện các quyền con người khác. Sự thật không thể chối cãi này phủ nhận mọi đánh giá khác về tác động môi trường đối với một khu vực.

186. Tuyên bố Rio năm 1992 nêu rõ rằng “khi có mối đe dọa về thiệt hại nghiêm trọng hoặc không thể khắc phục, thì việc thiếu sự chắc chắn khoa học đầy đủ sẽ không được sử dụng làm cái cớ để hoãn các biện pháp hữu hiệu về mặt chi phí”[132] nhằm ngăn ngừa suy thoái môi trường. Nguyên tắc phòng ngừa này giúp bảo vệ những người dễ bị tổn thương nhất và khả năng bảo vệ quyền lợi của họ cũng như thu thập bằng chứng không thể chối cãi bị hạn chế. Nếu thông tin khách quan cho thấy có thể xảy ra thiệt hại nghiêm trọng và không thể khắc phục, thì dự án phải dừng lại hoặc sửa đổi, ngay cả khi

không có bằng chứng không thể chối cãi. Ở đây, gánh nặng chứng minh về mặt hữu hiệu bị đảo ngược, vì trong những trường hợp như vậy, các cuộc trình diễn khách quan và có kết luận sẽ phải được đưa ra để chứng minh rằng hoạt động được đề xuất sẽ không gây ra tác hại nghiêm trọng cho môi trường hoặc những người sinh sống ở đó.

187. Điều này không có nghĩa là phản đối bất cứ cải tiến kỹ thuật nào có thể mang lại sự cải thiện về phẩm chất cuộc sống. Nhưng điều đó có nghĩa là lợi nhuận không thể là tiêu chuẩn duy nhất cần được tính đến và khi có thông tin mới quan trọng được đưa ra ánh sáng, cần phải đánh giá lại, với sự tham gia của tất cả các bên liên quan. Kết quả có thể là quyết định không tiến hành một dự án nhất định, sửa đổi dự án hoặc xem xét các đề xuất thay thế.

188. Có một số vấn đề về môi trường mà không dễ đạt được sự đồng thuận rộng rãi. Ở đây, tôi xin khẳng định lại một lần nữa rằng Giáo hội không cho rằng mình có thể giải quyết các vấn đề khoa học hoặc thay thế chính trị. Nhưng tôi quan tâm đến việc khuyến khích một cuộc tranh luận trung thực và cởi mở để các lợi ích hoặc hệ tư tưởng cụ thể không gây phương hại đến lợi ích chung.

IV. CHÍNH TRỊ VÀ KINH TẾ TRONG ĐỐI THOẠI VÌ SỰ THÀNH TOÀN CỦA CON NGƯỜI

189. Chính trị không nên lệ thuộc kinh tế, cũng như kinh tế không nên lệ thuộc sự chỉ đạo của mô hình kỹ trị bị thúc đẩy bởi hiệu năng. Ngày nay, xét về lợi ích chung, chính trị và kinh tế cần phải đối thoại thẳng thắn để phục vụ cho sự sống, đặc biệt là sự sống của con người. Cứu các ngân hàng bằng mọi giá, bắt công chúng phải trả giá, từ bỏ cam kết chắc chắn về việc xem xét và cải cách toàn bộ hệ thống, chỉ khẳng định lại quyền lực tuyệt đối của một hệ thống tài chính, một quyền lực không có tương lai và sẽ chỉ gây ra các cuộc khủng hoảng mới sau một quá trình phục hồi chậm chạp, tốn kém và chỉ có vẻ bề ngoài. Cuộc khủng hoảng tài chính 2007-08 đã tạo ra cơ hội để phát triển một nền kinh tế mới, chú ý hơn đến các nguyên tắc đạo đức và những cách thức mới để điều chỉnh các hoạt động tài chính đầu cơ và sự giàu có ảo. Nhưng phản ứng đối với cuộc khủng hoảng không bao gồm việc xem xét lại các tiêu chuẩn lỗi thời vẫn tiếp tục thống trị thế giới. Sản xuất không phải lúc nào cũng hợp lý và thường gắn liền với các biến số kinh tế gán cho sản phẩm một giá trị không nhất thiết tương ứng với giá trị thực của chúng. Điều này thường dẫn đến sản xuất quá mức một số mặt hàng, gây ra tác động không cần thiết đến môi trường và dẫn đến hậu quả tiêu cực đối với nền kinh tế khu vực.[133] Bong bóng [bubble] tài chính cũng có xu hướng là một bong bóng sản xuất. Vấn đề của nền kinh tế thực không bị đối đầu một cách mạnh mẽ, nhưng chính nền kinh tế thực mới có thể đa dạng hóa và cải thiện sản xuất, giúp các công ty hoạt động tốt và cho phép các doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển và tạo việc làm.

190. Ở đây, chúng ta cũng phải luôn ghi nhớ rằng "không thể đảm bảo việc bảo vệ môi trường chỉ dựa trên các tính toán tài chính về chi phí và lợi ích. Môi trường là một trong những hàng hóa không thể được bảo vệ hoặc thúc đẩy một cách đầy đủ bởi các lực lượng thị trường".[134] Một lần nữa, chúng ta cần bác bỏ quan niệm ma thuật về thị trường, quan niệm này cho rằng các vấn đề có thể được giải quyết đơn giản bằng cách tăng lợi nhuận của các công ty hoặc cá nhân. Có thực tế không khi hy vọng rằng những người bị ám ảnh bởi việc tối đa hóa lợi nhuận sẽ dừng lại để suy gẫm về thiệt hại môi trường mà họ sẽ để lại cho các thế hệ tương lai? Khi chỉ có lợi nhuận được tính đến, thì không thể suy nghĩ về nhịp điệu của thiên nhiên, các giai đoạn suy thoái và tái sinh của nó, hoặc sự phức tạp của các hệ sinh thái có thể bị đảo lộn nghiêm trọng do sự can thiệp của con người. Hơn nữa, đa dạng sinh học chỉ được coi là một nguồn tài nguyên kinh tế có thể khai thác, mà không suy nghĩ nghiêm túc về giá trị thực của mọi sự, ý nghĩa của chúng đối với con người và nền văn hóa, hoặc mối quan tâm và nhu cầu của người nghèo.

191. Bất cứ khi nào những câu hỏi này được nêu ra, một số người phản ứng bằng cách cáo buộc những người khác cố gắng cản trở sự tiến bộ và phát triển của con người một cách phi lý. Nhưng chúng ta cần phải phát triển niềm tin rằng việc giảm tốc độ sản xuất và tiêu thụ đôi khi có thể tạo ra một hình thức tiến bộ và phát triển khác. Những nỗ lực thúc đẩy việc sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên không phải là lãng phí tiền bạc, mà là một khoản đầu tư có khả năng mang lại những lợi ích kinh tế khác trong trung hạn. Nếu nhìn vào bức tranh toàn cảnh, chúng ta có thể thấy rằng các hình thức sản xuất đa dạng và sáng tạo hơn, ít tác động đến môi trường hơn có thể mang lại lợi nhuận cao. Đó là vấn đề cởi mở với những khả thể khác nhau không liên quan đến việc kìm hãm óc sáng tạo của con người và lý tưởng tiến bộ của họ, mà là hướng năng lượng đó theo những kênh mới.

192. Ví dụ, một con đường phát triển sản xuất, sáng tạo hơn và được định hướng tốt hơn, có thể khắc phục sự chênh lệch hiện tại giữa đầu tư kỹ thuật quá mức vào tiêu dùng và đầu tư không đủ vào việc giải quyết các vấn đề cấp bách mà gia đình nhân loại đang phải đối diện. Nó có thể tạo ra những cách tái sử dụng, cải tạo và tái chế thông minh và có lợi nhuận, đồng thời cũng có thể cải thiện hữu hiệu việc sử dụng năng lượng của các thành phố. Sự đa dạng hóa sản xuất mang đến những khả năng tối đa cho sự khéo léo của con người để sáng tạo và đổi mới, đồng thời bảo vệ môi trường và tạo ra nhiều nguồn

việc làm hơn. Sự sáng tạo như vậy sẽ là biểu hiện xứng đáng cho những phẩm chất cao quý nhất của con người, vì chúng ta sẽ phấn đấu một cách thông minh, táo bạo và có trách nhiệm để thúc đẩy sự phát triển bền vững và công bằng trong bối cảnh của một khái niệm rộng hơn về phẩm chất cuộc sống. Mặt khác, việc tìm ra những cách thức mới để tàn phá thiên nhiên, chỉ vì mục đích tạo ra các mặt hàng tiêu dùng mới và lợi nhuận nhanh chóng, sẽ, theo quan điểm của con người, kém giá trị và sáng tạo hơn, và hời hợt hơn.

193. Dù sao, nếu trong một số trường hợp, phát triển bền vững liên quan đến các hình thức tăng trưởng mới, thì trong những trường hợp khác, với sự tăng trưởng vô độ và vô trách nhiệm được tạo ra trong nhiều thập niên, chúng ta cũng cần nghĩ đến việc kiềm chế tăng trưởng bằng cách đặt ra một số giới hạn hợp lý và thậm chí quay lại trước khi quá muộn. Chúng ta biết hành vi của những người liên tục tiêu thụ và phá hủy là không bền vững như thế nào, trong khi những người khác vẫn chưa thể sống theo cách xứng đáng với phẩm giá con người của họ. Đó là lý do tại sao đã đến lúc phải chấp nhận việc giảm tăng trưởng ở một số nơi trên thế giới, để cung cấp tài nguyên cho những nơi khác trải nghiệm sự tăng trưởng lành mạnh. Đức Bênê-nê-đic-tô XVI đã nói rằng "về mặt kỹ thuật, các xã hội tiên tiến phải sẵn sàng khuyến khích lối sống chừng mực hơn, đồng thời giảm mức tiêu thụ năng lượng và cải thiện hữu hiệu việc sử dụng năng lượng".[135]

194. Để các mô hình tiến bộ mới xuất hiện, cần phải thay đổi "các mô hình phát triển hoàn cầu";[136] điều này sẽ đòi hỏi phải suy gẫm có trách nhiệm về "ý nghĩa của nền kinh tế và các mục tiêu của nó với mục đích sửa chữa những trục trặc và ứng dụng sai của nó".[137] Không đủ để cân bằng, trong trung hạn, việc bảo vệ thiên nhiên với lợi nhuận tài chính, hoặc bảo tồn môi trường với tiến bộ. Các biện pháp nửa vời chỉ đơn giản trì hoãn thảm họa không thể tránh khỏi. Nói một cách đơn giản, đó là vấn đề định nghĩa lại khái niệm tiến bộ của chúng ta. Một sự phát triển kinh tế và kỹ thuật không để lại một thế giới tốt đẹp hơn và phẩm chất cuộc sống cao hơn toàn diện thì không thể được coi là tiến bộ. Trên thực tế, phẩm chất cuộc sống của con người thường giảm sút - do môi trường xuống cấp, phẩm chất thực phẩm thấp hoặc tài nguyên cạn kiệt - trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế. Trong bối cảnh này, việc nói về tăng trưởng bền vững thường trở thành một cách để đánh lạc hướng sự chú ý và đưa ra những lời bào chữa. Nó hấp thụ ngôn ngữ và các giá trị của sinh thái học vào các phạm trù tài chính và kỹ trị, và trách nhiệm xã hội và môi trường của các doanh nghiệp thường bị giảm xuống thành một loạt các biện pháp tiếp thị và nâng cao hình ảnh.

195. Nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận, thường bị tách biệt khỏi các cân nhắc khác, phản ánh sự hiểu lầm về chính khái niệm kinh tế. Miễn là sản xuất được tăng lên, thì ít quan tâm đến việc liệu nó có phải trả giá bằng các nguồn tài nguyên trong tương lai hay sức khỏe của môi trường hay không; miễn là việc phá rừng làm tăng sản lượng, không ai tính toán được những tổn thất do sa mạc hóa đất đai, tác hại đối với đa dạng sinh học hoặc ô nhiễm gia tăng. Nói một cách ngắn gọn, các doanh nghiệp hưởng lợi bằng cách tính toán và chỉ trả một phần nhỏ chi phí liên quan. Tuy nhiên, chỉ khi "chi phí kinh tế và xã hội của việc sử dụng các nguồn tài nguyên môi trường chung được công nhận một cách minh bạch và được những người phải gánh chịu hoàn toàn, chứ không phải những người khác hoặc các thế hệ tương lai,[138] thì những hành động đó mới được coi là có đạo đức. Một cách lý luận mang tính công cụ, cung cấp một phân tích hoàn toàn tĩnh về thực tế để phục vụ cho các nhu cầu hiện tại, đang được áp dụng cho dù các nguồn lực được phân bổ theo thị trường hay theo kế hoạch hóa tập trung của nhà nước.

196. Điều gì xảy ra với chính trị? Chúng ta hãy ghi nhớ nguyên tắc phụ đới, nguyên tắc này trao quyền tự do phát triển các năng lực hiện có ở mọi bình diện của xã hội, đồng thời cũng đòi hỏi những người nắm giữ quyền lực lớn hơn phải có ý thức trách nhiệm lớn hơn đối với lợi ích chung. Ngày nay, một số

khu vực kinh tế thực hiện nhiều quyền lực hơn chính các quốc gia. Nhưng kinh tế học không có chính trị không thể được biện minh, vì điều này sẽ khiến không thể ủng hộ những cách khác để xử lý các khía cạnh khác nhau của cuộc khủng hoảng hiện tại. Tư duy không dành chỗ cho mối quan tâm chân thành đối với môi trường cũng chính là tư duy không quan tâm đến sự hòa nhập của những thành viên dễ bị tổn thương nhất trong xã hội. Vì "mô hình hiện tại, với sự nhấn mạnh vào thành công và khả năng tự lực, dường như không ủng hộ việc đầu tư vào các nỗ lực giúp đỡ những người chậm chạp, yếu đuối hoặc kém tài năng tìm kiếm cơ hội trong cuộc sống".[139]

197. Điều cần thiết là một nền chính trị có tầm nhìn xa và có khả năng tiếp cận mới, toàn diện và liên ngành để xử lý các khía cạnh khác nhau của cuộc khủng hoảng. Thông thường, chính trị tự chịu trách nhiệm về sự mất uy tín mà nó phải chịu, do tham nhũng và không ban hành các chính sách công lành mạnh. Nếu ở một khu vực nhất định, nhà nước không thực hiện trách nhiệm của mình, một số nhóm doanh nghiệp có thể tiến lên dưới vỏ bọc là những nhà hảo tâm, nắm giữ quyền lực thực sự và coi mình được miễn trừ khỏi một số quy tắc nhất định, đến mức dung túng cho nhiều hình thức tội phạm có tổ chức, buôn người, buôn bán ma túy và bạo lực, tất cả đều trở nên rất khó để xóa bỏ. Nếu chính trị cho thấy mình không có khả năng phá vỡ một luận lý học lệch lạc như vậy và vẫn bị cuốn vào các cuộc thảo luận không quan trọng, chúng ta sẽ tiếp tục tránh phải đối diện với các vấn đề lớn của nhân loại. Một chiến lược thay đổi thực sự đòi hỏi phải suy nghĩ lại toàn bộ các quá trình, vì chỉ đưa vào một vài cân nhắc hời hợt về sinh thái học trong khi không đặt câu hỏi về luận lý học là nền tảng của nền văn hóa hiện tại là không đủ. Một nền chính trị lành mạnh cần có khả năng giải quyết thách thức này.

198. Chính trị và nền kinh tế có xu hướng đổ lỗi cho nhau khi nói đến đói nghèo và suy thoái môi trường. Hy vọng rằng họ có thể thừa nhận những sai lầm của chính mình và tìm ra các hình thức tương tác hướng đến lợi ích chung. Trong khi một số người chỉ quan tâm đến lợi ích tài chính, và những người khác thì quan tâm đến việc nắm giữ hoặc gia tăng quyền lực của họ, thì những gì chúng ta còn lại là xung đột hoặc thỏa thuận giả tạo, trong đó điều cuối cùng mà cả hai bên quan tâm là chăm sóc môi trường và bảo vệ những người dễ bị tổn thương nhất. Ở đây, chúng ta cũng thấy sự thật rằng "hợp nhất lớn hơn xung đột".[140]

V. CÁC TÔN GIÁO TRONG ĐỐI THOẠI VỚI KHOA HỌC

199. Không thể khẳng định rằng khoa học thực nghiệm cung cấp lời giải thích đầy đủ về sự sống, sự tương tác của mọi sinh vật và toàn bộ thực tại. Điều này sẽ vi phạm các giới hạn do chính phương pháp luận của nó áp đặt. Nếu chúng ta chỉ lý luận trong phạm vi giới hạn của phương pháp luận sau, thì sẽ không còn nhiều chỗ cho cảm quan thẩm mỹ, thi ca hoặc thậm chí là khả năng lý trí nắm bắt ý nghĩa và mục đích cuối cùng của mọi sự.[141] Tôi muốn nói thêm rằng "các tác phẩm cổ điển tôn giáo có thể chứng minh được ý nghĩa trong mọi thời đại; chúng có sức mạnh bền bỉ để mở ra những chân trời mới… Có hợp lý và sáng suốt không khi bác bỏ một số tác phẩm chỉ vì chúng xuất hiện trong bối cảnh tín ngưỡng tôn giáo?"[142] Sẽ khá đơn giản khi nghĩ rằng các nguyên tắc đạo đức tự biểu lộ hoàn toàn ở dạng trừu tượng, tách biệt khỏi bất cứ bối cảnh nào. Sự kiện chúng có thể được diễn đạt bằng ngôn ngữ tôn giáo cũng không làm giảm giá trị của chúng trong các cuộc tranh luận công khai. Các nguyên tắc đạo đức có khả năng được lý trí nắm bắt luôn có thể xuất hiện trở lại dưới nhiều hình thức khác nhau và được diễn đạt bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau, bao gồm cả ngôn ngữ tôn giáo.

200. Bất cứ giải pháp kỹ thuật nào mà khoa học tuyên bố đưa ra sẽ không có khả năng giải quyết các vấn đề nghiêm trọng của thế giới chúng ta nếu nhân loại mất đi la bàn, nếu chúng ta đánh mất động lực to lớn giúp chúng ta có thể sống hòa hợp, hy sinh và đối xử tốt với người khác. Bản thân những người có đức tin phải liên tục cảm thấy bị thách thức để sống theo cách phù hợp với đức tin của họ và không

mâu thuẫn với đức tin bằng hành động của họ. Họ cần được khuyến khích luôn mở lòng đón nhận ân sủng của Thiên Chúa và liên tục rút ra từ những niềm tin sâu sắc nhất của họ về tình yêu, công lý và hòa bình. Nếu đôi khi hiểu sai các nguyên tắc của chính mình khiến chúng ta biện minh cho việc đối xử tệ bạc với thiên nhiên, thực hiện sự chuyên chế đối với tạo thế, tham gia vào chiến tranh, bất công và hành vi bạo lực, thì chúng ta, các tín hữu, nên thừa nhận rằng khi làm như vậy, chúng ta đã không trung thành với kho tàng khôn ngoan mà chúng ta được kêu gọi bảo vệ và gìn giữ. Những hạn chế về văn hóa ở các thời đại khác nhau thường ảnh hưởng đến nhận thức về những kho tàng đạo đức và tinh thần này, nhưng bằng cách liên tục quay trở lại nguồn cội của chúng, các tôn giáo sẽ được trang bị tốt hơn để đáp ứng các nhu cầu ngày nay.

201. Phần lớn những người sống trên hành tinh của chúng ta đều tuyên bố là tín hữu. Điều này sẽ thúc đẩy các tôn giáo đối thoại với nhau vì mục đích bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ người nghèo và xây dựng mạng lưới tôn trọng và tình anh em. Đối thoại giữa các ngành khoa học khác nhau cũng cần thiết, vì mỗi ngành có xu hướng bị bó hẹp trong ngôn ngữ riêng của mình, trong khi sự chuyên môn hóa dẫn đến sự cô lập nhất định và tuyệt đối hóa lĩnh vực kiến thức của riêng mình. Điều này ngăn cản chúng ta đối diện với các vấn đề về môi trường một cách hữu hiệu. Một cuộc đối thoại cởi mở và tôn trọng cũng cần thiết giữa các phong trào sinh thái khác nhau, trong đó xung đột ý thức hệ không phải là hiếm gặp. Tính nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng sinh thái đòi hỏi tất cả chúng ta phải hướng đến lợi ích chung, bắt đầu một con đường đối thoại đòi hỏi sự kiên nhẫn, tự giác và rộng lượng, luôn ghi nhớ rằng "thực tại lớn hơn ý tưởng".[143]

CHƯƠNG SÁU
GIÁO DỤC VÀ LINH ĐẠO SINH THÁI

202. Nhiều thứ phải thay đổi hướng đi, nhưng trên hết, con người chúng ta là những người cần thay đổi. Chúng ta thiếu nhận thức về nguồn gốc chung, về sự gắn bó lẫn nhau và về tương lai chung của mọi người. Nhận thức cơ bản này sẽ giúp phát triển các niềm tin, thái độ và hình thức sống mới. Một thách thức lớn về văn hóa, tâm linh và giáo dục đang đặt ra trước mắt chúng ta, và nó sẽ đòi hỏi chúng ta phải bước đi trên con đường đổi mới lâu dài.

I. HƯỚNG ĐẾN MỘT PHONG CÁCH SỐNG MỚI

203. Vì thị trường có xu hướng thúc đẩy chủ nghĩa tiêu dùng cực đoan trong nỗ lực bán sản phẩm của mình, nên mọi người dễ bị cuốn vào vòng xoáy mua sắm và chi tiêu không cần thiết. Chủ nghĩa tiêu dùng cưỡng bức là một ví dụ về cách mô hình kinh tế kỹ thuật ảnh hưởng đến cá nhân. Romano Guardini đã lường trước điều này: "Những tiện ích và kỹ thuật mà mô hình sản xuất máy móc và kế hoạch trừu tượng áp đặt lên con người một cách đơn giản; chúng là những hình thức của chính cuộc sống. Ở mức độ lớn hơn hoặc nhỏ hơn, con người đại chúng tin rằng sự tuân thủ của mình là hợp lý và công bằng".[144] Mô hình này khiến mọi người tin rằng họ được tự do miễn là họ được tự do tiêu dùng. Nhưng những người thực sự tự do là thiểu số nắm giữ quyền lực kinh tế và tài chính. Trong bối cảnh hỗn loạn này, nhân loại hậu hiện đại vẫn chưa đạt được nhận thức mới về bản thân có khả năng đưa ra sự hướng dẫn và chỉ đạo, và sự thiếu bản sắc này là nguồn gốc của sự lo lắng. Chúng ta có quá nhiều phương tiện và chỉ có một vài mục đích không thực chất.

204. Tình hình hoàn cầu hiện nay tạo ra cảm giác bất ổn và không chắc chắn, đến lượt nó trở thành "môi trường cho sự ích kỷ tập thể".[145] Khi mọi người trở nên ích kỷ và khép kín, lòng tham của họ tăng lên. Trái tim của một người càng trống rỗng, thì người đó càng cần nhiều thứ để mua, sở hữu và tiêu thụ. Gần như không thể chấp nhận những giới hạn do thực tại áp đặt. Trong chân trời này, ý thức chân chính về ích chung cũng biến mất. Khi những thái độ này trở nên phổ biến hơn, các chuẩn mực xã

hội chỉ được tôn trọng ở mức độ chúng không xung đột với nhu cầu cá nhân. Vì vậy, mối quan tâm của chúng ta không thể chỉ giới hạn ở mối đe dọa của các sự kiện thời tiết khắc nghiệt, mà còn phải mở rộng đến hậu quả thảm khốc của tình trạng bất ổn xã hội. Sự ám ảnh với lối sống tiêu dùng, trên hết là khi ít người có khả năng duy trì lối sống đó, chỉ có thể dẫn đến bạo lực và hủy diệt lẫn nhau.

205. Tuy nhiên, không phải tất cả đều mất hết. Con người, mặc dù có khả năng làm điều tồi tệ nhất, cũng có khả năng vượt lên trên chính mình, lựa chọn lại điều gì là tốt và bắt đầu lại, bất chấp bị điều kiện hóa về mặt tinh thần và xã hội của họ. Chúng ta có thể nhìn nhận bản thân một cách trung thực, thừa nhận sự bất mãn sâu sắc của mình và bắt đầu những con đường mới hướng đến tự do đích thực. Không có hệ thống nào có thể hoàn toàn ngăn chặn sự cởi mở của chúng ta đối với những gì tốt đẹp, chân thực và tươi đẹp, hoặc khả năng do Thiên Chúa ban cho chúng ta để đáp lại ân sủng của Người đang hoạt động sâu trong trái tim chúng ta. Tôi kêu gọi mọi người trên khắp thế giới đừng quên phẩm giá này vốn là của chúng ta. Không ai có quyền tước đoạt nó khỏi chúng ta.

206. Một sự thay đổi trong lối sống có thể tạo ra áp lực lành mạnh lên những người nắm giữ quyền lực chính trị, kinh tế và xã hội. Đây chính là điều mà các phong trào người tiêu dùng đạt được bằng cách tẩy chay một số sản phẩm nhất định. Họ chứng minh được sự thành công trong việc thay đổi cách thức hoạt động của các doanh nghiệp, buộc họ phải xem xét dấu chân môi trường và mô hình sản xuất của mình. Khi áp lực xã hội ảnh hưởng đến thu nhập của họ, rõ ràng các doanh nghiệp phải tìm cách sản xuất khác đi. Điều này cho chúng ta thấy nhu cầu lớn về ý thức trách nhiệm xã hội của người tiêu dùng. “Mua sắm luôn là một hành động đạo đức – chứ không chỉ đơn thuần là kinh tế”.[146] Ngày nay, nói một cách ngắn gọn, “vấn đề suy thoái môi trường thách thức chúng ta phải xem xét lại lối sống của mình”. [147]

207. Hiến chương Trái đất yêu cầu chúng ta từ bỏ giai đoạn tự hủy diệt và bắt đầu lại, nhưng cho đến nay chúng ta vẫn chưa phát triển được nhận thức chung cần thiết để đạt được điều này. Ở đây, tôi muốn nhắc lại lời thách thức can đảm đó: “Như chưa bao giờ trong lịch sử, số phận chung thúc đẩy chúng ta tìm kiếm một khởi đầu mới… Hãy để thời đại của chúng ta được ghi nhớ vì sự thức tỉnh của lòng tôn kính mới đối với sự sống, quyết tâm vững chắc để đạt được sự bền vững, sự thúc đẩy cuộc đấu tranh cho công lý và hòa bình, và sự hân hoan chào đón sự sống”.[148]

208. Chúng ta luôn có khả năng thoát khỏi chính mình để hướng tới người khác. Nếu chúng ta không làm như vậy, các sinh vật khác sẽ không được công nhận về giá trị thực sự của chúng; chúng ta không quan tâm đến việc chăm sóc mọi sự vì lợi ích của người khác; chúng ta không đặt ra giới hạn cho bản thân để tránh sự đau khổ của người khác hoặc sự xuống cấp của môi trường xung quanh. Sự quan tâm vô tư đối với người khác và việc từ chối mọi hình thức ích kỷ và tự phụ là điều cần thiết nếu chúng ta thực sự muốn chăm sóc anh chị em mình và môi trường tự nhiên. Những thái độ này cũng giúp chúng ta điều chỉnh theo mệnh lệnh đạo đức là đánh giá tác động của mọi hành động và quyết định bản thân của chúng ta đối với thế giới xung quanh chúng ta. Nếu chúng ta có thể vượt qua chủ nghĩa cá nhân, chúng ta thực sự có thể phát triển một lối sống khác và mang lại những thay đổi đáng kể trong xã hội.

II. GIÁO DỤC VÌ GIAO ƯỚC GIỮA NHÂN LOẠI VÀ MÔI TRƯỜNG

209. Nhận thức về mức độ nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng văn hóa và sinh thái ngày nay phải được chuyển thành những thói quen mới. Nhiều người biết rằng sự tiến bộ hiện tại của chúng ta và việc chỉ tích lũy đồ đạc và thú vui là không đủ để mang lại ý nghĩa và niềm vui cho trái tim con người, nhưng họ cảm thấy không thể từ bỏ những gì thị trường đặt ra trước mắt họ. Ở những quốc gia đáng lẽ phải tạo ra những thay đổi lớn nhất trong thói quen tiêu dùng, những người trẻ tuổi có một sự nhạy cảm

sinh thái mới và một tinh thần hào phóng, và một số người trong số họ đang nỗ lực đáng ngưỡng mộ để bảo vệ môi trường. Đồng thời, họ lớn lên trong một môi trường cực kỳ tiêu dùng và giàu có khiến việc phát triển các thói quen khác trở nên khó khăn. Chúng ta đang phải đối diện với một thách thức về giáo dục.

210. Giáo dục môi trường đã mở rộng mục tiêu của mình. Trong khi ban đầu chủ yếu tập trung vào thông tin khoa học, nâng cao nhận thức và phòng ngừa rủi ro môi trường, thì giờ đây có xu hướng bao gồm cả việc phê phán những "huyền thoại" về một nền hiện đại dựa trên tư duy thực dụng (chủ nghĩa cá nhân, tiến bộ không giới hạn, cạnh tranh, chủ nghĩa tiêu dùng, thị trường không được kiểm soát). Nó cũng tìm cách khôi phục các bình diện khác nhau của sự cân bằng sinh thái, thiết lập sự hòa hợp trong chính chúng ta, với người khác, với thiên nhiên và các sinh vật sống khác, và với Thiên Chúa. Giáo dục môi trường nên tạo điều kiện để thực hiện bước nhảy vọt hướng tới sự siêu việt mang lại ý nghĩa sâu sắc nhất cho đạo đức sinh thái. Nó cần những nhà giáo dục có khả năng phát triển đạo đức sinh thái và giúp mọi người, thông qua phương pháp sư phạm hữu hiệu, phát triển trong tình liên đới, trách nhiệm và sự chăm sóc đầy lòng cảm thương.

211. Tuy nhiên, nền giáo dục này, nhằm mục đích tạo ra một "quyền công dân sinh thái", đôi khi chỉ giới hạn ở việc cung cấp thông tin và không thể truyền đạt những thói quen tốt. Sự hiện hữu của luật pháp và các quy định về lâu dài là không đủ để hạn chế hành vi xấu, ngay cả khi có các biện pháp thực thi hữu hiệu. Nếu luật pháp muốn mang lại những tác động lâu dài và đáng kể, thì phần lớn các thành viên trong xã hội phải có động lực đầy đủ để chấp nhận chúng và phải thay đổi bản thân để phản ứng. Chỉ bằng cách vun đắp những đức tính tốt đẹp, con người mới có thể thực hiện cam kết sinh thái vô vị kỷ. Một người có khả năng chi tiêu và tiêu dùng nhiều hơn nhưng thường xuyên sử dụng ít lò sưởi hơn và mặc quần áo ấm hơn, thể hiện loại niềm tin và thái độ giúp bảo vệ môi trường. Có một sự cao quý trong nghĩa vụ chăm sóc tạo thế thông qua những hành động nhỏ hàng ngày, và thật tuyệt vời khi giáo dục có thể mang lại những thay đổi thực sự trong lối sống. Giáo dục về trách nhiệm với môi trường có thể khuyến khích những cách hành động ảnh hưởng trực tiếp và đáng kể đến thế giới xung quanh chúng ta, chẳng hạn như tránh sử dụng nhựa và giấy, giảm lượng nước tiêu thụ, phân loại rác thải, chỉ nấu những gì có thể tiêu thụ hợp lý, thể hiện sự quan tâm đến các sinh vật sống khác, sử dụng phương tiện giao thông công cộng hoặc đi chung xe, trồng cây, tắt đèn không cần thiết hoặc bất cứ số lượng các hoạt động khác. Tất cả những điều này phản ảnh sự sáng tạo hào phóng và xứng đáng, mang lại những điều tốt nhất cho con người. Tái sử dụng một thứ gì đó thay vì vứt bỏ ngay lập tức, khi được thực hiện vì những lý do chính đáng, có thể là một hành động yêu thương thể hiện phẩm giá của chính chúng ta.

212. Chúng ta không được nghĩ rằng những nỗ lực này sẽ không thay đổi thế giới. Chúng mang lại lợi ích cho xã hội, thường là chúng ta không biết, vì chúng khơi dậy lòng tốt, mặc dù vô hình, nhưng chắc chắn có xu hướng lan tỏa. Hơn nữa, những hành động như vậy có thể khôi phục lại lòng tự trọng của chúng ta; chúng có thể giúp chúng ta sống trọn vẹn hơn và cảm thấy rằng cuộc sống trên trái đất này là đáng giá.

213. Giáo dục sinh thái có thể diễn ra trong nhiều bối cảnh khác nhau: ở trường học, trong gia đình, trên phương tiện truyền thông, trong giáo lý và những nơi khác. Giáo dục tốt gieo hạt giống khi chúng ta còn trẻ, và những hạt giống này tiếp tục đơm hoa kết trái trong suốt cuộc đời. Tuy nhiên, ở đây, tôi muốn nhấn mạnh đến tầm quan trọng to lớn của gia đình, đó là "nơi mà sự sống – món quà của Thiên Chúa – có thể được chào đón và bảo vệ đúng cách trước nhiều cuộc tấn công mà nó phải đối diện, và có thể phát triển theo những gì cấu thành nên sự phát triển đích thực của con người. Trước điều gọi là nền văn hóa chết chóc, gia đình là trái tim của nền văn hóa sự sống".[149] Trong gia đình, trước tiên chúng ta học cách biểu lộ tình yêu và sự tôn trọng đối với sự sống; chúng ta được dạy cách sử dụng

đúng đắn mọi thứ, trật tự và sạch sẽ, tôn trọng hệ sinh thái địa phương và chăm sóc mọi loài sinh vật. Trong gia đình, chúng ta nhận được một nền giáo dục toàn diện, giúp chúng ta phát triển hài hòa trong sự trưởng thành bản thân. Trong gia đình, chúng ta học cách yêu cầu mà không đòi hỏi, học cách nói "cảm ơn" như một biểu thức của lòng biết ơn chân thành đối với những gì chúng ta đã được ban tặng, học cách kiểm soát sự hung hăng và lòng tham của mình, và học cách xin lỗi khi chúng ta gây ra tổn hại. Những cử chỉ đơn giản của sự lịch sự chân thành này giúp tạo ra một nền văn hóa chung sống và tôn trọng môi trường xung quanh.

214. Các định chế chính trị và nhiều nhóm xã hội khác cũng được giao phó nhiệm vụ giúp nâng cao nhận thức của mọi người. Giáo hội cũng vậy. Tất cả các cộng đồng Kitô giáo đều có vai trò quan trọng trong giáo dục sinh thái. Tôi hy vọng rằng các chủng viện và nhà đào tạo của chúng ta sẽ cung cấp nền giáo dục về sự giản dị có trách nhiệm trong cuộc sống, về sự chiêm nghiệm biết ơn về thế giới của Thiên Chúa và về mối quan tâm đến nhu cầu của người nghèo và bảo vệ môi trường. Vì rủi ro rất cao, chúng ta cần các định chế có thẩm quyền áp dụng các hình phạt đối với thiệt hại gây ra cho môi trường. Nhưng chúng ta cũng cần những phẩm chất cá nhân về khả năng tự chủ và sẵn sàng học hỏi lẫn nhau.

215. Về khía cạnh này, "mối quan hệ giữa nền giáo dục thẩm mỹ tốt và việc duy trì môi trường lành mạnh không thể bị bỏ qua".[150] Bằng cách học cách nhìn nhận và đánh giá cao cái đẹp, chúng ta học cách từ chối chủ nghĩa thực dụng ích kỷ. Nếu ai đó chưa học cách dừng lại và chiêm ngưỡng một cái gì đó đẹp đẽ, chúng ta không nên ngạc nhiên nếu người đó coi mọi thứ như một vật thể để sử dụng và lạm dụng mà không có nguyên tắc. Nếu chúng ta muốn tạo ra sự thay đổi sâu sắc, chúng ta cần nhận ra rằng một số tư duy thực sự ảnh hưởng đến hành vi của chúng ta. Những nỗ lực giáo dục của chúng ta sẽ không đủ và không hiệu quả trừ khi chúng ta nỗ lực thúc đẩy một cách suy nghĩ mới về con người, cuộc sống, xã hội và mối quan hệ của chúng ta với thiên nhiên. Nếu không, mô hình duy tiêu thụ sẽ tiếp tục phát triển, với sự trợ giúp của phương tiện truyền thông và hoạt động cực kỳ hiệu quả của thị trường.

III. SỰ HOÁN CẢI SINH THÁI

216. Di sản phong phú của linh đạo Kitô giáo, thành quả của hai mươi thế kỷ kinh nghiệm bản thân và cộng đồng, có một đóng góp quý giá cho sự đổi mới của nhân loại. Ở đây, tôi muốn đưa ra cho các Ki-tô hữu một vài gợi ý về một linh đạo sinh thái dựa trên các xác tín của đức tin của chúng ta, vì những lời dạy của Tin mừng có hậu quả trực tiếp đến cách suy nghĩ, cảm nhận và sống của chúng ta. Hơn cả những ý tưởng hay khái niệm như vậy, tôi quan tâm đến cách mà một nền linh đạo như vậy có thể thúc đẩy chúng ta quan tâm nhiều hơn đến việc bảo vệ thế giới của chúng ta. Một cam kết cao cả như vậy không thể được duy trì chỉ bằng giáo lý, nếu không có một nền linh đạo có khả năng truyền cảm hứng cho chúng ta, nếu không có "động lực bên trong khuyến khích, thúc đẩy, nuôi dưỡng và mang lại ý nghĩa cho hoạt động bản thân và cộng đồng của chúng ta".[151] Phải thừa nhận rằng, các Kitô hữu không phải lúc nào cũng chiếm đoạt và phát triển các kho tàng thiêng liêng mà Thiên Chúa ban cho Giáo hội, nơi sự sống của tinh thần không tách biệt khỏi thể xác hay khỏi thiên nhiên hay khỏi thực tại thế gian, mà sống trong và với chúng, trong sự hiệp thông với tất cả những gì xung quanh chúng ta.

217. "Những sa mạc bên ngoài trên thế giới đang ngày càng lớn, bởi vì những sa mạc bên trong đã trở nên quá rộng lớn".[152] Vì lý do này, cuộc khủng hoảng sinh thái cũng là lời kêu gọi hoán cải nội tâm sâu sắc. Phải nói rằng một số Kitô hữu tận tụy và cầu nguyện, với cái cớ là chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa thực dụng, có xu hướng chế giễu những biểu thức quan tâm đến môi trường. Những người khác thì thụ động; họ chọn không thay đổi thói quen của mình và do đó trở nên không nhất quán. Vì vậy, tất cả những gì họ cần là một "sự hoán cải sinh thái", qua đó những tác động của cuộc gặp gỡ của họ với

Chúa Giêsu Kitô trở nên rõ ràng trong mối quan hệ của họ với thế giới xung quanh. Sống ơn gọi của chúng ta là người bảo vệ công trình của Thiên Chúa là điều cần thiết cho một cuộc sống nhân đức; nó không phải là một tùy chọn hoặc một khía cạnh thứ yếu của kinh nghiệm Kitô giáo của chúng ta.

218. Khi gợi nhớ đến hình ảnh của Thánh Phanxicô thành Assisi, chúng ta nhận ra rằng một mối quan hệ lành mạnh với tạo vật là một chiều kích của sự hoán cải bản thân tổng thể, bao gồm việc thừa nhận những lỗi lầm, tội lỗi, khuyết điểm và thất bại của chúng ta, và dẫn đến sự ăn năn chân thành và mong muốn thay đổi. Các giám mục Úc đã nói về tầm quan trọng của sự hoán cải như vậy để đạt được sự hòa giải với tạo vật: "Để đạt được sự hòa giải như vậy, chúng ta phải xem xét cuộc sống của mình và thừa nhận những cách mà chúng ta đã làm hại đến tạo thế của Thiên Chúa thông qua hành động của mình và sự thất bại của chúng ta trong việc hành động. Chúng ta cần trải nghiệm sự hoán cải, hoặc sự thay đổi của trái tim".[153]

219. Tuy nhiên, sự tự hoàn thiện bản thân sẽ không tự khắc phục được tình hình cực kỳ phức tạp mà thế giới chúng ta đang phải đối diện ngày nay. Những cá nhân bị cô lập có thể mất đi khả năng và sự tự do để thoát khỏi tư duy thực dụng, và cuối cùng trở thành nạn nhân của chủ nghĩa tiêu dùng phi đạo đức không có nhận thức xã hội hoặc sinh thái. Các vấn đề xã hội phải được giải quyết bằng các mạng lưới cộng đồng chứ không chỉ đơn thuần bằng tổng số việc làm tốt của cá nhân. Nhiệm vụ này "sẽ đặt ra những yêu cầu to lớn đối với con người đến mức họ không bao giờ có thể đạt được bằng sáng kiến cá nhân hoặc thậm chí bằng nỗ lực chung của những người đàn ông được nuôi dưỡng theo cách cá nhân chủ nghĩa. Công việc thống trị thế giới đòi hỏi sự kết hợp các kỹ năng và sự thống nhất về thành tích mà chỉ có thể phát triển từ một thái độ hoàn toàn khác".[154] Sự hoán cải sinh thái cần thiết để mang lại sự thay đổi lâu dài cũng là một sự hoán cải cộng đồng.

220. Sự hoán cải này đòi hỏi một số thái độ cùng nhau nuôi dưỡng tinh thần quan tâm quảng đại, đầy dịu dàng. Trước tiên, nó bao hàm lòng biết ơn và sự cho không, sự thừa nhận rằng thế giới là món quà yêu thương của Thiên Chúa, và chúng ta được kêu gọi âm thầm noi theo lòng quảng đại của Người trong sự hy sinh bản thân và các việc lành: "Đừng cho tay trái biết việc tay phải làm… và Cha của con, Đấng thấu suốt những gì kín đáo, sẽ trả công cho con" (Mt 6:3-4). Nó cũng bao hàm nhận thức đầy yêu thương rằng chúng ta không tách biệt khỏi các tạo vật khác, nhưng được kết hợp trong một sự hiệp thông hoàn vũ tuyệt vời. Là những người tin, chúng ta không nhìn thế giới từ bên ngoài mà từ bên trong, ý thức được những mối liên kết mà Chúa Cha đã liên kết chúng ta với mọi loài. Bằng cách phát triển các năng lực bản thân do Thiên Chúa ban tặng, một sự hoán cải sinh thái có thể truyền cảm hứng cho chúng ta sáng tạo hơn và nhiệt tình hơn trong việc giải quyết các vấn đề của thế giới và trong việc hiến dâng chính mình cho Thiên Chúa "như của lễ sống động, thánh thiện và đẹp lòng Người" (Rm 12:1). Chúng ta không hiểu sự vượt trội của mình là lý do cho vinh quang bản thân hay sự thống trị vô trách nhiệm, mà đúng hơn là một năng lực khác, đến lượt nó, đòi hỏi một trách nhiệm nghiêm túc xuất phát từ đức tin của chúng ta.

221. Nhiều niềm xác tín khác nhau về đức tin của chúng ta, được phát triển vào đầu Thông điệp này có thể giúp chúng ta làm phong phú thêm ý nghĩa của sự hoán cải này. Những điều này bao gồm nhận thức rằng mỗi tạo vật phản ánh một điều gì đó của Thiên Chúa và có một thông điệp để truyền đạt cho chúng ta, và sự an toàn rằng Chúa Kitô đã mang lấy thế giới vật chất này và giờ đây, đã phục sinh, hiện diện mật thiết với mỗi hữu thể, bao quanh nó bằng tình cảm của Người và thấm nhuần nó bằng ánh sáng của Người. Sau đó, cũng có sự thừa nhận rằng Thiên Chúa đã tạo ra thế giới, viết vào đó một trật tự và một động lực mà con người không có quyền bỏ qua. Chúng ta đọc trong Tin mừng rằng Chúa Giêsu nói về các loài chim trời rằng "không một con nào trong số chúng bị lãng quên trước mặt Thiên Chúa" (Lc 12:6). Vậy thì làm sao chúng ta có thể đối xử tệ bạc với chúng hoặc gây hại cho chúng? Tôi

yêu cầu tất cả các Kitô hữu hãy nhận ra và sống trọn vẹn chiều kích hoán cải này của mình. Mong rằng sức mạnh và ánh sáng của ân sủng mà chúng ta đã nhận được cũng được hiển hiện trong mối quan hệ của chúng ta với các tạo vật khác và với thế giới xung quanh chúng ta. Theo cách này, chúng ta sẽ giúp nuôi dưỡng tình huynh đệ cao cả đó với toàn thể tạo vật mà Thánh Phanxicô thành Assisi đã hiện thân một cách rạng rỡ.

IV. NIỀM VUI VÀ BÌNH AN

222. Linh đạo Kitô giáo đề xuất một cách hiểu khác về phẩm chất cuộc sống và khuyến khích một lối sống tiên tri và chiêm niệm, một lối sống có khả năng tận hưởng sâu sắc mà không bị ám ảnh bởi sự tiêu dùng. Chúng ta cần học một bài học cổ xưa, được tìm thấy trong các truyền thống tôn giáo khác nhau và cả trong Kinh thánh. Đó là niềm tin rằng "ít hơn là nhiều hơn". Một dòng hàng tiêu dùng mới liên tục có thể làm bối rối trái tim và ngăn cản chúng ta trân trọng từng thứ và từng khoảnh khắc. Việc hiện diện một cách thanh thản với từng thực tại, dù nhỏ bé đến đâu, cũng mở ra cho chúng ta những chân trời hiểu biết và hoàn thiện bản thân lớn hơn nhiều. Linh đạo Kitô giáo đề xuất một sự phát triển được đánh dấu bằng sự điều độ và khả năng hạnh phúc với những điều nhỏ bé. Đó là sự trở về với sự giản đơn cho phép chúng ta dừng lại và trân trọng những điều nhỏ nhặt, biết ơn những cơ hội mà cuộc sống mang lại cho chúng ta, tách biệt về mặt tinh thần khỏi những gì chúng ta sở hữu và không khuất phục trước nỗi buồn vì những gì chúng ta thiếu. Điều này ngụ ý tránh động lực thống trị và sự tích lũy đơn thuần của những thú vui.

223. Sự điều độ như vậy, khi được sống một cách tự do và có ý thức, sẽ mang tính giải phóng. Đó không phải là một cuộc sống kém cỏi hơn hay sống với ít cường độ hơn. Ngược lại, đó là một cách sống trọn vẹn. Thực thế, những người tận hưởng nhiều hơn và sống tốt hơn từng khoảnh khắc là những người đã từ bỏ việc sa đà vào đây đó, luôn tìm kiếm những gì họ không có. Họ trải nghiệm ý nghĩa của việc trân trọng từng người và từng vật, học cách làm quen với những điều đơn giản nhất và cách tận hưởng chúng. Vì vậy, họ có thể từ bỏ những nhu cầu chưa được thỏa mãn, giảm bớt sự ám ảnh và mệt mỏi của mình. Ngay cả khi sống với ít tiền, họ vẫn có thể sống rất nhiều, nhất là khi họ vun đắp những thú vui khác và tìm thấy sự thỏa mãn trong các cuộc gặp gỡ anh em, trong việc phục vụ, trong việc phát triển các năng khiếu của mình, trong âm nhạc và nghệ thuật, trong việc tiếp xúc với thiên nhiên, trong lời cầu nguyện. Hạnh phúc có nghĩa là biết cách hạn chế một số nhu cầu chỉ làm chúng ta suy yếu, và cởi mở với nhiều khả năng thể khác mà cuộc sống có thể mang lại.

224. Điều độ và khiêm nhường không được đánh giá cao trong thế kỷ trước. Tuy nhiên, khi có sự suy sụp tổng quát trong việc thực hành một đức tính nào đó trong đời sống bản thân và xã hội, thì cuối cùng nó sẽ gây ra một số mất cân bằng, bao gồm cả mất cân bằng về môi trường. Đó là lý do tại sao không còn đủ để chỉ nói về tính toàn vẹn của các hệ sinh thái. Chúng ta phải dám nói về tính toàn vẹn của cuộc sống con người, về nhu cầu thúc đẩy và thống nhất tất cả các giá trị lớn. Một khi chúng ta mất đi sự khiêm nhường và bị cuốn hút bởi khả thể làm chủ vô hạn đối với mọi thứ, thì cuối cùng chúng ta sẽ gây hại cho xã hội và môi trường. Thật không dễ để thúc đẩy loại khiêm nhường lành mạnh hay sự điều độ hạnh phúc này khi chúng ta coi mình là tự chủ, khi chúng ta loại trừ Thiên Chúa khỏi cuộc sống của mình hoặc thay thế Người bằng chính cái tôi của mình, và nghĩ rằng cảm xúc chủ quan của chúng ta có thể xác định điều gì là đúng và điều gì là sai.

225. Mặt khác, không ai có thể vun đắp một cuộc sống điều độ và thỏa mãn nếu không có sự bình yên với chính mình. Một sự hiểu biết đầy đủ về linh đạo bao gồm việc lấp đầy những gì chúng ta muốn nói đến bằng hòa bình, điều này còn hơn cả sự vắng bóng của chiến tranh. Hòa bình nội tâm có liên quan

chặt chẽ đến việc chăm sóc hệ sinh thái và lợi ích chung vì khi được sống một cách chân thực, nó được phản ảnh trong một lối sống cân bằng cùng với khả năng ngạc nhiên đưa chúng ta đến với sự hiểu biết sâu sắc hơn về cuộc sống. Thiên nhiên chứa đầy những lời yêu thương, nhưng làm sao chúng ta có thể lắng nghe chúng giữa tiếng ồn liên tục, những sự xao lãng vô tận và gây căng thẳng, hoặc sự sùng bái vẻ bề ngoài? Nhiều người ngày nay cảm thấy mất cân bằng sâu xa khiến họ hoạt động điên cuồng và khiến họ cảm thấy bận rộn, luôn vội vã, điều này khiến họ chà đạp lên mọi thứ xung quanh. Điều này cũng ảnh hưởng đến cách họ đối xử với môi trường. Một hệ sinh thái toàn diện bao gồm việc dành thời gian để phục hồi sự hòa hợp thanh thản với tạo vật, suy gẫm về lối sống và lý tưởng của chúng ta, và chiêm niệm Đấng Tạo Hóa sống giữa chúng ta và bao quanh chúng ta, Đấng hiện diện "không phải là tạo ra nhưng phải tìm thấy, phải khám phá". [155]

226. Chúng ta đang nói đến thái độ của trái tim, một thái độ tiếp cận cuộc sống với sự chú ý thanh thản, có khả năng hiện diện hoàn toàn với ai đó mà không nghĩ đến điều gì sẽ xảy ra tiếp theo, chấp nhận từng khoảnh khắc như một món quà từ Thiên Chúa để sống trọn vẹn. Chúa Giêsu đã dạy chúng ta thái độ này khi Người mời chúng ta chiêm ngưỡng những bông hoa huệ ngoài đồng và những chú chim trên trời, hoặc khi nhìn thấy chàng thanh niên giàu có và biết được sự bồn chồn của anh ta, "Người nhìn anh ta với tình yêu thương" (Mc 10:21). Người hoàn toàn hiện diện với mọi người và mọi vật, và theo cách này, Người đã chỉ cho chúng ta cách để vượt qua nỗi lo lắng không lành mạnh khiến chúng ta trở thành những người tiêu dùng hời hợt, hung hăng và vọng động.

227. Một biểu thức của thái độ này là khi chúng ta dừng lại và tạ ơn Thiên Chúa trước và sau bữa ăn. Tôi yêu cầu tất cả những người tin hãy quay trở lại với phong tục đẹp đẽ và ý nghĩa này. Khoảnh khắc xin ban phước đó, dù ngắn ngủi, nhắc nhở chúng ta về sự phụ thuộc của mình vào Thiên Chúa để sống; nó củng cố cảm thức biết ơn của chúng ta đối với những món quà tạo thế; nó ghi nhận những người đã lao động để cung cấp cho chúng ta những thứ này; và nó khẳng định lại tình liên đới của chúng ta với những người đang cần nhất.

V. TÌNH YÊU CÔNG DÂN VÀ CHÍNH TRỊ

228. Chăm sóc thiên nhiên là một phần của lối sống bao gồm khả năng chung sống và hiệp thông. Chúa Giêsu nhắc nhở chúng ta rằng chúng ta có Thiên Chúa là Cha chung và điều này khiến chúng ta trở thành anh chị em. Tình yêu thương huynh đệ chỉ có thể là nhưng không; nó không bao giờ có thể là phương tiện để đền đáp người khác vì những gì họ đã làm hoặc sẽ làm cho chúng ta. Đó là lý do tại sao chúng ta có thể yêu kẻ thù của mình. Cũng chính sự nhưng không này truyền cảm hứng cho chúng ta yêu thương và chấp nhận gió, mặt trời và những đám mây, mặc dù chúng ta không thể kiểm soát chúng. Theo nghĩa này, chúng ta có thể nói về một "tình huynh đệ phổ quát".

229. Chúng ta phải lấy lại niềm tin rằng chúng ta cần nhau, rằng chúng ta có trách nhiệm chung đối với người khác và thế giới, và rằng việc trở nên tốt và đàng hoàng là điều đáng giá. Chúng ta đã quá chán ngán sự vô đạo đức và sự chế giễu đạo đức, lòng tốt, đức tin và sự trung thực. Đã đến lúc phải thừa nhận rằng sự hời hợt vô tâm không mang lại lợi ích gì cho chúng ta. Khi nền tảng của đời sống xã hội bị xói mòn, những gì xảy ra sau đó là những cuộc chiến vì lợi ích xung đột, những hình thức bạo lực và tàn bạo mới, và những trở ngại đối với sự phát triển của một nền văn hóa chăm sóc môi trường thực sự.

230. Thánh Teresa thành Lisieux mời gọi chúng ta thực hành con đường nhỏ bé của tình yêu, không bỏ lỡ một lời nói tử tế, một nụ cười hay bất cứ cử chỉ nhỏ nào gieo mầm hòa bình và tình bạn. Một hệ sinh thái toàn diện cũng bao gồm những cử chỉ đơn giản hàng ngày phá vỡ luận lý học về bạo lực, bóc lột và

ích kỷ. Cuối cùng, một thế giới tiêu thụ quá mức đồng thời cũng là một thế giới đối xử tệ bạc với sự sống dưới mọi hình thức.

231. Tình yêu, tràn đầy những cử chỉ nhỏ bé của sự quan tâm lẫn nhau, cũng mang tính dân sự và chính trị, và nó tự làm cho nó được cảm nhận trong mọi hành động tìm cách xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn. Tình yêu đối với xã hội và cam kết vì ích chung là những biểu thức nổi bật của một lòng bác ái không chỉ ảnh hưởng đến các mối quan hệ giữa các cá nhân mà còn ảnh hưởng đến "các mối quan hệ vĩ mô, xã hội, kinh tế và chính trị".[156] Đó là lý do tại sao Giáo hội đặt ra trước thế giới lý tưởng về một "nền văn minh tình yêu".[157] Tình yêu xã hội là chìa khóa cho sự phát triển đích thực: "Để làm cho xã hội nhân bản hơn, xứng đáng hơn với con người, tình yêu trong đời sống xã hội – chính trị, kinh tế và văn hóa – phải được dành cho một giá trị mới, trở thành chuẩn mực liên tục và cao nhất cho mọi hoạt động".[158] Trong khuôn khổ này, cùng với tầm quan trọng của những cử chỉ nhỏ bé hàng ngày, tình yêu xã hội thúc đẩy chúng ta thiết kế các chiến lược ngăn chặn sự suy thoái môi trường và khuyến khích một "nền văn hóa chăm sóc" thấm nhuần vào toàn xã hội. Khi chúng ta cảm thấy rằng Thiên Chúa đang kêu gọi chúng ta can thiệp với người khác trong các động lực xã hội này, chúng ta nên nhận ra rằng đây cũng là một phần trong linh đạo của chúng ta, đó là một hoạt động từ thiện và như vậy, giúp chúng ta trưởng thành và được thánh hóa.

232. Không phải ai cũng được kêu gọi tham gia trực tiếp vào đời sống chính trị. Xã hội cũng được làm giàu thêm bởi vô số tổ chức hoạt động để thúc đẩy ích chung và bảo vệ môi trường, dù là tự nhiên hay đô thị. Ví dụ, một số tổ chức thể hiện sự quan tâm đến một nơi công cộng (một tòa nhà, một đài phun nước, một tượng đài bị bỏ hoang, một cảnh quan, một quảng trường) và nỗ lực bảo vệ, khôi phục, cải thiện hoặc làm đẹp nơi đó như một thứ gì đó thuộc về mọi người. Xung quanh những hành động cộng đồng này, các mối quan hệ phát triển hoặc được phục hồi và một cấu trúc xã hội mới xuất hiện. Do đó, một cộng đồng có thể thoát khỏi sự thờ ơ do chủ nghĩa tiêu dùng gây ra. Những hành động này nuôi dưỡng một bản sắc chung, với một câu chuyện có thể được ghi nhớ và truyền lại. Theo cách này, thế giới và phẩm chất cuộc sống của những người nghèo nhất được chăm sóc, với cảm thức liên đới đồng thời nhận thức rằng chúng ta đang sống trong một ngôi nhà chung mà Thiên Chúa đã giao phó cho chúng ta. Những hành động cộng đồng này, khi chúng phát biểu tình yêu tự hiến, cũng có thể trở thành những trải nghiệm tâm linh sâu sắc.

VI. CÁC DẤU HIỆU BÍ TÍCH VÀ CỬ HÀNH NGHỈ NGƠI

233. Vũ trụ mở ra trong Thiên Chúa, Đấng lấp đầy nó hoàn toàn. Do đó, có một ý nghĩa huyền bí có thể tìm thấy trong một chiếc lá, trong một con đường mòn trên núi, trong một giọt sương, trên khuôn mặt của một người nghèo.[159] Lý tưởng không chỉ là đi từ bên ngoài vào bên trong để khám phá hành động của Thiên Chúa trong tâm hồn, mà còn khám phá Thiên Chúa trong mọi sự. Thánh Bonaventura dạy chúng ta rằng "sự chiêm niệm sẽ sâu sắc hơn khi chúng ta cảm nhận được sự hoạt động của ân sủng Thiên Chúa trong trái tim mình, và chúng ta học cách gặp gỡ Thiên Chúa trong các tạo vật bên ngoài chúng ta tốt hơn".[160]

234. Thánh Gioan Thánh Giá dạy rằng mọi điều thiện hảo hiện diện trong các thực tại và kinh nghiệm của thế giới này "đều hiện diện trong Thiên Chúa một cách cao cả và vô hạn, hay nói đúng hơn, trong mỗi thực tại cao cả này là Thiên Chúa".[161] Điều này không phải vì những điều hữu hạn của thế giới này thực sự là thần linh, mà vì nhà huyền nhiệm trải nghiệm mối liên hệ mật thiết giữa Thiên Chúa và mọi hữu thể, và do đó cảm thấy rằng "mọi sự đều là Thiên Chúa".[162] Đứng trước một ngọn núi, người ấy không thể tách biệt kinh nghiệm này khỏi Thiên Chúa, và nhận ra rằng sự kinh ngạc bên trong đang được trải nghiệm phải được phó trao cho ThiênChúa: "Núi có chiều cao và chúng rất nhiều, rộng

lớn, đẹp đẽ, duyên dáng, sáng sủa và thơm ngát. Những ngọn núi này là những gì Người Yêu của tôi đối với tôi. Những thung lũng cô đơn thì yên tĩnh, dễ chịu, mát mẻ, râm mát và chảy đầy nước ngọt; trong sự đa dạng của những lùm cây và trong tiếng hót ngọt ngào của những chú chim, chúng mang đến sự giải trí dồi dào và thích thú cho các giác quan, và trong sự cô tịch và im lặng của chúng, chúng làm tươi mới chúng ta và mang lại sự nghỉ ngơi. Những thung lũng này là những gì Người Yêu của tôi đối với tôi". [163]

235. Các Bí tích là một cách đặc ân mà Thiên Chúa sử dụng thiên nhiên để trở thành phương tiện trung gian cho sự sống siêu nhiên. Qua sự thờ phượng Thiên Chúa, chúng ta được mời gọi ôm lấy thế giới ở một bình diện khác. Nước, dầu, lửa và màu sắc được sử dụng trong tất cả sức mạnh biểu tượng của chúng và được kết hợp trong hành động ngợi khen của chúng ta. Bàn tay ban phước là khí cụ của tình yêu Thiên Chúa và là sự phản ảnh sự gần gũi của Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã đến để đồng hành với chúng ta trên hành trình cuộc sống. Nước đổ trên thân thể của một đứa trẻ trong Bí tích Rửa tội là dấu chỉ của sự sống mới. Gặp gỡ Thiên Chúa không có nghĩa là chạy trốn khỏi thế giới này hoặc quay lưng lại với thiên nhiên. Điều này đặc biệt rõ ràng trong linh đạo Kitô giáo Đông phương. "Vẻ đẹp, ở phương Đông là một trong những cái tên được yêu thích nhất diễn tả sự hòa hợp thần linh và mô hình của nhân loại được biến đổi, xuất hiện ở khắp mọi nơi: trong hình dạng của một nhà thờ, trong âm thanh, trong màu sắc, trong ánh sáng, trong hương thơm".[164] Đối với những người Kitô hữu, mọi tạo vật của vũ trụ vật chất đều tìm thấy ý nghĩa thực sự của chúng trong Ngôi Lời nhập thể, vì Con Thiên Chúa đã kết hợp vào con người của Người một phần của thế giới vật chất, gieo vào đó một hạt giống của sự biến đổi dứt khoát. "Kitô giáo không bác bỏ vật chất. Đúng hơn, tính xác thịt được xem xét trong tất cả giá trị của nó trong hành vi phụng vụ, qua đó thân xác con người được tiết lộ trong bản chất bên trong của nó như là đền thờ của Chúa Thánh Thần và được kết hợp với Chúa Giêsu, chính Người đã mặc lấy một thân xác để cứu rỗi thế giới". [165]

236. Chính trong Bí tích Thánh Thể, tất cả những gì đã được tạo ra tìm thấy sự tôn vinh lớn nhất của nó. Ân sủng, có xu hướng thể hiện một cách hữu hình, đã tìm thấy sự biểu lộ không gì sánh bằng khi chính Thiên Chúa trở thành con người và hiến mình làm lương thực cho các tạo vật của Người. Chúa, trong đỉnh cao của mầu nhiệm Nhập thể, đã chọn cách tiếp cận chiều sâu thân mật của chúng ta thông qua một mảnh vật chất. Người không đến từ trên cao, nhưng từ bên trong, Người đến để chúng ta có thể tìm thấy Người trong thế giới này của chúng ta. Trong Bí tích Thánh Thể, sự viên mãn đã đạt được; đó là trung tâm sống độngе của vũ trụ, là cốt lõi tràn đầy tình yêu và sự sống vô tận. Được kết hợp với Chúa Con nhập thể, hiện diện trong Bí tích Thánh Thể, toàn thể vũ trụ tạ ơn Thiên Chúa. Thật vậy, Bí tích Thánh Thể tự nó là một hành động của tình yêu vũ trụ: "Vâng, vũ trụ! Bởi vì ngay cả khi được cử hành trên bàn thờ khiêm nhường của một nhà thờ nông thôn, Bí tích Thánh Thể luôn luôn được cử hành theo một cách nào đó trên bàn thờ của thế giới".[166] Bí tích Thánh Thể kết nối trời và đất; nó ôm trọn và thấm nhập vào toàn thể tạo vật. Thế giới được tạo ra từ bàn tay Thiên Chúa trở về với Người trong sự tôn thờ đầy ơn phúc và không chia cắt: trong bánh Thánh Thể, "tạo vật được hướng đến sự thần thánh hóa, hướng đến tiệc cưới thánh, hướng đến sự hiệp nhất với chính Đấng Tạo Hóa".[167] Vì vậy, Bí tích Thánh Thể cũng là nguồn ánh sáng và động lực cho mối quan tâm của chúng ta đối với môi trường, hướng chúng ta trở thành người quản lý toàn thể tạo vật.

237. Vào Chúa Nhật, việc chúng ta tham gia Bí tích Thánh Thể có tầm quan trọng đặc biệt. Chúa Nhật, giống như ngày Sa-bát của người Do Thái, được coi là ngày chữa lành mối quan hệ của chúng ta với Chúa, với chính mình, với người khác và với thế giới. Chúa Nhật là ngày Phục sinh, "ngày đầu tiên" của công trình sáng tạo mới, với hoa trái đầu mùa là nhân loại phục sinh của Chúa, lời hứa về sự biến hình cuối cùng của toàn bộ thực tại được tạo ra. Nó cũng tuyên bố "sự nghỉ ngơi vĩnh cửu của con người trong Chúa".[168] Theo cách này, linh đạo Kitô giáo kết hợp giá trị của sự thư giãn và lễ hội.

Chúng ta có xu hướng hạ thấp sự nghỉ ngơi chiêm nghiệm như một điều gì đó không hiệu quả và không cần thiết, nhưng điều này làm mất đi chính điều quan trọng nhất của công việc: ý nghĩa của nó. Chúng ta được kêu gọi đưa vào công việc của mình một chiều kích tiếp thu và cho không, hoàn toàn khác với sự không hoạt động đơn thuần. Đúng hơn, đó là một cách làm việc khác, tạo nên một phần bản chất của chúng ta. Nó bảo vệ hành động của con người khỏi trở thành chủ nghĩa hoạt động trống rỗng; nó cũng ngăn chặn lòng tham vô độ và cảm giác cô lập khiến chúng ta tìm kiếm lợi ích cá nhân mà gây tổn hại đến mọi thứ khác. Luật nghỉ ngơi hàng tuần cấm làm việc vào ngày thứ bảy, "để bò và lừa của ngươi được nghỉ ngơi, và con trai của người hầu gái và người ngoại kiều được tươi tỉnh" (Xh 23:12). Nghỉ ngơi mở mắt chúng ta ra bức tranh toàn cảnh và giúp chúng ta nhạy cảm hơn với quyền lợi của người khác. Và vì vậy, ngày nghỉ ngơi, tập trung vào Bí tích Thánh Thể, soi sáng toàn bộ tuần lễ và thúc đẩy chúng ta quan tâm nhiều hơn đến thiên nhiên và người nghèo.

VII. BA NGÔI VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC THỤ TẠO

238. Chúa Cha là nguồn gốc tối thượng của mọi sự, là nền tảng yêu thương và tự giao tiếp của mọi thứ hiện hữu. Chúa Con, sự phản chiếu của Người, qua Người mà mọi vật được tạo dựng, đã kết hợp chính mình với trái đất này khi Người được hình thành trong lòng Đức Maria. Chúa Thánh Thần, mối dây liên kết tình yêu vô hạn, hiện diện mật thiết tại chính trung tâm của vũ trụ, truyền cảm hứng và mang đến những con đường mới. Thế giới được tạo ra bởi Ba Ngôi hoạt động như một nguyên lý thần linh duy nhất, nhưng mỗi Ngôi thực hiện công việc chung này theo đặc tính bản vị của riêng mình. Do đó, "khi chúng ta chiêm ngưỡng vũ trụ với sự ngạc nhiên trong tất cả sự hùng vĩ và vẻ đẹp của nó, chúng ta phải ca ngợi toàn thể Ba Ngôi". [169]

239. Đối với các Ki-tô hữu, việc tin vào một Thiên Chúa, vốn là sự hiệp thông Ba Ngôi, cho thấy rằng Ba Ngôi đã để lại dấu ấn của mình trên toàn bộ tạo vật. Thánh Bonaventura đã đi xa hơn khi nói rằng con người, trước khi phạm tội, đã có thể thấy mỗi tạo vật "làm chứng rằng Thiên Chúa là ba". Sự phản chiếu của Ba Ngôi đã có ở đó để được nhận ra trong thiên nhiên "khi cuốn sách đó được mở ra cho con người và đôi mắt của chúng ta chưa trở nên tối tăm". [170] Vị thánh dòng Phanxicô này dạy chúng ta rằng mỗi tạo vật mang trong mình một cấu trúc chuyên biệt Ba Ngôi, rất thực đến nỗi có thể dễ dàng chiêm ngưỡng chỉ cần cái nhìn của con người không quá cụ bộ (partial), tối tăm và mong manh. Theo cách này, ngài chỉ ra cho chúng ta thách thức khi cố gắng đọc thực tại theo chìa khóa Ba Ngôi.

240. Các Ngôi vị thần linh là những mối quan hệ tồn hữu, và thế giới, được tạo ra theo mô hình thần linh, là một mạng lưới các mối quan hệ. Các tạo vật hướng về Thiên Chúa, và ngược lại, mọi sinh vật đều có xu hướng hướng về những thứ khác, để trong khắp vũ trụ, chúng ta có thể tìm thấy bất cứ số lượng mối quan hệ liên tục và đan xen một cách bí mật nào.[171] Điều này không những dẫn chúng ta đến chỗ kinh ngạc trước những mối liên hệ đa dạng hiện hữu giữa các tạo vật, mà còn khám phá ra chìa khóa để thành toàn bản thân. Con người ngày càng phát triển, trưởng thành hơn và được thánh hóa hơn khi họ bước vào các mối quan hệ, thoát khỏi chính mình để sống hiệp thông với Thiên Chúa, với tha nhân và với mọi tạo vật. Theo cách này, họ tạo ra động lực Ba Ngôi mà Thiên Chúa đã in sâu vào họ khi họ được tạo dựng. Mọi thứ đều được kết nối với nhau, và điều này mời gọi chúng ta phát triển một linh đạo liên đới hoàn cầu bắt nguồn từ mầu nhiệm Ba Ngôi.

VIII. NỮ VƯƠNG CỦA MỌI TẠO THỂ

241. Đức Maria, Người Mẹ đã chăm sóc Chúa Giêsu, giờ đây chăm sóc thế giới bị tổn thương này bằng tình mẫu tử và nỗi đau. Cũng như trái tim bị đâm thâu của Mẹ than khóc cái chết của Chúa Giêsu, giờ đây Mẹ đau buồn vì những đau khổ của những người nghèo bị đóng đinh và vì các tạo vật trên thế giới

này bị quyền lực của con người làm thành rác thải. Hoàn toàn hiển dung, giờ đây Mẹ sống với Chúa Giêsu, và mọi tạo vật đều ca ngợi sự xinh đẹp của Mẹ. Mẹ là Người Phụ Nữ, "mặc áo mặt trời, chân đạp mặt trăng, đầu đội triều thiên mười hai ngôi sao" (Kh 12:1). Được đưa lên trời, Mẹ là Mẹ và Nữ Vương của toàn thể tạo thế. Trong thân xác vinh quang của Mẹ, cùng với Chúa Kitô Phục sinh, một phần của tạo vật đã đạt đến vẻ đẹp viên mãn của mình. Mẹ trân trọng toàn bộ cuộc đời của Chúa Giêsu trong trái tim mình (x. Lc 2:19,51), và giờ đây hiểu được ý nghĩa của mọi sự. Do đó, chúng ta có thể cầu xin Mẹ giúp chúng ta nhìn thế giới này bằng con mắt khôn ngoan.

242. Bên cạnh Mẹ trong Thánh Gia Nadarét, có hình ảnh Thánh Giuse. Qua công việc và sự hiện diện quảng đại của mình, ngài đã chăm sóc và bảo vệ Đức Maria và Chúa Giêsu, giải thoát các vị khỏi bạo lực của những kẻ bất công bằng cách đưa các vị đến Ai Cập. Tin mừng mô tả Thánh Giuse như một người công chính, chăm chỉ và mạnh mẽ. Nhưng ngài cũng biểu lộ sự dịu dàng lớn lao, không phải là dấu hiệu của kẻ yếu đuối mà là của những người thực sự mạnh mẽ, nhận thức đầy đủ về thực tại và sẵn sàng yêu thương và phục vụ trong sự khiêm nhường. Đó là lý do tại sao ngài được tuyên bố là người bảo vệ Giáo hội hoàn vũ. Ngài cũng có thể dạy chúng ta cách biểu lộ sự quan tâm; ngài có thể truyền cảm hứng cho chúng ta làm việc với sự quảng đại và dịu dàng để bảo vệ thế giới mà Thiên Chúa đã giao phó cho chúng ta này.

IX. QUÁ BÊN KIA MẶT TRỜI

243. Cuối cùng, chúng ta sẽ thấy mình đối diện với vẻ đẹp vô hạn của Thiên Chúa (x. 1 Cr 13:12), và có thể đọc được, với sự ngưỡng mộ và hạnh phúc, mầu nhiệm của vũ trụ, nơi sẽ cùng chúng ta chia sẻ sự viên mãn vô tận. Ngay bây giờ, chúng ta đang hành trình hướng đến ngày sa-bát của cõi vĩnh hằng, thành Giêrusalem mới, hướng đến ngôi nhà chung của chúng ta trên thiên đàng. Chúa Giêsu nói: "Ta làm cho mọi sự trở nên mới" (Kh 21:5). Cuộc sống vĩnh cửu sẽ là một trải nghiệm chung về sự kinh ngạc, trong đó mỗi tạo vật, được biến đổi rực rỡ, sẽ chiếm lấy vị trí xứng đáng của mình và có điều gì đó để trao tặng những người đàn ông và đàn bà tội nghiệp đã được giải thoát một lần và mãi mãi.

244. Trong khi đó, chúng ta cùng nhau tiếp quản ngôi nhà này đã được giao phó cho chúng ta, biết rằng mọi điều tốt đẹp hiện hữu ở đây sẽ được đưa vào bữa tiệc trên thiên đàng. Trong sự hiệp nhất với tất cả các tạo vật, chúng ta hành trình qua vùng đất này để tìm kiếm Thiên Chúa, vì "nếu thế giới có khởi đầu và nếu nó đã được tạo ra, chúng ta phải tìm hiểu xem ai đã ban cho nó khởi đầu này và ai là Đấng Tạo Hóa". [172] Chúng ta hãy hát khi chúng ta bước đi. Mong rằng những cuộc đấu tranh và mối quan tâm của chúng ta đối với hành tinh này không bao giờ lấy đi niềm vui hy vọng của chúng ta.

245. Thiên Chúa, Đấng kêu gọi chúng ta cam kết quảng đại và trao cho Người tất cả những gì chúng ta có, ban cho chúng ta ánh sáng và sức mạnh cần thiết để tiếp tục trên con đường của mình. Trong trái tim của thế giới này, Chúa của sự sống, Đấng yêu thương chúng ta rất nhiều, luôn hiện diện. Người không bỏ rơi chúng ta, Người không để chúng ta đơn độc, vì Người đã kết hợp chính Người một cách dứt khoát với trái đất của chúng ta, và tình yêu của Người liên tục thúc đẩy chúng ta tìm ra những con đường mới để tiến về phía trước. Ngợi khen Người!

* * * * *

246. Khi kết thúc bài suy tư dài này, vừa vui mừng vừa lo lắng, tôi đề nghị rằng chúng ta hãy dâng hai lời cầu nguyện. Lời đầu tiên, chúng ta có thể chia sẻ với tất cả những ai tin vào một Thiên Chúa, vốn là Đấng Tạo Hóa toàn năng, trong khi trong lời kia, chúng ta, các Ki-tô hữu, xin được linh hứng để thực hiện cam kết đối với sáng thế mà Tin mừng của Chúa Giêsu đã soạn ra cho chúng ta.

Một lời cầu nguyện cho trái đất của chúng ta

Lạy Thiên Chúa toàn năng, Chúa hiện diện trong toàn thể vũ trụ
và trong những tạo vật nhỏ bé nhất của Chúa.

Chúa ôm ấp bằng sự dịu dàng của Chúa tất cả những gì hiện hữu.
Xin đổ tràn trên chúng con sức mạnh tình yêu của Chúa,
để chúng con có thể bảo vệ sự sống và vẻ đẹp.

Xin đổ đầy bình an cho chúng con, để chúng con có thể sống
như anh chị em, không làm hại ai.

Lạy Thiên Chúa của người nghèo,
xin giúp chúng con cứu giúp những người bị bỏ rơi và lãng quên trên trái đất này,
thật quý giá trong mắt Chúa.
Xin mang lại sự chữa lành cho cuộc sống của chúng con,
để chúng con có thể bảo vệ thế giới và không săn mồi trên đó,
để chúng con có thể gieo rắc vẻ đẹp, không phải ô nhiễm và hủy diệt.

Xin đánh động trái tim
của những người chỉ tìm kiếm lợi nhuận
bằng cái giá phải trả là người nghèo và trái đất.

Xin dạy chúng con khám phá giá trị của mọi thứ,
tràn ngập sự kính sợ và chiêm niệm,
nhận ra rằng chúng con hiệp nhất sâu sắc
với mọi tạo vật
khi chúng con hành trình hướng tới ánh sáng vô hạn của Chúa.

Chúng con cảm tạ Chúa đã ở bên chúng con mỗi ngày.

Xin khích lệ chúng con, chúng con cầu nguyện, trong cuộc đấu tranh
cho công lý, tình yêu và hòa bình.

Một lời cầu nguyện của Ki-tô hữu trong sự hiệp nhất với tạo vật

Lạy Cha, chúng con ngợi khen Cha cùng với tất cả các tạo vật của Cha.
Chúng sinh ra từ bàn tay toàn năng của Cha;
chúng thuộc về Cha, tràn đầy sự hiện diện và tình yêu thương dịu dàng của Cha.
Ngợi khen Cha!

Lạy Con Thiên Chúa, lạy Chúa Giêsu,
qua Chúa, mọi vật được tạo thành.

Chúa được hình thành trong lòng Đức Maria, Mẹ chúng con,
Chúa đã trở thành một phần của trái đất này,
và Chúa đã nhìn thế giới này bằng đôi mắt của con người.

Hôm nay, Chúa sống trong mọi loài thụ tạo
trong vinh quang phục sinh của Chúa.
Ngợi khen Chúa!

Lạy Chúa Thánh Thần, nhờ ánh sáng của Chúa
Chúa dẫn dắt thế giới này đến với tình yêu của Chúa Cha
và đồng hành cùng tạo vật khi nó rên rỉ trong cơn đau đớn.

Chúa cũng ngự trong trái tim chúng con
và truyền cảm hứng cho chúng con làm điều thiện.
Ngợi khen Chúa!

Lạy Chúa Ba Ngôi, cộng đồng kỳ diệu của tình yêu vô hạn,
xin dạy chúng con chiêm ngưỡng Chúa
trong vẻ đẹp của vũ trụ,
vì mọi vật đều nói về Chúa.

Xin đánh thức lời ngợi khen và lòng biết ơn của chúng con
cho mọi sinh vật mà Chúa đã tạo ra.

Xin ban cho chúng con ân sủng để cảm thấy được kết hợp sâu sắc
với mọi sự đang hiện hữu.

Lạy Chúa tình yêu, xin chỉ cho chúng con vị trí của chúng con trên thế giới này
như những kênh dẫn tình yêu của Chúa
cho mọi loài thụ tạo trên trái đất này,
vì không một loài nào trong số chúng bị lãng quên trước mắt Chúa.

Xin soi sáng cho những người có quyền lực và tiền bạc
để họ có thể tránh xa tội thờ ơ,
để họ có thể yêu ích chung, nâng đỡ những người yếu thế,
và chăm sóc thế giới nơi chúng con đang sống.

Người nghèo và trái đất đang kêu khóc.

Lạy Chúa, xin nắm lấy chúng con bằng quyền năng và ánh sáng của Chúa,
giúp chúng con bảo vệ mọi sự sống,
để chuẩn bị cho một tương lai tốt đẹp hơn,
cho sự xuất hiện của Vương quốc của Chúa
công lý, hòa bình, tình yêu và vẻ đẹp.

Xin ngợi khen Chúa!
Amen.

Ban hành tại Roma, tại Đền Thánh Phêrô, ngày 24 tháng 5, Lễ Hiện Xuống, năm 2015, năm thứ ba Triều đại Giáo hoàng của tôi.

Franciscus

Ghi Chú

[1] Bài ca các tạo vật, trong *Thánh Phanxicô Assisi: Những tài liệu ban đầu*, tập. 1, New York-London-Manila, 1999, 113-114.

[2] Tông thư *Octogesima Adveniens* (14/05/1971), 21: AAS 63 (1971), 416-417.

[3] *Diễn văn gửi FAO nhân dịp kỷ niệm 25 năm thành lập* (16/11/1970), 4: AAS 62 (1970), 833.

[4] Thông điệp *Redemptor Hominis* (4/3/1979), 15: AAS 71 (1979), 287.

[5] Xem. *Giáo Lý* (17-01-2001), 4: Insegnamenti 41/1 (2001), 179.

[6] Thông điệp *Centesimus Annus* (01/05/1991), 38: AAS 83 (1991), 841.

[7] *Cùng nguồn*, 58: AAS 83 (1991), tr. 863.

[8] Đức Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis* (30/12/1987), 34: AAS 80 (1988), 559.

[9] Xem. ID., Thông điệp *Centesimus Annus* (ngày 1 tháng 5 năm 1991), 37: AAS 83 (1991), 840.

[10] *Diễn văn ngỏ với ngoại giao đoàn được công nhận tại Tòa thánh* (ngày 8 tháng 1 năm 2007): AAS 99 (2007), 73.

[11] Thông điệp *Caritas in Veritate* (ngày 29 tháng 6 năm 2009), 51: AAS 101 (2009), 687.

[12] *Diễn văn ngỏ với Bundestag*, Berlin (ngày 22 tháng 9 năm 2011): AAS 103 (2011), 664.

[13] *Diễn văn ngỏ với hàng giáo sĩ của Giáo phận Bolzano-Bressanone* (ngày 6 tháng 8 năm 2008): AAS 100 (2008), 634.

[14] *Sứ điệp cho Ngày cầu nguyện cho việc bảo vệ thiên nhiên* (ngày 1 tháng 9 năm 2012).

[15] *Diễn văn tại Santa Barbara*, California (ngày 8 tháng 11 năm 1997); cf. JOHN CHRYSSAVGIS, *Trên Trái Đất cũng như trên Thiên Đàng: Tầm nhìn và Sáng kiến về Sinh thái lý học của Đức Thượng phụ Đại kết Bartholomew*, Bronx, New York, 2012.

[16] *Cùng nguồn*.

[17] *Bài giảng tại Tu viện Utstein*, Na Uy (ngày 23 tháng 6 năm 2003).

[18] "Trách nhiệm hoàn cầu và tính bền vững về Sinh thái", *Diễn văn bế mạc, Hội nghị thượng đỉnh Halki I, Istanbul* (ngày 20 tháng 6 năm 2012).

[19] THOMAS OF CELANO, *Cuộc đời của Thánh Phanxicô*, I, 29, 81: trong *Phanxicô thành Assisi: Các tài liệu ban đầu*, tập. 1, New York-London-Manila, 1999, 251.

[20] *Huyền thoại chính về Thánh Phanxicô*, VIII, 6, trong *Phanxicô thành Assisi: Tài liệu ban đầu*, tập 2, New York-London-Manila, 2000, 590.

[21] So sánh THOMAS OF CELANO, *Ký ức về khát vọng của một tâm hồn*, II, 124, 165, trong *Phanxicô thành Assisi: Tài liệu ban đầu*, tập 2, New York-London-Manila, 2000, 354.

[22] HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC CÔNG GIÁO NAM PHI, *Tuyên bố mục vụ về cuộc khủng hoảng môi trường* (ngày 5 tháng 9 năm 1999).

[23] So sánh *Lời chào gửi đến Ban chấp hành FAO* (ngày 20 tháng 11 năm 2014): AAS 106 (2014), 985.

[24] HỘI NGHỊ TOÀN THỂ LẦN THỨ NĂM CỦA CÁC GIÁM MỤC CHÂU MỸ LATINH VÀ VÙNG CARIBBEAN, *Tài liệu Aparecida* (ngày 29 tháng 6 năm 2007), 86.

[25] HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC CÔNG GIÁO PHILIPPINES, *Thư mục vụ Điều gì đang xảy ra với vùng đất tươi đẹp của chúng ta?* (ngày 29 tháng 1 năm 1988).

[26] HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC BOLIVIA, Thư mục vụ về Môi trường và Phát triển con người tại Bolivia *El universo, don de Dios para la vida* (ngày 23 tháng 3 năm 2012), 17.

[27] X. HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC ĐỨC, Ủy ban các vấn đề xã hội, *Der Klimawandel: Brennpunkt globaler, intergenerationeller und ökologischer Gerechtigkeit* (tháng 9 năm 2006), 28-30.

[28] HỘI ĐỒNG GIÁO HOÀNG VỀ CÔNG LÝ VÀ HÒA BÌNH, *Compendium of the Social Doctrine of the Church*, 483.

[29] *Giáo lý* (ngày 5 tháng 6 năm 2013): Insegnamenti 1/1 (2013), 280.

[30] CÁC GIÁM MỤC KHU VỰC PATAGONIA-COMAHUE (ARGENTINA), *Sứ điệp Giáng sinh* (tháng 12 năm 2009), 2.

[31] HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC CÔNG GIÁO HOA KỲ, *Thay đổi khí hậu hoàn cầu: Lời kêu gọi đối thoại, thận trọng và công ích* (ngày 15 tháng 6 năm 2001).

[32] HỘI NGHỊ TOÀN THỂ LẦN THỨ NĂM CỦA CÁC GIÁM MỤC CHÂU MỸ LATINH VÀ VÙNG CARIBBEAN, *Tài liệu Aparecida* (ngày 29 tháng 6 năm 2007), 471.

[33] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (ngày 24 tháng 11 năm 2013), 56: AAS 105 (2013), 1043.

[34] Đức Gioan Phaolô II, *Sứ điệp nhân Ngày Thế giới Hòa bình năm 1990*, 12: AAS 82 (1990), 154.

[35] ID., *Catechesis* (ngày 17 tháng 1 năm 2001), 3: Insegnamenti 24/1 (2001), 178.

[36] Đức Gioan Phaolô II, *Sứ điệp nhân Ngày Thế giới Hòa bình năm 1990*, 15: AAS 82 (1990), 156.

[37] *Giáo lý của Giáo hội Công giáo*, 357.

[38] *Kinh Truyền tin tại Osnabrück* (Đức) với người khuyết tật, ngày 16 tháng 11 năm 1980: Insegnamenti 3/2 (1980), 1232.

[39] Đức BÊ-NÊ-ĐIC-TÔ XVI, *Bài giảng cho Lễ nhậm chức trọng thể Thừa tác vụ Phêrô* (ngày 24 tháng 4 năm 2005): AAS 97 (2005), 711.

[40] So sánh BONAVENTURE, *Huyền thoại chính về Thánh Phanxicô*, VIII, 1, trong *Phanxicô thành Assisi: Tài liệu ban đầu*, tập 2, New York-London-Manila, 2000, 586.

[41] *Giáo lý Giáo hội Công giáo*, 2416.

[42] HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC ĐỨC, *Zukunft der Schöpfung – Zukunft der Menschheit. Einklärung der Deutschen Bischofskonferenz zu Fragen der Umwelt und der Energieversorgung*, (1980), II, 2.

[43] *Sách Giáo lý Giáo hội Công giáo*, 339.

[44] *Bài giảng lễ về Hexaemeron*, I, 2, 10: PG 29, 9.

[45] *Hài kịch thần thánh*, Paradiso, Canto XXXIII, 145.

[46] Đức BÊ-NÊ-ĐIC-TÔ XVI, *Giáo lý* (9 tháng 11 năm 2005), 3: Insegnamenti 1 (2005), 768.

[47] ID., Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 tháng 6 năm 2009), 51: AAS 101 (2009), 687.

[48] Đức GIOAN PHAOLÔ II, *Giáo lý* (24 tháng 4 năm 1991), 6: Insegnamenti 14 (1991), 856.

[49] Sách Giáo lý giải thích rằng Thiên Chúa muốn tạo ra một thế giới "đang trên hành trình hướng đến sự hoàn thiện tột cùng", và điều này hàm ý sự hiện diện của sự bất toàn và sự dữ về mặt vật chất; cf. *Giáo lý Công giáo*, 310.

[50] Xem. CÔNG ĐỒNG VATICAN THỨ HAI, Hiến chế mục vụ về Giáo hội trong thế giới hiện đại *Gaudium et Spes*, 36.

[51] Thánh Tôma Aquinô, *Summa Theologiae*, I, q. 104, art. 1 ad. 4.

[52] ID., *In octo libros Physicorum Aristotelis expositio*, Lib. II, bài 14.

[53] Trong tầm nhìn này, chúng ta có thể thấy sự đóng góp của Cha Teilhard de Chardin; xem. Đức Phaolô VI, *Diễn văn tại Nhà máy Hóa chất và Dược phẩm* (24 tháng 2 năm 1966): Insegnamenti 4 (1966), 992-993; Đức GIOAN PHAOLÔ II, *Thư gửi Mục sư George Coyne* (1/6/1988): Insegnamenti 2/11 (1988), 1715; Đức BÊ-NÊ-ĐIC-TÔ XVI, *Bài giảng cho Kinh Chiều tại Aosta* (24 tháng 7 năm 2009): Insegnamenti 5/2 (2009), 60.

[54] Đức GIOAN PHAOLÔ II, *Bài Giáo lý* (30 tháng 1 năm 2002),6: Insegnamenti 25/1 (2002), 140.

[55] HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC CÔNG GIÁO CANADA, ỦY BAN XÃ HỘI, Thư mục vụ *"Bạn yêu tất cả những gì hiện hữu… Mọi sự đều thuộc về Chúa, Đấng yêu sự sống"* (4 tháng 10 năm 2003), 1.

[56] HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC CÔNG GIÁO NHẬT BẢN, *Lòng tôn kính sự sống. Sứ điệp cho thế kỷ XXI* (1 tháng 1 năm 2000), 89.

[57] Đức GIOAN PHAOLÔ II, *Bài Giáo lý* (26 tháng 1 năm 2000), 5: Insegnamenti 23/1 (2000), 123.

[58] ID., *Giáo Lý* (2/8/2000), 3: Insegnamenti 23/2 (2000), 112.

[59] PAUL RICOEUR, *Philosophie de la Volonté* [triết lý về Ý chí], t. II: Finitude et Culpabilité, Paris, 2009, 216.

[60] *Tổng luận Thần học*, I, q. 47, art. 1.

[61] *Cùng nguồn*.

[62] X. *Cùng nguồn*, art. 2, ad.1; art. 3.

[63] *Sách Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo*, 340.

[64] *Bài ca các tạo vật*, trong *Thánh Phanxicô Assisi: Những tài liệu ban đầu*, New York-London-Manila, 1999, 113-114.

[65] X. HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC QUỐC GIA BRAZIL, *A Igreja e a Questão Ecológica*, 1992, 53-54.

[66] *Cùng nguồn*, 61.

[67] Tông huấn *Niềm Vui Tin Mừng* (24/11/2013), 215: AAS 105 (2013), 1109.

[68] X. Đức BÊ-NÊ-ĐIC-TÔ XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29/06/2009), 14: AAS 101 (2009), 650.

[69] *Sách Giáo lý Giáo hội Công giáo*, 2418.

[70] HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC Dominica, Thư mục vụ *Sobre la relación del hombre con la Naturaleza* (21 tháng 1) 1987).

[71] Đức Gioan Phaolô II, Thông điệp *Laborem Exercens* (14/09/1981), 19: AAS 73 (1981), 626.

[72] Thông điệp *Centesimus Annus* (01/05/1991), 31: AAS 83 (1991), 831.

[73] Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis* (30/12/1987), 33: AAS 80 (1988), 557.

[74] *Diễn văn với người dân bản địa và nông thôn*, Cuilapán, Mexico (29/01/1979), 6: AAS 71 (1979), 209.

[75] *Bài giảng trong Thánh lễ cho Nông dân*, Recife, Brazil (7 tháng 7, 1980): AAS 72 (1980): AAS 72 (1980), 926.

[76] So sánh *Sứ điệp Ngày Hòa bình Thế giới năm 1990*, 8: AAS 82 (1990), 152.

[77] HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC PARAGUAY, Thư mục vụ *El campesino paraguayo y la tierra* (12 tháng 6 năm 1983), 2, 4, d.

[78] HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC CÔNG GIÁO NEW ZEALAND, *Tuyên bố về các vấn đề môi trường* (1 tháng 9 năm 2006).

[79] Thông điệp *Laborem Exercens* (14 tháng 9 năm 1981), 27: AAS 73 (1981), 645.

[80] Do đó, Thánh Justin có thể nói về "hạt giống của Lời" trên thế giới; so sánh *II Apologia* 8, 1-2; 13, 3-6: PG 6, 457-458, 467.

[81] Đức GIOAN PHAOLÔ II, *Diễn văn gửi các nhà khoa học và đại diện của Đại học Liên hợp quốc*, Hiroshima (ngày 25 tháng 2 năm 1981), 3: AAS 73 (1981), 422.

[82] Đức BÊ-NÊ-ĐIC-TÔ XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (ngày 29 tháng 6 năm 2009), 69: AAS 101 (2009), 702.

[83] ROMANO GUARDINI, *Das Ende der Neuzeit*, ấn bản lần thứ 9, Würzburg, 1965, 87 (Tiếng Anh: *The End of the Modern World*, Wilmington, 1998, 82).

[84] *Cùng nguồn*

[85] *Cùng nguồn*, 87-88 (The End of the Modern World, 83).

[86] HỘI ĐỒNG GIÁO HOÀNG VỀ CÔNG LÝ VÀ HÒA BÌNH, *Compendium of the Social Doctrine of the Church*, 462.

[87] ROMANO GUARDINI, *Das Ende der Neuzeit*, 63-64 (Sự kết thúc của thế giới hiện đại, 56).

[88] *Cùng nguồn*, 64 (Sự kết thúc của thế giới hiện đại, 56).

[89] So sánh Đức BÊ-NÊ-ĐIC-TÔ XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 tháng 6 năm 2009), 35: AAS 101 (2009), 671.

[90] *Cùng nguồn*, 22: tr. 657.

[91] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 tháng 11 năm 2013), 231: AAS 105 (2013), 1114.

[92] ROMANO GUARDINI, *Das Ende der Neuzeit*, 63 (Sự kết thúc của thế giới hiện đại, 55).

[93] Đức JOHN PHAOLÔ II, Thông điệp *Centesimus Annus* (1 tháng 5 năm 1991), 38: AAS 83 (1991), 841.

[94] So sánh *Tình yêu dành cho Tạo vật. Một phản ứng của Châu Á đối với Khủng hoảng Sinh thái*, Tuyên bố của Hội thảo do Liên đoàn các Hội đồng Giám mục Châu Á tài trợ (Tagatay, 31 tháng 1-5 tháng 2 năm 1993), 3.3.2.

[95] Đức GIOAN PHAOLÔ II, Thông điệp *Centesimus Annus* (1 tháng 5 năm 1991), 37: AAS 83 (1991), 840.

[96] Đức BÊ-NÊ-ĐIC-TÔ XVI, *Sứ điệp cho Ngày Hòa bình Thế giới năm 2010*, 2: AAS 102 (2010), 41.

[97] ID., Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 tháng 6 năm 2009), 28: AAS 101 (2009), 663.

[98] Xem. VINCENT OF LERINS, *Commonitorium Primum*, ch. 23: PL 50, 688: "Ut annis scilicet consolidetur, dilatetur tempore, sublimetur aetate".

[99] Số 80: AAS 105 (2013), 1053.

[100] CÔNG ĐỒNG VATICAN THỨ HAI, Hiến chế mục vụ về Giáo hội trong thế giới hiện đại *Gaudium et Spes*, 63.

[101] X. Đức Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus* (01/05/1991), 37: AAS 83 (1991), 840.

[102] Đức Phaolô VI, Thông điệp *Populorum Progressio* (26 tháng 3 năm 1967), 34: AAS 59 (1967), 274.

[103] Đức BÊ-NÊ-ĐIC-TÔ XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29/06/2009), 32: AAS 101 (2009), 666.

[104] *Cùng nguồn*.

[105] *Cùng nguồn*.

[106] *Giáo lý của Giáo hội Công giáo*, 2417.

[107] *Cùng nguồn*, 2418.

[108] *Cùng nguồn*, 2415.

[109] *Sứ điệp cho Ngày Thế giới Hòa bình năm 1990*, 6: AAS 82 (1990), 150.

[110] *Diễn văn gửi Viện Hàn lâm Khoa học Giáo hoàng* (3 tháng 10 năm 1981), 3: Insegnamenti 4/2 (1981), 333.

[111] *Sứ điệp cho Ngày Thế giới Hòa bình năm 1990*, 7: AAS 82 (1990), 151.

[112] Đức GIOAN PHAOLÔ II, *Diễn văn ngỏ với Đại hội đồng lần thứ 35 của Hiệp hội Y khoa Thế giới* (29 tháng 10 năm 1983), 6: AAS 76 (1984), 394.

[113] ỦY BAN GIÁM MỤC VỀ CÁC QUAN TÂM MỤC VỤ TẠI ARGENTINA, *Una tierra para todos* (tháng 6 năm 2005), 19.

[114] *Tuyên bố Rio về Môi trường và Phát triển* (ngày 14 tháng 6 năm 1992), Nguyên tắc 4.

[115] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (ngày 24 tháng 11 năm 2013), 237: AAS 105 (2013), 1116.

[116] Đức BÊ-NÊ-ĐIC-TÔ XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (ngày 29 tháng 6 năm 2009), 51: AAS 101 (2009), 687.

[117] Một số tác giả đã nhấn mạnh đến các giá trị thường thấy, ví dụ, trong các *villas, chabolas* hoặc *favelas* của Châu Mỹ Latinh: cf. JUAN CARLOS SCANNONE, S.J., "La irrupción del pobre y la lógica de la gratuidad", trong JUAN CARLOS SCANNONE và MARCELO PERINE (eds.), *Irrupción del pobre y quehacer filosófico. Hacia una nueva racionalidad*, Buenos Aires, 1993, 225-230.

[118] HỘI ĐỒNG GIÁO HOÀNG VỀ CÔNG LÝ VÀ HÒA BÌNH, *Compendium of the Social Doctrine of the Church*, 482.

[119] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 tháng 11 năm 2013), 210: AAS 105 (2013), 1107.

[120] *Diễn văn ngỏ với Bundestag của Đức*, Berlin (22 tháng 9 năm 2011): AAS 103 (2011), 668.

[121] *Bài giáo lý* (15 tháng 4 năm 2015): *L'Osservatore Romano*, 16 tháng 4 năm 2015, tr. 8.

[122] CÔNG ĐỒNG CHUNG VATICAN II, Hiến chế Mục vụ về Giáo hội trong Thế giới Hiện đại *Gaudium et Spes*, 26.

[123] X. Số 186-201: AAS 105 (2013), 1098-1105.

[124] HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC BỒ ĐÀO NHA, Thư mục vụ *Responsabilidade Solidária pelo Bem Comum* (15 tháng 9 năm 2003), 20.

[125] Đức BÊ-NÊ-ĐIC-TÔ XVI, *Sứ điệp Ngày Hòa bình Thế giới năm 2010*, 8: AAS 102 (2010), 45.

[126] *Tuyên bố Rio về Môi trường và Phát triển* (14 tháng 6 năm 1992), Nguyên tắc 1.

[127] HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC BOLIVIA, Thư mục vụ về Môi trường và Phát triển Con người tại Bolivia *El universo, don de Dios para la vida* (tháng 3 năm 2012), 86.

[128] HỘI ĐỒNG GIÁO HOÀNG VỀ CÔNG LÝ VÀ HÒA BÌNH, *Năng lượng, Công lý và Hòa bình*, IV, 1, Thành phố Vatican (2014), 53.

[129] Đức BÊ-NÊ-ĐIC-TÔ XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (ngày 29 tháng 6 năm 2009), 67: AAS 101 (2009).

[130] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (ngày 24 tháng 11 năm 2013), 222: AAS 105 (2013), 1111.

[131] HỘI ĐỒNG GIÁO HOÀNG VỀ CÔNG LÝ VÀ HÒA BÌNH, *Compendium of the Social Doctrine of the Church*, 469.

[132] *Tuyên bố Rio về Môi trường và Phát triển* (ngày 14 tháng 6 năm 1992), Nguyên tắc 15.

[133] X. HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC MEXICO, ỦY BAN GIÁM MỤC VỀ CÁC QUAN TÂM MỤC VỤ VỤ VÀ XÃ HỘI, *Jesucristo, vida y esperanza de los indígenas e campesinos* (ngày 14 tháng 1 năm 2008).

[134] HỘI ĐỒNG GIÁO HOÀNG VỀ CÔNG LÝ VÀ HÒA BÌNH, *Compendium of the Social Doctrine of the Church*, 470.

[135] *Sứ điệp cho Ngày Hòa bình Thế giới năm 2010*, 9: AAS 102 (2010), 46.

[136] *Cùng nguồn*

[137] *Cùng nguồn*, 5: p. 43.

[138] Đức BÊ-NÊ-ĐIC-TÔ XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29/06/2009), 50: AAS 101 (2009), 686.

[139] Tông huấn *Niềm Vui Tin Mừng* (24/11/2013), 209: AAS 105 (2013), 1107.

[140] *Cùng nguồn*, 228: AAS 105 (2013), 1113.

[141] X. Thông điệp *Lumen Fidei* (29 tháng 6 năm 2013), 34: AAS 105 (2013), 577: "Ánh sáng đức tin, kết hợp với chân lý tình yêu, không phải là xa lạ với thế giới vật chất, vì tình yêu luôn được sống trong thể xác và tinh thần; ánh sáng đức tin là ánh sáng nhập thể tỏa ra từ cuộc sống rạng ngời của Chúa Giêsu. Nó cũng soi sáng thế giới vật chất, tin tưởng vào trật tự vốn có của nó và biết rằng nó kêu gọi chúng ta đến với con đường ngày càng rộng mở của sự hòa hợp và hiểu biết. Do đó, cái nhìn của khoa học được hưởng lợi từ đức tin: đức tin khuyến khích các nhà khoa học luôn luôn cởi mở với thực tại trong tất cả sự phong phú vô tận của nó. Đức tin đánh thức ý thức phê phán bằng cách ngăn chặn nghiên cứu khỏi việc hài lòng với các công thức của riêng mình và giúp nó nhận ra rằng thiên nhiên luôn vĩ đại hơn. Bằng cách kích thích sự ngạc nhiên trước mầu nhiệm sâu sắc của sáng thế, đức tin mở rộng chân trời của lý trí để chiếu sáng nhiều hơn vào thế giới tự bộc lộ cho cuộc điều tra khoa học".

[142] Tông huấn *Niềm Vui Tin Mừng* (24/11/2013), 256: AAS 105 (2013), 1123.

[143] *Cùng nguồn*, 231: tr. 1114.

[144] ROMANO GUARDINI, *Das Ende der Neuzeit*, tái bản lần thứ 9, Würzburg, 1965, 66-67 (tiếng Anh: *The End of the Modern World*, Wilmington, 1998, 60).

[145] Đức GIOAN PHAOLÔ II, *Sứ điệp Ngày Thế giới Hoà bình 1990*, 1: AAS 82 (1990), 147.

[146] Đức BÊ-NÊ-ĐIC-TÔ XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 tháng 6 năm 2009), 66: AAS 101 (2009), 699.

[147] ID., *Sứ điệp Ngày Thế giới Hoà bình 2010*, 11: AAS 102 (2010), 48.

[148] *Hiến chương Trái đất*, The Hague (29 tháng 6 năm 2000).

[149] Đức GIOAN PHAOLÔ II, Thông điệp *Centesimus Annus* (ngày 1 tháng 5 năm 1991), 39: AAS 83 (1991), 842.

[150] ID., *Sứ điệp cho Ngày Hòa bình Thế giới năm 1990*, 14: AAS 82 (1990), 155.

[151] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (ngày 24 tháng 11 năm 2013), 261: AAS 105 (2013), 1124.

[152] Đức BÊ-NÊ-ĐIC-TÔ XVI, *Bài giảng cho Lễ nhậm chức trọng thể Thừa tác vụ Phêrô* (ngày 24 tháng 4 năm 2005): AAS 97 (2005), 710.

[153] HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC CÔNG GIÁO ÚC, *Một Trái đất mới – Thách thức về môi trường* (2002).

[154] ROMANO GUARDINI, *Das Ende der Neuzeit*, 72 (Sự kết thúc của thế giới hiện đại¸ 65-66).

[155] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 tháng 11 năm 2013), 71: AAS 105 (2013), 1050.

[156] Đức BÊ-NÊ-ĐIC-TÔ XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 tháng 6 năm 2009) 2: AAS 101 (2009), 642.

[157] Đức Phaolô VI, *Sứ điệp cho Ngày Hòa bình Thế giới năm 1977*: AAS 68 (1976), 709.

[158] HỘI ĐỒNG GIÁO HOÀNG VỀ CÔNG LÝ VÀ HÒA BÌNH, *Compendium of the Social Doctrine of the Church*, 582.

[159] Nhà văn tâm linh Ali al-Khawas nhấn mạnh từ kinh nghiệm của chính mình về nhu cầu không nên đặt quá nhiều khoảng cách giữa các tạo vật của thế giới và kinh nghiệm nội tâm về Thiên Chúa. Như ông đã nói: “Thành kiến không nên khiến chúng ta chỉ trích những người tìm kiếm sự xuất thần trong âm nhạc hay thi ca. Có một mầu nhiệm tinh tế trong mỗi chuyển động và âm thanh của thế giới này. Người mới nhập môn sẽ nắm bắt được những gì đang được nói khi gió thổi, cây cối đung đưa, nước chảy, ruồi vo ve, cửa kẽo kẹt, chim hót, hoặc trong âm thanh của dây đàn hay sáo, tiếng thở dài của người bệnh, tiếng rên rỉ của người đau khổ...” (EVA DE VITRAY-MEYEROVITCH [biên tập], *Anthologie du soufisme*, Paris 1978, 200).

[160] *In II Sent*., 23, 2, 3.

[161] *Cántico Espiritual*, XIV, 5.

[162] *Cùng nguồn*

[163] *Cùng nguồn*, XIV, 6-7.

[164] Đức Gioan Phaolô II, Tông thư *Orientale Lumen* (ngày 2 tháng 5 năm 1995), 11: AAS 87 (1995), 757.

[165] *Cùng nguồn*

[166] ID., Thông điệp *Ecclesia de Eucharistia* (ngày 17 tháng 4 năm 2003), 8: AAS 95 (2003), 438.

[167] Đức BÊ-NÊ-ĐIC-TÔ XVI, *Bài giảng trong Thánh lễ Mình Máu Thánh Chúa* (ngày 15 tháng 6 năm 2006): AAS 98 (2006), 513.

[168] *Giáo lý Hội thánh Công giáo*, 2175.

[169] Đức Gioan Phaolô II, *Bài giáo lý* (ngày 2 tháng 8 năm 2000), 4: Insegnamenti 23/2 (2000), 112.

[170] *Quaest. Disp. de Myst. Trinitatis*, 1, 2 concl.

[171] X. Thánh Tôma Aquinô, *Summa Theologiae*, I, q. 11, art. 3; q. 21, art. 1, ad. 3; q. 47, art. 3.

[172] Thánh Basil Cả, *Hom. in Hexaemeron*, I, 2, 6: PG 29, 8.

Phụ chương

1. **Laudato Si sẽ không tả không hữu**
(ngày 17/06/2015)

Như để nhấn mạnh tới nền sinh thái nhân bản, Tòa Thánh vừa công bố: Chủ Tịch và Giám Đốc Điều Hành của Cơ Quan Cứu Trợ Công Giáo Carolyn Woo sẽ là một trong các trình bầy viên của thông điệp *Laudato Si*. Ba vị kia sẽ là Đức HY Peter Turkson, Chủ Tịch Hội Đồng Giáo Hoàng về Công Lý và Hòa Bình; Đức TGM Chính Thống Giáo John Zizioulas của Pergamon, đại diện Thượng Phụ Đại Kết Constantinople; và Hans Joachim Schellnhuber, Giám Đốc Viện Potsdam Nghiên Cứu Tác Động Của Khí Hậu và là Chủ Tịch Hội Đồng Cố Vấn Đức về Thay Đổi Hoàn Cầu.

Càng gần tới ngày công bố, *Laudato Si* càng thu hút chú ý của thế giới mà hiện nay đang phân thành hai phe tả hữu rất rõ rệt. Inés San Martin của Crux, trong bài ngày hôm qua, đã nói tới sự chú ý của cả hai phe này rồi, nhưng hôm nay cô cho biết nhiều hơn các bình luận, đôi lúc hết sức nẩy lửa và vì thế một chiều của họ.

Theo Martin, Đức HY Oscar Rodríguez Maradiaga của Honduras, chủ tịch hội đồng 9 Hồng Y cố vấn tối cao cho Đức Phanxicô cho biết ngài đã đọc bản văn của *Laudato Si* và thấy nó là một "bản văn thú vị" sẽ bắt mạch được các vấn đề như "trách nhiệm của các đại công ty trong việc trừng phạt họ đang giáng xuống hành tinh".

Ngài quả quyết rằng *Laudato Si* sẽ là cơn sốc vĩ đại khiến ai cũng phải suy nghĩ. Các ký giả thuật lại: ngài "cười" nhạo tất cả những ai đả kích bản văn trước khi đọc nó. Tuy nhiên, theo ngài, chắc chắn bản văn sẽ tạo nên nhiều chỉ trích. Nhất là tại Hoa Kỳ và Trung Hoa, "những nước gây hại nhiều nhất cho môi sinh".

Tháng trước, lên tiếng tại Rôma, Đức HY Maradiaga đả kích "các phong trào ở Hoa Kỳ" khi tỏ ra thù nghịch đối với chủ trương của Đức Phanxicô về môi sinh. Ngài bảo: "Ý thức hệ bao quanh các vấn đề môi sinh quá liên kết với chủ nghĩa tư bản đến nỗi không muốn ngưng việc phá hoại môi sinh vì chúng không muốn từ bỏ lợi nhuận của chúng".

Bill Patenaude, một giảng viên thần học tại Trường Cao Đẳng Providence và là một viên chức kỳ cựu của Bộ Quản Trị Môi Sinh thuộc Rhode Island, tiên đoán rằng phe tả duy tục cũng sẽ bồn chồn như phe hữu kinh doanh khi các người ủng hộ chúng lo đọc văn kiện.

Ông nói với tạp chí Crux: "phong trào môi sinh vốn đang được phe tả hướng dẫn, thường là phe tả cực cấp tiến, cả hàng mấy thập niên qua" thành thử không ngạc nhiên gì khi nhiều người bảo thủ nghĩ rằng thông điệp của Đức Phanxicô chỉ có thể là một thông điệp của phe này.

Nhưng theo Patenaude, "nhất định không phải thế, như Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, Đức Bênêđictô XVI và nay Đức Phanxicô đang cho ta thấy". Ông cho rằng *Laudato Si* sẽ thách thức các ấn tượng của chủ nghĩa duy môi sinh coi chúng như chính nghĩa của phe tả cổ điển.

Đến một mức độ nào đó, thì cuộc tranh luận chính trị về *Laudato Si* là điều dễ hiểu, vì chính Đức Phanxicô từng cho hay ngài muốn nó có những hệ luận đời thực về chính sách.

Đầu năm nay, ngài nói ngài muốn thấy nó được công bố trước thỏa hiệp được LHQ bảo trợ về Các

Mục Tiêu Phát Triển Lâu Dài và trước hội nghị thượng đỉnh của LHQ về thay đổi khí hậu tại Paris vào cuối năm nay.

Theo nguồn tin quen thuộc với văn kiện này trong Giáo Hội, điều mới mẻ vĩ đại là "nó phát xuất từ một vị mục tử luôn nghĩ tới tất cả những ai thuộc về ngài".

Nguồn vô danh đó cho biết Đức Phanxicô đi tìm "một sinh thái có tính toàn bộ hơn, một sinh thái bao gồm mọi người và toàn diện".

Trọng điểm là mọi người, từ người hăng say với cây cỏ hay nước uống, tới người bình thường sống tại các khu phố, người làm việc cho các vấn đề thuộc chính sách môi sinh tại New York hay Washington, đều cảm thấy như được "mời gọi hành động".

Không ai cảm thấy được miễn trừ khỏi phán kết của Đức Giáo Hoàng. "Không ai có thể nói: 'lương tâm tôi an ổn vì thông điệp có đề cập gì tới tôi đâu'".

Đối với Patenaude, kết quả chính trị chính yếu của thông điệp có thể là phá nát các kỳ vọng của những ai vốn cho là mình nhờ nó mà chiến thắng. Ông bảo: "nhiều bằng hữu bảo thủ của chúng tôi biết rằng họ bị *Laudato Si* thách thức. Tôi không nghĩ rằng nhiều người thuộc phía bên kia cho rằng họ bị thách thức, nhưng họ sẽ bị".

Một trong những người ấy có thể là Thượng Nghị Sĩ Edward J. Markey, Dân Chủ, Tiểu Bang Massachusetts và là đồng chủ tịch tiểu ban Climate Clearinghouse của Thượng Nghị Viện. Hôm thứ hai vừa qua, khi các tường trình về việc bản thảo thông điệp bị rỉ rỏ xuất hiện trên báo chí, Markey ra một tuyên bố nói rằng các tường trình này phản ảnh điều Đức Phanxicô từng nói trong quá khứ: "rằng chính nhân loại tạo ra việc thay đổi khí hậu, và chúng ta phải hành động để giải quyết việc này".

Ông viết thêm "tôi mong được đọc trọn bức thông điệp của Đức GH Phanxicô khi nó được chính thức công bố, và hoan nghênh lời kêu gọi hành động này để giải quyết thách thức có tính thế hệ về việc thay đổi khí hậu".

Ấy thế nhưng với thành tích phò phá thai của Markey, chắc chắn ông ta sẽ không vui bao nhiêu với đoạn 120 của thông điệp, mà nếu đúng như đã được rò rỉ, thì quả quyết rằng việc bảo vệ thiên nhiên không hề biện minh cho việc phá thai.

Như Patenaude nghĩ, văn kiện này chắc chắn "sẽ gây sốc, sẽ gây vui và thách thức" đối với hầu hết mọi người.

Đức Phanxicô chủ trương nền sinh thái nhân bản

Tiến sĩ Thomas D. Williams, chuyên viên nghiên cứu tại Trung Tâm Đạo Đức Học và Văn Hóa của Trường ĐH Notre Dame, nhắc lại câu nói bất hủ của Đức Phanxicô khi quả quyết rằng "bóc lột trái đất" là một trọng tội và nay thông điệp sắp công bố của ngài đang gây ra một thứ "hâm nóng hoàn cầu" cho giới báo chí quốc tế.

Thực thế, người duy môi sinh hoan nghinh văn kiện, hy vọng rằng nó sẽ tạo ra "một sự thay đổi về khuôn thước" trong phương thức của Giáo Hội đối với các vấn đề môi sinh. Hầu như mọi người xem ra đều đánh cuộc rằng Đức Phanxicô sẽ nói một điều gây chấn động địa cầu mà chưa một vị giáo hoàng

dám nói trước đây…

Tuy nhiên, giữa những đồ đoán lan tràn như thế, một sự kiện chủ yếu dám bị che đậy: dù Đức Phanxicô là một nhà tranh đấu cho môi sinh, ngài sẽ không bao giờ là người duy môi sinh triệt để cả.

Lý do đơn giản là các giả thiết khởi điểm của ngài liên quan tới nguồn gốc và mục đích của môi sinh hoàn toàn khác với phong trào ấy.

Trong khi người duy môi sinh triệt để bác bỏ quan điểm qui nhân (anthropocentric view) về thế giới, nghĩa là họ không coi con người là yếu tố quan trọng nhất của vũ trụ vật chất, thì người Kitô Giáo nhất thiết phải ủng hộ quan điểm này.

Nói cho cùng, Đức Phanxicô chủ trương một sinh thái được Thánh Kinh soi sáng. Trong buổi yết chung năm 2013, ngài nói: "Khi nói tới môi trường, ý nghĩ của tôi hướng tôi về các trang đầu tiên của Thánh Kinh, Sách Sáng Thế".

Quan điểm thần học của Đức Phanxicô về môi sinh, hay nền thần học môi sinh (theo-ecology), không phải là chủ nghĩa duy môi sinh đầy tính ý thức hệ kiểu Greenpeace. Nó là sự khai triển tự nhiên của cái hiểu Kitô Giáo về mối tương quan của con người với các thành phần khác của sáng thế.

Sách Sáng Thế dành cho các hữu thể nhân bản một chỗ đứng độc đáo và một vai trò độc đáo trong sáng thế. Hai đoạn đặc biệt mô tả trách vụ mà Thiên Chúa muốn trao cho nhân loại, cả hai đoạn đều có tính chủ yếu trong suy nghĩ của Đức Phanxicô. Đoạn đầu nói tới việc con người thống trị trái đất như sau:

"Thiên Chúa ban phúc lành cho họ, và Thiên Chúa phán với họ: 'Hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều, cho đầy mặt đất, và thống trị mặt đất. Hãy làm bá chủ cá biển, chim trời, và mọi giống vật bò trên mặt đất'" (St 1:28).

Trong cuộc tông du Phi Luật Tân hồi tháng Giêng năm nay, nhắc tới sự thống trị này, Đức Phanxicô nói với giới trẻ: "Con người nam nữ đã được dựng nên giống hình ảnh và họa ảnh Thiên Chúa và được trao cho quyền thống trị sáng thế. Như những người quản lý công trình sáng tạo của Thiên Chúa, chúng ta được mời gọi biến thế giới này thành thửa vườn tươi đẹp cho gia đình nhân loại".

Đoạn hai của Sách Sáng Thế viết như sau:

"Chúa là Thiên Chúa đem con người đặt vào vườn Ê-đen, để cày cấy và canh giữ đất đai" (St 2:15).

Về đoạn trên, Đức Phanxicô lên tiếng hỏi "Cày cấy và canh giữ trái đất nghĩa là gì? Chúng ta có đang cày cấy và canh giữ sáng thế không? Hay chúng ta đang bóc lột và bỏ rơi nó? Động từ 'cày cấy' nhắc cha nhớ tới việc canh giữ mà nông gia vốn làm để bảo đảm rằng đất đai của ông sẽ có năng xuất và các sản phẩm của ông được chia sẻ".

Chủ nghĩa môi sinh Kitô Giáo nhất thiết phải có tính qui nhân, vì nó vốn qui thiên (theocentric). Con người không chỉ là một phần của thế giới tạo dựng, mà còn "giống như Thiên Chúa" và được ủy thác tiếp tục công việc của Thiên Chúa trong việc đồng sáng tạo và canh giữ môi sinh. Hoặc như Đức Gioan Phaolô II từng nói, Thiên Chúa kêu gọi con người "như hình ảnh của chính Người để chia sẻ quyền chúa tể thế giới của chính Người".

Đức Phanxicô liên tục nhấn mạnh tầm quan trọng của môi sinh, coi nó như môi trường sống của con người. Ngày Thế Giới Môi Sinh tháng Sáu vừa qua, ngài nhấn mạnh tới việc phải "cày cấy và canh giữ" môi trường, cho hay: một phần trong kế hoạch của Thiên Chúa là con người "nuôi dưỡng thế giới một cách có trách nhiệm" biến nó thành một "thửa vườn, một nơi có thể ở được cho mọi người".

Đối với Đức Phanxicô, môi sinh không quan hệ vì chính nó; nó quan trọng vì nó là nhà của ta, là nhà của con cái ta và con cháu chúng nữa. Nó là tổ ấm của chúng ta.

Với ngài, chủ nghĩa môi sinh nói lên cả việc kính trọng Đấng Hóa Công lẫn tình liên đới nhân bản, giống như việc đặt quá tải lên môi sinh là dấu chỉ sự tự cao tự đại và vị kỷ. Đối với ngài, sinh thái môi trường (environmental ecology) nối kết chặt chẽ với sinh thái nhân bản.

Ngài nhiều lần thách thức mọi người tái suy nghĩ về nền văn hóa vứt bỏ đang thống trị hiện nay và chống lại việc thiếu đạo đức trong kinh tế và tài chánh.

Ngài nói: "tôi muốn mọi người chúng ta nghiêm chỉnh cam kết tôn trọng và che chở sáng thế, chú ý tới mọi người, phản lại nền văn hóa vứt bỏ và (não trạng) sài rồi bỏ, để cổ vũ nền văn hóa liên đới".

Đức Giáo Hoàng là người mạnh mẽ tin vào chủ nghĩa ngoại thường nhân bản (human exceptionalism), một biểu thức triết lý có nghĩa: sự dị biệt giữa con người với các phần khác trong sáng thế là một dị biệt về chủng loại chứ không phải về mức độ. Nó nói lên sự khác biệt phân rẽ con người thực sự với mọi phần khác của sáng thế, đến nỗi họ không phải chỉ là điểm cao nhất của một thảm liên tục, mà đúng hơn là một bước nhảy vọt về phẩm.

Chủ nghĩa duy môi sinh triệt để, trái lại, dựa trên giả định rằng chủng người không có chỗ đứng đặc biệt gì trong vũ trụ cả, và không có bất cứ sự trổi vượt nào về yếu tính đối với các chủng loại khác. Ta có chỗ đứng chung với con voi con sên, chung với cây sồi cây gáo như những đồng cư dân trên mặt địa cầu, bình đẳng cả về luân lý lẫn siêu hình. Thậm chí còn hạ đẳng là đàng khác, vì ta vốn nguy hiểm hơn.

Những người tự nhận mình là duy môi sinh triệt để chính thức loại bỏ thế giới quan qui nhân dựa trên Thánh Kinh, và chính thức chủ trương một trong ba phương thức khác: qui sinh (biocentrism), qui môi (eco-centrism) hay sinh thái sâu xa (deep ecology). Tất cả đều không coi con người là trọng tâm của sáng thế, thay thế con người bằng các sinh vật, các hệ thống môi sinh hay các tầng sinh thái (ecosphere).

Cương lĩnh Sinh Thái Sâu Xa, chẳng hạn, cho rằng phúc lợi và sự triển nở của sự sống nhân bản và phi nhân bản trên Mặt Đất có "giá trị ngay trong chính chúng". Các giá trị này "độc lập trước sự hữu dụng của thế giới phi nhân bản đối với các mục đích nhân bản".

Cương lĩnh này liên hệ tới việc kiểm soát sinh đẻ, mà gần đây, bị Đức Phanxicô vạch trần là "thuyết Tân Malthus", vì nó cho rằng việc triển nở của sự sống phi nhân bản đòi phải có việc "giảm thiểu đáng kể dân số nhân bản".

Tiến sĩ Warren M. Hern thậm chí còn so sánh giống người như một thứ ung thư trên mặt đất, ví việc gia tăng dân số như việc vi trùng ung thư gia tăng khủng khiếp trong thân thể con người, gọi dân số nhân bản là "diễn trình bệnh lý môi sinh độc hại" (malignant ecopathologic process).

Làm sao có thể đặt Đức Phanxicô trong hàng ngũ những người như thế! Với quan điểm dựa vào Thánh Kinh về sáng thế, ngài không thể là người duy môi sinh triệt để. Thành thử, có đủ lý do để quả quyết rằng thông điệp của ngài sẽ không tạo ra bất cứ sự thay đổi nào về khuôn thước, mà chỉ nói lên một liên tục tính, không nói lên bất cứ cuộc cách mạng nào mà chỉ là một khai triển liên tục. Khuôn thước đã có sẵn đó rồi, ở ngay các chương đầu của Sáng Thế Ký.

2. Thông Điệp Laudato Si, phản ứng của truyền thông thế tục
(Vũ Van An 19/06/2015)

Ngay khi được chính thức công bố, thông điệp Laudato Si về môi sinh của Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã được các tờ báo lớn bình luận.

Chủ nghĩa tiêu thụ gây ra các chứng bệnh cho môi trường

Tờ Wall Street Journal, trong bài tựa đề như trên, cho rằng Đức Phanxicô qui lỗi việc hâm nóng hoàn cầu cho chủ nghĩa tiêu thụ. Theo ngài, chính hoạt động của con người đã gây ra sự thay đổi khí hậu, một thay đổi đang đe dọa người nghèo và các thế hệ tương lai.

Francis X. Rocca, tác giả bài báo trên, quả quyết rằng thông điệp của ngài đưa ra một kết án rộng rãi và không khoan nhượng đối với nền kinh tế thị trường của thế giới, tố cáo nó đã cưỡng đoạt Trái Đất, gây hại cho người nghèo và các thế hệ tương lai, qua hai chủ trương hòan cầu hóa và duy tiêu thụ. Ngài cũng cho rằng trong tội cưỡng đoạt này, Bắc Bán Cầu nợ Nam Bán Cầu "một khoản nợ sinh thái". Hai chủ trương trên đã làm sinh thái xuống cấp. Ngài viết "Trái Đất, tổ ấm của ta, đang bắt đầu càng ngày càng trông giống như một đống rác rưởi mênh mông hơn".

Theo tờ báo này, ngôn từ nghiêm khắc của thông điệp chắc chắn sẽ nhận được nhiều tranh cãi ngay lập tức, khiến người ta tự hỏi phải giải quyết việc thay đổi khí hậu ra sao. Hãy nghe ngài: "các cường quốc kinh tế liên tiếp biện minh cho hệ thống hoàn cầu hiện nay trong đó, ưu tiên thường được dành cho đầu cơ và theo đuổi lợi ích tài chánh. Thành thử, bất cứ điều gì mảnh dẻ, như môi trường chẳng hạn, đều không được ai bảo vệ trước lợi ích của thị trường đã được thần thánh hóa, trở thành qui luật duy nhất".

Trong thông điệp, Đức Phanxicô không ngại đứng về phía những người qui kết việc hâm nóng thế giới cho hoạt động của con người. Ngài viết: "một nhất trí khoa học rất vững chắc cho thấy rằng hiện nay ta đang mục kích một sự hâm nóng đầy lo ngại hệ thống khí hậu", góp phần vào việc "không ngừng lên cao hơn mặt biển" và việc "gia tăng các biến cố cực đoan về khí hậu".

Ngài viết thêm: "nhân loại được mời gọi nhìn nhận nhu cầu phải thay đổi lối sống, lối sản xuất và tiêu thụ, ngõ hầu chống trả việc hâm nóng này hay ít nhất các nguyên nhân nhân bản đang tạo ra và gia trọng nó".

Tuy nhìn nhận rằng các nguyên nhân tự nhiên có góp phần vào việc thay đổi khí hậu, trong đó có các hoạt động của núi lửa và chu kỳ thái dương, nhưng ngài vẫn cho rằng "một số nghiên cứu khoa học cho thấy: phần lớn việc hâm nóng hoàn cầu trong mấy thập niên vừa qua là do việc tập trung lớn vào các chất hơi nhà xanh (greenhouse gases: carbon dioxide, methane, nitrogen oxides…) phần lớn do hoạt động của con người thải ra. Thành thử khẩn thiết phải đưa ra các chính sách nhằm giảm thiểu đáng kể việc thải carbon dioxide và các chất hơi khác, và cổ vũ việc chuyển qua các nguồn năng lượng có thể đổi mới được.

Đức Giáo Hoàng còn đi xa hơn nữa bằng cách lồng chủ đề công lý kinh tế rất thân thiết của ngài cũng như lời phê phán nghiêm khắc của ngài đối với chủ nghĩa tư bản vào thông điệp.

Phần đầu của thông điệp nói tới nền thần học về tạo dựng trong đó đề cập tới các tội của con người chống lại "Mẹ Đất", biến mình thành chúa tể của Mẹ, với quyền muốn cưỡng đoạt Mẹ ra sao thì cưỡng đoạt, hiển hiện nơi "đất đai, nước, không khí và mọi hình thức của sự sống".

Sau đó, ngài lên án các thất bại trong quá khứ không chịu đưa ra các chính sách bạo dạn hơn về môi trường, chỉ quanh quẩn trong lãnh vực kỹ thuật và tài chánh, với quá nhiều đặc quyền đặc lợi…

Như trên đã nói, ngài cho rằng Bắc Bán Cầu đang nợ Nam Bán Cầu một "món nợ sinh thái" vì "các nước đang phát triển, nơi có các dự trữ quan trọng nhất của sinh quyển (biosphere), liên tiếp tiếp dầu cho việc phát triển của các nước giầu có hơn mà gây hại cho chính hiện tại và tương lai của mình".

Trong các khía cạnh thực tiễn, Đức Phanxicô nói tới "cảnh nghèo nước uống" của Phi Châu và nhiều vùng khác. Ngài cổ vũ các lối sống biết ý thức tới môi sinh, trong đó có việc giảm việc dùng chất nhựa, giấy và nước; phân chia rác; đi xe chung và tắt điện. "Đừng nghĩ rằng các cố gắng này sẽ không thay đổi được thế giới".

Theo tờ Wall Street Journal, thông điệp này rất được sự chú ý trước khi công bố, nhất là sau khi Đức Giáo Hoàng cho biết ngài muốn nó có ảnh hưởng tới hội nghị thượng đỉnh tại Paris sắp tới về thay đổi khí hậu. Bởi thế, một số công ty dầu hỏa đã góp ý kiến vào bản dự thảo thông điệp.

Dù có những người Công Giáo, thí dụ Samuel Gregg thuộc Viện Acton, một cơ quan nghiên cứu có tính đại kết với khuynh hướng bênh vực thị trường tự do chẳng hạn, lên tiếng cho rằng ngài thiên vị khi nghiêng về phía chỉ rrích thị trường tự do, điều chắc chắn là Đức Phanxicô sẽ lặp lại các trọng điểm vừa kể trong các bài diễn văn đọc tại Liên Hiệp Quốc khi tới New York và tại Lưỡng Viện Quốc Hội Hoa Kỳ khi tới Washington D.C.vào tháng Chín này.

Kêu gọi một cuộc cách mạng văn hóa

Tờ Guardian thì cho rằng với thông điệp Laudato Si, Đức Phanxicô muốn kêu gọi một cuộc cách mạng văn hóa. Tờ này đánh giá thông điệp của ngài như "văn kiện giáo hoàng gây nhạc nhiên nhất và có lẽ có tham vọng hơn cả trong 100 năm nay, vì nó không những chỉ nói với người Công Giáo, hay Kitô Giáo, mà với mọi người trên mặt đất. Nó trình bầy một chương trình thay đổi bắt nguồn từ các nhu cầu nhân bản nhưng nó cho rằng các nhu cầu này chủ yếu không phải là lòng tham và các nhu cầu vị kỷ".

Ngài bảo: ta cần thiên nhiên, và ta cần nhau. Nhu cầu hỗ tương và cho đi cũng có thực như các khía cạnh vị kỷ trong nhân cách ta; nhu cầu thán phục và lặng thinh trước thiên nhiên cũng sâu sắc như bất cứ nhu cầu nhân bản nào khác. Chăm sóc thiên nhiên và chăm sóc người nghèo là các khía cạnh của cùng một lệnh truyền đạo đức, và nếu ta lãng quên một trong hai khía cạnh này, ta không thể tìm thấy hòa bình. Theo ngài, môi sinh không phải là một điều gì ở ngoài kia: thiên nhiên không đối nghịch với thế giới con người. Môi sinh diễn tả mối tương quan giữa thiên nhiên và con người, những hữu thể vốn liên kết chặt chẽ và là thành phần của nhau. Mối tương quan này cần được chỉnh sửa.

Theo Guardian, dựa vào tiền đề trên, Đức Phanxicô "đã phát động một cuộc tấn công dữ dằn vào điều ngài cho là các thèm khát sai lầm và lừa phản của chủ nghĩa tư bản và vào quan điểm duy tiêu thụ của bản tính con người. Đối với Đức Phanxicô, có một sự phân biệt có tính sinh tử giữa các nhu cầu nhân

bản, là các nhu cầu có giới hạn nhưng không thể đem ra thương lượng được, và các thèm khát, vốn có tiềm năng vô giới hạn và luôn luôn có thể đổi chác lấy các thỏa mãn khác nhưng không bao giờ đem lại cho ta điều ta cần hơn cả. Ngài bảo: các nhu cầu của người nghèo bị bác bỏ, trong khi các thèm khát của người giầu luôn được dung túng. Cuộc khủng hoảng môi sinh đã liên kết hai khía cạnh này với nhau.

Ngài phê phán cả hai loại người bênh vực trật tự thế giới hiện hành: cả người bác bỏ lẫn người lạc quan. Laudato Si tuyệt đối không mơ hồ trong việc ủng hộ sự nhất trí áp đảo của khoa học khi cho rằng việc con người gây ra cảnh hâm nóng trái đất là mối nguy rõ ràng và đang hiện có. Văn kiện này lên án việc sử dụng nhiên liệu hình thành từ xác động vật xa xưa (fossil fuels) và đòi thay thế chúng bằng năng lượng có thể đổi mới được. Nhưng nó cũng minh nhiên chống lại ý tưởng cho rằng ta chỉ nên dựa vào các giải pháp hoàn toàn có tính kỹ thuật. Đây là điểm minh nhiên khác với quan điểm cấp tiến được nhiều người lạc quan trong thế giới tiêu thụ ủng hộ. Sẽ không bao giờ có một giải pháp kỹ thuật đối với những thèm khát vô giới hạn, vì đây là một vấn đề luân lý đòi một giải pháp luân lý, một sự quay về với đạm bạc, với tự chế và xa lánh các rù quyến độc hại của chủ nghĩa duy tiêu thụ.

Theo Guardian, Đức Phanxicô một phần dựa vào truyền thống của giáo huấn xã hội Công Giáo, và một phần dựa vào tư duy luân lý rất phổ thông trong thập niên 1960, trong đó, các triết gia luân lý, lần đầu tiên, vật lộn với các hệ luận của vũ khí hạch nhân và ý thức rằng nhân loại chưa trưởng thành mà mới chỉ đạt tới trạng thái trẻ thơ, trong đó, khả năng phá hoại vượt xa khả năng phán đoán.

Ngày trước, nguy cơ hạch nhân còn có thể cân bằng bằng trả đũa hạch nhân. Ngày nay, người nghèo phải trả giá cho tội ác của kẻ giầu, con cháu phải trả giá cho tội ác của cha ông. Đó chính là "món nợ sinh thái". Tuy nhiên, bằng một giọng đôi khi có tính khải huyền, với bóng ma chiến tranh tài nguyên cũng như các tai họa sinh thái hiển nhiên, văn kiện này hàm ý món nợ này, vào một lúc nào đó, sẽ phải được đền trả.

Nhưng liệu có ai lắng nghe không? Đức Giáo Hoàng rất nghiêm khắc, và ngài rất đúng, đối với việc thiếu hành động đi đôi với các tuyên bố cao vọng trong quá khứ. Lần này liệu có khác gì không? Câu trả lời là ta không thể cứ tiếp tục như hiện nay nữa. Tư lợi mà thôi sẽ không tránh được thảm họa. Không có một cơ cấu tinh thần và nhiều óc tưởng tượng nhằm liên kết phúc lợi của ta với phúc lợi người khác, để những đau khổ của họ được cảm nhận là cấp bách giống các đau khổ của ta, hay ít ra, cũng được cân đo trên cùng một bàn cân, ta sẽ biến hành tinh ta thành nơi không thể ở được. Đức Phanxicô đang cố gắng thay đổi cái hiểu của ta về bản nhiên con người. Nhiều người bất đồng với cái hiểu của ngài. Nhưng ngài đúng ở chỗ không một thay đổi nào nhỏ hơn thế có thể giúp chúng ta.

3. Thông điệp Laudato Si, phản ứng của các nhà lãnh đạo chính trị, tôn giáo và chuyên viên
(Ngày 20/06/2015)

Dù có một số chính khách, nhất là ở Hoa Kỳ, lên tiếng chỉ trích Thông Điệp Laudato Si của Đức Phanxicô, ngay cả trước khi nó được công bố chính thức, ký giả Inés San Martín của tờ Crux cho rằng rất nhiều nhà lãnh đạo chính trị thế giới đã hết lòng ca ngợi nó và lên tiếng kêu gọi mau chóng hành động để cứu vãn môi sinh.

Các nhà lãnh đạo chính trị

Hôm thứ Năm vừa qua, Tổng Thống Barack Obama "hoan nghinh" thông điệp của Đức GH Phanxicô và ca ngợi quyết định của ngài trong việc "rõ ràng và mạnh mẽ dùng trọn vẹn thế giá tinh thần trong chức vụ của ngài" để kêu gọi hành động đối với việc thay đổi khí hậu.

Tổng Thống Obama nói rằng ông cam kết đưa ra các hành động mạnh dạn nhằm cắt giảm việc sản xuất khí carbon và gia tăng năng lượng sạch ở Hoa Kỳ và ở ngoại quốc, đồng thời chờ mong hội nghị thượng đỉnh của LHQ về thay đổi khí hậu vào tháng Mười Hai này.

Dù các giới chức trong Giáo Hội nhấn mạnh rằng Laudato Si chủ yếu không phải là một văn kiện về chính sách, nhưng tháng Giêng vừa qua, Đức Phanxicô nói rằng ngài muốn thông điệp được công bố kịp thời để "khuyến khích" việc có nhiều quyết định "can đảm" hơn tại Paris.

Làm chủ nhà cho cuộc họp thượng đỉnh trên sẽ là Tổng Thống Pháp François Hollande, người vừa ra một tuyên bố nói rằng ông hy vọng "tiếng nói đặc thù" của Đức GH Phanxicô sẽ "được nghe khắp các lục địa, không kể các tín hữu".

Ông Hollande, vốn được dưỡng dục như một người Công Giáo nhưng nay đã tự cho mình là một người vô thần, nói rằng ông hoan nghinh lời kêu gọi của Đức Phanxicô đối với công luận hoàn cầu.

Đối với Tổng Thống Pháp, thông điệp Laudato Si đã đặt sinh thái "vào một viễn ảnh của nhân bản thuyết".

Hội nghị thượng đỉnh Paris, kéo dài từ ngày 30 tháng Mười Một tới ngày 11 tháng Mười Hai, được Liên Hiệp Quốc bảo trợ và nhiều nhà lãnh đạo của LHQ cũng hoan nghinh thông điệp này.

Tổng thư ký LHQ Ban Ki-moon nói rằng luận điểm của Đức Giáo Hoàng cho thấy rõ việc các chính phủ phải đạt cho được các thỏa hiệp đầy tham vọng khi họ họp nhau tại Pháp. Trong một tuyên bố, ông viết: "Thông điệp đầu tiên của ngài nhấn mạnh rằng thay đổi khí hậu là một trong những thách đố lớn lao nhất đối với nhân loại, và đây là một vấn đề tinh thần đòi ta phải kính cẩn đối thoại với mọi thành phần trong xã hội".

Trong thông điệp Laudato Si, Đức Phanxicô nặng nề phê phán các hội nghị thượng đỉnh từ trước đến nay của LHQ về thay đổi khí hậu. Ngài viết: "Hội Nghị của LHQ về Việc Phát Triển Lâu Dài, 'Rio + 20' (Rio de Janeiro 2012) đã công bố một văn kiện có tầm xa nhưng không có hiệu quả… Các cuộc thương thuyết quốc tế không thể đem lại một tiến bộ có ý nghĩa nào vì lập trường các nước chỉ biết đặt quyền lợi quốc gia của mình lên trên ích chung của cả thế giới".

Giữ chúc vụ từ năm 2007, Ông Ban cũng đứng đầu hội nghị này.

Một số tổ chức, xưa nay vốn làm việc để bảo vệ thiên nhiên, như Liên Minh Sự Sống Hoang Dã Thế Giới (WWF) và Hòa Bình Xanh (Greenpeace) cũng lên tiếng ca ngợi Đức Giáo Hoàng và văn kiện của ngài.

Chủ tịch WWF, Yolanda Kakabadse, cho rằng tiếng nói của Đức Giáo Hoàng là "một phương thức luân lý rất cần thiết cho cuộc tranh luận về khí hậu. Việc thay đổi khí hậu không còn chỉ là một vấn đề khoa học nữa; càng ngày, nó càng là một vấn đề luân lý và đạo đức".

Giuseppe Onufrio, giám đốc điều hành của Hòa Bình Xanh tại Ý, nói rằng "thông điệp này là một tin vui" vì "nó khuếch đại đến hàng triệu lỗ tai mới mẻ lời kêu gọi đạo đức mà tất cả chúng ta đang dóng lên về khí hậu".

Onufrio nói rằng "điều này phải gia tăng áp lực đối với các nhà lãnh đạo của ta để họ chịu hành động theo mệnh lệnh của liên minh khí hậu lớn lao nhất xưa nay, hàng tỷ công dân khắp thế giới".

Các nhà lãnh đạo tôn giáo

Trong những ngày Laudato Si sắp được công bố, Đức Phanxicô lên tiếng kêu gọi sự đoàn kết tôn giáo nhằm chống lại việc thay đổi khí hậu. Sau khi được công bố, thông điệp nhận được nhiều sự ủng hộ của các vị đại diện Ấn Giáo, Anh Giáo, Chính Thống và Do Thái Giáo.

Đức Thượng Phụ Đại Kết Bartholomew I của Constantinople và Đức TGM Canterbury, Justin Welby, của Anh Giáo, hôm thứ Sáu, đã cho công bố một nhận định chung trên tờ New York Times hôm thứ Sáu qua, tựa là "Thay đổi khí hậu và trách nhiệm luân lý".

Rajan Zed, chủ tịch Hội Ấn Giáo Hoàn Vũ, đã ra tuyên bố nói rằng ông hy vọng thông điệp sẽ giúp lên khuôn cho chính sách công. Ông Zed cũng yêu cầu Đức Giáo Hoàng tổ chức một hội nghị thượng đỉnh hoàn cầu về môi sinh bao gồm mọi tôn giáo.

Trước khi được công bố, thông điệp đã gợi hứng để giáo sĩ Do Thái Giáo người Mỹ là Arthur Waskow viết "Lá Thư Giáo Sĩ về Cuộc Khủng Hoảng Khí Hậu" gửi "Mọi Người Do Thái, mọi cộng đồng tinh thần và toàn thể thế giới".

Các chuyên viên

Austen Ivereigh, tác giả cuốn tiểu sử của Đức Phanxicô, tựa là "Nhà Cải Cách Vĩ Đại", tin rằng Laudato Si có tiềm năng tái lên khuôn chính trị và Giáo Hội. Ông bảo: "đây là giáo huấn xã hội Công Giáo có ý nghĩa nhất kể từ lúc thông điệp Rerum Novarum khởi sự giáo huấn này năm 1891".

Ông nói thêm rằng thông điệp của Đức Phanxicô tạo ra con đường chân chính thứ ba giữa chủ nghĩa tư bản duy cá nhân và chủ nghĩa ảo tưởng phản nhân bản của phong trào xanh. Ông viết: "Đức Phanxicô không những làm ổn việc ta vừa là Công Giáo vừa là xanh, ngài còn biến nó thành bắt buộc nữa".

Kishore Jayabalan, trước đây là một viên chức của Vatican về các vấn đề xã hội và nay đang điều khiển Viện Acton tại Ý, cho rằng ông rất vui vì Đức Giáo Hoàng lên tiếng kêu gọi thảo luận về các phương thức khác nhau nhằm phát triển lâu dài. Ông viết: "Điều rất quan trọng là Đức Phanxicô hiểu rằng hữu thể nhân bản là giải pháp, chứ không phải là vấn đề, trái với điều quá nhiều người cổ vũ cho việc kiểm soát dân số vốn chủ trương nhân danh trái đất".

Joyce E. Coffee, giám đốc quản trị Global Adaptation Index của ĐH Notre Dame, ca ngợi Đức Phanxicô vì đã làm nổi bật hiệu quả bất cân xứng của việc thay đổi khí hậu đối với Nam Bán Cầu. Bà viết: "Ngài mời gọi chúng ta nhìn vấn đề này từ vọng nhìn của người nghèo trên thế giới. Khi qúy vị hành động đối với việc thay đổi khí hậu, qúy vị đang hành động để giúp đỡ nhân loại. Hành động về khí hậu là hành động giúp người nghèo có được đời sống và kế sinh nhai tốt hơn".

Christiana Z. Peppard, giáo sư phụ giảng về thần học, khoa học và đạo đức học tại ĐH Fordham, hoan nghinh việc Đức Phanxicô nhấn mạnh tới việc bảo vệ dân bản địa, cho rằng đây là điểm "đáng kể và đáng lưu ý". Bà cho biết "phần bất khoan nhượng nhất trong thông điệp của Đức Phanxicô là lời kết án của ngài đối với niềm tin sai lạc vào tiến bộ, tiến bộ kỹ thuật và kinh tế, bất cần các giá trị sinh thái và nhân bản để hướng dẫn các mô hình này".

Giám đốc điều hành và chủ tịch của Catholic Relief Services và là nguyên khoa trưởng Cao Đẳng Kinh Doanh Mendoza của ĐH Notre Dame, Carolyn Woo, thách thức những ai có khuynh hướng không chịu lắng nghe Đức Giáo Hoàng. Bà bảo họ hãy tỉnh ngủ: "Tôi muốn yêu cầu những ai đang ở thế phòng ngự và những ai không tin việc thay đổi khí hậu đang tác động lên thế giới hãy từ bỏ lập trường hiện nay của họ và chịu khó đi tới những nơi đang đau khổ".

Bà Woo là một trong các thuyết trình viên tại buổi công bố Laudato Si tại Vatican. Bà thấy Laudato Si "đầy cả thi ca và tâm linh lẫn thực tiễn".

4. Thông điệp Laudato Si, cách đọc Công Giáo
(Vũ Van An 21/06/2015)

Thông điệp Laudato Si có lẽ là thông điệp được đọc nhiều nhất xưa nay. Đúng như nhận định của nữ ký giả Inés San Martín: không ai thờ ơ với nó được, vì ai cũng muốn một là hoan nghinh nó hai là đả kích nó, dù là phiến diện.

Kỹ nghệ dầu hỏa chẳng hạn chỉ đọc những gì viết xa gần về nó. Chính vì thế, Đức Cha Marcelo Sánchez Sorondo, chủ tịch Hàn Lâm Viện Khoa Học của Tòa Thánh nhún vai trước lời chỉ trích của họ. Ngài nói rằng ngay những người Công Giáo xưa nay vốn hoài nghi về chuyện thay đổi khí hậu cũng nại quyền của họ để không tin thông điệp. Nhưng nghĩ gì và nói gì thì nói, Laudato Si đã trở thành một phần trong giáo huấn chính thức của Giáo Hội. Ngài bảo: "Ta không thể chỉ chọn chấp nhận các văn kiện mình thích".

Người Công Giáo có phải theo Laudato Si không?

Nữ ký giả Rachel Zoll của Associated Press đặt câu hỏi như trên. Câu trả lời, theo cô, có lẽ còn tùy họ theo khuynh hướng nào. Người bảo thủ trong Giáo Hội vốn bác bỏ giả thuyết khí hậu thay đổi; người cấp tiến trong Giáo Hội vốn bác bỏ quan điểm của Đức Phanxicô về kinh tế.

Nhưng theo Richard Gaillardetz, một thần học gia tại Cao Đẳng Boston, thì người Công Giáo buộc phải theo các tín điều và giáo huấn xã hội căn bản của Giáo Hội trong thông điệp trên, kể cả các giáo huấn liên quan tới sáng thế và chăm sóc người nghèo. Lời kêu gọi hành động của Đức Giáo Hoàng dựa trên các giáo huấn này cũng mang theo nó "thẩm quyền tín lý có chất lượng". Người Công Giáo có thể bất đồng với một đề xuất chuyên biệt nào đó về chính sách nếu họ tin rằng một đề xuất khác sẽ thể hiện giáo huấn của Giáo Hội cách hữu hiệu hơn, nhưng "họ không thể bác bỏ mệnh lệnh luân lý" phải hành động về việc thay đổi khí hậu.

Thiết tưởng Gaillardetz không nói gì khác hơn Đức Cha Sorondo.

Đọc như người Công Giáo

Tiến sĩ Jeff Mirus cho rằng phần lớn các độc giả Tây Phương ngày nay, nhất là ở Hoa Kỳ, có khuynh hướng đọc các thông điệp giáo hoàng qua lăng kính biện chứng tả hữu, cấp tiến bảo thủ, điều họ vốn thừa hưởng từ nền văn hóa đương thịnh. Nền văn hóa này không coi Kitô Giáo là mảnh đất mầu mỡ của các ý niệm vượt quá các phạm trù tả hữu, các quan niệm bắt nguồn trước hết và trên hết từ Chúa Kitô.

Một vấn đề nữa trong việc tiếp nhận là ta không thoải mái bao nhiêu đối với bản chất của giáo huấn xã hội của Giáo Hội. Đây là một thao tác trong việc áp dụng các nguyên tắc của Thiên Chúa, như đã được mạc khải nơi Chúa Kitô và nơi luật tự nhiên, vào những hoàn cảnh không ngừng thay đổi mà ta gặp "trên thế gian này".

Vậy thì thực ra, Laudato Si nói về điều gì? Theo tiến sĩ Mirus, hầu hết các nhận định của các chính trị gia và nhà tranh đấu tập chú vào vấn đề hâm nóng hoàn cầu do con người gây ra, một thực tại được Đức Giáo Hoàng thừa nhận. Thành thử ai cũng tiên đoán được rằng phe cấp tiến sẽ ủng hộ ngài và phe bảo thủ sẽ phản đối ngài.

Điều chắc chắn là các chính trị gia và nhà tranh đấu nói trên không đọc trọn thông điệp Laudato Si. Nhân viên của họ chỉ lướt qua bản văn và ghi nhận những điểm thực tiễn nào được đầu óc phe phái của họ "ưa chuộng". Căn cứ vào đó mà có lời nhận định với các phương tiện truyền thông. Ông Obama, vì thế, đã lên tiếng ca ngợi lòng can đảm của Đức Phanxicô khi thừa nhận việc khí hậu thay đổi.

Không hẳn nói về thay đổi khí hậu

Theo Tiến Sĩ Mirus, xét trong căn bản, Laudato Si không chủ yếu nói về việc thay đổi khí hậu. Thực vậy, Đức Phanxicô chỉ dành cho nó khoảng mấy đoạn là cùng trong toàn bộ 246 đoạn của thông điệp. Trong các đoạn này ngài tóm tắt và coi là đương nhiên ý kiến khoa học đương thịnh cho rằng phần lớn việc hâm nóng địa cầu trong mấy thập niên qua là do sinh hoạt của con người gây ra, nhất là nhiên liệu hóa thạch (fossil fuels); ngài chấp nhận lý thuyết cho rằng việc hâm nóng này tạo ra một loạt nan đề phần lớn không tiên đoán được và có hại cho khí hậu; ngài dùng việc này để thúc đẩy người ta khẩn thiết hơn trong việc lưu ý tới sứ điệp ngài nhắn gửi qua thông điệp này.

Tất cả các điều trên không có gì đáng ngạc nhiên hay đặc biệt có ý nghĩa cả. Dù một số trong chúng ta coi việc con người gây ra cảnh hâm nóng địa cầu chỉ là một giả thuyết đang được tranh cãi đi chăng nữa, thì việc chấp nhận ý nghĩa của nó cũng chỉ là một cách đáp ứng thông thường đối với một điều đang được các chuyên viên thượng thặng trong lãnh vực vủa họ quả quyết cả nhiều năm nay. Đức Giáo Hoàng có thể tìm hiểu một số giả thuyết khác, nhưng ngài đâu phải là một khoa học gia, nên ngài đâu cần phải làm thế? Mà nói cho cùng, giáo huấn tâm linh và luân lý của thông điệp không đổ vỡ hay đứng vững chỉ vì phán kết khoa học đương thịnh này sai hay đúng. Phán kết này chỉ đem thêm sắc thái khẩn thiết cho sứ điệp hợp thời của Đức Giáo Hoàng mà thôi.

Thực vậy, ngài khai triển rộng dài hơn nhiều về các loại chứng cớ khác cho thấy mối tương quan giữa con người với thiên nhiên hay môi trường đang lên cơn đau đớn. Ngài xem sét việc các nguồn tài nguyên không thể đổi mới đang cạn kiệt dần; việc triệt hạ rừng; việc gây ô nhiễm cho nhiều vùng đất và nước mênh mông; khuynh hướng "đánh và chạy" (hit and run) của các công ty quốc tế, đẩy dân chúng sở tại vào một môi trường không thể nào duy trì được; làm ngưng trệ các thành tố chủ yếu trong thế cân bằng của môi sinh; diệt trừ hoàn toàn hàng loạt nhiều chủng loại lớn; phá hoại tập thể nhiều yếu tố trong thiên nhiên mà không lường các hậu quả lâu dài; thiếu nước sạch một cách hết sức trầm trọng tại một số cộng đồng; cảnh bất công khủng khiếp trên khắp địa cầu; càng kỹ nghệ hóa, càng giảm thiểu

vẻ đẹp, sự hài hòa và hòa bình; lầm lạc tin rằng "tiến bộ" lúc nào cũng gây phúc; vững tin rằng tất cả các vấn đề này đều có thể giải quyết bằng hết giải pháp kỹ trị (technocrat) này tới giải pháp kỹ trị khác, mà không chịu hiểu các hậu quả, và nhất là không kèm theo việc thay đổi thái độ.

Một cách căn để, Đức Phanxicô cho rằng con người nam nữ ngày nay càng ngày càng tha hóa đối với môi trường, đối với chính thân xác họ, một thân xác bị họ khai thác cùng một cách như họ khai thác thiên nhiên, với những hậu quả khủng khiếp. Bất kể sự thực của lý thuyết con người gây hâm nóng địa cầu có ra sao, các vấn đề sinh thái vĩ mô do tham vọng bá chủ kỹ trị của con người hiện đại tạo ra cũng đều vừa rõ rệt vừa hết sức đe dọa. Không ai chối cãi được, dù chúng thường bị người ta nhân danh tư lợi che dấu đi một cách đầy lựa lọc.

Nhưng Đức Phanxicô thì nhìn các vấn đề ấy như việc con người càng ngày càng ra xa lạ đối với môi sinh. Ngài cho rằng các vấn đề ấy không những quan trọng mà còn đang vang lên trong tâm tư con người thời nay. Bởi thế mà ngài lên tiếng.

Biến thiên nhiên thành dụng cụ

Laudato Si cho hay: ta đã và đang biến thiên nhiên thành dụng cụ, coi yếu tính của nó như một tùy thể (accident) đòi được kỹ trị khuất phục và tư lợi của ta thao túng. Việc dụng cụ hóa này có tính nền tảng ở điểm nó lên khuôn mọi điều ta làm, trong đó, có khuynh hướng gần như phổ quát càng ngày càng thô lỗ thao túng thiên nhiên ngõ hầu trốn chạy chính nỗi chán chường thất vọng của ta. Việc dụng cụ hóa này chuốc độc mọi sự, không những chỉ là môi sinh mà cả việc ta hiểu về mình nữa. Nó tác động lên chính việc ta sử dụng thân xác, nắm bắt ý nghĩa và mục đích của tính dục ta, các tương quan giới tính, và thái độ của ta với con cái, hôn nhân và đời sống gia đình.

Việc dụng cụ hóa thiên nhiên này khiến ta không những lạm dụng và vứt bỏ người nghèo và người bị bỏ rơi vì lòng ích kỷ của mình. Tệ hơn nữa, nó còn khiến ta lạm dụng và vứt bỏ chính chúng ta nữa.

Tin Mừng Tạo Thế

Sau khi phác thảo vấn đề sinh thái ở Chương Một, Đức Phanxicô trình bầy mục đích căn bản của ngài ở Chương Hai: "Tin Mừng Tạo Thế". Ngài cho rằng dù vấn đề được mọi người quan tâm, nhưng Kitô Giáo có một điều đặc biệt để đề xuất trong cái hiểu của mình khi cho rằng thiên nhiên là một quà tặng tuyệt vời của Đấng Hóa Công hữu vị, và Đấng Hóa Công đã đặt con người trên quà tặng này để gìn giữ và phát triển nó cho các mục đích do chính Người truyền đạt. Đức Phanxicô nhấn mạnh rằng chỉ khi nào nhìn mình trong tương quan với Thiên Chúa, ta mới bắt đầu hiểu được quà phúc thiên nhiên này, ý nghĩa của nó, lòng biết ơn nó gợi ra, các các giới hạn và cùng đích nó đặt ra đối với việc quản lý của ta.

Trong chương 3 và 4, Đức Phanxicô đề cập tới "Gốc Rễ Nhân Bản Của Cuộc Khủng Hoảng Sinh Thái" và giải thích về "Sinh Thái Toàn Bộ". Như thế, các chương 2, 3 và 4 là trọng tâm của thông điệp. Ngài đưa ra các nguyên tắc căn bản trong cái hiểu của Công Giáo về Thiên Chúa, về thiên nhiên và về chúng ta; ngài mô tả mọi sự nối kết với nhau ra sao và giải thích điều này có nghĩa gì đối với các thái độ, mục tiêu và hành động của ta. Các chương này, vì thế, là một suy niệm Kitô Giáo sâu sắc và đầy gợi hứng về ý nghĩa của việc làm người trong một vũ trụ được quản trị bằng điều các vị tiền nhiệm của ngài gọi là "luật tặng phẩm" (law of gift).

Đức Phanxicô kết thúc với chương nói về "Đường hướng tiếp cận và hành động" (chương 5) và chương nữa nói về "Giáo dục và linh đạo sinh thái" (chương 6). Chương sau cùng này kết thúc với

đoạn tuyệtt vời nói về sự hiện diện có tính bí tích của Thiên Chúa nơi tạo dựng của Người, nhất là trong Thánh Thể.

Trong suốt thông điệp của ngài, Đức Phanxicô chỉ có hai yêu cầu. Một là đối thoại nhân bản hữu hiệu, lý tưởng là tích nhập các nguyên tắc ngài đã đưa ra, nhằm dần dần biến đổi cách ta tương tác với thiên nhiên, với nhau và với chính mình. Liên quan tới việc xuống cấp của môi sinh, dĩ nhiên ngài hy vọng cuộc đối thoại này sẽ đem lại một hành động có phối hợp và hữu hiệu. Đối với Đức Phanxicô, đối thoại hữu hiệu, trước nhất và trên hết, phải kết hợp mọi phía liên hệ. Các giải pháp có thực chất không thể phát sinh từ những áp đặt một phía nhằm mang lợi lại cho kẻ giầu có và người quyền thế.

Thứ hai, để kích thích việc phục hồi các thói quen thích đáng trong việc hành động qua lại với thiên nhiên, ngài yêu cầu mỗi gia đình có thói quen đọc kinh tạ ơn trước và sau mỗi bữa ăn.

Tóm lại, Đức Phanxicô muốn dùng thông điệp này để kích thích người ta suy nghĩ sâu xa và đổi mới trái tim họ, trái tim Kitô hữu, một trái tim "biết tiếp cận sự sống với một chú tâm thanh thản, một trái tim có khả năng hiện diện trọn vẹn với một ai đó mà không hề nghĩ điều gì sẽ xẩy ra sau đó, một trái tim biết chấp nhận mỗi phút giây như một ơn phúc Chúa ban để sống cho trọn vẹn…

"Một biểu thức nói lên thái độ này là khi ta dừng lại và tạ ơn Thiên Chúa trước và sau các bữa ăn. Tôi yêu cầu mọi tín hữu trờ về với thói quen tốt đẹp và đầy ý nghĩa này. Giây phút tạ ơn, dù vắn vỏi bao nhiêu, nhắc ta nhớ tới việc ta tùy thuộc Thiên Chúa mới có sự sống; nó tăng cường cảm thức biết ơn của ta đối với quà phúc tạo thế; nó nhìn nhận tất cả những ai, qua lao công của họ, đã cung cấp cho ta những thiện ích này; và nó tái khẳng định tình liên đới của ta với tất cả những ai đang hết sức thiếu thốn" (các số 226-227).

Laudato Si, xét trong căn bản, không phải là một chủ đề để tranh luận. Điểm chính của nó là một lời tạ ơn đơn sơ mà sâu sắc.

5. Thông điệp Laudato Si dưới cái nhìn Kitô Giáo
(Vũ Van An 22/06/2015)

Dù Laudato Si không được viết riêng cho người Công Giáo, nhưng muốn hiểu nó đến ngọn nguồn, người ta buộc phải đọc nó dưới cái nhìn Công Giáo, hay ít nhất Kitô Giáo. Đó là điều linh mục James Martin của tạp chí America và các biên tập viên của Viện Acton đã làm. Linh mục Martin kể ra 10 điểm hàng đầu của Thông Điệp Laudato Si trong khi các biên tập viên của Viện Acton, một "think tank" đại kết của Hoa Kỳ, kể ra 11 điểm mà báo chí thế tục ít khi lưu ý tới và do đó, khó tới mắt người đọc.

Mười món "mang đi"

Linh mục James Martin gọi 10 điểm ngài tóm lược là 10 món "mang đi" (takeaways). Món đầu tiên: viễn ảnh tâm linh nay đã trở thành một phần của cuộc tranh luận về môi sinh. Từ trước đến nay, môi sinh chỉ chủ yếu được bàn thảo bằng ngôn ngữ chính trị, khoa học và kinh tế. Nay, ngôn ngữ đức tin đã bước vào cuộc tranh luận, một cách rõ ràng, cương quyết và có hệ thống. Điều này không có nghĩa: Đức Phanxicô muốn áp đặt các niềm tin của ngài lên những ai quan tâm tới môi sinh (xem số 62). Tuy nhiên, thông điệp đặt cơ sở vững chắc trên viễn ảnh tâm linh và mời gọi mọi người lắng nghe một quan điểm tôn giáo, nhất là cái hiểu của quan điểm này về tạo dựng như là quà phúc qúy giá của Thiên Chúa, cần được mọi người nam nữ tôn kính.

Thứ hai, người nghèo và các nước đang phát triển bị ảnh hưởng xấu một cách bất cân xứng bởi việc thay đổi khí hậu. Vấn đề này hầu như được tìm thấy rải rác khắp thông điệp. Gần ở phần đầu, Đức Phanxicô quả quyết rằng tập chú vào người nghèo là một trong các chủ đề của thông điệp và ngài cung cấp nhiều điển hình cho thấy hiệu quả tai hại của việc thay đổi khí hậu mà tệ hại hơn cả là đối với những người sống tại các nước đang phát triển. Lý do, các quyết định của kẻ quyền thế không đếm xỉa gì tới người nghèo là những người không có tài nguyên tài chánh giúp họ thích ứng với việc thay đổi khí hậu. Mặt khác, tài nguyên của các nước nghèo được dùng để "cung cấp nhiên liệu" cho việc phát triển của các nước giầu mà gây hại cho "chính hiện tại và tương lai" của mình (xem số 52).

Đức Phanxicô không ngừng nại tới Tin Mừng, tới giáo huấn xã hội của Giáo Hội và tới các tuyên bố của các vị giáo hoàng gần đây để phê phán việc loại bỏ bất cứ ai ra khỏi các phúc lợi do thiện ích tạo dựng đem lại (xem số 158).

Thứ ba, kém là hơn. Các điểm sau đây bị ngài phê phán mạnh mẽ: a) não trạng kỹ trị (technocratic) coi kỹ thuật là chìa khóa chính của nhân sinh (số 110); b) việc vô ý thức dựa vào các sức mạnh của thị trường, chỉ biết lao theo các tiến bộ kỹ thuật, khoa học hay kỹ nghệ mà không chịu đắn đo suy nghĩ xem nó tác động ra sao đối với môi sinh, nhất là đối với những con người nhân bản (số 109); c) chủ nghĩa tiêu thụ cực đoan trong đó, con người không làm sao cưỡng lại được bất cứ thứ gì thị trường đặt trước mặt họ, khiến trái đất bị bóc lột và hàng tỷ người trở thành nghèo khổ (số 203). Thành thử, đối với Đức Phanxicô, nay đã tới lúc, một số nơi phải chấp nhận một phát triển chậm đi, ngõ hầu giúp các nơi khác phát triển lành mạnh hơn (số 193). Ngược với não trạng duy tiêu thụ, linh đạo Kitô Giáo khuyến khích một sự phát triển với đặc điểm "điều độ và khả năng biết vui lòng với việc có ít" (số 222). Đây quả là cách tái định nghĩa ý niệm tiến bộ.

Thứ tư, giáo huấn xã hội Công Giáo nay bao gồm giáo huấn về môi sinh. Trái với suy nghĩ của một số người cho rằng thông điệp về môi sinh không có thế giá thực chất, Đức Phanxicô quả quyết: Laudato Si nay là một phần của giáo huấn xã hội Công Giáo (số 15). Nên nhớ: thế giá của một thông điệp giáo hoàng chỉ thua Tin Mừng và các sắc lệnh công đồng mà thôi. Laudato Si cũng có thế giá như Rerum Novarum của Đức Lêô XIII hay Pacem in Terris của Đức Gioan XXIII.

Thứ năm, các cuộc thảo luận về sinh thái có thể đặt cơ sở trên Thánh Kinh và Thánh Truyền. Tuy không bắt đầu thông điệp bằng một suy niệm Thánh Kinh và Thánh Truyền, có thể gây phản ứng tiêu cực nơi người vô tín ngưỡng, nhưng ngay ở chương hai, Đức Phanxicô đã dẫn ta tới "Tin Mừng Tạo Thế", trong đó, từng bước, ngài cho thấy lời kêu gọi chăm sóc tạo dựng đã khởi đầu ngay từ Sách Sáng Thế qua đó con người được kêu gọi "cày cấy và gìn giữ" trái đất. Nhưng theo ngài, ta quá cày cấy mà coi nhẹ gìn giữ. Ngài còn đi xa hơn bằng cách dạy rằng Thiên Chúa, nơi Chúa Giêsu Kitô, không những trở nên con người, mà còn trở thành một phần của thế giới tự nhiên. Ngài nhắc tới việc Chúa Giêsu ca ngợi tạo thế, các thánh, nhất là thánh Phanxicô Assisi, hết lời tán dương.

Thứ sáu, mọi sự đều liên hệ với nhau, kể cả kinh tế. Đóng góp lớn nhất của Laudato Si là nó đưa ra một cách tiếp cận có tính hệ thống cho vấn đề môi sinh. Trước nhất, nó nối kết ta với tạo thế: "ta là thành phần của thiên nhiên, bao hàm trong nó, và do đó, không ngừng tương tác với nó" (số 139). Nhưng các quyết định của ta, nhất là trong lãnh vực sản xuất và tiêu thụ, có những hậu qua không thể tránh đối với môi sinh. Đức Phanxicô liên kết "quan niệm ảo thuật về thị trường" với việc lạm dụng môi sinh, một quan niệm ưu đãi lợi nhuận hơn tác động đối với người nghèo (số 190). Ngài nhắc lại quan điểm của Thánh Phanxicô Assisi cho rằng có một sự nối kết chặt chẽ giữa việc quan tâm tới thiên nhiên, công lý

cho người nghèo, dấn thân cho xã hội và hòa bình nội tâm" (số 10). Ngài bảo: "Lợi nhuận không thể là tiêu chuẩn độc nhất" của các quyết định của ta (số 187).

Thứ bẩy, khảo cứu khoa học về môi sinh đáng được ca ngợi và sử dụng. Trong văn kiện này, Đức Phanxicô không ráng chứng minh bất cứ điều gì về việc thay đổi khí hậu. Ngài thành thực thú nhận rằng Giáo Hội không "có cao vọng giải quyết các vấn nạn khoa học" (số 188). Và dù minh nhiên tuyên bố rằng hiện đang có nhiều tranh luận về khoa khí hậu học, thông điệp của ngài vẫn chấp nhận "cuộc nghiên cứu khoa học tốt đẹp nhất hiện có ngày nay" và xây dựng trên nó, hơn là đi vào cuộc tranh luận của nhà chuyên môn (số 15). Giống mọi thông điệp vĩ đại khác, Laudato Si dựa vào cả giáo huấn của Giáo Hội lẫn các khám phá của các lãnh vực khác, nhất là khoa học, trong trường hợp này, để giúp người thời đại dễ dàng suy nghĩ về các vấn đề này.

Thứ tám, sự dửng dưng và vị kỷ phổ quát đang làm cho các vấn đề môi sinh trầm trọng thêm. Đức Phanxicô dành các phê phán mạnh mẽ nhất cho các người giầu, chuyên làm ngơ vấn nạn do thay đổi khí hậu tạo ra, nhất là hậu quả của nó đối với người nghèo. Họ tìm cách che giấu các triệu chứng… (số 26); các quyết định của họ không hề đếm xỉa tới người nghèo, không bao giờ tiếp xúc với anh chị em mình (các số 90, 49).

Thứ chín, cần có cuộc đối thoại và tình liên đới hoàn cầu. Không phải chỉ bên trong Giáo Hội Công Giáo (các số 14, 16). Thượng phụ đại kết Bartholomew của Chính Thống Giáo cũng góp phần vào thông điệp và cả một thi sĩ của phái Sufi Hồi Giáo nữa. Ngài kêu gọi mọi người bước vào cuộc đối thoại về "tổ ấm chung" (các số 62, 155).

Thứ mười, đòi hỏi thay đổi cõi lòng. Để nhìn sự vật cách mới mẻ, một cuộc "cách mạng văn hóa mạnh dạn" (các số 3, 114). Dù cho rằng trái đất đang càng ngày càng trở nên "đống rác rưởi mênh mông", tài liệu vẫn đầy hy vọng, nhắc ta nhớ rằng vì Thiên Chúa ở với chúng ta, nên ta vẫn có thể thay đổi đường đi. Ta có thể đánh thức tâm trí ta để chúng hướng về một "cuộc hồi tâm sinh thái" trong đó, ta tìm ra mối liên kết thân thiết giữa Thiên Chúa và mọi hữu thể, và sẵn sàng hơn để lắng nghe "tiếng kêu của trái đất và tiếng kêu của người nghèo" (số 49).

Mười một điều ít được truyền thông lưu ý

Viện Acton thì trích dẫn chính thông điệp để chỉ ra 11 điều ít được truyền thông nhắc đến vì phần lớn họ chỉ chú ý tới vấn đề thay đổi khí hậu và hâm nóng địa cầu.

Trước nhất là các đoạn 75 và 77 cho thấy tạo thế có một Đấng Tạo Hóa, và không hề chỉ là một thiên nhiên cộng với biến hóa. Một linh đạo quên mất Thiên Chúa, Đấng toàn năng và tạo dựng, là điều không thể chấp nhận được. Vì chính vì thế mà kết cục ta đi thờ phượng các quyền lực trần thế, tiếm đoạt chỗ đứng của Thiên Chúa, đến độ tự cho mình quyền hành vô hạn trong việc dầy đạp tạo dựng.

Tạo thế do một quyết định tự do của Thiên Chúa, không phải do hỗn mang hay may rủi, một quyết định của yêu thương. Sách Khôn Ngoan (11:24): "vì Ngài yêu thương mọi vật hiện hữu, và không ghét bỏ bất cứ vật nào do Ngài tạo dựng; vì Ngài sẽ không dựng nên vật nào nếu Ngài ghét nó". Thánh Basilêô Cả mô tả Đấng Tạo Hóa là "lòng tốt khôn lường" còn Dante nói tới "tình yêu chuyển mặt trời và tinh tú". Nhờ thế, ta có thể từ các vật được tạo thành vươn tới "sự cao cả của Thiên Chúa và lòng từ nhân đầy yêu thương của Người".

Thứ hai, họ trích dẫn đoạn 15 để nhận định rằng sinh thái nhân bản có nghĩa là thừa nhận và đánh giá cao sự khác biệt giữa nam tính và nữ tính vì đó là quà tặng tự nhiên của Thiên Chúa, mà ta "phải kính trọng chứ không tùy tiện thao túng" như lời dạy của Đức Bênêđíctô XVI.

Thứ ba, với đoạn 98, theo viện Acton, Laudato Si cho rằng Chúa Giêsu thánh hóa lao công con người: Người làm việc bằng đôi tay trong tư cách "thợ mộc, con trai bà Maria" (Mc 6:3).

Thứ bốn, đoạn 47 cho thấy: hãy rời bỏ điện thoại để gặp gỡ nhau. Vì các phương tiện truyền thông và thế giới kỹ thuật số đang trở thành toàn diện (omnipresent), ngăn cản con người không học cách sống khôn ngoan, suy nghĩ sâu sắc và yêu thương đại lượng.

Thứ năm, các đoạn 120, 136 và 91 dạy ta phải cứu trẻ thơ: bảo vệ thiên nhiên không thể biện minh cho việc phá thai, dùng phôi thai người để nghiên cứu, nạn buôn bán người...

Thứ sáu, đoạn 128 khuyến khích ta giúp người nghèo đòi hỏi nhiều hơn phát chẩn. Giúp họ về tài chánh chỉ là 1 giải pháp tạm, giải pháp lâu dài là giúp họ có việc làm. Việc làm đem lại ý nghĩa cho cuộc sống, mở đường cho tiến bộ, phát triển nhân bản và thành toàn bản thân. Phải giúp họ 1 đời sống xứng đáng qua việc làm.

Thứ bẩy, đoạn 50 cho thấy thặng dư dân số không phải là vấn đề. Vấn đề là chủ nghĩa duy tiêu thụ cực đoan và có tính lựa lọc của một số người. Tăng dân số hoàn toàn tương hợp với một chính sách phát triển toàn bộ và biết chia sẻ.

Thứ tám, các đoạn 118 và 65 dạy: sinh thái chân thực đòi một nền nhân học đích thực và lòng tôn trọng nhân phẩm. Không thể trông mong con người nhân bản chịu trách nhiệm về môi sinh nếu đồng thời các khả năng độc đáo của họ như trí hiểu, ý chí, tự do và trách nhiệm không được thừa nhận và đánh giá cao.

Thiên Chúa ban cho mỗi con người một phẩm giá độc đáo: họ có khả năng tự nhận thức, tự chiếm hữu mình, tự do cho mình đi và bước vào hiệp thông với người khác. Người nào cũng được ước muốn, được yêu thương, và cần thiết cả.

Thứ chín, các đoạn 123, 211 cho thấy: thay đổi thực sự phải là thay đổi văn hóa, chứ không phải thay đổi chính trị. Vì khi văn hóa sa đoạ và chân lý khách quan và các nguyên tắc có giá trị phổ quát không còn được tuân giữ, thì luật lệ chỉ là những áp đặt tùy tiện hay các trở ngại cần phải tránh.

Thứ mười, các đoạn 60 và 188 cho thấy Giáo Hội không có cao vọng giải quyết các vấn đề khoa học và ta cần một cuộc tranh luận trung thực và cởi mở. Hiện đang có hai phương thức cực đoan: "huyền thoại tiến bộ" cho rằng chỉ cần áp dụng kỹ thuật mới là giải quyết tức khắc mọi vấn đề sinh thái, chẳng cần gì tới đạo đức hay thay đổi sâu xa; phía kia coi con người đơn thuần là một đe dọa phá nát hệ sinh thái hoàn cầu, nên cần giảm thiểu sự hiện diện của họ. Cả hai không giải quyết được gì, cần mọi người bước vào đối thoại nhằm đưa ra các giải pháp toàn bộ. Giáo Hội khích lệ cuộc đối thoại trung thực và cởi mở để các quyền lợi đặc thù hay các ý thức hệ không phá hoại ích chung.

Thứ mười một, Viện Acton trích dẫn đoạn 229 là đoạn dạy phải chấm dứt các chủ nghĩa khuyển nho (cynicism), duy tục và vô luân: ta cần nhau, ta có trách nhiệm chung đối với nhau và đối với thế giới và sống tốt lành và tao nhã là điều đáng làm, hiện có quá nhiều nhạo báng đối với đạo đức, sự thiện, niềm tin và lòng trung thực. Khi những nền tảng này không còn, thì việc chăm sóc môi sinh cũng chấm dứt.

Trước sau, giải pháp chính yếu của Laudato Si vẫn không hẳn là giải pháp kỹ thuật. Kiên nhẫn đọc cho tới phần kết, ta thấy nó nở ra cả một chân trời cánh chung tươi đẹp. Số 244 cho rằng: "mọi điều tốt lành đang hiện hữu nơi đây sẽ được đem vào bàn tiệc nước trời. Hợp nhất với mọi loài thụ tạo, ta hành trình xuyên qua mảnh đất này để đi tìm Thiên Chúa, vì 'nếu thế giới có một khởi đầu và nếu nó được dựng nên, ta phải tìm hiểu xem ai đã ban cái khởi đầu này cho nó, và ai là Đấng tạo ra nó?'. Ta hãy hoan ca trên đường hành trình. Ước chi các tranh đấu và quan tâm của ta cho hành tinh này không bao giờ lấy mất niềm vui trong lòng hy vọng của ta".

Vì dù có thế nào, Thiên Chúa "cũng không bỏ rơi ta, không bao giờ Người để ta một mình, vì Người đã dứt khoát kết hợp chính Người với trái đất của ta, và tình yêu của Người không ngừng thúc đẩy ta tìm ra đường để tiến tới. Ngợi ca Người!" (số 245)

6. Thông Điệp Laudato Si, đọc các ghi chú, thấy rõ hơn đường hướng của Đức Phanxicô
(Ngày 24/06/2015)

Ít nhất cũng có hai tác giả có cách đọc Laudato Si đặc biệt: họ chăm chú theo dõi các ghi chú bên dưới (footnotes) của thông điệp.

Thừa nhận các bình diện khác nhau của huấn quyền

Thực vậy, Kevin Ahern của tạp chí America, một giáo sư tôn giáo học tại Cao Đẳng Manhattan, nhận định rằng ngoài việc sử dụng ngôn từ phái tính bao hàm lần đầu tiên trong các thông điệp xã hội Công Giáo chính thức, một trong các khía cạnh đáng chú ý hơn cả của Laudato Si là các ghi chú bên dưới của nó. Và đó là những điều đầu tiên tác giả này nhìn vào. Đức Phanxicô quả đã đi ra ngoài truyền thống của các thông điệp xã hội Công Giáo qua việc trích dẫn nhiều nguồn không Công Giáo trong đó có các tài liệu của Liên Hiệp Quốc, các hội đồng giám mục và ngạc nhiên nhất là một nhà huyền học của phái Sufi, Hồi Giáo!

Theo tác giả này, không giống các trích dẫn trong các tiểu luận của sinh viên ông, thường là để cho thấy nguồn gốc các ý niệm hay tư tưởng họ trích dẫn, các ghi chú trong giáo huấn của các vị giáo hoàng có chức năng báo động cho người đọc thấy bản văn đang tiếp nối một truyền thống. Các ghi chú ấy, vì thế, ít quan tâm tới việc quy kết cho bằng muốn truyền đạt điều này: giáo huấn này cùng đường hướng với một truyền thống lâu đời liên quan tới vấn đề, dù nó có hơi bất đồng với nguồn.

Thí dụ, thông điệp xã hội năm 2009 của Đức Bênêđíctô XVI, tựa là Đức Ái trong Chân Lý, có 159 ghi chú. Phần lớn các ghi chú này tham chiếu các giáo huấn xã hội chính thức của các vị giáo hoàng khác; một số nhắc tới chính các giáo huấn của ngài; một số tham chiếu trước tác của các vị thánh lớn hay các cơ quan chính thức của Tòa Thánh. Không một ghi chú nào nhắc tới các nguồn không Công Giáo hay không phải là tín lý cả. Phần lớn, đây cũng là trường hợp của các thông điệp xã hội của Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II.

Truyền thống trên phản ảnh một nền thần học chuyên biệt về ngôi vị giáo hoàng. Nền thần học này hiểu vị giáo hoàng như thầy dạy đệ nhất đẳng của tín lý Công Giáo với sự phân chia các vai trò thầy

dạy và học trò rất rõ rệt. Trong cái hiểu này, vị giáo hoàng không bao giờ cần phải học từ các nguồn ở dưới ngài. Các nguồn này bao gồm cả các tuyên bố của các hội đồng giám mục quốc gia. Gần 50 năm nay, đã có cuộc tranh luận lâu dài về tư cách huấn quyền của các lời tuyên bố do một nhóm giám mục ở bình diện quốc gia, lục địa hay thế giới đưa ra.

Dưới triều giáo hoàng của các Đức Gioan Phaolô II và Bênêđíctô XVI, các tuyên bố xã hội của các hội đồng giám mục quốc gia và các thượng hội đồng bị coi là thiếu thế giá của thẩm quyền giáo huấn (huấn quyền). Quan điểm này thường thấy trong các chỉ trích đối với các chính sách xã hội của Hội Đồng Giám Mục Hoa Kỳ, đặc biệt là giáo huấn của các ngài về công bằng kinh tế, hòa bình và kỳ thị chủng tộc.

Trong "Niềm Vui Tin Mừng", Đức GH Phanxicô có đề cập tới điểm này khi ngài kêu gọi việc khai triển "tư thế pháp lý cho các hội đồng giám mục" để chúng có "thẩm quyền tín lý chân chính" ngõ hầu phục vụ sứ mệnh của Giáo Hội tốt đẹp hơn (số 32).

Dù không được mọi người hoan nghinh, nhưng Laudato Si đã khẳng định thế giá của các cơ cấu miền này với 20 trích dẫn các lời tuyên bố của 18 hội đồng giám mục quốc gia và miền. Trong đó, có lời tuyên bố năm 2001 của HĐGM Hoa Kỳ về "Thay Đổi Khí Hậu Hoàn Cầu: Lời Tha Thiết Yêu Cầu Đối Thoại, Khôn Ngoan và Ích Chung". Việc chọn các lời tuyên bố của các miền khác nhau trên thế giới xem ra muốn nhấn mạnh tới các quan tâm của các vị giám mục đối với vấn đề đang bàn. Thực vậy, một cách xây dựng, nó cho thấy việc cổ vũ một sinh thái toàn diện không phải chỉ là quan tâm của một mình Đức GH Phanxicô. Và dù một cách tinh tế, đây cũng là cách nói lên viễn kiến có tính quy nạp và tản quyền nhiều hơn về Giáo Hội, trong đó, các tuyên bố của các hội đồng giám mục cũng có giá trị trong việc tạo nên nền giáo huấn xã hội Công Giáo hoàn vũ.

Ngoài các tuyên bố của các hội đồng giám mục ra, Đức GH Phanxicô còn trích dẫn nhiều nhà tư tưởng Công Giáo: Romano Guardini (8 lần), một linh mục thần học gia nhiều ảnh hưởng (1885-1968); Teilhard de Chardin, nhà tư tưởng Dòng Tên gây nhiều tranh cãi (ghi chú số 53), và Thụng Phụ Bartholomew. Ngài còn nhắc tới một cuốn sách do Đại Học Fordham ấn hành ở ghi chú số 15.

Nhưng tham chiếu gây ngạc nhiên hơn cả là về nhà huyền học Sufi của Hồi Giáo, Ali al-Khawas, ở ghi chú 159, rất hay như sau:

Văn sĩ linh đạo 'Ali al-Khawas căn cứ vào cảm nghiệm của riêng ông đã nhấn mạnh tới nhu cầu đừng đặt một khoảng cách quá xa giữa các vật thụ tạo của thế giới và cảm nghiệm nội tâm về Thiên Chúa. Như chính ông viết: "Thiên kiến đừng nên khiến ta chỉ trích những ai đi tìm xuất thần trong âm nhạc hoặc thi ca. Trong mỗi chuyển động và âm thanh của thế giới này đều có một huyền nhiệm tinh tế. Người đã được khai tâm sẽ nắm bắt được những gì đang được nói ra khi gió thổi, khi cây lay động, khi nước chảy, khi ruồi vo ve, khi cửa cót két, khi chim hót hay trong âm thanh của đàn dây hay sáo thổi, tiếng thở dài của người bệnh, tiếng than vãn của người sầu muộn".

Việc này còn gây ngạc nhiên hơn khi tới phần tựa là "Các Dấu Chỉ Bí Tích và Việc Cử Hành Nghỉ Ngơi" (số 232). Xét theo quan điểm thần học, việc bao gồm các bản văn minh nhiên có tính tôn giáo từ bên ngoài truyền thống Công Giáo nêu ra nhiều câu hỏi lý thú về việc khai triển học lý. Đối với lời tuyên bố chính thức về học lý xã hội, lấy từ nguồn huyền học Hồi Giáo có ý nghĩa gì? Điều này nói gì về vai trò của Chúa Thánh Thần bên ngoài Giáo Hội?

Tuy nhiên, trong số 172 ghi chú của Laudato Si, không phải ghi chú nào cũng phát xuất từ những nguồn gây ngạc nhiên như thế. Các trước tác của Đức Gioan Phaolô II được tham chiếu 37 lần; Đức Bênêđíctô XVI được trích dẫn 30 lần. Dù một số người tìm cách đặt giáo huấn xã hội của Đức Phanxicô về môi sinh và kinh tế cách xa giáo huấn cùng loại của các vị tiền nhiệm của ngài, các trích dẫn này chắc chắn phải nhắc người đọc nhớ rằng ngài vẫn xây dựng giáo huấn của ngài trên một truyền thống rất vững vàng.

Người con của thế giới đang phát triển

Ký giả John L. Allen Jr. của tạp chí Crux cũng cho rằng các ghi chú của thông điệp Laudato Si nói với ta nhiều điều quan trọng về vị giáo hoàng đương kim và cách ngài quan niệm công việc ngài làm.

Cũng như Ahern, Allen nói rằng phần lớn các thông điệp của các vị giáo hoàng chỉ trích dẫn các vị giáo hoàng khác và các văn kiện chính thức như Thánh Kinh hoặc Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo.

Lần này có khác, đến hơn 10% các ghi chú (21 trên 172 ghi chú) là các trích dẫn từ các hội đồng giám mục thế giới. Theo Allen, ngài trích dẫn các giám mục từ 15 quốc gia, trong đó, có Nam Phi, Phi Luật Tân, Bolivia, Đức, Cộng Hòa Dominican, Ba Tây, Nhật Bản, Úc và Tân Tây Lan, không kể Hoa Kỳ và Á Căn Đình.

Ngài trích dẫn hai hội đồng giám mục miền, đó là CELAM tức Liên Hội Đồng Giám Mục Châu Mỹ Latinh, và FABC, tức Liên Hội Đồng Giám Mục Á Châu, hai miền được coi là chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực của thay đổi khí hậu.

Theo Allen, hiện tượng trên nói lên ba cái nhìn thông suốt sau đây về Đức Phanxicô;

1. Ngài là một chính trị gia tinh khôn

Đức Phanxicô biết rõ Laudato Si sẽ gây nên một chia rẽ về chính trị, nhất là vì lời kêu gọi của ngài muốn đặt giới hạn nghiêm ngặt cho việc tiêu thụ nhiên liệu hóa thạch (fossil fuels) và việc thải các chất hơi nhà kiếng (greenhouse gases), ấy là chưa kể việc ngài nhấn mạnh tới sự kiện: không thể chỉnh sửa môi trường nếu không có các cải tổ nghiêm chỉnh đối với "các mẫu mực sản xuất và tiêu thụ".

Chính vì thế, khi trích dẫn các bộ phận giáo huấn rộng khắp thế giới Công Giáo ở các bình diện thấp hơn, ngài muốn cho thế giới thấy "không phải chỉ một mình tôi lên tiếng!".

Nói cách khác, ngài muốn nhắn nhe với mọi người rằng đây không phải chỉ là một vận động cá nhân mà đúng hơn là quan tâm rộng khắp của cả thế giới Công Giáo, một thế giới gồm tới hơn 1.2 tỷ con người rải rác khắp nơi trên hành tinh, một thế giới ít ai có thể làm ngơ.

2. Ngài là người con trung thành của thế giới đang phát triển

Thực vậy, ngài coi một phần vai trò của ngài là làm cho tiếng nói từ nam xích đạo được lắng nghe tại bàn thảo luận hoàn cầu.

Dù có trích dẫn một số văn kiện của các giám mục tại các quốc gia giầu có, trong đó, có các tuyên bố của Hội Đồng Giám Mục Hoa Kỳ về thay đổi khí hậu, phần lớn Đức Phanxicô trích dẫn các giám mục từ nam bán cầu.

Trong thông điệp, ngài than phiền rằng "nhiều nhà chuyên nghiệp, nhiều người tạo ý kiến, nhiều phương tiện truyền thông và nhiều trung tâm quyền lực, vì được đặt tại các khu vực thị tứ giầu có, nên quá xa cách đối với người nghèo, rất ít giao tiếp trực diện với các vấn đề của người nghèo".

Nên khi trích dẫn các mục tử của người nghèo thế giới, dường như Đức Phanxicô muốn cho thấy người ta không thể áp dụng cùng một lời chỉ trích như thế đối với ngài. Đức Cha Marcelo Sánchez Sorondo, người Á Căn Đình, chủ tịch Giáo Hoàng Hàn Lâm Viện về Khoa Học, nói rằng "tôi tin đây là thông điệp giáo hoàng đầu tiên trích dẫn các hội đồng giám mục… Đức Phanxicô có tình liên đới vĩ đại với các giám mục của các nước khác, nhất là các nước nghèo nhất".

3. Ngài là một giáo hoàng cải cách

Và ngài cố gắng tái hiệu chuẩn (recalibrate) việc phân phối quyền hành trong Giáo Hội. Trong nhiều năm qua, người ta tranh luận sôi nổi về thẩm quyền thực chất của các hội đồng giám mục. Có hai khuynh hướng rõ rệt: một khuynh hướng chủ trương tập quyền tại Vatican, coi nhẹ tầm quan trọng của các hội đồng giám mục; một khuynh hướng ủng hộ việc tản quyền, coi các hội đồng giám mục như bức tường ngăn Rôma khỏi đốt cháy.

Năm 1998, vị giáo hoàng tương lai Bênêđíctô XVI công bố một văn kiện với sự chúc lành của Đức Gioan Phaolô II, định rằng các hội đồng giám mục không có tư thế giảng dạy một cách có thẩm quyền, lý do: "chân lý không xuất hiện nhờ đa số phiếu".

Lúc còn ở Á Căn Đình, theo Allen, Đức HY Jorge Mario Bergoglio hồi ấy là một trong số các vị giám mục cảm thấy sự việc đi hơi quá xa theo hướng tập quyền, và kinh nghiệm cũng như tầm nhìn của các mục tử địa phương cần có vang dội nhiều hơn tại Rôma.

Với thông điệp Laudato Si, thực sự Đức Phanxicô đã đi tiên phong trong việc mở ra một mô thức mới để khai triển giáo huấn xã hội Công Giáo chính thức, một mô thức trong đó trung tâm Giáo Hội coi trọng các khu ngoại vi.

Đúng, sứ điệp chính của Đức Phanxicô nằm trong bản văn, nhưng các ghi chú bên dưới bản văn đó cũng là một phần của câu truyện.